

VÕ KỲ ĐIỀN

**Pulau Bidong**  
*miền đất lạ*



truyện dài

## VÕ KỲ ĐIỀN

# PULAU BIDONG, MIỀN ĐẤT LẠ

### Chương 1 : LỜI TỰA

Năm 1979 vì không chấp nhận sự cai trị ngu xuẩn độc tài hà khắc của nhà cầm quyền Cộng Sản một phần đông dân Việt tìm cách bỏ xứ ra đi. Hồi đó cuộc xung đột Hoa Việt ngày càng gay gắt, nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức đưa người vượt biên bán chánh thức, dành riêng cho người Hoa mục đích vừa cướp được của cải tài sản khổng lồ, vừa loại trừ được một thế lực tài phiệt phản động nguy hiểm cho chế độ.

Nhân cơ hội này, tôi mua giấy tờ giả để trốn theo, đến Mã Lai trú ngụ hết đảo này đến đảo kia tổng cộng là bốn tháng rưỡi, sau đó được định cư ở Montréal Canada sống những ngày xa xứ.

Đến năm sau tôi đọc trên báo thấy các ký giả Tây Phương phỏng vấn các giới chức Việt Nam về vấn đề thuyền nhân và được trả lời trắng trợn như sau -họ là những người có liên hệ với đế quốc Mỹ hoặc lười biếng không chịu lao động hoặc trộm cắp, đi điếm, họ tự nạn kinh tế chứ không tự nạn chính trị...

Nghe qua tôi giựt mình thử kiểm điểm lại cá nhon tôi và bạn bè vượt biên ở vào trường hợp nào? Trộm cắp? Đi điếm? Liên hệ đế quốc Mỹ, Pháp? Tự nạn kinh tế? Câu trả lời hàm hồ nguy hiểm quá, bây giờ thì không cần đính chánh vì mỗi người chúng ta, ai ai cũng đều biết rõ miệng lưỡi của người Cộng Sản. Nhưng vài chục năm sau thời gian ngày càng phai pha, người ta dễ dàng quên đi, nếu không có người ghi chép những điều mắt thấy tai nghe thì e rằng sự thật sẽ bị xuyên tạc.

Xét riêng về hoàn cảnh của tôi, bỏ hết sự nghiệp, cha già mẹ yếu, liều chết ra đi, không lẽ để mong kiếm chút canh thừa com cặn của Tây của Mỹ hay sao? Tôi cũng có thằng con trai năm 1980 vừa được hai tuổi. Tôi nhìn con lắc đầu, nếu mình không ghi lại chuyến vượt biên khổ sở vất vả này, thằng con lớn lên sẽ không biết gì hết, biết đâu lại trách ngược lại cha mẹ hồi xưa chắc là cường hào ác bá, tham nhũng hối lộ, ôm chum thực dân đế quốc, thềm bơ thềm sữa mới phản bội quê hương. Có nhiều sinh viên du học nghĩ như vậy và họ dễ dàng bị Cộng Sản thuyết phục dụ dỗ.

Vì lẽ đó mà tôi phải rón viết, vừa để kỷ niệm chuyến đi của một đời, vừa để dành riêng cho con lớn lên đọc, để hiểu tại sao cả nhà phải liều chết ra đi, ăn đậu ở nhờ xứ người. Vì từ nhỏ tới giờ tôi chưa từng viết văn, nên chỉ có ý ghi lại trung thực chuyến đi mà không may mắn thêm thắt vẽ vời. Tôi hì hục viết một mạch không ngừng nghỉ tập hồi ký riêng tư của gia đình. Viết xong vào tháng 4 năm 1981, đặt cho nó cái tên Miền Đất Lạ do ý bài thơ của Đặng Trinh (trong số Tân Niên 1979 của báo Văn Nghệ Tiền Phong):

*Ta đã tới dung thân miền đất lạ.*

...  
Kết luận là câu ‘*Thương một đời hai chữ Việt Nam thôi*’ Lúc còn ở Mã Lai gặp được tờ báo này, ai nấy giành nhau đọc ngấu ngiến, tờ báo rách nát sần sùi. Tôi đọc bài thơ lên cho đám bạn bè xung quanh nghe, tất cả đều ngậm ngùi muốn khóc. Trong tập này các tên tuổi đều thiệt, sự việc chính xác. Tôi không dám cho đăng báo vì nhiều chi tiết liên quan đến một số người.

Nhưng điều quan trọng nhứt khiến tôi dẫn đo là chuyến đi khá yên lành, tới bờ tới bến yên vui, không lạc đường, không bão tố, không đói khát, không hải tặc. Tôi đâu thể nào đem cái may mắn riêng tư của gia đình để phô trương bên nổi bất hạnh của biết bao nhiêu thuyền nhân kém may mắn khác.

Vì những lẽ đó mà tập bản thảo bị bỏ quên, nằm ỳ trong hộc tủ trên mười năm nay. Một vài bạn thân biết được khuyên tôi không nên dè dặt quá đáng vì cuộc vượt biên sau năm 1975 là một biến cố lớn lao trong lịch sử đất nước. Nó có đủ mọi hình thức với hằng trăm, hằng ngàn dáng vẻ khác nhau. Có đau khổ, có tan nát chết chóc, có chiến đấu hào hùng mà cũng có bình yên, trọn vẹn. Đâu thể nào một chuyến đi lại bắt buộc phải giống hết trăm ngàn chuyến đi khác. Hơn nữa mỗi người chúng ta đều có bốn phận ghi chép lại, trong tầm mức của mình, thời buổi đã sống qua để dành cho người đến sau biết rõ một giai đoạn lầm than của dân tộc, để

khỏi phải mò mẫm tìm kiếm trong đống sử liệu rối mù.

Nghe lời bạn khuyên tôi tiếp tục lại công trình của mười năm qua, bớt đi nhiều chi tiết riêng tư, thêm nhiều suy tưởng mới. Chuyện vượt biển ngày nào tưởng đã lãng quên nhè đầu như hiện lên trước mắt, cái cảm giác bồi hồi xao xuyến như mới hôm qua.

Vì có quyền Đất Lạ của Tường Năng Tiến và Võ Hoàng, quyền Mưa Đất Lạ của Trần Diệu Hằng đã xuất bản mấy năm trước nên tôi e rằng độc giả dễ lầm lẫn nên thêm vào tựa của quyển Miền Đất Lạ này hai chữ Pulau Bidong.

Viết xong tại Laval-des-Rapides. Quebec. Canada, ngày 30-4-1991

**Võ Kỳ Điền**

**Chương 2 :**

## ***BÌNH DƯƠNG, MỘT NGÀY TÁI NGỘ***

Buổi sáng Chúa Nhật đầu năm dương lịch 1979, tôi ngồi tiếp chuyện với bà Hai ở phòng khách. Từ Búng lên Bình Dương, bà nôn nả báo cho hay một tin vui. Đó là cô Hà, con gái út của bà, vượt biên thành công qua bức điện tín đánh về từ một phương trời xa. Bà vui mừng nét mặt rạng rỡ. Cầm miếng giấy nhỏ màu xanh lợt trong bàn tay run run, bà nói thì thầm bên tai tôi như sợ người ngoài nghe được:

- Mày coi nè, cái con nhỏ thiệt không ý tứ. Chiều hôm qua nhận được dây thép xé ra đọc rồi tao muốn nghệt thờ xiú luôn. Ông nghe ồn ào chạy ra coi lại thì nói là nó tới Mã Lai bình an. Thiệt hú vía! Mày biết tại sao không? Nó hà tiện viết hai chữ "bình an" dính lại làm một. Tao ba chớp ba sáng đọc lộn là "bị nạn" ... Mấy tuần nay tao với ông trông đúng trông ngời. Có tin run quá, quáng mắt đọc không ra chữ.

Nói liền một hơi, rồi ngồi thờ một hồi, bà chắc lưỡi tiếc cho tôi:

- Phải chi hồi đó mày tính được, đi chung một chuyến với nó là xong rồi!

Tôi mừng cho cô Hà thành công tới nơi an toàn, trong bụng cũng thấy tiêng tiếc phải chi liều gan một chút đi đại thì bây giờ khỏe rồi. Cô Hà dạy chung một trường với vợ chồng tôi và cùng bị cho nghỉ việc một lượt vì cái tội lúc trước làm hiệu trưởng một trường quận. Cô hiệu trưởng còn trẻ măng chưa chồng. Có anh bạn đồng nghiệp thâm thương trộm nhớ mà không dám nói ra. Trước khi đi cô tâm sự từ già, trách cứ cái anh chàng Thạnh cù lằn - đàn ông con trai gì mà nhát như thỏ đế!

- Ờ, ờ, anh Thạnh e ngại bị cô từ chối, ở tỉnh nhỏ người ta nói ra nói vô khó lòng.

Xưa kia anh ở cùng làng,

Bởi anh chậm bước nên nằng đi xa.

Bây giờ nhớ tới vụ vượt biên thấy câu nói đó đúng quá với tôi. Cô Hà đã thoát được còn tôi tới chừng nào? Đàn bà con gái người ta chân yếu tay mềm còn dám liều mạng như vậy trong khi đó mình thân dài vai rộng mà cứ do dự lừng khừng thì bao giờ mới tính chuyện lớn được.

Dầu sao thì cô ấy một thân một mình cũng dễ tính. Còn tôi thì vợ con đùm đùm đề đề, thằng Tâm Bi mới có mười tám tháng, còn quá nhỏ để giải nắng dầm mưa, vượt qua bao sóng gió, rủi có bề gì thì sao? Nhiều đêm trần trọc nghĩ tới nghĩ lui, bàn với Duyên:

- Vợ chồng mình khó mà sống yên thân. Cái thế bắt buộc phải ra đi, nhưng hoàn cảnh bề bộn của mình, anh tính không ra.

Duyên khuyến khích tôi nhưng vẻ mặt buồn buồn:

- Hay là anh đi trước, mẹ con em ở lại tính sau!

Làm sao mà tôi chịu như vậy. Tôi và nàng mới cưới nhau, vừa có được thằng con trai nhỏ. Cuộc đời bây giờ đầy bất trắc, quê hương đất nước kể như tiêu tan, cái tình yêu gia đình chỉ còn lại có chút xíu đó, làm sao dám liều lĩnh phiêu lưu, thành ra cứ hẹn lần hẹn lứa, mãi cho tới hôm nay tôi vẫn còn ngồi thừ trên ghé. Bà Hai trước khi ra về còn dặn dò:

-- Mấy tính thì tính lẹ lẹ đi, người ta lấy ghe lấy tàu đi từ từ hết, đến lúc muốn đi thì không còn chiếc nào, khi đó làm sao xoay trở?

Tôi gật đầu nói nhỏ:

- Ngày nào xuống Búng thăm hai bác là ngày đó con từ già... Con cũng muốn quyết định dứt khoát nhưng như có cái gì níu kéo lại. Phải rời bỏ cái tỉnh Bình Dương này, buồn lắm bác Hai ơi!

\*

Tôi dẫn cái xe đạp ra ngoài, cái xe có gắn thêm cái yên nhỏ để thằng Bi ngồi đằng trước. Nó còn quá nhỏ nên phải ràng buộc cẩn thận. Trên đầu tôi đội cái nón kết đỏ bầm, thứ nón của lính nhảy dù, còn Bi thì đội nón vải trắng có hình mỏ neo kiểu lính thủy có quai để khỏi rớt.

Tôi muốn chở con đi một vòng thành phố để nhìn cho hết, cho kỹ cái nơi mà tôi đã sống gần nửa đời người. Nơi đó có buồn có vui, có những hình ảnh thân yêu, có những kỷ niệm thời thơ ấu. Như có một sợi dây vô hình ràng buộc, trái tim tôi như thắt lại khi phải quyết định xa quê.

Trưa đó trời nắng gắt, hai dãy phố chợ như bị bỏ vô lò mà hấp, hơi nóng bốc lên hùng hực từ các mái ngói, mái tole, mặt nhựa đen mốc, những lè đường xi măng khô cứng. Trước nhà bây giờ là gang sơn của mấy bà bán gạo lậu. Họ ngồi đông nghẹt chen lấn nhau, trước mặt là những thúng gạo trắng đầy vun, các đồng khoai đỏ, vàng đỏ ngồn ngang như đất đá vun. Rải rác đây đó giống gánh vương vãi. Giờ này khách mua đã thưa. Có vài cán bộ áo trắng, bộ đội áo Ka Ki màu cứt ngựa xanh đùng đục, mang dép râu. Có người dắt xe đạp treo tòn ten bó rau xanh dòn đi chen lấn các bà nội trợ áo bà đen, nón lá. Tự dưng nơi đây trở thành cái chợ trời ngang xương. Ban đầu có vài ba người đàn bà lạ mặt ngồi bán các thứ khoai đậu gạo nếp. Họ bày hàng trên cái lối đi trước nhà. Chợ thì ở tuốt đằng kia, sát cạnh bờ sông. Từ ngày mấy ông bỏ rừng về thành phố, toàn dân miền Nam thất nghiệp. Vợ con công chức, quân nhân chế độ cũ, chồng cha bị đày đi một nơi

khí ho cò gáy nào đó, ở nhà túng quẫn phải bưng chải tảo tần kiếm kế sinh nhai, hầu sống còn qua ngày. Họ trở thành bạn hàng buôn thúng bán bưng bắt đắc dĩ. Tìm chỗ ngồi không được ở đàng kia, thôi thì giành dân lấn đất ở đàng này. Đàng kia là chợ mà đàng này là cái hành lang lát gạch bông bằng phẳng của dãy phố nhà tôi.

Phía bên kia là công viên nắng cháy xác xơ, hồ nước cạn khô đáy đầy đất đá, bãi cỏ loang lổ úa vàng vì không người chăm sóc, chỉ còn trơ lại một cây khuynh diệp cần cỗi lưa thưa đứng lẻ loi ở góc sân. Tôi dẫn cái xe băng ngang qua đường đứng dưới bóng cây, nhìn trở lại bên nhà, nói cho Bi nghe mặc dầu biết nó không hiểu:

- Con nhớ nghe, cái nhà này là nhà của Nội. Cả đời ông nội làm việc cực nhọc vất vả mới tạo dựng được. Ba được nuôi nấng lớn lên ở đây, con cũng vậy. Hồi nhỏ ba ưa đi chơi bị ông nội lấy dây nhợ cột chân vô cái cửa sắt. Mỗi khi gần Tết, ba với chú Sáu, chú Bảy con phải lau chùi hết mấy cái cửa đó. Cực lắm mà vui. Mấy chậu sứ Thái Lan đầy bông đỏ để trên lầu mua ở vườn ương cây bên Thủ Đức, đem về chiết ra từng chậu nhỏ, phải chăm sóc liên tục trong mấy năm mới được xum xuê như con thấy...

Nghe tôi thì thâm, thằng nhỏ có biết gì đâu, u ơ mấy tiếng trong miệng nhỏ xíu. Tôi nhìn cái bảng hiệu tiệm của ba tôi. Những chữ bằng cây to đầy sơn trắng được cura đục khéo léo đặt trên nền nâu đậm vẫn còn sáng sủa nổi bật như cái ngày đầu tiên thợ hồ đến gắn vào tường.

Lúc đó tôi mới lớn ba tôi muốn có một cái bảng hiệu coi cho được. Cái bảng cũ trông thô sơ quê mùa. Tôi phải bỏ ra một thời gian đi trên các đường phố lớn Sài Gòn để ăn cắp kiểu vở. Rốt cuộc chọn kiểu này. Tôi đã đặt ông thợ mộc già người Bắc, diếc tai ở cầu Bình Lợi làm. Nói hoài ông không hiểu, ra dấu đến mỗi tay, cuối cùng phải dẫn ông đến cái tiệm có bảng hiệu đẹp đẽ kia, rồi xin phép chủ nhà đo lấy kiểu mẫu. Mỗi năm gần Tết, tôi phải bắt thang leo lên, lấy vải thấm nước lau cho sạch từng chữ cái. Hiệu tiệm và tên ba tôi rất dài phải lau cả buổi mới xong. Bây giờ, làm sao còn được cái công tác cực nhọc mà sung sướng đó nữa rồi!

Cha con tôi lần ra bờ sông theo đường Bạch Đằng nhỏ hẹp có cái cầu tàu mục nát cạnh chợ cá những hàng cây dương già gốc nổi u sần sùi thân ngã nghiêng. Gió từ sông thổi lên nhẹ, mang theo mùi tanh tanh của sông nước. Ánh nắng chói chang lấp lánh trên làn sóng bạc phản chiếu như hàng trăm ngàn chiếc gương nhỏ lẫn tẩn. Từng dề lục bình xanh xanh trôi rập rình không biết về đâu. Cuộc đời cha con tôi bây giờ sắp sửa trôi dạt như đám lục bình này.

Trưa nay đứng ngang dòng sông chảy ngang qua chợ, trời nóng hừng hực, cảnh vật lơ ì lơ ì vắng vẻ không thơ mộng chút nào, vậy mà tôi đậm nhớ cái câu ca dao thời còn thơ ấu, nghe má đưa em trên võng:

Ra đi là sự đánh liều  
Mưa mai nào biết nắng chiều nào hay.

Cái câu này hơi kỳ. Tôi nghĩ quẩn nghĩ quanh. Những hình ảnh vụn vặt, chắp nối. Không hiểu tại sao tôi cứ nghĩ đây là câu hát kể về tâm sự của một cô thôn nữ nào đó vì tiếng gọi của yêu đương mà dứt khoát ra đi lấy chồng. Theo chồng hay theo trai? Điều đó

đâu có gì quan trọng, cái quan trọng là họ yêu nhau. Đã yêu nhau rồi thì tương lai có ra sao cũng mặc kệ. Buổi sớm, buổi chiều, nắng cháy hay mưa dầm, làm sao biết trước? Giữa tình yêu nồng nhiệt cuồng quít và cuộc sống lạnh lẽo buồn tênh, phải chọn một. Cô đã chọn trong cái tâm trạng lo lắng, sợ sệt, bồng bềnh. Tôi cũng y như cô ta, nhưng cái tình của tôi có khác đôi chút.

Phải rồi, khác một chút xíu ở cái chỗ cô tự nguyện ra đi. Còn tôi thì ở cái thế bất buộc phải xa lia. Tôi cúi đầu nhìn xuống thẳng Bi rồi chỉ cho nó cái cầu tàu bằng cây cũ kỹ đã hư mục, một phần còn gác trên bờ hàng cột xiêu vẹo, một phần chìm sâu dưới nước.

- Con ơi, hồi nhỏ tám, chín tuổi ba bà bì bõm lặn hụp tập lội ở tại cầu tàu chỗ gần cây dương cụt đầu này sâu lắm, có lần hụp chân tưởng bị chết đuối. Năm mười hai, mười ba tuổi, ba đi chặt trúc làm cần, uốn cắm xe đạp làm lưỡi câu để đi câu lươn, không mang dép guốc nên da chân bị nứt nẻ, đất sinh bùn dơ dáy ăn lở loét, phải nhờ bà nội lấy bã trầu đắp cho mới hết...

Để trả lời, thằng nhỏ chép miệng ư ư... bàn tay mồm mĩm như củ khoai mì quơ quơ như muốn chụp lấy vật gì trước mặt.

Tôi nhìn lên phía bên kia đường. Ty Bưu Điện cũ kỹ già nua được xây cất từ thời Pháp thuộc, mái ngói đen mốc đầy rong rêu, tường vôi loang lổ chỗ vàng chỗ xám, cạnh tường dây leo mọc chằng chịt đứng trơ trọi bên bờ sông như một ông ký về già lẻ loi, buồn thảm, kéo lê cuộc đời quạnh hiu. Tôi còn nhớ rất rõ, lần đầu tiên được sai đi bỏ thư, ở nhà dọn dò kỹ lưỡng mua con cò mười lăm các để dán lên bao. Tôi đến nơi đây, rụt rè hỏi mua được tới mười lăm con. Mừng rơn, nghĩ rằng bữa nay nhà nước bán rẻ, sướng quá le lưỡi thiệt dài thấm nước miếng dán một con vô bao, cẩn thận đem bỏ vô thùng, xong rồi đem mười bốn con còn lại, về nhà khoe rùm beng. Cũng cái thùng thư ri sét này đã chứng kiến cảnh tôi bỏ từng bức thư màu hồng yêu đương âm áp, bức thư màu xanh hy vọng tương lai gửi đến một cô bạn gái đẹp để dễ thương nào đó mà chưa quen, tay run run, trống ngực đập thình thịch, mắt lấm lét ngó trước ngó sau, sợ lũ bạn quen bắt gặp. Cái thư đã bỏ vô thùng mà còn ngó hoài, cứ lo sợ mất.

Xa sông cách núi lở vời  
Gởi thơ sợ lạc gởi lời sợ quên.

Tôi đạp xe vòng qua bên kia chợ. Người buôn kẻ bán lưa thưa. Đứng là cảnh chợ chiều. Mũi tôi ngửi được cái mùi chợ cá quen thuộc. Mùi khô cá mặn, mùi mắm, mùi củ cái muối, mùi tro diêm, mùi đường thẻ, mùi thuốc bắc... và hàng trăm thứ mùi khác trộn lẫn nhau, quyện lấy nhau tạo cho không khí nơi đây một cái gì gần gũi thân yêu. Tôi đã hít thở mấy chục năm qua, từ thuở bé thơ cho đến khi khôn lớn. Cái hơi hương đó nó đã ăn tận vào buồng tim thớ phổi. Tôi tin chắc rằng nếu phải xa nơi đây, tạm ngụ ở một phương trời vô định nào đó, tôi vĩnh viễn không bao giờ tìm thấy được cái dư vị của những ngày thơ ấu.

Chiếc xe lăn bánh chậm chậm trên đường phố. Bên này là đường Nguyễn Thái Học, bên kia là Đoàn Trần Nghiệp. Cũng thời là nhà cửa phố xá ngày xưa nhưng có vẻ gì tiêu điều xa vắng. Mới bốn năm, mưa nắng đã làm cho gạch vôi ảm mốc xám đen, tang tóc

buồn thảm. Nhìn những bước chân người đi lại trên vỉa hè, tôi như thấy được nỗi chịu đựng đầy cay đắng trong cái dáng hấp tấp vội vàng hay ngập ngừng đắn đo. Ôi! Những người dân vô tội đáng thương của một đất nước "anh hùng." Trên đường Trưng Vương, tiệm vàng Tín Thành cao ba tầng bị tịch thu được đổi thành Phòng Y Tế Thị Xã. Đã gần xế chiều vậy mà bệnh nhân vẫn còn sắp hàng đứng ra tới ngoài sân. Nhiều em bé tro xương nằm lả người thêm thiếp trên tay mẹ. Nhiều cụ già khăn áo bạc màu hom hem còm cõi nhẵn nhụi sắp hàng chờ đợi tới phiên mình. Qua đường Hùng Vương trường Trung học Nguyễn Trãi thương yêu ngày xưa, tôi hàng ngày hai buổi đi về với bao hình ảnh thầy bạn thân thương, bao mộng mơ một thời mới lớn, bây giờ trở thành Phòng Giáo Dục. Hàng dừa xanh mát rù bóng trong sân đã được đốn đi thay vào đó là sân đánh bóng chuyền treo cái lưới rách giăng ngang, dành cho công nhân nhà nước chơi đùa. Rải rác có các cán bộ dép râu, nón cối gương mặt lầm lỳ. Tôi nghe đâu nhói trong tim. Có cái gì mất mát tổn thương quá lớn... như một thứ tình yêu rạn nứt.

Đất đổi hoa màu nhà đổi chủ  
Trâu quên mục tử, ngựa quên chuồng.  
(Nguyễn Bính)

Không, tuy cảnh đổi thay, người đổi thay nhưng lòng tôi không thay đổi. Dầu người ta có bắn phá, đập nát, đốt cháy hết cả cái tỉnh Bình Dương này nhưng trong tôi vẫn còn hoài, còn hũy hình ảnh cái chợ Phú Cường bằng bê tông cốt sắt đồ sộ với cái tháp đồng hồ cao, sừng sững, dòng sông Sài Gòn uốn khúc lặng lẽ trôi từ thành Săn Đá xuống mang theo trong dòng vẫn đục từng đê lục bình xanh xanh trở bông tím tím, dốc ông cò thoai thoai im mát hai hàng cây sao cao vút, dốc nhà thương có trường Nam Tĩnh lý Châu Thành, có nhà thờ bằng đá hoa cương, mỗi khi hè đến hàng phượng vĩ trở hoa đỏ rực, rền rền tiếng ve.

Trong đầu óc non nớt những ngày tháng ngây thơ đó thần tiên quá. Những hình ảnh như vậy ngàn đời trong tôi vẫn không phai nhạt chút nào. Nó đã thấm vào tim óc, vào từng tế bào từ lâu lắm. Chắc từ hồi còn ở trường tắm mưa, chạy lượm xoài, lượm ổi rụng trong những cơn mưa giông, giành giựt nhau la hét vang rân từ đầu làng cho tới cuối xóm.

Ôi, Bình Dương thân yêu của tôi, chỉ vài ngày nữa thôi, tôi bắt buộc phải đứt ruột mà chia lìa. Ở đó tôi còn biết bao nhiêu bạn bè mà gương mặt xanh xao màu rau nhiều hơn màu thịt cá. Ở đó tôi có biết bao kỷ niệm thời thơ ấu, bao gắn bó của một thời mộng mơ, bao tin tưởng của thời thành đạt. Làm sao tôi có thể ra đi mà không bịn rịn xót xa. Tôi cũng muốn đi một vòng thiệt xa để nhìn cho hết những con đường dốc khúc khuỷu quanh co bùn sinh trơn trượt của các hầm đất sét ở Lò Chén, các con đường làng kẻo kệt tiếng đọt tre đong đưa miệt Xuân Hiệp, những con đường đất đỏ ngoằn ngoèo im mát bóng cây ăn trái miệt Giếng Máy, Cầu Ông Đành, những liếp rau ngát xanh, những bờ nước đầy rong đuôi chồn trong vắt miệt Phú Văn rồi vòng lên các ngọn đồi cao miệt Bà Lụa để nhìn trở lại dòng sông Sài Gòn chảy uốn khúc lặng lẽ qua tỉnh lỵ. Tôi muốn gặp hết tất cả những người quen biết, tất cả bạn bè thân yêu để nói câu giã biệt. Nhưng làm sao, làm sao được! Tôi không thể nói gì hết. Gần trên bốn năm nay rồi tôi sống im lặng, vật vờ, thu mình như một cái bóng mờ, lặng thinh câm nín. Một chút động tĩnh cũng không dám. Người ta hoài



nghi, soi mói, rình mò. Tôi không thể nói bất cứ điều gì đâu chỉ là lời từ già. Nếu nói được thoải mái thì đâu cần phải ra đi làm gì! Đúng rồi, nếu nói được thì đâu cần phải đi!!!

Giờ này với ánh nắng thoi thóp của buổi chiều sắp tắt tôi nhìn trở lại Bình Dương của tôi một lần. Một lần cho thật rõ, thật kỹ những cảnh vật, màu sắc, âm thanh, mùi vị... Tôi muốn ôm hết, thu hết, ghi nhận hết trong tim, trong óc bởi vì tất cả sẽ vĩnh viễn mất đi khi tôi cất bước lên đường. Mai kia khi tôi đi rồi thì tương lai kể như mù mịt, quá khứ trở thành chiêm bao!

Bình Dương bây giờ, Bình Dương của ai?

\*

Chuyến xe đò quốc doanh Đồng Hiệp sơn đỏ, cuối cùng trong ngày đưa vợ chồng tôi rời khỏi tỉnh. Cái bến xe chật hẹp nằm cạnh trường Trung học Bồ Đề của tỉnh lỵ buồn hiu ảm đạm dưới ánh nắng thoi thóp của buổi chiều sắp tắt. Màu nắng vàng vọt, lẫn trong làn gió thoảng có cái hơi hướm của biệt ly. Lòng tôi chùn xuống, nhấp nhô theo từng căn nhà, từng miếng vườn, từng khúc quanh của con phố nhỏ. Tất cả đối với tôi quen thuộc quá. Ngang qua nhiều xóm làng hai bên đường, nhà nhà còn treo đầy cờ đỏ sao vàng của ngày lễ qua chưa kịp gỡ.

Cũng có thể vì chưa có lệnh nên không ai dám lấy xuống. Chiều nay đâu có giông bão mà sao lòng tôi đầy mây giăng, trời không mưa mà mắt tôi ươn ướt. Tôi cố nhào người ra khung cửa xe để nhìn cho rõ, cho kỹ, nghe vắng vắng đâu đây câu hát ngày xưa:

Ra đi là sự đánh liều  
Mưa mai nào biết nắng chiều nào hay.

Bây giờ là nắng buổi chiều, tôi sắp phải đương đầu với những cơn mưa giông buổi sáng. Liệu tôi có đủ nghị lực để chống chọi với gió táp mưa sa chăng? Lò dò tôi mở cái xách dưới chỗ ngồi, để tìm cái khăn nhỏ. Tôi thấy một hũ dầu cù là lớn, chai Nhị Thiên Đường, mấy gói thuốc cảm, thuốc đau bụng, cùng một vỉ thuốc ỏi mùa. Như một dòng suối tràn không chặn lại được, nước mắt tôi tự nhiên trào ra ràn rụa. Những giọt nước mắt chảy dài trên gò má, rơi xuống miệng mặn đắng. Cũng may tôi có mang cái kiếng đen, nên không ai thấy. Mấy món tôi vừa thấy được đó là của má tôi, hồi sáng này chính tay bà đã để vô. Chuyến đi quá hấp tấp nên tôi không kịp chuẩn bị gì hết. Lúc gần trưa hai đứa em, Tuyết và chồng nó từ Sài Gòn về. Hai đứa chun vô nhà bằng công sau nhanh như một luồng gió, hấp tấp báo cho hay là chuyến vượt biên sắp khởi hành, vợ chồng tôi và các em còn ở lại bình Dương, phải xuống Sài Gòn ngay trong chiều nay để sáng mai đi Bạc Liêu, chuyến xe sớm nhất trong ngày. Làm sao kịp, tuy đã biết là sẽ đi nhưng cứ tưởng là ít ra phải năm ba tuần nữa. Tự nhiên tay chân quỳnh quáng, tôi chạy ra nhà trước, đứng nhìn cái bàn viết, cái tủ rồi ra sau, vô phòng ngủ nhìn cái giường, cái tủ áo rồi chạy lên lầu, tần ngần đứng lặng nhìn cái tủ sách. Đọc theo tường, cạnh bàn thờ tổ tiên giữa nhà, là cái tủ sách bằng cẩm lai thiệt lớn. Đời tôi đó! Cái tủ sách hàng nâng niu ôm ấp giữ gìn bây giờ nó đã trông trơn. Sách vở bị tịch thu từ những năm trước. Từng đoàn người lạ mặt thô lỗ túa vô nhà, lục lọi, bươi móc tứ tung, cuối cùng họ bung ra xe từng chồng sách vở, tạp chí, tranh ảnh đủ loại. Họ đã rút đi từng cội lòng tôi. Trên mấy

ngăn đầy bụi, bây giờ chỉ còn lổm chổm năm ba bộ sách chữ nho xưa, vì không đọc được nên họ quăng bỏ lại. Đây đó phát phơ vài mảnh nhện mỏng, bụi bám giăng giăng. Đòi tôi không thể thiếu sách vở. Đi đâu thì đi làm gì thì cũng phải có một cuốn kê bên. Tại sao không lựa một quyển để đem theo làm kỷ niệm. Sách gì cũng được. Người ta vượt biên đem theo vàng bạc châu báu, tại sao tôi không đem theo sách? Quyết định xong, tôi lướt nhìn một lần chót những tựa sách thân yêu. Bộ Khang Hi tự điển dày mo để cạnh bộ Tứ Thư bìa đỏ hình cổ chiến xa ngựa kéo, bên trên có che cây lọng tròn, quyển Dịch Kinh bạch thoại tân giải, Thi Kinh bạch thoại chú giải bìa đen, giấy mỏng in thạch bản. Mấy quyển tiểu thuyết Đường Cung Nhị Thập Triều, Thanh Cung Thập Tam Triều, Tam Quốc Chí, Hồng Lâu Mộng, Lục Dã Tiên Dung, Liêu Trai Chí Dị, Đường Thi Tam Bách Thủ nằm đứng ngả nghiêng bên cạnh mấy cuốn Trung Quốc Văn Học Sở Giải Yếu, Cổ Văn Quan Chi, Cổ Văn Bình Chú, chữ đồng nhỏ như con kiến. Tôi rờ rẫm từng cuốn, rồi cầm lên bộ Từ Nguyên. Đó là một bộ tự điển được in ở Thượng Hải Thư Cục, tôi đã mua ở Chợ Lớn lúc mới bắt đầu học chữ nho với giá rất mắc, bìa đóng bằng vải dày, giấy trắng mịn mỏng tanh. Nhưng lại để xuống. Hai quyển thượng và hạ, mỗi quyển trên cả ngàn trang, nặng quá. Tuy rằng nó quý thiết, nhưng làm sao ôm xách đem theo. Nhìn những quyển sách này tôi như thấy được những ngày tháng ở Văn Khoa Nguyễn Trung Trực, ở Sư Phạm Cộng Hòa. Những ngày tháng sống đời sinh viên hạnh phúc biết bao nhiêu!

Ở đó tôi có được những bạn thân, những vị thầy quý mến. Thầy Lê Ngọc Trụ đơn giản trong nếp sống của người học giả lúc nào cũng thoải mái, cặp kiếng già thường xè xè trên sống mũi, cái mũi lớn đo đở như trái cà chua. Ngày nhập học tôi đã làm thầy với ông tùy phái, đến khi vào lớp mới biết mình đoán người qua cách ăn mặc là ngu ngốc hết sức. Từ đó tới sau, lúc nào tôi cũng nhớ hoài câu "ngọc trụ bình thiên" Thầy Nghiêm Toàn mập người lùn thấp dáng đi bệ vệ miệng hơi hô, tánh chững chạc nghiêm nghị mà ôn hòa. Tôi chưa bao giờ thấy thầy lộ vẻ nóng giận. Ngồi dưới bàn học nhìn lên, thầy giảng bài từ tốn thông dong. Thầy Nguyễn Đăng Thục ốm cao dong dỏng, lòng bàn tay đỏ như son, càng giảng càng hùng hồn lưu loát. Có điều môn Triết Đông Phương sao mà hơi khó hiểu rồi cuối cùng thành ra không hiểu! Tôi vốn suốt đời nghe tới môn này là sợ. Cụ Nghê Nguyễn Sĩ Giác thiết ốm, thiết nhỏ và thiết già. Có thể cụ đã trên chín mươi rồi không chừng, người cụ mỏng manh nhẹ hừng. Mắt cụ đã hầu như gần lòa mỗi lần đọc chữ phải dùng kiếng lúp. Cụ Cử Thảm Quỳnh tuy tuổi cũng đã cao nhưng còn tráng kiện, lúc nào quần áo cũng phẳng phiu. Suốt mấy năm học, tôi chưa bao giờ thấy cụ ngồi. Có anh bạn phụ đề Việt ngữ - cụ Quỳnh không ngồi vì sợ quần nhăn! Mỗi lần nói chuyện với cụ là phải dùng chữ "bẩm" chớ không nên dùng chữ "thưa" vì như vậy mới đúng là "con nhà gia giáo!" Hỏi ra mới biết có một thũ cụ ngồi Tổng Đốc Hà Đông. Cụ Vũ Huy Chiêu, đậu Tú Tài Kép nhưng tài hoa rất mực, tuy đôi mắt đã lèm nhèm nhưng mỗi lần cụ viết xong một bài thư chữ Hán trên bảng đen, tôi nhìn say mê ngây ngất. Những nét chấm, phết, sổ tung hoành bay bướm đẹp như những lá tre đan vào nhau.

Ôi, tuổi hoa niên thoáng nhanh như con gió. Mới đây ngày nào mà đã gần hai mươi năm. Tôi cầm lấy hết cuốn này tới cuốn kia, cuối cùng rồi chọn lấy bộ sách bói của gia đình. Đó là một bộ sách xưa lắm rồi, cũ kỹ tả tơi. Không biết từ đời nào, trong nhà đã có bộ sách này, khi lớn lên đã có nó trên bàn viết của ba tôi. Sách gồm sáu cuốn mỏng nhỏ, in bằng bảng cây khắc tay nét chữ rất thô, giấy bạch mỏng tanh xếp đôi lại làm một tờ,

màu giấy đã ố vàng ngà ngà, mỗi một ăn lũng nhiều chỗ thành những đường ngoằn ngoèo đen đui. Đó là quyển Tăng San Bốc Dịch của Dã Hạc Lão Nhơn. Tôi bèn cầm xuống nhà dưới, kiểm giấy ny lông bao lại thành nhiều lớp, dùng bàn ủi đốt cho dính khắc các mối ráp, nếu có bị nước biển thấm vào, nó cũng không mục được. Bộ sách đã lâu năm lắm rồi, không thể để cho nó hư rách thêm. Các quyển khác có tiền có thể mua lại được, ở Hồng Kông, Đài Loan thiếu gì. Quyển này thì không. Cái giá trị không phải nội dung của nó mà là kỷ niệm của gia đình. Đã bao lần ông tôi, bác tôi, ba tôi đã cầm lên, lật ra coi tới coi lui, ngâm nga từng câu phú câu thơ... rồi bây giờ tới tôi nữa. Nếu để lại, mấy trăm trang giấy bạch chỉ đủ cho mấy ông ghiền dùng quần thuốc hút trong vài tuần!

Lúc đó thì Duyên vừa ở trường về. Tôi bèn cho hay chuyển đi. Nàng nghe tin như từ cung trăng rớt xuống, cũng như tôi ban nãy, nàng không biết lấy gì bỏ gì. Cuối cùng thì hai vợ chồng gom góp chút đỉnh quần áo tiền bạc đồ vật dụng cần thiết hằng ngày. Nhiều nhất là thuốc men cho đứa con trai nhỏ, thằng Tâm Bi mới vừa tập đi lẫm lẫm. Món nào cũng tiếc muốn mang theo hết. Mà làm sao được, đi trốn chớ bộ đi du lịch sao. Khi hai cái giỏ xách của tôi và Duyên đã đầy sắp được đóng kín lại thì má tôi từ trong phòng đi ra tay cầm một mớ thuốc nhét vô thêm miệng dặn dò:

- Hai con rán giữ mấy món thuốc này. Đi đường xa bệnh hoạn lòi thòi có nó cũng đỡ, hông có ba má với tao theo, rui tui bây đau yếu không biết rồi làm sao xoay trở.

Má tôi như vậy đó, lúc nào bà cũng coi tôi như còn nhỏ xíu, thấy có bồn phận phải chăm sóc nuôi nấng, ngay cả khi tôi đã có vợ có con. Nói xong bà giăng lấy thằng Bi ôm chặt nó vào lòng. Tôi nhìn lên trần nhà, mấy ngọn đèn ồm trắng hình như không còn song song mà chúng chập choạng đâm xiên vào nhau. Ba tôi đứng cạnh bên hút thuốc liên miên, ông bất động như pho tượng, im lìm không nói năng. Có lẽ hình ảnh tôi bồng con đi vượt biên trưa nay giống y như hình ảnh gần bốn mươi năm về trước, từ bờ sông Dương Đông của hải đảo Phú Quốc xa xôi, ông đã ẵm tôi theo ghe bầu mà về đất liền để chạy giặc Nhật Bản. Tôi nghe đau nhói trong lòng. Căn nhà rộng rinh, từ lâu rồi nó đã trống trơn. Cũng may là còn có anh em tụi tôi quây quần ấm áp. Bây giờ xúm rú nhau đi, như đàn chim tứ tán, xao xác bay lia tở. Cái tổ rộng thênh thang chỉ còn có hai con chim già ngơ ngác bơ vơ. Rồi đây ai lo cơm nước, ai đỡ dằn việc nhà việc cửa, bệnh hoạn ai lo chăm sóc thuốc thang? Ba má tôi đó, hai ông bà già da dẻ nhăn nheo như vỏ cây sao, cây dầu, lưng còng gồi mồi, sống đã trên bảy mươi năm trong cái cuộc đời đau khổ đầy nước mắt này. Bây giờ một lần nữa chứng kiến đám con cháu dừt ruột ra đi để đến một phương trời xa xôi nào đó, mà tương lai chưa biết thế nào?

Tôi bắt chợt ôm lấy hai người mà khóc ngất như một đứa con nít lên ba. Những dòng nước mắt trào ra như suối, không kìm lại được. Ba tôi nói trong nỗi nghẹn ngào:

- Để tui bây đi tao dứt từng khúc ruột, nhưng biết làm sao bây giờ. Người ta không để cho gia đình mình sống yên.

Ôi, tình cha mẹ thương con để đâu cho hết. Bây giờ ngồi trên xe, tôi lục lọi trong cái xách để kiểm cái khăn, bất ngờ đụng phải mấy món thuốc mà má tôi đã nhét theo. Bỗng dưng tôi thấy choáng váng quay cuồng, đầu óc lộn xộn lung tung rồi beng như nui chỉ. Những hình ảnh chập choạng ráp nối. Thấp thoáng đâu đây, tôi thấy cái nhà căn gạch sứ trắng số 16 đường Nguyễn Thái Học thị xã Phú Cường có ba tôi đeo kiếng già, áo sơ mi

trắng ngời bán thuốc, má tôi áo bà ba trắng quần lãnh đen xách giỏ mây đi chợ. Lối xóm có chú tư Vũ Văn Lư ồm ồm cao cao ngồi trên chiếc ghế treo bằng da để đóng giày, cô hai Hiệp Thành mập phịch mở tiệm cầm đồ, cô hai Hiệu trắng trẻo dịu nhiều, bên tiệm thuốc tây, ông Mỹ Kiều có tật chân đứng ẹo mình một bên uốn tóc cho khách, bác hai Đức Hòa mập mạp bán sắt bán đinh. Trên dốc nhà thương, miệt Bung Cải có các bạn tôi, anh Hưng, anh Thạnh, anh Phúc, anh On, tất cả đang quây quây thân ái, kể chuyện buồn vui đời dạy học và những đứa học trò thân yêu nữa, chúng đang học tập nô đùa ở sân trường. Tôi thấy hết rất rõ những kỷ niệm của trên ba mươi năm sống êm vui ở cái vùng đất trái ngọt cây lành này. Tôi cũng nhìn thấy những chiếc xe thổ mộ già nua chất đầy giồng gánh lọc cọc, lọc cọc chạy trên những đường đất đỏ ngoằn ngoèo Tương Bình, Bến Thế, Mỹ Hảo, hai bên là ruộng rẫy xanh mát. Những người đàn bà lam lũ tảo tần xuôi ngược, những người dân quê nghèo khổ dang nắng dầm sương vun xới những luống rau xanh...

Cuộc đời tôi đó. Nó gắn chặt vào những hình ảnh thiệt đơn sơ, thiệt tầm thường nhưng đầy đủ quá, thân thương quá. Tôi còn ước muốn gì hơn? Vậy mà đến gần nửa cuộc đời, bắt buộc phải đành đoạn ra đi để đến hay không đến một góc biển chân trời xa lạ nào đó, không cha mẹ, không người thân, không bạn bè, rồi sẽ sống chung với những người không cùng màu da, không cùng tiếng nói... tôi không thể tưởng tượng rồi sẽ ra sao nữa.

Duyên chắc cũng mang tâm trạng rối bời, nằng cũng ử rữ không kém, từ khi cất bước ra khỏi nhà tới giờ không nghe nói năng. Xe đã qua khỏi quận lỵ Lái Thiêu, ngang qua lò đường Vĩnh Phú, những thửa ruộng mía ngút ngàn xanh ngắt, mùi nước chè ngào ngọt thoảng vào lòng xe, một tấm bảng to dựng bên đường để làm ranh giới Bình Dương với Gia Định.

Bốn chữ sơn xanh đậm nét "Hẹn ngày tái ngộ" đập mạnh vào mắt, khiến tôi bàng hoàng.

Duyên nghiêng tai qua nói thiệt nhỏ:

- Vĩnh biệt Bình Dương phải không anh?

Bình Dương bây giờ như một cổ nhon sắp rời xa trong mắt nhưng không phải trong lòng, làm sao có thể dễ dàng phai lạt được, dẫu ở chốn nghìn trùng vời vợi.

Chờ trông quê cũ nao nao

Mặc cho tim lụn dầu hao cũng chờ.

Tôi gượng gạo trả lời giọng yếu hẳn đi:

- Không phải đâu em, anh hy vọng chỉ là tạm biệt.

**Võ Kỳ Điền**

### Chương 3 :

## ***BẠC LIÊU, NHỮNG NGÀY CHỜ ĐỢI***

Tôi cầm tấm ny lông mỏng giữ nhẹ cho sạch bụi đất, xong rồi trải thẳng ra trên nền gạch phẳng phiu. Nó vừa được làm giường ngủ, vừa làm bàn ăn, vừa là chỗ viết thơ, chỗ ngồi chơi chuyện vãn với bạn bè... Giang sơn của vợ chồng tôi đó được tạm chiếm lúc cả đám người vượt biên bán chánh thức ủa vào căn nhà số 218B đường Hòa Bình ở thị xã Bạc Liêu. Cái thị xã nổi tiếng với câu ca dao:

*Bạc Liêu nước chảy lờ đờ  
Dưới sông cá chớt, trên bờ Triều Châu.*

Đó là một căn phố trệt thấp lè tè cũ kỹ, dây điện đứt giăng tứ tung. Không bàn, không ghế, không tủ giường, đứng từ trước ngõ thẳng ra sau là một gian phòng trống bóc, chỉ trơ ra hai bức tường vôi vàng nhạt bụi bặm. Chỉ có một đồng rác lù lù ở giữa phòng. Trời đã xế chiều, mặt trời đỏ bầm đã nghiêng hẳn về một bên, nắng vàng nhạt chỉ còn thoi thóp ở đọt cây sưa đũa bên kia đường. Phải thu xếp lẹ mới có chỗ ngả lưng tối nay. Ai nấy đều mệt như sau một ngày di chuyển từ Sài Gòn xuống, vậy mà cũng phải xắn tay vào dọn dẹp, lau chùi cho sạch sẽ. Cũng may vôi nước máy còn sử dụng được. Phía sau nhà tắm có một hồ nước, cũng đủ dùng cho cả đám người lười thôi lếch thếch, chợ không ra chợ mà quê chẳng giống quê, hằng ngày tắm rửa giặt giũ. Căn phòng được chia ra làm nhiều phần. Mỗi phần một gia đình, cứ tùy tiện chiêm cứ, lấy tấm ny lông hoặc vải màn làm chuẩn người nhiều hay ít, diện tích phần đất nhỏ hay to. Tấm ny lông in sọc vuông đỏ của tôi bề dài gấp đôi bề ngang so đi so lại vừa sát mí năm tấm gạch bông. Căn nhà từ lâu hoang vắng im lìm bỗng dưng chiều nay náo nhiệt ồn ào hẳn lên. Tiếng người lớn nói chuyện lao xao, tiếng con nít chạy giỡn, la khóc đòi ăn, tạo thành một hoạt cảnh rộn ràng. Duyên đã lanh tay tìm được ở sau bếp một cái nồi nhôm cũ đen thui, đem chùi rửa sạch nấu cho Bi chai sữa. Còn tôi với nàng thì mỗi đứa một khúc bánh mì có kẹp vài miếng thịt mỏng đã mua sẵn từ ban trưa, khi xe chạy ngang bến bắc Cần Thơ. Rải rác xung quanh ai nấy cũng đang dùng bữa chiều. Mặt trời đã tắt hẳn, đêm tối sụp xuống quá nhanh. Đàn muỗi đói ở các vùng sinh lầy quanh vùng bay vi vu hàng triệu triệu con tấn công tới tấp đám người mới tới. Trời ơi, sao cái đất gì mà muỗi nhiều quá! Hèn chi mà có câu:

*Xứ đâu như xứ Canh Đền  
Muỗi kêu như sáo thổi, đũa lênh như bánh canh.*

Chắc cái vùng nổi tiếng Canh Đền cũng ở gần đây nên Bạc Liêu muỗi nhiều quá sức tưởng tượng. Mỗi khi muốn nói chuyện phải lấy tay che miệng nếu không thì có một hai

con bay tuốt vào trong đóc giọng, khạc chẳng ra mà nuốt chẳng vào. Cả đám không ai ngồi yên được phải quơ tay quơ chun mà đập bồm bộp. Có người nhanh trí sai đám con nít ra ngoài đi kiếm xơ dừa, vỏ quít, vỏ cam, vải vụn, xác mía làm thành một đồng un lớn ở trước cửa ra vào. Khói bay cay xè mặt mũi, đàn muỗi bay dạt ra xa. Người nào người nấy nước mắt nước mũi đầm dề, tuy vậy vẫn còn dễ chịu hơn muỗi chích. Ai đó không biết đã mò ra được một cây đèn dầu, cái ống khói đen thui, ngọn lửa đỏ tù mù, mùi dầu hăng hắc. Cây đèn được để trên sàn gạch giữa phòng, khi có người đi qua đi lại, nó hắt cái bóng lên tường lung linh chập chờn ma quái. Trong bóng đêm chập choạng, một giọng nói thiệt lớn ồm ồm:

-- Cái xứ Bạc Liêu này thiệt tình, muỗi con nào con nấy lớn như con gà mái.

A, cái anh chàng trọng tuổi có 'nhà' ở kế tôi, đang ngồi dựa vách đập muỗi. Tấm ny lông của anh ta lớn nhứt phòng. Có lẽ vì bầu đoàn thể tử của 'chàng' quá đông. Một vợ năm con mà toàn là con gái. Cả đám ríu rít ồn ào như đàn ong vỡ tổ. Anh tuy đã con đùm con đề nhưng vẫn còn chải chuốt. Tóc chải láng bóng, cổ đeo lưng lẳng mặt mè đay vàng nặng cả lượng, tay đeo đồng hồ vàng, nhẫn nạm hột. Tôi xè lại ngồi kế bên làm quen:

-- Đâu có anh, nó chỉ lớn bằng con ruồi ở Sài Gòn thôi mà!

Anh ta cười, tôi thấy cái lưng hơi khòm một bên.

-- Bằng con ruồi thì cũng dư sức khiêng hết đám tội mình tôi nay mừng đâu mà ngủ. Bò có đem theo mừng không?

-- Không có mới chết chớ. Hồi đóng tiền Hủ Tiếu dặn kỹ là đừng có đem theo lười theo mừng, xui lắm. Đi biển kỳ nhứt là vướng lười. Minh đâm nghe lời bây giờ mới thấy ngu.

-- Vậy chút xíu nữa mình kêu 'giả' bắt kiếm mừng cho cả đám ngủ, chớ làm sao chịu cho nổi tội nay, con nít bịnh hết. Một mình tôi tới năm đũa lận!

-- Ủ, ừ, chắc phải vậy. Mà anh ở Sài Gòn miệt nào?

-- Tôi ở Trần Hưng Đạo, chuyên bán máy cày. Có bao giờ đi mua máy móc gì ở miệt đó không?

-- Tôi làm thầy giáo ở Bình Dương mà mua máy cày làm cái gì. Nhưng biết vùng đó rành lắm. Ông ngoại Bi cũng ở miệt này. Vậy anh cũng là chỗ quen biết lối xóm.

Hồi tôi mới làm quen với Duyên, dãy phố đó còn nhớ như in. Bắt đầu từ rạp Nguyễn Văn Hào góc Bùi Viện chạy vô tới khu Phát Diệm Chợ Quán, hai bên bán toàn máy móc, phụ tùng xe cộ... Lúc đó hai đứa thường rủ nhau đi ăn hủ tiếu Mỹ Tho ở ngã tư Quốc Tế. Nhờ đó mà thấy tận mắt nhiều nghệ sĩ cải lương nổi tiếng như Thanh Nga, Thành Được, Bạch Tuyết, Hùng Cường, v.v... bằng xương, bằng thịt rõ ràng.

Anh tư Trần Hưng Đạo kề sát tai tôi hỏi nhỏ:

-- Bò đóng cho Hủ Tiếu mấy cây vậy?

-- Tôi ở tuốt trên tỉnh, có biết gì đâu. Nhờ mấy đứa em liên lạc dò hỏi mới biết chuyện đi này. 'Giả' đòi người lớn mỗi người mười cây, con nít phân nửa giá còn dưới sáu tuổi thì một cây. Còn anh bao nhiêu?

-- Thì tôi cũng y như vậy. Tội mình may đó nghe chớ thảng trước mấy chuyến tàu sắt như Hải Hồng mỗi người phải đóng từ mười lăm đến hai chục cây lận. Bò biết không tội cơ quan Hoa Vận nó tính theo đầu người. Mỗi người nó lấy năm cây, còn lại năm cây là phần của Hủ Tiếu dùng để mua ghe mua tàu, dầu mỡ, máy móc, thực phẩm, rồi còn phải hối lộ cho Công an đủ thứ...

-- Anh mua giấy tờ hết thấy bao nhiêu?

Anh chàng cười khà khà, cũng cái giọng ồm ồm:

-- Tui là Tàu lai mà, cần gì phải giả. Giấy tờ ghi rõ tên họ đảng hoàng. Tòì họ La. Ba người Tàu, má người Việt!

-- Ủ, ừ, anh hên quá. Tòì phải mua đủ thứ hết.

Nguyên lúc chuẩn bị đăng ký chuyến đi này, tòi phải mua một số giấy tờ giả để làm người Hoa. Một tờ hộ khẩu giá một ngàn đồng, mỗi thẻ cử tri một trăm hai chục, tờ khai sanh cho Bi giá sáu chục. Rồi phải chụp hình cho giống người Hoa nữa. Lương một giáo viên cấp ba hiện thời là sáu chục đồng một tháng. Nhà nước Cộng sản muốn đuổi người Hoa ra khỏi xứ sau những vụ xích mích ở biên giới phía Bắc nên cho tổ chức những chuyến vượt biên. Gọi là bán chính thức vì cho phép trong vòng bí mật mà thôi, trên danh nghĩa vẫn là những chuyến đi trốn. Những người đăng ký phải là người Hoa có giấy tờ tên tuổi hẳn hoi. Lúc này chưa cấp thẻ căn cước theo chế độ mới nên người dân chỉ cần có thẻ cử tri và tờ hộ khẩu là đủ. Máy giấy này khi mua đều được để trống, người mua tự ý điền vô tên gì cũng được, chỉ có phần dưới đóng dấu son đỏ và chữ ký sẵn của phường quận xác nhận đảng hoàng. Khi đưa những tờ giấy cho tòi, Tuyết đã nói như vậy:

-- Anh tìm cái tên nào cho thiệt hên. Chuyến đi này quan trọng lắm đó. Bút sa là gà chết à nghen.

Lan, đưa em út nói nghiêm trang:

-- Không phải một con đầu mà là một bầy!

Trời đất, tui nhỏ này ăn nói ẩu tả quá. Sắp đi tới nơi rồi mà nghĩ chuyện tầm bầy không hà! Tuy nhiên tòi cũng đắn đo. Máy em có lý khi dè dặt chuyện đặt tên cho từng đứa. Nội anh em ruột, tất cả là sáu đứa chưa kể chồng vợ và con cái dặt theo. Một bầy gà có gà mái, gà trống và gà con. Tòi là con gà trống đầu đàn. Tuy máy em đều đã lớn khôn nhưng rui có bề gì... tòi không dám nghĩ đến. Đây là lần đầu tiên trong đời tòi tự đặt tên cho mình. Cầm tờ giấy tòi trầm ngâm hằng giờ. Chuyến đi này đánh đổi bằng cả sự nghiệp, cả mạng sống... Suy nghĩ hồi lâu, tòi nói:

-- Anh chọn tên là Trần Nguyên, ba mươi bảy tuổi.

Duyên nóng ruột hỏi tòi giải nghĩa:

-- Chữ Nguyên có nghĩa là đứng đầu. Anh là chủ hộ mà, hơn nữa còn có nghĩa là còn nguyên, trọn vẹn an lành, chuyện vượt biển làm sao mà lựa chọn, chỉ còn biết cầu Trời khấn Phật cho may mắn bình yên mà thôi!

Duyên nghe chùng thích chí:

-- Chọn dùm cho em đi. Em mong sao cho chuyến đi gia đình mình được vuông tròn, tới bờ tới bến yên vui.

Đang tìm kiếm đắn đo, nghe nàng nói đến hai chữ "vuông tròn" tòi mừng rỡ chộp lấy:

-- Rồi, được rồi, em tên là Từ Phương Viên. Tên Bi thì dễ rồi, để biên vô khai sinh nó tên Trần Tiến Đạt. Tiến là đi tới trước, tới nơi chớ không phải ra tới bến rồi dội trở về như anh Hai Tùng. Đạt là thành công. Em tên là Phương Viên có nghĩa là vuông tròn.

Từ đó, khi nào rảnh rỗi tòi thường lẩm nhẩm trong đầu -mình tên Trần Nguyên, Trần Nguyên, Trần Nguyên, đừng có quên, quên là hư bột hư đường. Lâu lâu tòi nhắc chừng Duyên -em tên là Từ Phương Viên, vợ chồng mình bán đồ nhựa nôi niêu song chảo ở đường Lương Nhữ Học số 86, rán nhớ nghe.

Giọng tu Trần Hưng Đạo vẫn đều đều bên tai:

-- Không biết bỏ đi lần này là lần thứ mấy, chớ tôi là lần thứ ba. Hai lần trước bị gạt mất cũng bộn, may là không bị bắt, xuống dưới Long Thành lộ sinh thấy bà, bị Công an rượt chạy vọt giò lên cõ.

-- Vậy là anh cũng đầy kinh nghiệm chiến trường rồi. Tôi mới đi lần đầu. Hồi sớm mới ra bến xe Hậu Giang, mua vé chợ đen hai mươi đồng để xuống đây. Vừa ngồi trên xe vừa run. Cũng may chuyến xe tôi đi toàn là dân bị chở đi xây dựng kinh tế mới, có treo cờ với biểu ngữ hai bên hông xe, tới trạm kiểm soát nó cho đi luôn.

-- Từ Sài Gòn xuống đây thì còn sợ. Chớ vô địa phận tỉnh Bạc Liêu rồi thì khỏi lo. Công an Bạc Liêu có cấp cho mỗi nhà trọ, như nhà mình ở đây một giấy phép được cư ngụ tạm để vượt biên theo ghe BL 1648, yêu cầu các cấp chánh quyền địa phương mọi sự dễ dàng, cũng như kiểm soát. Rồi anh tiếp:

-- Cả khu này là nhà của tư sản hoặc của sĩ quan đi học tập, bị tịch thu để trồng. Tụi nó lấy cho mình ở tạm vài ngày để đi.

Nghe anh nói tôi cảm thấy phấn khởi náo nức. Hồi trưa khi vừa mới xuống tới bến xe Bạc Liêu, việc đầu tiên là tôi đi thẳng ra bờ sông lại ngay chỗ bến ghe để tìm chiếc BL 1648. Đây rồi, nó đang đậu cặp bến, cái be ghe cao vượt hơn bờ đá có trên hai thước:... Nó lớn quá. Đây là lần đầu tiên tôi để ý nhìn kỹ một chiếc ghe đi biển. Nó khác ghe đi sông ở cái mũi nhọn hình mũi tên cao vút lên, nhọn hoắt chớ không bầu. Phía sau lái thấp chũng xuống đất bằng. Một cái phòng lái hình vuông vức ở bên trong. Phía trước có trồng một cây trụ cao hình chữ thập để định hướng. Thành ghe được đóng bằng ván sao dày cỡ bốn, năm phân tây, dưới lườn có bọc lưới sắt và tô xi măng để khỏi bị hà ăn hoặc nước mặn làm hư mục. Có nhiều vỏ xe hơi cũ treo cặp hai bên hông ghe. Sợi dây dõn to bằng bắp tay nối liền ghe với chiếc cọc sắt thiết lớn đóng chắc chắn ở trên bờ đá. Các bạn ghe làm việc lẳng xăng. Họ đi lại trên tấm ván đầy nhún nhẩy đong đưa bắt từ bờ xuống be ghe coi nhíp nhàng.

Chiếc ghe của tôi đó. Tới năm tây tháng Giêng này nó sẽ chở tôi cùng gia đình, bắt đầu cuộc hành trình vượt đại dương trốn chạy cái thiên đường Cộng sản. Tôi từ nhỏ đến lớn sống ở vùng đất đồi đá khô cằn, mắt thường nhìn thấy những chiếc tam bản nhỏ xíu len lỏi trong các sông rạch nên bây giờ thấy được một chiếc ghe đi biển, lòng nôn nao phấn khởi lạ thường. Ghe lớn như thế này; ván dày như thế này thì sợ gì sóng to gió lớn, sợ gì đại dương bao la. Tôi tự nhủ trong lòng -không sợ, không có gì phải sợ hết. Biển cả thì cũng đã biết qua, chắc cũng y như biển Vũng Tàu, Nha Trang, Rạch Giá, Phú Quốc. Nhưng có điều mấy biển đó tôi chỉ tầm loay hoay ở trong bờ. Còn từ Sài Gòn ra Phú Quốc thì đi bằng máy bay! Thiết tình, có sợ hay không tôi không biết nữa. Tất cả mọi việc hên xui, thôi đành giao hết cho... ông Trời!

Tối đó nhờ có anh tu Trần Hưng Đạo căn nhắc căn nhắc, Hủ Tiếu chạy đôn chạy đáo ở đâu không biết kiếm được một cái mừng nhà binh thiết lớn. Đem giăng lên nó trùm hết cả căn phòng rộng rinh. Đã oi là đã! Cả đám mừng rỡ, chun vô ngủ, đếm được cả thầy vừa người lớn vừa con nít, hai mươi ba người nằm sấp lớp y như đi cắm trại ngủ chung tập thể. Cái đèn cũng còn để y nguyên giữa mừng. Cái mừng cũ xì đen thui. Tôi nằm ở dưới rán giương mắt nhìn vào những lần may, những nếp gấp trên nóc để coi có rệp bò không, nhìn hoài mà không thấy. Nhưng ở đời, nhiều lúc phải hiểu ngầm rằng không thấy không



có nghĩa là không có. Tồi tồi đi ngủ, đâu có ai mang theo kiếng làm chi, cái gì cũng thấy mờ mờ ảo ảo, con rệp lại nhỏ xíu! Nhưng đầu sao với cái mùng này, có cũng còn hơn không!

Ai nấy mệt mỏi cả ngày, mới đặt lưng chừng năm ba phút sau người nào người nấy ngủ mê man như chết. Tiếng anh tư Trần Hưng Đạo ngáy khò khò, tiếng thằng Dân thủy thủ ú ớ. Tồi mơ màng thấy chiếc BL 1648 lướt sóng phẳng phẳng, tiếng máy nổ đều đều dòn dã, cái mũi nhọn lao tới trước nhanh như mũi tên bắn. Phía sau lái, sóng sủi bọt cuộn cuộn cái đuôi trắng xóa kéo dài lê thê. Trên trời là mây xanh trong vắt, rải rác có những đám mây trắng bay lảng đãng như bông gòn. Từng đợt sóng biển vỗ êm ái nhịp nhàng hai bên hông ghe. Trên đầu nhiều cánh hải âu bay lượn. Nước biển trong xanh nhấp nhô dưới ánh mặt trời chói lọi miền nhiệt đới. Lòng tôi cũng như lòng biển bao la...

\*

\* \*

Trời đã xế chiều mà không khí vẫn còn hâm hấp nóng. Đám con nít sau một hồi đùa giỡn om sòm đã rủ nhau đi mua xá xí, nước cam ở cửa hàng ăn uống quốc doanh kế bên Ty Nông Nghiệp. Còn lại trong phòng chỉ còn có tôi với thằng Dân ‘gì đó’. Cái thằng ốm nhom, ốm nhách lại ưa mặc áo thun ba lỗ, phơi cái ngực mỏng te, tối ngày cứ nằm dài đọc ba cuốn sách hoạt hoạ xanh xanh đỏ đỏ của Hồng Kông. Mỗi lần đọc được một đoạn nào có vẻ thích thú, anh ta ôm bụng cười lăn cười lộn, chum chẳng cong queo, nhiều lúc tôi thoáng thấy cái răng bịt vàng bên trong. Thiệt đúng là có duyên nhờ mấy cái răng vàng lóng lánh.

*Thấy anh đẹp nói đẹp cười  
Đẹp người đẹp nếp lại tươi răng vàng.*

Trong chuyến đi này có hai anh bạn tên Dân, một anh mập mà lùn, đen thui. Một anh ốm nhom, cao nhông, cũng đen thui! Hồi mới quen, tôi biết cả hai cùng tên nhưng không biết làm sao phân biệt. Lần hồi rồi cũng xong. Cái anh mập mà lùn làm ‘bạn’ ghe, tụi tôi kêu là Dân ‘thủy thủ’ còn cái anh ốm nhom, cao nhông, người Tàu Chợ Lớn, mỗi lần nói chuyện, bất luận câu nào, ý nào, anh ta cũng chêm thêm hai tiếng ‘gì đó’ ở cuối. Thôi vậy cũng dễ, cả đám vượt biên trong nhà bèn đặt luôn Dân ‘gì đó’ cho tiện.

Dân ‘gì đó’ chừng độ mười tám, mười chín là nhiều, mới vừa học hết sơ trung ở trường Phước Đức thì Sài Gòn đổi chủ. Anh ta nghỉ học đi làm công cho Hủ Tiếu ở đường Minh Phụng. Hủ Tiếu bị liệt vào hàng tư sản, tiệm bị đổi thành cửa hàng ăn uống quốc doanh, bèn liều mạng mua ghe mua tàu tổ chức vượt biên. Khi chuẩn bị sắp xếp để đi có hứa cho nó với thằng Kiệt, đưa em ruột mới mười sáu tuổi theo, với điều kiện khi nào tới Mỹ thì trả tiền sau bằng đô la. Ba má hai đứa nghèo nên mừng lắm chịu liền. Tôi thấy trong cái xách tay nó gói đầu có vài bộ quần áo với mấy cuốn sách hình cũ xì te tua, ngoài ra không còn gì hết. Cái thằng, thiệt tình, tôi đang rầu thúi ruột mà sao nó vẫn tỉnh queo. Đã trên mười ngày ăn chực nằm chờ ở cái đất Bạc Liêu nhiều muỗi này, chiếc BL 1648 vẫn nằm chình ịch trên bến. Mỗi trưa đi ra quán cơm, tôi nhìn nó rập rình trên làn nước đục ngầu phù sa mà đâm mệt ngang. Phải chờ tới bao lâu nữa mới có lệnh cho đi. Mười mấy ngày chờ đợi rồi chớ ít oi gì sao. Hết đứng lại ngồi, nhiều lúc vịn vô song cửa ngõ hàng giờ ngắm rau muống xanh rờn dưới mương cùng hàng cây sưa đũa với những giàn phơi mì

sợi giảng giảng như lưới đánh cá bên kia đường, lòng tôi nóng như lửa đốt. Vậy mà Dân ‘gì đó’ vẫn thản nhiên nằm coi sách hình thính thoảng còn cười lăn cười lộn. Tôi lại gần nó, ngồi bệt xuống kế bên, hai tay ôm lấy đầu gối:

-- Dân nè, em đọc cái gì mà vui quá vậy, nói cho anh nghe với. Anh buồn quá, không biết chừng nào ghe mình mới được đi. Cứ tưởng xuống tới ngày trước là ngày sau đi liền, nè đâu...

-- Anh lo làm chi cho mệt vậy. Khi nào nó đi thì nó đi, mà nó hông đi là hông đi. Cái chuyện gì đó có Hủ Tiểu với Nhựt Bồn lo rồi mà!

Tôi rầu rĩ thở than:

-- Hông lo sao được. Nếu ghe mà đi không được thì sao mình có thể trở về an ổn. Ở tỉnh anh khó lắm! Em ở Chợ Lớn thì dễ, ít ai để ý. Tiền bạc mình giao cho người ta hết trơn rồi, bây giờ đòi ai!

Nó ngồi nhồm đậy, nói như an ủi tôi:

-- Em nghe Hủ Tiểu nói thế nào cũng được đi mà! Đừng có lo, để em kể chuyện gì đó em đọc trong cuốn sách này, nghe cho đỡ buồn.

-- Ủa, ừ, kể đi.

Nó ngồi dựa lưng vô tường, thẳng chun ra để cuốn sách úp trên đầu gối, bắt đầu kể. Tôi thấy cái lưng sao mà dài sọc, chắc thẳng này làm biếng dữ lắm.

-- Hồi xưa ở bên Tàu, có một ông nhà giàu gì đó mượn một ông thầy giáo lại nhà để dạy học cho mấy đứa con nhỏ. Ông nhà giàu hỏi ông thầy giáo muốn ăn cái gì đó thì nói để ông kêu vợ ông nấu cho ăn. Ông thầy giáo vì tánh ưa mắc cỡ, hông lẽ đòi ăn món ngon vật lạ gì đó nên buột miệng nói là thích ăn tàu hủ. Ông chủ cứ cho tôi ăn tàu hủ chiền đi, tôi coi tàu hủ như là mạng sống gì đó! Ông chủ nhà hà tiện, nghe qua mừng quá, ngày nào cũng cho ông thầy giáo ăn tàu hủ gì đó hoài.

Nghe tới đó tôi buột miệng la lên:

-- Chết cha ông thầy rồi, ăn hoài một thứ, ngán chết làm sao chịu nổi!

-- Ông lỗ nói rồi, hông lẽ nói lại, thầy giáo mà! Nói bậy, nói bạ gì đó thì cũng phải rán chịu.

Thành ra một năm ba trăm sáu mươi lăm ngày, ông cứ phải ăn tàu hủ gì đó hoài hoài, thềm thịt lắm mà không dám nói. Gặp bữa đó tới Tết, ông chủ nhà dọn một mâm cơm gì đó đầy nhóc thịt cá. Ông thầy giáo mừng quá, gấp lia gấp lia, ăn ngòm ngoàm không kịp thở. Ông chủ nhà thấy cười mới hỏi: -Ủa, ông thầy nói coi tàu hủ như là mạng sống, sao bữa nay lại không ăn? Ông thầy giáo trả lời: -Ủa, ừ, sao kỳ ghê, mỗi lần tôi thấy thịt cá thì quên mất mạng sống gì đó liền!

Kể xong nó cười hăng hắc, nắm tay tôi miệng hỏi:

-- Hay không, hay không?

Tôi cười khoái chí, miệng nói theo:

-- Thì anh cũng vậy, hể thấy thịt cá là quên mạng sống liền!

Hai anh em xúm nhau mà cười, tôi giành lấy cuốn sách, thấy người họa sĩ vẽ thiệt khéo, ông thầy đồ mặc áo dài quần khăn, cái miệng há hộc, cặp mắt tròn vo nhìn trân trân vô mâm cơm. Trong mâm thịt cá ê hề, khói bốc nghi ngút. Coi tới coi lui, tôi ngồi thừ người ra, một ý nghĩ mới lạ xuất hiện trong đầu. Câu chuyện thiệt tầm thường, ai cũng có thể nghĩ ra vậy mà ý lại thâm trầm hết sức.

Từ lâu tôi thường để ý con người dễ trở thành anh hùng trong gian khổ, nghèo hèn, chó trong lúc phú quý giàu sang thì khó lắm. Bất cứ điều gì hể có danh lợi xen vô thì dầu tốt

cũng thành xấu. Như người Cộng sản họ có lý thuyết và chủ nghĩa đề tôn thờ, họ xả thân chết sống vì lý tưởng Cộng sản, chiến đấu gian lao khổ cực, khắc phục muôn vàn khó khăn, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, nước không đủ uống, ánh sáng không đủ để nhìn, khí trời không đủ để thở những mong mai sau khi thành công đất nước độc lập thanh bình, toàn dân sẽ được hạnh phúc ấm no. Sách vở tiểu thuyết nào của họ cũng mô tả như vậy. Nhưng thực tế thì khác xa. Khi chiến tranh chấm dứt, dân chưa kịp thở ra nhẹ nhõm mừng vui, thì họ như một bầy muỗi đói lẹ tay, chụp giựt bất kể tiếng oán than của dân lành ngút tận trời xanh. Nào tiền của, nào nhà đất, nào ngựa xe, nào gái đẹp, cán bộ đảng viên xây nhà, cướp xe, cưới vợ bé, bóc lột từ cây đình, sợi chỉ, giàu sang xa xỉ trong sự rên xiết khóc than của toàn dân. Như ông thầy giáo trong chuyện miếng tàu hủ -- khi nhìn thấy bờ xôi ruộng mật béo bở của miền Nam, người Cộng sản quên mất lý tưởng họ tôn thờ rồi!

Mặt trời đã xuống thấp trên đầu ngọn cây xanh xanh ở tận chơn trời, ánh nắng thoi thóp chiếu thẳng vào khung cửa sổ hẹp những tia vàng nhạt le lói cuối ngày những hạt bụi nhỏ li ti bay ngang bay dọc. Có tiếng người ồn ào và tiếng bước chân lao xao trước cửa. Duyên, chị Diệp, chị Kiều và một đám con nít ủa vào như đám chợ:

-- Hai anh em nói chuyện gì mà cười ngả nghiêng ngả ngửa vậy?

-- Dân kể cho anh nghe chuyện ông thầy giáo ăn tàu hủ chiên. Hay lắm. Phải chi mấy chị em về sớm chút nữa thì được nghe rồi!

Rồi tôi hỏi tiếp:

-- Sao em, có gặp Hủ Tiếu hay Nhựt Bồn không? Có biết chừng nào ghe mình được phép?

Duyên chưa kịp trả lời thì chị Diệp đã vọt miệng:

-- Yên chí đi chú ơi, thế nào mình cũng đi được. Chắc lắm, qua đầu năm mới là mình đi đó. Bữa nay là hai mươi tháng Chạp, như vậy là chị em mình chờ chừng hai tuần nữa là lâu lắm!

Nghe chị nói tôi hơi mừng. Cả mười ngày nay chờ đợi mệt mỏi, tôi khá tuyệt vọng. Khi già từ Bình Dương cứ tưởng xuống tới Bạc Liêu là lên ghe nhỏ sào. Nhè đâu cứ kéo dài ngày này qua ngày kia, tôi cứ đi ra đi vô, chiếc ghe vẫn nằm ỳ trên bến. Hủ Tiếu vẫn hẹn lần hẹn nữa, nói quanh nói co. Tiền bạc đem theo để ăn đi đường đã cạn dần. Mấy bữa trước phải bán bớt mấy bộ quần áo, cái đồng hồ Seiko, rồi cắn răng mà bán tới nhẫn cưới... để chờ đợi! Phải làm sao nữa đây, nếu không đi được... tôi không can đảm nghĩ tới nữa.

-- Chị được tin ở đâu vậy? Việt Cộng với Trung cộng hết đánh với nhau rồi hả? Hà Nội sắp cấp giấy phép cho đi tiếp tục phải không?

Chị Diệp cười cười:

-- Mấy cái chuyện đó chị đâu có biết. Chị với Duyên vừa đi xin xăm ở chùa Ông Bồn. Mấy người ở đây họ nói xăm ở chùa này linh lắm, thành ra hai chị em lặn lội rần xin cho được. May quá chú ơi, xăm tốt lắm.

-- Trời đất! Tưởng là nghe được tin gì hấp dẫn. Mà xăm nói cái gì ở trong vậy chị?

Mấy bà ngồi bệt xuống sàn gạch, vây quanh tôi và Dân 'gì đó' Bà nào bà nẩy mặt mày đỏ lợ đỏ lợ vì đi ngoài nắng quá lâu. Tháng này Bạc Liêu nắng như đổ lửa. Nắng nóng

mùa Tết được gió biển thổi rào rào, nhà cửa, đường xá, ruộng đồng như muốn bốc ra thành hơi. Chị Điệp tay cầm lấy mấy mẫu giấy xăm đỏ chia trước mặt tôi:

-- Chú thấy không, mấy cây xăm cây nào cũng 'trung' với 'thượng' hết nè. Ông Từ bàn xăm nói tốt lắm. Sự tích ông Tô Võ đi sứ qua đất Hung Nô rồi đối đáp làm sao đó hồng biết, bị đày đi Bắc tái chăn dê. Mà Bắc tái là gì vậy chú?

-- Ồ, ờ, Bắc tái là quan ải ở phương Bắc của xứ Hung Nô. Vậy là lạnh lắm chị Điệp ơi. Chỗ đó tuyết trắng quanh năm, đồng cỏ vàng khè, cây cối mọc không được, khổ lắm. Tôi định đi Úc mà, qua bên xin miếng đất làm ruộng. Sao xăm lại nói chị em mình đi miền Bắc?

-- Thôi kệ nó chú. Lạnh nóng gì cũng được hết. Miền có đi là chị mừng rồi.

Nói xong chị cười tươi rói. Hai má lúm đồng tiền. Chị Điệp là chị dâu thứ ba của tôi. Từ ngày anh ba tôi bị bắt rồi bị đưa đi Bắc lao động ở rừng sâu, chị lo lắng trong ngoài, nuôi nấng hai con nhỏ. Trung năm nay lên bảy và Dung mới lên năm. Hai đứa nó giống hệt anh tôi lúc còn nhỏ, nên mỗi lần nhìn thấy tụi nó là nhớ thương anh. Có lần anh tìm cách nhả về nhà bảo chị phải tìm đủ mọi cách, dứt khoát đem hai con ra đi, đừng bận bịu chờ chồng nữa, đời anh kê như xong rồi. Anh đã viết một câu cho vợ, tôi nhớ hoài không quên: "...anh đã quyết định sai lầm, nên phải đánh đổi cả cuộc đời mình, em không nên chần chờ nữa, phải tìm đường lo tương lai cho hai con là anh yên lòng..."

Ngày làm giấy tờ giả, chị nhờ tôi chọn dùm một cái tên cho giống người Tàu, suy nghĩ hồi lâu tôi chọn là Trần Sùng Lìn. Chị thắc mắc cho là tên đọc lên nghe hơi xấu. Tôi phải giải nghĩa cho chị hiểu, đây là phiên âm, giọng Quảng Đông của chữ Trần Thuần Liên có nghĩa là đóa hoa sen tinh khiết vẹn toàn. Chị nghe xong chịu quá biên vô giấy liền. Từ đó cả ghe gọi chị là bà Sùng Lìn.

Duyên cầm lá xăm lật tới lật lui rồi chép miệng:

-- Mà ông thầy bàn là mình ở đó tới mười chín năm mới được về xứ. Ông Tô Võ đó khi về cầm cái cán cò không, lá cò lâu quá mục nát hết tron.

Nghe vợ nói tôi thấy buồn cười:

-- Mình đi còn chưa được, ngồi chờ hoài muốn chết luôn hơi đầu mà lo tới chuyện mười chín, hai chục năm sau. Bây giờ chỉ cần biết bao giờ đi thôi.

-- Thì trong xăm nói rõ rồi. Ông Tô Võ không chăn bò chăn heo mà là chăn dê. Năm con dê là năm Mùi. Vậy là qua năm tới mình đi được, còn chừng mười ngày nữa là hết năm Ngọ, ăn Tết xong mình chuẩn bị là vừa.

Nói xong nàng ngồi thẳng người ra, xuôi hai chun, tay cầm nón lá quạt phành phạch. Mấy chị em đều xin được xăm tốt, người nào người nấy hy vọng tràn trề. Tôi vẫn lộ vẻ phân vân thắc mắc không tin. Bỗng nhiên Duyên nắm lấy tay tôi lắc mạnh:

-- Nè, anh có nhớ cụ Diễm nói về tương lai của anh hồi trước không?

Nghe vợ nhắc tới, tôi hơi giật mình. Cụ Diễm, cụ Diễm tôi nhớ ra rồi. Ông cụ người Bắc, mắt ti hí nhỏ như sợi chỉ, áo dài nâu, khăn đóng đã bạc màu, nhà ở hẻm đường Hiền Vương trên một căn gác nhỏ, đã coi giúp tôi một lần lâu lắm, lúc đó tôi độ ba mươi, ba mươi mốt tuổi. Thời gian cũng chưa lâu nhưng nhiều biến động đất nước quá lớn cơ hồ tôi quên mất. Do một sự tình cờ tôi được một người bạn có quen với cụ, giới thiệu nhờ coi dùm tương lai. Buổi đó có chị Điệp cùng đi. Sau khi nhướng cặp mắt lèm nhèm nhìn một hồi, cụ nói từng điềm về cuộc đời tôi. Quả nhiên danh bất hư truyền. Cụ nói tới đâu,

tôi rùng mình tới đó. Nhiều khi cứ nghĩ là anh bạn đã sơ ý nói hết về nhà cửa, gia thế nghề nghiệp của mình. Cuối cùng cụ phán một câu tôi nhớ hoài:

-- Tương lai của ông hờ, ông nhớ nhé. Công danh như hoa lộ, phú quý thảo đầu phù. Ông học chữ nho, chắc hiểu rõ chứ gì. Lộ là giọt sương, giọt móc dầy. Đừng bao giờ cầu công danh phú quý gì cả không được đâu. Công danh thì như giọt sương đọng trên cánh hoa, phú quý trên đầu ngọn cỏ làm sao mà bền vững được. Ông nhớ lời tôi nhé, đừng bao giờ làm quan làm quyền gì hết, cũng đừng mong làm giàu, cứ đi dạy học an nhàn là tốt. Mà chưa chắc gì ông được dạy học trọn đời đâu. Ông mà lên chức, bất cứ chức gì sẽ gặp tai họa ngay đây. Đến năm gần bốn mươi, ông sẽ bỏ xứ, mà đi một nơi xa lắm về phương Bắc. Ông mạng kim, về phương bắc thuộc hành thủy, ông phải vất vả hơn bây giờ nhiều lắm, lúc đó ông bỏ nghề dạy học... Ông phải cố gắng... tại cái số vất vả như vậy. Có một điểm tốt là đời ông không bao giờ gặp hiểm nguy tù tội. Chuyện gì khó khăn rồi cũng vượt qua. Không phải do tài sức của ông đâu, cứ bình thản để tự nhiên rồi khó khăn nó cũng tự giải quyết hết...

Khi tôi cảm ơn từ giã ra về, ông nắm chặt tay tôi dặn dò:

-- Ông nhớ kỹ nhé, năm Ất Mão đừng đi đâu hết, đừng đi tàu thủy, đừng đi tàu bay, đừng ở khách sạn... nghĩa là phải hết sức cẩn thận, cẩn thận... vậy mà ông cũng không tránh được tai bay họa gởi, bị ngưng chức, bị cho nghỉ việc, lo buồn nhiều lắm! Như vậy cho đến năm Mùi, ông bắt đầu làm lại cuộc đời ở một phương xa. Lúc đó ông không còn làm thầy nữa mà là làm thợ... Ông nhớ kỹ nhé!

Lời ông cụ gần bảy, tám năm về trước, chiều nay lại văng vẳng bên tai. Ông cụ già trên bảy mươi tuổi, da mặt nhăn nheo răn rúm, cái áo dài nâu đã bạc màu, cặp mắt nhỏ xíu nhìn không rõ vậy mà cụ đã thấy hết tron tương lai của tôi. Phần nửa đầu đời cụ đã nói đúng phong phúc, còn phần nửa sau, tôi đang chờ để kiểm nghiệm.

-- Chị Diệp nè, hồi đó chị có nghe cụ Diễm coi cho em. Bây giờ chị nghiệm lại mấy lời ông nói có đúng y như lời xăm không?

Chị Diệp đương uống ly nước lạnh vội để xuống:

-- Năm nay chú cũng gần bốn chục rồi, ông nói chú bỏ xứ đi về phương bắc sinh sống. Tôi với chú đi một ghe. Mà xăm lại nói chuyện ông Tô Võ đi chân dê ở ải Bắc. Vậy là giống nhau rồi.

Bỗng nhiên chị đập vào vai tôi một cái thiệt mạnh:

-- Thôi đúng rồi chú ơi! Tôi nhớ rõ ràng lúc ông nói đi về phương bắc đó, chú dùng toàn đồ mới -- quần áo, xe cộ, nhà cửa gì cũng đổi mới. Minh đi vượt biên, mặc ba bộ đồ này chừng vài lần nữa là nó mục nát. Không mua đồ mới thì lấy gì mà bận, đúng quá phải không chú!

Rồi chị kết luận một cách ngon lành:

-- Vậy là thế nào mình cũng đi được!

Tôi thấy chuyện ăn khớp nhau có lớp có lang. Thiệt là hợp tình hợp lý hết sức, lòng mừng rơn. Đời tôi từ lâu rồi không do tôi quyết định nữa. Tính đàng này nó ra đàng kia, tính làm chuyện kia nó thành chuyện nọ, lông bông dật dờ, ba chìm bảy nổi. Không tin vào số mạng thì tin ai bây giờ? Có một cái nghề dạy học, thiệt là khiêm nhường hết sức, vậy mà cũng bị cho nghỉ một cách ngang xương. Công danh như hoa lộ, phú quý thảo đầu phù. Đi dạy học mà cũng được coi là tìm công danh phú quý? Mười chữ như một ám ảnh chập chờn trước mắt. Làm gì, nghĩ gì, tôi cũng giựt mình nhớ tới nó. Công danh, phú quý trên

đời này có ai mà không ham. Nhưng hiện mình không đủ khả năng thôi đừng thèm nghĩ đến... Cái mà tôi nghĩ đến bây giờ, chiều nay, là chiếc BL 1648 hiện vẫn còn bỏ neo, nằm dật dờ trên bến nước Bạc Liêu!

\*\*\*

Nằm trong mùng rộng thình thình tôi nhìn ra khung cửa sổ trên đầu. Trời đã chùng khuya lắm. Trên bầu trời đầy sao, mờ mờ hàng ngàn con dơi đen đuôi bay dọc bay ngang kiếm mồi. Chúng tha hồ xòe đôi cánh rộng bay lượn thành thoi. Muỗi ở xứ này thừa mứa làm sao ăn cho hết. Đâu có ai cấm cản. Chắc chắn một điều mấy ngàn con dơi kia đâu cần phải có giấy hộ khẩu, thẻ cử tri. Chúng đâu cần phải có sổ y tế, sổ mua gạo, sổ mua nhu yếu phẩm. Chúng cũng đâu có phập phồng lo sợ đêm đêm Công an gõ cửa, ngày ngày lấm lét e dè người xung quanh đâu óc căng thẳng học thuộc lòng từng dòng của tờ khai lý lịch. Ôi, cái kiếp của con người dưới cái chế độ này thua cả những con dơi đen thui kia! Không thua sao được, sống mà không định được tương lai của mình như thế nào, phải cầu cứu đến xăm bà, xăm ông, tin tưởng mơ mơ hồ hồ vô những lời đoán trước chuyện chưa xảy ra để mà hy vọng khác khoải. Y như người mù không gậy sờ soạng đi trong đêm, có ai đó giúp bằng cách đốt cho một ngọn đuốc để soi đường... Cuộc đời mâu thuẫn đến khô hài như vậy, không đáng buồn sao!

Giác ngủ đến chập chờn. Tôi thấy mình đang ở sau nhà chăm sóc mấy cây cải bẹ xanh. Cây nào cây nấy xanh biêng biếc, lá nở tròn lớn như cây quạt. Tay cầm lấy lon nước tôi tưới nhẹ hết lá này tới lá kia. Tưới nhiều như vậy mà sao đất vẫn khô nen, nước chảy đâu mất tiêu hết. Tôi thắc mắc tự hỏi -- Sao kỳ vậy cả, lá cải bẹ xanh chớ đâu phải lá bạc hà mà nước trôi tuột đi. Mà sao nó không chảy xuống đất. Tôi tưới hoài, tưới hũy mà đất vẫn khô. Tôi ngó quanh ngó quắt ra ngoài hàng rào. Có một cặp mắt trắng dã, trợn trừng nhìn tôi tưới cải. Tự dung tim đập thình thịch. Nó đó, nó cứ theo hoài, từ ngày này sang ngày khác rình rập soi mói. Tôi có làm gì đâu, tôi tưới cải mà. Tôi rán nhớ coi trong mình có gì sai quấy? Tuyệt nhiên không, tui trên tui dưới không có giấy tờ gì phản động hết. Trong bóp có đủ cả thẻ cử tri, thẻ hộ khẩu, tờ khai lý lịch... nhưng mà, sao kỳ cục vậy nè, mấy tờ giấy đó không có đóng dấu với chữ ký tên. Ngay cả tên tuổi, ngày sang tháng đẻ cũng mờ nhạt. Tôi sợ quá, tay chum quính quín, lưỡi cứng đờ ra không nói được. Tôi cố quơ tay lên ra dấu để cho nó hiểu là lỗi không phải tại tôi, không phải tại tôi! Cái tay bữa nay sao nặng chình chịch, dờ lên không nổi, cái miệng như bị khớp lại, quay hàm cứng ngắt ú ớ dầy dụa. Tai tôi nghe văng vẳng có tiếng người nói chuyện lao xao. Họ đông quá đứng lổ nhổ ngoài hàng rào, có người cầm đèn pin chiếu vào, ánh sáng lóe lên như lần chớp. Tiếng người hô lớn... Tô Tỷ? Dạ có. Bành Thắng Niên? Có. Tô Phương Thoại! Có. Lâm Kiệt? Có? Vương Sanh? Có. La Tổng Thành? Có. Lâm Thoại Dân? Có... Tiếng gọi nghe khi xa khi gần...

--Trần Nguyên?

Không ai trả lời hết. Giọng hỏi gắt gỏng, vang lên ồm ồm:

-- Ai là Trần Nguyên? Công an xét nhà kiểm tra hộ khẩu. Anh nào là Trần Nguyên?

Tôi tỉnh giấc hẳn, nằm im lắng nghe, tim đập thình thịch vì sợ, cái lưng thẳng đờ dán chặt xuống sàn gạch. Chum căng ngay đờ không dám nhúc nhích. Chết rồi, Công an Bạc Liêu đang xét giấy tờ. Mình lại là người đang trốn tránh. Giọng anh Công an trở nên cộc cằn:

-- Anh nào là Trần Nguyên? Sao tôi hỏi mấy lần không thấy ai trả lời?

Tôi nằm im vừa run, vừa bực mình, vừa tức. Thằng Tàu nào ngu quá, có cái tên mà không biết trả lời cho rồi, để tụi nó bực mình truy ra cả đám thì rắc rối. Trong nhà đa số là người Việt. Tim tôi đánh như trống làng. Tôi rần nín thở nằm im không dám cựa cựa. Lúc đó tự nhiên bị Duyên nằm kế bên lấy tay khều mạnh vào ba sườn. Tôi giựt mình chợt nhớ ra cái tên mới đặt, quính quáng trả lời lắp bắp:

-- Tôi, tôi...

Thằng nhỏ Công an sùng sộ:

-- Sao tôi hỏi mấy lần anh không trả lời?

Duyên sợ tôi mê ngủ, nói năng bậy bạ, nằng vọt miệng đáp thay:

-- Ông ngủ mê man có nghe gì đâu.

Một tia đèn sáng bèn như ngọn kiếm loang loáng chiếu vô mặt, tôi bị lóa mắt, đưa tay che. Cũng may mặt tôi chắc cũng giống người Tàu, nên anh ta tiếp tục điểm danh:

-- Từ Phương Viên? Có. Trần Tiên Đạt? Có. Trần Sùng Lìn? Có... Tiếng hô chấm dứt, tiếng cửa đóng và tiếng bước chầm xa dần. Tôi thở một hơi dài, yên tâm nhẹ nhõm, đầu óc đủ bình tĩnh để nhớ lại mình bây giờ đã là người Tàu rồi, bán đồ nhựa ở số 86 đường Lương Nhữ Học, Chợ Lớn, có giấy tờ chứng minh rõ ràng, đầy đủ. Bên tai, tiếng vợ cằn nhằn:

-- Cái ông này nhớ trước quên sau, không có tôi ở kế bên rồi không biết ra sao nữa.

Có tiếng chó sủa dồn dập ồn ào, dài theo con đường dẫn vào xóm nhỏ, giữa đêm trường tĩnh mịch. Đêm đã chùng khuya lắm. Tôi ngủ thiếp lại, giấc ngủ mộng lung, mộng mị chấp nối toàn chuyện dữ.

## Võ Kỳ Điền

### Chương 4 :

## ***ĐÊM GIAO THỪA XA NHÀ***

Căn nhà chật chội ồn ào rộn rịp, hôm nay bỗng dung lặng im rộng thình thình như cái chùa. Vợ chồng anh tư Trần Hưng Đạo đã về Sài Gòn hồi sáng. Thằng Dân ‘gì đó’ cũng vậy. Đám chị Diệp, Mai, Lan cũng bồng bế, dắt díu nhau lên về Bình Dương ăn Tết. Tụi thằng Tô Tỷ, A Sơn với Xám Mã Chải thì về Vĩnh Châu với má nó. Còn lại ở Bạc Liêu chỉ có vợ chồng tôi với thằng Bi. Tết Kỷ Mùi sắp đến hồi nào không hay không biết. Trong đầu bây giờ chỉ có một ý nghĩ duy nhất. Chùng nào có lệnh cho đi. Nhiều buổi tôi ngồi hàng giờ trong quán cơm ở bờ sông nhìn chiếc... BL 1648 im lìm, lặng câm, dật dờ. Chỉ cần mở đò, kéo neo, nổ máy quay mũi hướng ra biển lớn, phăng phăng lướt sóng là mọi chuyện êm đẹp biết bao nhiêu. Vậy mà không được. Chờ hoài, chờ hoài.

Đã gần một tháng nay tôi mỗi mòn héo hắt bơ ngơ báo ngáo như người bệnh nặng. Nhiều khi ngồi chán, buồn chun tôi đi loanh quanh dọc bờ sông nhìn dòng nước chảy. Nước thì chảy cuộn cuộn mà ghe thì vẫn không chịu trôi. Ngày mai này, tôi đã ba mươi tám, tuổi nửa đời người, buổi sáng đứng chải đầu trước kiếng thấy có vài sợi tóc bạc màu, giựt mình nhớ câu ‘Thệ giả như tư...’ Chiếc ghe vẫn nằm ỳ trên bến như đê lục bình hoa tím lá xanh mắc kẹt cột cầu tàu mục nát, trên đó có con vịt đứng co một chun, miệng kêu cạp cạp xa vắng mỗi mòn. Tôi cũng y như con vịt, lẻ loi, ngơ ngác. Nhứt là buổi chiều nay,

chiều ba mươi Tết, không cửa không nhà, không bàn thờ tổ tiên hương khói, không cha mẹ anh em, bơ vơ nơi đất lạ. Cũng may là còn có vợ con.

Trời đã sẩm tối, tôi và Duyên đi một vòng chợ Bạc Liêu để coi thiên hạ chuẩn bị đón xuân sang. Đường xá Bạc Liêu nhỏ hẹp ẩm thấp bùn sinh. Cơ quan thủy lợi của tỉnh đắp đê, đắp đập thế nào không biết mà chỗ nào cũng ngập lụt lầy lội. Đèn đường không đủ sáng, tù mù bóng đen nhòe nhoẹt. Hai vợ chồng ẩm thẳng Bi đi lơn tơn dọc theo đường Độc Lập rồi lần ra Trương Vĩnh Ký. Đêm giao thừa, chợ Bạc Liêu dọn dẹp sạch trơn. Các gian hàng đóng im ỉm, khóa kín vắng tanh trái ngược với cảnh ồn ào rộn rịp hằng ngày. Hai bên đường phố nhà nào nhà nấy sửa soạn quang đãng, cửa mở hé. Nhìn vô trong thấy đèn nền sáng trưng ấm áp. Thỉnh thoảng có từng tràng pháo nổ. Không khí như ấm lại. Trên đường đã có nhiều đứa con nít súng sình trong các bộ đồ mới xanh xanh, đỏ đỏ chạy giỡn tung tăng. Lần trong đó có nhiều chị bạn hàng trẻ muộn gồng gánh kiu kịt, tất tả quay về. Phía bên kia là chiếc cầu quay cao sừng sững ba nhịp nằm vắt ngang qua sông dài ngoằn đen đui. Nhiều chiếc xe chạy qua, từ xa nhìn như những con kiến bò chậm chạp, ánh đèn chập chờn lóe sáng thành cầu.

Chân bước trên đường phố Bạc Liêu mà đầu óc tôi nhớ miên man về Bình Dương. Tỉnh lỵ Thủ Dầu Một đẹp hơn Bạc Liêu nhờ cát dựa lưng trên một trái đồi nhỏ. Trên đỉnh đồi là các cơ quan hành chánh với dinh thự. Xung quanh là cây cao bóng mát quanh năm. Đường dốc quanh co uốn khúc, phố xá tuy nhỏ nhưng ngăn nắp sạch sẽ hơn. Cũng vào giờ này, trên dốc nhà thương miệt Bung Cải các bạn tôi có còn quay quần họp mặt chuyện trò để chờ đón giao thừa? Ở dưới con dốc Ông Cò trong căn nhà rộng mênh mông, ba má tôi có còn đủ bình tâm cúng kiếng ông bà như mấy năm trước hay là nằm chèo queo thờ dài chờ đợi tin con trong nỗi sợ sệt bồn chồn. Nghĩ tới hình ảnh những người thân yêu còn ở Bình Dương lòng tôi đau nhói. Đây là đêm giao thừa đầu tiên mà tôi xa nhà. Năm nào cũng vậy dù đi làm việc xa xôi bất cứ ở đâu, Tết đến cũng tìm đủ mọi cách để về vui với cha mẹ, anh em. Như có một sợi dây vô hình ràng buộc, tôi tự cột mình, gắn liền với những người thân yêu, với tổ tiên dòng họ, quê hương làng nước. Những ngày đầu năm, nhà cửa được lau chùi sạch trơn, bàn thờ nghi ngút hương khói nhang đèn, cả nhà quây quần bên phòng khách ấm áp, cành mai vàng rực rỡ chen lẫn với những cánh glaieul đỏ như nhung. Tôi thường ngồi trước nhà chuyện vãn cùng các em học trò thân, cùng nhau ngắm các người quen đi lễ giao thừa ở chùa Bà, công viên trước nhà im vắng, không khí linh thiêng... Bây giờ thì hết rồi. Cây mai vườn nhà vẫn ra hoa như cũ?

*Đình thự bất tri nhơn khứ tận  
Xuân lai hoàn phát cựa thời hoa.*

Bạc Liêu tỉnh lạ bơ vơ. Tâm trạng hoang mang trống vắng. Duyên thần thờ đi bên tôi không nói năng. Chắc nàng cũng đang nghĩ về mảnh vườn xanh ngắt, căn nhà xinh xắn ở Dĩ An với tất cả lòng thương nhớ. Nơi đó có quyền thuộc ruột rà. Gia đình bên nàng sau khi nhà cửa ở Sài Gòn bị tịch thu, phải về nơi đây trú ngụ. Bỗng dưng nàng níu chặt tay tôi:

-- Hay là anh đến chùa xin một cây xăm cho năm tới coi ra sao?



-- Thôi em, xin rồi lại đâm lo. Ích lợi gì. Tốt thì không sao còn nếu xấu thì lại lo buồn rầu rĩ.

Trời đã im mát hẳn, thoang thoảng có vài hơi gió lạnh lạnh. Từ chiều cho tới giờ trong tôi tâm trạng băng khuâng xao xuyên hoang mang chờ đợi. Tôi đang chờ đợi cái gì cũng không biết nữa. Một thoáng mơ hồ huyền hoặc. Đêm nay đêm ba mươi Tết. Lần đầu tiên tôi xa nhà, bước đầu một cuộc phiêu lưu không mong không đợi. Dĩ vãng thì đầy rối rắm, tương lai không biết ra sao. Nơi đất lạ quê người những chuỗi ngày hy vọng rồi thất vọng nối tiếp. Chum bước lang thang trên đường phố đầy người mà lòng trống vắng mênh mông.

Trời càng về khuya, người đi trên đường càng lúc càng đông. Phần lớn là đàn bà Tàu đi lễ chùa. Tụ đứng tôi bước dần theo họ. Người nào tay cũng cầm giỏ mang đầy hương nhang đèn nến, mặt mày trang trọng vui tươi, ăn mặc chỉnh tề đẹp đẽ. Đi khỏi Ty Công An thị xã một quãng khá xa tôi thấy một vùng người đông đảo quây quần. Mùi nhang khói nồng ấm vây quanh. Ngôi chùa nhỏ hiện ra trong ánh đèn, ánh nến bập bùng. Một cây đa thiệt lớn bên cạnh như một cây dù đen đũi không lồ chụp xuống toàn thể ngôi chùa. Từ xa nhìn vào thấy những khối màu sắc đen, đỏ, vàng, xám mờ mờ kỳ ảo, lung linh rờn rợn. Tôi rón rọc hàng chữ nhỏ chạm nổi trên tấm bảng sơn đỏ treo bên trên trước cổng chánh. Bốn chữ "Ba Thắc cổ miếu" nét cứng cáp, màu đen nhưng quá cũ kỹ với thời gian. Đây không phải là một ngôi chùa mà là một ngôi miếu xưa của vùng đất Ba Thắc, tên cổ của vùng Sóc Trăng, Bạc Liêu nằm trên bờ sông Hậu Giang.

Tuy mới vừa từ chối với vợ nhưng chum tôi cũng bước vô trong. Giờ này người đi lễ đã đông. Khói nhang mờ mịt, không còn thấy được gì nữa hết, như trong một cái bếp un. Rón nhìn nhưng tôi không thấy được trên chánh điện người ta đã thờ vị thần nào? Thần của Cao Miên xưa hay của Trung Hoa mới đến lập nghiệp thời Chúa Nguyễn? Tôi không biết nhưng cũng không cần biết làm gì. Tôi chỉ biết là lòng tôi cần một nơi nương tựa, Trời, Phật, Thánh, Thần, vị nào cũng được. Miễn là làm sao tạo được cho tôi một niềm tin. Tôi quỳ xuống làm lễ khấn vái cầu nguyện cho chuyến vượt biên, tất cả được an lành. Trong ánh đèn lung linh mờ mờ khói nhang nghi ngút, tự nhiên tôi ớn lạnh toàn thân, vội quỳ mọp xuống. Duyên quỳ kế bên đưa cho một ống xăm bằng tre to bằng bắp chum màu đen xỉn, đựng những thẻ tre dài bằng chiếc đũa dẹp lép mỏng tanh. Tôi cầm lấy ống tre run run. Có cái gì linh thiêng khiến tôi hồi hộp. Tôi liếc qua một bà già Tàu kế bên rồi bắt chước bà ta, vừa lắc vừa nguyện cầu. Cả chánh điện ngập trong mùi nhang khói, mùi đèn nến. Tiếng xăm xóc lóc cóc rền vang rộn lẫn tiếng cầu nguyện rì rầm. Nước mắt tôi ứa ra cay xè ràn rụa. Tôi xóc mạnh hơn nữa, một cây xăm từ từ vượt lên cao rồi rớt ra ngoài. Tôi vói tay chụp lấy định đứng dậy đi ra. Duyên níu lấy tay tôi quỳ xuống, đưa cho hai miếng cây đẽo giống hình hạt xoài một bên thẳng một bên tròn.

-- Anh xin keo đi. Rón xin cho được âm dương.

Tôi nghe theo lời, cầm hai miếng cây lóng bóng đưa lên ngang đầu khấn vái xong, quăng xuống mặt chiếu. May quá một úp một ngửa.

Duyên mừng rỡ thốt lên:

-- Thần thánh đã chứng minh cho mình được cây xăm này. Anh ra ngoài để đổi lấy lá xăm coi tốt xấu ra sao?

Lá xăm đỏ nhỏ bằng bàn tay chữ Tàu ngoằn ngoèo in bằng bảng cây nét khắc to nên dễ đọc. Tôi lẩm nhẩm:

*Xuân mang bất phóng mã đề loan  
Hóa tận phong ba lịch hiểm nan  
Trực đãi nhưt thỉnh thiên báo hiệu  
Tự nhiên long đái bửu châu hoàn.*

Đọc xong tôi bèn giải nghĩa cho nàng:

-- Xăm tốt lắm. Đừng có lo. Nè hai chữ này là ‘thượng thượng’ Tiên hung hậu kiết. Qua khỏi Tết này là ghe mình đi được. Khi nào em nghe người ta đốt pháo thiệt lớn, thì lúc đó mình có giấy phép để nhổ neo. Yên chí đi, gần hết xui rồi!

Tôi cầm lấy lá xăm, lật qua lật lại, bàn tới bàn lui, cho nàng hay cho tôi? Cũng may đêm giao thừa xin được cây xăm tốt. Tôi mơ màng, hy vọng nay mai cả nhóm sẽ bùng bùng mừng rỡ khi được tin sẽ đi. Tay tôi bông thằng Bi, tay tôi dắt lấy Duyên đưa cả hai lên trên khoang thuyền, con thuyền thiệt vững chắc, sóng gió êm ả như đi trong hồ, tôi làm cuộc hải hành vượt đại dương để đến bến bình yên. Lòng tôi đậm vui sướng rạt rào. Duyên đi sát bên tôi:

-- Anh có nói thiệt không đó? Hay là nói tốt cho em mừng?

Trong bóng đêm tôi thấy mắt nàng mở to chờ đợi.

-- Thiệt mà, đâu có gạt em làm chi. Nè em thấy xăm linh không? Ba chữ ‘mã đề loan’ có nghĩa là ngựa đạp móng nhau dính cứng không đi được, cũng y như tình cảnh vương cảng vương chum của vợ chồng mình. Cuối năm Ngọ cứ tưởng xuống Bạc Liêu vài ngày là đi, nào ngờ đâu cả tháng nay rồi mà không nhúc nhích. Ngựa bị vương móng làm sao mà chạy được. Như vậy không thể tính chuyện gì được trong năm. Phải chờ sang năm mới.

-- Ừ dầu muốn dầu không thì mình cũng đã chờ cho tới mãn năm rồi. Ngủ một giấc nữa là sang năm Mùi.

-- Thì chắc rồi, em thấy không, xăm nói thiệt rõ... ‘trực đãi nhưt thỉnh’ nghĩa là phải đợi tới lúc có một tiếng nổ lớn thì ‘thiên báo hiệu’ tự nhiên trời sáng trưng liền. Cũng y như cái điềm báo mình hết xui xẻo vậy. Em nghe đó, hồi chiều tới giờ, người ta đốt pháo nổ liền hồi phải không? Vậy kể như là trời sáng rồi! Đây nè để anh rán dịch toàn bài cho em nghe:

*Xuân tới rồi bời ngựa vương chum  
Sóng gằm gió thét kết rồi tan  
Pháo nổ vang lừng trời báo sáng  
Tự nhiên rồng ngậm trái châu hoàn.*

Duyên đi nép vào tôi vẻ tươi tỉnh hẳn. Tôi cảm thấy hy vọng chợt về trong buổi trời đất giao hòa. Hai bên đường Lý Thường Kiệt dưới những bóng cây đen đen nhòe nhoẹt là những dãy nhà dọc ngang, đèn nền sáng choang, mùi nhang trầm thơm ngát thoảng trong khí trời nửa đêm lạnh lạnh. Thỉnh thoảng có những tiếng pháo chuột nổ lạch tạch rải rác đâu đây. Tôi cảm thấy có cái gì đổi mới âm áp như một thứ hy vọng len lỏi trong hồn. Một niềm tin tưởng từ cõi vô thức nào dâng lên no ứ. Mùa Xuân, mùa của hy vọng, của những chồi non nảy mầm, của sự sống vươn lên. Tôi mở lòng ra chờ đợi tin tưởng.

Bất thỉnh linh trong cái không khí êm ả, nên thơ đó, cả tỉnh Bạc Liêu pháo nổ vang dội. Cả trời lửa đỏ rực trên nền nhung đen thẫm đầy sao lấp lánh. Không khí như bị xé toang

ra bằng đủ các loại pháo. Tiếng nhỏ, tiếng to vang rền. Xen vào đó từng loạt đạn lửa bắn cầu vòng, từng loạt hỏa châu phát sáng. Người ta đổ xô ra đầy đường, ngược mặt lên trời để xem. Những viên đạn lửa đỏ rực màu cam bay cách khoảng nhau đều đặn thành chiếc lưới đỏ ngang dọc. Từng chiếc dù hỏa châu lơ lửng chói lòa soi sáng một góc trời. Trong ánh sáng chập choạng đám con nít giành nhau chạy lượm những chiếc dù nhỏ sắp rơi xuống đất tạo thành một cảnh hỗn độn mà rất vui. Cứ cách vài phút có tiếng nổ âm ầm.. thiệt lớn. Tiếng nổ của lựu đạn. Vào những năm về trước cứ đến giờ giao thừa, người dân cũng đốt pháo và những người lính Cộng hòa cũng có bắn súng để vui mừng nhưng in ít mà thôi. Nào ngờ bây giờ pháo đốt nhiều quá, súng bắn nhiều quá, có cả lựu đạn nữa. Trên mặt đường phố người ta tụ nhau quây quần chỗ năm chỗ ba đen nghệt. Người nào người nấy vui tươi, trang trọng. Nhút là mấy đứa con nít ồn ào, náo nhiệt, chúng chạy giỡn quăng pháo loạn xạ vào đám đông. Khu vực dành cho dân vượt biên tạm ngụ cũng thấy có người bày bàn thờ ra ngoài sân đủ cả hoa quả nhang đèn, xì xụp cúng vái.

Trong không khí linh thiêng mờ ảo của đèn nhang, tôi thấy cả thời gian không gian ngưng đọng, thấy cả người sống lẫn người chết sinh hoạt cảm thông, liên hệ nhau chặt chẽ. Lãng vãng đâu đây có bóng dáng linh thiêng của quỉ thần.

Duyên dịu dàng thì thâm bên tai:

-- Hai vợ chồng mình vừa được thêm một tuổi.

Tôi bước vào ngưỡng cửa. Nàng cũng vừa bồng con đi tới. Tôi ôm chặt cả hai mẹ con vào lòng. Duyên ngược mắt nhìn tôi không nói năng. Bi đã ngủ ngon, nằm gọn lỏn trong vòng tay mẹ. Tôi nghiệp thằng bé mới có mười mấy tháng đã tập tành ném mùi gió sương. Cả bầu trời đầy sao nhưng tôi thấy có hai ngôi sao sáng. Hình như từ ngày cưới cho tới hôm nay tôi chưa hề có một cử chỉ âu yếm hay nói một lời yêu đương dịu dàng với nàng. Như những ngày mới gặp nhau, sân trường Trung học Trịnh Hoài Đức những cây cồng bắt đầu thay lá mới, những chiếc lá non xanh mượt nõn nà. Lúc đó tôi đi dạy đã gần mười năm, những bài giảng hầu như thuộc gần hết, trong khi Duyên lại vừa mới ra trường, ngỡ ngác như con chim non mới bắt đầu tập vỗ cánh. Những tưởng cô giáo trẻ phải rụt rè trước một đồng nghiệp già giặn thâm niên hơn nào ngờ chuyện đời lại trái ngược. Mỗi lần gặp nàng ở ngoài hành lang hay trên lối đi đến lớp, tôi đâm luống cuống nói năng không đầu đuôi, tay chun thừa thãi. Khi bình tĩnh lại, tức mình hết sức! Những lần sau vừa thoáng thấy bóng nàng xa xa, tôi rẽ đi lối khác hoặc làm bộ đang mắc bận việc này việc kia! Đó là cách hay nhút để sửa chữa khuyết điểm của mình. Nếu nói năng không khéo léo thì thôi, không nói nữa.

*Thò tay mà ngắt ngon ngô  
Thương em đứt ruột giả đồ ngó lơ!*

Nhiều khi ngồi nhớ lại cuộc sống vợ chồng, tôi lo lắng chuyện đâu đâu, ít để ý tới vợ con, cho tới hôm nay hình như chưa nói một câu nào nghe cho được. Tôi vốn ít nói lại chậm chạp vụng về.

Hồi lâu tiếng súng tiếng pháo đã từ từ thưa thớt, chỉ còn đôi ba tiếng lụp bụp lẻ tẻ rời rạc. Người đi lại trên đường phố cũng thưa thớt, đêm đen tĩnh mịch trở lại. Trước hiên nhiều nhà chỉ còn leo lét ngọn nến tàn, những đóm nhang đỏ chập chờn trong sương khói. Sau

giây phút hớn hở hy vọng vui mừng, trong nỗi trống vắng mênh mông của đêm khuya tĩnh lặng quanh hiu, tôi trở về cái tâm trạng hoài nghi, khoắc khoải, mong chờ. Có thật không mùa xuân này cuộc đời tôi trở nên sáng sủa? Có thật không những lời xăm lnh nghiệm? Có thật không chiếc BL 1648 sẽ được phép nhổ neo?

Nằm bên hai mẹ con đã mê man trong giấc ngủ ngon lành. Từ ngày thương nhau cho đến nay Duyên đã sẵn sàng theo những quyết định của tôi bày ra không một hoài nghi do dự, đắn đo. Trong mỗi bước đi, mỗi cái nắm tay, mỗi ánh mắt nhìn tôi thấy lúc nào nàng cũng dịu dàng chấp nhận.

*Chàng đi cho thiệp theo cùng  
Đói no thiệp chịu lạnh lòng thiệp cam.*

Vậy thì, có thật đúng là chuyến đi này tôi đưa nàng và con tới bến bờ hạnh phúc? Tôi cảm thấy cái trách nhiệm tinh thần đối với vợ con ngày càng nặng. Đêm giao thừa xa nhà trôi qua trong giấc ngủ mê man, bằng bạc. Lịnh trung ương bao giờ?

**Võ Kỳ Điền**

## Chương 5 :

# PHÁO NỔ BIÊN GIỚI

Khoảng mừng sáu Tết mấy em về Bình Dương và vài gia đình về Sài Gòn ăn Tết cũng đã lục tục trở xuống. Nhà đã đông đúc, ấm cúng trở lại phảng phất đâu đây cái không khí mùa xuân nơi quê cũ. Các đòn bánh tét, đầu heo, tôm khô, củ kiệu ở nhà gói xuống ăn hết ngay ngày hôm sau. Ăn lại các món quen thuộc gia đình như là bánh tét, nhớ thương má tôi hết sức. Bà đã trên bảy mươi rồi mà vẫn còn bận bịu, lặn lội vì con. Bây giờ suốt ngày chờ đợi tin con cháu chừng nào đi được, để yên tâm mà mừng. Ôi! Tình cha mẹ thương con nói sao cho hết. Vẫn chưa có lệnh cho đi.

Bạc Liêu tháng giêng trời nắng gắt, lại ở gần biển nên nhiều gió cát. Đêm đêm giấc ngủ chập chờn, bứt rứt. Cái nóng của thời tiết cộng thêm cái nóng chờ đợi nó làm ai nấy đâm cau có, gắt gỏng. Tôi ngày nào cũng thả rêu ở chợ Bạc Liêu đứng hàng giờ dưới gốc cây sao già xem biển diễn quảng cáo Sơn đông hoặc đi ăn hàng ở các quán nước. Gần nhà trọ có một nhà hàng cũ bị trưng thu biến thành cửa hàng ăn uống quốc doanh, bán giá chính thức. Một tô hủ tiếu giá một đồng, ba mươi xu một chảo giò làm theo lối Tàu, hai mươi lăm xu một chai xá xí ướp đá lạnh. Tụi con nít trong nhà, thằng Lĩnh mập, Chí ròm, Xuân Lan, Trung, Dung là những khách hàng quen thuộc của tiệm này. Một ngày tụi nó chạy đi chạy về mua xá xí, nước cam con cạp không biết bao nhiêu bận. Uống hoài nên miệng đĩa nào cũng đầy râu xanh, râu đỏ. Tối tối nhiều đĩa đá dầm, cả sàn ướt chèm nhẹp, bị mẹ đánh khóc um sùm giữa khuya. Tình trạng chán nản khiến cả đám như tê liệt. Riết rồi không ai buồn nói chuyện như lúc ban đầu, người nào người nấy sầu thảm như thất tình:

Gió thổi hiu hiu Bạc Liêu kia hồi  
Đoạn sầu này biết gọi cho ai.

Mãi như vậy cho đến một đêm kia, tôi đang chập chờn trong giấc ngủ muộn màng thì bỗng giật mình thức giấc vì tiếng loa ở đầu đường oang oang. Bây giờ vào độ sáu giờ sáng có hơn, trời còn tối mù mù, hơi lạnh lạnh. Mọi người trong vùng còn đang ngủ mê man chưa ai thức. Tiếng loa phóng thanh vang dội từ xa ở phía ngã tư Quốc Tế gần bến xe đò Bạc Liêu. Ngày chưa bắt đầu nên không gian còn tĩnh mịch, tiếng nói rộn ràng của người xướng ngôn viên lặp đi lặp lại rền vang, nghe rõ mồn một:

-- Yêu cầu đồng bào đón nghe thông cáo đặc biệt của đồng chí Trường Chinh, chủ tịch Quốc Hội Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Giọng nói có vẻ gấp rút không như bình thường. Tôi ngạc nhiên. Cái gì vậy? Mới đánh tư sản năm ngoái, không lẽ năm nay đánh nữa, dân chúng miền Nam còn gì để tụi nó moi? Hay là lệnh đổi tiền? Lệnh trưng thu đất đai nhà cửa? Lệnh động viên, thi hành nghĩa vụ quân sự? Dầu gì đi nữa thì thông báo này cũng thiệt kỳ lạ. Mà sao người đọc lại là Trường Chinh? Tên này từ ngày bị thất sủng sau vụ cải cách ruộng đất ở ngoài Bắc cho đến nay không thấy tăm hơi đâu hết, bữa nay lại tự nhiên xuất hiện ngang xương như vậy. Ủ, chắc có đảo chánh ở Hà Nội hay Sài Gòn, nên Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp lặn đâu mất hết tron. Bộ hết người đọc rồi sao?

Nguồn tin sắp được loan ra khiến tôi hồi hộp hy vọng. Đã mấy năm nay tôi chờ một đổi thay. Đời sống ngày một ngọt ngào bế tắc. Đổi thay kiểu nào cũng được hết. Dầu gì đi nữa thì một cuộc đổi thay cũng cần thiết để đất nước khá hơn một chút. Kể từ năm 1975 đến nay đời sống người dân hai miền trở nên bi đát, tồi tệ. Cả nước đắm thối nghiệp, hàng triệu người bị tù đày, triệu triệu người còn lại vô công rồi nghề, đất đai bị cào xới lung tung không kế hoạch đúng đắn, rừng cây bị chặt phá hỗn loạn, mưa bão lụt lội tràn lan, máy móc xe cộ bị trưng thu để rỉ sét đầy đồng. Năm nào cũng mất mùa thất thu đói kém...

Tôi rần rần tai. Trường Chinh bắt đầu, giọng gấp rút hốt hoảng nghiêm trọng: "...vào ngày 17 tháng 2 này bọn bành trướng xâm lược Trung Quốc với hơn hai mươi sư đoàn bộ binh, hàng ngàn chiến xa và trọng pháo đã ồ ạt xua quân tràn sang biên giới, đánh phá sáu tỉnh miền Bắc. Hàng ngàn cơ sở, nhà máy, trường học, nhà thương bị đốt phá, hàng chục ngàn mẫu ruộng cấy hoa màu bị hủy hoại... Tuy nhiên quân đội nhân dân anh hùng phản công mạnh mẽ, đồng bào tại các vùng giao tranh kịp thời di tản. Các đội dân quân địa phương đã tổ chức công cuộc bố phòng chống trả. Nơi nơi đều giữ vững vị trí chiến đấu để chờ viện binh..."

À, thì ra đàn anh Trung Cộng đánh đàn em Việt Cộng. Đã từ mấy năm nay tình hình bang giao giữa hai nước càng ngày càng căng thẳng, hôm nay thực sự nổ bùng. Vậy là đồng chí Đặng Tiểu Bình lùn mà vĩ đại dạy cho đồng chí Lê Duẩn kính yêu bài học thứ nhất. Mấy tỉnh Lào Kay, Cao Bằng, Quảng Yên, Hà Giang, Tuyên Quang bị thiệt hại nặng nề, các hầm mỏ, nhà máy, đường sá, cầu cống bị phá sập, tụi nó đang tiến quân về Hà Nội... Đã thiệt! Ngày nào tình hữu nghị Việt Trung đời đời bền vững, bây giờ thì viếng thăm nhau bằng chiến xa với trọng pháo. Những tướng đã là đồng chí thì phải vĩnh viễn thương yêu nhau, nè đâu theo thói thường tình, không còn yêu thương nữa thì ganh ghét căm thù, dang tay đập nhau thẳng cánh:

Bậu ra cho khỏi tay qua  
Cái xương bậu nát, cái hoa bậu tàn.

Hà Nội chỉ còn xương chó làm gì có hoa! Trung Quốc đừng tưởng lầm! Tôi nghĩ lại tình trạng chung của cả đám và riêng tôi. Trung Cộng đánh Việt Cộng. Vậy cần gì phải ra đi? Hà Nội phải thay đổi chính sách. Nếu đất nước có được một sự đổi thay, chỉ cần một chút xíu cho dễ thở thôi, thì cũng không cần đi làm gì. Tôi nghĩ lan man ra cảnh bộ máy của đảng và nhà nước bị dẹp bỏ. Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Văn Tiến Dũng... tất cả bị bắt giam cho đi học tập dài hạn, các vị sĩ quan, công chức quốc gia mình sẽ được tự do, gia đình vợ con đoàn tụ sum vầy, dân chúng vui mừng thoát khỏi cơn ác mộng, làng xóm yên vui thanh bình... Tôi nằm nghiêng trên nền gạch gổ đầu trên chiếc ba lô ka-ki xám đen mà tưởng tượng ra đủ cảnh thú vị. Dân chúng Bạc Liêu từ trong các thôn ấp xa vắng đi hui, sẽ túa ra đường mừng rỡ reo hò, đường phố xôn xao tấp nập. Người ta tụ năm tụ ba kể cho nhau nghe cuộc thảm bại của các đồng chí răng đen mã tấu với đầy chi tiết hấp dẫn. Rồi tới số phận những kẻ trở cờ ba mươi tháng tư, họ sẽ lúng túng như con chuột trong lồng, không biết chạy trốn nơi đâu. Dân chúng sẽ được tự do thoải mái, nhà nhà mở rộng cửa buôn bán làm ăn. Các trường học vang đầy nụ cười trẻ thơ, dưới sông ghe thuyền xuôi ngược, trên bờ xe cộ lưu thông. Lúc đó tôi dắt vợ, bồng con ra bến

xe đồ mua vé trở về tỉnh cũ. Tỉnh Bình Dương của tôi vẫn còn y nguyên đó. Trường Trịnh Hoài Đức ẩm áp giữa các nương lúa xanh ngát nõn nà. Tôi sẽ nộp đơn xin được đi dạy lại, tiếp tục cuộc sống của đời nhà giáo, tuy nghèo và khiêm tốn nhưng yên vui. Ừ, cứ tưởng là cuộc đời mình sẽ bế tắc, ngờ đâu vẫn còn có lối thoát được. Tôi sẽ gặp lại tất cả những học trò thân yêu, những bạn bè cũ và nhứt là sống quây quần bên những người thân...

Nghĩ lan man tới đây, mừng quá bèn quay qua rồi rít lay vợ dậy:

-- Em có nghe gì không? Trường Chinh loan báo trên đài phát thanh kia... Trung Cộng đánh Việt Cộng rồi... còn mấy cây số nữa tụi nó sẽ san bằng Hà Nội!

Duyên trả lời giọng ráo hoảnh, chắc nằng cũng đã lắng nghe từ lâu:

-- Có, em cũng nghe từ nãy giờ. Mà nghe rõ lắm. Quân đội Trung Cộng không tiến sâu vô trong lãnh thổ được, họ bị giữ lại ở các tỉnh biên giới. Làm gì mà tới Hà Nội mau vậy?

-- Hơi đâu mà em tin ba cái đài phát thanh láo khoét của tụi nó, với xe cộ vũ khí tối tân bây giờ, đoạn đường mấy trăm cây số với mấy cây số cũng y như nhau, có khác gì đâu. Tụi Trung Cộng với một tỉ dân số dùng chiến thuật biển người, ai mà chống cự lại cho nổi. Nội cái nước nó phun nước miếng, tụi Hà Nội cũng trôi tuột ra biển hết, tới lúc đó vợ chồng mình khỏi cần vượt biên chi cho mất công...

-- Anh thì nói cái gì nghe cũng dễ ợt. Em không nghĩ như vậy đâu. Chưa chắc gì Trung Cộng đánh thắng được Việt Cộng. Mà nếu như có thắng được, quốc tế đâu có giương mắt nhìn nó chiếm Hà Nội. Còn Nga, Anh, Mỹ, Pháp nữa chi! Họ đâu có ngồi yên ngó cảnh Trung Cộng hưởng lợi. Mà thí dụ Hà Nội thua thật sự đi nữa thì Việt Nam mình cũng không thoát được nạn Cộng sản...

Rồi nàng tiếp tục phân tích:

-- Em đồng ý phải có một cuộc đảo chánh hay cách mạng gì đó nhưng phải là người quốc gia mình lãnh đạo, điều đó mới thực sự có tự do, độc lập, thanh bình. Chớ Cộng sản này đảo chánh Cộng sản kia thì dầu có đổi thay cũng là đổi từ cái nhà tù này sang cái nhà tù khác. Điều mà mình không chấp nhận đâu phải là cá nơn Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh hay vì Võ Nguyên Giáp... Mấy tên đó chỉ là những vai kép đóng tuồng. Không kép này thì bắt kép kia thế vô. Anh nào thì cũng râu rìa mặt mốc. Có cũng được mà không cũng vậy thôi. Cái chánh toàn dân không chấp nhận là chủ nghĩa Cộng sản kia. Trung Cộng thì có khác gì Việt Cộng đâu, e rằng còn tệ hơn nữa vì tụi nó là ngoại bang. Đương hy vọng bưng bưng, nghe vợ bình luận đâu đó có lớp có lang, tôi bèn giựt mình tỉnh mộng tiu nghỉu, lòng lạnh tanh như bị tạt một gàu nước:

-- Ờ, ờ anh nghe vội nghe vàng rồi nghĩ lung tung. Cái điệu này, tụi nó đánh nhau long trời lở đất là vợ chồng mình kẹt cứng. Ai ở không mà cho phép nhổ neo?

-- Thì phải chờ nữa, mình chờ đã gần hai tháng rồi, thêm bao lâu nữa cũng phải chịu chớ làm sao bây giờ!

Tôi thờ dài ngao ngán:

-- Trời, sáu bảy tuần nay đồ đạc bán dần để ăn gần cạn, chờ thêm vài tháng nữa thì đám tụi mình chết khô. Chắc mấy ngàn năm sau, người ta sẽ thấy ở bờ biển Vĩnh Châu bên mấy góc nhân già cõi có mấy trăm tượng đá ngóng cổ ra biển, héo mòn. Anh là tượng hóa đá đầu tiên!

Duyên lồm cồm ngồi dậy vén tóc nhìn ra ngoài:

-- Thôi mình thức dậy, trưa trừ trưa trật rồi, sửa soạn đi ăn sáng để nghe có tin tức gì mới.

Em thì cho rằng biết đâu nhờ cuộc chiến này, người ta sợ người Hoa làm gián điệp, nội tuyến, đuổi họ đi sớm chừng nào hay chừng nấy... Không chừng mình lại có phép khởi hành trong nay mai...

Nghe nàng nói tới đó, trong đầu tôi như có một tia điện xẹt ngang, ngọn lửa hy vọng bùng cháy, tôi chợt nhớ lại câu xăm hôm Tết: "Trực đãi nhứt tinh thiên báo hiệu, tự nhiên long đái bửu châu hoàn."

-- Em nhớ câu xăm đêm giao thừa anh xin đó không? Có tiếng pháo nổ thì trời sáng liền. Bữa đó vợ chồng mình bàn là pháo người ta đốt ăn Tết, không đúng đâu, pháo đó nhỏ lắm ăn thua gì! Anh nghĩ đó là tiếng súng đại bác của tụi Trung Cộng bắn "đùng đùng" vào ải Nam Quan. Cái này mới đúng là "trọng pháo!"

Ở bên kia "giường ny lông," tư Trần Hưng Đạo đã thức tự này giờ lắng nghe vợ chồng tôi đối đáp bèn xen vô:

-- Bây giờ mà bồ còn kêu là ải Nam Quan. Người ta đã đổi tên nó từ lâu rồi! Đổi từ cái thời tình nghĩa anh em đồng chí Việt Nam - Trung Hoa còn thắm thiết đậm đà. Họ đã ví von cái mối liên hệ mật thiết giữa hai nước bền chặt như môi với răng. Hễ môi hở thì răng lạnh. Vì lẽ đó mà họ đổi tên ải Nam Quan thành ra Hữu Nghị Quan. Nào ngờ mới có vài chục năm mà răng đã cắn môi tới rướm máu. Chắc là tên Hữu Nghị phải đổi nữa để phù hợp với tình thế mới...

Rồi anh tiếp tục bình luận:

-- Chuyện chánh trị thiệt là khó hiểu dễ sợ. Vừa thương yêu thắm thiết đó, quay qua quay lại đập nhau bẻ đầu liền. Mà dầu trong trường hợp nào người ta giải nghĩa nghe cũng xuôi rọt. Giải nghĩa xong, thấy chưa đủ còn làm thơ để ca tụng ngâm nga nữa. Trong lịch sử dân tộc chưa bao giờ thấy nền thi ca đất nước phát triển phong phú như vậy. Mỗi cán bộ là một thi sĩ. Lật tờ báo ra chỗ nào cũng toàn là thơ. Để rồi hai ông bà coi, thế nào cũng có hàng chục thi sĩ phùng mang trợn má, xắn tay áo chửi bọn bá quyền nước lớn, bọn bành trướng xâm lược...

Anh bạn này là tay buôn bán già đời, vậy mà chuyện chánh trị nghe cũng rành rọt dữ. Chắc là cũng học tập chính sách của Cộng sản sỏi đầu rồi! Tôi, mấy năm trời sống dưới chế độ bị thất nghiệp ngang xương, không biết làm gì cho hết ngày giờ, nên có dịp nghiền ngẫm khá nhiều sách báo của họ, những người chiến thắng. Điều dễ dàng nhận thấy là người Cộng sản có nhiều thói quen máy móc thành tật. Nhưng có hai thói quen lớn nhứt, từ anh lãnh đạo đầu sỏ đến anh cán bộ tếp riu là tánh ưa bàn chuyện chánh trị và thói sính làm thơ. Bất cứ chuyện lớn chuyện nhỏ họ cũng liên hệ một cách tài tình đến chuyện đấu tranh chánh trị được. Cũng vậy bất cứ chuyện gì họ cũng làm thơ được. Từ chuyện anh phi hành gia được Liên Xô cho ngồi ké bay vô vũ trụ tới chuyện chị quét rác không biết đọc biết viết đặc cử dân biểu, từ chuyện đàn bà phá thai theo kế hoạch gia đình đến chuyện bác Hồ chết có con cá rô... nó khóc!

-- Anh Tư nè, theo anh vụ Trung Cộng đánh Hà Nội có ảnh hưởng gì đến chuyến đi của tụi mình không?

Tư Trần Hưng Đạo ngồi nhồm dậy bật quẹt đốt thuốc, tay mân mê cái hộp quẹt vàng lóng lánh, suy nghĩ hồi lâu:

-- Tôi cũng không biết sao mà nói. Có thể nhờ đó mà đi được, cũng có thể bị dẹp bỏ. Lệnh của mấy thằng ông nội đó ba hồi như vậy, ba hồi như kia biết đâu mà mò. Nhưng có điều tôi cho là nhờ vụ này, tụi nó phải quyết định lẹ. Một là cho đi liền, hai là ngưng tức khắc,



chớ không thể để cù cưa cù nhầy như mấy tháng vừa qua. Ồ, ờ, tôi quên nói chuyện này, tối hôm qua định báo một tin mới nhưng hai ông bà lên chuồng sớm quá nên chưa nói. Chắc là sắp được đi rồi!...

Nghe anh nói tôi bèn tính người liền:

-- Sắp được đi rồi hả? Có tin gì hấp dẫn vậy?

-- Ghe mình bắt đầu sắp xếp lại tổ chức. Ban đầu người được mượn lái ghe là tài công Hên. Sau đó không biết tại sao Hên đổi qua lái chiếc BL076C, thành ra chiếc của mình thiếu người. Hủ Tiểu phải về Sài Gòn mượn một anh tài công mới, mặt rỗ, đem về mấy ngày nay. Ty Công An hay cơ quan Hòa Vận gì đó không chịu anh này, bắt phải chọn tài công Hốt là em vợ của Hên. Hốt bằng lòng lái chiếc của mình với điều kiện là được đem theo vợ và tiền công là hai mươi lượng vàng. Như vậy là ghe mình có hai tài công chuyên nghiệp. Chắc phải gần đi rồi nên mới chuẩn bị gấp gáp như vậy. Nhưng vấn đề lại đâm ra rắc rối là đào đâu ra số vàng để trả cho tài công Hốt?

-- Thì Hủ Tiểu phải lo chớ!

-- Hủ Tiểu nói gần hai tháng nay, chạy chọt lo lót đủ các cấp, tiền bạc hết trơn, ai muốn đi thì phải đóng thêm hai chỉ nữa, cho mỗi đầu người!

Tôi buột miệng kêu lên:

-- Trời, Hà Nội thì bị Tàu Bắc Kinh dạy cho một bài học, còn tụi mình thì bị Tàu Chợ Lớn làm tiền, chán hết sức, còn đâu nữa mà đóng, đã nghèo lại còn mắc cái eo!

Anh phà một hơi khói thiệt dài rồi nói tiếp:

-- Theo tôi đoán thì chắc là đi nội trong tuần này. Hôm qua đi lang thang ngoài chợ, chính mắt tôi thấy rõ ràng đám "bạn" ghe của chiếc BL1648 đi mua hàng mấy chục bao củ sắn với chanh tươi. Loại bao ny-lông xanh đựng cát. Đứa nào đứa nấy vác linh kình làng càng xuống bến. Củ sắn với chanh để lâu lắm là một tuần. Hồng lẽ nó mua trước cả tháng? Và lại nếu không đi được tụi nó mua mấy thứ quý đó nhiều quá để làm chi, cho vợ con Hủ Tiểu với Nhựt Bồn ăn à?

Duyên nghe bàn tới đó xen vô:

-- Nếu ghe mình đã có lệnh cho đi, tại sao Hủ Tiểu không báo cho anh em mừng để chuẩn bị, ông giấu cái tin đó làm gì?

-- Thiệt ra thì mình cũng đoán mà thôi, chớ chuyện thiệt hư cũng chưa biết ra sao. Việc Hủ Tiểu không báo trước ngày giờ khởi hành có nhiều cái lợi cho "giả." Một trong những cái lợi trước mắt là mỗi người phải đóng thêm hai chỉ vàng thì mới có tài công để lái ghe. Ai cũng sợ không đi được chớ gì, thôi rần đóng cho xong. Nếu mà nói ra nay mai khởi hành, ai mà thềm đóng nữa. Hai ông bà nghĩ coi có lý không?

Tôi nghe thấy đúng quá, bèn rủ anh đi ăn điếm tâm luôn:

-- Ồ, ờ, đúng vậy. Bữa nay mình ăn hủ tiểu ở quán cây dừa nghen. Ra ngoài thế nào mình cũng gặp mấy nhóm đi ghe khác, sáng nào họ cũng tụ tập bàn chuyện vang rân ngoài đó. Có tin gì lạ là biết liền!

Vừa nói tới đó, cánh cửa trước tự nhiên mở hoác, tiếng ken két rộn tai, ánh sáng ban mai rạng rỡ chói lòa vào phòng. Thằng Dân "gì đó" cao lêu khêu, vừa đẩy cửa bước vô, đứng giữa ngạch cửa, mặt mày tươi rói, cười hở chiếc răng vàng.

Tư Trần Hưng Đạo ngồi trong mùng nói chớ ra:

-- Thằng quý, cả đêm nay mày ngủ ở đâu mà bây giờ mới mò về nhà?

-- Tui qua bên Hủ Tiểu chơi, nghe tui nó nói chuyện rồi ngủ luôn ở bên gi đó!

Rồi nó nói tiếp, giọng hấp tấp nồng nhiệt:

-- Ở bên này, có nghe gì đó không?

Tôi mừng thâm trong bụng, chắc là có tin ghe được đi. Suốt đêm nó ở bên Hủ Tiểu mà, làm gì không biết được vài chi tiết hấp dẫn. Nếu Hủ Tiểu có kín miệng thì đám vợ con nó thế nào cũng xì ra, bèn vọt miệng hỏi:

-- Sao Dân, bộ ghe mình được giấy phép khởi hành rồi hả?

Cái thằng, thiệt tình, nó không đoái hoài một chút xíu nào hết đến nỗi bòn chòn của tôi, trả lời tỉnh rụi:

-- Đâu có, chưa đi mà! Có nghe ai nói gì tới ghe mình đâu. Tôi muốn hỏi bên này mấy anh có nghe radio nói vụ Trung Cộng đánh chiếm Hà Nội không?

Rồi không cần chờ ai trả lời, nó nói một hơi như liên thanh bắn, giọng Việt Nam ngọng lú lo, như thấy cuộc chiến rõ ràng xảy ra trước mắt, tay chun ra đầu quơ lia quơ lia như đang chỉ huy trận đánh:

-- Trời ơi, một triệu quân Tàu Cộng tràn qua biên giới, đập nát hết gì đó! Mấy chục ngàn xe tăng với súng cà-nông bự lắ mắ bắn "đùng đùng." Đường sá, cầu cống, nhà máy gì đó cháy tiêu. Máy bay ở phi trường vừa mới bay lên là bị hỏa tiễn bắn rớt xuống như lá rụng gì đó. Chánh phủ Hà Nội sợ quá, tính dọn vô Sài Gòn lấy dinh Độc Lập ở tạm rồi sau đó lựa người thiệt giỏi qua Bắc Kinh năn ni lạy lục gì đó. Mà chưa chắc Trung Cộng chịu đâu. Nước Tàu bây giờ mạnh lắm à! Nó chế được bom nguyên tử, còn Hà Nội chưa làm được cây đinh mà!

-- Thôi, thôi, thằng ông nội, đi chơi đã rồi về nhà đía cho sướng miệng. Mày nghe mấy tin tức đó ở đâu? Sao tui tao cũng có nghe mà đâu có y như vậy. Có mấy chỉ huy thì quân đội Trung Cộng đã ngồi chồm hồm ở lãng bác rồi!

Dân "gì đó" bị Tư Trần Hưng Đạo kê tù đứng ngang họng bèn cụt hứng, cổ vọt vát, đưa tay lên gãi đầu:

-- Tui nghe rõ ràng như vậy mà. Đài Bắc Kinh nói hồi tối qua, có Hủ Tiểu với Nhựt Bồn nghe nữa. Hồng tin qua bên hỏi lại coi, tui nói "gì đó" có đúng không?

Cái thằng ba xạo, tưởng có tin gì hấp dẫn rán lắ mắ tai nghe, nè đâu cái tin cũ xì! Chắc bên nhà Hủ Tiểu, thiên hạ cũng bình luận trận chiến giữa Tàu và Việt dữ lắm, nên coi nó đây về sôi nổi. Dân "gì đó" nói xong chừng như đã thỏa mãn, vén vạt mừng bước vô trong hai tay dài lê khêu, cái lưng khòm khòm, đi được vài bước tự nhiên chậm lại:

-- Nè nè, mấy anh có biết tin chiếc 076C đã được phép gì đó chưa? Chiều qua nó đã dời đi xuống Cà Mau rồi, không còn đậu ở bên nữa!

Trời ơi, cái thằng mắc dịch, tin hấp dẫn như vậy mà nó coi như không có gì hết, nói nghe tỉnh rụi. Tôi đứng bật dậy vén mừng níu lấy tay nó, lỗ tai lũng bùng, bụng hồi hộp hết sức:

-- Sao Dân, chiếc 126C hả, được đi rồi hả? Sao im ru vậy, ở bên này không ai hay biết gì hết. Trời ơi, thiệt không? Có nghe chừng nào tới lượt ghe mình?

-- Không phải chiếc đó, tôi nói chiếc 076C mà. Còn hai chiếc 126C với 1648 còn ở bên y nguyên gì đó. Tui cà rà theo hỏi Hủ Tiểu, nó cứ lắ mắ nói hồng biết, hồng biết.

Tư Trần Hưng Đạo đứng kế bên hỏi nào, dáng điệu hăm hờ bộp chộp:

-- Chiếc 076C đi xuống Cà Mau rồi hả? Tại sao nó không đi theo ngã Gành Hào, Hộ Phòng? Mày nói thiệt không đó, tại sao phải xuống Cà Mau kỳ cục vậy?

Vừa hỏi thằng nhỏ tấp tới, anh quay qua rủ tôi:

-- Thôi tui mình rửa mày rửa mặt lẹ lên, đi thẳng ra bến, chun xuống ghe là biết liền. Để ý

coi tụi nó chuẩn bị, sửa soạn dầu mỡ, gạo muối, khô mắm...

Đầy nhà vang rân cái điệp khúc ‘chiếc 076C đã đi rồi, chiếc 076C đã đi rồi’ Cái tin nhỏ xíu vậy mà có hiệu quả ghê gớm. Cả bọn đang héo xào ủ rũ như đám rau bị hạn gặp được trận mưa rào, vụt tỉnh dậy hơn hờ xôn xao. Nguồn tin được loan truyền từ miệng người này sang người kia nhanh như điện xẹt. Căn nhà như tiếp được luồng sinh khí mới bùng bùng sức sống, đám trẻ nít rộn ràng ríu rít, đám người lớn xôn xao tung bưng. Cà Mau, cái tỉnh cuối cùng của đất nước, tôi chưa hề đặt chân tới lần nào, bây giờ trở nên quan trọng và hấp dẫn. Tôi tưởng tượng ra một mỏm đất có hình nhọn nhọn cong cong như mỏ chim ó, bùn lầy sinh đất đen thui, cây bần, cây đước, cây vẹt, cây tràm với các rễ ló cao lên khỏi mặt nước như hàng triệu triệu cây chông nhọn, trong đó có đầy cá thòi lòi với ba khía bò lồm ngồm. Mùi hương tràm thoang thoang lẫn mùi bùn sinh hôi hám, mùi nước phù sa đục ngầu tanh tươi, khiến tôi ngây ngất. Bạc Liêu tự nhiên mờ dần trong trí nhớ:

Chờ em anh hết sức chờ  
Chờ cho ến xại lên bờ khùi huôi.

(ca dao Bạc Liêu. Tiếng Tiều Châu - Ớn xại : rau muống; khùi hui: trở bông)

## chương 6:

# CÀ MAU LY RƯỢU GIÃ TỪ

Thế rồi ngày chờ đợi cũng đã đến. Sau bữa cơm, mọi người đang lim dim trong giấc ngủ trưa thì Hồ Tiểu Khê vác cái bụng nước lèo, khệnh khạng đi vào nhà mặt hí hửng báo tin lệnh trung ương đã chánh thức cho phép các ghe của tỉnh Minh Hải khởi hành. Hấn nói:

-- Ngày mai, lúc sáu giờ sáng tụi mình đi xuống Cà Mau bằng xe đò, rồi từ Cà Mau mới đi ghe ra biển. Nhớ nghe, đi xuống đó tay không, không được cầm theo gì hết. Hành lý có xe chở đi trước... nhớ sơn tên họ rõ ràng để khỏi lộn.

Như một phát pháo lệnh vừa được châm ngòi, cả nhà bùng bùng vui ngày hội lớn. Một nỗi mừng vụt đến, tôi ngây ngất bàng hoàng. Ghe đã được đi! Ghe đã được đi! Công trình của gần hai tháng trời héo hắt đợi chờ. Tôi nhìn chỗ nào cũng thấy đáng yêu hết sức. Năng hừng hực giữa trưa, nắng long lanh ngoài ngõ, nắng xôn xao trên những lá rau muống bên kia đường, nắng chói lòa niềm vui. Mọi người lãng xãng dọn dẹp, thu xếp, chuẩn bị. Tư Trần Hưng Đạo đi chợ mua sơn để ghi tên họ trên các bao hành lý, đồ đạc anh đem theo nhiều quá, gần tới cả chục cái xách tay. Anh ngồi trong góc nhà, cầm cây cọ nhỏ chấm vô sơn vàng, cẩn thận viết từng chữ cái.

Tôi nói với anh:

-- Anh mua hộp sơn lớn quá, viết có mấy cái xách tay làm sao cho hết!

-- Tiệm không còn thứ nhỏ, thôi kệ, miễn có mà viết. Xong rồi, anh em lấy mà dùng khỏi mắc công mua nữa.

Tôi soạn lại xách tay, sắp xếp lại quần áo, cái để mặc đi đường, cái chở theo bằng xe hơi, cùng các đồ dùng cần thiết.

Duyên kể bên cũng rộn ràng:

-- Mình phải mua thêm bình nhựa đựng nước đem theo để uống đi đường, cái bình một lít của Bi nhỏ quá không đủ đâu, em cũng phải mua thêm một cái nồi để nấu nướng...

Nghe vợ nhắc tới đó, tôi bỗng nghĩ ra vấn đề than củi:

-- Chắc phải mua thêm cây búa để đốn củi, không có nó thì lấy gì chặt cây mà chụm?

Út Trung xen vô bàn:

-- Thế nào ghe cũng tấp vào một bờ biển của Thái Lan hay Mã Lai, gặp nhà cửa của người ta mình xin vô ở đỡ nhưng cả ghe mấy trăm người làm sao ở cho đủ, chắc phải giăng lều ở ngoài trời. Vậy nên mua thêm vài cuộn dây nhợ, vài bố căng lều.

Tư Trần Hưng Đạo tiếp:

-- Đã mua thì mua luôn cho đủ, mua nhiều nhiều lưỡi câu với dây ny lông để rui có lọt vô đảo hoang thì cũng câu được cá mà ăn, mua luôn phao để có chim ghe thì... lộn!...

Duyên đi chợ mua về hai bình đựng nước cỡ năm lít. Có mua thêm cốm dẹp, làm thêm thịt cá chà bong. Đường chanh thì đã có làm sẵn ở nhà từ trước. Thấy nàng sửa soạn thức ăn đem theo, trong đó có một kí sữa bột, cả đám đều cười cho là chớ củi về rừng vì ở bên đó thiếu gì sữa. Lệnh Công an ban ra là các ghe đậu ở Bạc Liêu sẽ đi xuống Cà Mau chở trước theo những kiện hành lý công kênh. Hành khách đi tay không theo sau bằng xe đò. Vì Việt Cộng nói nên không ai tin, sợ bị gạt. Nếu nó lấy hết các hành lý, không chở theo ghe thì lấy gì mà mặc. Và lại đâu nhiều hay ít ai cũng có dấu vàng bạc trong các gói xách, trong áo quần để phòng khi cần thì dùng đến, bây giờ phải làm sao?

Đứng nhìn qua bên kia đường tôi thấy hành khách của chiếc 0126C ra đi, ăn mặc đầy cộm như phi hành gia. Mỗi người bận bốn năm cái áo, ba bốn cái quần rồi thêm vào đó áo mưa, áo lạnh, đầu đội nón, tay che dù, cổ quấn khăn, đủ mọi thứ trùm lên đi hết muốn nổi. Trời Bạc Liêu, tháng giêng nắng như đổ lửa mà phải đi vào buổi trưa đứng bóng như vậy, thiệt là khổ hết chỗ nói. Để tránh dân thị xã dòm ngó, từ nhà ra đi từng người một, đến nơi hẹn vắng vẻ có xe đậu sẵn để chở đi Cà Mau.

Cũng may chúng tôi được đi vào lúc sáng, ăn mặc cũng theo kiểu trùm mền này nhưng không nóng nực lắm. Đến Cà Mau loay hoay cũng đã trưa. Nghỉ ngơi, ăn uống dọn dẹp chỗ ở tạm thì cũng hết ngày hết giờ. Cả bọn tắm rửa xong thì trời cũng đã về chiều. Tôi chọn một bộ quần áo mới để thay đổi cho tươi mát một chút. Cả ngày đi xe từ Bạc Liêu xuống đây, đầu cổ mình mây bụi bặm dơ dáy lòi thối quá. Dầu gì đi nữa, đây cũng là lần đầu tiên tôi đặt chum lên cái đất Cà Mau, bê bối lượm thượm thì thiệt là không nên. Nắng đã tắt từ nãy giờ, trời chiều im mát. Đèn đường đã cháy sáng. Hoàng hôn nơi tỉnh lỵ êm ả, trong lành. Mọi hoạt động náo nhiệt ban ngày đã ngừng hẳn, nhường chỗ cho sự nghỉ ngơi, thong thả. Người đi thưa thớt, thỉnh thoảng có vài chiếc xe lòi chậm chậm chạy ngang. Nhìn qua Duyên, nàng cũng mặc cái áo mới có nổi bông xanh, quần dài đen óng ả. Bì áo trắng, quần ngắn có dây treo sọc đen, hai con mắt láo liêng nhìn mọi nơi ngo ngác như con vịt nhỏ.

Nơi chúng tôi tạm trú là một ngôi chùa lớn của người Tàu. Giờ này trước cổng chánh đã có nhiều gian hàng bán chè, bán cháo đông đây. Tôi lững thững chậm bước, đứng đợi cả gia đình Tư Trần Hưng Đạo để đi chung cho vui. Ở góc phố này tôi có thể nhìn thấy xa xa chợ Cà Mau qua dãy lầu hai tầng xưa cũ. Có nhiều căn nhà còn đương cất nửa chừng

dở dang. Nhìn trở vào trong tôi quan sát toàn thể ngôi chùa. Đó là một cơ sở nguy nga đồ sộ, kiến trúc bằng bê tông cốt sắt. Nó nằm trên con đường chánh của tỉnh lỵ. Như tất cả chùa miếu của người Trung Hoa, nó được sơn phết rực rỡ bằng toàn một màu đỏ. Mái ngói màu gạch cua cong vút, gạch tường đỏ bầm, nền gạch bông đỏ bóng, từng hàng cột đỏ tươi, mây hoành phi câu đối cũng đỏ. Chỉ có hàng chữ to nằm vắt ngang chánh điện là sơn đen tuyền, chữ khắc lõm sâu, cứng cáp "Minh Nguyệt Cư Sĩ Lâm."

Vậy là tôi hiểu lầm rồi. Đây không phải là cái chùa thờ Phật mà là hội quán của những người cư sĩ Trung Hoa. Cách đó chừng một cây số mới là một cái miếu lớn thờ Quan Thánh Đế Quân. Xung quanh cây cối vườn tược xanh tươi, thanh mát. Trong hội quán có văn phòng làm việc của ban quản trị, có phòng ốc trú ngụ, cờ xí trống chiêng để đọc theo tường la liệt. Đặc biệt có chỗ tắm rửa, vệ sinh thiết rộng rãi, sạch sẽ. Tuy nhiên vì đám khách trọ hôm nay quá đặc biệt, họ đông gần trên năm trăm người, khách của hai ghe 1648 và 126C cùng ở chung, nên việc vệ sinh lúc nào cũng phải sắp hàng chờ đợi. Nhưng điều đó đâu có quan trọng gì. Ai cũng vui vẻ, thoải mái vì chỉ ở tạm ngày nay thôi, mai này lên ghe rồi, dầu cục khô cách mấy cũng vui.

Tư Trần Hưng Đạo cùng bầu đoàn thể từ vừa ra tới. Cả bọn lũ lượt kéo nhau ra chợ, đi về hướng trái, đoạn đường ngắn lắm chừng độ năm trăm thước. Cà Mau chiều xuống ở vùng ăn nhậu này, khung cảnh thật là ồn ào náo nhiệt. Đây đường nam thanh nữ tú dập dìu. Khác hẳn thành phố Sài Gòn ủ rũ buồn rầu, tỉnh lỵ Bình Dương u ám lạnh tanh, chợ Cà Mau, đêm về, không có vẻ gì ảnh hưởng những tác động của thời cuộc. Người dân vẫn rộn rịp sinh hoạt, ăn uống, vui đùa. Hay đó chỉ là bề mặt? Tôi không biết. Tôi chỉ là người khách lạ, ghé tạm qua đây, cũng như hàng ngàn người tới lui tấp nập chiều nay có phải là dân vượt biên bán chánh thức như tôi, cũng không biết nữa. Chỉ biết khi trời vừa sụp tối, chợ Cà Mau bùng sống lại với đủ các loại đèn màu trong các hàng quán ăn uống nhộn nhịp. Những quán bì cuốn, nem nướng, chả giò, bánh hỏi thịt quay, khói bay thơm phức ngào ngạt.

Tư Trần Hưng Đạo níu tay tôi, chỉ vào một sạp bán đồ nhậu:

-- Ê bộ, có ghê sò y như ở khu La Kay Nguyễn Tri Phương, vô làm một bữa cho đã rồi mai lên đường.

Theo tay anh chỉ, tôi thấy người ta bày bán hàng thúng cua lột, những con cua vỏ mềm xèo màu tím tím nằm im lìm không cục cựa, những rô sò ốc thiết tươi ngon, những con tôm thẻ phơi khô xỏ cọng dừa dài cỡ hai gang tay, từng xấp khô mực còn đủ râu ria bên cạnh những chai rượu đế trắng bong trong suốt, những chai rượu nếp than đậm như nhung... Tuy trong bụng cũng thèm lắm nhưng nghĩ tới các món đồ biển dễ trúng độc này, tôi bèn lắc đầu. Ở nơi xứ lạ quê người, rủi bịnh hoạn rồi làm sao đây. Phía bên kia là dãy hàng quán bán cháo cá bào ngư, cháo thập cẩm. Trên bàn nhiều tô đĩa men sứ trắng bong vẽ màu xanh đỏ chung đầy các món cao lương mỹ vị, hấp dẫn làm sao. Tôi níu tay anh Tư:

-- Thôi tụi mình vào đây, mỗi đứa làm một tô cháo dầm bụng, rồi thủng thẳng tính nữa!

Tư Trần Hưng Đạo không chịu:

-- Thôi, hai ông bà thích thì vô đó đi. Tụi tôi qua bên quán đồ nhậu, thử coi Cà Mau với Sài Gòn, chỗ nào ngon hơn!

Tôi bước vô quán, thay vì kêu tô cháo tôi gọi một đĩa mì xào giòn, Duyên, một tô mì vịt tiềm. Xung quanh thực khách ngồi đông nghịt, người ta ăn uống ồn ào, nói chuyện vang rân. Tôi nghe có tiếng Việt, có tiếng Tàu, tiếng đũa muổng, tiếng bằm thịt, tiếng nước sôi, tiếng chiên xào, tiếng cười nói... trộn lộn nhau, hòa tan nhau thành một thứ âm thanh hỗn độn náo nhiệt mà thâm tình, rộn ràng sống động mà vui tươi. Trong bụng thấy vui hết sức... Mai này mình bước lên ghe, hy vọng cuộc đời sáng sủa!

Anh phở ky từ bên trong bấp bưng một tay đĩa mì xào, một tay tô mì vịt ngút khói, cẩn thận để xuống bàn. Tôi thấy ngón tay cái của anh ta chắm vô trong tô mì, thiệt là mất vệ sinh, buột miệng cắn nhằn:

-- Trời ơi, sao anh lại thọc ngón tay vô trong tô vậy?

Anh ta trả lời gọn băng, giọng Việt pha Tiều ngọng nghịu:

-- Hồng có nóng đâu mà, "ngóa" quen rồi!

Nói xong, anh chùi tay vô quần, quay vô trong bình thản như không có gì phải bận tâm hết. "Ngóa" quen rồi... vậy thì mấy ngàn tô mì, tô cháo ở tiệm này đều có ngón tay của anh chàng nhúng vô. Mà ở Cà Mau này, có ai vì ăn mì mà bệnh hoạn đâu. Thôi đành! Tôi vừa bực mình vừa buồn cười. Cái thằng cha này, thiệt tình, hết nước nói!

Tôi và Duyên bắt đầu ăn. Tô mì xào to hết sức bốc khói nghi ngút, các món thập cẩm gan, lòng, mực, tôm để trên mặt trộn lẫn với vài cọng ngò xanh thiệt khéo léo ngon lành. Tôi rán ăn hết sức vậy mà chỉ hết chừng phần ba. Lúc gần xong, tôi nghe có tiếng nói ào ào bên tai:

-- Hà, hà, hai ông bà ngồi tuốt trong này im ru bà rù, hèn chi nãy giờ không thấy!

À, thì ra mấy anh bạn người Tàu đi cùng ghe, họ ngồi kế bên hồi nào không hay. Tô Tỷ mặt đỏ gay, A Sơn xám ngoét, còn Xám Mã Chải thì xanh lè. Anh nào anh nấy áo phạch ngực, điệu bộ đã lừ nhừ. Trên bàn chén đĩa ngổn ngang bẻ bộn. Trong đám Tô Tỷ là người có học thức, tôi thường nói chuyện với anh ta năm ba câu chuyện văn chương thơ phú Trung Hoa... cho qua ngày giờ. Nhờ đó mà trở nên thâm tình.

Xám Mã Chải nhỏ con kéo ghế qua bên, loắt choắt tay rót một ly rượu đế trắng bong, sủi bọt đầy tràn với qua đưa cho tôi miệng nói:

-- Nè, ông bạn uống với anh em tụi tôi một ly đế từ già Cà Mau.

Tôi khoát tay từ chối:

-- Cám ơn, cám ơn, nhưng tôi không biết uống rượu. Rủi say rồi làm sao?

Tô Tỷ đứng dậy, dáng lão đảo tiếp lấy ly trong tay Xám Mã Chải, cầm đưa vào tận miệng tôi, rượu chao mạnh muốn tràn ra ngoài.

-- Thôi mà ông thầy giáo ơi, ngày mai tụi mình đi rồi. Rán uống với anh em một ly cho vui. Một ly thôi mà. Hồng uống rồi chừng nào được uống nữa?

Nói xong anh ta thấy tôi có vẻ do dự bèn để ly rượu trở lại bàn, nắm lấy vai tôi lắc lắc:

-- Thôi tụi tôi không ép đâu. Để tôi đọc cho nghe một câu thơ Tàu, ông thầy nếu thấy được thì uống cho vui. Rủi có say thì về ngủ, mai mình mới đi mà.

Anh tặng hăng đỗi giọng, cái mũi đỏ ửng, mùi rượu nồng nặc:

*Huyêl quánh cặng chuân dách búi chầu  
Sáy xuyát dườn quál mù cu dành.*

Tôi khựng lại, rán lắng nghe. Câu thơ này nghe quen quá... quen quá. Phải chi anh đọc theo giọng quan thoại thì dễ hiểu hơn. Tôi lập lại từng âm, từng âm. Phải một hồi lâu mới

hiều được. À, thì ra anh chàng đã đọc hai câu thơ của Vương Duy đời Đường. Tôi đưa tay cầm lấy ly rượu, mắt nhìn sững anh ta. Thiết tình tôi không ngờ Tô Tử đã khéo léo quá chừng, người anh trông cục mịch thô sơ lại đầy tình cảm. Hai câu thơ dùng cho cảnh từ giã Cà Mau tụi tôi chiều nay, thiết là tuyệt diệu. Duyên níu lấy tay:

-- Thôi, anh rán uống một chút cho vui, nhưng đừng uống hết nghe. Nhiều lắm đó.

Tôi đưa ly rượu lên môi, đọc lại âm chữ nho rõ ràng cho nàng

- "Khuyến quân cảnh tận nhất bôi tửu, Tây xuất dương quan vô cố nhân."

Ngày mai này tôi sẽ rời Việt Nam, vĩnh viễn để đi về một nơi xa lạ phương trời tây, bạn bè quyến thuộc bỏ lại hết sau lưng, trước mặt là những người không quen biết. Ra nơi biên ải, ai người cố nhơn?

Lòng xúc động bồi hồi, tôi uống một hơi. Tự nhiên không thấy rượu đắng như mọi bận. Cái vị rượu béo béo giòn ngọt, đặc biệt là nồng thơm hết sức. Tôi uống một hơi dài, rượu tràn vô miệng thấm vào đầu lưỡi, vào tận chơn răng, chảy ngọt ngào qua cuống họng rồi trôi luôn vô bao tử. Ly rượu cạn tron, tôi nghiêng cho những giọt cuối cùng nhều xuống hết. Hết tron, hết thiết rồi. Tôi để cái ly không trở xuống bàn, lắng nghe một luồng ấm áp từ miệng chạy xuống bụng rồi nghe hơi rượu từ từ bốc lên đầu, nong nóng ở màng tang. Tôi diu Duyên (hay nàng diu tôi?) ra khỏi quán, trời đã mát hẳn, đêm chừng đã khuya. Trong ánh đèn chập choạng tôi thấy mấy cục gạch ở dưới chun tự nhiên nổi lên nổi xuống, kỳ cục quá. Tại sao khi lớt mấy người thợ hồ sắp xếp không ngay hàng thẳng lối vậy cà. Bây giờ nó lại lắc lư nữa. Tôi bước theo cục gạch vừa trôi lên, thì cái chun hụt vô khoảng trống, nghiêng qua một bên, vội chụp lấy vai Duyên. Cả người lão đảo, biết rượu đã ngấm, miệng vẫn còn nói cứng:

-- Uống mới có một ly, rượu cũng không nồng lắm, chắc chưa say đâu. Duyên nè, em có biết 'dương quan' là ở đâu không?

-- Dạ, dạ, không biết, vịn chắc vô vai em nè, coi chừng té, say rồi đó!

-- Đề anh giải nghĩa cho nghe. Tây xuất là đi về hướng tây. Muốn dịch chữ nho thì mình phải dịch ngược. Tiếng Việt mình nói thuận, tiếng Tàu nói nghịch. Do đó, em thấy không, nội cái việc phân tách tiếng nói là thấy rõ ràng người mình với người Tàu khác nhau. Vậy mà sử dám viết ông Lạc Long Quân là cháu ba đời của vua Đế Minh ở bên Tàu... Ồ, ờ anh đương nói tới đâu rồi, tây xuất là đi về hướng tây, ở Cà Mau này đi về hướng tây thì thế nào cũng đụng Thái Lan hay Mã Lai chớ gì. Vậy thì dương quan là mấy cái xứ đó đó... Thái Lan nè, Mã Lai nè, Nam Dương nè. Mà rùi có bị bão tố giông gió thì trôi tuốt qua Úc cũng vậy. Hồng lẽ dương quan là Ấn Độ, ai mà chèo ghe tới được, xa quá mà. Mai một khi tới anh chỉ cho em coi! Người ở mấy nước đó ăn bốc bằng tay. Vậy xứ nào ăn bốc bằng tay thì gọi là dương quan... Đó là mình nói theo phương pháp tam đoạn luận.

Phản vừa phải bồng con vừa bị ghì nặng, phản tôi cứ lải nhải bên tai, nàng bực mình cần nhần:

-- Uống chi cho nhiều tới say mềm nói hoài nói hủy, mùi rượu để hôi rình. Về tới chùa rồi kìa, coi chừng vấp cái ngạch cửa!

Nàng vừa nói tới đó, thì chun tôi đá mạnh vào cây cột ở trước hàng ba, cái đầu may quá nhờ lắc lư nên chưa đụng, cũng may còn vịn kịp nên không té, đầu thấu trời xanh nên tỉnh hẳn.

Đêm đó trời không trăng nhưng đầy sao lấp lánh. Một ông sao sáng, hai ông sáng sao, ba ông sao sáng... Trong bước đi chênh choáng, mắt thấy hàng ngàn ngôi sao rớt lên rớt xuống chấp chóa. Bên trong chùa hàng trăm cái mùng nhỏ giăng dọc giăng ngang, không còn một chỗ trống để đặt cái chum. Tôi rón kim cho vững cái thân lắc lư mà len theo vợ, loáng thoáng nghe như có tiếng Tư Trần Hưng Đạo nói văng vẳng:

-- Cà Mau đã quá, đồ ăn ngon lành mà lại rẻ rề. Phải chi hai tháng trời chờ đợi ở Bạc Liêu mà được ở đây thì sướng nhưt hạng...

Không kịp thay quần áo, mí mắt đã nặng trĩu, đầu óc đặc cứng như chì, tôi vội khoát mùng lăn đùng trên tấm ny lông, ngủ một giấc thẳng cẳng không biết trời trăng mây nước... Thủ Dầu Một, Sài Gòn, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau gì cũng quên tuốt luốt hết. Cũng may là tấm ny lông tôi chùi xuống là giang sơn riêng biệt đã chiếm được hồi trưa, không phải của cô hàng xóm độc thân kề cận:

*Gió đưa con buồn ngủ lên bờ  
Mừng ai có rộng cho tôi ngủ nhờ một đêm!*

Một giờ trưa ngày hôm sau, cả nhóm được hướng dẫn đi từ toán nhỏ xuyên ngang qua chợ để vô những căn nhà bằng cây lợp tôle cất dọc theo bờ kinh Trần Văn Thời. Kinh Trần Văn Thời? Cái tên này nghe sao là lạ, tôi chưa từng biết tới. Chắc là tên của một anh hùng liệt sĩ nào đó mới vừa được đặt để ghi công trận trong cuộc chiến vừa qua. Vào giờ này chợ vẫn còn đông đúc thành ra khi chúng tôi đi lẫn vào đám đông nếu không tinh ý thì khó mà nhận ra có một nhóm người lạ mặt đang được sắp xếp để xuống ghe. Dây phố đó có nhiều căn thấp lè tè. Đằng trước các bạn hàng bày bán đủ loại thức ăn cùng vật dụng thiết yếu hàng ngày. Tôi thấy nào dưa, thơm, khoai lang, khoai mì, gạo, khô, quần áo, vải vóc, kim chỉ, đồ mũ nhựa... chất trên từng chiếc sạp cây nhỏ. Khách hàng là các bà nội trợ tay xách nách mang chen lẫn nhau.

Tôi dắt Duyên lách vào một căn, cửa chỉ mở hé. Bên trong đã đông người. Nhìn ra là người quen cùng ghe, cũng có vài bộ mặt lạ. Căn phố trông trơn không bàn ghế búp núc tủ giường. Hình như đây là nhà vừa để chứa hàng hóa. Nhưng hàng hóa đã được lấy đi đâu hết rồi, bây giờ người ta dùng làm địa điểm tập hợp để xuống ghe. Tôi đếm tất cả được trên hai trăm. Gương mặt người nào người nấy căng thẳng nghiêm trọng, không nghe tiếng cười nói hàng ngày. Tư Trần Hưng Đạo đứng bên vách hút thuốc liên miên, mây đưa con mặc áo phao bằng những miếng mốp dày may lại. Duyên lột trái quít đưa cho tôi, kè tai thì thầm:

-- Rán đừng nói tiếng Việt, có thằng cán bộ Hoa Vận đứng với Nhựt Bồn kiểm soát ở phía cửa sau kia.

Tôi liếc mắt nhìn ra sau thấy một người đen đui cao lớn áo sơ mi trắng, quần ka ki xanh bộ đội, chum mang dép râu, kế bên là Nhựt Bồn. Nhựt Bồn cũng là chủ ghe có phần hùn với Hủ Tiểu. Anh ta người Tàu, mắt hí, đầu sói giống hịch người Nhựt. Gọi hoài nên thành tên. Tôi lắng nghe cả hai nói chuyện. Tên cán bộ nói tiếng Tiều rất giỏi, có lẽ nó là dân đầu gà đít vịt Tiều lai Miên nên đen thui. Cả nhà ai nấy đều lặng thinh nên nghe cả hai nói chuyện nghe lờng lợng. Tô Tỷ đứng kế bên làm thông ngôn và chỉ huy:



-- Lần lượt xuống ghe từng gia đình, đi cẩn thận coi chừng lọt xuống sông. Gia đình mấy người thì xuống mấy người, không được nhiều hơn. Ai xuống nhiều hơn thì bị bắt ở lại cả nhà...

Ngoài cửa sau, có ghe nhỏ gắn máy đuôi tôm đậu cặp sát vách. Người ta lần lượt xuống từ từ. Hoàn toàn không điếm danh và sổ sách gì cả. Nhựt Bồn và tên cán bộ chỉ đứng bên cửa ngó theo. Có thằng nhỏ lồi xóm độ mười tuổi ở trần đen thui, ôm nhóm ôm nhách lòi cả xương sườn xương sống chun vô nhà hồi nào không ai biết, chắp tay sau đít đứng kể bên. Hồi lâu ngó chán nó quay qua hỏi:

-- Mấy người này lên ghe đi đâu vậy ông?

Anh cán bộ lừ mắt ngó nó về hăm dọa, điều bất ngờ là anh ta bật nói tiếng Việt:

-- Đi kinh tế mới đó mày!

Thằng nhỏ cũng ngon lành, không sợ nghinh lại:

-- Ông nói dóc với tui, họ đi vượt biên.

Anh ta quê quá, đuổi nó ra cửa trước.

Tôi đi ra phía sau, thấy dưới ghe người ta đã ngồi gần đầy. Mỗi lần có người bước xuống chiếc ghe chòng chành. Vì toàn là dân thành phố chưa quen sông nước, vả lại quần áo lướt bướt dệp giầy lồi thối, nhứt là đàn bà, con gái quần dài áo rộng lao chao lụp chụp. Tới phiên tôi và Duyên. Tôi giành bông lấy Bi. Duyên vịn vào thành cửa, bước xuống ghe trước. Chiếc ghe chao mạnh. Mấy người ngồi bìa vói tay giữ chặt lấy cột cầu. Nàng chọn lấy một chỗ giữa khoang. Tôi đưa Bi và leo xuống theo ngồi cạnh. Cái xách tay đeo bên vai. Yên chí tôi đưa mắt nhìn lại căn nhà. Nó là một dãy nhà sàn được cất trên những hàng cột tràm đóng sâu trên mặt nước dọc mé sông. Vách sau được đóng ghép những tấm ván dày để ghe tiện cặp vào chuyên chở hàng hóa. Nó vừa là nhà vừa, vừa là cầu tàu. Lúc đó độ hai giờ trưa, nắng chói lung linh mặt nước. Lòng tôi vui như mở hội. Mấy tháng trời chờ đợi chỉ mong được có buổi hôm nay. Tôi nhìn trời, trời sáng trưng, nhìn nước, nước long lanh, nhìn người người nào cũng tươi rói nói cười. Tôi nhìn những cây cừ tràm dưới nhà sàn thấy mực nước đánh dấu bùn sinh đen đũi lưng chừng đáng yêu hết sức. Tự dung cái gì cũng đẹp cũng nên thơ. Cuối cùng rồi cũng đầy khoang. Ghe nổ máy dòn đã chạy ra giữa dòng kinh. Chiếc kè từ đâu không biết chạy kè lại, tiếp tục đón khách xuống. Mỗi chiếc chứa được khoảng ba mươi người, tất cả là bảy chiếc khởi hành tại hông chợ Cà Mau chạy dọc theo kinh Trần Văn Thời. Nước kinh đầy phù sa, lóng lánh ánh mặt trời giữa trưa chói chang. Người ngồi trên ghe dù nón sặc sỡ, quần áo đủ kiểu đủ màu khác hẳn với các ghe địa phương.

Dòng kinh thẳng tắp. Một đoàn ghe bảy chiếc chạy nối đuôi nhau, ở xa nhìn như ghe đám cưới. Trên mặt nước loáng nắng ghe thuyền xuôi ngược đông như mắc cửi. Những chiếc ghe chài chở khẳm nặng nề lướt lừ đừ, những chiếc tam bản nhỏ xíu nhẹ nhàng lao vun vút. Dân chúng hai bên bờ kinh biết rõ là đoàn ghe đi vượt biên, họ đưa tay chào từ già, nồng nhiệt. Người trên ghe cũng vẫy tay già từ. Cái tình đồng bào thiết thân ái mà vui. Tôi nghe lòng ấm áp. Cảnh biệt ly ở đây không có vẻ gì buồn hết. Người đi thì muốn đi lẹ hơn. Người ở lại cũng nhận thấy ra đi là phải. Có sống dưới chế độ này mới hiểu được tại sao người dân lại muốn ra đi rời bỏ quê hương, một điều rất khổ tâm đối với người Việt Nam, một dân tộc có truyền thống bám chặt với quê hương xóm làng. Có nhiều người ngoại quốc họ vẫn chưa hiểu và bình vực Cộng sản. Nhiều khi tôi có ý nghĩ xấu là ước gì

quốc gia của họ, một sớm một chiều bị nhuộm đỏ thì sẽ biết ngay lý do tại sao chúng ta, những người vốn yêu mến quê hương đậm đà, lại dứt khoát ra đi như vậy.

Có lẽ vì là lần đầu tiên đi ghe trên kinh rạch nên Duyên nhìn say mê thích thú những cảnh vật xung quanh. Nàng chỉ cho tôi một chiếc ghe hàng, trên khoang chất đầy hàng hóa, phía sau có người đàn bà trọng tuổi nấu cơm, khói bay mịt mù, vài ba đứa con nít mình mẩy đen thui trần truồng chạy giỡn. Bên bờ có mấy cái lồng gà bằng cây, mấy chậu ớt trái chín đỏ, mấy chậu rau xanh có vài chậu bông thọ đã tàn rụi.

-- Anh coi kìa, ngộ quá, cả gia đình sống luôn trên ghe. Chật chội quá hả, rồi làm sao tắm rửa, ăn ở?

-- Thì vùng đất này ẩm thấp đầy sông rạch, phải di chuyển bằng ghe xuống. Lo gì chật chội, trên khoang thì đủ chỗ để ăn ở, trên trời thì mây gió trăng nước thiếu gì. Họ sống quanh năm suốt tháng vui vậy, vợ chồng con cái xum họp quanh nhau. Em thấy họ hạnh phúc không, chưa chắc gì mấy người ở thành phố sang trọng, quần áo bánh bao mà được sung sướng hơn. Em để ý mà coi những câu ca dao dễ thương hồn nhiên mộc mạc thường chỉ xuất hiện nơi thôn dã:

*Trời xanh, kinh đỏ, đất xanh  
Đĩa bu, muối cần làm anh nhớ nàng.*

Duyên thắc mắc:

-- Nước ở kinh này đục ngầu bùn đất màu cà phê sữa lợt lợt chớ đâu có đỏ?

-- Câu ca dao trên xuất hiện vào thời những con kinh miền Nam mình mới được đào. Đất miệt này do phù sa sông Cửu Long bồi đắp nên nhiều phèn. Đào kinh để rút hết chất phèn, đất mới mong trồng trọt được. Phèn trong đất gặp mưa chảy vào kinh, mùa nắng nổi lên trên mặt nước, đóng váng đỏ màu gạch cua. Phải chờ một vài mùa mưa nắng phèn mới rút hết ra sông ra biển, nước kinh mới hết đỏ. Hồi xưa đời Chúa Nguyễn, lúc mới khai phá người ta đào kinh bằng tay, đến đời Pháp thuộc đào bằng xáng múc:

*Chừng nào xáng Mỹ bung vành  
Tàu Tây lúng máy anh mới đành xa em.*

-- Thiệt không đó, em thấy tàu bây giờ hư hoài, phải đem vô sở Ba Son để sửa...

-- Thì hồi xưa, người mình chắt phác thấy cái gì của Tây cũng cho là tốt, không bao giờ hư. Mỹ là Mỹ Tho đó...

Đoàn ghe vẫn lướt phẳng phẳng trên sóng nước. Qua nhiều xóm làng u tịch, lác đác đây đó vài mái nhà tranh xám xám quanh hiu bên những bụi chuối tàu lá phát phơ rách tưa vì gió nắng. Mặt đất phẳng lì. Mùa này đồng ruộng chỉ còn trơ những gốc rạ xám vàng trải dài tới tận chơn trời xanh xanh. Tất cả chìm trong biển nắng, xa vắng mênh mông. Thịnh thoảng dọc bờ kinh thấy có những trại mộc, đang đóng dỡ dang nhiều ghe đi biển lớn, khung ghe đều đặn như những chiếc xương sườn loài khủng long thời tiền sử.

Khoảng ba giờ trưa đến Tắc Thủ. Những làng xóm ở đây thường bắt đầu bằng chữ Tắc. Tôi đã đi qua Tắc Vân, Tắc Sậy... Không thấy chợ búa nhà cửa phố xá, chỉ thấy một hàng cây xanh xanh với lau sậy um tùm bên bờ. Có một cái vó cá đặt im lìm bên gốc cây vùng lớn giơ ra mặt nước, đầy hoa đỏ hồng hồng rụng vương vài đó đây.

Đoàn ghe từ từ chậm lại rồi tấp vào. Bãi sinh lầy lội đen thui. Anh lái ghe nhảy xuống trước, hai chum lún vô sinh đến tận đầu gối bước lần từng bước khó khăn. Cột ghe vào gốc cây xong, anh chạy u lên bờ quơ một ôm rom rạ rồi lót trên bãi sinh. Cả đám lục tục đổ bộ vào trong một gian nhà tranh. Căn nhà ở tuốt sâu bên trong nên khi ngồi dưới ghe thấp không thấy. Nhờ rom nhiều nên không bị lún mất dép nhưng chum căng lấm lem chèm nhẹp. Quanh nhà có trồng tre, chuối, có ao thả cá, có chuồng nuôi heo. Tôi lững thững bước vô trong, thấy giữa nhà là ảnh Hồ Chí Minh để trên bàn thờ tổ tiên. Trên đó có ba bốn tấm hình thanh niên, kể bên là những giấy chứng nhận liệt sĩ in màu đỏ tươi tương phản với màu xám đen của bàn ghế, tường vách... Chủ nhà là một cán bộ địa phương đã trọng tuổi, dáng khắc khổ gầy gò. Ông ta nhìn chúng tôi soi mói, vẻ lãnh đạm. Tôi bước lách sang bên hông nhà tránh cái nhìn của ông, cẩn thận dè dặt vẫn hơn. Ông bây giờ là kẻ chiến thắng, còn tôi người chiến bại... Nhưng suy nghĩ cho cùng cả hai đều đáng thương như nhau, đều là nạn nhân của một thứ quyền lực mới. Tất cả mọi người rồi sẽ bị nghiền nát, xóa bỏ trong bộ máy chủ nghĩa khổng lồ.

Ngồi trên một khúc cây mục ở ngoài sân, Tô Tử cầm viết ghi tên từng người miệng tía lia:

-- Mỗi người đóng hai đồng, nhờ bà chủ nhà nấu cho ăn bữa cơm chiều. Nửa đêm ghe lớn mới tới. Ai ăn thì ghi tên đóng tiền liền.

Trước nhà có sân rộng có tàng cây lớn. Gió từ kinh thổi lên lồng lộng sáng khoái mát mẻ. Bên kia bờ kinh là rừng lau sậy ngút ngàn chạy dài tới tận chơn trời. Mọi người ngồi đứng lảng xăng, có kẻ kiếm chỗ nằm nghỉ mệt. Tôi chọn một chỗ quang đãng, lót cái áo khoác xuống đất để mẹ con ngồi, rồi thả lang thang qua xóm kế bên. Lần theo lối mòn cách đó chừng trăm thước tôi gặp đám hành khách của chiếc 0126 đã ở từ trước. Gặp anh bạn quen kê tai nhắc nhở:

-- Nếu mày còn tiền, kiếm bà chủ nhà nhờ luộc cho con gà hoặc con vịt ăn cho đã, tội gì đem theo mà xài không được. Đồ thứ tiền cô hồn!

Buổi ăn chiều gạo mục nát nuốt không vô, đồ ăn hầu như không có. Tôi không nghe đói lắm nên chỉ ăn chừng một chén. Vừa ăn xong trời đương sáng đỏ hồng sụp tối rất nhanh, mọi vật trở nên đen thui u ám, không thấy được gì hết. Tất cả được phủ trong màn đêm kín bung. Tự nhiên trong cái đám lào xào đen đũi đó, tôi nghe văng vẳng có tiếng người kêu lớn:

-- Ông nào hỏi nầy nhờ luộc con gà? Ông nào... nhờ luộc con gà?

À, thì ra bà chủ nhà xách con gà luộc mỡ mẫm trong đám đông hàng mấy trăm người để kiếm tôi. Khi nhờ bà luộc gà ơ hồ không nói rõ tên họ, thành ra bà phải vừa đi vừa hô lớn. Tôi mừng quá, chạy lại còn bao nhiêu tiền móc hết đưa cho bà. Bà già thiệt dễ thương hết sức, đã luộc dùm con gà thiệt lớn mà còn cho thêm một lon guigoz cháo nóng.

Nhờ con gà nầy mà vợ chồng tôi tỉnh táo sau mấy ngày sóng gió lênh đênh. Hôm đó là ngày gần cuối tháng giêng âm lịch, trời thật trong, không trăng nhưng đầy sao. Tôi lẩn quẩn bên Duyên và mấy đứa em vì sợ lạc. Thỉnh thoảng có tiếng gọi nhau ơi ới. Đâu đây có một hai người đốt thuốc, ánh diêm quẹt lóe sáng lên rồi tắt ngấm. Mùi diêm sinh hôi nồng. Tôi lấy cái áo khoác bịt mũi vì trời lạnh lạnh và đàn muỗi đã bay tới tấp. Đêm càng lúc càng khuya. Trời tối đen như bung lầy mắt. Chỉ nghe có tiếng nói chuyện rì rào, tiếng

ho khúc khắc. Trong lòng tôi hồi hộp nhưng đầy phấn khởi, náo nức. Đứng lặng yên bên vợ con tôi nghe tiếng tim đập nhịp nhàng, nghe cả tiếng côn trùng rì rả đầy đồng, tiếng gió rào rào qua kẽ lá...

Bỗng nhiên trong cái yên lặng tối đen có tiếng máy ghe nổ từ xa, văng vẳng. Tiếng động cơ càng lúc càng lớn dần. Mọi người trở nên xôn xao, đứng bật dậy. Một chiếc xuồng gắn máy rẽ sóng chờ anh cán bộ Hoa Vận hồi trưa đến. Anh cầm cây đèn pin dài ngoằn, tia sáng chiếu loang loáng thiết xa len vào tận đọt dừa trên cao. Tôi rón rén nhìn vào chiếc đồng hồ tay của người kể bên. Ánh lân tinh lơ mờ nhưng cũng đủ để thấy gần đúng mười giờ đêm. Tiếng ra lệnh oang oang:

-- Một chút nữa ghe lớn tới. Tất cả hành lý xách tay đem theo phải để trên mui, mọi người đi tay không xuống ghe.

Đi tay không xuống ghe? Vậy thì làm sao bây giờ. Trong bóng đêm mù mù tôi mò trong cái xách tay nhỏ lấy ra bàn chải đánh răng, các thứ thuốc, thịt cá chà bông, kẹo đường chanh và vài món lặt vặt cho tất cả vào trong một cái túi nhỏ, sắp xếp thiết gọn rồi đeo vào cổ. Duyên thì cầm tay bình nước một lít. Tôi dùng dây dù cột chắc xách tay lại để khi ghe lớn đến thì bỏ lên mui cho tiện. Sửa soạn đâu đó vừa xong thì thấy chiếc 0126 lù lù tới rọi đèn sáng hai bên bờ. Cách đó chừng vài trăm thước ở phía sau là chiếc 1648 đèn đuốc sáng rực trên mui, trong khoang. Tiếng máy nổ của hai chiếc ghe lớn gây náo động cả một khúc sông. Bây giờ nơi đây như một phiên chợ đêm họp giữa đồng, ánh sáng mờ ảo tiếng người nói chuyện, tiếng bước chum lao xao, bóng người di chuyển như những bóng ma chập chờn. Tôi thấy cái gì cũng mờ lung huyền ảo. Cảnh thực hay mộng?

Có lệnh xuống ca nô để ra ghe lớn. Người ta chen lấn, giành giật xô đẩy nhau. Nước kinh nửa đêm chảy nghe cuộn cuộn, tiếng róc rách nghe rõ mồn một. Trời ơi, nếu lỡ trượt chum lọt xuống sông thì làm sao? Chắc chết quá. Tình trạng thiết nguy hiểm vì nước chảy quá mạnh. Những ngọn đèn trên ghe lớn phản ánh xuống mặt nước thành hàng trăm con rắn vàng lóng lánh ngoằn ngoèo. Ca nô nhấp nhô dưới lườn ghe theo từng lượn sóng dập dồn. Trên ghe thả xuống một cái thang dây. Từng người leo lên chậm chậm, chiếc thang đong đưa. Tôi giành ẵm lấy Bi, Duyên cầm lấy hai đôi dép chân cỏ bám xuống sinh cho khỏi trượt té. Đoạn đường từ bờ xuống ca nô chỉ chừng năm thước, vậy mà sao thấy thiết dài. Bùn sinh nhão nhoẹt, rom rạ lót đầy lúc ban chiều, bây giờ bị nước lớn cuốn trôi đâu hết. Loay hoay rồi thì hai đứa cũng leo lên được ghe lớn. Trong khoang đặc nghẹt người ngồi, không còn một chỗ trống. Tôi và Duyên lần mò lên mui, chen lấn mà đi. Chỗ nào cũng chật cứng. Thôi đành ngồi trên boong, chật bó lom khom vì bị cái mui bên trên đè xuống.

Người lên ghe đã hết. Trên ca nô bây giờ chỉ còn có anh cán bộ và người lái. Cả hai khoát tay từ giã. Ghe bắt đầu khởi hành chạy dọc bờ kinh. Đi ngang qua chiếc 0126C thấy nó còn đậu để rước khách. Trời tối đen như mực. Trên ghe có một ngọn đèn pha sáng rực soi về phía trước. Một ngọn đèn pha phụ được rọi dọc theo bờ để tránh các đáy đánh cá. Nhiều quá, các hàng đáy giăng giăng, những cọc tre dựng đứng thẳng trên mặt nước, có treo những ngọn đèn nhỏ xíu lập lòe để làm dấu. Duyên thấy lạ mắt chăm chú nhìn. Nước kinh chảy mạnh, các cọc tre đong đưa, ngọn đèn chao qua chao lại.

-- Em nghe nói đáy đánh cá hoài, mãi bây giờ mới thấy. Té ra là lưới giăng ngang qua sông để bắt cá.

-- Ủ, miệt này thiếu gì cá tôm. Chỗ nào có sông rạch thì người ta đóng đáy. Em có biết câu hát này không --

*Đèn treo cột đáy, nước chảy đèn rung,  
Anh thương em thảm thiết vô cùng  
Biết cha với mẹ có bằng lòng hay không...*

-- Trời, câu hát dễ thương quá hả anh!

-- Ủ, nói chung thì người dân quê thiệt thà chất phác, thương thì nói thương ghét thì nói ghét. Có điều người mình thường bị ràng buộc bằng đủ mọi lễ thói, tập tục, thành kiến... nên tình cảm bị gò bó, không được thoải mái.

Ghe thỉnh thoảng phải ngừng lại để soi cho rõ, rồi tiếp tục lướt êm trong màn đêm. Chừng độ một giờ, ghe ra tới sông Ông Đốc. Sông rộng mênh mông. Vọt một cái nghe nước chảy ào ào, thiệt mạnh. Thỉnh thoảng lại gặp các hàng đáy nữa. Hai bên bờ xa tít mù lờ mờ rừng đước, rừng tràm, lau sậy. Tất cả chìm trong khói sương. Tiếng máy ghe nổ dồn dã đều đều. Tuy thức đã gần suốt đêm, hình như không ai buồn ngủ. Con sông dài quá. Tôi rán hết sức nhìn lên bờ. Chỉ thấy mờ mờ sương khói với những rặng cây đen đen ở chun trời xa. Rặng cây này nối tiếp rặng kia lâu lâu đứt đoạn bằng những con lạch nhỏ. Ghe êm đêm lướt mãi trong màn đêm quanh hiu lặng lẽ.

Trong cái êm lặng mênh mông tôi nửa mê nửa tỉnh, bỗng thấy Xám Mã Chải ở dưới khoang ghe leo lên boong, tay hắn cầm một cái bao giấy lớn miệng léo nhéo:

-- Ai còn tiền dư, xin bỏ vào bao để cho mấy người trên đôn. Mình đi rồi tiền đâu còn xài được nữa.

Thiên hạ người móc túi kẻ móc bóp trút hết số tiền còn lại. Tôi không còn đồng nào, tất cả đã cho bà già lược gà. Thấy tiền Hồ Chí Minh, nhớ câu nói của anh bạn hồi chiều -- đồ thứ tiền cô hồn! Tiền cô hồn thì đem cúng cô hồn, phải quá rồi. Chỉ trong vòng năm ba phút, cái bao căng đầy. Số tiền có thể trên cả trăm ngàn...

Chiếc ghe đang lướt nhanh bỗng từ từ chậm lại rồi ngừng hẳn, tiếng máy vẫn nổ đều đều, êm êm. Trước mặt bây giờ là một căn cứ hải quân. Rải rác ở giữa sông có vài ba chiếc tàu sắt lớn sơn màu xám xám neo đậu im lìm không đèn đuốc. Trên bờ là một căn cứ hải quân biên phòng với một cầu tàu lớn bằng sắt sơn đen. Xung quanh bên có các ghe gắn máy, xuống đồ bộ. Các ụ súng phòng không với các lô cốt chôn đầy bao cát, các ngọn súng chĩa xéo lên trời. Duyên giựt mình tỉnh hẳn, ngó những ngọn đèn vàng vọt trên đôn, khều tôi nói nhỏ:

-- Tới trạm hải quân biên phòng, thế nào mình cũng bị xét hỏi.

Tôi lặng thinh hồi hộp. Hủ Tiểu len lách giữa đám người đen nghệt, tay cầm bao bạc vừa xin được, ẹ ạch vịn vào những ghe tàu đậu sát bên lân vào tới được cầu sắt ở trên rồi đi vô trong. Từ dưới nhìn lên vắng tanh không một bóng người. Trời còn tối lắm nhưng đêm chắc cũng gần tàn. Ghe đã đi gần năm, sáu tiếng đồng hồ rồi. Đoạn đường trên sông Ông Đốc đâu có xa xôi gì, vậy mà chạy gần nửa đêm.

Hủ Tiểu đã lên tới bờ, bóng đã khuất sau cổng đôn. Phải cả giờ sau, mới thấy ông ta đi ra với một cán bộ. Rồi hai người chào từ giã nhau. Hủ Tiểu lại ẹ ạch xuống cầu tàu rồi lần

theo be ghe leo lên ghe lớn. Ghe nồ máy lớn hơn, rẽ sóng thẳng ra đại dương. Hoàn toàn không có kiểm soát xét hỏi gì. Tôi thở ra nhẹ nhõm. Trong khoang ghe nhiều tiếng xi xào:

-- Ra tới biển, ra tới biển rồi!

Tôi sực nhớ tới vở cải lương có tựa "Thuyền Ra Cửa Biển" của soạn giả Viễn Châu. Rất tiếc là chưa coi nên không biết có cảnh nào giống như cảnh này không. Biển cả đối với tôi là cái gì kỳ bí, nhiệm mầu, huyền hoặc. Lúc còn dạy học ở Sóc Trăng, năm Mậu Thân đường bộ bị giựt mình phá hoại, phải xuống trường bằng đường sông. Từ Cần Thơ đi thẳng ra cửa biển Đại Ngãi, ngang qua Kê Sách để đến Lịch Hội Thượng. Khi gần ra tới biển ghe chòng chành dữ dội, sóng đánh âm âm vào hai mạn ghe. Các thanh gỗ, be ghe, sườn ghe vặn mình kêu răng rắc. Nước văng tung tóe. Hành khách phải đóng tất cả các cửa bên hông. Ngồi trong khoang tôi cảm thấy ghe nhào lộn lắc lư như chiếc lá nổi chìm trên sóng nước. Ngoài khung cửa kiếng nhỏ thấy bọt nước tung lên trắng xóa mù trời, chiếc ghe quay cuồng như giữa thác nước lớn. Biển cả còn ở xa tận ngoài kia. Cũng may cũng chỉ chừng năm mươi phút chịu đựng ghe tấp vào Đại Ngãi để lên bờ. Đại dương vẫn còn ám ảnh trong trí nhớ.

Bây giờ tôi thực sự được chứng kiến biển cả bao la. Trời thật đẹp. Tiếng sóng đập vào hai bên mạn ghe êm ái làm sao. Biển xanh rờn mênh mông, chỉ thấy trời và nước một màu. Vùng giáp mí giữa sông và biển, nước vẫn phẳng lì, không một gợn sóng to. Cửa sông Ông Đốc rộng hàng mấy cây số, ở bên này bờ chỉ thấy thấy bên kia mờ mờ xanh xanh, nước phù sa tuôn ra biển khiến một vùng nước xanh đục lờ lợ. Năm ba cánh chim biển chao mình bay lượn trên không. Trời sáng rờ rờ. Không khí mát mẻ trong lành. Tôi nhìn qua Duyên thấy Bi đã mở tròn đôi mắt ngơ ngác nhìn quanh. Duyên mỉm cười nhìn tôi:

-- Bi ngủ suốt đêm tới giờ mới thức, đâu biết đã rời Việt Nam!

Nghe vợ nói tới bốn chữ "đã rời Việt Nam" tôi vội nhìn ngoái lại:

*Đoái trông theo, đã cách ngăn  
Tuôn màu mây biếc, trái ngàn núi xanh.  
(Chinh phụ ngâm)*

Trạm hải quân biên phòng đã mất hút. Bốn bề là trời nước. Bất giác tôi tự thấy tự do đầy sáng khoái. Như con chim vừa thoát khỏi cái lồng chật hẹp, tôi hít mạnh một hơi dài không khí trong lành buổi sáng giữa biển khơi vô đầy hai lá phổi. Tôi sung sướng đưa mắt nhìn quanh. Trên ghe toàn người là người. Nhưng ai nấy đều rạng rỡ hân hoan. Thôi, kể từ nay không còn bị kiểm soát giấy tờ, không cần thuộc lòng bản lý lịch nữa, kể từ nay không còn sợ anh Ba, anh Bảy, chị Tư, chị Tám, kể từ nay chấm dứt nỗi sợ hãi học tập tù đầy.

Vĩnh biệt đảng Cộng sản quang vinh. Vĩnh biệt đất nước của những anh hùng liệt sĩ đánh Tây, đánh Nhật, đánh Mỹ, đánh Tàu và đánh luôn cả những người dân Việt vô tội. Non sông gấm vóc bốn ngàn năm tổ tiên dày công gây dựng, người ta chỉ cai trị trong vài năm nó trở nên tan hoang xơ xác điêu tàn, đâu đâu cũng thấy đói rách làm than. Người ta đã nhân danh quá nhiều thứ để làm công việc phá hoại chém giết đó. Một trong những tội tày đình là tội độc quyền yêu nước, gạt những người không cùng chính kiến ra ngoài lề xã hội và coi họ là kẻ thù cần phải tiêu diệt. Ôi! Cùng chung một màu da, một tiếng nói,

một nguồn cội, một lịch sử vậy mà người ta nở đố xử nhau như người dung nước lã. Hàng ngàn trại học tập khổ sai hoang vu, hàng ngàn nhà giam đầy những cực hình. Cả đất nước là một nhà tù khổng lồ nhất sáu chục triệu dân nghèo đói thảm thương. Vậy mà những người cầm quyền vẫn chưa sáng mắt, miệng lưỡi lúc nào cũng ca ngợi một thứ chủ nghĩa ngoại lai thiếu nhân tính.

Tôi là một người dân thường, ước ao được sống một cuộc đời tâm thường an phận. Ít ra trong giấc ngủ khỏi phải phập phồng sợ hãi từng tiếng bước chun, tiếng gõ cửa giữa đêm khuya và biết chắc rằng sáng hôm sau mình vẫn còn bình yên, sống vui vẻ bên vợ con gia đình. Trời sanh tôi có mắt, có tai, có miệng và một trái tim. Nếu mắt không được nhìn, tai không được nghe, miệng không được nói và nhứt là trái tim không được đập theo nhịp yêu thương, hờn giận, vui buồn... thì đó là điều đau khổ nhứt của kiếp người. Vì vậy tôi phải bỏ xứ mà đi...

### *Chương 7:*

## **ĐẠI DƯƠNG MUÔN TRÙNG**

Trời càng lúc càng sáng. Mặt trời từ từ lên cao ở sau lưng như vậy là ghe quay mũi về hướng Tây Nam. Biển cả mênh mông, đầy hấp dẫn mà cũng đầy ghê rợn. Chiếc BL 1648 lúc nằm ở bên thì lớn lao quá, be ghe vượt trên bờ đá hàng một hai thước cao, nhìn toàn thể như một tòa nhà nguy nga đồ sộ, bây giờ ở đây nhỏ xíu như chiếc lá trôi giữa dòng. Giữa cái bao la của trời biển mênh mông, con người trở nên bé nhỏ... quá bé nhỏ như con sâu, con kiến. Nó không nghĩa lý gì hết. Đối với biển cả còn vậy, nói chi tới vũ trụ bao la, con người như hạt cát hạt bụi. Vậy mà hạt cát hạt bụi này tranh giành, chém giết, đầy ải hạt cát, hạt bụi kia. Cuối cùng thì là gì. Cát bụi sẽ trở thành cát bụi. Cái mà họ để lại trên mảnh đất này là sự khổ đau!

Trời đã sáng trưng. Mặt trời trên cao chiếu xiêng những tia nắng vàng óng buổi sáng hình rẽ quạt chói lòa. Sóng biển nhấp nhô êm ái, thuyền lướt sóng bành bồng, tiếng máy nổ đều đều, êm êm. Bên trên trời xanh thăm thẳm, từng chùm mây trắng bạc lãng đãng đó đây. Gió thổi rì rào nhẹ nhẹ. Không khí thiết trong trẻo, mát mẻ sảng khoái. Từ trên buồng lái, Dân 'thủy thủ' đi nhanh nhẹn xuống gần chỗ tôi. Cái be ghe làm bằng thanh gỗ tuy dày nhưng chòng chành lắc lư theo nhịp sóng, vậy mà nó đi trên đó coi thiệt dễ dàng. Cái thẳng lùn tịt, da dẻ đen thui mập mập, ai thấy cũng cho là chậm chạp không ngờ lanh lẹ hết sức. Nó chỉ cho tôi rặng núi mờ mờ nổi lên ở giữa biển tuốt đàng xa, phía bên phải:

-Anh có thấy Hòn Khoai ở xa xa đó không?

Theo hướng chỉ tôi rần nhìn thấy một khối xám đen mờ nhạt ở tận chun trời chưa phân biệt được hình thù, màu sắc.

-Hòn Khoai, hòn Khoai! Ồ, ờ, có thấy nhưng còn xa quá. Không biết bao giờ mình mới tới gần được, máy chạy chậm quá, anh thấy hình như ghe đứng một chỗ!

-Tại biển rộng quá, mênh mông không bờ bến nên anh tưởng vậy, chớ chiếc này máy mạnh và tốt lắm. Em đi nhiều ghe rồi nên biết!

Tôi nhìn vào trong ghe. Người ta sao mà đông quá, ngồi chen nhau không một chỗ trống. Ở dưới khoang, bên trên boong, nơi nào cũng người là người. Trên mũi phòng lái là một đồng hành lý ngùn ngụt, đủ kiểu đủ cỡ, đủ màu.

-Dân ơi, chiếc ghe này hôm trước thấy nó lớn, bữa nay sao nhỏ xíu vậy?

-Ờ đó mà nhỏ xíu. Bề dài hai mươi hai thước, bề ngang bốn thước rưỡi đó anh. Tại nó chứa quá nhiều nên chật chội. Em đếm kỹ rồi. tất cả được ba trăm năm mươi hai người. Cộng thêm tám bao gạo chưa kể nước uống với hành lý.

Tôi ngạc nhiên hết sức:

-Tại sao kỳ cục vậy. Trên giấy tờ có hai trăm bốn mươi chín người mà. Hôm trước anh có coi trong danh sách của Hủ Tiểu rõ ràng...

-Thì Công An Bạc Liêu gửi một mớ, Cà Mau gửi một mớ, Hủ Tiểu Nhứt Bồn dặt thêm một mớ, còn lại là những người đưa thân nhân xuống bến, họ thấy không kiểm soát, leo đại theo xuống ghe đi luôn... cho vui!

Sau những giây phút hồi hộp trông ngóng mừng rỡ, tôi bỗng chợt nhớ ra từ khi leo lên đây và tới bây giờ tôi ngồi trên một cuộn dây lớn quấn tròn, có vật gì bằng sắt cứng lắm cộm lên dưới mông, ê ẩm hết sức. Tôi rón co chum đứng lên coi lại thì là một ống dẫn nước cao su đen gắn cái vòi bằng đồng còn mới lắm, miệng lằm bằm cần nhả:

-Thiệt là xui xẻo, chỗ nào không lựa lại lựa ngay cái chỗ này. Kẹt cứng ngắc, không còn một chỗ để co chum, cái vòi đồng mắc dịch này nó làm đau quá!

Dân cười ngất, kê tai nói nhỏ:

-Dầu kỹ đi anh, quý lắm đó! Sau lưng là cái bồn nước vuông vuông nè, chứa bốn ngàn lít nước ngọt, anh muốn cho ai uống thì cứ mở vòi. Xong rồi dầu cho kỹ nếu không mai mốt không còn một giọt. Đi biển nước là vàng!

Trời đất! Ai mà biết. Tôi bèn ngồi trở xuống, kéo cái vòi nước qua một bên xong rồi thí nghiệm liền. Tôi lấy bình nước nhỏ đeo trên cổ đã cạn, đưa vòi vô hứng nước mới. Bình đầy tràn, tôi mừng hết sức. Dân nói tiếp chỉ cho tôi và Duyên:

-Đọc hai bên có các bao củ sắn với chanh. Khi nào đói thì lấy ăn cho đỡ, lúc này chật chội quá khó mà nấu nướng, ăn củ sắn có ối cũng sạch...

Hòn Khoai đã hiện rõ trong tầm mắt, cây cối xanh rì. Giữa những tàn dừa rậm rạp có vài mái nhà tranh xám vàng nhỏ xíu với vài làn khói trắng mỏng lơ lửng bay cao. Phải cả giờ sau, đảo mới khuất dần sau những đợt sóng nhấp nhô.

Ghe đã bắt đầu ra khơi, nước biển trở nên xanh thẳm. Trời nước mênh mông. Sóng vỗ mạnh phía sau đẩy ghe tới trước. Mũi ghe nhọn xẻ nước phăng phăng. Phía sau lái một đường sóng sủi bọt trắng xóa như cái đuôi dài ngoằn lướt lướt. Nắng đã nóng và ghe bắt đầu bị sóng nhồi càng lúc càng mạnh. Những đợt sóng ào ạt vỗ vào một bên hông ghe. Chiếc ghe trôi lên hụp xuống chòng chành. Nước văng tung tóe lên cả trên boong. Tôi nghe có tiếng ối đầu đây. Người người bắt đầu say sóng. Chỗ này ối, chỗ kia ủa. Rồi đến mẹ con Duyên. Bé Bi là người trên tay mẹ, mắt thiêm thiếp nhắm nghiền. Cái miệng nhỏ xíu, ọi ọi vài tiếng như con chim non chiêm chiếp rồi nằm im đáng mệt nhọc. Tôi mở cái túi nhỏ, lựa thuốc ối cho Duyên và Bi. Sau đó cho Bi thêm vài giọt thuốc ngủ. Bi nằm yên và ngủ say.



Trên ghe hàng xấp bao ny lông được chia ra dùng khi bị ới. Ban đầu người ta ới ra đủ thứ vừa ăn ban nãy. Dần dà không còn gì để ới nữa chỉ còn nước không mà thôi. Người nào người nấy dáng lừ đừ như đầu nặng, mặt mày xanh mét, ngồi nằm ngả nghiêng mệt nhọc. Sau đợt ới mở màn, ai nấy bắt đầu thấy đói và khát. Các bao củ sắn được chiêu cố tận tình. Tôi cầm cái vôi nước xịt đầy tràn từng chiếc bình đưa tới. Lúc này mới thấy món chanh đường đem theo là quý giá vô ngần. Mặt trời vùng nhiệt đới lúc hai ba giờ chiều nóng chói chang. Mới có vài tiếng đồng hồ phơi nắng gió, da dẻ ai nấy đều râm nắng đỏ hồng. Nắng hừng hực như đổ lửa. Tất cả mọi vật như bị thiêu đốt. Sợi dây, mảnh ván, cái xách tay... cũng không dám sờ. Nóng quá, nóng đến cháy da, nóng đến nở tròng con mắt. Không biết lấy từ đâu ra, người ta căng lên những tấm ny lông nhỏ, những cái áo mưa, những poncho, mền,... để mong che mát những hơi nóng từ trên cao hắt xuống hừng hực như muốn biến chiếc ghe thành cái lò lửa. Người nào người nấy hết còn vẻ tươi tỉnh buổi sáng. Trong ghe, im lìm không còn ai muốn nói năng gì nữa. Tôi ngồi dựa vào vách bên nước nửa ngủ nửa thức nghe chum căng tê rần, lâu lâu phải rán nhúc nhích cho đỡ mỏi. Ở cái cảnh chật hẹp này tìm một chỗ trống để thả cái chum ra đâu phải dễ.

Biển đã bớt gập ghềnh quay cuồng. Những đợt sóng đều đều êm ái hơn. Nhìn ra khơi mặt nước lặn tăn hàng muôn triệu chiếc gương vàng lấp lánh chói chang trải dài tận chum trời. Trời và nước giáp mí nhau ở một nơi xa thăm tím mù. Bao la, quanh hiu, không một vật gì nữa hết trên mặt biển cả mênh mông ngoài ánh nắng chói lòa nóng hừng hực. Cổ họng khát khô. Tôi bèn lấy chanh đường quậy vô trong bình nước nhỏ uống một hơi dài. Rồi uống nữa... uống hoài. Chỉ thấy khát mà không đói.

Chiều đến máy ghe vẫn nổ đều đều, riết rồi quen dần nghe êm êm. Chiếc BL 1648 lướt sóng thiết gọn. Mặt trời chậm chậm lặn xuống ở phía trước hơi nghiêng về bên mặt. Hơi nóng đã dịu bớt từ từ rồi mát hẳn. Bầu trời thiết quang đặng. Biển thật êm, sóng nhẹ nhẹ vỗ nhịp nhàng hai bên mạn ghe. Hơi nóng trong người từ từ bốc ra rồi bay mất. Mọi người xung quanh có vẻ tươi tỉnh sống động xôn xao trở lại. Các tấm ny lông che đầu đã được dẹp bỏ. Tôi ngồi quay ra phía trước mũi nhìn cảnh mặt trời lặn từ từ xuống biển. Mặt trời buổi chiều đỏ ối to như chiếc mâm đồng vĩ đại với những tia sáng hình rẽ quạt bị những đám mây trắng xám vắt ngang phản chiếu thành ráng đỏ bầm. Những tia nắng cuối ngày cổ vươon cái ánh sánh vàng vọt trên mặt biển cong. Xuống nữa... xuống nữa, cái mâm đồng đỏ chỉ còn phân nửa, rồi chỉ còn một phần ba... rồi mất hút xuống mặt biển đen ngòm. Một vệt sáng còn sót lại ở chum trời. Trời chợt tối sầm. Đêm đến thiết lẹ hời nào không hay.

Trong tôi cái cảm giác thiết êm ả nhưng thân thể thì không thoải mái chút nào vì chật hẹp. Duyên ngồi bên cạnh bị kẹt cứng tư bề lại phải ẵm bồng bé Bi nên quá vất vả. Tôi rán nhích qua một bên để có chỗ trống cho hai mẹ con nhưng không được. Cả ghe bây giờ không có một sinh hoạt nào khác, mọi người chỉ có việc là ngồi yên như những pho tượng. Chỉ có mặt trời là di chuyển từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều, từ chiều đến tối. Trời đã tối hẳn, rán nhìn qua bên chỉ thấy những cái bóng đen đen. Những người bên cạnh đã bắt đầu ngủ gà ngủ gật. Theo nhịp sóng vỗ, ghe lắc lư nhịp nhàng như đưa võng. Tôi mãi lo nhìn cảnh mặt trời lặn trên đại dương, đến khi nhớ lại mò mẫm khắp nơi thì không còn một chỗ trống. Người ta chen lấn nhau ngủ la liệt trên boong, nằm sấp lớp như cá mè. Chiếc ghe dài có hai mươi mấy thước mà chứa trên ba trăm năm chục người thì

chỗ đứng cũng không có, nói chi tới chỗ nằm. Đành chịu ngủ ngòì thêm một đêm nữa. Đêm ba mươi không trăng nhưng trời đầy sao lấp lánh. Tùng làn gió nhẹ thổi mát tư bề. Tiếng máy ghe nổ đều đều êm êm như ru người ta vào giấc ngủ. Vì lần đầu tiên đi ghe trên biển nên tôi thấy cảnh trời nước hấp dẫn lạ lùng, thêm vào đó cái sung sướng của tự do làm cho tôi sáng khoái hết buồn ngủ. Chợt có người vịn vào vai, rán chen ngòì kế bên tôi. Quay lại nhìn thì là Út Trung, tốt nghiệp trường Canh Nông làm việc ở Sóc Trăng.

-Chú Út chưa ngủ sao?

Út Trung trả lời:

-Nhớ nhà quá làm sao ngủ được anh!

Út Trung nhỏ người mập mập, mặt đầy mụn nhưng khi cười thì có cái răng khênh duyên dáng. Tánh tình hiền lành chất phác. Tôi quen Trung khoảng một tháng nay, kể từ hôm chờ đợi ở Bạc Liêu. Trung ngòì xuống cạnh bên, hai tay ôm đầu gối, nhìn mây nước mù mù trong đêm đen.

Tôi hỏi băng quơ:

-Chắc ghe đã ra khỏi hải phận quốc tế?

-Quá xa rồi anh ơi, trên mười tiếng đồng hồ rồi. Với vận tốc trung bình thì chỉ cần vài giờ là đã ra khỏi. Hải phận quốc tế chỉ có mười hai hải lý. Kể như mình đã rời xa Việt Nam không biết bao giờ trở lại được!

Nghe Trung nói tôi lặng thinh ngậm ngùi. Mới có một ngày đường tôi thấy hình như là lâu lắm. Tất cả những hình ảnh thân yêu chợt trở thành kỷ niệm. Lòng tôi dâm xao xuyên băng khuâng. Để phá tan cái không khí trầm lặng, tôi chọc Trung cho vui:

-Mới đi có một hai ngày mà nhớ nhà nỗi gì? Chắc là nhớ ai đó! Chú có nghe miệt Bãi Xâu người ta thường hát câu này không:

*Bởi anh lo việc canh nông.*

*Cho nên mới có bò trong bịch ngoài.*

Trung cười:

-Xí trai như em thì có cô nào chịu đâu mà bò với bịch.

Tôi phản đối:

-Thôi đừng nói dóc nghe, chú dẫu ai chớ dẫu tôi sao được. Con nhà giàu, học giỏi, tuy không đẹp trai nhưng có duyên là đủ rồi. Mà chú lại làm việc ở Sóc Trăng nữa. Đất đó tôi biết quá mà. Trai đi có vợ, gái về có con. Cô nào mà dám chê chú Út thì cô ấy cận thị nặng...

Rồi tôi tiếp:

-Mà con gái Sóc Trăng tôi thấy có cô nào cận thị đâu!

Trung đập nhẹ vào vai tôi:

-Cái anh này, anh ở Bình Dương mà sao biết rành Sóc Trăng quá vậy?

Tôi chưa kịp trả lời thì Duyên xen vô:

-Ảnh rành miệt dưới lắm Trung ơi, chút xíu nữa là làm rề ở đó rồi. Các cô Sóc Trăng đẹp lắm, ảnh cứ nhắc hoài! Tôi biết quá mà, ông nào cũng giống nhau như hịch. Thôi Trung nói thiệt cho anh chị nghe đi, có để trái tim ở lại không đó?

Trung ngòì im hồi lâu mới trả lời nho nhỏ:

-Chị cũng phá em nữa. Mà buồn thiệt anh chị ơi! Tụi em thương nhau lắm. Em đâu có muốn đi kẹt tuổi lao động với nghĩa vụ ở lại chịu không nổi, đành phải liều. Đi là chết trong lòng một ít!

À, chú Út tuổi trẻ mà tài cao, coi bộ cũng cải lương dữ! Tội nghiệp chắc chàng và nàng mới thề non hẹn biển chưa bao lâu thì phải cách biệt. Sống dưới chế độ này ai cũng chịu khổ đau nhưng lứa tuổi thanh niên là chịu thiệt thòi nhất. Bao nhiêu thú nghĩa vụ đổ ập trên đầu trên cổ. Cái sống còn lơ lơ lửng lơ, nói chi tới cái yêu... Hiện tại thì kể như hy sinh, tương lai tối mù mù. Coi bộ anh chàng đau khổ dữ, mặt mày héo sàu, nàng chắc phải đẹp và dễ thương lắm.

*Đứt tay một chút còn đau,  
Huống chi nhọn nghĩa lia sao cho đành.*

-Theo anh thấy ghen Trung, chết là chết chứ không có ngáp ngáp. Chết thiệt tình, chết hết tron chứ một ít gì nữa. Còn như mới chết sơ sơ thì ăn thua gì....

-Thùy Phương có hứa là sẽ cố gắng đi chuyến sau...

Thì ra người đẹp có tên đẹp quá. Hèn chi mà chàng không ngất ngư sao đặng.

-Mà rùi Thùy Phương không đi theo được ở lại Việt Nam thì sao?

Trung ngập ngừng:

-Thì tới đâu tính tới đó. Em đâu có biết được. Nàng có chồng, em có vợ... thế là xong.

Tôi buột miệng:

-Chắc bộ đội quá.

Trung phản đối mạnh mẽ:

-Nàng có nói với em là chẳng thà lấy một anh lính quốc gia nghèo đi cày ruộng, còn hơn lấy một cán bộ cao cấp, nói gì tới bộ đội!

Tôi nhìn ra xa. Ở trên cao trời đen mịt mù. Những ngôi sao vàng vàng xanh xanh nhỏ xíu xa thăm thẳm lấp lánh chớp tắt liên hồi. Lâu lâu có một ngôi vụt sa xuống tuốt dưới biển sâu, nhanh đến mắt nhìn không kịp. Một ngôi sao sa chắc vừa có một người mới mất ở một góc trời nào đó trên trái đất đầy khổ đau này. Không biết linh hồn kẻ xấu số được đi đâu thai hay phải vào địa ngục? Cầu trời cho người đó, trọn đời họ đã sống qua, chưa bao giờ làm việc gì thật nhọn ác đức, tổn hại sanh linh. Kẻ này không thể nhân danh bất cứ cái gì hết để gây khổ đau, giết chóc kẻ kia.

Tôi chỉ cho Trung nhìn về nơi xa thăm:

-Chú Út có thấy những ngôi sao sa? Có tin đó là những linh hồn người chết?

-Tin chớ anh. Hồi nhỏ em cứ mỗi lần nhìn thấy sao sa là mỗi lần ước nguyện. Người ta nói nếu mình ước nguyện kịp thời lúc nó chưa mất hút thì lời ước nguyện đó sẽ thực hiện...

-Vậy thì tôi biết chú Út sẽ ước nguyện điều gì ở ngôi sao sa kế tiếp. Tôi nói thế nào cũng đúng. Cá một ăn mười nè!

Trung thở dài:

-Anh nghĩ coi tụi em quen nhau từ hồi còn nhỏ xíu, lớn lên học chung lớp chung trường.

Rồi Trung lại hỏi tôi:

-Còn anh thì sao?

-Tôi yên bề gia thất rồi chú ơi, vợ con đùm đùm đề đề nè, chú không thấy sao, còn gì mà mộng với mơ nữa!

Rồi hai đứa ngồi yên. Tôi suy nghĩ lan man. Từ giả quê hương có nghĩa là từ giả những người thân yêu, từ giả luôn những kỷ niệm mà mình đã sống qua từng giai đoạn. Mỗi con

đường, mỗi gốc cây, mỗi khu phố Bình Dương nơi tôi đã sống và lớn lên, làm sao quên được. Có buồn, có vui lẫn lộn. Mười lăm tuổi lúc học trường Nguyễn Trãi đã biết chải đầu bằng brillantine láng bóng, tương tự cô bạn học cùng lớp. Mười bảy tuổi xuống Sài Gòn, học thuộc lòng cả trăm bài thơ tình, nắn nót chép tặng cho người mới quen. Hai mươi lăm tuổi bị thất tình đau như bò đá. Nàng miệng vẫn thương tôi nhưng vì hoàn cảnh trái ngang nên đi lấy người khác. Thằng quý dịch nhà rất giàu và rất đẹp trai! ...  
Thiệt tình lúc đó, tôi muốn tự tử chết phức cho rồi...

*Đòn có lên trục kêu vang  
Anh còn thương bạn, bạn khoan có chồng  
Muốn cho hơn ngài đạo đồng  
Anh nay thương bạn hơn chồng bạn thương  
Chiều nay anh già bạn hôi hương  
Xin nàng ở lại đừng vẫy duon nơi nào  
Ghe tui tới chỗ cắm sào  
Nghe em có chón muốn nhào... xuống sông!*

Ôi! Những con đường Lý Thường Kiệt, Bạch Đằng, Đoàn Trần Nghiệp, Trưng Vương của Thủ Dầu Một đã bao lần tôi qua. Những vườn măng cụt, vườn dâu, sầu riêng miệt Búng, Lái Thiêu đã bao lần tôi đến. Mấy người yêu dấu cũ bây giờ đã có chồng có con. Có người đã vượt biên trước tôi, có người chuẩn bị đi và có người còn ở lại. Tôi cầu mong tất cả đều được hạnh phúc và may mắn. Cái đau khổ mà đất nước chịu đựng quá lớn lao so với những tình cảm vụn vặt tầm thường. Thương cho người còn ở lại, chịu đựng làm sao nổi những đọa đày. Đúng là -thiên địa phong trần, hồng nhan đa truân!  
Tôi nghe bên vai nặng nặng, thì ra Trung đã ngủ từ lúc nào. Chiếc ghe vẫn êm ái lướt sóng. Giờ này bầu trời bị mây che không thấy một vì sao. Cả không gian tối đen mù mịt. Ghe chỉ có một ngọn đèn pha soi sáng phía trước lơ mờ :

*Biển vô tận xá gì phương hướng nữa  
Thuyền ơi thuyền theo gió hãy lênh đênh  
(Vũ Hoàng Chương)*

Thuyền trôi lênh đênh như cuộc đời tôi bây giờ.

\*  
\* \*

Lúc tôi tỉnh giấc thì trời đã sáng rõ. Mặt trời đã lên khỏi mặt biển. Không khí thiệt trong lành, gió phe phẩy vờn nhẹ trên tóc, ve vuốt làn da. Nắng buổi sáng vàng tươi chan hoà khắp chón. Chiếc BL 1648 vẫn rẽ sóng phẳng phẳng. Tùy theo độ sâu, nước biển có màu khác nhau. Biển càng sâu nước càng đậm. Bây giờ ghe đã xa khơi lắm nên nước có màu xanh đen. Càng lúc sóng càng vỗ mạnh phía sau lái. Ghe bị thúc tiến tới nhanh nhưng bị nhồi lắc dữ dội. Lác đác nơi này nơi kia đã có người ói. Rồi tiếng ủa mưa liên hồi. Trời càng về trưa càng nắng gắt. Ông thông hơi xuống dưới khoang không còn đủ hiệu lực nữa. Mấy cái quạt máy chạy liên tục cả ngày hôm qua, bây giờ có chiếc đã hư, các người ở dưới khoang ngộp thở. Một số phải leo càn lên boong. Những người ở trên cũng không khá hơn chút nào. Dân gì đó, chị Điệp, Út Trung, Mai, Lan,.. ói liên hồi, mặt mày xám xanh như đất. Bao ny lông phân phối không kịp. Ai nấy mệt lã, ngất ngư. Nhờ

có củ sắn và chanh, nên cũng tạm đỡ cơn khát và đói. Thằng Dân thủy thủ đứng ở phòng lái vịn mũi ghe nhìn quang cảnh hỗn độn bên dưới, nói với tôi:

-Như vậy là êm lắm đó, những bữa có giông gió lớn, biển động gập sóng lưỡi búa kia, lúc đó mới biết đá biết vàng...

-Trời ơi, nó lắc lư như đưa võng mà êm hả, anh ói tới mặt xanh rồi nè.

Tôi lắc đầu ra dấu chịu hết nổi, bỗng dung nghe nó nói lớn:

-Anh nhìn ra ngoài kia, coi cá bay!

Tôi đưa mắt trông theo hướng nó chỉ, trong làn sóng trắng xoá nhấp nhô, nhiều con cá trắng có hai vi to và dài, bay vọt lên nhanh như mũi tên bạc hình cầu vồng. Quang cảnh thật lạ mắt và đẹp. Chừng lồi một hai phút có có năm bảy con bay vút lên. Tôi mãi mê ngắm. Bất ngờ nghe tiếng xôn xao trên ghe, rồi thấy mọi người túa qua một bên chi chỏ xuống nước. Tôi nhìn theo thấy một cánh rất ngoạn mục. Từng đoàn cá nược, cá heo mỗi con lớn cỡ chừng một hai trăm ký, da đen bóng lộn vùn vút theo ghe. Khi thì chúng lặn sâu xuống nước, khi thì trồi lên nhào lộn nhip nhàng. Nước trong leo lẻo, ở trên trông xuống thấy rõ cả kỳ vi. Chúng nhiều quá đi từng đàn chừng ba bốn chục con. Đàn này hết thì tới đàn kia, nối tiếp nhau đuôi theo ghe. Hay là chúng lộn quanh trở lại? Tôi không biết. Người trên ghe đa số là dân thành phố đi biển lần đầu nên lấy làm lạ, thích thú nên đổ xô về một phía để coi. Ghe nghiêng qua một bên, tài công phải hò hét hồi lâu mới lấy lại trật tự được.

Duyên thì thào bên tai tôi:

-Cá heo hay là cá mập đó. Em thấy cái vi nó giông giống... tại sao chúng cứ theo ghe mình hoài?

Nghe vợ hỏi, tôi vụt tỉnh người, nghe ơn ớn nhưng làm gan giải nghĩa cho nàng yên tâm:

-Cá nược với cá heo thiệt mà! Cá mập cái vi nó lớn và cao hơn, hình như lá cờ xéo, rẽ nước ào ào chớ đâu có nhào lộn vui vẻ vậy... Biển này cũng đâu có cá mập... thứ đó phải ở thiệt xa, ngoài khơi mới có, ghe mình đi cặp gần bờ mà!

Tình trạng vệ sinh trên ghe đã bắt đầu tồi tệ. Người ta ói mửa liên miên, tiêu tiểu bừa bãi. Bao ny lông ít quá không đủ dùng cho số đông người. Các bô vệ sinh thường bị bẻ vì dùng nhiều lần. Trên boong quá chật hẹp nên không thể đi cầu phía sau lái. Hơn nữa ghe chạy mạnh lắc lư nên khó tiêu tiểu lắm. Tôi làm phận sự phân phối nước uống liên tục. Những cái bình ny lông được đưa lên. Tôi mở cái vòi nước cho chảy đầy bình này tới bình kia. Uống làm sao cho hết. Cái bồn nước bằng sắt vuông vức to lớn sau lưng còn đầy ăm ắp. Mấy trăm thùng nước ngọt bằng ny lông loại hai mươi lít để dần ở dưới đáy khoang, cả ngày hôm qua dùng chưa hết một phần. Khi nào cảm thấy khát và đói, tôi lấy một chút đường chanh pha với nước, uống từ từ cũng đỡ khổ lắm.

Tô Tỹ ói mửa liên miên từ hôm qua tới nay, nằm li bì dưới khoang được kéo lên boong thờ không ra hơi. Mặt mày xám ngắt. Sau giai đoạn ói mửa, một số thanh niên đã bắt đầu thầy đói, bèn leo lên mũi ghe, lục lọi đồng hành lý, móc thực phẩm lấy ra ăn. Họ lấy thức ăn của họ đem theo đồng thời lấy luôn của người khác. Ở đời muôn sự của chung mà. Ai lẹ tay thì còn, chậm tay thì hết...

Mặt trời sau một hồi gay gắt, chầm chầm nghiêng xuống phía trước, ánh nắng bớt chói chang. Trời đang xế chiều, gió đã lai rai man mát. Chiếc ghe vẫn giữ nguyên tốc độ không chậm, không nhanh, từ từ lướt tới. Mênh mông bát ngát không biết đâu là bến bờ.

Tôi đang khoan khoái mở vài nút áo để hứng làn gió mát, bỗng nhiên chợt thấy xa xa có hai cây sào tre xam xám nổi thẳng đứng trên mặt nước bao la. Tôi trở mắt nhìn kỹ. Quả thật là hai cây tre dài trơ trụi đứng chơ vơ trên mặt biển, cách nhau chừng mười thước, không xiên không lệch, không lung lay. Sao kỳ cục vậy. Tôi đang tỉnh hay mê? Ở giữa biển khơi mênh mông chỉ có trời và nước, bây giờ lại có thêm hai cây sào tre nữa?

Tài công Hốt không biết là gì bèn ngừng ghe lại kể bên để quan sát. Không có gì kỳ lạ hết, mặt nước lặn tẩn, hai cây tre dựng đứng suông đuột. Anh cho ghe chạy vòng quanh. Mọi người bàn tán xôn xao.

Dân ‘gì đó’ cả ngày ỏi mưa im hơi lặng tiếng, bây giờ mới chịu cất giọng:

-Chắc là tàu chìm chỗ này nên người ta mới để tre làm dấu cho ghe khác tránh xa ‘gì đó’...

Út Trung phản đối:

-Nói tầm bậy tầm bạ, mấy biết chỗ này sâu mấy trăm thước không, nếu ghe tàu chìm thì cũng đâu có ăn thua gì mà phải làm dấu chỉ cho mất công. Cây tre cao bao nhiêu mà cắm sâu được tới đáy biển. Mà dầu có cắm tới, sóng gió nó lắc lư cũng trôi mất...

Dân tịt ngòi nín khe, hồi lâu mới hỏi lại:

-Vậy chớ mấy nói không phải tàu chìm chỗ này thì là cái gì, tại sao có hai cây tre ‘gì đó’ kỳ cục vậy?

-Theo tao chỗ này có đá ngầm nước cạn, người ta sợ ghe tàu rướn lên rồi nằm ý luôn không ra được, nên làm dấu để cho người khác biết mà tránh. Nhờ nước cạn nên mới cắm tre được...

-Làm dấu gì đó sao trên ngọn tre không có cột miếng vải trắng hay đỏ?

Út Trung bí nên im luôn.

Tôi nghĩ tới nghĩ lui. Tất cả lời bàn nghe qua đều vô lý. Tuy nhiên cũng không biết là gì. Dân gì đó, Út Trung vẫn còn bàn tán quanh co. Trên những gương mặt nắng cháy đỏ người người lộ vẻ băn khoăn lo lắng. Tư Trần Hưng Đạo đứng chống nạnh, cái lưng khòm khòm, hết ngó bên này rồi ngó bên kia, xằng vằng xéo véo. Trong khi đó thằng Dân thủy thủ cầm sợi dây dài có cột cục chì to bằng bắp tay, quăng xuống nước để dò nông sâu. Sợi dây dài cả trăm thước vậy mà không đụng tới đáy. Tài công ngừng ghe hồi lâu, lấy hải bàn ra đo tới đo lui, tính đi tính lại, rồi đổi hướng tránh ra xa, tiếp tục cuộc hành trình.

Trời đã sụp tối. Mặt biển trở nên đen ngòm. Chỉ có tiếng máy nổ đều đều, tiếng sóng vỗ rào rào bên hai mạn ghe. Tôi nhìn ra ngoài không gian tối đen tự nhiên nghe ớn lạnh xương sống. Hay là ma cản đường? Lúc còn chờ đợi ở Bạc Liêu, tối tối cả đám ưa xúm nhau lại nói chuyện ma. Nhứt là ma ở trên biển trong các chuyến đi trước được truyền lại. Có người chết vì bão tố, vì đói khát, vì hải tặc, linh hồn không siêu thoát thường hiển linh vật vờ phá khuấy hoặc nhờ báo tin về gia đình hoặc báo điềm lành, điềm dữ cho người đi sau. Khi kể dứt thì ai cũng thường kết luận chuyện đó do chính mắt người bà con thân thuộc của mình đã thấy, viết thơ về tả rõ ràng. Một làn gió lạnh thổi thốc tới rào rào, tôi nghe tiếng sừng cây kéo kẹt, hình như có tiếng than khóc, rên rỉ nỉ non, tiếng hú khi xa khi gần.. tự nhiên tay chun mọc óc. Đầu rối tung lên, nghe ghê ghê, sờ sờ...

Tư Trần Hưng Đạo vừa hút thuốc vừa hỏi:

-Làm sao mà hai cây sào tre cao nghêu như vậy lại dựng đứng được ở giữa biển sâu? Sao kỳ cục vậy, bồ có thấy gì lạ không?

Tôi hỏi lại:

-Tôi cũng không biết. Tụi mình có đi biển hồi nào đâu. Sao tôi cũng hơi nghi nghi, theo anh thì làn gì?

Anh kể tai tôi thì thầm, sợ mấy người đàn bà nghe được:

-Ở những vùng biển sâu thường có những loài vật sống lâu năm thành tinh như thường luồng, rắn biển, mấy con mực ma, mấy con rùa biển... Rồi dạo này mấy người đi vượt biển nhiều, ghe chìm... đám thành ma thành quỷ, hiện lên cản đường hay nhát tụi mình chơi...

Anh nói tới đâu tôi liên tưởng tới đó. Trong truyện Tây Du mấy thầy trò Tam Tạng đi thỉnh kinh ở Thiên Trúc, nhiều bận họ phải qua sông lớn, sóng bủa lao xao, có con yêu quái dưới vực sâu nhảy vọt lên không, mắt đỏ rực như cục than hồng, hai răng nanh trắng nhọn nhọn lều, cái miệng há tâng hoạc đỏ lòm như chậu huyết, vươn cánh tay dài ngoằn đầy móng vuốt chụp lấy Tam Tạng rồi bay tuốt xuống dưới nước, chun vô động sâu... ăn thịt!

Trời ơi, ghê quá! Tôi vụt nhớ lại là mình đương ngồi sát vách ghe, chỉ cách mặt nước có cái be ván mỏng. Cái vách lại có một lỗ nhỏ bằng nắm tay để cho nước có chỗ thoát ra, trong bóng đen mịt mù này, con ma nào đó, nó chỉ cần thò bàn tay dài lạnh ngắt từ từ dưới biển nhô lên, mò một cái là nắm được tôi liền. Cả đám sẽ không ai hay ai biết hết. Tất cả đều ngủ mê man như chết ở xung quanh. Nó sẽ lôi tôi xuống biển rồi ăn... Bất giác tôi đưa tay nắm chặt sườn ghe cho... chắc ăn! Thiệt tình có ma quỷ hay không tôi không biết. Nhưng sợ thì vẫn sợ.

-Thôi, thôi anh Tư ơi, giữa đêm hôm khuya khoác mà anh nhắc tới mấy chuyện này, chỉ nghe không cũng đủ ớn xương sống, đêm nay chắc hết ngủ...

Nói tới đây tôi đưa mắt nhìn quanh. Trong bóng đêm lờ mờ, ai nấy đều mệt mỏi, nằm ngời la liệt. Tôi đã ngồi như vậy hai ngày hai đêm không đổi chỗ, lâu lâu phải tìm cách duỗi thẳng cái chun ra cho khỏi tê. Tìm hoài mà không còn một chỗ trống, thôi đành ngủ ngời thêm một đêm nữa. Trên nóc phòng lái mặt ván vuông vức phẳng phiu, cạnh bên đồng hành lý, mấy anh bạn trẻ liều gan leo lên ngủ nằm sấp lớp trên đó. Họ ngủ ngon lành mịt mịt cho ghe lác lư. Nếu biển động mạnh thì đám lợt xuống nước lấm.

Tôi cũng bắt đầu thêm thếp, bỗng nghe có tiếng người nói lớn -nước ngập dưới khoang. Tôi tỉnh hẳn. Cả ghe xôn xao. Mọi người dậm nhón nháo. Ở trong khoang những bóng đen chập chờn di chuyển dưới bóng đèn tù mù vàng vọt. Cái gì đã xảy ra? Tôi lo lắng không biết phải làm sao, bốn bề chật cứng. Hồi lâu mới biết máy bơm nước hư vì chạy liên tục hai ngày nay. Thợ máy sửa hồi lâu không xong. Tài công Hốt vệt đám đông nằm ngủ ngón ngang vừa đi vừa kêu Dân ơi, Dân ơi. Hốt nói -cái máy bơm này chỉ có thằng Dân biết sửa mà thôi, bây giờ nó đâu mất tiêu rồi. Thằng Dân đâu mất tiêu rồi! Hốt là tài công mà không biết thì ai biết được. Chuyện này lạ thiệt. Thằng Dân thủy thủ đi biển từ nhỏ tới lớn, rui có rớt xuống nước thì cũng đâu có ăn thua gì, nó lội như rái cá. Còn nếu ở trên ghe thì sao không ai thấy? Tôi chột nhớ lại hai cây sào tre ban chiều.. Thôi chết rồi! Chắc là nó bị ma da kéo xuống biển, không ai hay biết. Mới có một hai giờ, sao lạ quá. Tôi nghiệp thằng Dân hiền lành... Mới hồi nãy còn thấy nó đứng cheo leo trên be ghe. Nước biển nửa đêm lạnh ngắt mà lại tối mò. Làm sao bây giờ!

Mọi người đâm sợ hãi, từ lái tới mũi xúm nhau lục lọi tìm kiếm coi Dân ở đâu. Nếu như ban ngày thì cũng dễ nhưng bây giờ đêm đã khuya, đèn đước hầu như không có một ngọn, chỉ còn cách đánh thức cả ghe dậy. Tiếng kêu hỏi om sòm, náo động cả một vùng biển đen.

-Nè, nè nó nằm đây nè, thằng Dân mập! Một người la lớn.

Mọi người thở phào mừng rỡ. Anh ta nằm chình ịch ở ngay mũi tàu ngủ thẳng cẳng ngáy khò khò. Thiệt tình, cái thằng ham ăn ham ngủ, báo hại mọi người nín thở này giờ. Dân được đánh thức dậy, chạy lạch bạch theo sau Hốt về phía sau lái để chun xuống hầm máy.

Máy bơm được sửa xong chạy tốt lại như cũ. Trật tự được vãn hồi, người người yên tâm, tiếp tục ngủ lại.

## Chương 8:

# TÌM MỘT BẾN ĐẬU

Đêm đầu chùng đã khuya lắm, tôi đương trong giấc ngủ mê bỗng giật mình thức giấc vì xung quanh mọi người chộn rộn xôn xao. Tiếng máy ghe vẫn nổ êm êm đều đặn. Tôi mở choàng mắt ra nhìn quanh mừng rỡ. Giữa biển đen mênh mông mịt mù, một vùng ánh sáng chói lòa hiện lên giống hịch như mặt trời mọc trên mặt nước. Tôi dụi mắt nhìn kỹ. Trời ơi! Một chiếc tàu sắt lớn như một hòn đảo đầy ánh sáng vàng rực rỡ, sừng sững nguy nga, tuy còn ở xa lắm nhưng trong đêm đen nên thấy rõ mồn một, y như cánh non bông nước nhược trong các truyện thần tiên thường đọc hồi nhỏ. Còn nổi vui mừng nào hơn trong lúc lênh đênh giữa biển khơi bao la chập chùng, thấy được chiếc tàu cứu vớt, tôi vụt tỉnh ngủ hẳn. Tiếng Tư Trần Hưng Đạo reo vang:

-Khỏe rồi, được tàu lớn vớt! Hên quá, mới đi có hai ngày!

Anh nói như là đã được tới nơi. Tôi nghe cũng mừng lây. Chỉ còn chờ ghe cặp vào hông tàu lớn rồi cả đám leo lên. Vậy là chuyên đi này may mắn, cầu trời cho mọi việc êm xuôi!

Anh Tư tiếp tục la lớn, giọng bài hãi:

-Quách Linh Hoạt đâu rồi, làm dấu cho nó biết đi! Quách Linh Hoạt ơi, Quách Linh Hoạt!

Trong đêm hôm khuya khoắt, tiếng ‘Hoạt’ được kêu lớn kéo dài lê thê, vang tận đàng xa. Tôi rần lắng nghe. Hoạt hay Quạt? Thiệt tình không phân biệt được. Thấy kệ nó, cần gì đúng hay không đúng, miễn anh chàng nghe được thì thôi. Chiếc ghe đổi hướng tiến thẳng đến tàu lớn. Tiếng máy nổ dòn dã như náo nức vui mừng. Hàng trăm cặp mắt ngóng nhìn về phía ánh sáng rực rỡ với nhịp tim đập hăm hở, với cõi lòng hy vọng chứa chan. Từ từ khoảng cách được rút ngắn lại. Chiếc tàu được thấy rõ hơn, nó lớn quá sơn trắng toát. Đèn đước bên trên sáng giăng giăng, chớp chớp. Mọi người mừng rỡ xôn xao. Anh bạn nguyên là sĩ quan hải quân từ trong khoang ghe chui lên, đứng bên be cầm đèn chớp tắt làm hiệu. Ánh sáng đỏ bầm nhấp nháy, nhấp nháy. Y như trong phim gián điệp, hấp dẫn dễ sợ. Đúng là Quách Linh Hoạt của Tư Trần Hưng Đạo! Thiệt ra đó là tên giả trên giấy tờ, anh tên Nguyễn Văn Pháp, người miền Trung, óm dong dong cao, da rám đen răn chắc, tánh tình hòa nhã rất dễ thương. Lúc còn ở Bạc Liêu, nhiều đêm tụi tôi kéo qua nhà trọ của anh để nghe kể chuyện đời sống của người lính hải quân trên biển cả. Một cuộc sống đầy sóng gió, vừa hào hùng, vừa lãng mạn nên thơ. Trí tưởng tượng của



tôi bay theo từng cánh hải âu, lòng tôi hồi hộp theo từng đợt sóng cuồng nộ, tim đập liên hồi theo từng trận gió ghê rợn hải hùng...

Đèn hiệu đánh đi, thấy có ánh đèn đáp lại. Cũng nhấp nháy, nhấp nháy... Khỏe rồi, có tàu lớn rước, khỏi lo gì nữa. Tôi nhấp nhòm, ngồi xuống đứng lên. lòng đầy hy vọng mừng rỡ. Chiếc tàu càng lúc lại càng gần. Nó lớn như cái dinh Độc Lập, đèn đuốc sáng trưng chắc là chứa được nhiều người lắm. Chiếc ghe chúng tôi nhỏ chỉ chừng trên ba trăm người, đâu có bao nhiêu. Hai chiếc chạy hướng về nhau, nên khoảng cách rút lại rất nhanh. Khi đến gần, tàu sắt ngừng lại trước. Ai nấy hồi hộp theo dõi, chờ đợi giây phút để leo lên. Tôi quay qua bên Duyên, giành lấy Bi bồng gọn trên tay, Duyên ôm yếu e không đủ sức bồng thẳng nhỏ để leo qua tàu lớn. Mà đâu phải chỉ có mình tôi chuẩn bị, xung quanh mọi người dọn dẹp rào rào, tiếng quần áo lột xột, tiếng dận dò xầm xì. Một sức sống đang vươn lên chuyển động...

Nhưng cái sức sống đó chỉ có một bên mà thôi. Nó không được đáp ứng, phía chiếc tàu lớn bên kia, bỗng nhiên đèn đuốc đương sáng rực rỡ, tất cả rú nhau tắt ngấm, chỉ còn lèo tèo vài ngọn. Rồi từ từ, thấy nó quay mũi, đổi hướng bỏ đi. Lặng lẽ không để lại dấu hiệu gì. Quách Linh Hoạt quơ cây đèn pile lên cao, thiết cao, làm dấu hiệu chớp tắt liên hồi. Mọi cố gắng đều vô ích. Chỉ trong vòng vài phút, cái vùng ánh sáng thần tiên đầy hứa hẹn đã mất biệt trong bầu trời tối đen mịt mù. Anh ta cầm cây đèn lơ lửng trên tay đứng nhìn theo ngơ ngác. Mọi người thất vọng ngẩn ngơ. Tôi chung hững, đứng tần ngần hồi lâu, rồi nghe trên tay nặng nặng. Té ra tôi đã bồng thẳng Bi chờ đợi này giờ... Buồn bã, tôi đặt Bi xuống sàn thuyền để cho Duyên trông nom, rồi đứng ngó quanh. Hàng trăm câu hỏi vây quanh. Sao kỳ cục vậy? Tại sao nó lại bỏ đi. Tại sao?

*Đem em mà bỏ xuống gành  
Kéo neo mà chạy, sao đành anh ơi!*

Trong ghe sau một hồi ồn ào náo nức, bỗng nhiên im lặng vắng tanh. Thời gian, không gian như lắng đọng. Mọi người tuyệt vọng, thần thờ...

Chiếc BL 1648 đâm ngõ ngang loay hoay quay mũi về hướng cũ, im lìm, giữ nguyên tốc độ lặng lẽ lướt trong màn đêm. Bây giờ tai tôi chỉ còn nghe tiếng sóng rì rào, tiếng máy êm êm cùng tiếng thở dài tuyệt vọng. Đêm đen dày đặc như bung lấy mắt. Tư Trần Hưng Đạo cắn nhần:

-Tôi đã dặn kỹ rồi mà không ai thềm nghe. Khi nào thấy tàu tới, ghe mình phải làm như hư máy để trôi bập bênh theo sóng. Chớ như hồi này chạy ào ào như chạy đua, ai mà thềm vớt. Thiết là xui, phải chi nó chịu vớt thì bây giờ khỏe quá. Tôi con cái đùm đùm đề đề, cứ lênh đênh như vậy hoài, không biết ra làm sao!

-Tôi cũng lo quá, thẳng Bi còn nhỏ xíu, cầu trời gặp chiếc khác tử tế hơn. Bây giờ chỉ còn cách đi tới mà thôi.

Ở bệ ghe còn có năm ba người đứng lại nhấp nhòm trông ngóng. Tôi ngồi im lặng mắt chăm chú nhìn quanh để tìm chiếc khác. Hy vọng không còn nhưng không phải là tuyệt vọng. Trên biển đâu phải chỉ có duy nhất chiếc vừa rồi. Thế nào cũng phải có một chiếc tàu khác, nhơn đạo hơn. Những chiếc bóng đen xao động, nhìn kỹ tôi đoán được Xám Mã Chải nhỏ xíu, Út Trung lùn lùn, Dân gì đó cao lênh khênh, cả ba đương chỉ chỏ bàn tán. Bỗng dung một trong ba, la lớn: -Phía trái thiết xa, có ánh đèn!

Tư Trần Hưng Đạo và tôi bật đứng dậy, nhìn theo với một chút hy vọng xa xôi. Ở tận chân trời xa thăm thẳm có một ánh đèn nhỏ, lớn hơn ngôi sao một chút, đang di động chậm chậm. Mọi người chăm chú theo dõi. Cách đó một khoảng, thấy một ánh đèn khác nữa. Tư Trần Hưng Đạo mừng quá, la lên:

-Có tàu, có tàu, chạy tới chỗ đó mau lên. Coi chừng lạc mất, ổng lắm!

Nghe anh la mà tôi quính trong bụng. Khoảng cách xa quá, ánh đèn thấp thoáng nhỏ như đom đóm, với vận tốc như rùa bò, biết chừng nào mới gặp được nhau. Nhưng chiếc tàu này chắc nhỏ, đèn đuốc gì mà lu cảm, không như chiếc vừa rồi, thôi kệ, miễn nó chịu vớt thì cũng được. Tôi vừa nghĩ tới đó thì thấy hai ánh đèn kia làm hiệu cho nhau. Cũng y như cách của Quách Linh Hoạt vừa rồi. Những tín hiệu phát ra nhấp nháy, đỏ bầm. Tiếng thằng Dần thủ thủ hốt hoảng:

-Chết cha rồi, ghe cướp Thái Lan, chạy cho mau...

Nó vừa nói tới đó, cả đám sững sờ, im lặng nghệt thở, chỉ còn biết giương mắt nhìn. Tài công Hốt phản ứng thiệt lạ. Anh tắt ngọn đèn pha duy nhất của ghe. Tất cả chìm trong bóng đen tối sẫm. Tiếng máy cũng êm luôn. Ghe thả trôi theo sóng. Vì không có sức của máy, ghe bị sóng đánh trôi hụp lác lư, cũng may biển đêm nay không động. Tôi ngồi im cầu Trời khẩn Phật cho tai qua nạn khỏi. Vừa mới nghe bốn tiếng ‘ghe cướp Thái Lan’ tôi hãi hùng. Cảm giác ghê sợ rụng rời. Biết bao nhiêu ghe đã bị nạn thảm thương... Tôi mong có cơn sóng lớn, đẩy chiếc ghe đi cho khỏi vùng này cho thiệt xa, thiệt xa...

Chừng độ nửa giờ sau, không còn thấy ánh đèn nhỏ nữa, ghe mới nổ máy lại, tiếp tục cuộc hành trình. Tôi thở phào nhẹ nhõm.

Trời bắt đầu mưa lất phất. Nhìn qua ánh đèn pha nhợt nhạt tôi thấy những sợi mưa nhỏ xíu giăng giăng, bay đều đặn xiên xiên như bụi mỏng. Chỉ là cơn mưa rớt phất phơ đầu đó tạt ngang, Nghe man mát trên đầu, trên cổ. Nước mưa chỉ làm ướt tóc sương sương. Vậy mà Duyên cũng lo lắng sợ Bi bệnh, lấy cái áo mưa trùm chung cho cả ba. Cũng cái áo mưa này, mới ngày nào chỉ dành để che chung cho hai đứa mới quen nhau. Ôi, chỉ mới có vài ngày xa Việt Nam mà tôi cảm thấy nhớ nhung những cơn mưa giông ướt át êm đềm ở quê nhà. Những hạt mưa lớn như hạt đậu mát lạnh từ bầu trời cao xám đen rớt xiên làm rất mật. Những giọt mưa rớt thẳng xuống những vũng nước đọng nổi đầy bong bóng phập phồng. Mưa rào rào trên mái ngói, mưa giăng màn bên cửa sổ, mưa lộp bộp trên tàu chuối, mưa tí tách bên thềm. Cả bầu trời như chìm trong khối nước mênh mông. Trên lề đường nước chảy ào ào như thác. Dưới những cơn mưa lành lạnh, vào những buổi sáng hai đứa thường rụt rè hàng hiên đụt mưa, những buổi chiều e ấp quán cóc hò hẹn,, những bàn tay ngập ngừng chờ đợi để sưởi ấm nhau.

*Trời mưa ướt bụi, ướt bờ  
Ướt khăn, ướt áo, ai ngờ ướt em*

Những giọt nước mưa lành lạnh lất phất trên đầu, trên mặt cùng những cơn mưa kỷ niệm giăng giăng trong lòng khiến tôi không ngủ lại được, bèn ngo quanh ngo quát. Chiếc ghe bây giờ là một khối đen đui xám xám lạng lờ. Chiếc đèn pha nhỏ xíu lờ mờ, có ràn soi cái ánh sáng đom đóm trên mặt biển tối om. Trong phóng lái, một ngọn đèn vàng vọt làm hiện lên cái bóng tù mù của tài công Hốt ngồi bất động im lìm. Không biết anh ta còn thức hay đã ngủ? Đã mấy ngày đêm điều khiển con tàu vượt bao sóng gió, liệu anh

còn đủ sức hay không? Rồi còn phải tiếp tục như vậy bao nhiêu ngày nữa? Anh dáng phong sương đen đui, tuổi chừng độ hai mươi lăm, hai mươi sáu, mới cưới vợ. Người vợ còn trẻ lắm, nước da đen đen ngăm, mặt hơi rỗ mà có duyên, đi đứng tay chum dịu nhiều.

*Gió đưa đòng đánh lá me  
Mặt rỗ hoa mè anh thấy anh thương*

Người nàng nhỏ xíu nhưng cái bụng hơi khá lớn. Cái điệu này chắc chị sẽ sanh ở một trại tạm cư nào đó. Mã Lai? Thái Lan? Tân Gia Ba? ... chớ làm sao tới đệ tam quốc gia cho kịp. Chừng bốn năm tháng nữa Hốt sẽ được làm cha. Thằng bé sẽ được trưởng thành ở một nơi xa xôi, chắc chắn không phải là quê hương của cha mẹ nó. Cũng như thằng Bi, con tôi. Chúng sẽ được ăn sung, mặc sướng, quần áo đẹp đẽ, học hành tới nơi tới chốn. Tôi hy vọng ít ra cũng được như vậy vì những người xa quê hương họ được rất nhiều thứ và cũng mất rất nhiều thứ. Tôi đoán thấy mờ mờ cái viễn ảnh tương lai khi quyết định bỏ nước mà đi. Tất nhiên mọi sự lựa chọn đều kèm theo cái giá phải trả với ít nhiều đau xót...

Rồi trong phòng lái, tôi thấy Hốt đứng dậy đưa chiếc ống dòm nhìn về phía trước. Hình như vậy, tôi thấy không rõ lắm. Cái gì cũng chập choạng mờ mờ. Tàu lớn hay ghe cướp Thái Lan nữa đây? Tôi rón rén nhìn về phía trước, không phân biệt được gì hết, chỉ là một khối đen mịt mù. Trời cũng đen mà nước cũng đen. Mưa đã dứt hẳn nhưng trong gió còn đầy hơi nước ẩm thấp lành lạnh. Chắc cũng gần ba giờ sáng. Sắp bắt đầu một ngày lênh đênh nữa. Bên tai, văng vẳng tiếng Hốt từ trên cao:

-Đã thấy bờ biển Mã Lai, khoảng năm giờ sáng là tới.

Trời ơi, thiệt hôn. Tôi mừng tim đập thình thịch trong lồng ngực. Bất giác đưa tay qua nắm tay Duyên:

-Tới rồi, tới rồi, tội mình đổ bộ lên bờ Mã Lai!

Nổi sung sướng làm tôi muốn nghẹt thở. Niềm vui ào ạt như con sóng lớn, tôi muốn hét to lên để mọi người cùng chia xẻ. Cả ghe mừng rỡ. Tôi nghe loáng thoáng tiếng 'Mã Lai' ở chỗ này, rồi ở chỗ kia. Tư Trần Hưng Đạo cũng nôn nao không kém, ngời chồm về phía trước, chăm chú nhìn, đốt thuốc hút, đóm lửa sáng lập lòe.

-Thấy gì chưa anh Tư?

Hình như dưới chum trời có một vùng sang sáng!

Tôi nhìn theo bán tín bán nghi:

-Hay là mặt trời sắp mọc! Cũng gần sáng rồi.

-Ông thầy giáo ơi, mặt trời mà mọc hướng này hả! Có một lần sáng mờ mờ ngang mặt nước, Hốt ở trên cao chắc nhìn rõ hơn.

Tôi nghĩ lại thấy mình nói trật lất. Mặt trời nào mà mọc ở hướng tây. Vậy đúng là bờ Mã Lai, lòng lằng lằng rạt rào. .

Ở mí chum trời trước mặt khu vực sáng càng lúc càng rõ hơn. Ban đầu chỉ là một vạch sáng nằm ngang trên mặt nước rồi từ từ nó biến thành thành một khối sáng trắng lò mờ. Ghe tiến lại gần hơn, gần hơn nữa. Bây giờ khối sáng trắng hiện rõ lớn dần, lớn dần. Đó là những ánh đèn của một hải cảng đầy tàu bè, tạo nên một vùng ánh sáng chói lòa. Hàng chục chiếc tàu sắt lớn nhỏ đang neo với những giàn đèn đủ màu vàng ánh, đỏ bầm, xanh lục, tím hồng... Những màu sắc ánh sáng lung linh trên sóng nước nhấp nhô, nhảy múa

chập chờn theo hàng trăm nhịp tim hân hoan phấn khởi. Sau bao ngày chờ đợi, mong mỏi, bao lo lắng sợ hãi, nỗi sung sướng nào có thể so sánh được. Một cảm giác khoan khoái lâng lâng - sắp đến đất tự do rồi, xôn xao, hăm hở.

Ghe càng lúc càng gần bờ hơn. Trời sáng rõ từ từ. Bóng tối tan dần nhường chỗ cho bóng tối ban mai. Cái hải cảng đèn đuốc chói lòa hồi nãy bây giờ tự nhiên mất tiêu đâu hết. Như một giấc chiêm bao. Từ ở nơi xa thăm bây giờ không còn là một vạch cong phân chia giữa trời và nước mà là một rặng núi hình răng cưa xam xám mấp mô. Gần hơn chút nữa, dãy núi biến thành màu xanh đậm in hình trên bầu trời xanh biêng biếc. Giữa cảnh trời xanh, núi xám, nước xanh, sóng bạc nhấp nhô viền theo chân sóng là một bãi cát chạy dài trắng xóa mịn màng phẳng phiu. Tôi chồm ra be ghe, rán mà nhìn vùng đất mới. Nơi đây tôi sẽ đặt những bước chun đầu tiên của những ngày lưu lạc. Tôi sẽ tạm ngụ một thời gian, một ngày, một tuần... hay bao nhiêu nữa, rồi sau đó sẽ đến một nơi khác. Nơi nào không biết được. Rán mà nhìn vì biết rằng vùng đất này mình ở không lâu. Biết đâu trong đời qua đây chỉ một lần này. Bên trong đất liền cả một vùng mọc dừa xanh rì cao vút. Chỗ nào cũng toàn dừa là dừa. Dừa mọc san sát ngút ngàn. Dưới những rặng dừa có những căn nhà thấp chũm lè loi, mái ngói đỏ tươi. Có những chiếc xe hơi nhỏ xíu bằng cái hộp quẹt mở đèn sáng lập lòe, chạy dọc theo bờ cát trắng, bụi tung mù phía sau.

Tài công cho ghe chạy sát vào bờ, bãi cát trắng xóa, dừa mọc thành rừng. Càng gần bờ sóng càng to, ghe lắc lư dữ dội nhưng hình như không ai sợ hãi. Gần tới bờ rồi mà! Rồi mà ghe có chìm, rán lội vô cũng được! Mã Lai là đây. Phong cảnh có cái gì khang khác Việt Nam mình. Biển thì cũng sóng vỗ chập chùng, núi thì cũng cao xa thăm thẳm ngoằn ngoèo, bãi cát thì cũng trắng xóa quạnh hiu... Ừ, đúng rồi, cây dừa Mã Lai cao quá, cao gấp đôi cây dừa Việt Nam. Nó cao vút, thẳng đuột, óm nhóm. Nhà nhà được cất dưới những tán dừa im mát, loại nhà sàn cao cẳng, mái ngói đỏ tươi. Cả xứ Mã Lai, tất cả mọi vật dụng từ nhà cửa, xe cộ, ghe thuyền, đến quần áo đều được sơn phết, thêu thùa bằng những màu sắc vui tươi, sáng sủa.

Mặt trời đã lên cao. Những tia nắng ban mai rực rỡ sáng sủa trong lành. Buổi sáng nước biển dâng cao, sóng lớn vỗ mạnh vào bờ, nối tiếp nhau từng đợt, từng đợt trắng xóa. Chiếc BL 1648 vẫn nhấp nhô rẽ sóng, không biết tại sao không đâm thẳng vô bãi mà lại chạy phăng phăng dọc theo bờ. Những trái núi cao cao ở xa rồi lại ở gần. Ban đầu là một khối mờ mờ xanh ở chum trời rồi từ từ khoảng cách được thu ngắn lại. Trên sườn non những thân cây cổ thụ đen đen như hàng cột len trong những đám là um tùm. Những tảng đá chơ vơ mọc chồi ngang vách núi. Có cục màu xanh, có cục màu xám chì, có cục màu đỏ gạch cua, màu vàng... Những tảng đá đỏ sộ như những bức trường thành. Rồi lại vượt qua thấy trái núi khác, rồi lại gần, rồi vượt qua, chạy mãi, chạy mãi, khi gần khi xa...

Út Trung lại đứng gần bên tôi:

-Ừa, tài công Hốt không cho đổ bộ cho rồi, còn chạy đi đâu nữa. Hồi sáng tới giờ loay hoay ở đây cũng mấy tiếng đồng hồ. Nắng nóng dữ rồi ға!

-Chắc 'giả' còn muốn tìm chỗ tốt. Mấy nơi này bờ biển lởm chởm đầy đá ngầm làm sao mà ủi bên được. Cái chỗ vừa mới tới hồi nãy có bãi cát trắng phau phau, có rừng dừa dày đặc... Cầm lái một cái ghe đông người như ghe này cũng khó khăn lắm, sợ sẩy chút xíu là không được. Phải chọn lựa cho kỹ, phải không anh Tư, có bên đục... có bên trong!

Tư Trần Hưng Đạo nghe tôi nói thích chí, xen vô:

-Phải đó đa, thì cũng như Hốt nó đem tội mình đi gả cho Mã Lai ra sức tìm chỗ môn đăng hộ đối. Tui với mấy bồ bây giờ tình cảnh đúng y như câu ‘tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử’.

Tôi ngạc nhiên:

-Anh Tư nói cái gì có ‘tam tòng tứ đức’ đó, tôi không hiểu?

-Thiệt không hiểu không đó. Ở Sài Gòn ai cũng biết hết. Vậy mà bồ nói không hiết hả?

-Ừa, ừa, thiệt mà, thôi chịu khó giải nghĩa cho nghe đi.

Tư Trần Hưng Đạo cười cười:

-Câu này áp dụng cho cả nam lẫn nữ. Hời đó tới giờ, người ta chỉ áp dụng cho đàn bà con gái mà thôi. Còn đàn ông con trai thì bị bỏ qua, không nói đến. Bây giờ nghe tôi giải nghĩa nghe. ‘Tại gia tòng phụ’ là khi tội mình còn ở nhà là phải nghe lời phụ nữ. Phụ nữ trong nhà là vợ mình, chớ hồng lã .. bà hàng xóm!

Út Trung buột miệng la lên:

-Trời! Anh Tư giải nghĩa như vậy chết người ta! Phụ là phụ nữ hả?

Tôi xen vô:

-Khoan, khoan Trung, để nghe anh giải nghĩa tiếp.

-Còn ‘xuất giá tòng phu’ là khi ra ngoài đường thì mình phải theo anh phu xe. Anh đưa đi đâu thì phải đi đó. Xe lôi, xe kéo, xe xích lô gì cũng phải vậy hết. Mà hể anh phu xe lạng quạng bị đụng chết thì mình cũng chết theo luôn, chớ làm sao mà còn sống được. Mấy bạn thấy có đúng không? Không tòng phu thì tòng ai. Cái đó gọi là ‘phu tử tòng tử’. Tử là chết. Còn phu là phu xe rõ ràng. Chứ nho phải giải nghĩa như vậy, mới đúng... điệu nghệ.

Út Trung ôm bụng cười ào ào, tôi ôm bụng cười ngả nghiêng. Thằng cha này, bình luận chuyện đời có lý hết sức. Tôi phải theo học với ‘giả’ vài khóa mới được. Nắng đã bắt đầu tỏa hơi nóng xuống ghe nhưng tội tôi bất chấp. Không còn ai lo che đầu che mặt. Mọi người còn mãi nhìn đăm đăm lên bờ để tìm một bến đậu. Tôi ngồi nhìn phong cảnh núi non hùng vĩ chạy dài trước mặt nhớ lại những bài học địa lý hồi nhỏ. Mã Lai là một bán đảo nằm dài theo hướng Bắc Nam. Hình thể y như củ khoai lang mập phình ra ở giữa mà hẹp ở hai đầu. Cả xứ là núi non, rừng rậm, ít đồng bằng. Hầm mỏ nổi tiếng nứt thế giới là thiếc. Những đồn điền cao su ngút ngàn. Cái dãy núi chạy dọc theo bờ biển này chắc cũng y như dãy Trường Sơn bên mình. Trên đỉnh thỉnh thoảng thấy có vài đám khói trắng xám bốc thẳng vươn lên cao. Chắc là những buôn làng của đồng bào thượng Mã Lai đốt rẫy hay là những lò gạch, lò than? Rừng rậm miền nhiệt đới này nổi tiếng nhiều thú dữ, trong đám cây lá âm u, lúc nhúc đầy cộp beo với rắn độc. Như vậy là ghe mình đang tấp vào bờ phía đông nhưng không biết là ở miệt nào, trên hay dưới? Nhưng mà có chắc là Mã Lai không? Hay mới chỉ tới Thái Lan thôi? Tôi phân vân, nghĩ tới nghĩ lui. Chưa có điểm nào để phân biệt hai xứ. Cầu trời cho nó là Mã Lai chớ đừng là Thái Lan. Thái Lan đối xử rất khắc khe với người tỵ nạn. Trong một bức thư của Đức đi hồi năm ngoái gửi về nhà, có đoạn: ‘...em tới nhà chị Lan trước, thấy hung dữ khắc nghiệt quá bèn dọn qua nhà chị Lai, chị này cũng khó khăn nhưng còn tử tế hơn, tạm sống được...’ Vậy cái xứ mà tôi đang nhìn lom lom đây là chị Lan hay chị Lai, tôi sẽ gặp chị nào?

Chạy một hồi khá lâu khiến ai nấy đều sốt ruột, phân vân. Bi đã thức hồi nào, đôi mắt mở to thao láo, đưa cánh tay mập mập chỉ lên bờ miệng bi bờ. Thằng nhỏ còn muốn lên

bờ nói chi người lớn. Cuối cùng rồi chiếc ghe cũng từ từ chậm lại, nhưng không ngừng hẳn. Trên bờ, một trái núi đá cao nhưng đã bị đục khuyết vào gần hơn phân nửa, đưa cái lưng trần trụi ra biển khơi, phần còn lại cây cối mọc xanh rì y như cái đầu bị cạo láng trơn, một bên còn tóc đen thui, một bên trắng hếu. Bờ biển lồm vào hình vòng cung. Đây là một hải cảng trung bình, hình như là một công trường khai thác núi đá. Trên bờ có nhiều máy kéo, xe cần trục hoạt động nhộn nhịp, khói xăng dầu phun cuộn cuộn. Bầu trời đầy những cột khói xám bay là đà. Những chiếc xe lớn nhỏ, chạy qua chạy lại không ngớt. Dưới bến có nhiều chiếc tàu to đàu rải rác xen lẫn vào đó nhiều thuyền nhỏ hông bè ra sơn màu sặc sỡ, nhiều chiếc du thuyền cắm cờ hình ngôi sao nhiều cánh với trắng lưỡi liềm vàng nằm bên trên, góc phía còn lại là những vạch thẳng song song màu đỏ, bay phàn phật trong gió. Tôi yên chí, mừng rỡ khều Duyên, chỉ lá cờ, nói cho nàng nghe:

-Ghe mình tới đúng Mã Lai rồi, em thấy mấy lá cờ trên tàu không? Trắng lưỡi liềm là biểu hiệu của Hồi giáo. Mã Lai đa số theo đạo Hồi, còn Thái Lan theo đạo Phật. Cờ Thái Lan là năm vạch màu trắng, đỏ xen lẫn nhau...

Cạnh những chiếc tàu lớn là những chiếc xà lan to chở đầy cát, đá, được neo chắc, bập bênh theo nhịp sóng. Xế bên công trường có nhiều nhà đẹp kiểu Tây phương với vườn cây cảnh, những biệt thự nghỉ mát đồ sộ, bãi cát trắng phau phau, rải rác đây đó có người tắm. Phong cảnh gần giống với bãi Ô Quán ở Vũng Tàu nhưng ít rộn rịp hơn. Tuyệt nhiên không thấy ghe đánh cá với ngư phủ.

Phải rồi, đây là cái thành phố hồi hôm rực rỡ ánh đèn xanh đỏ tím vàng, lập lờ giữa biển mà tôi đã thấy, lúc còn ở thiệt xa ngoài khơi. Những ngọn đèn của tàu sắt, của ghe thuyền, nhà cửa, đường phố... tất cả được thấp sáng chói lòa trong cái tối đen mịt mù của biển cả. Cái nơi mà hồi tối mọi người trên ghe ngấm nhìn thềm thương hy vọng. Ôi những con người lưu lạc đáng thương, họ tin tưởng bất cứ nơi nào sẽ đến, dầu chưa biết rõ trời sẽ nắng hay mưa!

Tài công cho ghe vào bến từ từ, gần bờ sóng càng lúc càng to. Chiếc ghe được đưa trôi lên thiệt cao rồi bị giựt xuống thiệt nhanh, nước văng tung toé ướt cả trên boong. Thằng Dân 'gi đó' miệng cứ lải nhải theo từng đợt sóng -lên ruột -xuống ruột. Nhưng cũng nhờ nó nói mà bụng tôi bớt còn cào. Cứ mỗi lần ghe bị hụp xuống, gan, ruột, bao tử như bị ghệt mạnh mạnh, tuột theo nhịp rút xuống của chiếc ghe. Chịu khó, chịu khó, chừng vài phút nữa là ghe sẽ cập bến, mọi người sẽ được lên bờ. Tôi nhìn đăm đăm cái cầu tàu mà chờ đợi.

Trên bờ nhiều người Mã thấy ghe lạ ngoài khơi tiến vào, họ xúm nhau lại bàn tán chỉ chỗ. Quần áo họ mặc rất đẹp. có lẽ là du khách đi tắm biển hơn là dân chài lưới. Có hàng mấy chục du thuyền sang trọng đang neo trên bến. Bỗng nhiên tôi thấy một người vạm vỡ trong một du thuyền lớn nhứt, từ trong khoang chui ra tay cầm một cây súng dài, miệng la hét vang rân, vừa quơ tay ra dấu đuổi ghe ra, vừa bắn đùng đùng, đáng không muốn cho ghe cập bến.

Ai nấy đều phân vân. Nếu nó không cho cập bến thì sao? Tại sao vậy? Nếu không ghé đây thì ghé vào đâu bây giờ. Đã tới nước này thì chỉ có nước liều. Tài công lái ghe ra xa, vòng xuống phía dưới chỗ bãi tắm, thiệt xa chỗ cái ông có cây súng dài, rồi tấp vào. Trên bãi cát trắng phau, dân Mã đang tắm giỡn nô đùa trên sóng nước, bỗng nhiên thấy một ghe lạ lù lù xuất hiện, đâm xôn xao. Hốt cho ghe cập sát một xà lan thật to. Sóng đánh rập rình. Ghe thả neo đứng yên một chỗ. Bây giờ phải làm gì nữa đây? Hủ Tiếu, Nhựt Bồn,

tài công và một số người lớn tuổi xúm nhau lại tìm giải pháp. Tư Trần Hưng Đạo hăm hở: -Hay là mình lũi đại vô bờ, tụi nó bắt ngờ đâu làm gì mình được nữa.

Hốt chưa kịp trả lời thì chị vợ đã lắc đầu không chịu:

-Nếu vô đại như vậy, nó kiếm tài công mà đánh hay bắt bỏ tù thì anh Hốt làm sao chịu nổi!

Nói xong chị nắm chặt lấy tay chồng, Hốt đứng im hồi lâu mới nói:

-Sóng bữa nay mạnh lắm, nó đánh một hồi nữa là đứt dây neo!

Quách Linh Hoạt im lặng nãy giờ, mới bắt đầu lên tiếng:

-Đậu thì không đậu lâu được, vô thì không vô. Vậy thì chỉ có cách kéo neo lên, tìm một bến khác, chỗ nào tử tế hơn..

Hốt thắc mắc:

-Biết chỗ nào tử tế hơn chỗ nào?

-Thì đi đi nữa, ghé thêm vài chỗ, kiếm mấy làng quê, dân ở quê có lẽ hiền lành dễ thương hơn dân ở thành thị... ít ra họ không có súng như thằng cha vừa rồi!

Nghe Quách Linh Hoạt bàn nên tìm chỗ khác, chị vợ Hốt mặt tươi ra, gật đầu. Hốt vẫn còn phân vân. Hủ Tiểu nghĩ tới, nghĩ lui đề nghị:

-Thôi như vậy, mình neo ghe ở đây, tìm người lợi vô bờ liên lạc, năn nỉ họ xin đồ bộ. Mình ở đậu vài ngày để vô trại tạm cư, chớ đâu phải ở luôn. Thế nào họ cũng phải chịu mà, rán năn nỉ tụi nó... Đài BBC nói có cái đảo gì đó, chứa người ty nạn!

Mấy người xung quanh đều thấy đó là một giải pháp dung hòa, có thể chấp nhận được, đều đồng ý. Nhựt Bôn góp ý:

-Tốt nhất là chọn người Tàu mà biết giỏi tiếng Anh. Ở Mã Lai người Tàu nhiều lắm.. Nếu nói tiếng Anh không hiểu nhau thì mình nói tiếng Tàu. Đâu có ai biết tiếng Mã Lai!

Tôi vụt nhớ tới nhà văn Bình Nguyên Lộc và tác phẩm Khảo Cứu Về Nguồn Gốc Mã Lai Của Dân Tộc Việt Nam. Phải chi có ông trên chiếc ghe. Không biết ông có dịp nào để đến xứ này chưa? Ở đời có những cái tình cờ mà không ai có thể biết trước được, như chuyện tôi có mặt trên cái ghe này, sáng hôm nay. Ngày trước khi đọc tác phẩm trên, tôi có ngờ đâu, sẽ có một ngày mình được đặt chun tới. Mà hình như chữ Mã Lai mà ông Bình Nguyên Lộc dùng không phải chỉ cái xứ nhiều núi với biển này. Đó là một chủng tộc lớn có địa bàn rộng khắp cả vùng Đông Nam Á, Nhựt Bôn, Đại Hàn... Nghĩ lại kiến thức kém cỏi, thiệt thòi hết sức, thấy cái gì cũng tro mắt ra nhìn ngơ ngác...

Có lẽ biện pháp của Hủ Tiểu đề nghị là hợp lý nhất nên nguồn tin lan đi rất nhanh trên ghe. Tức khắc có hai thanh niên tình nguyện: Chiêu và Hiếu. Hiếu là em ruột Xám Mã Chải, ốm dong dong cao, khá đẹp trai, nghe nói có đi du học ở Đài Loan vài năm, tôi ít gặp. Chiêu thấp người hơn một chút nhưng liên lạc, mạnh dạn, đeo kiếng cận khá dày. Chiêu là người cùng tỉnh. Nhà nó bán gạo hiệu Càn Phong Chành, cách nhà tôi chừng vài trăm thước. Hai gia đình biết nhau từ lâu lắm. Trong chuyến đi này Chiêu và mấy em tôi, khi liên lạc, đóng tiền, hoặc mua giấy tờ, lo lắng chung nhau từ đầu đến cuối nên tình thân đối đãi nhau như ruột thịt. Chiêu là giáo sư dạy tiếng Anh đầu miệt Chợ Lớn, tánh tình đàng hoàng tử tế, việc gì nặng nhọc, khó khăn nguy hiểm cũng không nề hà, lúc nào cũng lặn xả. Tôi hơi lo lo. Hai đứa biết lợi có giới không, buổi sáng sớm lớn quá, khoảng cách từ ghe vào tới bờ khá xa, rủi có bề gì?...

Hốt và Dân thủy thủ lần theo be ghe mở dây lấy ra hai cái ruột xe đã được bơm cứng để làm phao nổi. Dân nhìn thấy Chiêu đã cởi áo chỉ còn mặc quần ngắn đáng sợ, bèn quăng ruột xe xuống trước. Chiêu nhảy lẹ theo. Từ trên ghe xuống tới mặt nước đầu cũng chừng ba bốn thước cao, khoảng cách khá xa nên khi Chiêu nhảy xuống, bị chìm sâu lắm. Phải thật lâu Chiêu mới nổi lên được, lúc đó cái ruột xe đã trôi tuốt ra xa. Nó rán hết sức để lội tới. Từ trên cao nhìn xuống, thấy nó quơ tay, khuyên chun y như con nhái. Đã hai ngày không ăn uống đầy đủ, lại ngồi lâu bó gối trên ghe nên hình như Chiêu đuối sức. Nó lặn hụp mãi mà không chụp được cái phao. Sáng nay sóng lớn quá. Từng đợt, từng đợt, bọt tung trắng xóa, quay cuồng tới tấp, xô dạt ào ạt. Hiếu thấy vậy lẹ làng nhảy theo. May mắn hơn, nó chụp được cái phao bèn đẩy tới cho Chiêu. Chiêu ôm được phao lội vô bờ. Mọi người trên ghe hồi hộp theo dõi. Khoảng cách từ ghe vô bờ khá xa, hai đứa nháp nhô theo sóng như hai trái dừa khô nhỏ xíu. Đây là giây phút quyết định. Được hai không là nhờ hai anh bạn trẻ này.

Trên bãi cát loáng nắng vàng tươi, mấy người đang tắm xông xáo, tất cả đều chạy ủa về một phía. Tôi thấy có một người trong đám đông chạy băng băng qua bên kia đường, bẻ một cây hàng rào làm gậy, đứng hờm sẵn. Hiếu tới bờ trước, bước từng bước khó khăn trong làn nước lấp xấp. Khi ra khỏi bờ nước, người dân Mã liền nhào tới đưa cao cây hàng rào, dang tay đập tới tấp vào đầu vào lưng. Hiếu hai tay ôm lấy đầu, tránh né. Chiêu tới sau, thấy tình hình nguy ngập, vội chạy ngược ra biển. Nhưng không kịp nữa rồi, tội dân Mã ủa tới thiệt đông. Cả hai bị đánh trên đầu trên cổ. Chiêu đưa tay đỡ gạt. Từng nhát gậy đánh xuống hai bạn, tôi nghe như chính mình bị đau. Trời ơi, tại sao họ lại nổi đánh người vô tội như vậy? Mắt tôi hoa lên, đầu choáng váng.

Những tiếng bịch bịch, hự hự, tiếng gậy vun vút, tiếng rên rì van xin, tất cả như quay cuồng đảo lộn. Tuy ở rất xa mà tôi thấy, tôi nghe, tôi đau! Chiêu ơi! Hiếu ơi! Tội tôi phải làm sao bây giờ. Mọi người trên ghe sợ quá, xúm nhau la hét vang rền. Dân và Cường thủy thủ chạy lục tung đồng hành lý, lấy ra mấy cái mùng cũ cùng một cái vỏ xe. Cả hai khệ nệ vác lên mũi, bật quẹt đốt. Nhờ có gió lớn, ngọn lửa bắt rất lẹ, khói bay mịt mùng. Tội tôi càng la to nhưng tiếng gió, tiếng sóng làm tan loãng. Chỉ còn có khói lửa của chiếc mùng bốc lên cao, mùi cao su cháy khét lẹt, cử chỉ cầu cứu trong tuyệt vọng. Không thấy trên bờ có phản ứng gì. Đám đông xúm vây quanh hai đứa. Cây hàng rào to cỡ bằng bắp tay, với sức của một người lớn đánh, làm sao mà chịu nổi! Tại sao ở đời lại có những người không giận không hờn nhau, lại nổi đánh đập nhau nặng tay! Từng phút trôi qua, tôi cảm thấy như thời gian dài dằng dặc hàng giờ. Nếu bị đánh như vậy hoài, chắc cả hai phải chết. Chiêu và Hiếu vì cả ghe mà phải hy sinh, vậy mọi người trên ghe phải làm sao để cứu tội nó? Cả ghe ngẩn ngơ, hồi hộp, theo dõi. Phải giải quyết và phản ứng ra sao? Không ai biết. Người thì nói tất cả ủa xuống hết, không lẽ nó đánh luôn đàn bà con nít. Người đòi bỏ đi kiếm chỗ khác đỗ bộ. Có người đòi bỏ nơi này để đi Tân Gia Ba, ở đó dân chúng hiền lành tử tế hơn, có người đòi đi Úc...

Càng về trưa sóng càng lúc càng hung hãn. Chiếc ghe nghiêng ngã lắc lư. Nước văng tung tóe lên cao ướt đầu ướt cổ. Từng đợt sóng tràn vào rồi rút ra, chiếc ghe xô dạt theo sóng nước, đập mạnh vào xà lan chõ cát, tiếng va chạm âm âm. Tiếng khung ghe vụn mình nghe kìn kịt. Tôi có cảm tưởng tất cả ván, sườn, gỗ, đinh ốc sắp rời tung từng miếng. Bỗng nhiên nghe một tiếng vụt mạnh, cả thân ghe như bung ra. Neo đứt. Tôi



hoảng hốt rụng rời. Hốt nỏ máy ghe lớn hơn, dang ra xa cho đỡ sóng. Bờ biển càng lúc càng nhỏ lại. Đám đông xoay quanh Chiêu, Hiếu bây giờ không còn thấy nữa, tất cả đều biệt tăm. Trên bãi chỉ còn trơ lại những cây dù che nắng xanh xanh, đỏ đỏ, nhỏ xíu. Hàng dừa thưa thưa. Không biết tính sao, tài công từ từ lái ghe rời bên, bỏ lại Chiêu và Hiếu trên bờ đất lạ. Hốt cho ghe chạy dọc theo bãi cát nắng nóng chang chang. Ghe chạy qua rồi chạy lại, mọi cặp mắt đều đổ dồn lên bờ để kiếm hai bạn đồng hành. Nắng giữa trưa nóng hừng hực chói loà. Trên bãi người tắm đã thưa. Những hàng dừa khô cháy, nghiêng ngã theo gió cát. Hình như có lần thấy Chiêu chạy ra ngoắc ghe lại nhưng vì xa quá không ai nhìn thấy rõ. Sau đó thấy có xe cảnh sát đến rồi... mất luôn.

Chiếc BL 1648 bây giờ chạy không định hướng dọc theo bờ biển Mã Lai. Cả ghe hoang mang tột độ. Làm sao bây giờ, không ai biết? Quyền quyết định của tài công hay Hồ Tiểu? Riêng tôi và mấy em, tất cả đều lo lắng xót xa thương cho Chiêu và Hiếu. Không biết bị đánh như vậy có bị thương tích nặng không? Chiêu khi nhảy xuống đã để kiếng lại, bây giờ làm sao mà thấy đường, nó cận thị nặng quá! Bị bắt về trạm cảnh sát thì bị đối xử như thế nào? Có bị đánh đập hành hạ gì nữa không? Người dân Mã hung dữ như vậy thì cảnh sát, quân đội nó phải dữ dằn hơn nữa. Vậy mà Đức đã nhận xét Mã Lai dễ chịu hơn Thái Lan. Mới tiếp xúc sơ sơ có chút xíu mà còn bị đánh đập giam cầm, đuổi xô, nói chi tạm ngụ tháng này qua tháng kia. Rồi hai đứa có thể bị kết tội xâm nhập lãnh thổ bất hợp pháp, có thể bị ở tù, rồi có thể bị giao trả về Việt Nam? Nghĩ tới nghĩ lui, tôi thấy ra hàng chục câu hỏi, mà câu nào cũng giải đáp không trôi. Duyên ngồi bên lo lắng than thở:

-Hồ Tiểu với Nhựt Bồn xúi người ta nhảy xuống biển làm chi, để bị đánh như từ, rồi bây giờ không tìm cách cứu mà lại xúm nhau bỏ đi, em thấy bất nhẫn quá!

Tôi tìm cách trấn an nàng:

-Ít ra hai đứa cũng được lên bờ rồi, có nhà thương, có cảnh sát, dầu gì thì cũng còn luật pháp, không đến nỗi nào. Còn số phận cả ghe bây giờ chưa biết trôi dạt ra sao. Sóng lớn mà neo lại đứt. Hốt lái ghe thì được nhưng chuyện xoay trở coi bộ lúng túng...

-Theo anh, thì hồi này mình phải làm sao?

-Anh chọn chỗ nào có bãi cát phẳng phiu, cho ghe ủi đại lên bờ, tất cả ào xuống một lượt. Nếu có bị đánh thì chắc không nặng lắm... Sau đó mình xin ở tạm để chờ Cao Ủy Liên Hiệp Quốc đến... chớ bây giờ thì đi đâu, về đâu?

Vừa nói tôi vừa đưa mắt nhìn ra ngoài. Ghe đang chạy với vận tốc nhanh. Sóng to đánh mạnh vào sườn, toàn thân lắc lư dữ dội. Nước văng tung toé lên cả trên mũi, đầu tóc ướt mem. Tôi đưa lưỡi liếm những giọt lan quanh mép, thấy nước biển mặn đắng. Thì ra, có một chân lý phổ quát, nước ở đại dương nào thì cũng chung một vị giống nhau, vị mặn. Con người dầu lặn lội tới tận nơi chum trời góc biển nào thì cũng phải chung một phận, phận khổ đau...

Mặt trời đã lên ngay đỉnh đầu, độ mười hai giờ trưa có hơn. Nắng nóng như đổ lửa. Ánh nắng chói lọi chiếu thẳng xuống mặt nước, biến nó thành màu vàng loang loáng trong suốt. Tôi nghe đầu vầng vát, mắt hoa, lỗ tai lũng bùng. Từ hy vọng buổi sáng đến thất vọng buổi trưa, khiến tâm trạng tôi đâm lơ đãng, lửng đờng. Cả người mệt mỏi, lao đao, tôi ngồi bệt xuống sàn ghe, hơi thở mệt nhọc. Sáu tiếng đồng hồ cứ loay hoay ở bờ biển này, không đi tới đâu. Sóng ở đời, có nhiều chuyện khó làm, nhưng có lẽ việc khó nhất là mở miệng nhờ vả kẻ khác. Hồi nhỏ tôi thường nghe ba tôi nói ‘đăng sơn tầm hổ dị, khai khẩu

kháo nhờn nan' đến giờ mới thấy đúng hết sức. Tìm một bên để ghé, tôi ngo quanh, bốn bề chỉ thấy trời nước mênh mông!

*Võ Kỳ Điền*

**Chương 9:**

## ***VÂN THÂM BÁT TRI XÚ***

Chiếc BL 1648 phẳng phẳng rẽ nước, lao vun vút tới trước như con ngựa điên hung hãn bị bịt hai mắt. Tiếng máy gầm thét lẫn với tiếng sóng vỗ rì rào như vang trong gió nổi giận hờn, bực tức. Nó đi mà không còn biết đâu là bến bờ. Bây giờ cả không gian là một khối nắng chói lòa loang loáng. Trên là trời, dưới là nước. Trời với nước phản chiếu nhau, trộn lẫn nhau, hất cái hơi nóng hừng hực lên ghe. Mọi người đứng ngồi la liệt như đám tàn quân bại trận thảm thương, mặt mày hốc hác, quần áo nhàu nhò. Tôi nghe đầu óc váng vất. Cả đêm không ngủ rồi tâm trí căng thẳng từ sáng tới giờ, nỗi thất vọng khiến toàn thân như tê liệt, mấy bắp thịt hầu như nhào ra. Tôi đưa mắt nhìn lên phòng lái. Cái phòng vuông vức nhỏ xíu đó đông nghẹt người chen chúc. Loáng thoáng thấy tài công Hốt, tài công mặt rỗ, Quách Linh Hoạt, Dân thủy thủ, Hủ Tiểu... cùng một đám thanh niên đầu cổ bờm xờm. Người thì leo lên mũi ngòi ngất ngưỡng trên đồng hành lý, người nắm lấy vách cột đứng cheo leo. Mặt mũi ai nấy buồn hiu.

Cái bờ biển vô tình hồi sáng, bây giờ đã mất hút trong tầm mắt. Ghe không còn chạy dọc theo bờ mà lại đâm thẳng ra khơi. Núi non cây cỏ dần dần khuất mắt trong những đợt sóng. Trời, cái điệu này Hốt định bỏ Mã Lai rồi, chắc 'giả' định tìm một bến khác. Bến mới nào đây? Singapore hay Indonésia? hay Úc? Nghĩ tới những quốc gia mới này, lòng tôi đâm e ngại rụt rè. Có chắc gì những nơi sẽ đến, người ta nhân đạo hơn, mở rộng vòng tay đón tiếp người tỵ nạn. Rồi sẽ đi nữa, đi nữa... Hình như ở thời đại kỹ nghệ máy móc này, tìm một cõi lòng nhân đạo hơi khó khăn!

Bất thành linh trong lúc không mong không đợi, có một chiếc tàu sắt sơn toàn màu đen tuyền, từ đâu không biết, vụt đến chạy theo ghe. Chiếc tàu này lớn hơn chiếc BL 1648 chút xíu, trang bị đầy máy móc chi chít đặc nghẹt trong khoang không một chỗ chen chun, chạy thiệt nhanh và lướt sóng thiệt khéo. Chắc là loại tàu kéo hay tàu máy của dàn khoan dầu. Trong chớp mắt nó cập sát. Những đợt sóng do nó tạo ra đập mạnh vào thân ghe, khiến chiếc ghe chòng chành dữ dội. Lá cờ trắng lười liềm với các sọc đỏ nằm ngang bay phấp phật trong gió. Đúng là cờ Mã Lai. Từ trong khoang một người Mã to lớn chui ra, đưa tay ra ngoắc tài công Hốt ra dấu bảo theo, sau đó chạy trước dẫn đường. Chiếc BL 1648 như người mù mất phương hướng, bây giờ tự nhiên có người đến dắt đi, mừng rỡ bám sát.

Trên ghe niềm hy vọng làm tươi tỉnh những gương mặt rám đen héo úa. Những ánh mắt mệt mỏi mắt đầu long lanh nhìn theo chiếc tàu lạ. Trưa nay gió thiệt to và sóng thiệt cao. Chiếc dẫn đường lướt sóng phẳng phẳng, chiếc theo sau rần hết sức để bám sát, tiếng máy gầm rú lên từng hồi. Có nhiều đợt sóng lớn đánh tạt vào mạn ghe, nước văng tung toé lên cả chỗ ngồi. Chiếc tàu này máy mạnh quá. Biển trưa nay động dữ dội mà trông nó vẫn vững vàng, hai cái hông bè ra đè trên sóng mà đi. Lâu lâu người thuyền trưởng Mã lớ đầu ra phòng lái, cười cười tỏ dấu thân thiện rồi đưa tay chỉ về phía trước. Tôi đoán

chùng chắc đâu đây có cái đảo nhỏ dành riêng chứa người ty nạn do Liên Hiệp Quốc bảo trợ, các đài truyền thanh ngoại quốc thường nói đến. Lạy trời cho đúng là nó. Cái đảo nhỏ bên bờ Mã Lai... niềm hy vọng của rất nhiều người và của riêng tôi. Nó là nỗi chờ đợi, trông ngóng ước mơ...

Chùng độ một tiếng đồng hồ sau tôi nhìn thấy một hòn đảo in bóng xám xám trên nền trời trong vắt. Lại gần hơn, gần hơn nữa... Đảo hiện rõ trong tầm mắt. Cây cối xanh rì, núi non chón chờ. Thằng Dân thủy thủ đứng cheo leo trên mũi ghe, miệng la chối lói vang dội:

-Bà con ơi đảo dừ, đảo dừ...

Cái thằng thiệt lạnh tay lẹ miệng, chưa gì hết mà đã dám đặt tên cho cái nơi sắp đến, làm như đảo này không có cây gì khác. Mà cũng đúng thiệt. Những ngọn dừa đã hiện rõ dưới bầu trời nắng chói như những chiếc dù xanh non. Trên đảo chỉ thấy toàn là dừa. Dừa mọc từ bờ nước trở đi, cây này san sát cây kia, nhiều vô tận mọc tuốt sâu bên trong. Chỗ nào cũng thấy những thân dừa lớn như cây cột cao vút suông đuột. Người thuyền trưởng Mã tốt bụng bên chiếc tàu đen đưa tay chỉ vào đảo, rồi khoát tay từ biệt. Chỉ trong vòng vài phút ngắn ngủi chiếc tàu mất hút sau những ghềnh đá chập chồng, chênh vênh gie ra một góc biển. Ôi! giữa những cõi lòng vô tình cũng còn có những trái tim nhơn ái.

Chiếc BL 1648 từ từ tiến sát vô bờ. Bãi cát trắng phau phau. Rừng dừa xanh ngắt ngắt. Hình như là đảo hoang. Không thấy một làn khói, một mái nhà, một căn lều nhỏ, một dấu vết gì chứng tỏ có sự sinh hoạt của con người. Vậy thì cái đảo này đâu phải là nơi chứa người ty nạn. Tôi ngờ ngác tự hỏi. Nhưng dầu phải hay không, cũng không quan trọng. Cái quan trọng nhứt là được đặt chun xuống đất rồi thủng thẳng tính nữa. Duyên cũng vừa nghĩ tới ý đó :

-Mình vô một đảo hoang, không có nhà cửa gì hết !

-Có lẽ vậy mà tốt, tạm ở vài ngày rồi tìm cách liên lạc với Hồng Thập Tự hay Liên Hiệp Quốc, chớ nơi thị tứ đông người thì thế nào cũng bị rắc rối như hồi sáng. Trên ghe đông người quá, khó xoay trở... Nhắc tới cảnh buổi sáng tôi vụt nhớ tới hai bạn Chiêu, Hiếu bị bỏ lại trên bờ đất lạ. Không biết tình trạng bây giờ ra sao? Một cảm giác buồn buồn xót thương trộn lẫn với một chút lo lắng về cái nơi sắp tới. Vô một đảo hoang? Lấy gì mà ăn. Số thực phẩm trên ghe chỉ có tám bao gạo, mấy ngàn lít nước phải chia cho ba trăm năm chục người. Cầm cự được mấy ngày?

Tôi vụt nghĩ tới rừng dừa trước mặt, yên tâm không lo nữa. Nếu hết gạo thì còn cả muôn triệu cây dừa kia, không lo đói. Nước dừa, cơm dừa, cớ hủ dừa, cái nào ăn cũng được. Trong truyện *Một Ngàn Lễ Một Đêm* có chuyện anh chàng Sinh Bá lọt vô đảo của bọn người không lồ, được cho ăn dừa mỗi ngày để cho thiệt mập. Sau đó chúng lựa người nào mập nhứt mà ăn thịt. Hơn nữa gần đây có ông Đạo Dừa từ nhỏ tới lớn sống toàn bằng dừa. Ông ta sống được thì mình cũng sống được. Biết đâu đắc đạo mấy hồi! Tôi sẽ xin Tư Trần Hưng Đạo vài cái lưỡi câu, đi câu thêm cá tôm ngoài biển. Đảo này vắng vẻ chắc cá cua sò ốc nhiều.

Bãi cát trắng tinh chưa có một dấu chun người, chạy dài tạo nên một cái vịnh hình vòng cung rất đẹp. Bờ cát thoải thoải dốc lải ra tận xa, thiệt là lý tưởng cho ghe ủi bến. Hốt

thong thả từ từ lái đóm thẳng vô. Trên trời năm ba cánh hải âu chao mình liệng qua liệng lại trước mũi ghe mà nhìn xuống. Nó nhìn chúng tôi ngạc nhiên, tôi nhìn thấy nó, mừng rỡ. Anh bạn Quách Linh Hoạt từng nói, đi biển cứ mong gặp được cánh chim, biết là sắp đến được đất liền. Huống chi là đất liền trước mặt. Tôi sắp được bước chun lên.

Dưới những tàn dừa im mát tôi sẽ che một cái lều nhỏ lợp bằng những lá dừa. Vợ chồng con cái sẽ chun vô sống qua ngày để chờ người cứu vớt, y như ngày xưa, hồi nhỏ chơi trò đóm cưới lợp lều bằng lá đùng đính. Bi sẽ lấy hộp lon sữa bò đi gánh nước nấu com, tôi sẽ đi chặt lá dừa để làm nóc làm buồng nhứt là làm một cái cổng cho đẹp. Duyên vô trong rừng hái hoa đại để trang hoàng. Tôi còn mong gì hơn...

Nhưng giấc mơ của tôi nửa chừng bị ngưng lại. Khi chiếc ghe sắp đụng bờ cát dưới những tàn dừa rậm rạp có hai người lính Mã Lai mặc quân phục rằn ri cầm súng chạy vọt ra dáng điệu hầm hừ. Ở trên ghe nhìn thấy cả hai nhỏ xíu như đứa con nít mười tuổi. Họ đưa súng bắn rầm rầm, đạn bay veo veo. Trời ơi, tụi nó bắn thẳng vào ghe. Nguy quá, mọi người sợ hãi, nằm rạp xuống sàn. Tôi vừa run, vừa lảm bảm “cái xứ gì dã man mọi rợ! Hồi sáng đánh người, bắt người chưa đủ, bây giờ lại bắn trực xạ như vậy” Sau một loạt đạn, cả hai quơ tay quơ chun la lối đuổi ghe ra. Hốt do dự, ngừng lại. Trên bờ, họ chuẩn bị nạp hai băng đạn mới. Hốt liền cho ghe quay mũi, nổ máy lớn chạy đi luôn. Cũng may, loạt đạn đầu chúng chỉ bắn dọa, đạn bay cao trên đầu nên không ai bị thương. Tuy vậy mọi người đều bị một vết thương trong lòng. Vết thương buổi sáng chưa kịp hàn miệng thì bây giờ lại bị rách toang thêm. Ôi, đáng thương cho cái kiếp ăn đậu ở nhờ, bị người xua đuổi tàn tệ không nương tay. Tôi vừa buồn vừa tủi. Khi không bỏ nhà êm cửa ấm ra đi châu chực xin xỏ nơi đất lạ quê người để bị đuổi xô hất hủi. Tại ai? Tại ai mà chúng tôi biến thành những kẻ đi ăn mày tình thương của kẻ khác, lang thang tận góc biển chun trời như vậy. Không ngờ trong đời tôi lại lâm cảnh éo le, lờ khóc lờ cười. Chắc Hốt cũng cùng chung một tâm trạng nên tôi nghe trong tiếng máy ghe nổ ầm ầm rền vang kia có pha lẫn nỗi tức tưởi nghẹn ngào. Lại một lần nữa, chiếc ghe bỏ thêm một bến lạ mà đi...

Ghe tăng vận tốc đổi hướng vòng lên phía trên đảo. Cây cối cảnh vật chạy ngược về sau. Vừa qua một vịnh biển hình cánh cung cách đó chừng vài cây số có một cầu tàu thiệt lớn, được cất gie chòm ra ngoài bờ nước xa. Cầu xây bằng thép sơn màu xanh đậm, nguy nga đồ sộ. Bên cạnh cầu, một chiếc tàu sắt, lườn đen, thành sơn màu trắng toát. Nó lớn như một toà nhà năm sáu tầng cao. Cái ống khói lớn như cây cột vĩ đại, sơn hàng chữ MING KONG theo chiều dọc từ trên xuống dưới, cùng lá cờ Singapore bay phàn phật trong gió. Trên chiếc boong cao vút có mái che, sáu bảy người thủy thủ Trung Hoa quần áo màu mè, tóc đen dài phủ ót, cùng một người thuyền trưởng người da trắng to lớn, râu ria bó cảm, đứng vịn lan can tò mò nhìn xuống đám người ty nạn đang chen chúc dưới ghe. Thấy họ thành thoi mà tủi thân. Cái ghe nhỏ như vậy chứa trên ba trăm người, còn cái tàu kia, nó lớn hơn gấp mấy chục lần, vậy mà chỉ chứa có mấy người trên đó. Họ tha hồ tắm rửa, ăn uống đi tới đi lui. Chiếc tàu này bên trong ít ra cũng có năm bảy tầng, chắc có quầy rượu, sàn nhảy đóm, sân đá banh, hồ tắm... Nhìn mấy bộ bàn ghế bằng mây lớn để dọc theo lan can tàu thì biết. Y như hình chụp trong các quán rượu sang trọng... bên Tây! Tôi nghe chun căng tê rần, mấy ngón ngo ngoe hết được, ngòì quá lâu bị vọp bẻ mất hết cảm giác. Đã ba ngày, ba đêm chịu cảnh bó gối như vậy, tôi thêm một khoảng trống chỉ cần đủ để ngã cái lưng ra một chút, một chút xíu thôi. Chắc ở trên đó, mấy người thủy

thủ, mỗi người có giường nệm khăn lót trắng bong, có bồn rửa mặt, có tủ lạnh chứa đồ ăn, có ti vi để coi mỗi tối. Phải chi mình được lên, không cần nhiều, chỉ xin một chỗ nào đó cũng được, ngã đại cái lưng xuống sàn, nằm dài ể ngược xương sống, thăng chun ra một cái, nhắm mắt lim dim sáng khoái. Trời ơi! chắc là đã lắm! Bất cứ chỗ nào cũng được mà, từ đầu mũi tới cuối lái rộng thình thình.

Hốt cho ghe cặp sát vào hông tàu. Chiếc tàu cũng còn khá mới. Vách cao dựng ngược như vách thành sừng sững, những đốm rỉ sét ăn loang vàng ẻo. Ở các mối hàn, sơn tróc nhiều mảng lớn. Tàu chừng như đã hết hàng hóa nên đáy nổi lên cao. Nó lớn quá, nước trua nay dâng cao sóng vỗ âm âm, nó vẫn im lim thông dong, không lay động. Trong khi đó, chiếc BL 1648 nhồi lên hụp xuống muôn chóng mặt. Nhựt Bồn từ trong khoang ghe mò ra đứng trước mũi, ngược cái đầu sói lên tàu, dùng tiếng Trung Hoa để liên lạc. Ông thuyền trưởng dùng tiếng quan thoại nói khá sôi và rành mạch. Hai bên hiểu nhau dễ dàng. Đại khái ông nói luật hàng hải không cho phép vớt người trên ghe còn tốt và đang ở trong hải phận Mã Lai. Ông chỉ có thể giúp đỡ bằng cách cung cấp nước, dầu cùng thực phẩm... Cuối cùng ông chỉ cho Nhựt Bồn vị trí đảo Bidong có trại tỵ nạn lớn lắm, từ đây đi chừng chín hải lý theo hướng ba trăm mười độ thì thấy. Từ dưới nhìn lên, thấy ông ta nói hàm râu bạc rậm rì bó quanh cằm rung rung, cánh tay quơ quơ, tôi có cảm tưởng là một linh mục Tây Phương đang giảng đạo, tội tôi là những con chiên ngoan.

-Cứ đi đi sẽ gặp Pulau Bidong dễ dàng. Ở đây tội lính Mã Lai thấy bất tiện lắm. Có gì cần thêm thì tôi sẽ giúp cho...

Đứng cạnh ông mấy người thủy thủ quăng xuống ghe vài bịch thuốc lá, bánh ngọt, chocolat, kẹo...

Ồi! Thêm những cối lòng nhờn ái. Nếu mọi người trên cối đời này đối đãi nhau lịch sự như vậy thì quả đất này thiệt là thiên đường.

Tôi rần lắng tai nghe, hiểu được lỏm bõm. Mừng quá! Pulau Bidong hải đảo nhiệt đới, Pulau Bidong miền đất lạ, nơi ước mơ của người tỵ nạn bơ vơ. Nó ở gần đầu đây, loanh quanh trong vùng biển này. Vài giờ nữa tôi tôi sẽ đặt chun lên tới đó, bắt đầu những ngày sống tự do thoải mái ở vùng đất mới. Tôi sung sướng gọi nhỏ nhỏ Pulau Bidong, Pulau Bidong. Mấy tiếng nghe thiệt êm ái như ngày nào thủ thi tên ai...

Nhựt Bồn sau khi hỏi thăm kỹ lưỡng đường đi nước bước, lom khom vịn mũi ghe chun vô khoang. Thấy cảnh ông ta đầu sói sọi, muôn dậm lặn lội đến đây hỏi thăm đường người thuyền trưởng lạ, bất giác tôi nhớ bài thơ cổ. Bài thơ ngắn chỉ có năm chữ bốn câu:

*Tùng hạ vấn đồng tử  
Ngôn sư thái dục khứ  
Chỉ tại thử sơn trung  
Vân thâm bất tri xứ*

Tạm dịch thì như vậy. Dưới gốc tùng hỏi chú tiểu đồng, thầy em đâu? Thưa rằng, thầy tôi đi hái thuốc trong núi này. Không xa lắm, chỉ có điều mây mù nhiều quá nên không biết chỗ nào đó thôi. *Chỉ tại thử sơn trung, vân thâm bất tri xứ.* Mây phủ dày đặc nên không biết ở nơi đâu? Ồi! mây nào giăng kín bung bung lòng người dân Mã, mây nào mang mang lòng người tỵ nạn thê lương, mây nào mù mịt thăm sâu quê hương tù ngục?

Chỉ cần vén được mây đen thì thấy được trời trong xanh ngấn ngắt. Nhưng phải làm sao để mây tan? Đó là dấu hỏi lớn cho một kiếp người.

Sau khi được chỉ dẫn rõ ràng, mọi người trên ghe hy vọng trở lại. Tài công quay mũi đổi hướng đúng theo lời dặn dò. Máy nổ mạnh khởi hành, ghe lướt sóng hăng như con ngựa đua. Bỏ lại hòn đảo Dừa, Bỏ lại chiếc cầu tàu xanh. Bỏ lại chiếc Ming Kong nhàn hạ.

Đó là buổi trưa ngày thứ ba của cuộc hành trình. Đã đi được ba ngày không ăn, chỉ uống nước cầm hơi, người người bắt đầu thối mệ. Đã thấy đói và khát. Tuy uống nước tới đầy bụng nhưng vẫn cảm thấy muốn uống hoài, uống nữa. Hình như tất cả số lượng nước trong người đều bốc hơi bay mất. Nắng nhiệt đới nhiệt nóng bức và chói chang. Không có gì để che bớt nắng. Cũng may nhờ có gió biển nên cũng còn thở được. Hy vọng gặp được Bidong làm người ta quên mệt mỏi. Chín hải lý. Khoảng cách đâu có xa. Với sức máy của ghe chỉ cần hai tiếng đồng hồ là nhiều lắm. Trời thiệt sáng và trong. Hốt vẫn cảm lái. Quách Linh Hoạt đứng trên mũi, nhìn bằng ống dòm chăm chăm, thỉnh thoảng quay hết chỗ này tới chỗ kia. Anh nhìn thẳng, nhìn ngang, nhìn xiên, nhìn xéo. Cái mặt bị nắng ăn đen thui. Tôi hồi hộp theo dõi từng cử chỉ, thái độ của anh. Chỉ cần anh đưa tay chỉ về phía trước là tôi thở phào nhẹ nhõm. Tôi nghĩ thầm trong bụng, chắc trời thương nên mới gặp người tốt chỉ dẫn, tìm kiếm như vậy thì con kiến cũng thấy nói gì cái đảo lớn chân dân...

Nhưng mà ở đời, có những chuyện tưởng vậy mà không phải vậy. Cái gì cũng phải trả đúng với giá của nó. Ngay cả sự tự do... Ghe đã đi nhiều hải lý, giờ giấc cũng từ từ qua. Những tia mặt trời không còn từ trên cao đâm xia thẳng xuống mà bây giờ đã chiếu chênh chếch. Đảo Bidong nằm ở chỗ nào, không ai thấy hết. Mặc cho Quách Linh Hoạt đưa ống dòm nhìn khắp tám hướng, nó vẫn biệt tăm mù mù. Xa chín hải lý. Hướng ba trăm mười độ. Sao không thấy gì hết! Hồng lẽ ông thuyền trưởng nói gạt. Mà ông gạt làm chi. Hay là Hốt coi hải bàn tính sai tọa độ? Cũng không lẽ nào. Từ Việt Nam qua Mã Lai anh ta lái còn đúng được, nói chi đoạn đường còn có bấy nhiêu. Nhưng mà sao giờ này vẫn chưa thấy tăm hơi Bidong đâu hết. Tại sao kỳ vậy? Tôi hơi sốt ruột. Nếu không khéo chỉ còn vài giờ ngắn ngủi nữa thôi, mặt trời lặn mất thì nguy lắm. Đêm đen mịt mùng sẽ phủ kín vạn vật. Bóng tối đồng nghĩa với tối tăm, âm đạm, bất trắc, nguy hiểm. Lại phải thêm một ngày sóng gió lênh đênh nữa. Hình như nước biển buổi chiều dâng cao hơn hồi trưa nhiều lắm. Sóng trở nên hung hãn. Từng đợt dâng lên thiệt cao rồi rút xuống thiệt nhanh. Chiếc ghe cứ chạy phăng phăng, trôi hụp theo đợt sóng. Mọi người đâm ra im lặng. Chắc cùng chung một tâm trạng lo lắng sợ sệt. Có cái gì bất thường. Tất cả đều mệt mỏi quá rồi. Từ sáng sớm tới giờ chạy tới chạy lui ở bờ biển này cũng không đi tới đâu.

Trong làn sóng dữ dội, chiếc ghe nhỏ mong manh trôi lên hụp xuống bất ngờ một tiếng va chạm mạnh ở lườn ghe. Âm! Chiếc ghe đang lướt ngon trớn bỗng khựng lại. Tôi cảm thấy dưới lườn có cựa đá cứng nâng chiếc ghe lên. Hồn vía tôi bay bổng. Chết rồi! ghe đụng đá ngầm. Nhìn ra xa một chút, nhiều tảng đá lớn bằng cái nhà mấp mô trên mặt nước đầy sóng bạc trắng xoá. Nhiều quá, chỉ chút đó đây. Đá màu gan gà, nâu tím, xám đen, nằm lấp xấp trên mặt nước như một bãi mìn. Xung quanh, rải rác, thấy sóng bạc đầu trắng xoá chứng tỏ chỗ này có bãi rạn. Hốt mãi mê tìm kiếm Bidong ở trên trời mà quên nhìn xuống phía dưới nước. Chỗ này nước không còn xanh thắm nữa mà xanh lợt lợt.

Đáy biển cạn quá! Sau cái đụng long trời lở đất đó, tiếng máy ghe lại nổ không bình thường. Tôi rần lắng nghe. Một thứ tiếng gì trào trào, lệt xệt, trục trục như có những mảnh sắt vụn trộn lẫn trong các trục bánh xe đang quay. Thình thoảng máy gầm gừ, khục khặc, như người bình lên cơn suyễn. Từ hầm máy bốc lên mùi dầu dư hôi rình khét lẹt. Tôi sợ quá nhìn lên phòng lái để kiểm Hốt, thấy mặt chị Thuần, chị Điệp xám ngoét. Tu Trần Hưng Đạo, Út Trung, Dân gì đó ngồi co ro, hai mắt mở to thao láo. Không ai nói với ai tiếng nào. Một nỗi im lặng kinh hoàng, hầu như không ai dám thở mạnh nữa. Bi thì mệt lã nằm thiêm thiếp trên tay Duyên. Tôi nhìn kỹ mặt Duyên. Nàng sợ quá, khuôn mặt xác xơ, không còn một chút sinh khí.

Tôi nghĩ đến cảnh ghe bị đụng đá ngầm. Sức va chạm mạnh quá, lườn ghe bung ra bề thành lỗ hổng lớn. Nước bên ngoài ủa vào, sóng vỗ tới tấp ghe lắc qua lắc lại chừng vài lần là chìm lĩm. Phải làm sao đây, tôi và Duyên đều không biết lội. Mà dầu cho biết lội cũng không ăn thua gì. Biển cả lại bao la. Bi còn quá nhỏ. Viễn ảnh nguy vong khiến tôi muồn nghẹt thở. Trong phút chốc nỗi hối hận tràn ứ. Trời ơi! đoạn đường nguy hiểm chết sống, tại sao lại đem vợ con theo. Trên ghe lại có biết bao nhiêu anh em ruột thịt, bạn bè thân tình. Thương nhứt là Bi mới có mười chín tháng, chưa tội tình gì mà phải chấp nhận gian lao. Ôi! nếu có bề gì thì sao? Tôi ruột rối như tơ vò. Trong cái im lặng hãi hùng đó, từ trong khoang ghe có tiếng đọc kinh rì rầm. Đủ giọng Nam, giọng Bắc, nhiều nhứt là giọng mấy bà già Tàu lơ lớ. Tôi vụt tỉnh người. Tại sao mình không cầu nguyện như họ. Nghĩ xong tôi ngồi im cầu nguyện Phật Bà cứu độ. Trong lúc quính quáng sợ hãi, tôi cũng không biết phải cầu nguyện ra sao nữa. Tuy rằng nhà tôi theo đạo Phật, ba má tôi thường đi chùa nhưng thiệt tình mà nói tôi chờ ông bà tới nơi, xong rồi đi chơi, tới giờ lại rước về. Tôi hầu như ít khi bước vào trong một chốn tôn nghiêm, dù là chùa hay nhà thờ, thánh thất. Có lẽ tôi sợ chốn tôn nghiêm vì xét kỹ bản thân thấy còn nhiều trần tục. Bước vào đó sợ làm ô uế cửa thiền chăng? Cho đến giờ phút này kề cận cái chết tôi vụt nghĩ đến cái phao thiêng liêng. Tôi bèn quên hết mọi chuyện, mặc cho tiếng sóng gào thét quay cuồng, mặc cho tiếng máy khục khặc, mặc cho cái ghe trôi nổi lắc lư, mặc cho những cục đá trơ vơ trời lên giữa biển, tôi nghĩ tới bóng dáng Phật Bà Quan Âm mặt mày hiền từ nhân hậu đẹp đẽ, đứng trên những hoa sen giữa biển khơi cầm cành dương rảy nước cam lồ để cứu vớt chúng sinh. Tôi nhắm mắt lại nghĩ trong đầu những chữ... Nam Mô cứu khổ, cứu nạn Quan Thế Âm Bồ Tát. Không biết tôi cầu nguyện như vậy có đúng không .. Nam Mô cứu khổ, cứu nạn...

Trong lúc tôi đang lâm râm cầu nguyện thì mũi người thấy mùi khói nồng. Ai đó đã đốt giấy tiền vàng bạc để cúng. Đã cầu nguyện khẩn vái rồi mà lại đốt thêm ba cái vụ này. Rủi chấy ghe thì sao? Bây giờ mấy bà già Tàu đọc kinh ê a thật lớn, không còn e dè gì nữa. Họ đọc líu lo, nhịp nhàng. Chắc là nước sắp tràn vô tới nơi rồi. Tôi còn quá trẻ. Duyên trẻ hơn và Bi còn nhỏ xíu. Cả đời tôi chưa hề làm một điều gì xấu xa để phải ân hận, lẽ nào trời đất không thương. Tôi đã sợ mà những người xung quanh lại làm cho tôi sợ hơn. Tôi quính quá nghĩ tới Trời Phật, Thánh Thần, Ông Bà Tổ Tiên, Thổ Địa, Hà Bá, Long Vương, ma quỷ... những vị khuất mày khuất mặt, ước mong một vị nào đó động lòng nhơn từ đất chiếc ghe này tới chỗ yên ổn.

Trong cái nỗi sợ hãi tràn ngập đó tôi vụt trở nên tin tưởng. Không tôi không thể chết trong chuyến vượt biển này. Tôi mở mắt ra, xoè bàn tay mặt rồi bàn tay trái. Trong lòng

bàn tay hai đường chỉ sanh đạo hiện rõ nét dài ngoằn chạy sóng đôi, một đậm một lợt không gián đoạn. Đường sanh mạng đôi tốt quá, làm sao có thể chết vào tuổi này được. Không tôi không thể chết! Lời cụ Diễn năm nào, bây giờ lại văng vẳng bên tai... “ *Đời ông có những lúc khó khăn, nhưng chuyện gì rồi cũng vượt qua. Không phải do tài sức ông đâu, cứ bình thản đừng sợ hãi, tự nhiên khó khăn sẽ tan.* ”

Lạy trời cho khoa chỉ tay đúng, lạy trời cho lời cụ Diễn đúng sai. Tôi sợ quá thành ra đâm bám víu điều gì có thể bám víu được để hy vọng. Đến khi tôi mở mắt ra thì Hốt đã cho ngừng ghe lại. Dân và Cường nhảy xuống nước để coi lại chum vọt cùng đáy ghe. Tôi nhìn lên mặt anh ta để đoán coi anh có hốt hoảng hay không. Cái mặt nắng cháy đen thui, khó đoán quá. Anh ít nói, ít cười, suốt ngày lầm lỳ. Tôi chờ nghe tiếng nước chảy rịn, cái va chạm quá lớn, thế nào lườn ghe cũng bị nứt. Nhưng may quá, đáy ghe chỉ bị trầy sơ. Hốt đứng nhìn xuống nước hồi lâu rồi quay trở về phòng lái. Tiếng máy ghe đã nổ lại nhịp bình thường, ghe quay mũi rồi trở về hướng cũ. Vùng đá ngầm càng lúc càng xa. Lườn ghe chưa nứt nên nước chưa vô được trong khoang hầm. Tôi bình tâm lại nhìn xuống nước. Nước biển đã xanh thắm. Chỗ này biển sâu lắm rồi, không sợ mắc cạn nữa đâu. Tạm thời yên tâm về mặt an toàn nhưng ghe lại trở về chốn cũ. Trời! trở về chỗ hồi sáng nơi Chiêu và Hiếu bị đánh hay là về cái đảo Dừa có bọn lính hung hãn? Chiếc BL 1648 hiện đang ở cảnh tiến thoái lưỡng nan, đi tới thì e lạc đường, đảo Bidong ở đâu không thấy, về thì không có chỗ dung thân. Làm sao bây giờ. Tình cảnh của chúng tôi bây giờ lâm vào ngõ bí. Đi thì cũng dở, ở không xong.

*Chèo ghe xuống biển bắt cua  
Bắt cua cua kẹp, bắt rùa rùa bơi*

Trời càng lúc càng tối. Lác đác trên bầu trời đã có sao mọc. Cuối cùng thì ghe cũng phải trở về hòn đảo Dừa ban trưa, đậu cặp cầu tàu. Bên trong đảo thắp có nhà, đèn điện sáng, ý định của tài công là đậu tạm để ngủ qua đêm, ngày mai sẽ khởi hành đi Singapore sớm. Mã Lai xấu quá, không thể chơi được nữa rồi. Ghe tắt máy. Sóng đánh rập rình, nó lắc lư mạnh hơn khi còn máy nổ. Tôi nhủ thầm “ *thôi kệ, được đậu cặp bến này dầu sao cũng đỡ, có gì còn bám víu lợi đại vô bờ, còn hơn chạy lang thang suốt đêm ngoài khơi* ” Thừa lúc có người bên cạnh di chuyển, tôi lẹ làng duỗi thẳng cái chum ra cho đỡ mỏi. Nếu có một người đi nữa thì có thể nằm xuống được cho đỡ cái lưng. Tôi tưởng tượng nếu mà đêm nay có chỗ để nằm ngủ thì chắc là sướng như tiên!

Trên cầu tàu, dọc hai bên có những ngọn đèn thật lớn chiếu cái ánh sáng chớp chóa xuống mặt nước đen loang loáng. Chỗ ghe đậu khá xa nên trong khoang ghe tối mù mù. Trong cái im lặng mênh mông của biển cả chợt có tiếng nổ của động cơ một chiếc xuống máy nhỏ lẫn trong tiếng sóng. Tiếng động cơ càng lúc càng rõ dần. Trong đảo có người đi ca nô ra liên lạc. Trời tối mờ mờ nên không nhìn rõ. Chiếc ca nô nổ máy inh ỏi trong đêm khuya, chạy xẹt thật nhanh vòng qua cầu tàu rồi đậu cặp vô ghe. Trên đó có ba người mặc thường phục nhưng có mang súng. Họ quát tháo um sùm bằng tiếng Anh. Chị Thuần ra liên lạc. Thiệt là chán hết sức. Bây giờ đậu tạm qua đêm mà cũng không cho! Tôi bực mình nên không thèm để ý nữa. Cả ngày mệt mỏi, tôi dựa lưng vô thùng nước mà nghĩ ngợi. Ngày mai này ghe sẽ đi Tân Gia Ba, lo chi cho nhứt đầu. Chỗ tôi ngồi khá xa nơi hai bên đối đáp. Trên ghe mọi người đứng vây quanh để theo dõi. Bỗng dưng nghe tiếng



quát tháo thật lớn, rồi tiếng người rớt xuống nước. Có người la lên “Chị Thuần bị tụi nó đánh rớt xuống biển rồi!” Trời ơi! Cái bọn gì rùng rú quá, đánh luôn cả đàn bà con gái. Trên ghe rồi rít Cương và Dân quăng phao xuống để vớt chị lên. Cũng may chị biết lội giỏi, cả người ướt như chuột lột, mặt tái xanh. Thái độ mấy người Mã trên đảo hầm hừ dữ tợn. Sau cùng thì mới biết họ cho phép đổ bộ lên đảo theo lệnh của họ. Mãi cho đến bây giờ tôi vẫn thắc mắc là cho phép đổ bộ hay là bắt buộc đổ bộ? Vì tài công đã định là đậu tạm để ngày mai đi sớm, tại sao bây giờ lại xuống đảo Dừa? Có thể là sự hiểu lầm giữa hai bên vì ngôn ngữ bất đồng. Thôi vậy cũng được còn hơn là suốt đêm ngồi trên ghe lắc lư nguy hiểm. Tôi đã ngán cái cảnh sóng đập gió dồi, nếu tiếp tục đêm nay rồi ngày mai nữa... rồi có đi tới Singapore hay Indonésia không? Như cái bong bóng xì hơi, tôi mệt mỏi quá rồi, đã mấy ngày đêm ngồi bó gối, phơi mình ngoài nắng gió, không cục cựa nhúc nhích, tiêu tiêu gì cũng khó khăn hôi hám... Lên bờ đã, rồi sẽ tính sau, miễn là còn sống, đừng bị sút mẻ gì !

Mọi người chuẩn bị đồ đạc để đổ bộ trong cảnh tối đen. Trong lúc nửa mừng nửa lo có tiếng của bọn lính Mã hét vang rân:

-Đàn bà con nít thì đi lên ngã cầu tàu. Còn đàn ông con trai chỉ được mặc quần xà lỏn nhảy xuống biển để lội vô bờ!

Trời! nhảy xuống biển để lội vô bờ! Tôi đặng người không biết phải phản ứng ra sao, từ đây vô bờ còn xa quá, không biết lội có nổi không? Đã có tiếng người nhảy xuống ùng ùng ở mũi ghe, lẫn trong tiếng sóng có tiếng la hét, quát tháo y như cảnh cai ngục đối xử với tội nhon. Tiến ngòi kẻ bên nghĩ như thế nào không biết, bỗng nói:

-Chết cha rồi, cả cái đảo dừa đây đây, nó bắt anh em mình leo lên hái dừa, hoặc phát cho một người một cái búa lên rừng đốn củi, lao động khổ sai trong rừng sâu. Cái điệu này, chịu sao cho nổi. Trốn Việt Cộng lại gặp Mã Lai!

Tiến nói tới đâu tôi run tới đó. Tôi quính lên không còn toan tính gì được nữa. Ở trên ghe, đàn ông con trai đã nhảy xuống biển gần hết. Tôi lật đật cởi hai cái quần tây đang mặc cùng ba cái áo bỏ đại trên sàn ghe. Trong bụng kể như mất hết, tụi Mã Lai ăn cướp điệu này thì làm sao mà giấu. Trong số quần áo quăng lại đó có một ít tiền và vàng giấu bên trong, tôi quên phứt không giao lại cho Duyên.

Trên người chỉ còn cái quần cụt mỏng manh, tôi đi lần ra sau lái để kiếm chỗ nhảy xuống. Ở dưới, nhiều người đang lội lồm bồm vô bờ. Tiếng nhảy ùng ùng, tiếng lội lồm bồm, tiếng sóng rào rào, tạo thành một thứ âm thanh hồi hộp căng thẳng. Thấy có một anh bạn cầm phao đứng chờ, tôi liều gan nhảy đại. Đã quá, đã quá, làn nước mát rượi mơn man da thịt. Ba ngày ba đêm khổ sở trên ghe, nóng bức dơ dáy, nhớp nhúa, mình mẩy đầy mồ hôi, mùi ối mưa, bây giờ được dầm mình trong nước biển mát lạnh ban đêm, sáng khoái tận cùng trong kẻ tóc chun lông. Tôi tỉnh táo hẳn ra. Chỗ này nước cạn, vừa trằm mình xuống, chun đã chạm mặt cát mịn, tôi lặn hụp một hồi lâu để cho nước thấm vô tóc, vô da, rửa bớt đi lớp bụi bặm mấy ngày qua. Những lớp bụi, bùn sinh, cáu ghét Cà Mau bây giờ được nước biển mặn chát ở đảo Dừa Mã Lai gột sạch. Gột thiệt sạch...

Tôi đi lần vào bờ, có một người lính Mã Lai đen thui tay cầm tiêu liền xĩa ngay vô bụng. Tôi ngoan ngoãn đưa hai tay lên trời, bụng rửa thắm “Thôi mà bạn, lấy gì thì cứ lấy, cần gì phải súng ống, ghê quá!” Hấn vuốt hai tay tìm đồng hồ, cà rá, rồi rờ cổ tìm dây chuyền. Không có gì hết, hấn khoát tay ra dấu bảo lên bờ rồi xét người kế tiếp. Trên bờ,

trong bóng tối mù mịt, một đám người đông đảo nói chuyện xì xào di động như những bóng ma. Lần lần họ ngồi chụm nhum lại với nhau. Trời tối chập choạng không thể phân biệt người này với người kia, Đã độ mười giờ khuya, trời trong vắt đầy sao. Đàng kia, cầu tàu mở điện sáng trưng. Bên trong đảo là rừng dừa âm u. Tôi chợt nhớ lại lời nói của Tiến mà ón xương sống -nó bắt tội mình leo dừa hái trái cho nó, rồi phát mỗi người một cây búa... dừa ở đây mọc hoang hàng muôn triệu cây, phải leo tới chùng nào mới hái cho hết, thiệt tình tránh vỏ dừa gặp vỏ dừa! Rừng Mã Lai toàn là rừng già, dây leo chằng chịt, lao động làm sao cho nổi?

Trong các bụi rậm, thấp thoáng có lính Mã Lai mặc quân phục rằn ri thủy quân lục chiến, súng ống hằn hời đứng gác. Một người lính gom các tàu dừa khô rớt rải rác đó đây lại thành một đống. Chỉ trong vài phút anh ta đã kéo được mấy chục tàu, nhiều quá. Lá dừa rụng vương vãi đầy khắp. Lá khô gặp lửa bốc cháy phừng phừng. Ánh sáng chập chờn chiếu mờ mờ một góc đảo. Tội tôi nhìn ra được mặt nhau. Tô Tỷ, Út Trung, Sơn, Tư Trần Hưng Đạo... mừng rỡ ríu rít. Sơn cười ngật nghễ:

-Thằng lính Mã nó rờ tìm nhẩn với cà rá. Súc máy mà tìm cho ra, tội đeo ở ngón chun!

Trong khi đó Út Trung mặt chằm chằm:

-Gia tài có cái Seiko Five nó lột trụi lủi...

Cả bọn ở trần tròng trực, quần ngắn ướt mem lạnh run, được gần lửa ấm mừng rỡ vây quanh để sưởi. Năm ba bẹ dừa khô cứng bắt lửa, nổ lách tách, bắn những cái tàn lửa đỏ hồng văng ra xa. Thỉnh thoảng người lính kéo vài tàu mới quăng vô thêm. Ngọn lửa bùng lên cao, tro than bay tứ tung. Những tia lửa vàng của những mảnh than vụn xẹt như pháo bông. Giống y như mỗi hè cùng học sinh đi cắm trại đốt lửa ở bãi sau Vũng Tàu, chỉ thiếu cảnh nhảy múa, tiếng hát, tiếng nhạc, tiếng trống bập bùng...

Tôi lo lắng cho mẹ con Bi và mấy đứa em, đưa mắt tìm kiếm chiếc ghe. Bây giờ thì nó được kéo về đậu cặp bên xà lan lớn sát cầu tàu. Vì ở khá xa nên không phân biệt được từng người. Tôi rón rén nhìn để tìm Duyên bông con nhỏ. Thấy có một bà bông con, tưởng là nàng. Nhè đâu sau đó có tới ba bốn bà khác cũng bông con, không biết được bà nào là vợ mình! Tư Trần Hưng Đạo đứng cạnh bên cũng đang ngóng cổ mà nhìn. Phải cả giờ sau toán đàn bà con nít mới đi tới gặp được toán đàn ông. Duyên gặp được tôi, mừng rỡ nói huyền thiên. Tôi bông lấy Bi, thằng nhỏ ngơ ngác ngó vô lửa sáng coi bộ thích chí. Hai con mắt láo liêng như mắt thỏ. Duyên đưa cho tôi hai cái áo và cái túi vật dụng tùy thân. Cứ tưởng đã mất hết, nào ngờ nàng còn giữ được...

Quang cảnh bờ biển lúc này như đêm đốt lửa trại. Ở giữa là đống lửa thiệt lớn cháy bập bùng, ngọn lửa hồng ấm áp. Xung quanh là đàn ông, đàn bà, con nít, ríu rít, quây quần, líu lo, mừng rỡ, đông nghẹt cả một vùng. Người ta kể lể, hỏi thăm, chạy kiếm nhau. Tôi gặp được lần lần các em và người thân đông đủ, không thiếu một ai, mừng quá. Cả ghe đồ bộ, tất cả đều an toàn. Tôi nhìn ra biển khơi, trời tối mịt. Trên bầu trời thăm thẳm, những vì sao dày đặc trên cao lấp lánh. Chắc trên đó có Phật Bà Quan Âm nhìn xuống chúng tôi mỉm cười. Nụ cười thương yêu. Tự nhiên tôi cảm thấy có cái gì linh thiêng màu nhiệm gắn bó giữa con người với con người, con người với thần thánh Trời Phật, với vũ trụ vô cùng. Cầu trời cho tất cả đồng bào tỵ nạn lênh đênh nơi chum trời góc biển, tất cả đều gặp may mắn như mọi người trên ghe chúng tôi, đêm nay!

Bọn lính Mã Lai tách toán đàn bà con nít và toán đàn ông ra riêng. Toán đàn ông được dồn vào cuối bãi cát, tận cùng có vách đá chắn ngang. Toán còn lại ở tại chỗ bị kiểm soát để kiếm vàng bạc châu báu. Chiếc ghe được cột chắc vô cầu tàu, một dây nữa cột vô gốc dừa mọc nghiêng trên mặt cát. Sóng đánh nó ngã qua ngã lại, đục cái vỏ cứng vô xà lan sắt nghe rầm rầm. Bây giờ nó có bị nứt ra từng mảng đi nữa, tôi cũng không sợ. Tôi lắng nghe dòng máu trong người, mấy ngày nay hầu như nghẹt cứng bây giờ được lưu thông điều hòa. Tôi đi tới đi lui cho giãn gân giãn cốt. Trong người thiết tình táo khỏe khoắn. Một đồng lửa mới to hơn đồng lửa cũ được đốt lên. Vách đá đập chùng, ánh lửa chiếu sáng lắt lay, một đám người trần trụi bu quanh như trong hang động thời tiền sử. Nơi nào có lửa là có sự sống, có hy vọng tin yêu. Tôi chọn một chỗ gần sát lửa ấm, đặt thẳng cái lưng xuống làn cát phẳng phiu, nằm gối đầu trên một bẹ dừa nhỏ, nhìn những tia lửa đỏ hồng nhảy múa đập chòn. Những người khác, tất cả cùng nằm ngang nằm dọc xoay quanh đồng lửa để ngủ đêm nay. Bên trên là bầu trời đầy sao sáng. Ngoài kia là sóng biển vỗ vào ghềnh đá âm âm. Tôi ngủ mê man như chết đến nỗi không còn thấy được... chiêm bao!

*Võ Kỳ Điền*

**Chương 10:**

## ***NHỮNG NGÀY RẤT MỚI*** (chương 10 phần 1)

Mặt trời buổi sáng đã lên khá cao chiếu cái ánh sáng vàng tươi chan hòa khắp chốn, tôi cảm thấy đôi mắt sáng lòa, bèn bưng tịt dẫy sau một giấc ngủ say nồng. Tôi nghe rã rời, bải hoải toàn thân, chưa choàng dậy nổi nên nằm im, mắt mở ra rồi khép vội lại vì ánh sáng quá chói chang. Có cái gì khác lạ mới mẻ hết sức. Tôi ngạc nhiên thắc mắc tự hỏi. Sao kỳ cục vậy? Tại sao lại nằm ngủ mê man trên cát, không giường chiếu mừng mền? Đây là đâu? Rồi Duyên, Bi, Tư Trần Hưng Đạo, Út Trung, Dân gì đó, sao mắt tiêu hết? Còn chiếc BL 1648 nữa? Kỳ quá, kỳ quá! Phải định thần một hồi lâu, tôi mới từ từ nhớ lại từng diễn biến của tối hôm qua. Trời đã sáng bạch. Ánh sáng chói lọi chiếu xiên qua màng mi mỏng khiến tôi không còn mê ngủ dật dựa, sật sừ.

Làn cát mịn phẳng phiu êm ái như tấm nệm dày, khiến cái lưng khô sở mấy ngày nay, bây giờ dễ chịu hết sức. Tôi uốn mình lăn qua lăn lại, xương sống được giãn thẳng ra, kêu rôm rốp. Toàn thân thì mới nhừ, nhưng tinh thần thiết tình táo, sáng khoái. Cái tàu dừa kê đầu ban tối, đã bị ai giựt lấy đi đâu mất tiêu. Đồng lửa to lớn đã tàn lụi chỉ còn lại ở giữa mớ tro trắng xám. Năm ba bẹ dừa khô lẫn lóc cháy xém dở dang. Một đám người đông đảo ở trần nằm ngủ la liệt xung quanh. Người nào người nấy đen thui, xơ xác như đám cầu thủ sau trận đấu kiệt sức. Cũng có vài người đã thức, mở mắt nhìn quanh ngơ ngác. Tiếng sóng rào rào bên ghềnh đá. Mùi rong rêu tanh tanh, mùi nước biển mặn nồng phảng phất trong làn gió mát ban mai.

Phải rồi, đây là đảo Dừa. Cái đảo mà thằng Dân thủy thủ đã đặt tên tối hôm qua, ghe đã ghé vào buổi sáng, bị bắn và đuổi đi. Buổi chiều phải quay trở lại rồi cả đám được lên bờ. Như vậy là tôi đã nằm ngủ ngon lành trên đất Mã Lai. Cuộc đổ bộ tuy có vài rắc rối, nhưng cuối cùng thì mọi việc đều yên ổn. Tôi mừng rỡ đứng dậy nhìn quanh. Bãi cát trắng xóa lồm vào hình vòng cung chạy tận đằng xa tạo thành một cái vịnh lớn. Núi non

bao bọc xung quanh. Đảo này khá lớn nên núi cao xanh mờ ở tận trong xa. Cạnh mí bờ cát là những bụi dừa dại, thân cứng lớn, đầy vẩy rồng ngoằn ngoèo, rễ mọc tua tủa xuống mặt cát khô nèn, lá cứng dày, xanh um đầy gai góc. Tôi rón rón nhìn trên những phiến lá để tìm những tên họ trao gái yêu nhau thường được rạch bằng mũi nhọn, những chữ tên quán quít như ở Vũng Tàu, Long Hải, Nha Trang. Tuyệt nhiên không có. Như vậy nơi đây ít người lai vãng. Cạnh bên những loại cây rừng thấp nhỏ, khô cằn mọc xen những đám cỏ tranh cao ngang đầu. Bên trong chỗ nào cũng thấy toàn là dừa. Cả một rừng dừa ngút ngàn. Cây nào cây nấy cao vút, cong queo vì gió bão.

Tôi đi lặn ra bờ nước để rửa mặt. Những tảng đá màu đen huyền, màu vàng lợt, màu đỏ bầm, nằm lấp xấp trong làn nước trong vắt. Cát trắng mịn sạch trơn. Hầu như không thấy rong rêu cùng vỏ sò, vỏ hến như các bờ biển Phú Quốc, Nha Trang. Rón rón tìm coi chỉ thấy vài con ngói sao nhỏ. Tôi chọn một tảng đá màu trắng ngà, ngói lên khoan khoái đưa mắt nhìn dọc theo bờ nước. Rải rác đó đây còn trơ lại các xác ghe tàu vượt biên đến trước. Có nhiều chiếc mục nát không còn đọc được số hiệu. Một nửa lườn ghe chìm ngập trong cát bùn, nửa còn lại cây ván đen mục trơ vơ với mưa dầm nắng cháy, chờ cho tới ngày rã tan thành bùn đất. Cách đó một khoảng có vài chiếc còn mới, ván còn nguyên màu cây sao tươi xanh. Tôi đọc được hàng chữ số MH 4516, MH 4517 nét sơn còn đậm đen, kế bên là chiếc BL 1648 được cột ghệt vô gốc dừa, đáy cũng đã lún sâu trong cát, đưa cái sườn để hứng chịu những lượn sóng ngoài khơi chạy vô đập rầm rầm. Với tình cảnh như vậy, chỉ chừng vài tháng nữa là nó cũng sẽ rã tan như mấy chiếc kia, sau khi đã làm tròn phận sự đưa cả đám chúng tôi tới nơi chốn bình an. Lặn nước trong treo mát lạnh lấp xấp ngang ống chum, mơn man da thịt, tôi nghe khoan khoái hết sức. Tôi cúi xuống vốc nước rửa mặt, thấm cho ướt tóc. Nước đắng mặn chát. Những cọng tóc phơi nắng gió cứng còng như rễ tre được chải cho ngay hàng thẳng lối bằng năm ngón tay xò ra làm cái lược. Tôi chột mím cười, nếu với hình dáng lôi thôi lếch thếch này mà đi trên đường phố Sài Gòn, gặp lại người yêu cũ, chắc là mắc cỡ lắm! Cũng may trên ghe toàn người tứ xứ. Tôi rón rón nhìn xuống để coi cho rõ hiện tại mình ra sao, chỉ thấy cái bóng đen lung linh trên sóng nước tan loãng, ngoằn ngoèo. Ôi, chỉ mới có mấy ngày mà bao nhiêu thay đổi đột ngột như một giấc chiêm bao. Biền xa thăm thẳm. Không biết bây giờ, ba má tôi cùng những người quen thuộc, bạn bè thân yêu đang làm gì. Họ có còn nghĩ đến tôi không? Cũng không biết Việt Nam ở về hướng nào? Tôi quay qua quay lại tìm hướng mặt trời mọc. Bên trên mặt trời sáng lòa như một khối lửa vàng rực, le lói trong những đợt dừa ở tận trong sâu. Lác đác cũng có người xuống mé nước làm vệ sinh buổi sáng. Bình minh bùng dậy trên một góc đảo hoang. Tôi lững thững trở về chỗ cũ, chum bước dọc theo bãi cát trong ánh nắng ban mai rờ rờ. Mọi người sau một giấc ngủ no đầy, đã lấy lại nét tươi tỉnh. Giữa cảnh trời nước mênh mông, thiên hạ gặp lại nhau tha hồ mà cười nói, chuyện nào cũng quá dài kể đến bao giờ cho hết.

Duyên bỗng Bi đứng đợi tôi dưới gốc dừa. Thăng bé ngơ ngác ngó mọi người ồn ào cười nói như phiên họp chợ bằng đôi mắt thỏ đen bóng. Vừa chột thấy tôi xuất hiện trong đám người đông đảo, nàng mừng rỡ kêu lên:

-Ba về rồi kia. Đi đâu mà em kiếm tự này giờ?

Tôi chưa kịp trả lời thì bỗng nghe Bi bập bẹ từ trong vòng tay Duyên:

-Ba... Ba!

Trời! Thăng nhỏ mới biết nói. Ngộ quá! Thăng nhỏ biết kêu ba rồi.

Tôi đứng sững lại, bụng sung sướng hồi hộp. Cái miệng nhỏ xíu với đôi môi hồng có hai cái răng cửa trắng như hai hột bắp, tiếp tục bập bẹ:

-Ba... ba...ba..

Tôi chạy a đến bông Bi trum trum trong hai tay. Bi còn nhỏ xíu nên nhẹ hừng. Tôi vòng hai cánh tay ôm thiệt nhẹ nhàng sợ con đau. Y như ngày đầu tiên bông Bi, da thịt trắng bé còn mỏng như tờ giấy, tôi định hôn con mấy lần nhưng không dám vì sợ da rách.

Ôi! còn nổi sung sướng nào lớn hơn lần đầu tiên nghe con kêu mình bằng cha. Duyên cũng mừng quýnh:

-Bi biết nói rồi! Mà sao nó lại kêu ba trước mà không kêu em?

Tôi cười khoan khoái, kéo nằng đến ngồi trên một thân cây dừa mục ngã nằm trên cát:

-Em ẵm nó suốt ngày, nó đâu cần phải kêu mẹ nữa. Mà cũng lạ thiệt, nó biết nói đúng vào ngày đầu tiên mình sống trên đảo vắng. Có lẽ cái số của hai cha con tôi giống nhau...

Buột miệng nói câu này, tôi vụt hồi tưởng lại những ngày thơ ấu. Cách đây trên ba mươi mấy năm, cũng trên một hòn đảo tư bề sóng vỗ rất rào, tôi được sanh ra, lớn lên giữa vùng gió nắng. Trước nhà là cửa sông Dương Đông, mỗi khi chiều đến hàng đoàn ghe thuyền tập nập nổi đuôi nhau rẽ sóng ra khơi, để khi đêm về, chờ hàng muôn ngàn con cá vẩy bạc, đổ vun đầy trên bãi cát. Những bà làm cá mướn tay thót tay dao, chia nhau xẻ cá làm khô, đèn đốt sáng rực. Tiếng cười nói ồn ào vang cả một khúc sông vắng trong đêm khuya. Sau nhà là rặng núi Khu Tượng. Dãy núi có hình dáng con voi nằm phủ phục xanh xanh. Phía trước là cái đầu voi to lớn với cái vòi dài ngoằn, phía sai hình dáng hai chum sau quy xuống. Những sáng sớm mây mù hay những hôm trời mưa giông, đứng trên bộ ván bên cửa sổ, nhìn xuyên qua những sợi mưa giăng giăng, phong cảnh mờ ảo nên thơ như bức tranh thủy mặc. Những ngày đó tôi còn nhỏ xíu như Bi bây giờ. Căn nhà vách ván, những đêm mưa lạnh, dưới ngọn đèn dầu mờ, tôi thường nằm khoanh tròn trong lòng ba để lấy hơi ấm, tai nghe ba kể chuyện nằng Túy Kiều với chàng Kim Trọng, chuyện Lục Vân Tiên với Kiều Nguyệt Nga... Khi hết chuyện, ba thường ru ngủ bằng những cây hát, câu hò. Hình như trong bụng ba chứa đầy thơ phú. Nghe hoài, đâm thuộc hồi nào không hay. Hễ cứ mỗi lần trời mưa giông, tôi đứng kề cửa sổ nhìn mưa mà nói ngọng nghịu:

*Trời mưa trời gió ùng ùng.  
Cha con chú lùn đi gánh cứt heo*

Tôi cũng không biết tại sao tôi thích hai câu này. Có lẽ hình ảnh ‘gánh cứt heo’ của hai cha con chú lùn nào đó dễ gây ấn tượng cho cái đầu óc còn quá con nít của tôi lúc đó chăng? Rồi cho đến một ngày giặc giã nổi, ba dắt díu vợ đại con thơ theo ghe bầu bỏ đảo về đất liền. Để rồi mất chục năm sau, cũng y như vậy, giặc đỏ chiếm lấy quê hương, tôi phải đành bông con thơ bỏ xứ mà đi ra đảo. Sự việc cách nhau một thời gian quá dài nhưng khá giống nhau. Có lẽ phần mộ ông bà ngày xưa, chôn nhầm cuộc đất con cháu phải tha phương cầu thực chăng? Nhưng dẫu sao đời tôi cũng còn may mắn. Con tôi nó còn biết gọi ba...ba. Ở nơi quê nhà biết bao nhiêu đứa trẻ ngây thơ, tiếng nói đầu đời không phải gọi ‘ba’ mà là ‘Bác’. Ôi chua xót thương đau cho những bậc làm cha mẹ, đành phải lâm vào cảnh dở khóc dở cười!

Tôi ôm chặt thằng nhỏ vào lòng cho đến khi có lệnh tập hợp. Như đàn ong vỡ tổ mọi người túa ra từ khắp nơi đến sắp hàng dài theo bãi cát. Tiếng cười nói vang rân. Tôi cũng lững thững đứng dậy đi đến bên cạnh vợ chồng Tư Trần Hưng Đạo. Bầu trời hải đảo sáng nay trong xanh, vài cụm mây trắng xốp như bông gòn bay lảng đãng, nắng buổi sáng chiếu vàng tươi rực rỡ trên những đọt dừa xanh. Dưới bờ cát nước trong loang loáng nằm chen chúc những hòn sỏi đủ màu. Không khí thiết trong lành. Cạnh một tảng đá lớn, người Trung Sĩ chỉ huy Mã Lai xuất hiện từ lúc nào. Anh ta nổi bật lên hẳn giữa đám đông có lẽ nhờ bộ quân phục ủa láng phẳng phiu, các nếp gấp còn bén ngót. Trên ngực áo là một hàng huy chương xanh đỏ, cũng vậy cái kết anh đội, thêu đầy những đường viền màu mè loè loẹt. Anh ta dáng người vừa tầm, rắn rỏi, da ngăm ngăm đen, trông có vẻ đẹp trai nhờ hàm râu mép cắt tỉa vén khéo. Đôi mắt sáng và mạnh. Tôi biết được chức vụ anh nhờ có cặp cánh gà chiến bơ trắng bệch gắn ở vai áo và nhờ ở vẻ đầy oai quyền hồng hách. Trong tay lo le chiếc gậy chỉ huy ngắn, anh ta ra lệnh cho mấy người lính đứng vây quanh bằng những tiếng Mã Lai xa lạ. Họ trả lời tôi nghe được hai chữ Tăn Ku. Vậy Tăn Ku có thể là tên mà cũng có thể là chức vụ. Thôi kệ, gì cũng được. Từ nay anh đã có tên. Tên anh là Tăn Ku!

Tăn Ku ra lệnh cho chúng tôi xếp hàng tư. Thôi thì già trẻ bé lớn chen chúc nhau đứng lố nhố làm thành cái hàng người dài, quanh co như cái đuôi lân. Đám con nít chạy tới chạy lui lộn xộn quá. Đếm đi đếm lại, đếm tới đếm lui... Kết quả cũng không giống nhau! Đứng trong hàng tôi nhìn lơ đãng vào rừng dừa bên trong. Dừa mọc lộn xộn, chỉ chút ngồn ngang không ngay hàng thẳng lối gì cả. Chỗ này cây ngã qua, chỗ kia cây ngã lại. Vì quá chật chội nên chúng cố vươn lên, vươn lên nữa để đón ánh sáng mặt trời, nên cây nào cây nấy dài ngoằn cao vút. Có cây già cỗi gần rũ, trên ngọn lá rụng gần hết còn lại lưa thưa vài tàu, xơ xác như con gà chọi trụi lông. Có cây còn non mới mọc cao chừng hai ba thước. Cả một rừng dừa mọc bừa bãi, không có bàn tay vén khéo của con người nhúng vô. Xen dưới những gốc dừa là những cây dại mọc hoang um tùm. Cỏ tranh mọc cao ngang ngực. Có một con đường mòn len giữa đám cây cối xanh xanh, chạy song song theo bờ cát hướng về phía cầu tàu. Chắc là đường đi lại của tụi lính Mã Lai. Cái đồn của chúng đóng ở gần cầu. Bỗng nhiên tôi thấy trong đám cỏ tranh, có một cô gái mặc áo vàng quần trắng, ung dung bước ra, đi về hướng chúng tôi. Bóng cô thấp thoáng giữa những gốc dừa, khi ẩn khi hiện như trong chuyện liêu trai. Từ xa nhìn dáng cô đi thanh thoát, màu quần áo sáng trưng đi giữa khung cảnh cây lá hoang dại, tôi ngạc nhiên lạ lùng nắm tay Duyên nói:

-Có người ở bên trong đảo. Giống như người Việt Nam...

Nói tới đó tôi chợt phát hiện thêm vài người nữa, họ đứng lấp ló trong đám cây lá um tùm. Những cặp mắt nhìn ra ngoài láo liêng. Họ có vẻ gì sợ sệt, ần núp, muốn nhìn mà như không dám. Đám lá cây xao động. Tôi rón rón nhìn kỹ thấy có những mái lều nhỏ mới dựng, mái che bằng lá dừa, có mái đã ngã màu vàng, có mái còn tươi xanh. Vì lều quá thấp, bị gốc dừa che lấp nên khó thấy.

-Duyên ơi, dám có đồng bào vượt biên tới đây ở trước mình, không biết tại sao họ lại đứng lấp ló bên trong, có vẻ sợ sệt?

Tư Trần Hưng Đạo cũng theo dõi từ nãy giờ, kê tai tôi nói nhỏ:

-Ê bồ, ở giữa biển khơi hoang vắng như vậy, sao lại có một người đẹp quá, không biết Mã Lai hay Việt Nam?

Tôi trả lời anh Tư ngon lành:

-Việt Nam mình đó, chứ Mã Lai làm gì trắng trẻo duyên dáng như vậy!

Người đẹp đảo Dừa đã đến gần. Tôi và Tư Trần Hưng Đạo nhìn sững cô ta. Trời ơi, ở giữa chôn nước non vời vợi như vậy mà lại có một người đẹp yếu điệu thực nữ như vậy. Tay chun nàg tròn trịa dịu nhiều, trắng nõn nõn nà. Gương mặt thanh tú, cặp mắt đen bóng, miệng lúc nào cũng có vẻ mỉm cười hiền dịu. Tôi kể tai Tư Trần Hưng Đạo nói nhỏ:

-Cô này tôi nhớ có gặp ở đâu, dáng quen quen...

Muốn chọc tôi, Tư Trần Hưng Đạo nói lớn cổ ý cho cô nghe :

-Bạn hề thấy ai đẹp là nhìn bà con liền. Thôi đi ông bạn ơi, nghèo mà ham!

Nghe hai đứa tôi đối đáp, cô ngược cặp mắt đen lay láy mà nhìn không có vẻ gì xao xuyên, chun bước về phía Tăn Ku. Hai người có vẻ quen nhau. Cô ta nói với anh chàng này vài câu ngắn tiếng Mã Lai. Tăn Ku gật đầu lia lịa. Tôi ngạc nhiên hết sức. Có thể cô ta lại là người Mã Lai sao? Ở hải đảo nhiệt đới, khí hậu nóng bức sao lại có người da trắng như bông bưởi vậy được? Việt Nam hay Mã Lai? Mã Lai hay Việt Nam? Đầu óc tôi lộn xộn.

Duyên cười nhìn tôi:

-Anh hề thấy ai đẹp, ai giỏi cũng ham lắm, quơ làm Việt Nam tuốt luốt hết. Đó cô ta rõ ràng là Mã Lai, còn khen đẹp nữa thôi?

Tôi bỡ ngỡ:

-Ồ, ờ, sao kỳ quá, anh vẫn nghi cô ta là Việt Nam... mà sao lại nói tiếng Mã Lai trôi chảy quá.

Duyên liếc xéo tôi một cái dài bằng mấy cây số:

-Nói chuyện gì nghe tức cười. Người Mã Lai mà không nói được tiếng Mã Lai trôi chảy? Vậy chắc cô phải rán nói được tiếng Việt cho anh vừa lòng?

Người đẹp đã quay về rừng dừa hồi lâu, trở ra, tay xách một thùng nước, tay cầm một cái ca nhôm. Bàn tay xinh xắn rót từng ca nước ngọt, triu mến đưa cho các em nhỏ, nâng niu cho các cụ già. Tôi đứng ngây người nhìn cái hình ảnh tuy đơn sơ mà trong lòng cảm động rung rung. Thôi kệ, nàg có là Mã Lai, Phi Luật Tân, Thái Lan gì đi nữa, cũng không sao. Giữa con người với con người, đối xử với nhau thân tình như vậy, đẹp quá. Cõi lòng của nàg khiến tôi xúc động bồi hồi. Một ca nước đâu có đáng giá bao nhiêu nhưng cái tình của nàg đối với đám người tỵ nạn lòi thòi lếch thếch, đầy ám áp thân thương. Của cho đâu quý bằng cái tình cho. Số người đông quá nàg phải trở đi trở về cả chục bận:

*Gió đẩy đưa rau dừa dịu dịu  
Anh cảm thương nàg lịu dịu xuống lên*

Nắng đã bắt đầu tỏa hơi nóng, hai má nàg ửng đỏ hồng. Nước uống hoài mà cổ họng vẫn còn khát khô. Ai nấy đều như say sóng lão đảo. Con nhỏ Thủy Tiên, con út Tư Trần Hưng Đạo nắm tay anh lắc lắc:

-Ba ơi, sao cái đảo này nó nhúc nhích. Mỗi lần sóng đánh, con thấy nó lắc lư.

Tôi bật cười định giải nghĩa cho em hiểu. Nào ngờ, người đẹp đảo Dừa đã trả lời thay bằng tiếng Việt. Cả đám há hốc miệng ngạc nhiên. Nàg cười tươi tắn, hai hàm răng đều như hạt bắp, má lúm đồng tiền:

-Không phải đâu em. Tại mình đi trên ghe lâu ngày, người lão đảo nên mình tưởng như vậy. Vài ngày nữa là hết.

Cô bé được trả lời, thỏa mãn cười ngỏn ngoãn. Tôi còn thoả mãn hơn em nữa vì thắc mắc đã được giải đáp, bèn quay qua nói với vợ:

-Đó em thấy chưa, anh nói cổ là người Việt Nam mà em không tin...

Tư Trần Hưng Đạo định hỏi dò vài tin tức nhưng cùng lúc đó Tăn Ku đã sấn đến, đưa gậy chỉ vào trong đám lá dầy đặc. Cô ta quay gót trở lui không kịp từ giả. Đôi dép cao su mới màu trắng, gót son đỏ hồng. Tôi nhìn theo thấy những dấu đi trên mặt cát mịn màng mà lòng bấn khoăn xao xuyên. Đột nhiên tôi cảm thấy thương thương, buồn buồn. Nàng là ai? Ở đâu đến đây? Tại sao lại ở trong 'đám lá tối trời' tận bên trong? Chắc cũng là người ty nạn nhưng sao lại quần áo sang trọng, son phấn đẹp đẽ? Tại sao nàng lại biết nói tiếng Mã Lai? Nàng có liên hệ gì với Tăn Ku không?

Cuộc điếm danh đã xong hồi nào, tôi không hay. Mọi người đã tản mát khắp nơi, tôi vẫn còn đứng ì tại chỗ. Bây giờ Tăn Ku lấy gậy vạch một đường thẳng trên bãi cát, lấy chỗ cây dừa mọc nghiêng trên ra mí nước để làm ranh giới. Hấn hăm he, bất cứ ai cũng không được bước ra khỏi lẫn ranh chỉ định. Bất tuân sẽ bị phạt theo kỷ luật. Xong rồi, hấn kéo một đám lính độ bảy tám tên, bắt Hủ Tiểu và Nhựt Bồn đi theo, cùng trèo lên chiếc BL 1648 để lục soát tìm vàng bạc châu báu. Chiếc ghe được cột sát vô gốc dừa trông thể lương tàn tạ. Mới có một đêm một ngày mà sao xơ xác. Sau đó đám thủ hạ của Hủ Tiểu được lệnh lên ghe khiêng gạo muối cùng nồi để nấu cháo phát cho mọi người. Vì là chủ tàu nên khi đi Hủ Tiểu có đem theo được đủ bộ nồi niêu xoong chảo, dụng cụ hành nghề của ông ta. Cái nồi thiết to và cái bếp đun bằng dầu. A Son, con rể Hủ Tiểu đứng bơm bình dầu, ngọn lửa khè ra xanh lè, miệng hò hét vang rân. Dân thủy thủ chạy đi lấy nước. Một số còn lại trong các thùng ny lông trên ghe, một số lấy thêm ở đặng giếng. Giếng ở cuối con đường mòn, gần đồn lính. Nước giếng rất trong uống ngọt nhưng khi đem nấu sôi lên, dưới đáy nồi đóng một lớp cặn dầy màu trắng đục như sữa. Có lẽ là chất đá vôi hoặc san hô tan lẫn trong nước. Cháo nấu xong, mọi người chen nhau giành giựt. A Son tay xô tay gạt, mồ hôi chảy đầy mặt. Anh cầm cái giá dài bằng nhôm múc đầy từng chén đưa đến. Khi đến phiên tôi, nồi cháo đã cạn, anh vét tận đáy, chỉ được nửa chén lưng lưng. Tôi đem về để thêm bột cá chà bong, dành riêng cho Bi. Tôi và Duyên chỉ ăn có chút xíu đậu phộng rang với đường. Các món này có được là nhờ mang theo luôn bên mình trong cái túi nhỏ.

Trong lúc mọi người quây quần ăn cháo sáng, cười nói ồn ào, nhộn nhịp thì bọn lính Mã trên ghe tha hồ lục tung đồng hành lý để xét lấy vàng bạc, tiền của. Trên cái boong ghe chật hẹp, tôi thấy mấy người lính đi tới đi lui, chuyển các món quý giá vừa cướp được mang vô đồn. Sau khi thu đoạt hết những gì quý giá, Tăn Khu cho lệnh từng toán năm người lên ghe lấy hành lý cá nhor. Thằng Zăm Bri đen thui, tóc xoắn, cái chum cà vẹo nghiêng nghiêng, giống hịch con khi đột, tay cầm gậy tre, đứng canh ngay gốc dừa. Thiên hạ chen lấn nhau, xô đẩy nhau để được lên ghe trước. Thiết tình, lúc nào cũng chen lấn giành giựt, chán hết sức! Mỗi khi có người vi phạm lẫn ranh, bị thằng khi đột xử phạt bằng cách hít đất, nhảy xôm, thụt ống dầu... như ở quân trường.

Vợ chồng tôi chờ hoài mà không tới phiên. Trời đã trưa, nắng chói lòa trên bãi cát. Sóng loang loáng nắng vàng từng đợt, từng đợt nhấp nhô. Chờ cho tới gần chiều. Người sao mà



đông quá sức. Duyên được đi lên ghe trước. Nàng tìm lại được đủ hết các xách tay cùng cái ba lô vắt bừa bãi dưới sàn ghe. Kế đó, tôi được lên theo. Đi vừa được mười thước thì gặp nàng khệ nệ bung xách đây tay. Hai vợ chồng vừa đi vừa thở, khiêng về nơi bọn lính Mã kiểm soát. Một anh lính ngồi bên góc dờ, trước mặt trải một tấm ny lông. Người mang hành lý đến phải mở tung cái xách tay ra để anh ta kiểm soát từng món. Tất cả các loại quân trang quân dụng đều bị tịch thu. Bị lấy nhiều nhất là các loại vũ khí như dao búa, áo phao, dây dù, dao găm... Tiến bị lấy mất nguyên một bao dây dù mà ba tôi cho để đem theo giăng lều. Thằng lính Mã Lai lục lọi trong cái xách tay, đựng phải một cái gói giấy ny lông, mừng rỡ tưởng là tiền đô la bọc kín. Anh xé cái bao. Tôi thót ruột. Trời, mấy cuốn sách cũ xì gần mục nát, cái bàn tay hộ pháp sần sùi của thằng quỷ dịch này cầm đã muốn rách rồi, mà nó còn xé ra nữa.... Rủi nó rách thêm thì tôi đau đớn lắm. Nó dở ra thấy trang nào trang nấy chữ Tàu đen thui, nghinh mặt hỏi tôi bằng tiếng Anh:

-Cái gì vậy?

Tôi hồi hộp trả lời:

-Cuốn sách chữ Tàu đó. Cũ lắm rồi, ông làm ơn nhẹ dùm, coi chừng rách.

Nó cười, quăng xuống đất. Tôi mừng quá, cúi xuống lượm lên, phủi sơ qua cát bụi, đút gọn lại trong xách tay. Thế là thoát nạn, bộ sách quý nhứt của tôi. Cũng may nó không lấy món gì. Quần áo đồ đạc tuy đã gói kỹ lưỡng bằng bao ny lông, vậy mà vẫn ướt mem vì cái ba lô bị quăng xuống dưới hầm ghe, ngâm trong nước tiểu, nước biển, nước ói mưa... Tất cả đều nặng chình chịch. Hai vợ chồng khiêng xách hết muốn nổi. Phải đem giặt ngay vì quá dơ dáy, hôi hám. Tôi đem tất cả ra ngoài ghềnh đá, tận cuối bãi, coi sóc lại từng món. Xung quanh mọi người cùng ủa ra ra tắm rửa, giặt giũ. Nước trong xanh ngấn ngát. Buổi chiều nắng tuy còn sáng trưng nhưng đã hết nóng. Từ bề gió thổi lồng lộng. Trời thì thiết cao và biển thì thiết rộng. Lòng tôi trải dài theo từng con sóng nhịp nhàng, từng giọt nắng lung linh. Tôi lựa một tảng đá trắng to, bằng phẳng như một mặt bàn, rồi để tất cả quần áo dơ bẩn lên đó, lấy xà bông giặt và xả cho sạch. Thịnh thoảng có vài lượn sóng lớn từ xa chạy ủa vô thiết lẹ, chồm cao trên mặt đá, ủa vào cuốn phẳng tất cả, đánh tạt ra tứ tung. Tôi phải chạy lỏm bõm dưới nước để lượm lại từng món. Dơ nhứt là cái mũ. Nó lớn rộng quá lại dính đủ thứ tạp nhạp. Tôi phải giữ tung ra và phải xả đi xả lại nhiều bận. Đồ đạc bằng vải vóc mà giặt bằng nước biển như vậy thì chỉ dùng tạm một thời gian ngắn, chừng vài tháng nữa là mục nát. Nhưng đâu có cách nào hơn. Dầu sao có cũng còn hơn không.

Tôi ôm đóng quần áo vừa giặt xong, khệ nệ vác về chỗ cũ thì trời đã ngã về chiều. Bãi cát đã thưa người. Mỗi gia đình đều tìm chỗ bằng phẳng để dựng lều tạm ngụ qua đêm. Ai nấy đều yên nơi yên chỗ, chỉ còn tôi là người chậm lụt trễ nãi nhứt. Tự nhiên người Việt và người Hoa tách đôi ra. Bên Việt Nam thì chọn đám đất dưới rừng dừa, đám Hoa Kiều thì chum nhum lại dưới những cây bàng ở sát bên vách đá cuối bãi. Tôi đứng nhìn địa thế một hồi, bèn chọn một lổm giữa lều của anh Tư Trần Hưng Đạo và lều của anh chị Thuận. Phía sau có lều của chị Kiều, chị Huệ, phía sau nữa là lều của chị Diệp và Mai. Tôi lấy tấm ny lông trải thẳng ra trên cát, mấy cái bông trắng in xen với những sọc vuông đỏ coi cũng khá đẹp. Hai cái xách tay dằn ở đầu làm gối, giăng cái mũng ướt nhẹp vừa giặt xong bằng bốn sợi dây nhợ gá vô mấy góc dờ. Bốn bề tuy trống hóc nhưng bên trên là những tàu dờ dây đặc, lo gì gió sương.

Vì lo giặt giũ và ngắm trời nước mênh mông, tôi sợ ý không tìm lấy thùng ny lông để đựng nước và đi lục tìm các quần áo, vật dụng còn thất lạc, đồng thời việc cần thiết nhưt là kiếm gạo để ăn. Trên ghe còn nguyên tám bao gạo chỉ xanh, buổi sáng A Son đã lấy một ít để nấu cháo. Người ta túa lên ghe để lục tìm các loại thực phẩm, trong khi đó tôi lui cui kiếm dây nhợ để giăng mùng! Cái điệu này chắc phải ngủ hoài mà không cần ăn! Cũng may, mấy đứa em có được một bao gạo nhỏ. Tụi nó sót cho tôi một bịch cỡ ba kí. Từ Trần Hưng Đạo vác về một bao muối. Tôi xin một gói nhỏ. Thực phẩm đem theo còn nguyên, cơm dẹp, thịt cá chà bong, đường chanh, muối tiêu, tỏi, đậu phộng rang, mứt gừng, sữa bột...

Trời chập choạng tối. Ngoài bờ nước, người ta rầm rập đem cưa, búa, đục, xà beng phá tung các vỏ ghe nằm rải rác đây đó để lấy ván cột về dựng lều. Tiếng búa nện đùng đùng, chan chát gập rút, hồi hả vang đi, vọng lại từ vách đá, trong bóng chiều xuống quanh hiu. Những bóng người leo trèo nhảy nhót trên mui, trong khoang ghe trở nên chập choạng, tù mù. Bỗng nhiên tôi nghe một tiếng kêu thảng thốt, đau đớn, bèn giựt mình đứng lên coi chuyện gì đã xảy ra. Một người nhỏ con trần trụi, nằm lăn trên bãi cát, ôm lấy hai chun rên rĩ. Coi lại thì là Xám Mã Chải leo lên ghe kiếm cột dựng lều, từ trên cao nhảy mạnh xuống bị trật chun nặng. Bạn bè bu quanh, kiếm thuốc, kẻ bóp người thoa. Cuối cùng phải cõng anh về lều. Từ đó Xám Mã Chải phải nhảy cò cò suốt thời gian ở đảo. Tôi đứng nhìn cái mùng mới giăng, vừa ý hết sức. Giăng cao thẳng thớm, tối nay dùng để ngủ mà cũng là để phơi. Khí hậu Mã Lai thiệt nóng bức. Nhiệt độ trung bình khoảng ba mươi lăm độ, tháng này trời lại không mưa, và lại ở đây chỉ có vài ngày thôi, dựng lều kỹ lưỡng chỉ cho mát công. Ăn thì nhiều chớ ở đâu có bao nhiêu! Trời tối lại không có đèn, nên đi ngủ sớm. Ai nấy đều mệt mỏi và muốn nghỉ ngơi. Chuyện gì cũng dẹp hết để ngày mai lo tiếp. Vợ chồng con cái, vừa lớn nhỏ ba người, chen vô cái mùng ướt nhep, ngủ một giấc ngon nhưt trong đời.

Ở trên cao bầu trời thăm thẳm nhưn nhưng, những vì sao sáng nhấp nháy như mừng cái hạnh phúc đơn sơ của những người vừa bỏ xứ, có tạm một chỗ dung thân. Trong cơn mơ màng tôi thấy người đẹp đảo Dừa đi trong khu vườn cao su, cũng cái áo thun vàng, cái quần tây trắng, cũng mái tóc buông lơi. Cảnh buổi chiều trời vừa tắt nắng âm u.

*Khởi tri lưu lạc phục tương kiến  
Man phong Đản vũ sâu hoàng hôn.*

*(Rời lưu lạc ai ngờ là ước hẹn,  
Gió Mờng, mưa Mọi sâu phủ chiều hoang).*  
Thơ Tô Đông Pha, Tuệ Sĩ dịch.

## **Chương 11 :**

### ***NHỮNG NGÀY RẤT MỚI*** (Chương 11 phần 2)

Tôi ngó quanh ngó quất, tìm một khúc cây nhỏ định để xới đất. Rải rác xung quanh toàn

là lá dừa vói những trái dừa khô quắt nhăn nheo nằm lẫn lóc. Bữa nay cần phải làm một cái bếp để nấu nướng. Cả ngày hôm qua đủ thứ chuyện nên ăn quơ ăn quào, sáng sớm thức dậy vợ chồng con cái đôi meo. Ba cục đá được lượm từ dưới bờ nước, loại đá vôi, bờ rêu màu xám đục. Nhưng kệ nó, chừng nào đốt cháy tới mục rã thì kiếm cục khác chớ ở đây làm gì có đá xanh cứng rắn. Cái bếp được đào dưới gốc dừa. Thân dừa chắn gió, tàn dừa che mát. Duyên đã lấy ra cái gàu men làm bằng nhôm trắng, dùng cát biển chùi rửa thiệt sạch. Cái gàu men này ban đầu đem theo để đựng thức ăn, sau dùng làm nồi nấu nướng. Thiệt là tiện lợi đôi bề. Đất chỗ gốc dừa này đào dễ quá chỉ toàn là cát trắng, bờ rêu. Chỉ xới qua xới lại vài lần, tôi đã khoét được một cái lỗ khá sâu. Ba cục đá được đặt ở ba góc đều đặn. Vì gạo ít nên hà tiện, vợ chồng định dùng số lượng có được dành để nấu cháo ăn dần. Mỗi lần nấu, lấy một bùm gạo nhỏ. Cúi dùng để chụm thì thiếu gì, hằng hà sa số. Tàu dừa khô đó, chỗ nào cũng có, rớt nằm la liệt ngổn ngang đầy đất. Quơ tay ra là lượm cả đống, chụm đến bao giờ cho hết được. Buổi sáng, đảo thức dậy với những ngọn lửa bập bùng, những làn khói trắng uốn éo vươn lên cao, tỏa ra trong nắng sớm. Các lều kề cận, người ta cũng đều nổi lửa nấu ăn.

Cái sinh hoạt cũng khá rộn ràng. Tiếng nói chuyện đã trở nên ồn ào. Trên đọt cây có con chim hót, tiếng hót dài mà trong. Chim màu xám đen, cái mỏ vàng ửng, lớn giống như chim sáo. Cái bếp đã làm rồi. Tôi bèn túm lấy một mớ lá dừa chạy qua bếp Tư Trần Hưng Đạo kể bên để môi lửa. Là dừa khô bắt lửa thiệt lẹ, cháy phùng phùng. Ngọn lửa bốc lên cao nóng hực. Trong phút chốc, cái nồi nhôm sáng trắng bị khói ám đen thui. Các tàu dừa cháy nổ kêu lách tách, tiếng nổ nhỏ vang vang khơi động buổi sáng. Sóng xa nhấp nhô, trời trong xanh ngấn ngắt.

Tôi lẩn thẩn nhìn cái tàu dừa trước mặt, cái sống dừa nổi cao chạy tới cuối bẹ u tròn. A, thì ra người ta thường ví von cái sống mũi đẹp có hình giống cái dọc dừa.... -cái mũi dọc dừa. Phải rồi, người đẹp có cái sống mũi cao cao thanh tú, đầu mũi nở nang... Cũng không biết tại sao tôi cứ nghĩ tới nàng hoài!

Đến khi nồi cháo gần chín, tôi ngừng đầu lên nhìn ra xa thì cũng thấy một cái mũi. Nhưng thiệt đáng tiếc. Không phải là cái mũi ước mơ. Mũi dọc dừa đâu không thấy, chỉ thấy một cái mũi kết khoằm khoằm. Một người đàn ông Mã Lai cỡ trên năm mươi tuổi, ốm nhách, cao như cây tre, da dẻ nâu đen, để ria mép thành ra gương mặt lão liêng, quần áo đẹp đẽ, đang đứng ở sau gốc dừa nhìn soi mói vào khu lều mới dựng. Ông ta là ai, tại sao lại đứng ở đó dòm dòm? Áo thun thể thao trắng tinh cụt tay có in hình chữ xanh Adidas nổi bật trong đám cây lá hoang dại. Một mẫu người thành thị chải chuốt đúng mức. Tôi ngạc nhiên hết sức. Ở đảo này, ai cũng tưởng chỉ có mấy người lính với anh chàng Tấn Ku, nè đâu lại có thêm ông già Adidas! Ừ, mà không biết ông là ai, thì gọi đại cái hàng chữ trên ngực áo cho dễ nhớ. Dầu sao thì cái hiệu Adidas cũng gọi cảm hơn một cái tên Mã Lai dài ngoằn nào đó. Ông xăm xăm đi tới, tôi chợt thấy đôi giày da, đen bóng loáng như da cá trê. Bóng quá, dám soi mặt mà cạo râu được! Ông nhìn thấy tôi rồi tới Tư Trần Hưng Đạo. Tôi chuẩn bị đứng dậy làm quen, nè đâu ông đổi hướng xẹt qua bên lều chị Kiều. Ừ, đi đâu đi phút cho rồi, qua lều mấy bà gọi chuyện dầu sao cũng hấp dẫn hơn tôi với Tư máy cày! Vả lại ở cái xứ Mã Lai này, người dân đều nói tiếng Anh, tôi lại bù trất. Nếu phải nói chuyện nhiều chắc là mỏi tay lắm! Cháo đã chín như rồi, vợ chồng con cái ăn cho no bụng trước đã, chuyện gì thì cũng thùng thảng tính sau...

Bây giờ bên lều chị Kiều đông như cái nhà hội. Đàn ông, đàn bà đứng chòm nhum bao quanh Adidas vào giữa. Con Xuân Lan, thằng Chí Ròm thì chạy lăng quăng cười giỡn la hét om xòm. Thằng Linh mập lớn như đống xen vô giữa, vừa móc cút mũi vừa há hốc miệng nghe người lớn nói chuyện. Tuy nó không hiểu gì hết vì người ta nói bằng thứ tiếng lạ... Không biết rán giành cái chỗ thiệt tốt đó để làm chi! Tôi đứng ở vòng ngoài vì tới quá trễ. Câu chuyện cũng kết thúc. Adidas cũng vừa dợm bước ra, tuy nhiên ông ta còn quay lại, nói câu chót:

-Tôi nay độ chín giờ tôi trở lại để lấy thơ!

Tôi nghe được chữ 'lấy thơ' trong bụng hồi hộp. À, ông già này có thể chuyển thơ liên lạc dùm cho mình. Mừng quá, hỏi chị Kiều:

-Ông đó là ai vậy chị?

Chị Kiều mặt tươi rói, nói một hơi:

-Ông tự xưng là chúa đảo này. Ông nói hôm kia tình cờ nhìn bằng ống dòm thấy ghe của mình bị đuổi khỏi Marang, nên có kêu chiếc tàu đen chỉ hướng cho biết đường ra đảo. Đảo Dừa này tên là Pulau Kapas, thuộc tiểu bang Kuala Trengganu của West Malaysia.

-Tại sao lại là West Malaysia?

-Vì xứ Mã lai có hai phần. Một phần gọi là Tây Mã Lai, thuộc phía cực nam của bán đảo Đông Dương, bắc là Thái Lan, nam là eo biển Malacca. Một phần của đảo Bornéo, gồm hai tiểu bang Sarawak với Sabah, gọi là Đông Mã Lai. Ghe của mình đã tấp vô Marang, thuộc bờ phía đông của Tây Mã Lai. Vùng đất Marang này, thuộc Kuala Trengganu. Tôi có hỏi chừng nào dám ty nạn mình được chuyển sang Bidong, ông nói không biết. Ông có hứa là sẽ gởi dùm thơ và mua dùm một ít đồ ăn cần thiết. Tối nay ông sẽ trở lại...

Vậy là quá đủ. Tôi nghe qua mừng hóm. Được gởi thơ về nhà. Trời ơi, đã quá! Mới rời khỏi Việt Nam có bốn năm ngày tôi có cảm tưởng như là lâu lắm, như năm mười năm hoặc lâu hơn nữa kia! Tôi lắm nhảm tính, năm ngày qua cộng với mười ngày nữa, tất cả là mười lăm ngày. Mười ngày là để thư từ Mã Lai đi về tới Việt Nam. Nửa tháng trời chờ đợi để được tin con, ba má tôi chắc héo mòn thương nhớ. Nửa tháng trời hồi hộp, lo âu, sợ hãi. Cầu trời cho thơ đừng lạc! Tôi tưởng tượng ra hình ảnh chú hai phát thơ dựng cái xe đạp cũ xì trước cửa nhà ở Bình Dương, đứng lục lọi trong cái bao máng trên xe, đưa cho Ba tôi cái phong thơ viết từ đảo Dừa này. Con tem Mã Lai lạ hoặc là một niềm vui lớn vô vắn. Mười lăm ngày sẽ qua, chắc mỗi sáng ông đứng trước cửa mà nhìn về phía công sở Phú Cường, chờ đợi chú hai phát thơ hiện ra ở góc phố, chỗ tiệm xe đạp Nguyễn Văn Nên. Đã bao nhiêu lần hy vọng rồi thất vọng, rồi tiếp tục chờ đợi... Cuối cùng cũng sẽ có một ngày ông sẽ run rẩy đưa tay lấy cái bao thơ của tôi, sờ soạng đeo lên mắt cặp kiếng già, lấy bầy xé bao thơ và đọc lảng quáng hàng chữ viết quen thuộc. Đứng bên cạnh là má tôi, chắc bà còn hồi hộp và run hơn nữa. Trời Bình Dương đối với bà, buổi hôm đó chắc là đẹp lắm. Bà sẽ giấu kín cái thơ này trong túi áo rồi len lén báo tin mừng cho những người thân thuộc, bà Hiệp Thành, cô Hai Hiệu, chú Tư Chờ, chú Tư Vũ Lư, rồi chờ đến sớm mai đi chợ bà sẽ ghé thăm bà Tám Liên, bà Năm Chi ở dưới mé sông...

Tôi quay về lều, nghe cát lệt xệt dưới chun. Dưới bãi, con nít ủa ra đông nghẹt, chạy giỡn la hét chói lói. Tôi khoan khoái nhìn thấy mẹ con Bi ngồi bên mé nước. Thằng nhỏ đang moi cát. Hai cánh tay tròn mồm mĩm giống khúc khoai mì. Mới có mấy ngày phơi nắng gió sao mà người nào người nấy rám đen. Trời cao xanh lồng lộng. Tôi nghĩ đến cái

thơ sắp viết. Bên cạnh Tư Trần Hưng Đạo ở trần mặc áo thun ba lỗ nằm bò càng trên tấm đệm mỏng, cũng đang viết lia viết lịa, dáng dấp như mấy cụ đồ đang gò quản bút để viết liền khi Tết đến. Tôi sửa soạn giấy bút. Câu đầu dòng tôi sẽ viết hàng chữ 'Ba má thương yêu của con' sau đó tôi sẽ tha hồ tả cảnh vượt sóng gió trùng dương...

Đang nghĩ miên man bỗng dung tôi nghe một tiếng hét hãi hùng...'Rắn'... Cụ đồ già nằm còng lưng như con tôm là Tư Trần Hưng Đạo, vụt nhảy dựng lên theo kiểu con tôm bung ngược, mặt mày tái mét. Tôi hoảng hốt, mắt đảo dác nhìn quanh, không thấy gì, chỉ nghe tiếng la của ông bạn còn vang rền tới cuối vách đá. Đám con nít đang chơi, vội chạy ủa lên, ngơ ngác. Mọi người từ khắp chốn, tủa ra tìm kiếm. Tư Trần Hưng Đạo tay chỉ theo hướng đám cỏ tranh, miệng lập cập nói không ra tiếng. Xung quanh, mấy thanh niên trang bị gậy gộc vừa khua, vừa đập trong các bụi lùm. Quách Linh Hoạt tìm ở đâu được một cây sào tre dài xông pha dẫn đầu, coi bộ hăng hái dữ. Tôi lo cho anh ta, ở giữa đảo vắng như vậy, rùi bị rắn cắn thì sao!

-Coi chừng rắn độc đó nghe, chun vô bụi mà chun căng không mang giày, rùi ro nguy hiểm lắm!

Anh nhăn răng cười hi hi, đập đập cây sào vô gốc dừa nghe lộp cộp nói:

-Rắn mà cắn tôi đó hả, đừng có lo...

-Bộ có đem theo thuốc rắn sao?

-Cần gì tới thuốc, rắn mà cắn tôi thì nó chết chớ đâu phải tôi!

Tôi trợn mắt:

-Tại sao vậy? Anh nghinh lại tôi:

-Bộ anh tưởng máu tôi không độc hơn máu rắn sao!

Tôi bật cười nhớ lại nhớ lại bài học ngữ ngôn hấp dẫn từ nhỏ, cười ngất:

-Ừa, ừa, rắn của La Fontaine là rắn ở bên Tây, hiền khô. Còn ở đây là rắn Mã Lai, chưa biết ai độc hơn ai à...

Tôi vừa nói tới đó, thì nghe một người đứng bên cạnh la lên:

-Nó luôn trong đám cỏ khô kia, con rắn lớn quá.

Quách Linh Hoạt thuận tay đập xuống một sào. May quá, cây sào trúng ngay sống lưng rắn, khúc thân đầy vẩy xám đen, rần ri lăn lộn. Đám đông bu lại, mạnh ai nấy đập tứ tung, cả vùng cỏ tranh cao ngang ngực ngã rạp, biến một khoảng lớn như đám ruộng bị trâu quần. Quách Linh Hoạt vít rắn lên đầu gậy, nó đã chết rũ ra như sợi dây lưng, cái đầu nát bầy. Anh đem về lều, hứa hẹn sẽ nấu cháo rắn chiều nay... Đám con nít bu theo chỉ chỗ, hít hà. Đứa nào đứa nấy mắt mở thao láo...

Tôi lững thững về. Tập giấy vẫn còn bỏ trên tấm ny lông. Tôi nằm thử kiểu con tôm Tư Trần Hưng Đạo nhưng thấy vương vịu, đành ngồi dậy, lưng dựa vào gốc dừa, tập giấy kê trên đầu gối. Giờ này đã khá trưa, nắng bắt đầu nóng hừng hực. Cạnh tôi Tư máy cây đã le lười thấm nước miếng để dán kín cái bao thơ. Không biết trong đó có tả cảnh con rắn bò sát bên mí lều, khiến anh rụng tim? Chừng như không chịu nổi cơn nóng nhiệt đới Mã Lai, anh cởi luôn áo thun đang mặc. Làn da ngực râm đỏ còn hằn cái dấu của hai quai áo dọc trên vai. Tôi cũng bắt chước cởi cái áo máng đại lên sợi dây giăng mùng. Vẫn còn nóng quá. Đầu còn gì để cởi nữa,... đành thôi!

Cuối cùng thì cái thơ gọi về nhà cũng đã viết xong. Khi đọc lại, tôi thấy những câu văn trên tờ giấy trắng khác hẳn những gì đã nghĩ ngợi trong đầu. Bức thư chứa cả một cõi lòng xôn xao, hăm hở vui mừng, y như những lần tôi thi đậu ngày xưa, chạy về nhà báo

tin, nói lấp vấp không đầu không đuôi. Mà cần gì phải gầy gọn, khúc chiết, miễn sao ở nhà biết được cả đám tới nơi bình yên là đủ. Tôi tin rằng ba tôi khi đọc thơ sẽ thấy được niềm vui sướng rạo rạo ở ngoài những câu loạn xạ. Bởi vì trong đó, câu này không ăn nhập gì với câu kia, ý kia đang viết vụt bắt sang ý nọ. Có câu chưa hết dòng vụt chấm nhảy sang câu khác. Lung tung, rối rùi. Cái thơ lạ lùng hơn tất cả những bức thư từ trước, cũng khác hẳn cái thói quen chùng mực hàng ngày...

Tiếng anh Tư nói lớn:

-Ngồi đó mà mơ mộng, coi chừng dứa khô rớt bể đầu, nguyên một quả dứa đầy trái treo lủng lẳng ở trên cao kia kìa. Bộ muốn làm Lục Vân Tiên hả?

Tôi nhìn lên tận trên đọt cao. Một chùm dứa cỡ hàng chục trái chi chít ngay trên đầu. Trời, nếu nó rớt thì chắc chết. Như trời giáng. Tôi giựt mình sợ hãi. Sao mà ngu quá, không chịu để ý gì hết. Tôi bèn đứng dậy, ngắm hướng một hồi, rồi kéo xê tám ny lông trạch qua một bên.

Tư Trần Hưng Đạo đứng chống nạnh, nhìn tôi dọn dẹp, chọc quê:

-Gì đâu mà sợ dữ vậy. Dời làm chi cho mất công, mỗi lần viết thư ngồi dưới gốc dứa thì lấy cái nôi đội lên đầu là an toàn trên xa lộ.

*Vân Tiên ngồi dựa gốc dứa,  
Dừa khô rụng xuống, bể đầu Vân Tiên!*

-Ừa, ừa, đứng đó mà ngâm thơ. Bộ bên chỗ anh không có quả nào hả. Rắn còn có nữa, nói chi đến dứa khô!

Lúc đó thì Quách Linh Hoạt đã trở lại, chỉ huy một đám thanh niên dọn dẹp bãi cỏ tranh cạnh khu cắm lều. Xong rồi anh bật quạt đốt cho quang đãng. Cây lá còn tươi, cháy nổ lộp bộp như tiếng pháo chuột. Tuy vậy nhờ có mớ cỏ khô phía dưới làm môi, ngọn lửa vẫn bốc lên cao có ngọn. Ừ, làm vậy được quá, rắn rít phải trốn hết vô trong rừng sâu nhường chỗ cho người ta dựng lều. Chớ um tùm như vậy, đương ngọn giắc nửa đêm rui có con rắn cô đơn thơ thẩn buồn tình chen vô ngủ chung cho ấm thì đâu có được.

Tôi đứng ngó mông về phía con đường mòn, chỉ thấy những nóc lều lợp bằng lá dứa thấp thoáng trong đám cây cối rậm rạp. Khoảng cách từ đây tới đó khá xa. Tôi muốn đi tới đó để coi cho biết. Bọn lính ở đảo lại không cho người ty nạn liên lạc nhau. Cái lần ranh giới hạn khu vực là gốc dứa mọc gie ra bãi cát, thẳng hàng với chiếc ghe MH 4517. Sáng nay tụi lính Mã Lai đâu mất hết, tôi ngó tới ngó lui rồi bước tới. Những gốc dứa sần sùi. Trên đường mòn đầy cát, những tàu dứa khô nằm lăn lóc. Những loại dây leo chằng chịt bò lan. Mới bước đi được một đoạn ngắn, tôi chợt thấy thành Zăm Bri đen thui, y như con khỉ đột, ngồi trên một tảng đá lớn, tay mân mê cái đồng hồ. Dám cái Seiko Five của Út Trung lắm à! Tôi núp lẹ vô một gốc dứa, len mình trong đám lá um tùm, đi ngược về chỗ cũ. Cũng đoạn đường này, người đẹp đảo Dừa từng đi qua. Mới hôm qua nàng tay xách một thùng nước, tay cầm cái ca nhôm. Bàn tay xinh xắn rót từng ca nước... Tự nhiên tôi nghe cổ họng khát khô. Nóng quá, cả người mồ hôi tuôn ra nhom nhóp. Dưới bãi, người ta đã rửa nhau xuống nước boi lội, tiếng cười nói vang rền bãi vắng.

Duyên đất Bi thông dong đi đến, thấy tôi đứng tần ngần, nàng nói:

-Trời nóng quá, cả người anh đầy mồ hôi. Thôi anh bồng Bi xuống tắm cho mát!

Tôi ầm lầy Bi, đi từ từ xuống nước. Làn nước mát trong, lóng lánh ánh nắng ban trưa. Bi sợ nước, hai tay hai chun quíu lấy tôi chặt cứng. Da thịt Bi còn non mịn màng như cục

bột. Ở dưới mí nước nhìn lên, tôi chỉ thấy những thân dừa suông đuột, những tàn dừa xen lẫn bóng nắng chang chang...

Bên phía khu người Hoa, lác đác có người dựng lều. Cái lều với cây ván mái che đàng hoàng, chớ không phải lều tạm bợ như của tôi với Tư Trần Hưng Đạo, nó chỉ là tấm ny lông trải dưới đất với cái mùng giăng ở trên. Dưới những cây bàng lớn, những cành mọc ngang đây lá xanh láng mượt, người ta đã dựng lên những lều cây to lớn chắc chắn. Cây ván được lấy từ các ghe mục rã nằm rải rác ở mé nước. Suốt ngày nghe tiếng xà beng, cưa, búa đập rầm rầm.. Người ta giành giật từng cây cột, miếng ván, gậy nhau rầm trời... Tôi bồng Bi đứng dưới nước, thấy người Tàu dựng lều mà nôn. Nhưng suy đi tính lại, tôi thấy không cần phải che lều vì chắc ở đây không lâu. Mùa này trời không mưa, vả lại vợ chồng ốm yếu, lại có con nhỏ, làm sao có ván với cột để làm! Thôi, trải tấm ny lông dưới gốc dừa, cái xách tay để trên đầu làm gối, nằm nhìn bầu trời trong xanh hải đảo qua các kẽ lá dừa... cuộc đời sướng như vậy, không sướng khoái lắm sao!

Mấy cái ghe chỉ trong một hai ngày bị cạy gỡ, bây giờ chỉ còn trơ lại cái bộ xương sườn cong queo, cái bánh lái xiêu vẹo. Y như con thú bị cạy ăn, chỉ còn trơ lại đồng xương vụn. Ở đời, có nhiều việc ngộ như vậy. Khi cần vượt biển thì nó là cái ghe. Khi cần che mưa che nắng thì nó là miếng ván cây cột để dựng lều. Còn khi không cần gì nữa thì cứ bỏ mặc đó cho sóng gió trùng dương. Tất cả rồi sẽ mục rữa tan biến vô lòng biển cả!

Bữa cái ghe đi biển để phá lấy ván dựng lều ở vài ngày, tôi cảm thấy đó là một phí phạm quá đáng. Cũng y như chế độ Cộng Sản dùng người. Trong đám dân cày lúc nhúc dưới ruộng bùn sinh, có biết bao nhiêu nhân tài của đất nước, tinh hoa của dân tộc. Trong khi đó, những người kém cỏi, ít được học hành thì giữ những nhiệm vụ trọng đại, điều hành việc nước. Đất nước ngày một thê thảm, đó là lẽ tất nhiên. Một thi sĩ có tài nịnh hót được làm Phó Thủ Tướng đặc trách Kinh tế thì còn trời đất nào! Hèn chi có một học giả đã nhận xét, nếu một kinh tế gia tập tễnh làm thơ, rui bài thơ dở tệ thì chỉ tốn có một tờ giấy. Cũng không thiệt hại gì quá đáng. Còn nếu như một thi sĩ mà lại tập tễnh đòi làm Kinh tế thì chắc chắn một điều là cả dân tộc phải ăn bo bo, độn với khoai mì dài dài. Nếu còn có bo bo và khoai để ăn, tới một lúc nào đó quá, chỉ cần mở đài của nhà nước nghe thi sĩ ngâm thơ, cũng đủ no! Giống như ông Tô Đông Pha ngày xưa, khi bụng đói còn cào, ông bèn nằm dài, ló đầu ra ngoài, há miệng hớp nắng, y như con cóc... cho đỡ đói!

Buổi xế trưa, mặt trời đã nghiêng về một góc, tuy những tia nắng vẫn còn dữ dội. Thằng khi đột Zăm Bri, tay cầm gậy tre, chum đi lặc lè, cái bóng xiên xiên đổ dài theo bãi cát trắng đầy dấu chum. Hấn tìm những người tiêu tiêu bừa bãi để phạt. Phạt đủ kiểu như ở quân trường, hít đất, thụt ống dầu, quay máy bay, pha cát vô nước biển bắt uống. Cái lối phạt tàn nhẫn, vô nhân đạo! Xong rồi hấn ra lệnh cho cả đám, phải đào một hố vệ sinh phân biệt nam nữ ở tận trong sâu. Tay cầm cây gậy dài, hấn quơ vô bên đám dừa, cạnh khu lều người đẹp. Một ông người Tàu già, xung phong chỉ huy, tập hợp một số trai tráng tình nguyện thi hành công tác. Tôi bèn bước vô trong đám để đi theo. Không biết làm sao mà người ta còn dấu được rất nhiều dụng cụ như dao, cưa, búa, cuốc, để làm việc này. Tất cả kéo nhau đi sâu vô rừng dừa. Qua một cái trảng hẹp đầy cỏ tranh xanh màu lúa non mọc cao ngang ngực, phải rẽ lối mà đi. Dưới những bước chum ngập ngừng, thỉnh thoảng tôi đập phải những trái dừa khô nằm rải rác khắp nơi. Có trái mới rớt, có trái khô queo, cũng có trái đã mọc rễ thành cây con. Dây leo rất nhiều, mọc chằng chịt, bò lan

khắp mọi chốn. Những thân dừa cao dài sông đuột, vươn lên tận trên cao, phía dưới là hàng ngàn loại cây rừng mọc xen lẫn. Đất mực, ẩm ướt. Lá khô rơi từng lớp dày. Chỗ này không còn thấy cát nữa, mà là đất đen. Ánh nắng đã bị đám lá xanh chặn bớt thành ra nghe âm thấp, lạnh lạnh, âm u. Tôi đứng nhìn cây lá Mã Lai để tìm coi có giống chút gì với Việt Nam. Nhìn quanh nhìn quắt, thấy được một bụi nhãn lồng, trái nhỏ còn non. Mấy cây lá xanh bóng, hơi tròn có gân nổi giống như cây điều lộn hột, vì chưa có trái nên không biết có phải hay không. Những dây trầu bà rừng to bằng ngón chun cái, lá lớn như cây quạt màu xanh đậm, leo uốn vòng theo một cây to, có lá y như lá mít. Những cây cọ thấp mọc thành bụi um tùm, lá hình rẽ quạt, nhiều quá, chỗ nào cũng có.

Ông Tàu già, đứng ngấm nhìn địa thế một hồi, đưa tay chỉ vào một chỗ khoảng khoát. Một bãi cỏ tranh, không có một cây nào khác, chỉ xen vào đó là năm bảy gốc dừa lớn cỡ vòng tay. Được quá, chỗ này khá lý tưởng. Đất coi bộ sạch. Mấy anh bạn sấn vào, tay dao tay cuốc, thanh toán trong chốc lát đám tranh um tùm. Tôi được cắt trong đám đi tìm cây lá. Chúng tôi đi sâu vô hơn một chút. Mấy bụi tre mỡ cao vút, ngọn cong cong dưới ánh nắng thoi thóp buổi chiều. Cây tre sông đuột, gợn gằn da xanh láng bóng, lóng thẳng mà thiết dài. Tốt quá, chỉ cần năm cây là đủ dùng. Anh bạn cầm cưa, mới cưa vài nhát dưới gốc, cây tre đã ngã dài trên đất. Loại tre tuy dây com nhưng lại dễ cưa. Xong rồi, anh cắt ra từng đoạn nhỏ. Tôi cầm con dao đi rừng, tìm những cây dừa thấp để chặt lá. Lá dừa dùng để che nóc và dựng vách. Khi tre và lá dừa đã khá đủ, chúng tôi ề ạch khiêng vác về chỗ cũ. Bãi tranh bây giờ đã trống trơn, quang đãng. Hai cái hồ tiêu khá rộng đã đào xong, hình chữ nhật. Đất chỗ này khi đào xuống toàn là cát trắng. Đào rất lẹ và thiết dễ. Hèn chi, chỉ có cỏ tranh mọc được mà không có cây nào khác xen vô. Cả bọn xúm nhau, người dựng cột, người lót nền, người lợp nóc, dựng vách. Chỉ độ một tiếng đồng hồ là xong. Tuy đơn sơ và khá trống trải nhưng nhờ có nó mà vệ sinh trên đảo rất tốt.

Tư Trần Hưng Đạo vừa phủi tay cho sạch đất cát, bụi bặm vừa nói:

-Kể từ chiều nay, bà con yên chí giải quyết bầu tâm sự, khỏi phải coi chừng tụi lính Mã Lai bắt phạt nữa. Khoẻ re...

Thằng Dân gì đó đứng chống cuốc, nhăn răng vàng cười hì hì:

-Không sợ Mã Lai gì đó mà sợ mấy người ở đây bên kia ngó qua. Anh coi nè, lá dừa gì đó ít quá, trống lủng, ngó thấy hết trơn.

Rồi nó tiếp tục phân tích:

-Mấy cái lá dừa, hai ba ngày nữa gì đó, nó khô queo lại, kể như hông có che 'gì đó'...

Quách Linh Hoạt bèn xen vô liền:

-Cái thằng này bày đặt bàn ra tán vô, mày muốn dòm cái gì đó thì cứ sớm mai tới chiều tới ra đây ngồi. Mày liệu coi có chịu đựng nổi không?

Cả đám ôm bụng, xúm nhau mà cười. Tiếng cười vang vang trong khu rừng buổi chiều xuống. Thôi thì mạnh ai nấy nói, đường đi về chỗ cắm lều cũng gần, tiếng xôn xao cười giỡn vang tận xuống dưới đó. Tôi nhìn thấy những làn khói xám vươn lên, những gốc dừa ẩn khuất, ngoài bãi còn vài tia nắng cuối cùng. Tôi giao cây dao lại cho ông Tàu già, chạy lúp xúp trên mặt cát nhấp nhô thẳng ra bờ nước. Tôi vẫy vùng một hơi trong làn nước mát, cả người tinh tảo hẳn ra. Mồ hôi, bụi bặm, đất cát, trôi đâu mất hết... Buổi cơm chiều Duyên đã nấu sẵn xong xuôi. Đồ ăn kể như không có gì nhưng mà sao ngon quá. Ngon ơi là ngon! Trời sụp tối hồi nào không hay.

Ngoài khơi những đợt sóng lớn chạy vào bờ, đập vào vách đá đen cuối bãi nghe âm âm.



Đều đặn, tiếng vang động duy nhứt trong đêm hải đảo. Khu dựng lều hầy như không một bóng đèn. Chỉ có ở lều của Phì Lũ với Hủ Tiểu, chập chờn ánh đèn cầy. Từ xa ngó như ánh sáng đom đóm. Nhỏ quá. Trời đã mát hẳn. Đám tụi thằng Lĩnh mập, Chí ròm, Xuân Lan rủ mấy đứa con của Tư Trần Hưng Đạo với tụi con nít xóm dưới quây quần ngoài bãi cát chơi đùa. Chạy giỡn chán chê, con nhỏ Thủy Tiên bày đặt chơi trò tuyển lựa ca sĩ. Tụi con nít đâu biết gì, cũng khoái chí vỗ tay loạn xạ hoan nghinh. Cả đám ngồi quay tròn. Một đứa đứng chính giữa hát ngập ngừng, cô nào cậu nấy hoan nghinh ồm tỏi. Bị đi chập chững được dất vô biểu diễn trước đám đông. Thằng bé không biết gì hết, đứng ngó loanh quanh rồi đưa hai cánh tay có ngón vỗ một mình. Nhờ có ánh trăng lưỡi liềm nên bờ cát sáng mờ mờ, tuy nhìn không rõ mặt nhau. Gió thổi ào ào. Không khí trong mát. Những đọt dừa đen thẫm, điểm trên đó là những ánh sao linh lung. Tôi ngồi thoải mái trên một cục đá lớn bằng cái bàn, bên cạnh có vài bạn ở gần lều. Các bà nắm tay nhau đi dạo trên bờ cát. Đêm về trên đảo vắng, cảnh vật rất nên thơ. Tiếng sóng đập nhịp nhàng vào ghềnh đá, tiếng trẻ con nô đùa, tiếng người lớn nói chuyện rì rào, khiến cảnh biển đêm có gì sống động, tươi mát. Ở ngoài khơi xa thẫm, hình như là đất liền. Có ánh đèn sáng chạy dọc theo đường chơn trời. Có thể là vùng đất Marang mà chiếc BL 1648 đã ghé vào những hôm trước hay chăng? Vậy mà ban ngày nhìn mù mịt không thấy gì hết trơn. Ánh đèn trong đêm đen giữa biển khơi chập chùng là một niềm hy vọng cho những người trên đường phiêu bạt. Tôi quay ra Sơn đang ngồi bên cạnh, im lìm:

-Ê, Sơn nhìn kỹ coi, hình như bên kia biển là vùng đất hôm trước mình định ghé. Anh không có kiếng nên không thấy rõ!

Sơn cũng đang nhìn về phía đó:

-Ừ, ừ, em cũng thấy giống giống. Chắc là ở chỗ đó. Không biết bây giờ anh Chiêu với Hiếu ra sao rồi?

Nghe hỏi, tôi nhớ lại cảnh cả hai bị đánh ở bãi cát Marang, lòng vụt thần thờ. Bây giờ cả hai ra sao? Làm sao để liên lạc? Hỏi ai bây giờ? Tôi ngo ngác ngó quanh thấy từ xa có ánh đèn pin loang loáng. Một người lính Mã Lai mặc thường phục áo sơ mi tay trắng, quần dài đen đang đi tới. Hắn thấy trên bãi cát đông nghẹt người lớn lẫn con nít đang cười nói, chơi đùa. Hắn khoát tay chỉ vô lều, miệng hô lớn:

-Ti đu, ti đu...

Sơn khều tôi nói:

-Chắc nó kêu mình đi vô. Giống tiếng Việt ghê. Ti đu là đi vô, thiệt rõ ràng!

Tôi chưa kịp trả lời, còn đang chân chờ thì một ánh đèn pin quét ngang vô mặt:

-Ti đu, ti đu.

Tôi đứng dậy xỏ chun vô dép. Mọi người cũng lần lượt về lều. Tôi đi gần chị Kiều, bèn hỏi:

-Chùng nào thằng Adidas lại lấy thơ. Hay là tôi đưa cho chị bây giờ, rồi nhờ chị giao lại?

-Chắc là vào khoảng chín, mười giờ tối. Bây giờ mới tám giờ mà nó bắt đi ngủ rồi. Nếu buồn ngủ thì đưa thơ đây, tôi chuyên dùm cho. Khỏi mất công qua.

-Ti đu là đi ngủ hay đi vô?

Chị trả lời phân hai:

-Tôi cũng đâu có biết. Thôi mình dịch ti đu là đi vô ngủ. Phải chi có cô đẹp đẹp hỏi sáng qua, mình hỏi thì biết liền. Coi bộ cô giỏi tiếng Mã Lai quá!

Trời, lại nhắc tới cái cô đẹp đẹp hôm qua. Tôi hỏi tới:

-Chút xíu ông già Adidas lại lấy thơ, chị hỏi dò coi ông biết gì về mấy người ở tận sâu

bên trong rừng dừa, chắc họ cũng ty nạn như mình nhưng lạc vô đây từ lâu. Cái điệu này mình bị bắt ở lại đây hoài, chắc chết. Chỉ vài ngày nữa là hết gạo, lấy gì mà sống đây! Trong bóng tối mò mò chị dò dẫm về lều, còn rần rấn lại:

-Ừ, thế nào tôi cũng hỏi cho biết. Thấy người ta, đâm lo cho mình. Sao điệu bộ của ông già Adidas coi cũng sợ thằng Tấn Ku. Nó kiểm soát gắt gao quá, canh mình như canh tù...

Tôi vén mùng chun vô. Mẹ con Bi đã vô trước nằm phía trong. Tôi nằm bên ngoài nhìn ra biển cả tối đen mịt mùng. Bên tai, tiếng sóng rì rầm điệu nhạc trùng khơi bất tận. Gió thổi rào rào trên đọt dừa, cái vách mùng đong đưa. Tiếng sóng vỗ vào ghềnh đá y như tiếng sóng ngày xưa ở Dinh cậu xa xôi, cũng suốt đêm đi đùng vang vang đến nhà ở bờ sông Dương Đông, nơi tôi sinh trưởng. Ở đó, trên một mỏm đá cao, có ngọn hải đăng chớp tắt, chớp tắt cái đóm lửa xanh lè, tôi bắt đầu nhìn cuộc đời bằng con mắt ngỡ ngác yên vui, bằng một cõi lòng ngây thơ trong sáng. Bây giờ nằm đây trên miền đất lạ, tuy mừng là đến được chốn bình an nhưng sao lòng nặng trĩu những suy tư khắc khoải lo âu! Vận nước đổi thay, số phận muôn người bập bênh như bọt nước, trôi nổi đến bao giờ. Đường đời mới bước có chừng phân nửa, phải phui tay buông xuôi, chập chững đi lại những bước đầu tiên, tôi lao đao như con chim bị rụng hết lông cánh. Bên cạnh hai mẹ con Bi vẫn còn thức. Thằng bé lăn qua lăn lại, chim chíp đôi môi nhỏ, nói cái gì lúng búng trong miệng. Gió bắt đầu nghe lạnh lạnh thổi tạt vách mùng, phát phơ chạm vào gò má, tôi quay qua ôm gọn Bi vào lòng, y như hồi nhỏ ba tôi ôm tôi trong những đêm sấm chớp mưa giông. Bi chừng thấy ấm, nằm im. Thôi, Bi ngủ đi để ba đỡ cho...

*Ừ, ơ, ví dầu....  
Tới đây đây vẫn, giàu thừa  
Hỏi người có cựa, giếng xưa ai đào?*

Ờ, ờ, nghe cũng được. Mãi đến bây giờ tôi mới tập ru con ngủ lần đầu, cũng may còn nhớ được mấy câu. Mà sao tự nhiên là câu này!

Tôi cố gìm giọng ru thiệt nhỏ, chỉ vừa đủ cho Bi nghe. Bồn bề im lặng, quạnh hiu. Tôi cảm thấy âm thanh tan loãng, mơ hồ, xa vắng...

*Ừ, ơ, ví dầu...  
Giếng sâu có nước ...không giàu...  
Hỏi người có cựa... sao đào giếng sâu?*

## Chương 12:

# **NHỮNG NGÀY RẤT MỚI** (chương 12, phần 3)

Tôi và Út Trung tình cờ không hẹn mà gặp nhau. Vừa khoan khoái bước ra khỏi ‘túp lều lý tưởng’ của ông Tàu già chỉ huy dựng chiều qua trong đám cỏ tranh, tôi đụng đầu chú Út đang cầm cúi đi tới. Bình minh sắp ló dạng nhưng còn ngập ngừng, hơi sương lạnh lạnh. Rải rác đây đó những lùm bụi rậm rạp, bóng tối nhá nhem, lò mờ. Dây lều này mới dựng chỉ có một buổi, không cần quảng cáo rầm rộ, vẫn đông nghẹt khách hàng như thường. Phải chờ đợi khá lâu mới tới phiên. Con đường từ khu cắm trại dẫn tới đây, mấy trăm người lần lượt đi về, qua lại, nó đã trở thành con đường mòn phẳng phiu, quang đãng.

Chú Út mặt tuy bình thân nhưng cứ chỉ có vẻ rón rén, dưới nách cặp một cái bao cuộn tròn. Khi đi tới dây lều dành riêng cho đàn ông, thay vì ghé vô trút bầu tâm sự như mọi người, chú Út cứ tỉnh rụi đi thẳng. Còn tôi, đáng lẽ quay trở về khu cắm trại, lại đi thơ thẩn quanh mấy bụi cây. Vừa đi vừa ngắm nghía từng gân lá, từng cái chồi non. Cái gì cũng hấp dẫn, mới lạ. Bụi tre mở có mấy mọt măng cao cỡ độ hai tấc. Vậy mà chiều qua, không ai thấy, chỉ cần có con dao nhọn là có thể sẵn lấy dễ dàng. Mấy ngày nay ăn uống đạm bạc, trong người như thiếu chất rau tươi. Đến khi chợt ngừng đầu lên, tôi bắt gặp chú Út xăm xăm đi tới. Chú Út liếc mắt, ra dấu rù rê:

-Đi vô rừng chơi không? Tính kiếm vài trái dứa...

Như thấy tôi hơi do dự, Trung tiếp:

-Giờ này tụi lính còn ngủ, mà nếu có thức thì cũng xuống dưới bãi, chớ sức mấy mà mò vô trong này...

Tôi thắc mắc:

-Lính thì không sợ. Nhưng muốn ăn dứa thì cứ tha hồ mà lượm. Dứa khô rụng đầy đất. Ai cầm cần đâu, tội tình gì phải núp lén.

Út Trung cười hóm hỉnh:

-Việc gì phải ăn dứa khô anh! Dứa tươi đây cả đống, tại sao mình lại không kiếm một mớ. Để thử coi dứa Mã Lai với dứa Xiêm bên mình, thứ nào ngon hơn.

A, thì ra chú Út muốn thứ ngon kia. Mà cũng có lý, nước dứa khô rụng lâu ngày lạt nhạt, nhiều trái lên mùi dầu, không bỏ béo gì hết. Tôi cố uống thử vài lần, cuối cùng rồi phải đồ bỏ.

Tôi nghe hấp dẫn, thích lắm nhưng còn ngần ngại:

-Cây dứa ở đây cao quá, làm sao mà leo lên, rồi dao đâu mà chặt?

Út Trung vỗ vỗ vào cái bao kẹp nách:

-Đừng có lo, đồ nghề đầy đủ hết đây nè. Đi theo cho vui, em lo hết. Leo dứa là nghề ruột của em đó.

Tôi chịu liền, sẵn bước theo sau. Đường đi mỗi lúc một khó, phải bước trên cây cò, gai góc mà đi. Cây xanh mọc bừa bãi um tùm, cành lá đâm tua tủa. Trung đã rút trong bao ra cây dao to lớn bản, vừa đi vừa phạt những nhánh chạ. Tôi bẻ lấy một cành cây dài, đập loạt xoạt vô mấy đám cỏ dại cao ngang ngực để đuổi rắn. Hình ảnh con rắn của Quách Linh Hoạt cứ lờn vờn trong đầu. Trong bụng vừa thích lại vừa sợ. Lần lần vô sâu, lại thấy có con đường mòn, dấu chun còn mới. Như vậy cũng có người thường đi vô đây. Lác đác có những đống vỏ dứa tươi vụn bỏ ngổn ngang đầy đất. Vỏ dứa tươi xanh, vết chặt hoen vàng.

-Nè Trung, có người tính chuyện trước tụi mình. Họ phung phí quá, ăn nửa bỏ nửa, có những trái còn nguyên cơm trắng bong...

Trung vẫn tiếp tục cắm cúi đi, không có vẻ gì sắp tới nơi, miệng trả lời:

-Phải xa hơn, chỗ này còn gần lắm, chưa an toàn. Hôm qua tụi thằng A Son với Cậu Chải đã thám hiểm trước rồi, nó có chỉ đường đi nước bước, cây dao này là của anh Thuận cho mượn...

Nghe Trung nói, tôi yên tâm, lẳng lặng đi theo. Trời đã sáng tỏ nhờ mặt trời đã lên cao. Tuy vậy giữa rừng vẫn còn im mát. Những cành lá xanh rờn bên trên tạo nên những bóng mát dễ chịu. Dưới đất lá mục rơi thành từng lớp dày, có một lạch nước nhỏ chảy ngoằn ngoèo. Những cây dương xỉ mọc theo bờ nước xanh xanh. Thình lình trước mặt tôi hiện ra một quang cảnh ngổn ngang. Một cây dừa lớn bị chặt ngang gốc, ngã đổ ập xuống ngang đường mòn. Một đồng cỏ dừa bị quăng bừa bãi tứ tung. Ngọn dừa cũng bị vạt mất cái cô hũ. Tôi buột miệng kêu lên:

-Trời ơi, ai chơi kỳ vậy, sao lại đốn cả cây...

Trung cũng ngạc nhiên, đứng sựng lại, ngấm nghĩa một hồi rồi nói:

-Dấu chặt cũ rồi, lá đã khô héo hết. Như vậy cũng phải một hai tuần trước...

Nói rồi Trung nắm tay tôi, leo qua thân cây dừa, đi tới nữa.

-Đi lẹ lên, rủi loanh quanh ở đây, tụi Mã Lai nói mình chặt dừa thì lãnh đủ.

-Hơi đâu mà lo, chỗ này đã xa lắm rồi, có la làng cũng không ai nghe.

Vừa nói tới đó tôi nghe có tiếng người nói chuyện văng vẳng từ xa. Tiếng cười nói lờng lờng, lẫn trong gió có tiếng búa chặt vô thân cây đều đều. Trung cũng nghe thấy nên khựng lại. Tôi lắng nghe, rõ ràng là họ nói tiếng Việt nam. Yên chí, tôi và Trung bước tới. Phải len lỏi hồi lâu mới gặp được những người đốn dừa. Họ gồm có bốn người, tất cả ở trần, da đen thui, tuổi cỡ trên dưới ba mươi. Cây dừa sắp ngã, cả bọn đang đứng nghỉ mệt. Có lẽ họ thay phiên nhau để chặt. Thân dừa đã nghiêng một bên, rồi đổ âm. Cả một vùng cây lá bị đè bẹp, xao động, tung bay toả tả. Trước mặt, mọi vật bỗng dung sáng trưng. Rừng bị một lỗ hồng lớn, ánh sáng tha hồ chiếu vô. Tôi bước tới, cố ý nói lớn để họ khỏi bị giật mình:

-Hay quá, cây dừa lớn vậy mà chặt coi gọn ghê!

Anh đứng gần chỗ tôi đi tới, ban đầu hơi ngạc nhiên nhưng sau đó bình tĩnh lại, đưa tay chào, miệng cười nói:

-Quen rồi anh, năm ba ngày chặt một cây...

Ba anh bạn còn lại, vây quanh tôi và Trung:

-Hai anh mới tới vài ngày phải không? Tụi tôi có thấy chiếc ghe tấp vô bãi, đông quá hả? Đi mấy ngày mà tới đây vậy? Ghe khởi hành từ đâu?

Họ thay phiên nhau hỏi tới tấp. Trung trả lời liên hồi. Tôi quay qua đứng nhìn những quả dừa đặc nghet trái. Một số văng long lóc ra xa. Gần trên năm chục trái có hơn. Vì thân cây quá dài nên khi ngã xuống nó đè không biết bao nhiêu cây dại khác gãy đổ theo. Tuy rừng dừa có hàng mấy ngàn cây nhưng đứng trước một cây bị đốn bừa bãi như vậy, tôi đâm tiêng tiếc. Phải bao nhiêu năm trồng, một cây dừa mới lớn được như vậy? Tôi buột miệng:

-Phải chi mình chịu khó leo lên hái mấy trái già, trái non để lại, lần sau hái tiếp...

Mấy anh bạn mới cười rộ:

-Ồ đây thiếu gì mà anh lo... Nè, thằng Sáu hôm qua, một mình nó, hái một hơi ba mươi trái dừa tươi!

-Trời, rồi làm sao ăn cho hết...

Anh bạn tên Sáu, ồm ồm, người liên lạc rắn chắc, da đen bóng, xương gò má cao, đương ngồi xồm, vạt nắp một trái dừa lớn, mời tôi và Trung:

-Ông thử nước dừa Mã Lai coi ngon không. Của chùa mà, cứ dùng, ngại gì...

-Bộ mấy anh không sợ tụi Mã Lai thấy sao?

Sáu trả lời tinh bơ:

-Mấy hôm trước thì sợ, nếu nó biết thì đám anh em tụi tôi lãnh đủ. Cả đảo này chỉ có gần chục dừa tụi tôi thôi, ở cũng cả tháng nay rồi. Còn bây giờ thì có thêm ghe của mấy anh nữa. Tất cả trên dưới mấy trăm người, sức mấy mà nó biết ai chặt! Cái quai dừa này cũng có phần của hai bạn nữa mà!

Trung uống xong vài hớp, đưa qua cho tôi, miệng cười trả lời:

-Hai đứa tôi có công cán gì đâu. Nhưng mà được chia phần, thì tại hạ... không dám từ chối...

Cả đám xúm nhau mà cười. Trung rút dao ra, lựa hai trái thiệt ngon, vạt vỏ gọn gàng. Tôi cầm lấy một trái, ngồi trên thân cây, hỏi thăm:

-Vậy là các anh đến đây cả tháng trước. Hèn chi hôm trước tôi thấy có người đứng lấp ló phía trong, mãi đến hôm, nay mới được gặp.

Một anh lớn tuổi nhứt trong đám, râu ria xồm xoàm, cả tháng trời không cạo, trả lời:

-Hôm trước thấy ghe của mấy anh tấp vô, mà đâu có ra được. Tụi lính Mã kiểm soát, canh gát tụi này gát gao lắm. Như là giam lỏng. Mấy lúc trước nó dễ hơn cho đi tới đi lui tự do. Tụi này đi chui từ Rạch Sỏi, ghe chỉ có mười ba người. Tới đây thì gạo muối không còn một hột, đâu có tiền bạc của cải gì, thiếu thốn đủ mọi thứ. Thành ra phải vô rừng hái dừa tươi để ăn, qua phía bên kia đảo, bắt ốc, bắt cá... Hai anh thấy vỏ dừa quăng tứ tung là của tụi tôi đó...

Một tháng ở đảo, lại không liên lạc được với đất liền, thời gian chờ đợi kéo dài quá lâu. Cuộc sống nhiều vất vả, thiếu thốn, ai cũng khá ốm, râu tóc dài thậm thụt, quần áo vá vúi lồi thoi nhưng ngược lại tất cả đều vui vẻ, cởi mở thân tình. Anh bạn từ tốn kể lại chuyện đi:

-Trong ghe chỉ toàn người quen lớn, bạn bè, không có rước khách lạ. Mấy đứa tụi tôi bàn tính kế hoạch, tiền bạc hùn lại chỉ đủ mua chiếc ghe cũ với xăng dầu. Lúc ra cửa bị công an biên phòng đuổi theo, tưởng đâu bị bắt lại... Nhờ thằng Sáu lái nghề quá, thoát được trong đường tơ kẽ tóc...

Sáu đương đứng thờ thần, miệng nhai nhóc nhách miếng cơm dừa, nghe nhắc tới tên, góp chuyện:

-Bữa đó chạy muồn rã máy luôn, run quá mà phải rần làm tĩnh, mở hết tốc lực. Nhờ ghe nhỏ máy mạnh nên mới thoát. Cũng tại vợ chồng thằng Chiều Tím, cà rịch cà tang nên mới ra ghe trễ nải, trời đã sáng bạch mà còn đi ngờ ngờ, công an có đui mới không thấy.

Tôi buột miệng:

-Chiều Tím, cái tên nghe ngồ ngộ. Rạch Giá có nhiều quán bia ôm như ở Phú Nhuận, Ngã Tư Bảy Hiền không?

Sáu giải nghĩa:

-Không phải đâu anh. Chiều Tím là tiệm bán cà phê chui... con vợ nó là người hôm trước đem nước cho các anh uống đó...

Câu nói vừa dứt, tôi cảm thấy như có luồng gió mạnh tạt ngang. Tôi nhìn sững những cái vỏ dừa xanh đậm nằm lăn lóc trên đất. Có cái com được cạo sạch, có cái còn nguyên. Nhưng cái nào cũng bị vạt miệng. Ngọn dao bén ngọt, chém quá ngọt ngào. Như chém

đút tiện cái cơn mơ mộng hão huyền, rất đơn sơ và rất mong manh như một cơn nắng sớm. Tôi ngược mắt nhìn qua những đám lá rễ quạt xanh nõn, một cơn gió mạnh thổi lướt ngang xào xạc, đám lá đong đưa. Lòng tôi cũng lắt lay theo gió. Nắng chiếu nóng hâm hấp.

Út Trung đã cời trần, cầm cây dao phật những cái bẹ to. Cả bọn xúm nhau lại bỏ cái đọt dứa. Những nhát dao, nhát búa chặt xuống liên hồi. Cái đọt coi vậy mà lớn và cứng chắc quá. Những mảnh dăm dầm nước văng tứ tung, trắng xóa mặt đất. Muốn lấy cái củ hủ dứa cũng không phải dễ dàng gì, trầy vi tróc vảy. Tôi không có dao để phụ một tay, buồn tình đi lòng vòng ngó cây ngó cối. Xế cạnh có một bụi cây nhỏ, dây bò loằng ngoằng, quấn quanh các cây kê bên, lá xanh đậm nhỏ như lá chùm ruột, giống hịch lá vang. Tôi bứt vài lá ném thử, cái vị chua lè. Đúng là nó rồi. Tôi thuận tay bứt một ôm. Nhiều quá, tôi chia ra làm nhiều phần để mỗi người đều có món canh lá vang nấu với muối hột chiều nay, ăn chung với củ hủ dứa luộc. Bụi vang mọc lâu năm, cái gốc lớn cỡ cườm tay, coi bộ dai lắm. Tôi cố sức lay qua lay lại hàng chục lần, vẫn không suy suyễn. Khi tôi cột các bó lá vang vừa xong thì cái đọt dứa cũng được bữa gọn, cái củ hủ được chặt ra. Nó trắng phau phau, lớp lớp mịn màng, óng ả. Những bông dứa non xèo, trắng như sữa, nhỏ xíu giống hếch gié lúa nằm xếp bao quanh...

Mọi việc chùng đã xong xuôi, ai nấy chuẩn bị thu xếp để trở về. Tôi và Út Trung được tặng chiến lợi phẩm đây nhóc một bao lớn. Không có chỗ mà chứa nữa, nhiều quá. Mấy trái dứa tuy đã vạt hết vỏ nhưng cũng còn quá nặng và cồng kềnh. Cái khu rừng chỗ này bây giờ như một bãi chiến trường, tan hoang sau một trận đánh lớn. Tất cả còn lại dấu vết trên mặt đất đồ nát, toại tả, gãy vụn, xơ xác, tang thương...

\*

\* \*

Buổi trưa tôi ngủ như chết, mặc cho cơn nóng hâm hấp từ trên cao đổ ập xuống, từ dưới đất dội ngược lên trên, từ bốn bên đổ ập lại. Cái nóng buổi trưa Mã Lai thật dễ sợ. Toàn thân như bị nướng trong cái lò lửa, mồ hôi tuôn ra ướt nhẹp, tay chun như rã rời. Bất ngờ trong cái giấc trưa trì trệ, ngưng đọng, cái đầu nặng trĩu như bưng bưng, tôi nghe văng vẳng từ xa một giọng đàn bà la lối, khi cao khi thấp, khi gần khi xa:

-Nói vậy mà nghe được hả?... Kể từ nay đừng nhìn tới tôi nữa...

Tôi trở mình. Chuyện gì vậy? Trời trưa nắng, cả trại im lìm, nóng như muốn bốc ra khói, ai lại khùng điên gì mà la hét vang rân? Tôi lẩn qua một bên, để vành tai ép sát vô tâm ny lông, định chặn bớt cái âm thanh chói lói, mong tiếp tục giấc ngủ say nồng. Nhưng không được, những lời đối đáp gay gắt của một cặp vợ chồng hàng xóm nào đó cứ đều đều, chun tọt vô lỗ tai:

-Em làm ơn nói nhỏ nhỏ... coi chừng người ta nghe thấy...

Trái với lời khẩn khoản của người đàn ông, giọng người đàn bà lại oang oác:

-Anh sợ người ta chớ anh đâu có sợ tôi! Trời ơi, ngó xuống đây coi nè... Phải chết được tôi chết phức đi cho người ta rảnh tay rảnh chun...

Thiệt tình! đương trong giấc ngủ mê man tàng tịch, nghe cái giọng the thé, đầu tôi như muốn nổ tung. Cái giọng gì mà chua như dấm, chua như me, chua như chanh. Bà này hành nghề làm vợ chắc cũng trên mười mấy năm nay nên mới có cái giọng lạ, chớ lúc mới quen với chồng mà nũng nịu kiêu này, anh chồng phát hoảng nhảy mất. Chán ơi là

chán! Bộ tính trưa nay, bà chẳng lửa nào đó định phá giấc ngủ của cả trại sao mà. Chuyện gì thì cũng thủng thỉnh mà nói, cần gì đâu phải la lối om sòm!...

Bằng một hồi lâu, tiếng la hét im bật, tôi thiếp lại, tiếp tục cơn mê. Được đâu chừng năm mười phút, tôi bỗng bị dựng dậy bằng một loạt âm thanh cuồng nộ:

-Vậy chớ tấm hình này của con dĩ ngựa nào? Rõ ràng như vậy mà còn chối bai bãi. Trời ơi là trời, người ta lúc nào miệng cũng nói yêu, yêu ngọt xót... cho tới bây giờ, qua tới đây, tôi mới sáng mắt ra...

Tới đây, người đàn bà trong lúc ghen tức dữ dội đã bắn trực xạ ông chồng bằng hàng loạt đại bác cỡ lớn. Mấy tiếng ‘con dĩ ngựa nào’ đi một mạch trơn tru. Hình như tất cả nỗi hằn học tức tối đều dồn hết vào bốn chữ xấu xa đó. Tôi cũng đâm giận lây cái anh bạn đại đột nào đó, lại chọc vợ ghen vào lúc trời nóng như đổ lửa này. Tôi mệt quá, rần nhượng cặp mắt lên không nổi nhưng cái lỗ tai bắt buộc phải nghe, tức mình thử tìm coi họ là ai, tại sao lại gây gổ giữa trưa nóng bức.

Lề bên phải tôi là của anh chị Thuần. Không phải cặp này vì cả hai đều nói giọng Bắc. Buổi trưa trước khi đi ngủ, họ còn kêu nhau bằng ‘cung’ ngon lành. Nếu có đại chiến, tôi phải là người khám phá đầu tiên. Cũng không phải vợ chồng Tư Trần Hưng Đạo. Anh chàng này giọng ồm ồm oang oang, chứ không êm ấm, vừa phải... và lại anh ta cũng ở sát bên vách trái, động tĩnh gì tôi đều biết rõ. Cặp ghen tuông này phải ở xa hơn, khi họ xuống giọng tức tưởi thì chỉ nghe thấp thoảng. Nghĩ hoài cũng không biết là ai, cả hai đều nói giọng Nam lờ lờ, nửa pha Bắc, nửa pha Trung. Dám mấy cặp người Tàu lắm. Anh chồng thì xuống nước, năn nỉ ỉ ôi, chị vợ thì hò hét, la lối, hằn học, đay nghiến... Thiệt là khó đoán. Khi ghen, người đàn bà nào lại không bộc lộ hết nỗi bức tức, giận hờn, âm thanh đầy cay đắng, khác lúc bình thường. Tình cảm như sóng biển, khi thì êm ái dịu dàng, khi thì cuồng phong, bão táp...

Xen vào giữa những giọng nói lạ, giọng ồm ồm của Tư Trần Hưng Đạo đã bắt đầu vang lên:

-Ai làm gì mà giữa trưa la lối om sòm, không để cho người ta ngủ nghê gì hết vậy?

A, anh Tư cũng bị đánh thức, đại bác bắn hàng loạt làm sao mà ngủ nghê cho được. Đứa con gái lớn, Mỹ Thanh trả lời:

-Vợ chồng ông Đại úy hải quân gây lộn đó ba!

Tôi chợt nhớ ra, trên ghe này chỉ có một anh bạn nguyên là sĩ quan hải quân, gốc người miền Trung. Vậy mà nghĩ hoài không ra. Giọng con nhỏ Mỹ Thanh nhào nhệch tiếp theo:

-Cái ông hôm qua, đập chết con rắn... rồi đem nấu cháo...

Tưởng ai xa lạ, nè đâu vợ chồng ông bạn Quách Linh Hoạt âu yếm nhau. Hèn chi người ta thường nói ‘thương nhau lắm, cắn nhau đau’. Hôm qua anh đập con rắn ngoài đồng, bữa nay anh bị con rắn trong nhà cắn cho... chết luôn! Ai đời có một tấm hình kỷ niệm mà không chịu dấu cho kỹ, bị vợ biết được, chửi cho một trận... nghĩ cũng đáng đời. Tôi tưởng tượng ra cái mặt Quách Linh Hoạt, bây giờ chắc nó dài ngoằn như trái dưa chín héo, còn chị vợ tóc tai rũ rượi, bù lu, bù loa, khóc lóc thảm sầu. Ông bạn Quách Linh Hoạt ơi, có ăn có chịu, rên ri làm chi. Chắc cô nàng đẹp lắm nên chị vợ mới ghen thấu trời mây. Vợ Quách Linh Hoạt đã khá lớn tuổi, người khô khan, cần cổ như một con gà mái già. Đã có với nhau bốn con rồi, còn trẻ trung gì nữa.

Tôi cảm thấy tay chun đã bót nhức mỗi, lặn qua lặn lại vài lần cho tỉnh táo hẳn. Mồ hôi nhom nhóp đầy lưng. Ngoài bờ nước, người ta bơi lội đông vui. Tư Trần Hưng Đạo sai con lấy khăn để đi tắm. Tôi rón gượng ngồi dậy, để đi theo. Cát nóng như muốn phồng căng, phải chạy lúp xúp cho đỡ nóng. Những mảnh vụn, cây cối, đá sạn, đâm vào lòng bàn chun đau nhói. Tôi đi dần xuống nước. Nước trong xanh man mát. Toàn thân sảng khoái. Hơi nóng bốc ra từ những lỗ chân lông. Tôi lặn hụp trong làn nước trong lành. Tiếng sóng biển reo vui lẫn với tiếng người đùa giỡn. Năng loang loáng chiếu sáng rờ rờ, những lượn sóng rạt rào. Buổi trưa hải đảo, trời nước trong xanh, cảnh và người tươi vui hết sức. Nhưng có một người buồn bã. Sau khi bơi vài vòng, tôi vuốt mặt cho nước chảy sạch trơn, nhìn lên bờ, thấy anh Quách Linh Hoạt ngồi trên một gộp đá lớn, quay mặt ra biển, im lìm, như pho tượng, gương mặt buồn hiu. Tôi đi lại gần Tư Trần Hưng Đạo:

-Anh Tư, anh Tư, anh ngó coi ông quan ba tàu thủy kia, ngồi cái kiểu gì giống y như thất tình.

Tư Trần Hưng Đạo đang bụm hai tay đập mạnh xuống mặt nước, tạo tiếng kêu bồm bộp, làm bắn các tia nước lên cao, miệng hỏi:

-Đó bồ, tại sao ‘giả’ buồn dữ vậy?

-Thì bị vợ chửi từ trưa tới giờ, không buồn sao được!

Tư Trần Hưng Đạo lắc đầu:

-Cũng có một phần, nhưng không đúng lắm. Vợ nạo một hồi rồi cũng thôi, chuyện đó thường tình ăn thua gì. ‘Giả’ dấu tâm hình trong cái bìa sách, bất ngờ chị vợ khám phá ra được, xé mất tiêu. Còn tấm nào đâu mà nhìn cho đỡ nhớ! Cái hình bị mất đã đành, cuốn sách mang từ Việt Nam sang, cũng nát bấy luôn. Buồn là mất tấm hình quý báu đó...

Tôi cười ngất:

-A, thì ra là vậy. Mà sao anh rành quá, bộ có kinh nghiệm nhiều rồi, phải không? Chị Tư chắc cũng ghen?

-Tôi hiền khô hà, đâu biết bồ bịch là gì, bà đâu cần ghen tuông...

-Thôi mà anh Tư, trước sau gì tôi cũng có dịp làm chứng...

Nói xong tôi rủ anh cùng đi đến chiếc MH 4517. Chiếc ghe đã bắt đầu mục rã. Mấy cây cột với ván đã bị xeo nạy gỡ mất hết chỉ còn cái lườn chơ vơ. Tôi leo lên, đứng trên một thanh đà nằm ngang. Rong rêu trơn trượt. Nước đọng lỏng bồng trong khoang. Lăn trong bùn cát, quần áo đồ đạc rách rưới vương vãi. Tôi nhìn lại khu cấm lều. Tất cả im lìm, mệt mỏi dưới ánh nắng như thiêu như đốt. Cái nóng Mã Lai kinh khủng thiệt tình. Nếu không nhờ những làn gió mát lai rai từ biển khơi thổi vô, chắc cả vùng này trở thành sa mạc cát nóng. Nhưng hiện tại cũng có một bãi sa mạc. Cõi lòng anh bạn Quách Linh Hoạt đó. Anh ngồi im lìm từ nãy đến giờ, hồn trí để tận đâu đâu. Câu nói của Tư máy cày ‘vợ chửi một hồi rồi cũng thôi, ăn thua gì’. Vậy thì cái gì làm cho Quách Linh Hoạt sầu khổ, héo hon? Mắt anh nhìn dăm dăm ra biển. Biển cả thì muôn đời, mệnh mông, với những ngọn sóng chập chùng. Chắc bên kia bờ đại dương, cũng có một người đang theo dõi anh từng bước với một trái tim mong chờ hy vọng.

Ôi, có vướng vào cái lưới yêu đương mới cảm được hết nỗi đau thương đứt ruột. Hèn chi, trong thánh kinh còn ghi, tổ tiên loài người, bà Eve rủ ông Adam ăn một trái táo. Ông này mới cắn thử có một miếng, mắc nghẹn ở cổ họng. Nhà hoài không ra. Vì lẽ đó con cháu cứ tiếp tục đau khổ vì mấy trái táo chín. Mà ở đời này, có người đàn ông lành mạnh nào mà không thích ăn táo? Tất cả mọi người đều đáng thương. Cái lỗi là Thượng Đế tạo



nên con người, lại nặn một trái tim quá lớn để gây nhiều phiền lụy, rắc rối. Nhưng suy nghĩ cho cùng, được thất tình cũng là một điều sung sướng. Ít ra trong cái thế gian này còn có một người làm cho mình chết lên chết xuống, đứt ruột bầm gan, hơn là sống âm thầm dằng dặc một trăm năm, không buồn không vui, tro tro như tượng đá!

Ở đời, cái khổ nhất là không biết đau khổ là gì. Tội nghiệp cho những ai được sanh ra trong giàu sang nhưng lụy, cưới vợ đẹp, đẻ con khôn, sống lâu tới già, rồi chết trên giường êm nệm ấm, đời chưa từng nếm qua vị cay đắng khổ đau.

Tư Trần Hưng Đạo còn ở dưới nước, ngược mặt nói vói lên trên:

-Mới ở đây có ba ngày, vợ Quách Linh Hoạt mở hàng nghe ồm tồm quá. Chắc cái điệu này cả đảo, người trước người sau, đều bị vợ xài xẽ ráo trội... Tôi biết lắm mà, từ ngày tay ôm gói xách, chun bước xuống ghe, đàn ông mình đâm mất giá, mấy bà tự nhiên lên chun ngang xương. Hèn chi, mấy trăm năm trước, ca dao đã nói.. *Bước chân xuống thuyền, nước mắt như mưa..*

-Đâu phải từ ngày xuống ghe bỏ xứ mà đi anh Tư, phải kể xa hơn một chút, hồi bảy mươi lăm lặn, lúc vừa mất nước.. tụi mình xệ thấy rõ, như anh, như tôi, như Quách Linh Hoạt, như thằng cha Chiêu Tím... còn có cái quần xà lỏn, ai mà thèm thương!

Tư Trần Hưng Đạo ngạc nhiên:

-Bồ vừa nói tên gì nghe lạ. Thằng cha Chiêu Tím nào vậy? ‘Giả’ ở đâu mà khi không cho nhập hộ khẩu vô đám tụi mình?

Tôi đưa tay chỉ vào bên trong:

-Thì cũng đâu xa lạ gì, ở trong đám lá tời trời kia. Bà Chiêu Tím là người đẹp rót nước cho cả đám mình uống đó. Họ đến đây trước bọn mình cả tháng.

Tư Trần Hưng Đạo ngó theo hướng tôi chỉ, lưng khòm nghiêng một bên, tay chống nạnh, nhìn sâu vô trong đảo, không biết anh muốn kiếm ai? Những đợt dừa lất lay theo gió. Nắng đã tắt từ nãy giờ, trời dịu hẳn. Trên bầu trời hải đảo, một đám mây đen đùn lên bên phía vách đá. Những tia nắng cuối ngày bị chặn bít chỉ còn một vệt sáng le lói ở chun mây. Đêm nay dấm có mưa lấm, trong gió có hơi nước đã bắt đầu lành lạnh...

### **Chương 13:**

## ***CHIÈC VÒNG CẨM THẠCH.***

**T**ôi cầm cái bao ny lông, nhón gót đi lặn xuống nước. Chỗ này không còn cát mịn như ở đàng kia mà đây những mảnh vụn san hô trắng lộ xột, nằm xen lẫn với những tảng đá lớn, rong rêu đen ngòm. Nước trong xanh lấp xấp ngang bắp vé mát lạnh. Trời xé trưa nắng nóng trên lưng. Trước mặt, một đám đông đàn bà, con nít đang nghiêng mình mò mẫm dưới cát. Tiếng nói chuyện lũng lũng xen trong sóng gió rào rào. Tôi cũng bắt chước làm y theo họ, nhìn lom lom đám sỏi cát nhấp nhô gợn gợn theo làn nước chập chờn. Cách đó vài thước, một bà Tàu già cầm trên tay một cái túi ny lông, chứa những con đĩa biển nằm lênh ra như một đám bùn đen sền sệt bầy nhầy. Không biết do ai bày ra, cả trại xúm nhau nhào xuống biển bắt con đồn đột, một loại đĩa biển mềm nhũn, lớn cỡ trái chuối già, chín rục đen thui. Dưới đáy nước rải rác đó đây, những con đồn đột đen nằm phơi mình trên cát trắng nên dễ thấy. Tôi thò tay xuống mò bắt một con. Bàn tay vừa

chạm trên mình nó, cảm thấy nhót nhót, trơn tuột mềm xèo nghe ghê ghê, thuận tay tôi quăng tòm trở lại, thất vọng đứng thẳng lưng, nhìn vào bờ. Trên bờ Sơn đang lồm bồm đập nước đi ra, miệng hồi vang rân:

-Giữa trưa nắng mà lội ra biển bắt con đò đò, bộ anh dám ăn hả?

-Thấy người ta làm thì mình bắt chước. Còn ăn được hay không thì thùng thỉnh tính sau. Sơn cười hề hề:

-Tính trước tính sau gì. Chiều hôm qua anh Tư Trần Hưng Đạo bắt được cả rổ. Không biết cách làm, đem phơi nắng cho khô, nhè đâu nó rút lại teo nhách, không còn gì hết, phải đem đi bỏ...

Tôi nản chí quăng luôn cái bao xuống dưới nước, rù Sơn lên bờ. Trưa nay, ít gió nên sóng chỉ lăn tăn. Hai đứa kéo nhau ngồi dưới đám dừa im mát. Chỗ này cỏ mọc loang lổ vì thiếu nắng. Sơn bận cái quần xà lỏn đen ở trần. Nó vốn đã ốm, cơm gạo đảo Dừa lại hiếm hơi nên xương sườn xương sống đã bắt đầu lộ nét. Tôi cũng không khá gì hơn, ốm nhòm ốm nhách, râu tóc lại không được cắt xén, mặt mày tay chun đen thui... chắc cũng gần giống Mã Lai. Thực phẩm trên ghe lúc mới tấp vô đảo, còn được tám bao gạo chỉ xanh, cả tuần nay chia nhau ăn, tuy tiện tặn từng chút nhưng cuối cùng rồi cũng hết, không còn một hạt để cầm hơi, đành phải lấy phần cơm dẹp cuối cùng đem nấu cháo cho Bi. Rồi tới gói sữa bột còn lại, gói sữa này khi đi soạn để đem theo, ai thấy cũng cười. Nhè đâu nhờ có nó mà Bi cầm cự được vài buổi. Thiếu hụt thực phẩm, sinh hoạt trên đảo dần dần ngưng đọng, im lìm. Người lớn đâm ra bớt nói năng, con nít thôi không chạy giỡn. Những ánh lửa vàng vọt không còn hắt hiu bên vách thì làm sao người ta còn thấy được những làn khói xám mờ nhạt uốn éo vươn cao vào lúc bình minh hay buổi chiều tà. Tình cảnh tuy chưa đến nỗi thảm thương nhưng coi bộ hết đường cạy gỡ. Không biết tụi lính Mã Lai trên đảo xử trí ra sao mà không thấy chúng đến tiếp tế, giúp đỡ hỏi han gì. Cái điệu này mà kéo dài thì chắc đối hạ họng cả đám. Tôi nắm lấy tay Sơn:

-Sơn nè, anh chị cảm ơn em nhiều lắm. Làm sao mà Sơn còn được lon gạo để cho anh tối qua.

-Có gì đâu mà anh nghĩ ngợi hoài cho mệt vậy. Em còn đâu được hai lon. Tụi mình lớn, dầu có đói thì cũng rán chịu đựng được năm ba ngày. Chớ Tâm Bi còn quá nhỏ, thiếu ăn đâu có được, hông có cơm thì phải có cháo chứ!

Nghe Sơn nói, tôi cảm động quá sức, không biết nói sao cho hết nỗi cảm ơn, đành ngồi trơ ra như đất, mắt mơ hồ nhìn từng đợt sóng nổi tiếp tan thành bọt trắng trên mé cát mà lòng rung rung. Trong những bạn đồng hành, mức độ thân tình của hai đứa cũng bình thường như bao người khác. Nào ngờ trong lúc túng huyệt, Sơn lại là người giúp đỡ đầu tiên. Ở đời, có nhiều người bề ngoài bình thản, tình cảm ít biểu lộ nhưng bên trong chứa đựng một tấm lòng tốt đẹp bao la. Phải cùng chung hoạn nạn gian nguy, mới biết rõ lòng nhau. Sơn quay qua tôi chỉ về phía trước:

-Anh coi kia, tụi con nít đi đâu mà kéo nhau cả lũ...

Ở phía đằng kia, một đám lóc nhóc, tốp năm tốp ba có cả người lớn, len lỏi đi thấp thoáng sâu vô trong đám cỏ tranh. Thấy có cái lưng mập ú của thằng Lĩnh, cái dáng ốm tong ốm teo của thằng Trung, con Dung, con Xuân Lan thì được má nó ẵm tòn ten bên nách. Có cả bốn đứa con gái nhỏ của Tư Trần Hưng Đạo vừa chạy vừa kêu nhau ơi ới.

Giờ này nắng chang chang. Cũng vừa lúc đó, Út Trung đi ngang gặp tôi với Sơn nghỉ mát dưới bóng cây, bèn rú:

-Đi vô rừng coi khí hái dứa...

À, thì ra như vậy. Tôi khoái chí đứng bật dậy, kéo Sơn theo. Chuyện hết com hết gạo để đó thủng thẳng rồi tính. Bây giờ đi coi khí hái dứa cái đã. Cả ba đứa lần theo đường mòn dẫn vô đám dứa dày đặc. Một đám đông chòm nhum ở đó tự bao giờ. Mọi người cười nói chỉ chỗ trên cao. Tôi nhìn lên thấy một con khỉ nhỏ xíu như đứa con nít lên hai, cổ cột sợi dây dài, đang leo thoăn thoắt lên cây dứa. Cây dứa dài ngoằn cao vút ngó tới rớt ót, vậy mà trong giây phút, nó đã leo lên tới đọt. Hai tay hai chun dài thườn thuột lông xám ngoét, lêu khêu bám vô thân dứa xù xì, dính chặt như thoa kéo. Dưới đất, một người Mã Lai già da màu đất nâu, quần một cái khăn có sọc màu xanh đỏ chòm bum trên đầu, đương đứng đốt thuốc hút. Con khỉ dùng tay và chun vặn xoay tròn trái dứa. Cái cuộn dai nhách. Thằng nhỏ Trung, nhìn con khỉ vặn vẹo cái mình ồm nhách, khoái chí nhảy tung tung, nhe hàm răng sún ra cười hăng hắc, cái quần cụt xệ xuống khỏi rún, thiếu điều muốn tuột luôn. Một đám con nít chỉ chỗ, cười nói vang rân. Thằng khỉ đọt Zăm Bri từ con đường mòn lù lù hiện ra, đi lặc lè tới, nhìn con khỉ đang vặn trái dứa, thấy thằng Trung quần xệ, ở trần nhảy chơi chơi cũng cười, bật nói:

-You, the monkey!

Thằng nhỏ không biết tiếng Anh, sợ bị phạt, đứng im.

Thấp thoáng qua kẽ lá đan nhau, một bóng người đi tới dịu dàng. Người đẹp đảo Dừa trưa nay bận chiếc áo màu xanh non lá mạ có thêu bông trắng. Út Trung nghiêng qua vai, nói thì thầm:

-Bà Chiều Tím cũng lặn lội ra đây coi khí hái dứa y như tụi mình..

Nghe Trung nói tôi đâm sực nhớ mình đang ở trần, râu tóc mọc vô trật tự, da dẻ đen đúa. Dưới chun mang một đôi dép dút, cột vá víu bằng sợi dây nhợ đỏ lượm được. Tự dung, tôi đâm ra ngượng ngùng, đưa mắt lên cao nhìn cái quài dứa còn trơ lại mấy trái non. Con khỉ sau khi đã được thưởng công bằng trái chuối, chuyền qua cây kế bên, kéo theo đám con nít mũi dãi thò lỗ, cùng thằng Trung nhỏ bận quần xệ rún, thằng Zăm Bri chống gậy lặc lè, đi đâu mắt tiêu từ hồi nào tôi không hay biết. Cái số gì mà xui xẻo. Mỗi khi ăn diện đẹp đẽ, tóc tai chải gỡ ngay hàng thẳng lối, thì không gặp được ai để khoe. Còn khi quần áo lòi thối lếch thếch, mặt mày nhảm nhí xấu xí, thì trăm lần như một, hết gặp người này tới đụng người kia. Thiệt là hết đường làm ăn. Ông già Mã Lai lui cui lượm những trái dứa vừa được hái quăng vương vãi đó đây, gom lại thành đống. Xong rồi ông ta dùng con dao nhọn xé tách vỏ dứa xanh bóng một miếng xơ nhỏ, rồi dùng xơ cột hai trái dính chắc làm một, lấy chiếc đòn tre dài xỏ ngang qua như xỏ khâu chòm bánh tét, rồi ạch kê đòn lên vai, gánh dứa chuyền dần xuống ghe. Mấy chục trái dứa nặng trĩu xuống, khiến cái vai của ông oằn nghiêng một bên theo nhịp bước chun đi. Nải chuối sứ chín vàng lườm để dành cho khi ăn còn le que vài trái cũng được treo lủng lẳng ở đầu đòn. Ở đằng kia, cũng có vài người Mã nữa, họ đang trông coi cho khí hái tiếp những cây dứa còn lại.

Nàng đã tới gần. Tôi đâm luống cuống không biết nói năng ra sao đành mỉm cười gật đầu chào và đứng im. Các tàu lá dong đưa đây nắng vàng rực rỡ. Con đường mòn cát trắng khô, chạy khuất trong đám lá xanh xanh. Xung quanh là những cây dứa cao vút. Tất cả đều chập choạng mơ hồ. Út Trung bước tới trước, đon đả làm quen:

-Chào chị. Chị ở đây lâu, có thấy khi hái dứa lần nào chưa, tụi tôi mới thấy lần đầu. Ngô quá, con khi nhỏ xíu mà vụng nổi trái dứa...

Nàng chào lại, mắt sáng trưng:

-Dạ thưa, tháng trước cũng có thấy hái một lần. Lúc đó, số dứa tươi bị chúng tôi hái trộm nhiều quá, nó mét với Tăn Ku, thành ra bây giờ tụi lính Mã Lai kiểm soát chặt chẽ hơn. Rồi cấm đoán, khó khăn lắm..

Rồi nàng tiếp :

-Phải chi hái trái để ăn thì cũng không sao, mấy ảnh lại nhè đòn luôn cả cây. Tụi nó bắt gặp được tất cả bẫy cây bị đòn. Thành ra mấy tuần nay bị cấm bẻ dứa, cấm câu cá, cấm đi vòng qua bên kia đảo tiếp xúc với ngư dân...

Tôi xen vô tiếp chuyện, mắt nhìn thấy một nốt ruồi nhỏ bên mép phải, trong bụng nghĩ thầm, cái miệng này chắc cũng ăn hàng dũ lắm:

-Hèn chi, từ ngày ghe tụi tôi tấp vô đảo, tụi lính Mã Lai coi bộ gằm gù quá. Nó ra đủ thứ luật lệ... loay hoay ở mé biển hoài, không được đi đâu hết. Lều của mấy anh chị ở sát bên, vậy mà cũng không được liên lạc... thành ra không biết tin tức gì hết tron. Hôm trước thấy chị nói chuyện với Tăn Ku, cứ tưởng chị là người Mã Lai.

Nàng cười rạng rỡ, má lúm đồng tiền tròn vo:

-Em học nói bập bẹ được vài câu thông thường. Anh Quang em thì nói được giỏi hơn. Tụi em đến đây cũng gần hai tháng rồi.

A, thì ra ông Chiêu Tím, tên Quang. Nàng, người đã đẹp, lại ăn nói ngọt ngào. Ba tiếng ‘anh Quang em’ thoảng nghe dễ thương, mà cũng dễ giận hết sức. Ở đời, sao có những người tốt phước, chắc lúc trước anh ta tu đúng chín kiếp, chưa từng phạm giới lần nào. Bồng dung tôi muốn biết mặt mày, tướng tá của anh chàng này. Cũng không biết để làm chi !

Từ bên trong rừng dứa, chị Diệp tay dắt thằng Trung, con Dung, chị Kiều bồng con Xuân Lan và mấy đứa nhóc tí coi khi đã trở ra. Cả đám dừng lại khi thấy người đẹp đảo Dừa đang nói chuyện với hai đứa tôi. Trước lạ sau quen, mấy bà gặp nhau thì ôi thôi, có biết bao nhiêu điều để nói. Câu chuyện xoay dần quanh việc mua bán đổi chác. Tôi chú ý lắng nghe vì biết rồi mình cũng sẽ cần. Nàng mở đầu:

-Em có quen với Tăn Ku, mỗi ngày đều có ghe liên lạc với đất liền. Nó có thể mua dùm cho mình thực phẩm và các thức cần dùng. Cũng tiện lắm. Mấy ngày nay, em biết là anh chị đã hết gạo muối nhưng tụi lính Mã Lai chưa cho em đi ra ngoài này. Mãi đến hôm nay nó mới cho phép...

Chị Diệp ríu rít hỏi thăm các chi tiết:

-Nếu mua được đồ ăn thì đỡ quá. Cái gì cũng thiếu thốn, chịu đựng hết muốn nổi. Mua được gạo là tốt nhất. Nhưng làm sao có tiền Mã Lai để gọi mua...

Nàng giải nghĩa:

-Làm sao có tiền Mã cho được. Tụi nó chỉ xài đô la với vàng. Tiện nhất là vàng. Nó sẽ qua Kuala Trengganu đổi ra tiền Mã, một chỉ tính ra được hai mươi lăm đồng, rồi mua đồ ăn. Mình tạm sống cho qua ngày để chờ được đưa qua đảo Bidong. Còn nếu có đô la, thì tính một đô ăn hai Mã...

Chị Kiều lẩm bẩm tính:

-Nếu vậy thì một lượng vàng chạy ra có một trăm hai mươi lăm đô. Sao ít quá vậy?

Tôi cũng loảng thoảng thấy giá đó quá thấp so với giá vàng hiện tại nhưng sợ người đẹp mịch lòng đổi ý, bèn xen vô:

-Thôi kệ nó, mắc rẽ gì. Mình không mua chịu nhện đói sao! Thôi, nếu được vậy nhờ cô mua dùm...

Nàng trả lời, giọng ngây thơ:

-Em cũng đâu có biết. Lúc đi còn đâu được một ít. Cứ đưa cho nó, nhờ mua dùm, được bao nhiêu hay bấy nhiêu. Nhưng theo em thấy nó cũng không gạt gẫm gì mình. Lính tráng mà, đâu biết mua bán gì. Thông thường thì có gạo, đường, sữa, đồ hộp... Các anh chị muốn mua gì, thì ghi vô giấy đưa cho em...

Chuyện thảo luận mua bán kể như đã xong. Người đẹp trở thành người môi giới liên lạc giữa TânKu và dân ty nạn. Ai còn đâu được chút ít vàng bạc, thì cứ đưa cho nàng để đổi lại một mớ thực phẩm để cầm hơi. Tôi chạy u về lều, bàn với Duyên mua các thức cần dùng, lấy một nhẫn vàng đưa cho nàng và chờ đợi.

Mặt trời đã nghiêng xuống bên kia sát mặt biển loáng vàng, nắng đã dịu hơn. Gió lào rào trên đọt dừa. Ba người Mã Lai còn trẻ lục tục khiêng những xâu dừa nặng trĩu trở ra ghe. Trên đầu mỗi đòn gánh, vắt vẹo con khỉ con, miệng ngậm ngòm ngoàm trái chuối, mắt láo liêng. Coi thiệt giống... khi hết sức!

Ngày hôm sau hàng đem về lúc chín giờ tối. Tôi cầm lấy gói đồ ăn, mừng hóm. Dưới ánh đèn dầu cặn tù mù hôi rình, tôi đếm được tất cả gồm có mười gói mì tôm hiệu Maggi, ba kí gạo, một kí đường và một cục xà bông loại giặt đồ nhỏ xíu. Gói đồ ít quá, đếm đi đếm lại, cũng chỉ có bấy nhiêu. Tuy nhiên, tôi cũng mừng lắm. Dầu sao, có cũng còn hơn không. Tôi lấy hai gói mì đem qua cho Sơn, để đền ơn lon gạo hôm trước. Sơn thấy tôi đã đổi được hàng, bèn hỏi thăm cách thức. Sơn cũng còn đâu được chiếc nhẫn vàng hai chỉ -như vậy là yên chí lớn, em sẽ còn cầm cự dài dài...

Tôi ra gốc dừa, bắt cái gàu mên lên bếp để nấu mì ăn liền. Ánh lửa bùng lên soi sáng một góc lều. Rải rác đâu đây các bếp cũng lục tục sáng lên ánh lửa trong đêm. Bên lều anh Tư Trần Hưng Đạo, lều anh chị Thuần, cũng có tiếng nói chuyện rì rầm. Nước đã sôi ùng ục, tôi xé bao bỏ mì vô khuấy nhẹ nhẹ. Những cọng mì cứng còng gặp nước sôi mềm ra từ từ. Nước miếng tôi ứa ra. Mì đã chín, hai vợ chồng ngồi bên bếp lửa le lói, ăn chén mì nắm ngon nhứt trên đời. Tôi nhai thiệt kỹ từng cọng mì nhỏ ngọt ngào. Mũi nghe được hương vị thơm ngát. Thiệt tình, mì Mã Lai sao ngon quá là ngon. Tôi tin rằng trên cả thế giới này, không có thứ mì nào ngon hơn gói mì Maggi của tôi, buổi tối đó. Tôi ăn thiệt chậm, thiệt lâu vì chén mì ít quá, phải ăn kiểu hà tiện, ăn lẹ sợ mau hết. Nhưng rồi cũng hết. Đáy chén sạch trơn không còn một cọng nhỏ, không còn một giọt nước. Bụng vẫn còn thèm thường, nhưng đành rán nhịn, biết đâu những ngày ở đảo lạ kéo dài, còn chút vàng nào nữa để đổi đâu!

Nhờ có vụ đổi vàng mà cả trại không chết đói. Đã mười mấy ngày rồi, dầu có đem theo thực phẩm thiệt nhiều cũng không làm sao mà còn được. Lần lần ai có vàng, đô la, đồng hồ, cũng phải đem ra để đổi lấy thức ăn. Người đẹp đảo Dừa làm ăn độc quyền chỉ được vài ngày rồi sau đó bị giành dân lấn đất. Bọn lính Mã đánh hơi, thấy được mối lợi, bèn chen vô, thằng nào cũng kiếm người để đổi. Tha hồ mua bán. Dân ty nạn có thể đổi gạo, mì ăn liền, cá thịt hộp, kẹo bánh, nồi nấu cơm. Ban đầu đổi bằng vàng, bằng đô la rồi tới đồng hồ. Tụi này cũng khôn ngoan dằng trời. Khi đưa vàng đổi, nó mài thử, cán thử để coi thiệt giả, còn đồng hồ thì phải các hiệu Thụy Sĩ hoặc Seiko nổi tiếng, các loại đồng hồ cũ hoặc không tự động, không thèm. Thằng Johny to con, đen như cột nhà cháy, cựu võ sĩ quyền Anh, chắc thuộc hạng lông hay hạng gà gì đó, răng cửa bị đánh gãy hết trơn hết

trội, chuyên môn chạy hàng. Nó đi từng lều, gọi chuyện đổi chác, hạ giá để cạnh tranh. Bà Chiêu Tim, để giữ mối hàng, cũng phải chạy đua bằng cách đổi cho hàng hóa nhiều hơn. Ông già Adidas cũng bắt đầu mở rộng công cuộc làm ăn nhưng chỉ hoạt động lén lút vào ban đêm vì sợ bọn lính bắt gặp. Mỗi đêm từ chín, mười giờ tối, ông ta mới lén vào lều của chị Kiều, chị Huệ giao hàng, các thân chủ chạy lại, rì rầm bàn tán tới khuya. Khách hàng tấp nập, đa số là người Tàu vì họ có tiền. Ngày nào cũng có những vụ đổi chác; lần lần người ta đổi tới thuốc men, nồi niêu và các thứ hàng xa xỉ như vài trái bom chua cho bà bầu, kẹo bánh, sô cô la cho con nít...

Do ba cái vụ đổi chác này mà tôi gặp lại anh bạn Tô Tỷ vào một buổi chiều. Trời đã xế bóng, từ khu lều ở tận cuối bãi anh ta lò dò lên tận trên này để đổi hàng. Mới có gần mười ngày không gặp mà anh bạn này thay đổi ngó thấy. Người ốm chau vau, mặt mày bí xị. Anh ta cầm gói hàng vừa đổi được định trở về khu cây bàng thì gặp tôi vẩn vơ ngoài bờ cát. Chưa kịp chào hỏi thì anh ta phân trần:

-Ông thầy coi nè, một chỉ vàng mà đổi được có mấy trái bom chua...

Nói xong anh ta đưa cái gói trước mặt tôi rồi mở rộng miệng túi ra. Tôi liếc nhanh, thấy được có bốn trái bom màu xanh dợt. Nhìn lại kỹ càng, thiệt tình cũng chỉ có bấy nhiêu. Tôi nắm miệng túi lại, trả cho anh rồi cười mà hỏi:

-Người ta đổi vàng để lấy gạo ăn, còn anh thì đổi lấy bom để ăn chơi. Thôi than mắc than rẻ gì. Có dư tiền nhiều thì cũng nên xài sang một chút, cho nó sướng cuộc đời!

Anh ta cười gượng, chửi thề:

-Dư dả cái mẹ gì, có vài chỉ cũng phải để dành mua gạo ăn chớ. Mua làm chi ba cái thứ quý này!

Tôi cười ngất:

-À, nói nghe cũng được. Vậy tại sao mua cho đã rồi lại cần nhằn?

Cái mặt anh quạu đeo:

-Mẹ nó, tại con vợ ngộ, nó đòi ăn ổi, ăn cóc, mấy cái thứ trái cây chua. Nó có chữa mấy tháng rồi. Ngộ không chịu, cãi lộn với nó. Nó khóc lóc, gây lộn hoài hà, ngộ bực mình chịu không nổi, ngộ đi đổi với thằng già Adidas. Một chỉ vàng mà nó đổi có bốn trái bom.. cũng phải lấy chớ làm sao bây giờ. Vàng mình đưa cho nó trước rồi!

Tôi làm tài khôn:

-Tại sao nị không kêu nó lấy mận hay ổi cho được nhiều nhiều, chớ bom xừ này đâu có trồng được, phải nhập cảng bên Tây, mắc lắm!

-Ngộ không biết rành tiếng Ăng Lê, ra dẫu đủ thứ. Nó gặt đầu lia lịa, tưởng đâu nó hiểu. Nhè đâu mua ba cái thứ mắc dịch này.

-Thôi kệ nó, lỡ rồi nhớ lần sau đừng thêm đổi với thằng cha già đó nữa, nó điếm lắm. Nội cái mặt nó, thấy cũng đáng ghét rồi. Nị tìm cái cô đẹp đẹp dễ thương mà đổi. Cỗ tử tế lắm. Nị muốn mua cái gì cứ viết chữ Việt vô giấy đưa cho cỗ là mua đúng liền hà, mà lại rẻ nữa, khỏi phải bực mình. Cái cô đem nước cho cả ghe mình uống, hôm mới tấp vô đảo đó.

Tô Tỷ vừa nghe tôi giới thiệu người đẹp đảo Dừa, anh ta trở mắt nhìn tôi, mặt nhăn lại tối sầm, giọng gay gắt:

-Ai nói với ông thầy giáo cô đó tử tế? Nó cặp bồ với thằng trung sĩ Mã Lai mà, tốt cái gì?

Trời, anh bạn Tàu này chắc bị vợ chửi hoài, trời lại nóng quá, nên nổi khùng nói bậy nói bạ, người đẹp đảo Dừa của tôi đâu có xấu xa như vậy. Cô ta quen với Tăn Ku, chỉ nhờ

mua hàng dùm thôi mà, có thể kiếm lời chút đỉnh, việc đó cũng đâu có quan trọng gì, tại sao lại nghi oan cho người ta. Tôi đâm đồ cọc, chặn ngang anh ta lại:

-Ê, Tô Ty không được ăn nói bậy bạ nghe, người ta là người tử tế, có chồng có con đang hoàng, cô đó mà nghe được, thì nị không còn cái răng để ăn cơm đó!

Nghe tôi nói, anh ta không tốp bót, mà còn nói thêm:

-Ông thầy giáo ơi, cà đảo này ai cũng biết hết, có ông thầy giáo là không biết thôi. Hay là tại cô đẹp quá rồi, ông thầy giáo không thấy gì hết!

Tôi nghiêm giọng:

-Cái gì đẹp với không đẹp, bằng chứng đâu mà anh nói người ta bậy bạ. Điều gì chưa biết chắc chắn thì đừng nói. Nếu lỡ tới tai chồng con cô ta thì nị ăn nói làm sao?

Anh ta bật cười ha hả, ở dưới hàm cộng lông mọc trên mục ruồi đen rung rinh:

-Ông thầy muốn có bằng chứng hả. Cái bằng chứng chính ỉnh trước mặt đó. Cái vòng cẩm thạch của má thằng A Phát, tại sao bây giờ cổ có mà đeo?

Tô Ty vừa nói dứt câu, tôi chợt tỉnh hẳn sững sờ, đứng trơ ra. Quả nhiên anh ta nói đúng. Mới hồi sáng này, tôi có gặp nàng đi ngang bãi cát trước lều. Nàng mặc chiếc áo lụa ngắn, màu hột gà để lộ cánh tay trắng hồng, trên đó nổi bật một chiếc vòng cẩm thạch màu xanh biêng biếc. Chiếc vòng xinh xắn, vừa vặn ôm lấy cườm tay no tròn, đang đưa theo nhịp bước đi. Chiếc vòng đẹp hòa hợp với cánh tay xinh, một sự phối hợp tuyệt vời của nhan sắc. Cái vòng ngọc làm đẹp cho cánh tay, hay cánh tay làm đẹp cho cái vòng? Nghĩ cũng tội nghiệp cho cái vòng tuyệt mỹ nếu cứ để cho một bà Tàu già, da dẻ nhăn nhúm như trái táo khô, đeo năm này qua tháng kia. Thiệt tình, tôi không biết là nàng có được chiếc vòng từ bao giờ. Tôi chống chế:

-Chắc má A Phát hết vàng rồi, lấy cái vòng đó để đổi đồ ăn hay mua vật dụng, quần áo gì đó?

-Má A Phát mà hết vàng há? Ông thầy có nằm chiêm bao không, thằng A Phát giàu nổi tiếng ở Chợ Lớn, nó đi Hồng Kông, Xanh Ga Po như đi chợ, nhà nó mà nghèo há, ghe mình lại không bị cướp, làm sao mà hết tiền cho được...

Tôi đứng xuôi lơ, còn gì để nói nữa. Nó tiếp những lời cay đắng:

-Ngộ nói cho mà biết nè, mấy bữa hôm trước, thằng Tăn Ku đi một mình lại lều má A Phát buổi trưa. Ngó tới ngó lui không có ai chỉ có bà già một mình, tụi con đi tắm hết, nó chỉ chiếc vòng má A Phát đang đeo hỏi có bán không, nó ra đầu mua một trăm đồng Mã Lai. Ông thầy cũng biết tụi Mã Lai, khi ghe tấp vô bãi, lục soát kiếm vàng, đồ la với hột xoàn, chớ vòng cẩm thạch không thèm lấy. Người ở xứ này không quý cẩm thạch như bên Tàu với bên mình. Má A Phát lắc đầu không chịu. Chịu làm sao được. Cái vòng cẩm thạch chột to, màu bông lý, giá ở Sài Gòn lúc trước phải mấy trăm ngàn đồng... Nó thấy bà già không chịu, bóp mạnh tay bà, thiếu điều muốn trẹo, vượt lấy chiếc vòng rồi bỏ đi. Bà già sợ quá, không dám kêu la một tiếng. Buổi chiều, cái con quý cái đẹp đẹp mà ông thầy nói đó, đeo cái vòng lủng lẳng ở tay, đem lại lều má A Phát năm gói mì con tôm, nói là của Tăn Ku đưa... để trả tiền chiếc vòng. Năm gói mì giá một chiếc vòng cẩm thạch, ông thầy thấy được không?

Vừa nói, anh ta vừa ngó tôi nghinh nghinh:

-Sao ông thầy nghĩ sao, ngộ nói có cái gì bậy không nè. Bộ thằng Tăn Ku ở không, rồi bày đặt chuyện đi giựt của người này để cho người kia à. Mà lại giựt đồ của người ta đương đeo giữa ban ngày. Con kia phải cho nó cái gì chớ, nó mới kiếm cái vòng để cho

lại. Như vậy là huê, hai bên đều có lợi. Chỉ có má A Phát với chồng của cô là lỗ thôi. Nhưng nghĩ cho kỹ, chồng của cô lỗ nặng hơn...ha..ha!

Tiếng cười của Tô Tỷ ngân vang bên tai. Tôi không muốn nghe nữa, lỗ tai đây cứng, đầu óc lùnh bùng, tôi đứng trơ ra như khúc cây, không biết hiện mình đang ở đâu. Trước mắt hình ảnh chiếc vòng cẩm thạch xanh biêng biếc chập chờn, rồi hình ảnh nàng dịu dàng trên con đường mòn, tay xách từng thùng nước để cho cả ghe đỡ con khát. Hai hình ảnh đó loanh quanh, lẫn lộn trong đầu. Nàng đáng thương hay đáng ghét? Nàng đáng ghét hay đáng thương? Tôi đâu phải là ông toà mà phê phán việc đúng sai, phải quấy. Chỉ đáng thương cho nàng trong một phút ham muốn yếu lòng... Buổi chiều có gió lớn, sóng ngoài khơi chạy thẳng vào bờ đá ồ ạt, quay cuồng giập dữ, đập âm âm, tung bọt trắng xoá. Lòng tôi cũng như sóng, vỡ tan từng mảng, từng mảng...

*Gió đưa bụi chuối sau hè  
Bụi môn trước cửa, ai dè em hư!*

#### **Chương 14:**

## ***NHỮNG CHIẾC GHE LẠ***

Từ khu dựng lều của người Việt nhìn về cuối đảo là một vách đá xám đen sừng sững chắn bít chon trời, nhô hẳn ra biển xanh. Những khối đá đồ sộ to cao hàng mười, mười lăm thước nằm ngang nằm dọc gồng mình ra đón những đợt sóng hung bạo từ ngoài khơi xa xăm đập thẳng vào nghe âm âm, âm âm suốt ngày đêm. Những con hào già cỗi rong rêu xanh xám bám đầy dưới chun đá từng lớp lớp. Đá xanh đen thi gan cùng biển cả năm lý ra đó cả triệu triệu năm. Bên kia vách đá là làng đánh cá của ngư phủ Mã Lai. Mỗi sáng từng đoàn ghe thức dậy một lượt với mặt trời, nổ máy dòn dã xinh xịch ra khơi.

Ghe đánh cá Mã tương đối nhỏ nhưng hai bên hông to bè ra, khác với ghe Việt thon mà dài. Mối ngó là phân biệt được liền. Ghe mình giống một cô gái ốm cao và chưa chồng. Ghe Mã là một bà bầu lùn thấp được trang điểm sặc sỡ từ đầu đến chun. Chiếc nào cũng còn mới được sơn phết đủ thứ màu, hầu như không thấy dấu vết đen đúa cũ kỹ hư mục. Những tảng màu xanh đỏ vàng trắng được sơn xen kẽ nhau lẫn nhỏ lẫn to vòng quanh thân ghe, tạo được cái vẻ xinh tươi đẹp đẽ. Những ngư dân đánh cá ở mặt trước đảo, họ dùng lưới nhỏ và ít người bận phụ việc vì có lẽ nơi đây còn quá gần bờ. Những ghe lớn có dàn lưới to hơn chắc ở tận ngoài khơi. Ngoài mấy ghe đánh cá còn có những chiếc chuyên chở hàng óa, những loại trái cây thổ sản giống y bên mình. Những ghe chở dừa, chuối, thơm, mía... được chất khảm đầy khoang, ghe lướt êm dè sóng mà đi từng đoàn bốn năm chiếc.

Buổi chiều mặt trời mỗi một vừa nghiêng xuống gần mặt nước thì những đoàn ghe đánh cá xinh xịch trở về đi ngủ. Trên ghe thấp thoáng người dân Mã quần khăn trên đầu mặc xà rông thông dong ngăm trời mây. Đời sống họ trông có vẻ an nhàn sung túc. Nhìn vẻ thoải mái của họ mà tôi sượng lây. Cả ngày không việc gì làm tôi bỗng con nhỏ sáng sáng chiều chiều đón ghe đánh cá đi, về để cho qua thì giờ khắc khoải chờ đợi. Mãi cho



đến một buổi chiều khoảng bốn, năm giờ, ánh nắng còn chói gay gắt trên mặt biển, từ thiệt xa có một chiếc thuyền Mã chạy thẳng ngay vô đảo. Tôi mắt kém nên không để ý làm chi. Mỗi ngày có hàng hai ba chục chiếc đi ngang qua đảo là thường. Ngoài ra có chiếc của tụi lính liên lạc với đất liền hàng ngày, đó là không kể những chiếc tàu sắt đồ sộ thường ghé đậu cập cầu tàu. Chiếc thuyền nhỏ như cái tô lằn lằn lớn như con bò mộng... rồi bằng cái xe hơi. Tôi cũng thấy gì khác hết. Anh Tư Trần Hưng Đạo nhìn thấy là lạ rồi đi sấn ra bờ cát. Bỗng dung anh la lớn:

-- Thuyền tiếp tế, bà con ơi!

Tiếng la chói lói, tôi giật mình rần nhìn kỹ thấy ghe sơn trắng toàn thân, có cắm cờ lưỡi liềm đỏ. Tôi không biết cờ này có ý nghĩa gì. Tại sao lại hình trăng lưỡi liềm đỏ? Trong bụng phân vân, hồi hộp. Lạy trời cho đúng là thuyền tiếp tế đến từ đất liền như Tư Máy Cây hy vọng. Thực phẩm đổi được ăn tới chiều nay là vừa hết. Nếu không được tiếp tế thì làm sao bây giờ. Vàng hết rồi, đồng hồ cũng hết rồi, đô la thì không có... Cờ hình trăng lưỡi liềm màu đỏ? Trăng lưỡi liềm là biểu hiệu của Hồi giáo, vậy ghe này chắc của các hội từ thiện Hồi giáo Mã Lai. Thôi kệ cũng có chút hy vọng, miễn là được tiếp tế chút ít cầm hơi... Sơn đứng kế bên đập mạnh vào vai tôi kêu to:

-- Trên thuyền có anh Chiêu...

Tôi rần hết sức nhìn thấy có hai ba người đứng trên khoang chỉ chỏ.

Sơn tiếp tục nói lớn:

-- Kia kia anh Chiêu đứng kế bên thằng Hiếu. Có thằng cha Mã Lai mập đứng kế bên.

Tôi mừng quá, nước mắt ứa ra, miệng hỏi lia lịa:

-- Coi cho kỹ phải thằng Chiêu thiệt không, coi chừng lầm với ai...

Chiếc ghe tiến lại gần, gần hơn nữa, lá cờ phàn phật. Trong khoang chun ra thêm một người mặc áo trắng.

-- Anh Chiêu rõ ràng, phải rồi anh Chiêu với thằng Hiếu...

Lúc đó cả trại túa ra đen nghệt trên bờ cát. Người người nôn nao hồi hộp. Tôi mừng muốn ngộp thở. Chiêu đã được bình yên trở về. Trời ơi, còn nổi sung sướng nào hơn nữa. Từ đây lòng tôi không còn dằn vặt áy náy. Lúc đi có anh em đầy đủ, nào ngờ giữa đường gặp phải cảnh bất trắc phải bỏ lại Chiêu trên bờ đất lạ bơ vơ. Bên tai tôi người ta bàn tán xôn xao âm ỹ. Bọn lính trong đồn đã ra tới. Thuyền ghé sát vào bờ. Bây giờ tôi mới thấy rõ Chiêu mặc áo ngắn quần cụt đứng với vài người Mã dân sự. Hiếu ngồi một bên. Thuyền chờ thực phẩm tiếp tế chất khẳm cả khoang. Nước lấp xấp ngang be. Thuyền rần lên bờ cát ngừng hẳn. Chiêu nhảy tòm xuống nước bước bị bồm đi lên. Xám Mã Chải nghe tin em về, mừng quá nhờ người công ra gặp Hiếu. Hiếu vì bị đánh ở chun còn đau nên không đi bình thường được. Hai anh em ôm nhau, đứng một chun, một chun cò cò, mừng mừng tủi tủi. Cái số gì mà kỳ cục, hai anh em vượt biên đều bị cà nhắc. Chiêu vừa tới bờ thì anh em chúng tôi vây quanh nó tíu tíu. Mừng quá Chiêu nói muốn hụt hơi. Tôi nhìn thấy mắt nó hấp háy mới nhớ ra Chiêu bị cận thị nặng, quay qua kêu mấy đứa em:

-- Đứa nào chạy về lều lấy cho nó cặp kiếng.

Vừa dứt lời thì Tiến, vì đã đem theo sẵn, tròng cặp kiếng vào mắt Chiêu. Được đeo kiếng cặp mắt nó sáng hẳn ra.

-- Chiêu nè, cái ghe này của hội nào vậy? Tại sao treo cờ lưỡi liềm đỏ?

-- Hồng Thập Tự Mã Lai đó. Nó tiếp tế cho mình. Ở bên Marang người ta biết bên này bị đói thành ra chờ ra đây nhiều lắm. Có sáu bao gạo một trăm kí, hai bao đường, mấy chục thùng sữa, cá hộp, trà, muối...

Tôi nắm lấy tay nó:

-- Em bị đánh có sao không?

Nó rờ lên đầu, gỡ tóc:

-- Em bị nhẹ, tụi nó đánh ở đầu với ở lưng em chạy tuốt ra biển. Còn thằng Hiếu bị nặng hơn, nó bị rách da đầu và gãy ngón chum út, phải vô nhà thương để vá lại. Bây giờ nó đi cũng chưa được. Ở Marang em được đưa vào trại tỵ nạn gặp anh Phùng Quang Tuấn làm trưởng trại. Anh có hỏi thăm anh. Em gặp vợ chồng anh Khải, anh có viết thư cho anh...

Từng câu nói của Chiêu làm cho tôi sung sướng bỗng bật. Tuấn dạy chung với tôi ở Trịnh Hoài Đức, Khải-Hoàng thì cùng quê. Trước ngày vượt biên Khải bị xe bộ đội đụng gãy chum phải bó bột, tôi chở Khải bằng Honda để xuống Chợ Lớn đăng ký lên ghe. Tất cả được bình yên hết. Cũng nhờ trời thương. Nơi đất lạ mà gặp lại nhau thì mừng biết bao nhiêu. Nhưng mừng nhứt là gặp lại Chiêu với Hiếu còn lành lặn. Chiêu trở về đảo với một thùng hành lý xin được ở Marang. Nó lục trong thùng đây quần áo xin được, trong đó có mấy gói tép phơi khô, đưa cho tôi một gói:

-- Hồi ở bên, em rảnh đi xúc tép ngoài bờ biển, tép con nhiều lắm, phơi khô để dành. Em biết bên đảo không có gì ăn hết. Tụi lính Mã nó bỏ đói mình để mình phải lòi vàng ra cho nó, khi mình hết trơn rồi nó mới tiếp tế cho ăn...

Nghe Chiêu nói, tôi mới sáng mắt ra. Thiệt ngu quá, có như vậy mà cũng không biết cứ nghĩ tụi lính tử tế chịu cực chịu khổ đi về đất liền mua thực phẩm cho mình.

-- Anh biết không trại Marang là trại của những người đã được tuyển lựa để đi đệ tam quốc gia nên được nuôi tử tế. Mỗi bữa được phát cơm trắng với hột gà, canh cải luộc, gan ướp càry... Mà tụi Mã Lai nấu ăn bằng dầu dừa hôi hôi, ăn ngán lắm nên người ta đổ bỏ đầy ắp thùng rác...

-- Trời, hột gà luộc với gan càry mà chê hả? Bên này tụi anh không có cơm trắng mà ăn! Chỉ cách nhau có một khoảng biển mà bên no bên đói. Để khi nào anh được qua đó, anh ăn hột gà với gan càry cho em coi. Nghe nói không cũng thấy ngon rồi!

Hai anh cùng cười. Nổi vui mừng khiến tôi no ứ. Bây giờ ở bờ cát người ta bu quanh chiếc ghe như ngày hội lớn. Mấy người Mã Lai dân sự làm thủ tục bàn giao thực phẩm với Tấn Ku. Tụi lính chọn người khỏe mạnh xuống thuyền chuyển đồ tiếp tế lên đồn. Ai cũng háo hức nhìn đồng thực phẩm đầy nhóc trên ghe tuy trong bụng đói meo. Cả đảo đã nhịn đói cả tuần, bữa có bữa không. Sáu thanh niên trai tráng chia nhau khiêng một bao gạo một trăm kí. Người nào người nấy đi xững vững, bao gạo tuột lên tuột xuống coi bộ không kham. Chiêu vì lúc trước nhà có bán gạo nên biết cách khiêng. Nó giành khiêng một mình một bao. Bao gạo đè nặng lên vai coi bộ nó cũng đuối sức. Phì Lũ thấy vậy bước tới giành lấy bao nghiêng vai đỡ lấy rồi đi thẳng về đồn. Anh bước đi chắc chắn vững vàng. Một trăm kí lô trên vai mà đi như không, mạnh thiệt tình.

Phì Lũ người Tàu độ chừng ba mươi bảy, ba mươi tám. Lúc còn ở Bạc Liêu thấy anh đi chiếc Toyota Corolla có tài xế bộ đội lái, người bệ vệ to lớn, đẹp trai, mới nhìn qua cứ tưởng ông lớn nào. Nào ngờ trời xui đất khiến lúc đi khiêng gạo lại gặp nhau. Căn lều của anh cất y như villa nghỉ mát ở Vũng Tàu, sàn lót bằng ván, vách dưng bốn phía, cũng có

hành lang thụt ra thụt vô, công chánh công phụ, trang trí đẹp lắm. Nếu đem đầu xảo thì lều Phi Lũ được chấm hạng như ty nạn đảo Dừa liền tức thì. Suốt ngày anh ta cặm cùi cưa cắt đục đẽo, tánh tình hiền lành vui vẻ dễ thương. Tụi thằng Cường với thằng Dân thùy thủ xì xầm rằng vàng với đô la của Phi Lũ cả bó. Điều đó không biết có đúng không?

Sau đợt khiêng gao, mọi người chia nhau khiêng cá hộp, sữa hộp, đường trà... Ai nấy đều vui mừng hiện lên nét mặt. Như vậy là không sợ bị đói nữa rồi, người ở đất liền đã biết tới đám người ty nạn ở đảo. Có cảnh sát biết, có Hồng Thập Tự biết. Buổi tối đó cả trại vui như Tết. Chiêu trở về ở chung với mấy đứa em tôi. Tôi qua lều tụi nó, dưới ánh đèn tù mù, nói chuyện tới khuya. Nhờ anh em đông nên lều được cất khá lớn và rộng rãi. Câu chuyện nổ dòn như bắp rang. Bây giờ Chiêu như một cái gạch nối, liên lạc tin tức giữa đảo với đất liền. Trên nửa tháng trời trên đất Mã Lai mà chúng tôi có biết gì đâu ngoài chuyện Tấn Ku với bà Chiêu Tím, chuyện mấy thằng khi đợt Zăm Bri, thằng võ sĩ rưng rưng Johnny, thằng già dê "ti đu," thằng già Adidas... rồi hết. Nếu có ai hỏi tôi rằng Mã Lai cảnh vật ra sao, tôi không ngần ngại mà nói rằng ở đó dừa nhiều lắm, chỗ nào cũng có dừa mọc. Đất nước Mã Lai trong tôi lúc bấy giờ là đảo Dừa! Tôi biết chỉ có bao nhiêu đó mà thôi. Theo Chiêu thì ngoài trại Marang để dành riêng cho những người đi định cư còn có trại Bidong, Kota Bharu, Kuantan, Mersing, Pésa, Mérang, Kuching... trại nào cũng chứa người ty nạn đông lắm. Lần lượt nó nói tới các thủ tục để đi định cư ở đệ tam quốc gia... Tôi ngồi nghe mê mẩn trong đầu tưởng tượng ra đủ thứ chuyện kỳ thú, chuyện nào cũng hấp dẫn say mê. Trong lều cây đèn dầu cạn làm bằng hộp lon lượm được, tỏa ánh sáng tù mù, mùi khói hơi rình. Mặt mày đứa nào đứa nấy nhá nhem không rõ. Nhưng tôi thấy hết được niềm vui của tụi nó trong câu nói, trong tiếng cười, trong hơi thở. Tôi biết rất rõ vì tình cảm của tôi đối với Chiêu ra sao thì các em tôi cũng y như vậy. Chiêu dễ thương quá, nó tốt đối với mọi người.

Trong khi anh em tôi hàn huyên tâm sự thì vắng vắng từ xa vang tiếng chửi lộn ồn ào. Tôi rần lắng nghe. Ban đêm gió lồng lộng, tiếng chửi chọt thoát chọt hiện. Lần này rõ ràng tiếng người Tàu chửi nhau bằng tiếng Việt. Giọng nói líu do. Tôi bước ra khỏi lều thấy một đám người lồ nhô ngoài bãi cát. Chiêu bước ra theo tôi:

-- Chắc là vụ thằng Hiếu với Hủ Tiểu rồi. Hồi còn ở Marang nó có nói với em khi về thế nào nó cũng kiếm Hủ Tiểu để thanh toán.

Tôi chọt nghĩ ra:

-- Ủ ừ đúng rồi hôm trước thằng Xám Mã Chải cũng có chửi Hủ Tiểu một lần về vụ bỏ thằng Hiếu với em ở lại Marang...

Trên bãi cát một bóng người cao lêu khêu đi hướng về lều anh em tôi đang đứng, chùng lại gần mới biết là Dân "gi đó." Nó ôm lấy Chiêu mừng rỡ:

-- Hồi chiều gặp anh mà chưa nói chuyện nhiều gì đó. Tính lại chơi hồi nãy mà bị cái vụ gây lộn của Xám Mã Chải với Hủ Tiểu phải ở lại coi gì đó.

Tôi xen vô:

-- Sao Dân thấy cái gì vậy nói cho tụi anh nghe coi...

Nó quơ tay cười hở miệng thấy cái răng vàng sáng lên trong bóng đêm:

-- Anh em thằng Xám Mã Chải nhảy cò cò đòi đánh Hủ Tiểu. Đám Hủ Tiểu đông quá có A Son, A Tài, Nhựt Bồn dàn ra nên tụi nó không làm gì đó được. Cuối cùng rồi hai thằng phải vịn vô nhau đứng bên ngoài lều chửi vọng vô gì đó cho vợ con Hủ Tiểu nghe. Nó

chửi đủ thứ chuyện... Nhưng bây giờ thì hết chửi rồi.

-- Bộ Hủ Tiếu xin lỗi nó hả?

-- Đâu có Hủ Tiếu cũng chửi lại chớ đâu có xin lỗi gì đó.

-- Nhưng tại sao lại không chửi nữa?

Nó lại cười nhả chiếc răng vàng:

-- Chửi làm sao được nữa gì đó. Thằng "ti đu" xách đèn pin đi xuống kê "ti đu, ti đu" gì đó um sùm. Ai nấy riu riu đi vô lều ngủ hết gì đó. Thằng Hiếu với thằng Xám Mã Chải cũng nhắc cò cò gì đó đi về. Có muốn chửi nữa cũng không được!

Nói xong nó nắm tay Chiêu hỏi:

-- Anh Chiêu cũng bị bỏ trên bờ y như Hiếu gì đó nhưng anh có ghét Hủ Tiếu không?

Chiêu suy nghĩ một hồi khá lâu, trả lời:

-- Không. Theo anh thì không buồn gì Hủ Tiếu hết. Ở địa vị của ông ta thì phải làm sao bây giờ. Đồ bộ xuống thì không được, ghe đồng người quá mà tụi Mã Lai làm dữ không cho, ở lại hoài thì neo đã đứt sóng đánh hoài tàu lắc lư chịu làm sao nổi, chỉ có cách là bỏ ra đảo như vậy rồi thùng thả tính... Trước sau gì mình cũng gặp nhau mà.

-- Ừ em cũng nghĩ như vậy. Không phải em bình Hủ Tiếu gì đó, nhưng em thấy anh em Xám Mã Chải nóng quá... À à hồi nãy khi tụi nó chửi lộn gì đó em thấy có một chuyện gì đó ngộ hết sức...

Nói xong nó đứng nhả hàm răng cười. Cái thằng thiệt tình, khi nào có chuyện gì éo le, ly kỳ thì nó tỉnh rụi.

Tôi nghe nó nói xong, chờ hoài sốt ruột hỏi:

-- Mày thấy chuyện gì mà ngộ hết sức. Nói đại cho rồi chuyên môn cù cưa cù nhả. Ba cái vụ gây lộn thì loay hoay cũng có bao nhiêu, chớ có cái gì mà ngộ?

Nó bỗng ngưng cười, hỏi tôi:

-- Anh biết cô em vợ Quách Linh Hoạt không?

Tôi ngạc nhiên:

-- Cái thằng này, đương nói chuyện gây lộn tự nhiên xen vô hỏi chuyện đàn bà con gái. Bộ Dân muốn anh làm mai cho cô đó hả. Ừa con nhỏ đó coi được lắm à ghen. Hồi còn ở Bạc Liêu anh thường lại chơi với Quách Linh Hoạt, con đó đẹp mà cũng dễ thương lắm.

Dân "gì đó" lại cười đập vào tay tôi:

-- Đâu phải em muốn gì đó. Tâm bậy nè. Hồi nãy khi anh em Xám Mã Chải chửi Hủ Tiếu thì cô đó đứng cạnh bên anh Hiếu. Anh Hiếu đứng có một chun có lần muốn ngã, ảnh vịn vô vai cô... mà cô đứng im ru!

Rồi nó kết luận ngon lành:

-- Chắc hai người quen nhau gì đó lâu rồi...

Tôi cười ha hả: -- Cái thằng này nghi bậy nghi bạ. Hồng cho Hiếu vịn vai, xô nó ra nó té làm sao. Cái gì mà thắc mắc lạ lùng. Thằng Hiếu còn trẻ đẹp trai, con nhỏ đó đẹp gái, hai đứa có đá lông nheo thì cũng hợp lý hợp tình. Thôi thằng Hiếu được trở về đảo cũng mừng cho tụi nó... Mà em đề ý mấy cái đó làm chi?

Tôi thấy thằng Dân "gì đó" có vẻ lụng khụng, bèn hỏi:

-- Mà anh hỏi thiệt nè, nếu quả thiệt con nhỏ đó thương thằng Hiếu, em có buồn gì đó không?

Nó trả lời xuôi lơ:

-- Thiệt mà, em đâu có thương ai. Thôi em về, mai em qua chơi gì đó với anh Chiêu... Cũng khuya lắm rồi... cả trại đã ngủ hết gì đó!

Nó về rồi tôi mới thấy mình lãng nhách. Chọc làm gì để nó nói chuyện nghe cho vui. Tôi nay rằm hay mười sáu, trăng lên co tròn như cái nĩa tỏa ánh sáng vàng nhàn nhạt. Trăng lốm đốm hình thăng Cuội già ngồi dựa gốc cây đa sù sì, trong bụng ôm một giấc mơ. Cuội mơ tìm người yêu đã bao năm qua? Chắc Cuội không đẹp trai hay Cuội vì nhút nhát quá không dám nói, cứ ngồi ôm gốc cây hoài?

Nó quay về bước chậm chậm tránh gay góc hầm hố, dáng lêu khêu lỏng không. Bãi cát loang loáng ánh trăng. Gió thổi mạnh từng cơn, lá dừa xào xạc trên đầu. Tôi phân vân trong bụng câu chuyện vừa rồi, không biết là Dân "gì đó" kể lại vụ Hiếu vịn vai em vợ Quách Linh Hoạt là do tình cờ chứng kiến nhắc lại cho vui hay là anh ta ghen tức?

-- Chiêu nè, em đoán coi Dân "gì đó" có gì đó với em vợ Quách Linh Hoạt không?

Chiêu cười trả lời:

-- Làm sao biết được chuyện trong bụng nó, cũng dám có lăm à ghen!

Rồi hai đứa xúm nhau cười ngất, chia tay nhau về ngủ trong niềm vui sướng đầy tràn. Cuộc đời tự nó vốn đẹp và dễ yêu hết sức, nếu mình biết cách lựa lọc những chi tiết ngộ nghĩnh chung quanh với một cõi lòng khoan dung vui vẻ và nhân ái. Cũng như biển cả bao la thu nhận tất cả nước đục và trong của muôn ngàn sông suối đổ về. Nước đục cùng rác rưởi cặn cẩu lắng dần xuống tận đáy đại dương sâu thẳm rồi mất hút, còn lại là khối nước trong xanh muôn đời reo vui.

Sáng sớm hôm sau, cả nhóm sắp hàng đi lãnh thực phẩm. Chị Thùy Dương, thay mặt đám ty nạn làm trưởng toán đã nằm dài trong lều lập danh sách hỏi tối hôm qua dưới ánh đèn cây khi tỏ khi mờ. Nhờ có Bi nên gia đình tôi được kể ba người. Mỗi người được lãnh bốn lon gạo, một lon đường, một hộp cá mòi nhỏ cùng trà và muối. Gia đình nào có trẻ em dưới hai tuổi được thêm mỗi em năm hộp sữa đặc có đường. Hộp sữa hiệu Blue Cross màu xanh cao gấp đôi hộp sữa Ông Thọ của mình. Sướng quá, vừa hết gạo thì được tiếp tế đúng lúc. Cả đảo bùng lên sinh khí, mặt mày ai cũng tươi rói cười nói rần rần. Người này chạy qua lều người kia để mời lửa nhúm bếp. Các bếp mấy hôm trước lạnh tanh, nay lửa đỏ reo vui bập bùng. Con nít tràn ra đầy bờ biển chạy giỡn nô đùa như những ngày mới tới. Gạo Mã Lai xay thật trắng, thật nở nhưng ăn không dẻo hơi khô bởi rời và lạt nhách. Tư Trần Hưng Đạo khám phá ra cách nấu cơm bằng nước biển mặn và truyền bí quyết lại cho. Mỗi khi nấu cơm tôi cầm cái gàu mên đựng gạo đi tuốt ra ngoài bờ nước, nơi có nước trong. Vo gạo xong rồi múc nước biển về nấu. Cơm chín ăn ngon hơn là nấu với nước giếng. Còn mì gói thì ngon hơn mì Chợ Lớn làm. Được phát nhiều nhứt là mì nầm. Tôi bắt đầu ăn cơm trở lại, chương trình nấu cháo dẹp qua một bên. Cá hộp ít quá, chỉ mới vài ngày là hết. Mấy ngày sau ăn cơm trộn mì. Mì trở thành đồ ăn để ăn với cơm. Buổi sáng lấy sữa khuấy với đường, vợ chồng cha con có được bữa điểm tâm sang hết sức.

Cái ăn đã có rồi phải lo tới cái ở. Theo Chiêu nói chắc còn phải ở đảo này lâu lắm. Việc cần thiết là phải che lều, không thể tiếp tục cảnh màn trời chiếu đất như vậy, rủi gặp một trận mưa lớn thì sao? Mấy người xung quanh ai nấy cũng đã tìm cây, tìm ván dựng lều từ lâu rồi. Tôi nhìn quanh nhìn quát trong đồng củi vụn ở gốc dừa có hai cây cột bự cỡ một tấc vuông dài độ một thước, được người ta lấy ra từ các ghe mục, không dùng được việc gì nên bỏ đó. Tôi ề ạch khiêng về, xin thêm vài cây tre của Út Trung còn dư, bao nhiêu đó cũng đủ vật liệu cất một cái lều nhỏ như hồi xưa che lều chơi trò đấm cưới. Chú rể là

tôi nè, Duyên làm cô dâu là xứng đôi vừa lứa, còn Bi thì làm gì đây? Thôi làm khách đi dự đám cưới, đứng vỗ tay cho vui... Cái lều dựng bằng hai cây cột bự đó, thấp chòm, gác mái lên lều anh Tư Trần Hưng Đạo. Mái lợp bằng lá cọ hình rẽ quạt giống như lá dừa nước. Gia tài chỉ có con dao nhỏ. Tôi cầm dao rử Chiêu và Dân "gì đó" thì theo để phụ ôm lá vác về, cả ba đi sâu vô rừng vì ở các vùng gần và dễ đi người ta đã cắt sạch tron rồi. Ở phía tận bên trong rừng xanh thẫm thẫm, cọ mọc từng bụi lớn san sát um tùm. Rẽ cỏ mà đi vì chưa có dấu chum người. Tôi lựa những cọ lớn lá xanh đây cắt một hơi cả ôm, nhiều quá ba đứa vác không muốn nổi. Về tới tôi lựa ra chất ngang chất dọc đầy trên nóc lều. Thế là xong cái mái. Rồi chạy ra mé biển lượm sợi dây đôi ghe đem về tách nhỏ ra cột chặt các tàu lá cho khỏi bay. Vào trong lều nhìn lên trời tuy thấy còn nhiều tia nắng nhỏ nhưng đã dễ chịu hơn lúc còn che tấm ny long mỏng manh. Các ngày sau tôi lại vô rừng cắt thêm lá sắp lên nóc cho dày thêm. Lều kín đao hoàn toàn. Bốn bề cũng bằng lá cọ che kín, mặt hướng ra biển có chừa một cái cửa nhỏ để ra vô. Trong lều giăng xong cái mùng là vừa hết chỗ. Dưới sàn trải cát phẳng phiu rồi lót tấm ny lông lên trên làm nền. Đi đứng nằm ngồi cát bám đầy. Chỉ có cái lều nhỏ cheo leo trên bờ biển sao mà hạnh phúc quá sức. Tôi còn mong gì hơn!

Không, tôi vẫn còn mong chớ. Mong ngày được dời qua đảo Bidong, nơi đó có trại ty nạn, có Cao Ủy Liên Hiệp Quốc, có phỏng vấn để được đi định cư... Mỗi sáng, mỗi chiều tôi bông con ngóng trông ra biển, chờ đợi. Bi sau khi kêu được vài tiếng ba ba, má má, đã bắt đầu bập bẹ. Những lúc trời mát mẻ, nó nghiêng mình ra phía trước chum đập chòi chòi vô hông đòi... đi chơi. Hai cha con thường thơ thẩn đi dọc theo bờ nước. Những chiếc ghe mục rã đầy sỏi cát rong rêu nằm rải rác đây đó. Bao nhiêu ghe đã tấp vô đảo Dừa hoang vắng, bao nhiêu người đã đặt chum lên bờ cát này, tôi không biết. Chỉ biết vào khoảng chín giờ sáng hôm đó trời đã chan hòa ánh nắng trên biển xanh, một chiếc ca nô cảnh sát sơn màu trắng chữ xanh chạy vun vút từ ngoài khơi vào đậu cặp cầu tàu. Nó kéo theo một ghe vượt biên nhỏ xíu. Đám đông bu quanh, tôi bông Bi chen vào. Mọi người nhìn chiếc ghe lom lom. Nó nhỏ quá. Chiếc ca nô cảnh sát đã nhỏ, nó đậu cặp sát bên, nhỏ hơn thấy mà sợ. Ở cầu tàu sóng nhỏ lách chách vậy mà nó trôi lên hụp xuống như sắp lật tới nơi. Nó chỉ lớn hơn chiếc xuồng tam bản chút xíu. Tôi nhìn kỹ trên ghe ai nấy đều tươi tỉnh, thậm chí tất cả được mùi một người, phần lớn là đàn bà con nít, chỉ có hai người đàn ông thay phiên nhau lái. Hỏi thăm được biết các người đó ở Tân Định, bà chủ ghed làm y tá ở bệnh viện đô thành. Bà người Huế, đáng người lanh lẹ tháo vát chỉ huy cáng đáng mọi việc. Bà sửa soạn chiếc ghe chu đáo và ra khơi. Khi ngang qua Côn Đảo gặp sóng gió tưởng đâu đã chìm may nhờ trời thương, thoát khỏi. Tối hôm qua ghe úi đại vào bến Marang cả đám kéo nhau vô ngủ trong một trường học. Bà nói tới cái địa danh Marang, tôi nhớ lại cái bãi tắm ghe tôi bị bắn đuổi ra, Chiêu Hiếu lội vô bờ bị đánh đập, bèn hỏi:

-- Khi vô Marang bà có bị tụi nó làm khó dễ gì không?

Bà cười, về tụi tìn:

-- Cũng không có gì khó khăn lắm. Tôi đã chuẩn bị sẵn vàng đưa cho nó một ít. Nó tìm chỗ cho chúng tôi tạm nghỉ qua đêm rồi sáng nay kéo qua đây. Xin không được thì phải mua...

Trời, chuyện dễ như trở bàn tay như vậy, một người đàn bà bình thường cũng nghĩ ra được, vậy mà cả ghe tôi trên ba trăm người không ai biết cách giải quyết hết, thiếu điều chết lên chết xuống. Hủ Tiểu ơi là Hủ Tiểu, bị anh em Xám Mã Chải chửi cho một trận

ngữ cũng đáng đời! Ngu quá là ngu...

Tu Trần Hưng Đạo kể tai tôi:

-- Ê bồ, bây giờ tôi cho bồ mười lượng vàng, bồ vượt biên từ Việt Nam trở qua với chiếc ghe này, dám không?

Tôi lắc đầu le lưỡi, trong bụng thầm phục bà y tá Huế và gia đình này can đảm hết sức.

Và trong cuộc vượt biên vĩ đại của toàn dân Việt Nam gồm cả miền Bắc, miền Nam, đường thủy, đường bộ biết bao nhiêu gương can đảm, anh hùng nữa mà tôi không biết?

Tôi quay qua hỏi lại:

-- Còn anh thì sao?

Anh Tu nheo mắt:

-- Thì cũng y như bồ vậy, tôi đâu có biết lộ.

Nói xong hai anh em cùng cười rồi quay về lều. Trời đã bắt đầu nóng gắt. Tôi để Bi xuống cho đỡ mỏi tay. Duyên bắt đầu vo gạo để nấu cơm trưa. Thăng nhỏ đi chập chững vài ba bước cuối cùng ôm cứng lấy tôi miệng bập bẹ:

-- Ghe vượt... biên... ghe vượt biên...

Trời đất ông địa ơi, thăng Bi nói được mấy cái tiếng này rồi. Tôi ngồi im để coi nó nói lại ra sao. Thăng nhỏ níu lấy cánh tay tôi kéo mạnh, chỉ ra biển đòi đi chơi:

-- Đi coi... ghe vượt biên, đi coi... ghe vượt biên!

Tôi phì cười, bỗng nó lên bước ra bãi cát, mới có chút xíu mà biết nói ghe vượt biên rồi.

Chắc nó nghe mấy đứa nhỏ nói chuyện âm ỹ nên bắt chước theo. Hai cha con bỗng bé nhau đi trở ra cầu tàu. Chiếc ca nô cảnh sát đã đi mất. Đám bà y tá người Huế đang lo dựng lều tạm nghỉ ngơi. Tôi nhìn ra biển thấy một chiếc ghe xám xám đi ngang. Đám ghe vượt biên nữa lắm. Tôi chú ý nhìn kỹ hơn. Một lá cờ trắng treo ở cột định hướng. Năng loang loang trên biển xanh. Đúng rồi, ghe Việt Nam mình. Đám con nít đang nô đùa trên sóng, chợt thấy ghe chạy ủa lên la hét âm ỹ:

-- Ghe vượt biên... bà con ơn ghe vượt biên!

Đám người trong lều lại túa ra lần nữa. Trên bãi cát ngoài những cây dừa cao vút là những trái tim nồng nhiệt đón chờ, tất cả đều náo nức kêu to:

-- Vô... vô...

Tụi lính trong đồn, giờ này chắc đang ăn cơm trưa nên chưa thấy bóng dáng anh nào, ai cũng sốt ruột lo sợ tụi nó ra cản trở gây khó khăn. Út Trung cầm cái khăn tắm phất lia phất lia. Chiếc ghe xả hết tốc lực đâm thẳng vô bờ. Khoảng cách càng lúc càng gần. Tôi thấy hai chữ Phú Quý vẽ ở mũi ghe. Vậy là ghe này xuất phát từ đảo Phú Quý ở Nha Trang. Bi vỗ tay, miệng bi bô:

-- Ghe vượt biên, vô... vô...

Thăng nhỏ coi bộ vui hết sức, không hiểu nó nghĩ gì trong cái đầu non nớt kia. Tôi nhìn chiếc ghe phăng phăng trên sóng, xúc động nhớ lại những ngày trước đây cha con tôi cũng ở vào cái hoàn cảnh này. Ghe đã vô gần tới bờ. Thăng Johny, thăng "ti đư" đã chạy ra hầm hừ. Nhưng không kịp nữa rồi, chiếc ghe đã rướn lên bãi cát và dính cứng ở đó. Trên ghe ló nhỏ toàn thanh niên, không thấy ông già bà cả cùng con nít. Cũng không đông lắm chỉ độ hai mươi người. Tiếng ồn ào của đám đông mừng rỡ. Người ta cười nói, vỗ tay, la hét. Tấn Ku cũng vừa ra tới với đám thủ hạ. Nó chặn đám đông lại không cho lại gần nhau. Bọn lính đưa nào đưa này đầy vẻ bức tức nóng giận. Số người mới đến được dẫn ngay lên bờ và bị biệt lập. Tất cả được dẫn về đồn sau khi đã bị lục soát lấy hết

vật dụng, hành lý. Không biết do đâu mà người ta biết được nó đi từ Phú Quý (Nha Trang) đến đây đúng mười một ngày. Chiếc ghe hầu như bị hư nặng. Dưới lườn bị nứt những khe nhỏ bằng ngón tay. Nước vô đầy khoang sắp chìm, cũng may tới nơi kịp lúc. Cũng thời hai ghe vô đảo cùng một buổi mà những người thuộc ghe Tân Định được dựng lều thông thả cũng như liên lạc tiếp xúc với đám chúng tôi thoải mái. Trong khi đó ghe Phú Quý bị đối xử khắc nghiệt hơn. Họ bị cô lập gần như giam lỏng ở trong đồn, không ai được tiếp xúc. Mấy thằng Mã Lai này kỳ cục thiệt, không ai biết nó tính chuyện gì. Vài ngày sau vào buổi sáng sớm, có tin cho đi Bidong, cả đảo ùn ùn mừng rỡ. Nhưng đi qua Bidong bằng cái gì bây giờ, không ai biết hết. Tấn Ku từ trên đồn đi xuống, lo le cây gậy trong tay, sẵn vô từng lều ra lệnh cho thanh niên trai tráng phải ra mé biển sửa soạn ghe tàu để chuẩn bị chuyến đi. Tôi giao Bi lại Duyên tâm trạng nửa mừng nửa lo. Mừng là sẽ được rời Kapas nhưng lo là đi qua Bidong bằng gì bây giờ. Trên bến không có một chiếc ghe nhỏ ghe lớn nào để chở số người quá đông đảo hiện có. Tôi ngó quanh ngó quất chỉ thấy những xác ghe hư mục sét rỉ cùng chiếc Phú Quý sắp chìm. Còn chiếc tam bản của bà y tá Tân Định thì cũng đầy vẻ tang thương, con mắt ghe sơn ở mũi chỉ còn phân nửa, một nửa đã bị tróc mất. Hết rồi, còn chiếc nào nữa đâu, ngó tốt ra khơi chỉ thấy sóng dồi lớp lớp.

Út Trung đi bên cạnh nói:

-- Chắc nó đưa mình đi qua Bidong bằng chiếc Phú Quý này.

Tôi trề môi lắc đầu:

-- Cái ghe gần chìm, máy móc liệt hết tron làm sao mà đi đâu. Bộ muốn giết hết tụi mình sao?

Đám người đông đảo đã tề tựu trên bãi cát, Tấn Ku đến đứng giữa lo le cây gậy ngấn trên tay cái mặt nghinh nghinh đáng ghét, chị Thùy Dương đứng cạnh thông dịch:

-- Có lệnh ở trên cho biết là tất cả sẽ được chuyển qua trại Bidong. Vậy yêu cầu những thanh niên khỏe mạnh đẩy chiếc ghe này ra khỏi cát lún...

Nó lấy gậy chỉ chiếc Phú Quý nằm kẹt cứng trên bờ rồi nói tiếp:

-- Pulau Kapas này với Pulau Bidong gần lắm. Chiếc ghe sẽ có thợ lại sửa chữa cho tốt. Rồi sẽ chở tất cả qua bên đó, chia làm nhiều chuyến đi. Yêu cầu các anh rán sức...

Nó vừa dứt lời, cả đám vỗ tay hoan hô mừng rỡ. Pulau Bidong... Bidong niềm mong mỏi chờ đợi của tất cả chúng tôi. Không chờ nói tới lần thứ hai, mạnh ai nấy ùa xuống biển ra sức đẩy xô. Thôi kệ, tuy cũ kỹ nhưng nếu sửa chữa đàng hoàng thì ghe vẫn còn tạm dùng được. Có cũng còn hơn không. Ở đảo này gần hai mươi ngày rồi, buồn quá. Chiếc ghe vì lấy trốn quá mạnh để ủi vô bãi bây giờ nó kẹt cứng ngất trong cát. Cả trăm thanh niên khỏe mạnh reo hò vang dội, dùng hết sức đùn đẩy ghe cũng không xê xích một phân. Nó dài cỡ chừng mười thước bằng cây vậy mà nặng hơn sắt cục. Tấn Ku sốt ruột ra lệnh cho thằng khi đột Zăm Bri cầm gậy đi lùng từng lều kiểm thêm người. Lần này có thêm được gần mười người tiếp sức nhưng đa số già cả lụm cùm. Ngoài biển bây giờ có thêm một chiếc ghe cảnh sát. Như có chuẩn bị từ trước, nó từ từ cặp vào chiếc Phú Quý dùng dây lớn cột đàng trước mũi ghe, tất cả mọi người đều ùa về phía sau lái đẩy tới. Ghe được kéo đàng trước, xô đàng sau từ từ nhúc nhích. Anh em mừng rỡ, reo hò ra sức. Một chút... một chút rồi một chút nữa. Nó di chuyển từ từ, ghe cảnh sát tăng vận tốc nổ máy inh ỏi, chúng tôi rán hết sức bình sanh. Chiếc Phú Quý được kéo dần ra xa hơn, xa hơn nữa cuối cùng nó thoát khỏi cát lún, nổi bênh trên sóng nhấp nhô. Cả đám vỗ tay cười lớn mừng rỡ reo vui. Tất cả mọi khuôn mặt sáng tươi rạng rỡ. Chỉ còn chờ thợ tới sửa cho kỹ càng,



châm thêm dầu mỡ, coi lại máy móc là có thể yên chí ra đi. Tôi cúi xuống rửa tay xong, vui sướng đứng ngắm chiếc ghe. Nào ngờ thằng võ sĩ rưng rưng Johny tự nhiên kéo cò súng lên đạn rộp rộp, chĩa thẳng vào đám đông ngư ngác đuối hết lên bờ. Đi nữa, đi nữa, ra xa... tất cả phải trở về... Đám cảnh sát cũng ủa xuống ghe cấm người người ra khỏi lều. Tôi đứng lấp ló trong cửa, thắc mắc trong bụng, cái gì kỳ cục vậy? Các lều xung quanh cũng thập thò, những gương mặt ngạc nhiên sững sờ. Không ai biết được chuyện gì sẽ xảy ra. Tụi Mã Lai này sao cũng giống Việt Cộng, làm việc kín đáo và bí mật, nhứt là đối trá.

Trước mặt tôi bây giờ là một đoàn người bị áp tải ra ghe. Các bạn của chiếc Phú Quý bị biệt lập hôm trước và có thêm vài thanh niên của chiếc Rạch Giá tới từ lâu. Đi kèm xung quanh là toán lính đặng đặng sát khí, vừa đi vừa nạt nộ. Những anh em ty nạn thất thớt thất thểu quần áo xóc xệch cố gắng chống cự trong tuyệt vọng để mong được ở lại. Có một người trạc độ ba mươi lăm, ba mươi sáu dáng trí thức đeo kính trắng bước ra tranh luận với Tăn Ku. Hắn không nói không rằng lấy hết sức đánh mạnh vào đầu vào cổ của anh. Cây gậy phang vun vút. Anh đưa tay đỡ gạt. Cái kiếng văng xuống cát bẻ nát. Đám lính xông vào tha hồ đâm đá. Anh gục xuống tả tơi như cái mền rách. Tôi nghe nhói trong tim. Một nỗi đau đớn khôn cùng. Cả người tôi sững sờ, tê dại... Khi anh ngất đi tụi lính xúm lại khiêng bỏ lên ghe. Các người còn lại sợ hãi thất thểu leo lên theo. Tuy ở khá xa tôi cũng cảm thấy những tiếng kêu đau đớn, những gương mặt thất thần, những dòng nước mắt tuôn trào... lòng tôi tan nát.

Chiếc ca nô cảnh sát đi trước dòng theo sau chiếc Phú Quý bập bênh ngoan ngoãn như con cừ non. Không một bàn tay vẫy tiễn đưa. Tôi rần nhìn kỹ trên ghe, không thấy một ai nhúc nhích. Còn gì để nói nữa. Cả đảo ngậm ngùi cho những người bạn ty nạn xấu số. Tư Trần Hưng Đạo chun qua lều than thở:

-- Tụi Mã Lai này mọi quá, nó đánh người dã man. Phải chi mình đi luôn qua Singapore, ghé vô đây làm chi, khổ quá nè trời. Nó kéo trả về Việt Nam thì chết cả lũ. Không biết tại sao mà nó lại kéo chiếc Phú Quý ra khơi?

Thấy anh rầu rĩ lo lắng mà tôi run.

-- Anh Tư nè, theo anh thì các bạn trên chiếc Phú Quý hiện giờ ra sao? Có cách gì để thoát được không?

Tư Trần Hưng Đạo suy nghĩ một hồi:

-- Ra tới hải phận quốc tế tụi Mã sẽ chặt dây để đuối trở về Việt Nam. Mấy "dã" có thể rần cầm cự cho đừng chìm, lênh đênh tấp vô một bên khác hoặc chờ gặp một ghe nào rộng còn tốt xin quá giang... cái đó là mình hy vọng, còn thực tế thì gặp đâu tính đó, đâu ai biết trước được. Tất cả mọi sự đều... nhờ trời!

Buổi chiều tối hôm đó cả đảo im vắng khác thường. Không còn tiếng nói chuyện nô đùa, không có kẻ nhàn du, đám con nít cũng đăm run thối không chạy giỡn. Hình ảnh ban sáng đè nặng trong tâm tư tất cả mọi người ở lại. Chiếc Phú Quý mục nát như một ám ảnh chập chờn. Cái bánh lái cong queo, dưới lườn những lần nứt rộng cỡ ngón tay, máy nổ rền rĩ như ông già lên cơn thờ dốt... Nhưng biết làm sao bây giờ, con cá đã nằm trên thớt chỉ còn biết chờ cháo mỡ sôi! Tôi vụt nghĩ tới chiếc BL 1648 của tôi. Chiếc Phú Quý đầu sao cũng còn nổi trên mặt nước, còn chiếc BL 1648 bây giờ đã chìm tới ngang hông, làm sao mà chèo cho tới Bidong? Tôi nhìn Duyên và Bi tự hỏi -- bao giờ thì tới phiên mình?

Chiếc Phú Quý vừa bị kéo ra khơi ngày hôm trước thì ngày hôm sau vào buổi trưa êm ả, ở tận ngoài khơi một ghe ty nạn xuất hiện. Người ta lại túa ra đầy trên bãi cát la ó vang rân. Kẻ ngoắc, người hô. Bị lại đòi tôi bỗng đi coi ghe vượt biên. Hình như thời gian ở đảo này nó chỉ nói được có câu đó -- ba, ba, đi coi... ghe vượt biên. Chiếc ghe đen loáng nằng không đoái hoài gì tới đám đông đương kêu gọi, vẫn bình thản đi luôn. Mọi người tui ngihủ, giải tán từ từ. Còn lại trên bãi một số người ngóng trông chỉ chỗ. Tháng này biển thật êm, sóng chỉ gợn lăn tăn như trong mặt hồ. Nào dè một lúc sau nó lại quay trở lại nhưng chạy chậm chậm không có vẻ gì muốn vô. Đám người trong đảo lại một lần nữa vẫy tay reo hò kêu gọi. Nó do dự một hồi rồi mở máy thật mạnh đâm thẳng vào bãi. Tụi lính Mã khi hay kịp thì chiếc ghe đã vào tới bờ. Chiếc này khá lớn dài khoảng mười bốn thước, tình trạng còn khá tốt. Người trên ghe lần lượt leo xuống xác xơ, toi tả, phong sương. Có đàn bà, con nít, độ bốn mươi người. Một ông già mặc quần áo nông dân bỗng một đứa nhỏ khoảng mười tuổi nằm thiêm thiếp trên hai tay. Cái chun của đứa bé bị thương được quấn bằng vải trắng đẫm máu đỏ tươi. Mặt em bé trắng bệch vì kiệt sức. Chúng tôi bao quanh, người nào cũng lộ vẻ ái ngại. Bà y tá Tân Định cùng cô con gái lớn chạy về lều lấy dụng cụ thuốc men cùng bông băng lại sẵn sóc. Tội quá! Thằng bé xanh mét nằm im không nhúc nhích. Cuộc hành trình trên biển đã ngát ngư rồi lại còn bị thương nữa, làm sao chịu nổi. Cũng may sao lại được vào Kapas sớm và cũng may lại có hai mẹ con bà y tá Huế ở đây. Tụi lính Mã Lai thấy có người bị thương cũng tro mắt ra đứng ngó, chúng cũng không biết phải làm sao. Hôm nay chúng lại yên lặng không đuổi xô, không bắt biệt cư những người mới tới. Cũng không hiểu tại sao. Tôi thấy ông già bỗng đứa nhỏ khi nãy đã rảnh rồi đứng không, bèn lại hỏi chuyện:

-- Thưa bác, mấy người trên ghe có cần nước uống cho đỡ khát?

Ông khoác tay về vạm vỡ, nói năng chững chạc:

-- Cám ơn cậu, không cần, còn nhiều lắm. Tôi có đủ hết!

Từ trong khoang những người thanh niên trai tráng lần lượt khiêng đồ đạc dụng cụ lên bờ. Có lẽ ông già này là chủ ghe nên đồ đạc gồm có đủ thứ, mấy cái lu đựng nước ngọt, hai cái tủ đựng quần áo, một cái tủ đựng đồ ăn, mấy cái ghế cùng hai cái bàn. Ngoài ra là quần áo, dao kéo lủ khủ. Đặc biệt nhứt là cái chuồng chim, bên trong có con sáo nhỏ. Thiệt tình tôi chưa từng thấy ai vượt biên mà được như ông.

-- Bác khởi hành từ đâu vậy? Tôi thấy em bé bị thương...

-- Tôi ở Gò Công, ghe này của tôi đó. Mấy đứa này là con cháu không hà, tôi không rước người lạ mặt đâu. Từ bên qua tới đây êm xuôi quá nào dè khi vô tới bờ Mã Lai bị tụi nó bắn đuổi đi, đạn lạc trúng vô chun thẳng con út tôi. Trên ghe đâu có thuốc men gì, phải lấy vải băng đỡ. Ghe phải bỏ đi nơi khác, mãi mới tới đây...

Tôi nhớ tới Marang, nhớ tới người Mã Lai ở trong khoang thuyền chui ra có cây súng bắn vào chiếc BL 1648, may mà không trúng ai. Tiếng ông già đều đều:

-- Khi đi tới đây tôi thấy có nhiều gian lều che tạm, thấy có xác ghe vượt biên, biết là có người ty nạn mình nhưng chưa dám vô, sợ bị bắn nữa. May nhờ mấy cậu ngoắc nên liều mạng vô đại...

Xong rồi ông hỏi lại tôi:

-- Cậu vô đã bao lâu rồi. Ở đây lâu biết cái gì hay chỉ cho tôi với.

-- Dạ chỉ mới có trên hai mươi mấy ngày thôi. Có người ở trên hai tháng rồi đó bác. Lúc này thì không sợ đói nữa, có Hồng Thập Tự Mã Lai tiếp tế rồi, chuyện cơm gạo khỏi lo. Có điều tụi Mã này chờ mình ổn định xong thế nào cũng kêu tập hợp để xét kiếm vàng.

Bác rán dầu cho kỹ, đừng cho tụi nó lấy uống lắm. Nhớ cất luôn đồng hồ, cà rá...

Rồi tôi dặn dò:

-- Hay nhứt là đào lỗ chôn dưới cát, nhớ kỹ chỗ mình chôn. Khi nó xét xong mình đào lên lấy lại...

Ông già gật đầu cảm ơn, bình thản. Tôi chợt thấy một người trạc ba mươi bảy, ba mươi tám đứng riêng một mình dưới gốc dừa. Tướng tá liền lạc, vẻ mặt đẹp trai hao hao giống Thành Được. Nhưng nét mặt này là nét của người Bắc chứ không giống nét người Gò Công, con cháu của ông chủ ghe. Gương mặt sáng sủa, cử chỉ đàng hoàng, tôi bèn lân la làm quen:

-- Anh đi mấy ngày mới tới đây. Ghe coi còn tốt quá...

-- Đúng ba ngày ba đêm. Tôi có đủ hải bàn và hải đồ của thuyền đi...

Tôi đoán đúng phóc, anh ta nói giọng Bắc.

-- Tôi lái từ cửa Cần Giờ đấm thẳng qua tới đây. Cũng may mùa này biển êm.

-- À thì ra, anh là tài công nên tôi thấy không giống người trong gia đình của bác chủ ghe...

Anh ta thấy tôi làm quen nên dễ dàng tâm sự:

-- Từ Việt Nam qua Mã Lai này đi cũng không khó lắm. Trong nghề cũng quen. Ngày trước tôi là Trung úy Hải quân, sau bảy mươi lăm bị đi học tập. Bị hành hạ đủ kiểu giận đời giận mình tôi liều gan trốn trại, trở về Sài Gòn. Nhà tan cửa nát tứ cố vô thân, sống trốn chui trốn nhủi bữa đói bữa no, đêm ngủ ngoài hè phố...

Tôi nhìn anh cảm động. Anh giải nghĩa:

-- Cũng còn bạn bè, người quen nhiều nhưng không dám nhờ vả sợ bị lộ. Ngủ ở đường xá vậy mà bảo đảm, hễ thấy động thì trốn được liền...

Rồi anh cười:

-- Y như cái bang bốn tui... tự nhiên biến thành đệ tử Hồng Thất Công!

Tôi nheo mắt nhìn nghiêng, chọc:

-- Cái bang mà đẹp trai sáng sủa như anh... thiệt cũng khó trốn tụi công an dữ. Làm sao mà qua mặt nó được. Tui mà làm công an là xét giấy anh liền...

Cả hai cùng cười. Anh mặc cái quần tây dài rách gối, ở trần da sạm đen vì nắng gió nhưng ánh mắt sáng ngời niềm vui. Anh tiếp:

-- Trong lúc lúng túng không biết làm sao thì may quá, bác chủ ghe đang tìm một người tài công, một người bạn giới thiệu tôi nhận lời liền, không điều kiện gì hết...

Ở gần giếng nước những người mới tới tắm rửa, giặt giũ, lấy nước nhộn nhịp, người nào người nấy quần áo tả tơi, râu tóc rối bời. Trong đám đông đó bao nhiêu người tài giỏi, những người con yêu của đất nước, cũng như anh bạn mới này, chỉ cần trời đất nổi một cơn gió bụi là tất cả giá trị đổi thay. Giàu nghèo, sang hèn, tốt xấu... nhiều khi do mình quyết định nhưng cũng có khi do trời! Tôi nắm tay anh từ giã, nói câu hy vọng:

-- Thôi kể từ giờ chúng mình kể như hết xui, từ từ làm lại cuộc đời...

Anh cười, tôi nói tiếp trước khi ra về:

-- Tối nay là Mã Lai xét lấy vàng với đồng hồ đó. Có cái gì giấu được thì giấu đi.

Nắng đã đổ lửa, tôi biết Duyên đang chờ cơm nên vội đi về. Đôi dép dút che nóng không nổi đôi chun nên nghe như muốn phồng. Tôi nghĩ về người rồi nghĩ về mình, tự nhiên đang sống đời dạy học yên vui rồi bỏ nhà bỏ cửa lang thang nơi góc biển chơn trời, nằm trên bãi cát nóng khô mà chờ đợi... Thiệt tình Định Mạng cũng khá cắc cớ, lấy con người

ra làm trò chơi, hèn chi hàng ngàn năm trước Trang Tử đã phải thốt "thiên hạ bất nhân dĩ, vạn vật như sô cầu," lấy rom bện hình con chó để trên bàn thờ sì sụp cúng tế, cúng xong rồi đem đốt quăng ra vỉa hè. Cũng thời là một vật khi thì coi quý, khi thì chê bai. Đời là vậy đó. Bất phong trần phải phong trần. Cho thanh cao mới được phân thanh cao. Tôi quay lại nhìn thấy anh bạn tài công Thành Được đứng bên gốc dừa bập bập điều thuốc rê. Anh đưa tay vẫy vẫy... Đúng là cùng một kiếp bên trời lặn đặng, có cùng chung hoạn nạn mới hiểu và thương nhau!

Út Trung ở trần đen thui, từ đằng xa chạy lại, hai tay khệ nệ ôm lấy một vật gì lớn cỡ trái mít dánh hồi hả lật đật. Tới chùng lại gần mới biết là một cục nước đá bám đầy cát bụi, trời nóng nước tan nhều ròn ròn xuống mặt cát trắng khô lóm đóm hình sao. Tôi thấy cục nước đá, tự nhiên mồ hôi tươm ra:

-- Bộ chú Út mò được ở đằng ghe quốc doanh đó hả. Ở đảo này mà có được nước đá lạnh thì đã thiệt... Lâu quá không được uống lạnh thêm hết sức!

Trung vừa nói vừa hít hà hai bàn tay đỏ ửng vì cầm cục đá quá lâu:

-- Một hầm chứa đầy nhóc ở dưới khoang. Người ta đương giành ào ào trên đó. Em lẹ tay lấy được cục này... Phải kiếm một cục đá để đập nhỏ ra...

Thiệt đúng với câu "Sống là tranh đấu." Từ ngày xuống ghe tới giờ, tôi thấy muốn có cái gì cũng phải giành giật. Lẹ tay thì còn, chậm tay thì hết... tron. Anh bạn trẻ này lẹ tay lẹ chun thiệt tình. Mà phải vậy mới tranh nổi với tụi thằng Cầu Chải, thằng A Sơn, A Tài... Bi lần đầu tiên uống đá lạnh trở mắt nhìn sững, đẩy cái lon ra. Tôi cố ép. Thằng nhỏ uống thử thấy được, bèn đòi uống riết. Út Trung cầm lon đá lạnh vừa uống vừa lắc lạnh canh. Tôi uống một hơi nghe mát lạnh từ kẽ răng đến chun tóc. Đã thiệt tình!

Hồi sáng này một chiếc tàu quốc doanh đến đảo. Nó to như chiếc tàu sắt và mới hơn chiếc BL 1648 của tôi, từ ngoài khơi bao giờ, không ai thấy (có lẽ vì lớn quá người ta chỉ chú ý các ghe vượt biên nhỏ! Cái gì nhỏ thì mới đáng thương?) lừng lững tiến thẳng vào bờ, hiên ngang đậu cặp cầu tàu. Nó uy nghi, đường bệ nên cả đám đông đứng ngậy người ra nhìn quên mất việc vỗ tay reo hò mời đón như lệ thường. Hai bên thành được vẽ sơn đỏ đậm nét số ghe Quốc Doanh Kiên Giang 069. Vững chắc, đẹp đẽ, nó đậu sừng sững bên bờ đảo Dừa. Tăn Ku cùng đám bộ hạ lên ghe kiểm tra. Trên tàu còn nguyên vẹn hai giàn lưới cá loại lớn nhứt với đủ máy móc cần trục và các hầm tôn, hầm cá. Chiếc này vượt biên trong khi đi lưới nên không đem theo gia đình và hành khách. Từ tài công đến thủy thủ chỉ vồn vẹn có sáu người. Tôi nhìn cái tàu mà ngẩn ngơ. Nếu so với chiếc BL 1648 thì nó có thể chứa ít nhứt là năm sáu trăm người...

Út Trung sau một hồi uống lạnh tinh táo bèn nói:

-- Thằng Tăn Ku kỳ này no đủ. Nó lấy nguyên một hầm tôm lớn. Nó bắt mấy người đứng coi ở gần phải khiêng về đôn.

Tôi tiếp:

-- Hầm tôm đó ăn thua gì. Nó sẽ bán hai giàn lưới nè, gỡ máy ra bán luôn, bán dầu diesel chạy máy, bán phụ tùng dụng cụ, cái gì bán được gỡ ra bán hết cho các ngư phủ xung quanh xong rồi đục bỏ vỏ tàu để cho chìm... Như vậy kể như chìm xuống. Sáu người trên tàu đem nhập chung với đám tụi mình. Ai biết? Tha hồ về Kuala Trengganu du dương với người đẹp!

Út Trung tiếp:

-- Hồi này có nghe nó nói còn mấy hầm cá đem phát cho mình. Thế nào chiều nay mình

cũng có cá ăn. Nước đá lấy hết rồi, không cho cá tụi mình, nó ươn sinh lên hết sao?  
-- Có nước đá uống rồi lại có cá tươi ăn, sao mà sướng quá vậy chú Út? Chắc tụi mình sắp lên hương rồi...  
-- Cũng chưa sướng lắm. Em mới nghe người ta nói một tin sướng hơn...  
-- Tin gì mà sướng dữ vậy?  
-- Bà Chiêu Tím muốn cạnh tranh với mấy thằng lính Mã, hạ giá hàng hóa xuống phân nửa. Bây giờ anh muốn đổi cái gì cũng được gấp đôi lúc trước... Mà không có vàng bây giờ thì có thể thiếu chịu, mai một chừng nào có thì trả!  
-- Trời, bà chịu chơi ngon lành. Nhưng hiện tại thì đâu còn thiếu hụt như trước nữa. Hồng Thập Tự tiếp tế lần thứ hai rồi. Thiếu chịu thì khoái thiệt đó nhưng trước hay sau gì cũng phải trả cho bà chứ... hông lẽ giựt...

Vừa nói tôi vừa nghĩ ngợi. Tự dưng bà Chiêu Tím lại hạ giá hàng gấp đôi, sao kỳ lạ vậy? Chắc là lời nhiều quá rồi, đổi rộng rãi hơn để lấy tiếng chẳng? Vô lý, trên đời này có ai cho rằng mình đã giàu quá, không cần tiền nữa! Còn hạ giá để cạnh tranh thì càng vô lý. Tụi lính Mã đi qua đất liền mua bán trực tiếp bên đó, còn bà ta phải nhờ Tân Ku mua dùm, làm sao được giá rẻ hơn. Thiệt là nhức cái đầu nghĩ không ra. Thiệt tình khi nào có chuyện gì liên quan tới người đẹp là đầu óc tôi rối mù, không tính chuyện gì ra chuyện gì được.

Đằng xa thằng khi đột Zăm Bri đi lại lều, tay cầm một rô cá nhỏ. Trong những ngày gần đây, tôi và nó có dịp gặp gỡ, nói chuyện. Cái thằng coi cục mịch xấu xí nhưng thiệt thà chất phác. Tôi thường hỏi nó về đời sống, phong tục, tập quán người dân Mã. Nó cũng thường hỏi tôi về chuyện Việt Nam. Tôi khoái nó ở chỗ khi nói tới Cộng sản, nó thù ghét dễ sợ. Hình như ở Mã Lai không còn bóng dáng một người Cộng sản nào. Một phần nhờ chánh phủ quyết tâm tiêu diệt, một phần nhờ đa số dân chúng theo Hồi giáo. Tôi khoái đạo Hồi ở chỗ đó. Thử tưởng tượng trên trái đất này vào lúc chủ nghĩa Cộng sản hưng thịnh, các nước với tài nguyên dầu lửa phong phú Trung Đông cùng xứ Mã Lai, xứ Indonésia... mấy trăm triệu dân đó sẽ ngả theo Cộng sản tức thì nếu họ không theo Hồi giáo... Và lúc đó cục diện thế giới sẽ ra sao?

Thằng Zăm Bri đưa cho tôi rô cá, những con cá nhỏ cỡ hai ngón tay, mặt buồn buồn:

-- Báo cho mày một tin vui, ngày mai sẽ có ghe chở tụi mày qua đảo Bidong.

Út Trung thoáng nghe, khựng lại. Tôi như nín thở:

-- Thiệt không Zăm Bri, bộ ngày mai tụi tao được đưa qua Bidong hả. Mày làm sao biết được?

Nó quơ quơ cây gậy:

-- Tụi tao đã chuẩn bị ghe xong rồi. Có tất cả là ba chiếc để chở. Ngày mai sẽ có người đến để đưa tụi bây đi...

Tôi bắt tay nó thật chặt, cảm động mừng rỡ:

-- Tao cảm ơn mày nhiều lắm. Tôi nay mày có rảnh xuống đây chơi với tụi tao. Mai tao đi rồi, qua bên đó không biết bao giờ gặp lại nhau.

Tôi xúc động thiệt tình. Nó đứng lặng im. Trời trưa đứng nắng. Tôi không cảm thấy nóng chút xíu nào. Tôi đã ở đảo Dừa này đúng một tháng tròn. Tôi với nó quen nhau thường vậy thôi, chứ không thân thiết gì nhưng không biết tại sao lúc sắp chia tay như trưa nay, tôi bị xúc động mạnh. Hay là tại nó đem cho riêng tôi một rô cá? Có lẽ nào?

Nó đi về đôn, cái dáng lặc lè chun thấp chun cao. Tôi mang một tâm trạng nửa buồn nửa

vui hỗn độn. Út Trung nắm lấy hai vai tôi:

-- Vậy là anh em mình ngày mai qua Bidong rồi. Khoái quá!

Trung vừa nói vừa reo vui, bỗng nhiên nó bật kêu lên:

-- À, à, em hiểu ra rồi, tại sao bà Chiêu Tím hạ giá hàng hóa, bán đồ bán tháo, gạo đường sữa chất cả lều không kêu người bán rẻ cho hết cũng phải đem cho, hồng lễ hai vợ chồng khom lưng ra vác hết qua Bidong để làm gì bây giờ?

Út Trung thiệt là thông minh, có bao nhiêu đó mà tôi nghĩ không ra. Bà Chiêu Tím đáng thương của tôi ơi! Ở đời có nhiều chuyện xảy ra mình không đoán trước được. Nếu biết được trước thì giàu sang mấy hời. Đổng hàng hóa đó bây giờ phải làm sao? Thôi, cái gì của Tấn Ku phải trả lại cho Tấn Ku!

Tôi ngửa cổ uống một hơi dài cạn lon đá lạnh, tìm chỗ cất cái lon xong rồi đứng tản ngẩn nhìn cái lều nhỏ xíu, lá cọ đã đổi sang màu vàng khô, rồi nhìn sang cái bếp, ba cục đá chụm đầu nhau đen thui màu khói than, trong đó còn một vài tàu dừa cháy dang dở... một tháng trời sống thiếu trước hụt sau nhưng rất vui vì còn có vợ con, anh em, bạn bè... và một niềm hy vọng ở ngày mai.

Trời vừa sụp tối, tôi và Duyên đã pha xong một bình trà thiệt lớn. Gói trà được thằng võ sĩ rưng rưng Johnny cho nhân lúc đôi hàng dùm Tuyết-Tiến. Thứ này khi pha phảng phất mùi trái vải lúc uống thêm đường cát trắng thơm ngon, khác hẳn các loại trà tàu. Anh chị Thuần đem qua một đĩa mút dừa lớn. Những lát dừa được xắt mỏng ướp đường trắng bong khéo léo ngon lành. Anh chị Tư Trần Hưng Đạo có một gói kẹo đủ màu, chị Thùy Dương, Tiến, Chiêu, Dân "gi đó," Sơn, Út Trung đến với niềm vui. Có cả thằng Zãm Bri và thằng "ti đu" đến chơi từ già. Như vậy là cả trại yên tâm dọn dẹp chuẩn bị cho đến khuya để mai lên đường, khỏi sợ bị bắt buộc "ti đu, ti đu" như mọi bận. Cái đệm ngồi được trải phẳng phiu trên bãi cát trống trước mặt lều, cây đèn dầu để ở giữa. Trời tối đen như mực, đêm nhiều gió nên ánh sáng lắt lay chỉ chực tắt. Mặt người khi mờ khi tỏ. Vì khá đông nên người người ngồi sát nhau ấm áp, thân tình, lòng đầy phấn khởi vì biết chắc ngày mai sẽ được qua Bidong. Pulau Bidong, cái tên sao mà hấp dẫn quá sức! Một tháng chờ đợi ở đảo này, kẹt cứng mất cả liên lạc với bên ngoài. Ở đây tuy vui nhưng hiu quạnh quá. Thời gian một tháng là quá lâu, bỏ phí thời giờ vô ích.

Thằng Zãm Bri không nói không rằng, cầm ăn hết miếng mút dừa này đến miếng khác.

Tôi hỏi:

-- Ô Mã Lai có loại mút ngọt như vậy không? Làm bằng dừa xắt mỏng ra đó...

Nó lắc đầu:

-- Không có đâu, tao ăn thấy ngon và lạ...

-- Vậy mai một mầy không có việc gì làm, hái dừa rồi xắt mỏng ra ngào với đường cát trắng làm thành mút ngọt như vậy nè, ăn để nhớ tới tụi tao...

Nó cảm động:

-- Ủ ừ tao sẽ làm y như vậy... Mấy ngày có tụi bây ở đây vui quá...

Chị Thuần cười cười ngó nó nói:

-- Vui thiệt không đó, tao thấy mầy tối ngày cầm gậy đi kiếm người ta để phạt hoài.

Nó cười, ăn tiếp mút dừa và chưa trả lời câu nói.

Chị Thuần tiếp tục:

-- Còn anh "ti đu" này nè, mới có bảy tám giờ bắt người ta ti đu. Ti đu cái gì được, chưa

ai buồn ngủ hết...

Tư Trần Hưng Đạo xen vô:

-- Ti đư sớm quá cả tháng trời như vậy thiệt nguy hiểm, cũng may ở đảo này chưa thấy bà nào mang bầu... cũng nhờ trời thương!

Cả đám cười ngã nghiêng. Thằng "ti đư" ngo ngác, không biết gì. Chị Thuần phải dịch lại cho nó nghe. Hai thằng cũng bắt cười theo.

Chị Tư vỗ vai anh Tư:

-- Có mấy cô, mấy cậu còn trẻ nè, ăn nói đàng hoàng một chút nghe. Già cả ưa nói bậy nói bạ...

Bồng thằng Zăm Bri nói:

-- Tụi bây ở đây coi vậy chớ sướng hơn qua bên Bidong, ở bên đó chật hẹp dơ dáy thiếu thốn đủ thứ hết...

Nghe nói ai nẩy chới với, ngạc nhiên đảo Dừa này mà sướng hơn Bidong sao?

-- Ở Bidong không có nước uống, phải tiếp tế bằng tàu, mỗi ngày được mấy lít, không có cầu vệ sinh, phải tự túc dựng lều để ở mà cũng không còn chỗ. Cái đảo nhỏ xíu thua Kapas này xa lắm mà chứa tới ba bốn chục ngàn người, nhiều người phải leo tuốt lên sườn núi cheo leo dựng lều... Mỗi lần đưa người qua bên đó tao ngộp thở chịu không nổi, xong việc là về liền...

Nó nói tới đâu tôi ngẩn ngơ tới đó. Bidong... Bidong, cái đảo mà tôi ước mơ, chờ đợi để được qua sao mà tệ quá vậy. Hoàn toàn không có gì hết phải tự túc tự cường. Trời, rồi phải làm sao đây.

Nước thủy triều buổi tối đã dâng cao ngập gần tới gốc dừa, bãi cát hẹp lại. Tiếng sóng âm âm mỗi lúc một lớn hơn. Đêm khuya hiu quạnh mịt mùng. Biển cả muôn đời sâu thẳm huyền bí mông lung. Tôi nhìn lặng lẽ gốc dừa mờ mờ nghiêng trên bãi cát, nhớ lại đêm nào mới đến nơi đây. Cả đám lợi bị bơm vào bờ mình mẩy ướt mem, tụi lính Mã đốt lên một đồng lửa lớn ở chỗ này, tất cả bu quanh như trong hang động thời tiền sử... chỉ mới có một tháng mà thấy như quá lâu. Rồi miên man nghĩ về quê nhà không biết ở bên đó bây giờ có còn ai nhớ tới mình không? Cha mẹ ra sao, bạn bè ra sao, tỉnh Bình Dương ra sao...?

Chiêu khêu ngọn đèn cho sáng rồi nói:

-- Bên đó thì cực lắm nhưng có Cao Ủy Liên Hiệp Quốc, có điều tra phỏng vấn để cho đi đệ tam quốc gia. Mình phải rán chịu cực trước để được sướng sau, lo gì. Người ta chịu được thì mình cũng chịu được...

Thằng Dân "gì đó" xen vô:

-- Ủa, ừ, anh Chiêu nói phải gì đó. Tới đâu thì tới, bi nhiêu thì bị, em không sợ gì đó.

Buổi tiệc tàn lúc gần nửa đêm. Trong phút chốc bốn bên lặng ngắt như tờ. Tôi nằm trong mùng nhìn xuyên qua cửa thấy bầu trời đen nhưng nhấp nháy những vì sao sáng lơ mờ ở thiệt xa, thiệt xa. Phải tới bao giờ mới có trăng đây?

Buổi sáng hôm đi trời lại mưa. Trận mưa đầu tiên ở đảo Dừa, trời âm u, mưa những hạt nhỏ gió thổi xiên ngang rào rào ai cũng bị ướt mem vì lều dột. Từ trên mái lều những giọt nước thi nhau nhều xuống. Tôi và Duyên vội lấy áo mưa che trên đầu, ngồi nhìn ra biển chờ tạnh. Mặt biển sóng dâng cao, mờ ảo những sợi mưa bay ngang bay dọc. Cả một không gian đầy nước một màu xám đục. Mưa vừa dứt hạt, tôi vội chạy ra nhúm lại bếp để nấu ăn sáng. Trời, một bãi tan hoang. Bếp núc lạnh tanh. Củi khô ướt nhẹp. Tôi lần mò

gom lại rán mà nhúm. Củi ướt khói bốc mịt mù. Tắt rồi cháy, cháy rồi tắt. Khổ sở trăm bề...

Ăn sáng xong thì hai vợ chồng lo thu dọn đồ đạc vào xách tay, ba lô. Đồ đạc linh tinh làng càng dây nhợ tứ tung. Quần áo giặt chiều qua chưa kịp khô thì bị mưa ướt sũng, thôi kệ nó dồn hết vào túi, qua tới Bidong rồi tính. Khổ nhứt là hai cái gàu mên vì dùng để nấu nướng cả tháng trời nay nên khói đóng đen thui. Phải chùi cho sạch mới để vào xách tay được. Tôi bốc một nhúm cát kỳ cọ cho trắng ra. Ở trên bãi thiên hạ cũng đang ngồi chùi nồi, chùi xoong đen nghệt. Trời còn xám màu chì, không một tia nắng nhỏ. Những thân dừa đứng ử rữ trong không khí sũng ướt. Mặt nước biển không trong xanh như mọi bận mà trở nên đục ngầu. Trời mùa xuân mà cứ tưởng mùa thu. Lòng tôi buồn rười rượi. Một tháng trời vui buồn ở đảo Dừa này, làm sao mà quên cho được, những hình ảnh thân yêu vây quanh, bám chặt trong đầu. Cái nồi đen quá chùi hoài vẫn không trắng, đang loay hoay thì có lệnh tập hợp để khởi hành vì thuyền Mã Lai đã đến. Đó là ba chiếc thuyền nhỏ bề dài độ mười bốn, mười lăm mét, sơn xanh còn mới tinh, đậu song song nhau ở mé nước gần đồn lính.

Toàn trại nhốn nháo. Mọi người hối hả dọn dẹp rộn ràng. Trong phút chốc cả khu dựng lều được thu xếp chỉ còn trơ lại những khung sườn bằng cây và mái lá. Những tấm màn, nệm, dây chạc đều được thu hồi tận tình. Qua bên Bidong còn phải cần dùng lại nữa... Không còn lều của người Việt và cũng không còn lều người Hoa. Cả hai biển mất hết chỉ còn lại rừng dừa xanh mướt ngút ngàn.

Vì thuyền Mã nhỏ nên chỉ chở được đợt đầu tiên ba trăm người, những người còn lại sẽ đi ngày hôm sau. Cả đám ủa ra bờ biển, hướng về phía ghe đậu. Từ khu dựng lều tới chỗ đậu ghe nhìn thì thấy gần nhưng có đi bộ trên cát nóng thì mới biết nó xa trên nửa cây số. Trời lúc đó lại nắng gắt nên chuyện đi dép, khiêng nặng trên cát nóng không phải là dễ dàng. Bé Bi lúc đó đi chưa vững. Duyên một tay ẵm Bi một tay xách giỏ ny lông xanh đựng nồi niêu, vật dụng. Tôi phải xách hai xách tay và khiêng một cái sac marin bự muốn ẹo xương sống. Toàn là quần áo, mùng mền còn ướt nên nặng chình chịch. Nắng đổ lửa trên đầu, cát nóng như rang dưới chum. Đôi dép lại đứt lên đứt xuống. Mỗi lần mệt quá, tôi dừng lại để thở, nhìn ra phía sau một đoàn người lôi thôi léch thếch kéo nhau đi một đoàn dài. Mẹ con Bi mặt mày đỏ ửng, lấm tấm mồ hôi, độ chừng đi hết muốn nổi. Hỏi mới xuống đảo đồ đạc cũng đâu có bao nhiêu, cũng không biết ở đâu mà bây giờ nhiều quá! Đúng rồi, thêm một số gạo đường sữa của Hồng Thập Tự Mã Lai cho...

Cạnh bên là gia đình anh Tư. Nhờ tới năm con nên mỗi đứa chia nhau khiêng vác vừa đi vừa kêu nhau ơi ơi, thằng Dân "gì đó" cũng hai cái xách tay đầy nhóc... Chỉ có Chiêu là lãnh đủ. Ngoài đồ đạc của nó đựng trong xách tay khi đi, bây giờ nó lại có thêm nguyên một cái thùng cây lớn chắt đủ thứ ở trại Marang cho. Đâu có ai giúp được vì người nào cũng khiêng vác đầy đầu, đầy tay. Cũng may nó rất mạnh vừa đi vừa nghỉ không biết bao nhiêu bận... Cuối cùng rồi cũng đến chỗ ghe đậu, mọi người để hành lý xuống bờ cát thờ phào nhẹ nhõm. Tôi nhờ tới trước nên đi lần xuống nước để leo lên ghe.

Nước sâu cỡ ngang lưng quần, rán sức leo lên. Rải rác cũng có vài thanh niên đã ở trên boong. Chúng tôi đứng dọc theo be để chuyển người và hành lý vô trong. Tắt cả mọi



người đều phải lội lỏm bõm xuống nước để được kéo lên. Cũng phải cả giờ đồng hồ, mới đầy hết được cả ba ghe. Tất cả đều ướt mem, nhờ trời nắng gắt nên chỉ trong chốc lát quần áo đều khô...

Ghe nổ máy dòn dã, từ từ tách bến. Bây giờ khoảng hai giờ trưa. Trời thật xanh và biển cũng thật xanh. Tôi đứng trên ghe nhìn lại khu dựng lều lần cuối. Nó đã quá xa không còn thấy gì nữa hết, rải rác những xác ghe hư mục, những cây dừa mọc dày đặc như rừng, bãi cát vòng cung trắng xóa. Thôi, hết rồi, trong đời tôi chắc chỉ được sống và chứng kiến khung cảnh nên thợ đây kỷ niệm của Pulau Kapas một lần... rồi thôi! Ghe đi ngang qua cầu tàu. Nó bằng sắt cao sừng sững, lớn quá. Mãi đến bây giờ tôi mới được thấy rõ cái cầu tàu sơn màu xanh nước biển, chiếc BL 1648 đã cặp vào đậu để qua đêm, nào ngờ bị Tăn Ku bắt ép lên đảo. Nơi đây chị Thuần ra nói chuyện với bọn lính, bị đánh té xuống biển... cũng nơi đây tôi mặc quần cụt nhảy xuống nước để lội vô bờ. Mới có một tháng mà như quá lâu...

Qua khỏi cầu tàu là nhà của chúa đảo, tên già Adidas, cất toàn bằng cây rất xinh xắn. Hoa mọc đầy trên các lối đi. Còn gì nữa... Còn gì nữa... Tôi rán hết sức để nhìn. Toàn thể Pulau Kapas chỉ còn thấy các rặng núi xanh xanh hình vòng cung mờ mờ ở xa... rồi thật xa, mất hút. Bây giờ chỉ còn lại cái đuôi nước sủi bọt trắng xóa dài ngoằn của chiếc ghe bỏ lại phía sau lái... với cả tấm lòng nhớ thương lưu luyến Kapas của riêng tôi.

## *Võ Kỳ Điền*

### **Chương 15:**

## ***HẢI ĐẢO BUỒN LÂU BI ĐÁT.*** *Chương 15 (phần 1)*

Tôi còn đứng ỳ ra trên boong. Đảo Dừa chỉ còn là một khối xám nhạt ở chum trời. Trời thì cao xa thăm thẳm giáp mí với sóng nước gờn gợn xanh ngắt một màu. Nắng sáng rực rỡ loang loáng trên mặt biển xanh. Ba chiếc ghe Mã lướt sóng phẳng phẳng, chiếc sau nổi đuôi chiếc trước, chạy một dọc thẳng hàng. Không còn gì hết, tôi thần thờ ngồi xuống một bên be ghe. Nắng nóng như thiêu như đốt, ghe lại không có mái che nên chỉ trong chốc lát, nghe như muốn bốc khói. Phải kiếm một tờ báo, một cuốn vở học trò để che cho đỡ nóng. Ghe còn rất mới. Sớ gỗ còn tươi nước sơn. Đinh vít chưa có dấu rỉ sét. Trên boong và trong khoang đều rất sạch sẽ, đồ đạc xếp ngăn nắp chỉnh tề. Có điều rất ngộ là Mã Lai là xứ nóng mà từ tài công đến thủy thủ đều mặc âu phục, quần dài và áo tay dài cài khuy. Họ nói được những câu tiếng Anh thông thường. Những đợt sóng lớn chồm lên, nước văng tung tóe, ghe lắc lư mạnh. Chiêu ói đầu tiên, mặt xanh xám, rồi như bắt chước nhau, thằng Dân gì đó, Sơn ói liên tu bất tận. Phía bên kia, vợ Quách Linh Hoạt cũng ụa liên hồi, mấy đứa nhỏ ngồi bu xung quanh mặt mày bơ ngơ báo ngáo. Duyên cũng bắt đầu vág vát, nàng bèn bồng Bi lên phòng lái ngồi chung với mấy người già yếu. Trên đó có mái che và trái chiếu. Bi nằm ngủ ngon lành...

Ghe đi dọc theo bờ biển Mã Lai. Nhìn lên bờ về hướng trái thấy núi non xanh đen trùng điệp nối tiếp nhau không dứt, bát ngát mênh mông. Đứng là xứ của núi cao rừng sâu. Ghe

có lúc đi gần bờ, tôi rón rén nhìn thấy được những cao ốc, dinh thự của một thành phố lớn y như một thành phố Âu Mỹ lẫn khuất trong những rặng cây xanh. Có phải đây là Kuala Trengganu mà người ta thường nhắc tới? Những trụ điện cao thế băng ngang qua đồi núi, lẫn khuất len lỏi trong rừng sâu... Ghe vẫn nổ máy giòn giã tiếp tục cuộc hành trình dằng dặc.

Một anh thủy thủ buồn tình lấy dây câu ra câu cá. Đó là một miếng ván nhỏ hơi dài hình chữ nhật dùng để quấn dây. Lưỡi câu lớn có cột một chùm lông gà trắng. Dây câu được tuôn ra hàng trăm thước bề dài, kéo lướt trên sóng. Vì ghe chạy quá nhanh nên nó không chìm xuống được. Tôi nhìn cái nhóm lông gà trắng lẫn trong bọt sóng mong có một con cá rượt theo đớp mồi. Sợi dây câu lớn bằng cọng bún, chắc dành để câu cá lớn, giữa biển khơi đâu có cá nhỏ... Ngồi chờ hoài không thấy cá, anh chán nản để dây câu móc vào be ghe, đứng lên mở nắp hầm dưới khoang lấy ra những xấp màn ny lông dày màu xanh nước biển, quảng cáo với chúng tôi, -Ồ Bidong cần loại này để che nóc lều, qua đó mua mắc lằm, bây giờ anh bán rẻ cho. Mời mọc hoài cũng chẳng ai mua.

Cá cũng không cắn câu mà hàng cũng không ai mua, thua buồn anh ngồi xuống lấy thuốc ra hút. Lúc đó từ trong khoang bước ra một người dân sự độ bốn mươi tuổi, có mang súng còm cộm bên hông. Cũng giống như bất cứ anh công an nào, anh ta nói úp úp mở mở mình không phải là công an. Anh ăn mặc chải chuốt, nón trên đầu, giày dưới chum, khăn vắt túi, dây nịt khoen vàng, viết vắt ở túi, viết cầm tay ghi ghi, chép chép. Đúng là một nhơn vật quan trọng. Ghi chép hồi lâu chùng cũng chán, anh ta móc túi lấy ra một cọc tiền Mã Lai dày cộm, đếm đi đếm lại. Tụi tôi trở mắt ra nhìn. Mấy ngón tay anh lạnh lẽo hết sức, lật tờ giấy bạc kêu xoành xoạch. Tay này mà chia bài gian lận thì ai nhìn cho kịp... Xong màn biểu diễn, anh gạ tụi tôi có đồng hồ bán anh mua. Chiều đương cần tiền vội cời ngay cái đồng hồ cũ đang đeo. Mới có một tháng đi biển, cái đồng hồ tuy còn chạy nhưng xác xơ. Hơi nước đóng mờ trên mặt kiếng, nước mặn ăn loang lỗ vỏ ngoài. Vài ba người Tàu cũng đưa ra vài cái. Anh công an coi tới coi lui rồi chê. Anh đòi các hiệu nổi tiếng như Oméga, Seiko, Orient... Chiều tưởng là không bán được tính đeo lại nào ngờ nó lại chịu mua, trả giá mười đồng. Tất cả những cái khác nó đều mua hết...

Ghe đi được ba tiếng đồng hồ thì Bidong hiện ra trước mặt. Giữa biển cả sóng gió chập chùng một hòn đảo nhỏ xanh rì nổi lên chơ vơ, hiu quạnh. Có một đảo nhỏ bên cạnh nép kế bên như con rùa con bò kế bên con rùa mẹ. Pulau Bidong lớn hơn đảo nhỏ này nhiều nhưng so với Kapas thì Bidong nhỏ xíu. Từ đây nhìn vào bờ không còn thấy những rặng núi xanh xanh, đâu chỉ là lờ mờ. Chỉ còn trời và nước. Nó xa cách đất liền, lơ lửng giữa biển khơi. Cũng giống y như Côn Đảo của Việt Nam mình!

Mọi người xúm nhau mà ngó. Bidong đây rồi. Cái nơi tìm kiếm trên cả tháng nay. Năng lúc năm giờ chiều vẫn còn chói chang. Niềm hân hoan của mọi người trên ghe cũng như ánh nắng lung linh trên sóng. Gần một tháng ở đảo vắng xa cách hoàn toàn thế giới bên ngoài, bây giờ được gặp gỡ nhiều người, biết được nhiều việc, tiếp xúc được nhiều nơi... chắc là thú vị lắm. Phong cảnh rõ dần, rõ dần. Đảo là một khối hình tròn, giữa có núi đất. Rừng cây chỗ đậm, chỗ lợt. Những thân cây vì ở quá xa nhìn thấy nhỏ xíu đứng song song nhau trong khối lá xanh rì. Những chỗ lợt là những bãi trống loang lổ vì bị cháy rừng hay bị đốn phá bừa bãi...Có những đám khói xám trắng bốc lên ở đỉnh núi. Ở dưới

chun núi, sát mé biển cũng một rừng dừa. Những thân dừa sông đuột vàng lên dưới nắng. Thiệt, cái xứ Mã Lai chỗ nào cũng toàn là dừa.

Một cầu tàu nhỏ bằng cây chạy dài ra ngoài mé nước. Sơn níu lấy tay tôi:

- Anh coi kìa, chỗ nào cũng có lều...

Đến bây giờ thì tôi thấy rõ. Dưới những tàn dừa là những lều cao thấp chen chúc nhau, kê cận nhau, xô đẩy nhau nối tiếp, cái này nhô ra, cái kia thụt vào, hỗn độn rối rùi. Vui quá sức! Cả một sức sống vươn lên. Bidong có cái gì hấp dẫn hơn Kapas. Kapas chỉ là có cái cầu tàu bằng sắt sơn xanh là có bàn tay con người, còn tất cả là thiên nhiên. Bidong thì không. Từ ngoài cầu tàu, đến bờ cát, sâu vô trong, trên ghênh đá, trong các hốc núi, cheo leo trên thân cây, loanh quanh trên sườn đá đều có bàn tay con người xen vô. Đủ thứ màu sắc xanh đỏ tím vàng tha hồ mà tô điểm. Tôi trả lời Sơn:

-Bidong coi bộ hấp dẫn, anh bây giờ chịu cảnh rần rần náo nhiệt như vậy nè, ở bên Kapas buồn quá sống một tháng mà tưởng chừng một năm...

Sơn nhìn tôi:

-Lúc trước cũng anh nói anh thích Kapas yên tĩnh, sống gần gũi hòa hợp với thiên nhiên, bây giờ anh lại nói thích Bidong vì ồn ào náo nhiệt... Sao kỳ vậy?

Tôi cười:

-Ừ, anh cũng không biết tại sao khi vậy khi kia. Chắc muốn có cái gì thay đổi... cho cuộc đời vui hơn một chút... Anh chỉ cần mỗi ngày... vui hơn một chút thôi, không đã lắm sao!

Ba chiếc ghe Mã từ từ cặp bến. Cầu tàu bằng cây dài khoảng năm mươi thước, cột dầm cũng bằng cây lớn cắm sâu xuống những thùng phuy đổ đầy xi măng chôn dưới đáy nước. Nước biển trong xanh phản chiếu ánh nắng vàng rực buổi chiều chói mắt. Dưới chân cầu, hàng ngàn người da đen nâu đang nô đùa, lặn hụp trong sóng nước long lanh. Vì ở trên cao nhìn xuống tôi không phân biệt người lớn cùng trẻ con, đàn ông cùng đàn bà, tất cả đều nhỏ xíu xôn xao rộn rịp như đàn kiến. Ba chiếc ghe mới tới như miếng mồi ngon, đàn kiến ngưng đùa giỡn, bu quanh đen nghệt, người vịn thành ghe, kẻ bám cột cầu tranh nhau hỏi tíu tít đến từ đâu?

Tôi cố nhìn xuống đám người đang lội dưới kia, hy vọng gặp một người quen, nhưng hoài công, không dễ nhìn thấy được. Ai cũng mình trần trụi đen thui, râu tóc dài thậm thượt rậm rì, giống nhau như hệt. Sóng nhấp nhô dưới chun cầu, người bơi lội nhấp nhô theo sóng. Khi ghe đã cột đõi, chúng tôi được hướng dẫn lên đứng xếp hàng hai trên cầu để ban trật tự của đảo sắp xếp và kiểm soát. Hành lý được chuyển lên để kê bên. Bây giờ tôi mới có dịp đứng yên để nhìn vô đảo. Trên bờ người ta túa ra từ các ngả rậm rộ để coi ghe mới tới. Không thể tưởng tượng được tỷ lệ dân cư ở đảo này. Sao mà đông quá sức, cả rừng người chen lấn xô đẩy nhau. Phần đông đều ở trần, mặc xà lỏn, tóc dài, râu dài, chun mang dép cao su đủ màu. Loại dép Mã Lai đế rất cao. Họ đứng dày đặc ở bãi cát, ở dưới những gốc dừa. Cây dừa ở đây cũng cao vút như ở Kapas nhưng thưa hơn, dưới những tàn lá có vài mái nhà tôle, có thể là nhà hội, cơ sở của đảo.

Tôi ngó bên này, rồi ngó bên kia, trong đầu nghĩ tới vài người bạn đã tới trước. Tôi thèm gặp được một người quen lúc này hết sức. Nhìn hoài không thấy được ai, thôi vậy đứng tách riêng ra cho người ta nhìn mình. Nghĩ xong tôi đứng tách ra khỏi hàng, ở vị trí cho dễ thấy... Cho tới khi ban trật tự ổn định sắp xếp xong hướng dẫn cả đoàn đi vào nhà đợi

làm thủ tục nhập đảo, cũng chưa gặp được một người quen. Như vậy bạn bè vượt biên của tôi, ở đảo Bidong, chắc là ít lắm. Nhà chờ đợi cũng ở ngay mé biển, bên trái cầu tàu. Mái lợp tôle trắng, các cột bằng cây vuông, nền trắng xi măng, không có vách. Dĩ nhiên cũng không có bàn ghế gì hết. Ba trăm người vào ngôi lủ khủ bên các đồng hành lý của mình như món hàng triển lãm, bên ngoài vòng rào thiên hạ chen lấn nhau dòm vào. Nếu lúc thường mà bị dòm ngó như vậy thì khó chịu và mắc cỡ nhưng người tỵ nạn đã vô Bidong ở cái cảnh tận cùng đất đen, nói nôm na một chút là ‘cùi không sợ lở’ nữa rồi, còn gì đáng e ngại, quan tâm nữa đâu.

Tôi ngồi trên ra đó, bệt trên sàn xi măng, tai nghe mọi thứ âm thanh vang dội hỗn độn ồn ào xung quanh như trong một cái tổ ong bầu. Người ngồi bên trong nói vọng ra vang vang người bên ngoài chen lấn hét lớn vào, chia tay ở Việt Nam gặp lại ở Bidong xa xôi này không vui mừng sao được. Có những người là bà con ruột thịt, cũng có những người hàng xóm quen biết sơ sơ nhưng dầu là thân hay sơ câu chuyện cũng giòn giã thân tình. Bị phần nóng nực, phần ồn ào nên phát khóc, đòi đi chơi. Duyên vừa dỗ con vừa nói:

- Có qua đây rồi mới biết, sao mà hỗn độn rần rần, em muốn ngộp thở. Cái tên Bidong cũng là tiền định, làm em nhớ tới chữ bidonville...

Chắc nàng đang nghĩ tới khu Bàn Cờ, tôi thì nhớ tới những trại tỵ nạn của đồng bào An Lộc, Bình Long vào năm 1972, mùa hè đỏ lửa, cả chục ngàn người bỏ cửa bỏ nhà chạy đồ xô về Bình Dương sống chui rúc trong những căn nhà che tạm bằng bất cứ thứ gì lượm được: cây, ván, vải vụn, thùng giấy cạc tông... sống cảnh màn trời chiếu đất.

- Ủ, ừ, cũng ngộ thiệt. Bidong này với bidon kia có khác gì đâu. Gần bốn chục ngàn người sống trên một khoảnh cát nhỏ xíu như vậy. Trên thế giới chắc không có nơi nào tỷ lệ dân cư cao như ở đây. Mà đó em tại sao đảo này có tên là Pulau Bidong? Duyên suy nghĩ một hồi, chịu thua.

Tôi nói cho nàng nghe:

- Pulau thì dễ rồi, có nghĩa là hòn đảo, tiếng Việt mình cũng dùng y như vậy gọi là cù lao. Hồi còn ở Kapas có lần anh hỏi thằng Zăm Bri, tiếng Mã Lai nghĩa của chữ Bidong là gì. Nó nói Bidong là rần. Pulau Bidong là đảo rần. Chắc ở đảo này rần nhiều lắm nên mới được đặt tên như vậy.

Nàng hóm hỉnh nhìn tôi:

- Vậy Kapas là dừa, Pulau Kapas là đảo dừa...

Tôi cười trừ:

-Cái đó phải kiếm thằng Dân thủy thủ để hỏi, tên đảo Dừa của nó đặt ra đó!...

Lúc đó thì Chiêu đã gặp lại anh bạn học ở Hóc Môn, thơ ký của chiếc 0126C, rồi tới anh Tư Trần Hưng Đạo, anh chị Thuần, chị Diệp gặp được dì Chín, cậu Tám... nhiều như là các người Tàu. Câu chuyện nỏ ròn như bắp rang. Tôi ngó mông, ngó mênh mãi cũng không gặp được ai quen. Cho đến khi rời khỏi chỗ tạm trú qua đêm mới gặp được một cô học trò cũ. MẠch Ảnh Lang học ở Hoàng Diệu Sóc Trăng. Cô ta đã tốt nghiệp Y khoa một lượt với Tuyết và Tiến. Cả hai gặp lại nhau mừng rỡ tí tí nói chuyện huyền thuyên. Ảnh Lang đã đến đảo từ mấy tháng trước, ngày mốt là lên đường đi định cư ở Úc. Người trên đảo đông nghẹt như trong hội chợ nên đường sá rất khó định hướng. Nhìn chỗ nào cũng thấy người ta, tôi sợ lạc nên từ giã Ảnh Lang đi theo dòng người về nơi tạm trú. Len lỏi trong rừng người, chen lấn xô đẩy vượt qua một đoạn đường giống như khu chợ trời ở

chợ cũ Hàm Nghi, hai bên là những người ngồi bán các loại hàng hóa của Mỹ của Mã Lai trên các thùng các tông. Đường đầy rác rưởi, đất cát dơ bẩn lồi lõm quanh co. Mãi rồi cũng tới khu đất trống để tạm trú qua đêm. Quãng cái sắc marin bị cùng cái xách tay xuống đất, tôi ngó quanh. Hỡi ơi! Khu tạm trú là đây sao? Dưới là cát đầy rác rưởi, xung quanh la liệt những người bày hàng bán chợ trời, rải rác có các cây dừa cao. Bầu trời đã đầy sao. Trời tối từ hồi nào tôi không hay biết. Trên các sạp thấp lè tè người ta đã lên đèn. Đèn là các hộp lon coca tim vải, đốt bằng dầu lửa hoặc dầu cặn khói tù mù. Người đi chuyển qua lại dùng đèn bấm để soi, ánh sáng chớp chóa, chớp tắt liên hồi. Cả một cảnh tượng hỗn độn, kỳ cục, lạ mắt, một cảnh sinh hoạt tìm không ở đâu có, chỉ trừ ở hải đảo lè loi này. (Chợ âm phủ trong các chuyện cổ tích được ghi chép lại chắc cũng y như vậy: các hồn ma cũng đi chợ, cũng mua bán trả giá, cũng dùng tiền giấy, trong những ánh đèn chớp chòn...)

Các bạn gặp được người quen đến trước, họ lần lượt đi gọi hành lý và xin ngủ nhờ qua đêm, khỏi phải chịu cảnh màn trời chiếu đất đêm nay. Anh Tư Trần Hưng Đạo, anh chị Thuần và đám chị Diệp, chị Kiều đã đi rồi. Chỉ còn đám anh em tôi, tứ cố vô thân, ngó quanh ngó quắt không quen ai để nhờ vả. Một đồng hành lý ngùn ngụt, trời tối mò mò. Có vài người đứng nhìn chúng tôi e ngại, họ nhắc khéo nên coi chừng ăn cắp, ở đây hở ra cái gì là mất cái đó... Thôi phải rán tụt tụt cương. Tôi trải tấm ny lông trên bãi cát dơ, cạnh gốc dừa gom hết hành lý dồn đống lại. Đành đêm nay ngủ đỡ tại đây! Ngồi xuống tấm đệm, dựa lưng vào mấy cái gói xách, tôi duỗi tay chun. Mấy bắp thịt nhão ra, mỏi nhừ. Đến bây giờ mới thấy mệt. Cổ họng khát khô. Duyên lục trong túi xách tay tìm được một thùng nước nhỏ, tôi cầm lấy uống một hơi, để xuống, cơn khát đã đỡ nhưng trong lòng cảm giác bơ vơ, trống vắng. Bóng đêm tối đen mù mù, tiếng chun người xào xạc trên cát, những ánh đèn bấm chớp tắt, chớp tắt...

Sơn và Dân gì đó sau một hồi dạo lên dạo xuống, sợt về. Dân ngồi xuống mặt đệm:

- Mình có thể nhắn tin tìm người quen ở phòng thông tin gì đó.

Tôi hăm hở:

- Làm sao để nhắn tin?

-Anh viết tên tuổi địa chỉ hiện ở cùng số ghe của mình gì đó rồi đem lại phòng thông tin. Ở đó họ sẽ đọc lên loa phóng thanh gì đó cho mọi người cùng nghe...

Sơn lục trong đồng hành lý tìm giấy. Không có. Tôi thoáng thấy mấy hộp cá mèi lẫn lóc, bèn cầm lên gỡ lấy cho mỗi đũa một tờ nhãn hiệu cá đỏ bầm phía sau còn trắng bong có thể dùng để viết được. Cả ba hí hoáy vội vàng những chi tiết vào tờ giấy nhỏ bằng bàn tay... Tôi cùng đi với Dân và Sơn trở lại con đường hồi nãy rồi quanh về bên trái. Phòng thông tin được cất dưới tàn dừa âm u, bên trong có đèn điện sáng choang, vách cây dùng bốn phía. Tôi đứng ngay cửa sổ, chờ đợi. Sơn đứng kế bên. Cô xướng ngôn viên mặc áo trắng tay tóc ngắn thấy ba anh em tôi đến, quay lại. Sơn mừng quá la lên:

- Ô, chị Ba, em nè.

Cô xướng ngôn viên cũng khựng lại, mừng hết sức:

- Sơn đó hả, tới hồi nào vậy, sao không kiếm chị?

Sơn cười tươi rói:

- Em mới tới hồi chiều, kiếm phòng thông tin để nhờ nhắn tin tìm chị đây nè!

Nó đưa tờ giấy nhắn tin viết trên lưng nhãn hộp cá mèi. Cô nhân viên trẻ đẹp đó là chị ruột của cô bồ Sơn. Cả gia đình của cô đã tới Bidong trước mấy tháng nay đang chờ đi

định cư ở Mỹ. Sơn mừng hóm, chạy về xách hành lý để theo tiếng gọi của... con tim. Tôi và Dân gì đó bị bỏ rơi, hai anh em bơ bơ đi trở về.

Ở 'nhà' Chiêu cũng không chịu ngồi yên, nó đi đông đi tây, may quá gặp được các người quen ở Bình Dương. Một số vội vàng đến thăm. Tôi từ từ thấy được một góc trời quê hương. Chị Mỹ Á bán vải ở nhà lồng chợ, anh Hưng Thạnh bán gạo ở mé sông cùng vợ chồng anh Liêu Thạnh. Anh Liêu Thạnh còn trẻ độ hai lăm, hai sáu có nhà ở sát cạnh nhà tôi, cũng bán gạo. Cô vợ bỗng con còn nhỏ, anh mừng rỡ:

- Mấy anh có ăn uống gì chưa?

Tôi vội trả lời:

- Từ trưa tới giờ lung tung mọi chuyện nên không có thì giờ. Bây giờ rảnh rồi nhưng bếp núc đâu mà nấu?

Anh lục lục trong cái xách tay, cầm lấy mấy gói mì, miệng lạnh lạnh nói với vợ:

- Coi nè, mấy anh có gạo, có mì, có sữa...

Chị vợ mau mắn:

- Vậy thì mình nấu mì ăn đi cho vững bụng.

Tôi lo lắng:

- Làm sao có bếp, củi để nấu nước sôi?

Anh cười:

- Dễ quá, dễ quá, để tôi lo cho, có liền mà. Mấy anh chị chờ một chút nghen...

Anh vọt chạy về. Chừng một lúc sau anh khệ nệ bung ra một nồi nước đầy nước còn nghi ngút khói. Chị vợ đã kỹ lưỡng cầm theo đủ cả chén đũa. Đoạn đường từ lều đến chỗ tạm trú cũng khá xa, đường ban đêm quanh co khúc khuỷu tối tăm, anh khiêng nồi nước nóng, cô vợ cầm đèn pin soi đường. Thiệt là ân nghĩa hết sức. Cách cho quý hơn của cho. Trong đời thỉnh thoảng tôi nhận được những tấm lòng thương yêu quý báu của những người thân và không thân. Tôi phải làm sao để đền đáp được những ân tình ấm áp đó?

Tôi ăn một chén mì, thấy đã no, ăn không nổi nữa, có lẽ mệt quá. Sau đó một thanh niên đến hướng dẫn tôi lại lều của dì Sáu để biết chỗ liên lạc với chị Diệp. Trời tối đen thui không thấy gì hết, nó đi len lỏi trong đám người đi mờ mờ, đèn đuốc không có, quanh quanh co co mãi một hồi lâu thì đến nơi. Nhìn quanh thì hỡi ơi! Đó là một cái lều cây nhỏ ọp ẹp, bước vô cửa phải cúi thật thấp nếu không muốn bị đụng bẻ đầu. Trong lều có sàn duy nhất hẹp tẻ làm bằng những đoạn cây nhỏ cỡ ngón chum cái ghép lại. Cái sàn này vừa dùng để hành lý, để ngồi và cũng để ngủ. Cái mặt sàn nổi u nổi nân làm sao mà nằm? Một đồng đồ đạc chất gần sát vách choán gần hết phân nửa mặt sàn. Một mình dì Sáu cũng đã chật rồi, bây giờ lại thêm chị Diệp với hai con nhỏ và mấy đứa em. Vậy thì phải giải quyết ra làm sao, tôi không biết. Đông qua, chỗ đứng cũng không có nói chi đến chỗ nằm. Trên boong ghe BL 1648 cũng còn rộng hơn.

Dì Sáu khoe đã mua căn lều này giá một lượng vàng. Nó khá nhứt ở khu này đó! Tôi thụt lùi trở ra và đó là lần đầu tiên biết thế nào là một căn lều ở Bidong. Tôi vội từ giã để về, đêm hôm khuy khoắc. Chết rồi, hướng cũ chỗ nào, trời lại tối đen, thôi cứ đi đại. Tôi len lỏi trong các đường hẻm sinh lầy, chum mang đôi dép đút đi bước thấp bước cao. Đường đi lại có nhiều gốc cây nhỏ chặt không sát, thỉnh thoảng trồi lên một gốc, vô ý đá mạnh vào xước da chảy máu, đau thấu tận trời xanh. Mò mẫm đi một hồi lâu ra tới bờ biển lạ hoắc. Nhìn kỹ đây không phải là chỗ lên hồi chiều. Tôi nghe tiếng nhạc bập bùng, giọng

ca eo éo, rải rác trên bãi một đám đông nhàn hạ thành thoi hóng gió nghe nhạc ké trong quán vắng ra. Tôi còn bụng dạ nào nán ná chần chờ ở đây để thưởng thức những giọng oanh vàng. Phải hỏi đường cho kỹ để về khu tạm trú. Tôi hướng về cầu tàu rồi loay hoay cũng về được chỗ cũ. Tôi vừa về tới nơi thì vợ chồng con cái anh Tư Trần Hưng Đạo cũng trở lại tìm chỗ ngủ. Rồi tới chị Thuần, kế đó là mẹ con chị Điệp với mấy đứa em. Thì ra Bidong lòng ai cũng rộng nhưng lều thì hẹp quá, thôi tất cả đành ngủ tạm trên bãi cát dơ!

*Võ Kỳ Điền*

**Chương 16:**

## ***HẢI ĐẢO BUỒN LÂU BI ĐÁT*** (Chương 16 Phần 2)

Sương khuya lành lạnh, sóng vỗ rì rào, mọi người đã chọn chỗ nằm, tha hồ mà ngắm sao đêm nay. Tôi và Chiêu còn ngồi nhìn đọt dừa nói chuyện. Các gian hàng chợ trời đã dẹp sạch trơn. Trên con đường trước mặt, một người nhỏ con lùn thấp đen đúa, mặc một cái áo thun trắng dài sọc gần tới đầu gối đang đi ngang. Tôi khều Chiêu, thì thầm trong bóng đêm:

-Nhìn nè, có thằng nhỏ không bạn quân đi kia kia...

Chiêu nhìn rồi trả lời:

-Sao anh biết nó không bạn quân?

-Có thấy cái quần chỗ nào đâu. Cái áo phủ tới đầu gối. Có thể có mà cũng có thể không. Theo anh đoán thì không có...

Chiêu cười hà hà, hỏi lại :

-Tại sao anh đoán như vậy?

-Dễ hiểu quá mà, ở Bidong này trời nực... để trông trái vậy cho mát.

Hai anh em cười hăng hắc, bỗng nhiên Chiêu chợt nhóm dậy, chạy theo người vừa đi ngang, miệng hỏi:

-Xin lỗi, anh phải anh Năm, Trung Sĩ Biệt Động Quân không?

-Anh Chiêu, anh qua đây hỏi nào. Tôi chờ anh mấy tháng nay...

Hai người gặp lại nhau, có nhiều chuyện để nói. Tôi rón rén nhìn kỹ để kiểm coi anh bạn mới, ngoài cái áo thun dài ra, còn có mặc gì nữa không? Tiếc quá, trời tối mò mò, nên không thấy được gì hết trơn! Lần lần qua câu chuyện, tôi được biết anh Năm trung sĩ là người quen với anh rể Chiêu. Lúc trước anh rể Chiêu qua Bidong dựng cái lều cây kế khu chợ trời này để ở. Sau đó anh được đi Mỹ có nhờ anh Năm ở lại giữ lều dùm, dặn kỹ là kiểm Chiêu để giao lại. Như vậy cũng đỡ. Anh Năm thấy có nhiều trẻ em còn nhỏ, bèn nói:

-Đằng lều còn chỗ trống, anh Chiêu sắp xếp cho mấy chị có con nhỏ dời qua bên đó ngủ tạm đêm nay đi... chớ ở ngoài trời sương gió như vậy bất tiện.

Tôi sửa soạn khăn và nước uống cho mẹ con Bi đi với chị Điệp cùng Trung, Dung, miệng nói:

-Tụi tôi cảm ơn anh Năm nhiều lắm. May mà gặp anh đêm nay, nếu không thì phải ngủ hết ngoài trời.

Anh Năm cảm động:

-Có gì đâu anh, gặp lại Chiêu em mừng lắm. Để em giao cái lều lại cho... Em cũng gần được đi Úc rồi, rui khi đi mà không gặp được anh, em cũng không biết phải làm sao?

Rồi anh cười, nói tiếp:

-Nói thì nói vậy chứ, em cũng đã tính rồi, đầu đó xong xuôi. Cái lều tốt quá, hồng lễ bỏ uổng, lúc đó chắc phải bán rẻ, kiếm một mớ xài đỡ... rồi khi nào có gởi qua Mỹ trả lại.

Tối đó Duyên ẵm Bi, chị Diệp dẫn Trung, Dung, cô Bằng ẵm bé Linh đến lều của anh Năm. Anh chị Năm nhường chỗ cho những người mới tới. Cả hai ngủ ở hai cái võng mắc vào các gốc cây. Lại một lần nữa vào phút chót, tôi được một ân nhân, không quen không biết ra tay giúp đỡ.

Còn lại ở đây toàn là người lớn. Tôi trải các quần áo, mừng mèn bị mưa ướt buổi sáng ở Kapas chưa kịp phơi khô ra trên các ba lô, xách tay để phơi, rồi nằm ngủ đại trên tấm ny lông dơ, giắc ngủ chập chờn vì sợ người ta lấy cắp đồ đạc. Khoảng một hai giờ khuya, có trận mưa nhỏ, cả đám chạy vào lều bên cạnh núp mưa. Những luồng gió mạnh rít lên từng cơn, thổi tạt những giọt mưa bay ngang rào rào, nước thấm ướt đầu, ướt cổ man mát. Ở phía nhà chờ đợi một ngọn đèn điện sáng đỏ quạch cô đơn. Chúng tôi lom khom nép người vào vách lều kể bên, nhìn mưa, không ai nói tiếng nào. Cả đảo im lìm, hiu quạnh thê lương... Mưa rồi cũng tạnh, tôi ra ngủ tiếp. Giắc ngủ mê man! Suy nghĩ cho cùng, trong cái khổ cũng có cái sướng. Trong đời chưa bao giờ, tôi được dịp nằm ngủ thẳng cẳng giữa chợ, không mừng mèn chiếu gối, một cách bụi đời như tối nay!

Đó là đêm đầu tiên tôi bước chum tới đảo Bidong, hải đảo nóng bức của vùng xích đạo, hải đảo mà hàng chục ngàn thuyền nhơn Việt Nam nghe tới tên phải xúc động thần thờ. Không biết kể từ bao giờ, mỗi khi nhắc tới nó, người ty nạn vừa âu yếm, vừa mỉa mai, gọi bằng một cái tên mới đặt, hải đảo Buồn Lâu Bi Đát. Cái tên sao mà bi quan và hơi cái lương. Thiệt tình mỗi khi nghe tới, đâm rầu thú ruột!

\*

\* \*

Lều anh Năm áo thun ở tuốt về phía vách đá cuối bãi, khi tới nơi queo mặt một đôi rồi queo trái. Nó thuộc khu G của đảo. Muốn đi đến đó phải băng ngang qua khu D chợ trời. Trời vừa tang tảng sáng tôi đã dọn dẹp xong đồng đồ đạc ngọn ngang, nhường cái bãi cát dơ lại cho mấy bà bạn hàng để quăng rác. Chiêu đi trước dẫn đường loanh quanh trong con hẻm nhỏ vừa đủ lọt một người đi. Tôi theo sát vì sợ lạc. Chung quanh lều cất san sát, cái cao cái thấp chen nhau, không còn một khoảng trống. Quang cảnh hỗn độn rồi nùi. Thỉnh thoảng tôi phải dừng lại, nhìn trái nhìn phải để định hướng. Đây rồi mẹ con Bi cùng mấy đứa nhỏ đang ngồi trên sàn. Tôi bỗng lấy Bi, thằng bé ôm lấy tôi, mừng rỡ. Duyên hỏi:

-Hồi hôm hình như trời mưa, mấy anh làm sao? Có bị ướt nhiều không?

-Mưa cũng nhỏ, tụi anh chạy qua lều kể bên đụt tạm. Sao, mẹ con ngủ ngon không?

Duyên mặt mày tươi tỉnh:

-Mệt quá nên nằm ngủ một giấc tới sáng. Thôi, lo rửa mặt rửa mày rồi ăn điểm tâm.

Tôi đứng nhìn cái lều. Nó được dựng trên ba cây cột to bằng bắp chum. Cây cột thứ tư là một gốc cây lớn cỡ vòng ôm, trên đọt còn đầy đủ cành lá xanh um. Nhờ vậy mà lều rất chắc chắn. Căn lều cao căng này cũng được lót sàn, cao chừng một thước rưỡi, có một cái thang ở ngay trước cửa, dùng để lên xuống. Như vậy cũng tiện, bao nhiêu bụi bậm rác rưởi đều lọt tuốt xuống đất. Mặt sàn cũng bằng cây tròn nhỏ dài cỡ hai thước, ghép sáy



lại để nằm ngò, sinh hoạt. Nhìn những mắt cây sần sùi, nổi u nổi cục, cây thì thẳng, cây thì cong, tôi lo lắng:

-Cái mặt giường lồi lõm như vậy, làm sao mà nằm?

Duyên trả lời:

-Khi nằm phải lựa thế từ từ ngã lưng xuống... chớ nằm lẹ thì bị cắn đau lắm.

Tôi sực nhớ ra ở Bidong, tất cả vật liệu xây cất đều phải tự kiếm trên núi. Đinh búa thì xuất tiền túi ra mua ở chợ trời. Ban quản trại chỉ phát cho đồ ăn với nước uống, làm gì có tới cây ván phẳng phiu để làm giường, làm chiếu. Mà nếu có, thì phải chờ bao nhiêu tàu cho đủ? Có tất cả bao nhiêu cái lều ở đảo này? và bao nhiêu nữa đang được cất thêm? Diện tích mặt sàn cỡ bằng bộ ván lớn. Đằng trước, đằng sau, bên phải, bên trái, bị các lều lân cận ép kín mít, chỉ hở có trước cửa, một con đường ra vô chỉ khoảng một thước mà thôi. Cũng còn một chỗ trống nữa chớ. Ở vách bên phải còn dư một khoảng đất trống độ một thước ngang ba thước dài. Người anh rể Chiêu làm một cái nhà tắm và một cái bếp nấu ăn. Cái nhà tắm nhỏ như cái hộp cạc tông, còn cái bếp làm bằng đất sét, mỗi lần nấu nướng khói um mịt mù. Tất cả chỉ có bao nhiêu đó. Nếu muốn kê thêm thì có thể nói dưới sàn là rãnh nước chảy ngoằn ngoèo, dơ dáy. Cái rãnh chứa hết tất cả nước dơ của các lều khác chảy ngang qua đây rồi chảy về đâu nữa, làm sao tôi biết được!

Hành lý đã sắp xếp gọn ghẽ trên mặt sàn, tôi ăn tô mì tôm buổi sáng. Tô mì ngon hơn tối qua, có lẽ vì đói quá. Năng đã len vàng trên đọt cây xanh. Nóc lều còn một khoảng trống, phải lợp thêm, nếu không mưa lớn sẽ ướt hết quần áo, đồ đạc. Bây giờ thì sinh hoạt của đảo đã bắt đầu rộn rịp. Trong các túp lều chật hẹp thiên hạ tuôn ra đông đúc rộn ràng. Tôi lần theo lối cũ, trở ra khu chợ trời. Người ta ngồi bán dọc theo hai bên lối đi. Trước mặt mỗi người là một thùng giấy cạc tông hoặc một tấm ny lông làm đệm, trên đó chất đủ loại mặt hàng cần dùng: kem đánh răng, khăn, mùng, bao ny lông đựng đường hoặc bột, đèn bấm, đường, gạo, bột, muối,... Có cả những thứ xa xỉ như bôm, nho, xá lý. Nhiều như là những thùng nước ngọt Coca Cola với Seven Up. Có một gian hàng bán đủ loại đình ốc, kèm búa, cưa, kéo. Tôi đứng nhìn mê mẩn, món nào cũng cần, cũng hấp dẫn dễ sợ. Gần bốn năm năm nay sống dưới chế độ mới, không thấy mấy món hàng bày bán ở chợ trời như những thời gian trước đây, bây giờ thấy lại mừng quá, như gặp cố nhơn. Những cái khăn tắm mịn màng, những hộp bánh, hộp kẹo ngon nổi tiếng, những đồng hồ Nhật và Thụy Sĩ, những chai dầu thơm... tất cả như chào đón, mời mọc. Mắt nhìn nhưng chun thì bước đi, trong túi không tiền thì làm sao để có mà mua?

Tôi nhìn về phía trái, thấy đó là phòng Y Tế của khu D. Những người bệnh vào xin thuốc đứng đây ra tới cửa. Ai có sáng kiến lập phòng này ở đây coi bộ không khá, vì chỉ cách xa độ mười thước thôi, một dây cầu vệ sinh công cộng quay mặt ngó xéo vào. Cầu được đào sâu dưới cát trên lót ván, xung quanh được che bằng tole dợn sóng, cao khoảng một mét rưỡi, không có nóc. Chỉ có đàn bà con gái mới cần đến, còn đàn ông, con nít thì chịu khó mất công đến đây làm gì, mé biển hoặc hốc núi chỗ nào cũng được, lại sạch sẽ, thoải mái. Chừng tuần sau dây nhà cầu này bị dẹp bỏ, cả đảo hoàn toàn không có một cái cầu nào. Tôi mới đến có một ngày, chưa biết được gì nhiều, vả lại cũng không quen với một vị nào làm việc trong trại nên không nghĩ ra được là ở Bidong nên lập cầu vệ sinh hay không nên? Nếu nên lập thì tại sao có rồi phá bỏ, còn nếu không nên thì cả đảo là một bãi phân khổng lồ. Như hiện giờ trên đường đi, trên bãi cát, ở góc cây chỗ nào

cũng có những mình bấy can quân ta gài lại trong đêm hôm khuya khoắc, sợ ý là dẫm phải. Ở vào trường hợp này không cần vào phòng Y Tế mà phải chạy lẹ ra mé biển... để rửa chun! Cũng do vấn đề vệ sinh, tôi mới chợt hiểu công dụng của cây đèn bấm chớp tắt liên hồi trong đêm hôm của những người đi đường! Ai cũng phải có, không có là không được!

Tôi phải nín thở đi thật lẹ khi ngang qua đây. Trời ơi, cái chỗ tôi nằm ngủ hồi hôm cũng đâu có cách xa gì. Cái đồng rác chinh ình kê bên. Rồi cái bãi cát dùng làm chỗ tạm trú cũng ở kế bên đó luôn. Vậy mà đêm qua tôi dám cả gan nằm ở đó, ngủ một giấc ngon lành. (Vị nào trong ban tổ chức trại, có sáng kiến chọn khu tạm trú cho người mới tới ở chỗ này, thiệt là bắt nhon!)

Nắng đã bắt đầu nóng, mồ hôi rịn ra trên lưng. Những người thợ hót tóc đã bắt đầu hành nghề bên cạnh những ông thợ bạc đang mài mài, dũa dũa các món nữ trang. Tôi thấy dưới gốc cây bàng lớn là phòng đánh điện tín dành riêng cho người ty nạn, vài ba người đang chờ đợi tới phiên mình. Quãng đường tự nhiên hẹp lại. Một căn nhà tuy đã cũ nhưng kiên cố, to lớn và khá đẹp được rào kín đáo. Nhà cất kiểu cao cảng Mã Lai. Mặt sàn cao chừng một thước rưỡi, cầu thang đi lên nhà được xây bằng gạch tô xi măng.. Ở đảo này mà lại có một căn nhà kiểu lạ không biết của ai, tôi đứng nhìn tò mò, không thấy người bên trong. Ủa, sao lại có người ở dưới sàn, đầu cạo trọc lóc. Anh ta nhìn tôi, vẻ mảy mê lương, nước da xám đen. Tôi nhìn kỹ hơn. Hai tay anh được tự do nhưng cổ chun bị xiềng vô gốc cột. Trời, sao kỳ cục vậy? Nét mặt này là người Việt hay người Tàu chớ không có vẻ gì là người Mã Lai. Từ trong nhà đi ra hai người cảnh sát Mã cầm súng sẵn to nòng. À, thì ra cái nhà này là cơ quan cảnh sát Mã Lai trên đảo. Vậy mà tôi đứng đây hồi lâu không biết.

Tôi vội bước đi mà lòng thắc mắc, người bị nhốt dưới sàn kia, tội tình gì mà phải xiềng xích và đầu bị cạo trọc? Một nỗi buồn vô cớ len len trong lòng khiến tôi bước đi vội vã để tránh chỗ này. Tôi không muốn nhìn cảnh tượng thương tâm diễn ra trước mắt, cuộc đời vốn đã nhiều khổ sở, càng thấy nhiều, biết nhiều lại càng khổ hơn. Nhưng dầu muốn thấy hay không muốn thấy, cũng không do ý mình. Vừa qua khỏi nhà chờ đợi tạm mà tôi đã vào làm thủ tục hôm qua, mắt tôi chợt thấy một nhóm ba người đàn bà Tàu đang lên nhang đèn si sụp khấn vái. Trước mặt họ, dưới một gốc cây dừa già cổ, một cái miếu nhỏ đóng bằng cây ván vụn một cách thô sơ, sơn đỏ bầm trên đó một hàng chữ Tàu ngoằn ngoèo đậm nét. Đám đông rầm rộ xung quanh. Một lư hương cắm đầy nhang đỏ khói lên nghi ngút. Những lời cầu nguyện lẫn trong tiếng động vô tình. Tại sao nơi đây lại có một cái miếu nhỏ? Tôi hỏi một chủ lều bên đường, ông ta đang đứng thong dong - 'cách đây mấy tháng một ông già ngồi ở chỗ đó bị dừa rút trúng bể đầu, chết liền tại chỗ. Ông là người đầu tiên chết ở Bidong này, được đem chôn trên đồi tôn giáo đó!'

Nói xong ông ta ngo về phía giếng đông người, thản nhiên không một xúc động, trong tay còn cầm cọng nhang xia răng... Tôi nghiệm ra một điều ở Bidong này số lượng người đông như kiến thành ra đời sống của mỗi cá nhon bị chìm ngập trong đám đông. Mỗi cá nhon nhỏ nhoi quá, không có nghĩa gì hết. Ai bị gông xiềng thì cứ thản nhiên ở tù, ai bị dừa rút bể đầu thì cứ thản nhiên chết, còn ai chưa bị gì hết thì cứ thản nhiên mà sống. Dòng đời cứ thản nhiên trôi. Chỗ này có người khóc, chỗ khác người ta cười. Đâu còn ai có thì giờ để quan tâm đến người khác chi cho nhọc sức. Tôi nhìn cái miếu đỏ mà lòng xôn xang. Ông già này là người tình nào? Đã tốn bao nhiêu tâm huyết, tiền của vượt thoát

được bao nguy hiểm bủa vây tứ phía, từ Việt Nam qua được tới đây? Ông còn để lại vợ, con? Ông chết đi như vậy còn ai thương nhớ? Bất chợt tôi nhìn một lượt toàn cảnh. Cả trại nằm trọn trong rừng dừa. Còn hàng ngàn cây chưa đốn, những túp lều chen nhau núp dưới bóng mát của nó. Rồi sẽ có bao nhiêu trái dừa sẽ rớt, sẽ có bao nhiêu người nữa bị lên đồi tôn giáo nằm cạnh ông già bất hạnh kia? Chỉ có trời biết thôi, mà trời thì ở cao xa thăm thẳm không thềm nói trước!

Tôi đi ra tới cầu tàu mà trong đầu cứ còn lớn vồn hình ảnh ông già mệt mỏi xơ xác sau bao ngày vượt biển đến đây, ghe phải vất vả gian nan mới cặp được vô cái cầu tàu này. Ông được lên bờ và ghé vào ngõ dựa gốc dừa để nghỉ mệt... Phải chi ông bị chuyện rắc rối tới trễ một vài phút, phải chi trái dừa rớt sớm hơn vài phút, phải chi nó rớt trật qua một bên và hàng ngàn cái phải chi khác... nối tiếp nhau cho tới cái phải chi cuối cùng thì tôi vỡ lẽ. Đó là, phải chi đừng có Việt Cộng vô xâm chiếm miền Nam thì ông già đâu có vượt biên làm gì, mà ông không vượt biên thì làm sao dừa Bidong rớt trúng đầu ông được. Và từ đó tôi suy ra hàng trăm, hàng ngàn nỗi khổ đau cực nhục của người thuyền non, tỵ nạn Việt Nam phải gánh chịu là do cái chủ nghĩa Cộng Sản thiếu trái tim người gây ra. Mà suy nghĩ cho cùng, đâu phải chỉ có mấy trăm ngàn thuyền non chịu khổ đau, cả xứ Việt Nam sáu chục triệu người cũng đồng chung một thảm cảnh giống nhau. Phải chi... phải chi đừng có chủ nghĩa Cộng sản thì dân tộc sẽ hạnh phúc biết bao nhiêu!

Tôi lần đến cầu tàu. Hàng trăm người vẫn vơ đứng ở đầu cầu, đa số đều ngóng nhìn ra khơi. Không biết họ tìm gì ngoài đó. Những câu chuyện về chuyến đi, những may mắn cùng những hải hùng được nhắc đi nhắc lại. Ai ai đến đây cũng đều bị một dấu ấn khắc sâu trong lòng cho đến chết cũng không quên. Chuyến đi của cả một đời. Chỗ này thuộc khu A, người ta ra đây để hóng mát, để gặp gỡ hàn huyên. Nước biển đầy rác và phân người. Vậy mà chiều hôm qua, tôi đã thấy hàng ngàn người lặn hụp dưới đó. Minh mấy bụi bặm dơ dáy mới đi tắm, mà tắm ở đây xong thì dơ hơn! Cũng ngộ quá sức!

Cái cầu cây dài cả trăm thước này được gọi là cầu supply, tôi nghe mọi người đều gọi như vậy. Cũng đúng thiệt! Từ sớm mơi cho tới nửa đêm, người ta đã chuyên chở vô đảo không biết bao nhiêu tấn thực phẩm và hàng hóa. Các thanh niên tự nguyện thuộc khối tiếp tế có đến mấy trăm người, thay phiên nhau công tác liên tục. Họ di chuyển trên cầu, ở xa trông như đàn kiến tha mồi vào tổ. Kho chứa là một dãy nhà tôle nằm dài theo bãi cát bên phải đầu cầu. Xa một chút, xác một chiếc tàu sắt nằm nghiêng trên bãi chơ vơ như một bộ xương rỉ sét... (danh từ cầu supply chỉ phổ biến vào năm 1979, đến 1980 trở về sau được điều chỉnh để gọi cho đúng là cầu jetty).

Trời đã nóng gắt, oi bức dễ sợ. Tôi cởi áo cầm tay. Mọi người đều ở trần, tôi cũng thử ở trần đi giữa đám đông coi thử ra sao. Cũng thoải mái, đâu có gì ngại ngùng. Con đường chánh từ cầu supply đi thẳng vô trung tâm hành chánh của trại, bê ngang độ chừng hai thước. Nó là đại lộ Lê Lợi của Bidong, người đi như nằm trên mặt đất nện vàng éo. Một vũng nước đen ngòm nằm bên đường đầy rác rưởi rong rêu chảy ngang qua lộ bằng một đường mương nhỏ. Người ta phải bắt qua vài tấm ván mỏng gập ghình. Rồi sau đó là người và người, tôi bị chìm mất trong đám đông di chuyển hôn độn. Một rừng người xô đẩy chen lấn nhau, phức tạp, rối nùi. Có một giếng nước ngọt ở đầu đường, đông ghệt người đến lấy nước. Ở đây không có việc sắp hàng chờ đợi. Mạnh ai nấy quãng thùng

xuống giếng rồi sau đó kéo lên, được bao nhiêu hay bấy nhiêu. Tiếng thùng thiếc va chạm nhau gây nên một âm thanh loảng xoảng vang dội. Nhìn cảnh lấy nước giành giật nhau từng lon, tôi ngao ngán. Trơi, phải tả xung hữu đột để kéo lên một lon nước nhỏ, thiệt là vất vả quá. Rồi phải bao lâu mới được một thùng?

Tôi đi hướng về trung tâm của khu A. Một cái ổ ong lớn hoạt động nhộn nhịp rộn ràng ở các dãy nhà ngang, dọc. Khu hành chánh của trại ở đầu đường trên một bãi đất nện được đắp cao. Hai dãy nhà cây lợp tôle dọn sóng, vài cái lều cây và lều vải nhà binh được dựng thêm kế bên. Tất cả đều được một hàng rào kẽm gai vây quanh, những chỗ thiếu kẽm, người ta lấy cây ván thế vào. Những người có thiện chí và khả năng ự nguyện góp công góp sức mình đang lằng xằng làm việc. Có những người đàn ông, đàn bà và đa số là thanh niên trẻ tuổi. Họ đến từ một phương trời xa xăm, không quen biết nhau, vì cùng một cảnh ngộ, đem sức lực và tâm trí đóng góp vào việc chung của trại. Quyền lợi thì hoàn toàn không có gì nhưng trách nhiệm và bổn phận thì khá nhiều. Tôi gặp ngay ông trưởng trại, một người bạn cũ, có một thời anh làm hiệu trưởng trường Trung Học Thoại Ngọc Hầu ở Long Xuyên. Mười năm rồi mới gặp lại nhau, anh cũng không thay đổi chút nào, người nhỏ con rắn chắc, đôi mắt xanh như mắt mèo vì có dòng máu lai, dân gốc ban Pháp Văn, Đại Học Sư Phạm Đà Lạt. Anh gặp tôi mừng rỡ hỏi thăm tin tức quê nhà và các bạn cùng trong nghề dạy học ở Bình Dương. Tôi cũng mừng lắm vì gặp lại bạn cũ ở nơi tha hương, nói:

-Kiệt nè, đừng có lo lằng lằng rồi tụi mình sẽ thấy các bạn đó ghé vô Bidong này hết cho coi. Ở bên nhà, ai nấy cũng rón tìm đường để đi..

Rồi tôi hỏi:

-Bạn có cách nào giúp tôi tìm một người thân trong gia đình đã vượt biên gần hai tháng nay mà không biết tin tức. Tôi cũng có nhờ nhắn tin tôi hôm qua...

Kiệt sốt sắng nói:

-Sợ không có ghé vô đảo này. Nếu có thì chắc chắn sẽ tìm ra.

Kiệt dẫn tôi vào văn phòng hành chánh, gặp anh trưởng phòng tên Phong, lúc trước cũng là giáo sư dạy ở Pêtrus Ký. Phong đưa cho tôi sáu quyển sổ lớn dày cộm, ghi danh sách người tỵ nạn theo thứ tự thời gian đến đảo. Xung quanh những ban khác làm việc rộn ràng, họ ngồi trên các băng bằng cây, đánh máy rào rào. Mặt bàn cũng bằng cây và vúi sơ sài, những tập vở học trò, những cây viết cùng giấy vụn bừa bãi. Bên vách là một cái tủ cây không có cửa dùng để sắp xếp hồ sơ, có một màn vải trắng úa vàng che phủ bên ngoài... Tôi kiếm ngày tháng rồi lật từng trang. Lật hoài, lật hoài... mãi đến giữa trưa cũng không thấy. Tôi cảm ơn Kiệt và Phong, từ giả hội trường để trở về, trong bụng thắc mắc, lo âu...

Dựa lưng vào góc dựa nghỉ mệt, tôi nhìn qua bên trái, một dãy nhà tôle dọn sóng, dùng làm trung tâm y tế của trại. Có một dấu Hồng Thập Tự đỏ sơn ở trước cửa ra vô. Vào giờ này tuy người đã thưa bớt nhưng vẫn còn đông lắm. Bất chợt, tôi nhìn thấy một người quen bên kia đường, đang đi lại. Rõ ràng là nhạc sĩ Lê Thương, thầy dạy Sử Địa của tôi ngày trước, không ngờ gặp lại ở cái đảo xa xôi này. Thầy Lê Thương cũng y như ngày xưa mập mập, mặt tròn, mắt sáng, miệng cười tươi, phía trong có cái răng vàng duyên dáng. Tôi mừng quá, chạy qua chào hỏi:

-Chào thầy, thầy qua đây từ bao giờ. Thầy còn nhớ em không?

Tôi mừng hết sức, không tìm được lòng nôn nao, hồi ào ào không kịp thở. Người thầy dạy học mà tôi hằng kính mến và ngưỡng mộ. Những ngày tôi mới lớn, mới vào bậc trung học, thầy Lê Thương với mái tóc xanh muốt óng ả, dáng dấp đẹp đẽ đã gieo vào tâm hồn ngây thơ của tôi lúc đó, niềm say mê, kính phục. Bây giờ thầy cũng đã vượt biên ở chung một đảo này, không vui mừng sao được. Tôi đã đứng trước mặt mà thầy vẫn còn ngơ ngác, đứng im. Vậy là thầy đã quên cậu học trò cũ ngày xưa...

Tôi nhắc lại:

-Ngày xưa, em có học với thầy những năm 1953, 1954 ở trường Nguyễn Trãi, Thủ Dầu Một, thầy chắc còn nhớ, những năm première année, deuxième année...

Thầy Lê Thương của tôi, sau một hồi ngờ ngàng, lấp bắp:

-Ngộ... ngộ, không piết gì hết á, nị nói cái gì vậy?

Trời, sao kỳ cục vậy, tôi nhìn lộn người rồi sao, quê ơi là quê! Thầy Lê Thương này không phải thiệt. Ông ta người Tàu, nói tiếng Việt không rành. Lần này thì tôi lấp bắp, nói không ra tiếng:

-Ừa... ủa, xin lỗi, xin lỗi... tôi lộn rồi...

Ông Tàu Chợ Lớn bỏ đi một nước. Tôi đứng há hốc như trời trồng, nhìn theo cái lưng ông ta cho tới khi không thấy nữa. Sao mà có người giống nhau quá sức, không phân biệt được. Làm sao mà tôi nhận không đúng thầy Lê Thương? Tự nhiên tôi nghĩ ra một điều, lắm bâm cần nhận, -‘thiệt tình, già cái đầu rồi mà còn ba chóp ba sáng, sao không chịu suy nghĩ, háp tấp nhận lầm, đến phải xin lỗi người ta’. Ngu ơi là ngu! Thầy Lê Thương tới bây giờ ít ra cũng đã sáu mươi đến sáu mươi lăm tuổi. Đã trên hai mươi lăm năm xa cách không gặp lại, thầy phải già ra chớ! Một người sáu mươi mấy với một người bốn mươi tuổi, khác nhau một trời một vực, sao mà lại lầm như vậy cho được. Thì ra cái đầu tôi như cái máy chụp hình. Hình nào nó đã ghi rõ một thời, thì cứ y như vậy mà nhớ hoài, không thay đổi. Không bao giờ thay đổi! Tôi vừa tức cười, vừa quê quê, ngó quanh một lượt coi có ai để ý không, xong rồi đi một hơi về lều, chắc mẹ con Duyên đang chờ cơm.

### *Võ Kỳ Điền*

#### **chương 17:**

## ***HẢI ĐẢO BUỒN LÂU BI ĐÁT* Chương 17 (phần 3)**

Những thân dừa trơ ra dưới nắng cháy. Những mái lều xanh hình như không đủ sức che mát cho những con người khốn khổ chui rúc phía dưới. Nắng cháy trên đầu, nắng phồng dưới chun. Tôi phải chen lẩn trong đám đông hỗn độn, ồn ào đủ thứ âm thanh, đủ loại màu sắc để đi cho lọt, về được tới lều thì trời đã trưa. Bidong bị phơi khô, đang bốc hơi ngùn ngụt và sắp tan thành nước... Ở đảo chiều xuống rất mau, khoảng bảy giờ thì trời đã tối hù. Một phần thì mặt trời xuống thấp, một phần lều bị che kín mít bốn bên, ánh sáng le lói buổi chiều tà đâu còn ngõ nào mà chun vô trong cho được. Cơm nước cũng vừa xong, nếu không có việc gì phải ra ngoài, thì chỉ có nước đi ngủ. Không có đèn sáp mà cũng chẳng có đèn dầu, tất cả đều bị bỏ lại ở Kapas. Tôi ngồi trong một góc sàn, thoải mái. Hơi mát buổi tối làm cho mọi người tươi tỉnh trở lại. Vợ chồng, anh em, quây quần kể chuyện cho nhau nghe những việc xảy ra trong ngày. Cái sàn tuy rất chắc nhưng nhỏ và chật quá, chỉ xê qua xích lại một hai tấc thôi.

Nói ba điều bốn chuyện thì có tiếng chào rào, chộn rộn ngoài cửa. Tiếng một thanh niên người Tàu lai lú lo. À, thì ra thằng con chị Mỹ Á dắt cô Lý Tố Hà đến thăm. Trong bóng tối mờ mờ, cô Hà leo lên gác, mắt nhìn quanh, gặp Duyên và tôi, mừng rỡ hỏi dồn:

-Ừa, có hai anh chị đi chuyến này nữa sao? Vậy mà tôi cứ tưởng chỉ có mấy em... Nghe nói đi cả hai ba tháng trước rồi mà, sao bây giờ mới tới đây?

-Ừ, thì cũng phải rán, chớ thiên hạ xúm nhau đi hết rồi mình còn ở lại với ai. Sau khi cô đi vài tuần thì tụi tôi xuống Bạc Liêu. Cứ tưởng là được đi liền, nè đâu bị kẹt lại đó hai tháng. Đến khi đi được, lại không vào thẳng Bidong này mà lại ghé một đảo kế bên... Ở đó lâu tới một tháng. Kể mất tất cả là ba tháng bỏ phí vô ích!

Cô Hà nhờ cơm gạo Bidong nên có vẻ mập, tròn hơn trước:

-Tôi đến đây kể trên bốn tháng rồi, xin đi Mỹ không được, bây giờ chuyển qua đi Úc... Tôi có một mình, nên Úc dễ nhận hơn, cái xứ gì chỉ nhận đàn bà, con gái độc thân.

Rồi cô hỏi tiếp:

-Lúc tôi tới Bidong có đánh điện tín về, không biết ở nhà có nhận được không? Tôi trông hoài mà không thấy thơ từ gì hết. Hỏi thăm không ai biết...

Tôi trả lời mau mắn:

-Có, ở nhà hai bác có nhận được điện tín của cô. Bác Hai mừng lắm, có đem lên nhà cho tôi coi.

Cô Hà xúc động mừng rỡ:

-Trời, vậy mà tôi lo nó không tới. Tội nghiệp ông già, bà già...

-Bữa đó ngày Tết Dương Lịch mà, tôi còn nhớ rõ bác gái khi nhận, đọc chữ 'bình an' thành ra 'bị nạn'. Bà mừng quá nên mắt mờ luôn, đọc hết nổi.

Cô hỏi nữa như không tin chuyện ba má cô nhận được điện tín là có thật:

-Rồi anh có gặp ba tôi không? Anh thấy lúc đó ông ra sao?

-Ờ, ở bác trai cũng vui lắm. Mỗi lần ông nói chuyện là cứ nhắc 'con Hà nhỏ' hoài. Chà, con gái cưng mà, cô là người vượt biên đầu tiên trong đám bạn bè ở tỉnh, ai cũng nể hết...

Má Bi xen vô:

-Cô Hà biết không khi cô đi rồi, có một người buồn lắm! Cô phải hỏi lộ cái gì đi, thì tôi mới nói ra người đó là ai?

-Trời, em mà có ai thương yêu? Nếu có người nào để ý thì em đâu có đi làm chi. Mà người đó là ai vậy chị?

-Tôi không nói đâu. Bây giờ có nói ra thì cũng góc biển chơn trời hết rồi... Hồng lẽ cô vượt biên trở về Bình Dương!

Trong bóng đêm, cô cụ hiệu trưởng ngồi im thần thờ. Những người bạn cũ cùng một góc trời quê hương hiện lên rõ nét. Những con đường làng đầy bóng tre xanh, những dãy lò chén khói lên ngùn ngụt, những hầm đất sét vàng sệt, những buổi tiệc ăn uống vui đùa... còn gì nữa, mái trường Cấp Ba Thị Xã và những đồng nghiệp quen thân.

Bỗng nhiên, cô hỏi:

-Anh Hưng, anh Sanh, bây giờ ra sao? Anh Trầm nữa?

-Chút nữa tôi quên, nói cho cô mừng, anh Sanh bây giờ thành bác sĩ châm cứu rồi. Trước khi đi có gặp, anh đưa khoe cái giấy của Ủy Ban Nhân Dân Xã cấp cho phép được làm bác sĩ châm cứu... Bây giờ ai cũng kêu anh là bác sĩ hết. Ngon lành chưa?

Cô Hà cười ngất:

-Còn anh Trâm?

-Anh Trâm cũng giàu lắm. Anh chạy áp phe rất giỏi. Chuyên môn mua thịt heo bò lậu trong các làng xa, nhét trong cốp xe Vespa chạy về chợ Bến Thành để bán...

Băng đi một hồi, cô hỏi tiếp, giọng ngập ngừng:

-Rồi anh Thạnh...

Tôi nghe trong hơi thở cô có cái gì xa vắng, mênh mông. Tại sao cô lại để anh bạn này sau hai anh kia?

-Anh Thạnh cũng còn đi dạy như thường, chưa đổi nghề mới. Anh thường nhắc tới cô hoài, trước khi đi tôi có đến từ biệt, anh chàng coi tiêu tụy xác xơ lắm...

Cô ngồi im không nói. Tôi nghe tiếng gió đập phàn phật trên nóc lều. Chiều nay Tiên và Chiêu vừa mới lợp thêm một lớp bạt ny lông mới cho đỡ nóng. Chị Liễu Thạnh mua dùm giá ba mươi đồng. Có lẽ một góc nào đó cột chưa được chắc nên bị gió thổi tung. Ngày mai có thì giờ rảnh leo lên cột lại, cũng dễ lắm. Nhưng trong đời có nhiều chuyện chỉ cần một sơ sót nhỏ hay một vô tình, thời gian đưa đẩy, tất cả đều thay đổi hết, làm sao mà vá víu lại cho được. Như chuyện tình yêu...

Duyên ngồi sát lại cô Hà, nói:

-Cô Hà biết không, anh Thạnh thường tâm sự với hai đứa tôi, không biết tại sao mỗi lần gặp cô là mọi dự định gì cũng không dám nói...

-Như vậy là anh đâu có thương yêu gì em?

-Đâu phải như vậy, anh cũng ăn nói ồn ào lắm chớ, cô thấy anh dạy học thì biết, có lẽ cô đẹp và giàu hơn nên anh nghĩ là không sánh bì được. Đàn ông ưa bị mặc cảm thua kém...

Tôi xen vô nói phân hai:

-Tôi thì thấy như vậy, nếu hai bên mà thương nhau thiết tình thì dầu có muôn ngàn khó khăn cách trở cũng thành chồng vợ được.. Còn nếu không thương hoặc tình thương chưa đủ thì dầu có lấy xiềng cột cho dính nhau cuối cùng cũng tan vỡ... Biết đâu một ngày đẹp trời nào đó, ông cũng lốt tót qua tới Bidong này cho coi!

Câu chuyện kéo dài cho tới khuya. Hai bên hàn huyên, đối đáp nhau trong bóng đêm chập choạng. Chỉ nghe có âm thanh, tiếng nói, tiếng cười, tiếng thở và tiếng động xung quanh. Cô Hà từ giả ra về, có cậu con chị Mỹ Á hộ tống. Ánh đèn bấp lập lóa, rọi dài theo con đường hẻm nhỏ. Bidong về khuya, người và vật ngủ im lìm sau một ngày mệt mỏi chen lấn nhau. Tôi nằm trên cái nệm cây sần sùi, lăn qua trở lại, nhớ miên man những bạn cũ còn ở quê nhà, mới ngày nào còn xum họp đông đảo vui vậy, bây giờ xa cách nhau một đại dương... Cũng may còn gặp được cô Hà nơi đất khách. Ước gì gặp lại nhau được hết nơi đây, anh Hưng, anh Thạnh, anh Sanh, anh Trâm... Nhưng niềm ước ao này chắc khó thành, vì bạn nào cũng nghèo quá, lo ăn còn chưa đủ, nói chi tới những dự tính xa vời. Người nghèo dầu ở chế độ nào cũng là kẻ thiệt thòi hơn hết. Cuộc chiến tranh tương tàn kéo dài ba mươi năm, cuối cùng thì người lao động quần quật ở rừng sâu, người sống lây lất ở thành phố và một số nhỏ, rất nhỏ được coi là may mắn thì lang thang nơi đất lạ quê người...! Có tiếng sóng chập chùng ở cuối bãi, chắc nước thủy triều đã dâng lên cao tới sát vách đá. Cái lều cây chơ vơ lơ lửng ở giữa triền, tôi có cảm giác bập bênh như đang nằm trên ghe, bốn phía đều là sóng lớn dào dạt...

\*

\* \*

Nắng vàng tươi trên các lối, tôi và Duyên len trong đám đông đi về phía hội trường. Mới hơn tám giờ sáng sao mà người đông quá sức phải chen mà đi. Tâm Bi được mẹ bông đưa cánh tay mũm mĩm, chỉ chỗ hết chỗ này đến chỗ kia, miệng bi bỏ coi điệu mừng rỡ. Thằng nhỏ ngày nào cũng được mấy chú, mấy cô bông bế đi chơi nên khoái lắm. Sáng nay Bi cũng được đi chơi, lại được bạn đồ đẹp đẽ hơn ngày thường nghĩa là có bạn đủ quần và áo. Mọi khi Bi chỉ có quần mà không có áo hoặc ngược lại, có áo mà không có quần. Quần cứ bị ướt hoài, giặt phơi không kịp khô! Bộ đồ sọc xanh có quai treo được Duyên lấy trong xách tay ra, còn nguyên nếp xếp hăng hăng mùi vải mới, bạn vô coi Bi đẹp trai hơn ngày thường. Duyên cũng mặc một cái áo mới màu trắng đơn giản. Tôi đi trước dẫn đường, mồ hôi rịn ra trên lưng. Cả tuần rồi ở trần trụi trụi nên quen da, bữa nay mặc lại áo tuy chọn cái ngắn tay, vẫn cảm thấy vương vịu nực nội.

Tùng cơn gió ngoài khơi thổi đông đưa các tàu dừa xanh muốt loang loáng nắng vàng nhưng không đủ mát cho người ngoài đường. Những mái lều xanh màu ngọc thạch, căng lung húng hết hơi nóng nhiệt đới từ trên cao đổ ập xuống. Trên các đường nhỏ ngọt ngạt, hàng ngàn người di chuyển tới lui rộn ràng như đàn kiến kéo nhau đi tìm mồi. Một đám kiến đông nghẹt đang đứng sập hàng trước hội trường, tất cả tôi đều quen biết, đàn kiến của ghe BL 1648 hôm nay tụ tập lại đây để lập hồ sơ ghi danh chánh thức là dân ty nạn Liên Hiệp Quốc. Anh Tư mặc áo trắng bong tay dài, có gài nút vàng hực hỡ, giày da đen đánh bóng soi gương được. Chị Tư và Mỹ Thanh vòng vàng, hột xoàn lấp lánh.. như đi dạ tiệc. Tôi chào từng người và hỏi:

-Anh Tư tới lâu chưa, sao chưa thấy anh chị Thuần với vợ chồng Quách Linh Hoạt?

Anh Tư Trần Hưng Đạo nhờ ăn mặc kỹ lưỡng nên coi trẻ hơn lúc trước, nói cười tươi rói:

-Mấy ông bà đó mua nhà tuốt trên khu E, từ trên sườn núi mà đi tới đây chắc cũng phải cả giờ...

Tôi thoáng thấy cái mẽ đay vàng đeo lưng lẳng bên trong áo. Ông bà này hay thiệt, hỏi ở đảo Dừa, tụi Mã Lai xét rất kỹ đồ đạc, hành lý, vậy mà vẫn còn giấu được y nguyên, không mất mát món nào. Dân buôn bán thường thì khá giả hơn giới công chức quân nhon. Anh Thuần và Quách Linh Hoạt ít tiền hơn, đành phải leo tuốt lên núi che lều. Muốn đi tới khu E phải từ hội trường này, vượt qua không biết bao nhiêu lều trại, đòi dốc dựng ngược mới tới được. Mỗi lần lên trên đó thăm bạn là tay chun tôi rã rời, thở hết muốn nổi. Miệt đó khoảng lưng chừng núi, phía sau là rừng cây, bất tiện đủ mọi điều, duy có việc kiếm củi là tiện nhứt, không phải đi xa.

Chị Tư đứng kế bên phân trần:

-Hai vợ chồng tôi con cái đông quá, đũa nào đũa nấy còn nhỏ xíu thành ra phải rán sức mua cái lều ở khu A này, chớ thiệt ra cũng không dư dả gì nhiều...

Anh Tư chen vô:

-Phải chi hồi bữa mới tới, ghe mình được mở hồ sơ Cao Ủy ngay, thì có thể vô gặp phái đoàn Canada tới kỳ rồi Thiệt xui hết sức, nó nhận trên năm trăm người mà không cần điều kiện gì hết...

Tôi góp chuyện:

-Ừ, ừ, ở đây ai cũng muốn đi Mỹ, chớ không thèm Canada, một phần Canada yếu quá, hai là lạnh quá. Người ta chê... thì mình xin chắc được!

Tiền và Chiêu sau một hồi đi vòng vo trở về. Tiền hỏi:



-Bữa nay mình khai lý lịch cho Cao Ủy Ty Nạn mà trong tay không có một giấy tờ nào lận lưng, rồi làm sao chứng minh, ai tin?

Anh Tư khoát tay:

-Đừng lo, bồ ơi, chuyện gì tôi không biết, chớ chuyện đó thì rành sáu câu. Nhà tôi ở sát vách hội trường, nghe thiên hạ kể lại đầy lỗ tai. Ai muốn khai gì cứ khai, tha hồ. Trung sĩ lên thành Trung úy, y tá lên bác sĩ, thợ máy khai kỹ sư, học lớp mười khai tốt nghiệp Đại học, có vợ năm con cứ khai còn độc thân... rồi nhiều khi đổi luôn cả tên tuổi! Cứ nói giấy tờ rớt hết xuống biển là xong, dễ ợt! Tụi phái đoàn phỏng vấn cũng không thèm kiểm chứng, chỉ trừ có Mỹ là hơi rắc rối với cựu quân nhân, công chức vì hồ sơ lý lịch còn lưu trữ đầy đủ, còn các nước khác thì đâu cần biết tới làm chi cho mất công.

Tiền suy nghĩ một hồi rồi lâm bầm:

-Đâu có được, nếu mà khai bậy bạ lung tung như vậy thì giấy tờ bằng cấp kể như bỏ hết!

Anh Tư cười ha hả:

-Tại bồ có bằng cấp cao thì sợ là phải, nếu khai thật là kể như phải học lại từ đầu, còn như tụi tôi trụi lủi, đâu có khai gì đi nữa thì cũng đâu có làm gì được...

Chiêu này giờ đứng im nghe đối đáp, bây giờ mới thùng thảng nói:

-Cũng được chớ anh Tư, trường hợp của anh thì không cần khai học tới kỹ sư, bác sĩ gì, chỉ cần bớt chút đỉnh...

Anh Tư nôn nóng:

-Bớt cái gì chút đỉnh?

Chiêu ngó chị Tư rồi cười:

-Thì anh bớt lại chừng mười tuổi, còn tình trạng gia đình thì đề là độc thân...

Chị Tư Trần Hưng Đạo háy chồng một cái dài hàng cây số :

-Xí, chú Chiêu tưởng anh Tư ngon lắm hả. Phải chi có cô nào chịu, rước phước ông đi cho tui nhờ, già cúp bình thiếc rồi, đâu có khai thấp khai cao gì, cũng đâu có gạt ai được...

Tôi muốn chọc chị Tư cho vui, bèn nói:

-Cũng chưa biết đâu à ghen, cái gì cũng phải làm thử mới biết thiệt hư. Tôi nhớ hồi còn ở đảo Dừa có cô gì đẹp đẹp đó, cứ theo nói chuyện với anh Tư hoài..., làm tôi ghen hết sức!

Chị Tư nắm lấy tay Duyên:

-Nè, cô Duyên, nghe mấy ông nói chuyện đã thèm chưa. Ông nào cũng như ông này, quá trời!

Duyên cười:

-Hơi đâu mà chị nghe, người nào mà ưa nói được người này yêu, được người kia thương, là người đó không có ai yêu thương hết. Họ phải nói như vậy để che dấu khuyết điểm... Còn ông nào lâm lâm, lý lý, không nói gì hết thì mình phải sợ, phải đề phòng...

Hàng người di chuyển dần dần tới trước, nhờ nội chuyện tầm phào mà tôi tiến sát tới nơi khai báo hồi nào không hay. Đó là ba cái bàn bằng gỗ tạp được kê sát vô vách trái của phòng hội. Trên bàn có để các mẫu giấy để người ty nạn tự ý điền vào. Tôi đến trước thuận tay lấy hai tấm, một cho tôi và một cho Duyên, xong rồi cả hai ngồi xuống điền các chi tiết được hỏi. Tôi liếc nhanh qua những hàng chữ và ngạc nhiên nói với vợ:

-Em coi nè, tờ khai lý lịch của Cao Ủy Ty Nạn Liên Hiệp Quốc sao mà đơn giản quá vậy?.

Duyên cũng đã đọc qua nói:

-Ồ, ít quá, chỉ có hỏi tên tuổi, ngày và nơi sanh, nghề nghiệp, ngày đến đảo... Rồi kêu chọn theo thứ tự ba nước muốn đi định cư... Thôi vậy cũng gọn, khỏi phải dài dòng lời thôi như Việt Cộng.

Nghe nàng nói tôi nhớ lại những ngày đầu tháng 5 năm 1975 tôi và Duyên phải đến trình diện ở Tòa Án Bình Dương để làm tờ khai lý lịch với Ủy Ban Quân Quản của Tỉnh. Ở đó tôi gặp lại hầu hết các giáo sư bạn bè, những công chức của các ty sở. Người nào người nấy câm nín, lặng thinh, ngồi đứng rón rén sợ sệt, đầy vẻ nhẫn nhục, chịu đựng của người bại trận. Tôi ngồi trên cái băng cây, cầm xấp giấy được phát, vừa đọc vừa rùng mình. Dễ sợ thiệt. Những câu hỏi đầy đặc bao quanh cuộc đời từ ông cố, ông nội, đời cha rồi tới đời con, đời cháu. Bên nội, bên ngoại,.. hàng xóm, gần xa.. Rồi tới chuyện tốt chuyện xấu, thương ai ghét ai, có cần tố cáo gì với nhân dân, đảng và nhà nước sẵn sàng lắng nghe và giúp đỡ. Mẫu khai lý lịch đơn giản đó, sơ sơ gần mười trang, tuy là những tờ giấy mỏng tanh nhưng nó có sức nặng như đá tảng. Tôi đã viết miên man như người lên đồng, đầu óc nóng bừng bừng. Cũng may tôi chỉ là một thầy giáo ở tỉnh lẻ tầm thường... Tôi không thể tưởng tượng một vị chính khách, một bộ trưởng hay một tướng lãnh mà cuộc đời các vị đó là một chuỗi dài biên cố thì bảng lý lịch phải tới bao nhiêu trang? Một trăm, hai trăm, một ngàn, hai ngàn... hay nhiều hơn nữa? Chưa bao giờ và ở đâu, đời tư con người được khai thác tận tình như dưới chế độ Cộng sản. Nghe bao nhiêu lời truyền tụng, đọc bao nhiêu sách vở, cũng không bằng thực sự sống trong lòng chế độ một ngày. Chỉ một ngày thôi cũng đủ biết đá biết vàng, nói chi đến năm mười năm hay dài lâu hơn nữa...

Duyên day qua hỏi tôi:

-Mình chọn Canada ưu tiên một, Úc ưu tiên hai phải không anh?

-Em suy nghĩ kỹ lại coi, nếu muốn chọn Hoa Kỳ, vợ chồng mình cũng có đủ điều kiện .. nhưng phải chờ lâu lắm đó. Có người chờ năm, bảy tháng, một năm mà cũng chưa nhúc nhích! Úc thì cũng đi lệ nhưng gần khu vực Đông Nam Á quá, biết đâu một ngày nào đó tụi nó len lõi tới, mình phải chèo ghe đi trốn một lần nữa... Theo anh nên chọn Canada cho gọn, dễ đi, chờ tình trạng ở đảo như vậy, kéo dài tháng này qua tháng kia, rủi ro bệnh hạn thì làm sao!

Út Trung xách tờ khai lại gần tôi nói:

-Em chọn Huê Kỳ ưu tiên một, Canada kế. Bên Huê Kỳ, khoa học kỹ thuật cao, mình có thể theo học được, nó lại giàu mạnh nhất thế giới. Anh chị đổi lại đi, qua Mỹ với em cho vui.

Sơn chọn Mỹ và Tây Đức. Còn Dân gì đó thì cầm giấy, đứng ngó hết người này tới người kia, cuối cùng nó chạy lại tôi, miệng nói tía lia:

-Anh chị tính lựa đi định cư xứ nào? Sao người ta tốt quá, cho mình đi mấy xứ vẫn mình như bên Tây bên Mỹ gì đó, em thấy chỗ nào cũng được hết. Để em hỏi thử coi, em chọn ba nước mà nước nào cũng ưu tiên một hết, có được gì đó không?

Tôi trả lời dùm cho nó:

-Đâu có được Dân, nếu em chọn ba nước cùng ưu tiên một, làm sao người ta cứu xét. Thôi, hay là em chọn Canada để đi với anh chị đi.

Thằng nhỏ không dẫn đo gì hết, chìa tờ giấy ra, miệng cười cười:

-Thôi, sẵn viết gì đó, nhờ anh ghi vô dùm. Anh muốn ghi gì đó thì cứ ghi, em đâu có biết nước nào ở đâu, miễn làm sao đi cho lệ lệ gì đó là được.

Tôi vừa ghi cho nó, vừa nói:

-Canada thì lạnh lắm đó nghen, chỗ nào cũng đóng nước đá hết. Mai mốt bị lạnh teo ruột teo gan thì đừng có bắt đền nghe không!

Dân gì đó cười hi hi:

-Anh nói vậy chớ, đâu có chỗ nào lạnh dữ quá gì đó. Chắc bên đó cũng y như trên Đà Lạt, anh chị chịu được thì em cũng chịu được gì đó, em hông lo...

Tôi cầm tờ giấy đã khai đến nộp cho một nhân viên ngồi sau bàn giấy. Anh kiểm soát lại coi có điền đầy đủ các chi tiết và chữ ký đúng thủ tục hay không. Công việc giải quyết nhanh chóng. Chỉ trong vòng hai tiếng đồng hồ, gần trên năm trăm người của đảo Kapas đưa qua, đã làm thủ tục ghi tên tỵ nạn với Cao Ủy Liên Hiệp Quốc ở đảo Bidong một cách thật gọn gàng. Quang cảnh đã thưa bớt. Khai xong mọi người tản mát ra về.

Từ Trần Hưng Đạo rủ tôi ghé nhà anh chơi. Thuận đường về tôi rủ Duyên ghé vào cho biết thế nào là một căn lều sang trọng ở khu A. Căn lều khá lớn, y như một cái nhà tranh nhỏ ở thôn quê, nhìn qua bên kia đường là phòng thông tin của đảo. Bước vào trong, không khí mát hẳn, chắc là nhờ trần cao và rộng, bên trên lại có những tàn dứa che rợp, ngăn bớt được sức nóng mặt trời. Tôi vọt miệng khen:

-Trời, biệt thự của hai ông bà sang quá. Ở đây mà làm sao có được bộ ván phẳng phiêu như vậy... rồi phía trước còn rộng rinh, phía sau làm bếp. Đã thiệt!

Anh Từ đã cởi áo ngoài, chỉ cho tôi cái giếng nước được đào sát bên vách:

-Bồ coi nè, có cái giếng trong nhà, cũng tiện lắm. Khởi phải đi xa, giành giựt chờ đợi.

Tôi thấy một cái giếng hình vuông vức chừng một thước, nước đen tối hù bên dưới không biết sạch hay dơ. Những nhà rộng, người ta thường đào giếng ngay bên trong để có nước mà dùng. Đàng nhà anh Liêu Thanh cũng có, khi nào giếng của đảo cạn nước, tôi thường xách thùng lại ảnh mà xin. Cả đảo chừng cũng có trên vài trăm cái, kiểu này. Mùa khô cạn nước, người ta đào xới tứ tung. Chị Từ vừa rót nước mời khách, vừa nói:

-Nhà rộng vậy chớ phải chia ba đó. Phần của tụi tôi chỉ có bộ ván này. Phía trước và phía sau của chủ khác. Vậy mà phải mua tới năm trăm đồng.

Lều ở Bidong lúc đó có giá lắm. Người đông, đảo lại hẹp nên giá cả tăng vọt. Trung bình một căn nhà nhỏ ngang ba thước, dài bốn thước, bán độ ba trăm đồng Mã Lai. Vàng một chỉ giá sáu mươi đồng. Như vậy tương đương với năm chỉ vàng. Anh Từ nói:

-Thấy thì rộng vậy, chớ đám hát của tụi tôi đông quá, có lẽ phải kiếm mua thêm một cái nữa để chia bớt ra, đêm nào ngủ cũng có đứa bị đập lộn xuống đất. Ở đây được cái tiện là ở sát hội trường, trung tâm của đảo. Tin tức định cư gì tôi cũng biết hết. Suốt ngày nghe tin phái đoàn đến, tin phái đoàn đi, tin ghe vượt biên, tin các người thân thuộc đến đảo, tin hầm bà lằng... hai ông bà cần biết chuyện gì cứ hỏi, tôi nói cho nghe.

Rồi anh tiếp:

-Ngon lành nhứt ghe mình là Hủ Tiểu. Thằng chả đem được vàng nhiều quá, của tụi mình đóng chớ của ai, mua cái nhà lớn mấy ngàn đồng, bên kia đường đối diện với trạm Cảnh Sát. Nhà chia làm nhiều phòng, nhiều giường vì bộ hạ của chả khá đông. Gia đình Hủ Tiểu đi toàn bộ từ bà mẹ già tới mấy đứa cháu nội, cháu ngoại còn ẵm trên tay. Người Tàu họ làm ăn giàu hơn người mình. Vừa tới được một hai ngày gì đó, mua nhà xong bèn lên đồi trực thăng ở khu F móc đất sét đắp thành lò bánh mì. Bột mì ở đây rẻ và bột nổi rất tốt. Ông ta bán một đồng bốn ổ bánh nhỏ. Bánh nóng xốp, thơm ngon và rất giòn. Cây củi thì chặt ở trên núi, thiếu gì...

Tôi cười và nói:

-Vậy Hủ Tiểu lúc nào cũng là người cung cấp dịch vụ, còn tụi mình là người tiêu thụ... Nói rõ hơn theo nghĩa đen, Hủ Tiểu lúc nào cũng có tiền, còn tụi mình lúc nào cũng hết tiền.

Duyên níu lấy tay tôi:

-Thôi, thôi, ông ơi, trưa nóng quá rồi, mình về để anh chị Tư còn lo cơm nước, chuyện Hủ Tiểu để thủng thẳng nói tiếp, mình còn ở Bidong này lâu lắm mà...

-Ừa, về thì về nhưng để rủ anh Tư chiều nay đi tắm cho vui...

Anh Tư vừa uống nước vừa nói:

-Khi nào bỏ đi ngang hủ tôi một tiếng là xong ngay, rủ thêm 'dà' Sơn với Dân 'gi đó' cho đủ bộ..

Giờ này cả đảo như bị nung chín, vừa bước ra khỏi cửa hẹp hơi nóng hâm hấp tấp vào mặt, tôi vội mở vài nút áo cho thoáng. Con đường về nhà sao mà quá dài, đi hoài cũng chưa tới, chiếc dép lại sứt quai, khiến bước chun khập khiễng. Những chiếc lều nép sát vào nhau núp nắng, đưa cái nóc xanh ra hứng hết cơn nóng buổi trưa. Mồ hôi đã tươm ra đầy mặt đầy lưng, tôi cởi luôn cái áo vắt vai, mong chờ một cơn gió mát từ khơi xa xăm thổi tới... Bidong sao mà nóng bức quá, những đợt dừa vàng ẻo, những da người đen thui.

## VÕ KỲ ĐIỀN

### Chương 18 :

## ***HẢI ĐẢO BUỒN LÂU BI ĐÁT*** (chương 18, phần 4)

Chúng tôi gồm bốn người lớn và mấy đứa con nít đi một dọc dài, len theo con đường mòn dẫn lên triền đồi cao. Đường dốc cheo leo, hẹp tẻ, hai người đi sóng đôi nhau là thấy chật. Đất ở đây thuộc loại đất sét dẻo quánh, vàng ẻo. Vì nhiều người qua lại, nên mặt đường được nện cứng phẳng lì, thỉnh thoảng có những lạch nước nhỏ chảy ngang, những người lân cận sắp những khúc cây lượm được đầu đó, làm thành những chiếc cầu tạm bợ. Hai bên đường là những chiếc lều đủ mọi kiểu vớ, kích thước. Rải rác cũng còn những cây to xanh lá, đứng len lỏi giữa những đám lều chen chúc nhau như những cây nấm lớn, những cây này còn lại được là nhờ nó to quá người ta thấy không thể dùng được vào việc gì, hơn nữa muốn đốn lấy củi cũng không phải dễ dàng. Tôi đi thong thả cạnh anh Tư:

-Đảo Bidong ai nói nhỏ đầu, sao đi hoài không tới vậy nè?

Anh Tư Trần Hưng Đạo, tay ôm cái khăn lông lớn, miệng trả lời:

-Cũng tại bỏ chọn cái bãi này. Phải chỉ mình tắm ở bãi sau, khu C thì gần hơn khỏi phải đi xa...

Sơn nói tiếp:

-Bãi sau dơ thấy mờ. Người tắm đông quá nên bừa bãi, rác rến tùm lum, tắm đâu có đã. Nó chỉ sạch hơn bãi trước khu A một chút thôi. Mình chịu khó đi xa nhưng tắm đã hơn...

Dân gì đó góp ý:

-Bãi sau dơ thì có dơ gì đó, chớ tắm cũng được lắm chớ. Mình vừa lội vừa nghe nhạc ở trong mấy cái quán cà phê, có cô Thanh Thúy, Khánh Ly, Hoàng Oanh... gì đó hát, nghe cũng đỡ ghiền!

Tư Trần Hưng Đạo quay lại:

-Có nhạc nghe thì cũng được đi, nhưng ngặt hai cái quán Tình Nhớ với Cà Phê Mây chung một vách ny lông, mỗi quán lớn bằng cái lỗ mũi mà lại mua máy thu thanh quay băng loại lớn, từ sớm mơi tới chiều tối, cả hai đều mở âm thanh hết mức, mỗi lần ngồi nghe y như Hùng Cường gây lộn với Chế Linh, Thanh Thúy khóc đua với Thanh Tuyên, nghe muốn điếc con ráy luôn. Tao đoán thế nào có ngày hai thằng cha chủ quán cũng xăng tay áo đánh lộn.

Tôi xen vô:

-Kệ nó, vậy thì nghe một lượt, lỗ tai bên này nghe giọng cao, lỗ tai bên kia nghe giọng thấp, để bù lại những ngày sống âm thầm với tụi răng đen mã tấu, tối ngày nghe mấy cái giọng the thé của ca sĩ Hà Nội, ớn tới xương sống. Nhưng ở quán, khoái nhất là cái món nước đá lạnh. Không biết họ mua ở đâu được nước đá hay quá, có điều khá mắc, một lon Coca hay Seven Up tới hai đồng, cà phê thứ tan liền một đồng rưỡi. Ngồi nhấp nhấp ly cà phê đá, ngó ra ngoài khơi thấy mấy cụm mây trắng lằng đằng tưởng Việt Nam mình ở phía dưới đó, đâm nhớ nhà hết sức...

Đường càng lúc càng lên cao chỗ lồi chỗ lõm. Lều đã thưa bớt, nhường chỗ cho cây xanh. Cây lớn cây nhỏ mọc chi chít, chen nhau. Bên dốc đứng, một cây cỡ hai người ôm bị con giông lớn thổi trốc gốc, ngã ập dựa lưng vào vách đá, gốc rễ trơ ra tua tủa, bên dưới tạo thành một cái hồ sâu hoắm, ngó phát rùng mình. Có vài miếng rẫy nhỏ xíu của những chủ lều lân cận trồng rau dền, rau muống. Chắc mới trồng nên những lá non nhỏ chưa che được hết đất đen. Cọng rau nhỏ ốm yếu tong teo như thân phận người ty nạn bợt bèo. Tôi nhìn đám rau nghĩ thương nó, rồi thương chủ nó, rồi đâm ra thương mình! Cái thân ăn đậu ở nhờ, làm sao mà khá được!

Đường đi đã xuống thấp, chúng tôi bước e dè trên những bực đá thiên nhiên. Cục nhô ra cục thụt vào. Qua khỏi một rặng cây, biển đã hiện ra trước mắt. Một vùng biển xanh rì, bãi cát sóng vỗ trắng xóa. Mấy đứa nhỏ con anh Tư thấy nước, mừng rỡ chạy đuổi bắt nhau trên bãi cát trắng, la ùa chí chóc. Cảnh trí thật hùng vĩ. Giữa rừng cây đá núi, một bãi cát trắng ngời ngời sóng nước. Hàng trăm người đang bơi lội nô đùa.

Tư Trần Hưng Đạo khều tôi, nói nhỏ:

-Ê bồ, ngó coi mấy nàng kiều nữ đảo Bidong nè, đã không?

Trên mé nước có vài thiếu nữ trẻ đẹp mặc áo tắm bó sát người, phô bày hết vẻ đẹp của tấm thân ngọc ngà, đi qua đi lại trước hàng trăm cặp mắt ngắm nghía, trầm trồ. Đâu có ai đoán được ở đảo Bidong lại có cảnh như ở Vũng Tàu. Tôi hỏi anh Tư:

-Đó anh, mấy bộ áo tắm này từ Mỹ gởi qua cho, hay là mấy cô đó vượt biên đem theo?

-Vượt biên thì không phải rồi. Đi vượt biên run thót ruột, có ai mà nghĩ tới việc tắm biển, tắm sông gì. Một hai bộ quần áo để đổi thay là đủ, đâu phải du lịch. Chắc là bên Tây bên Mỹ thân nhân gởi qua cho.

Tôi và Sơn đồng ý:

-Ừ, ừ, có lý, tôi cũng nghĩ như vậy. Mấy bộ đồ này kiểu mới quá, chưa chắc gì ở Sài Gòn có được...

Dân gì đó nhăn răng vàng cười khi khi:

-Đoán trật lất hết trơn. Cái này là của họ vượt biên đem theo gì đó. Chớ ở bên Mỹ có gọi thì gọi cho tiền, chớ ai hơi đâu mà gọi ba cái thứ qui này, tui thấy mấy đứa con gái của Hủ Tiểu cũng có gì đó...

Tư Trần Hưng Đạo trở mắt:

-Cái thằng này, chuyện đàn bà con gái người ta, mầy rình mò hỏi nào mà biết hết ráo vậy?

Dân gì đó giải thích:

-Tui đâu có rình mò gì đó. Hủ Tiểu biểu tui khiêng hành lý xuống ghe cho Mã Lai xét, thằng ti đư nó lục tứ tung, tui thấy. Mấy người chủ ghe họ đem theo đồ đạc nhiều lắm như dọn nhà, chớ đâu phải như tội mình gì đó.

Nói xong nó nghĩ là chưa ai tin, bèn tiếp:

-Mấy anh có vợ có con nên không biết, mấy thanh niên trẻ trẻ gì đó, họ vừa vượt biên vừa kéo xe bò...

Sơn nghe tới ba chữ 'kéo xe bò' không hiểu gì hết, la lên:

-Tao cũng là thanh niên nè,... mà đâu có kéo xe bò!

Cả đám xúm nhau cười vang. Tiếng sóng đập ầm ầm vô vách đá cũng không át được tiếng cười đùa. Ở bãi này, sóng lớn quá, từ ngoài khơi từng lượn cao như cái nhà, ồ ạt xô đẩy nhau chạy vào bờ, cuộn vào trong lòng nước bao nhiêu là sỏi đá, tan dần trên mí cát, hết đợt này đến đợt kia, không dứt.

Dân gì đó nắm lấy tay tôi:

-Hồi đó, ở trong trường tụi học sinh hẹn hò với bên lớp con gái, rủ nhau đi chơi thì kêu là 'lá nũ xớ' tiếng Việt dịch là kéo xe bò gì đó...

Tôi thấy ngộ ngộ, bèn hỏi:

-Sao đọc trong sách, không thấy ai nói đến mấy chữ này. Tại sao không nói là kéo xe ngựa mà nói là kéo xe bò?

Dân cười:

-Tui đâu có biết, học trường Tàu có nhiều tiếng khác trường Việt, tụi nó đặt ra để chọc ghẹo gì đó... con trai đi chơi với con gái thì kêu là kéo xe bò, kéo xe bò...

Tư Trần Hưng Đạo xen vô, thêm mắm thêm muối:

-Đúng rồi, đúng rồi. Hẹn hò thì phải cà rịch cà tang ngấm mây ngấm nước, càng chậm càng tốt, chớ đâu có chạy lông lên như ngựa được. Vậy mấy bò đoán coi, mấy con bò thì ở đây rồi, còn mấy anh kéo xe bò ở đâu?

Tôi nghe hỏi đưa mắt nhìn quanh. Rải rác trên bờ có năm ba thanh niên ngồi nói chuyện. Trên một gộp đá cao, một người lớn tuổi ngồi câu cá, im lìm như pho tượng. Chắc mấy anh kéo xe bò còn lặn hụp dưới nước, nô đùa với sóng.

Bỗng Sơn nắm lấy tay tôi, chỉ chỗ:

-Coi kia,.. cái ghe... ngộ quá!

Tôi nhìn theo hướng Sơn chỉ, thấy ở tận đàng xa một cái ghe nhỏ xíu lớn bằng cái hộp đang trôi hụp trên sóng lớn. Trời, đó là cái ghe sao? nó nhỏ quá, thấy mà phát sợ. Biển cả thì mênh mông, sóng nước chập chùng. Cái ghe như chiếc lá khô, nhô lên hụp xuống càng lúc càng đến gần bờ nhưng cũng không thấy lớn hơn bao nhiêu. Có một người cầm chèo đang bơi tận lực. Những cử động hai tay vun vút đưa mái chèo thoăn thoắt nhịp nhàng, chiếc ghe tiến tới rất nhanh.Ồ lạ quá, tôi đã thấy rõ. Sao kỳ lạ vậy? Sao cái ghe lại cháy đen, hư hao gần phân nửa...

Dân gì đó la lên:

-Cái ghe bị cháy gì đó. Cái lỗ lớn quá...

Đám đông đang bơi lội nô đùa, thấy chiếc ghe lạ lùng bèn trở mắt ủa lên bãi cát để coi cho rõ. Cái ghe được đóng sơ sài bằng cây, hình chữ nhật, dài chừng hai thước, ngang một thước, cao khoảng năm sáu tấc, mới nhìn qua thiệt tình, giống y như... cái hòm! Không biết tại sao dưới lườn lại bị cháy đen, khuyết một lỗ trống hộc, mất đi phân nửa đáy. Anh lái ghe vì sợ nước vô, ghe chìm nên cố ngồi tuốt ra phía sau, dồn hết sức nặng của thân người để đè xuống, chiếc ghe chổng ngược lên, nhờ đó nó còn nổi được trên sóng và lướt tới trước lạ hơn. Một hình ảnh tuyệt vời của con người nhỏ nhoi nhưng đầy can đảm, chống chọi với cái bao la hung dữ của sóng gió trùng dương. Tôi thấy cái hộp bằng cây đó, được chèo rất nhanh, lướt phăng phăng tới. Anh bạn chèo ghe ở trên, mặc chiếc quần xà lỏn đen, râu tóc dài thậm thụt, dáng vẻ gân guốc y như một hảo hán Lương Sơn Bạc, đang cố hết sức để đưa chiếc ghe vào bờ, chỉ trong phút chốc người và ghe đụng mé nước. Có tiếng thì thầm của Tư Trần Hưng Đạo:

-Ghe buôn lậu đã bị cảnh sát Mã Lai đốt rồi mà sao còn lấy lại được, chèo đi ào ào như vậy...

Chiếc ghe rần lên mí cát nhẹ như một chiếc lá rơi, không một tiếng động nhỏ. Đám đông đứng giãn ra hai bên theo dõi người hùng cô đơn, gương mặt lầm lỳ lỳ. Anh không biểu lộ một xúc động nhỏ nào, tay chun hoạt động đều đặn như cái máy. Cái ghe nằm dốc nghiêng trên mí nước, quả nhiên nó là cái hộp bằng cây bị cháy xém. Nó đã được dùng như phương tiện để chở hàng hóa buôn lậu với các ghe tàu Mã Lai đi ngang qua đảo. Nếu có ai nói với cái hộp cây này có thể chèo chống trên biển cả thì không cách gì tôi tin được. Thiệt tình tôi không thể tin một việc lạ lùng ngoài sức tưởng tượng như vậy. Vậy mà chuyện khó tin đó đã xảy ra trước mắt, chiều nay ở bãi buôn lậu này. .. Người khách lạ lè làng nhảy xuống đất, chạy ra phía sau, đẩy chiếc ghe lên trên bờ. Từ phía trong vách đá, một người nữa chạy vụt ra, không nói không rằng, phụ với anh bạn chèo ghe, lật úp ngược cái hộp cây lại, rồi cả hai ra sức vác đòng đòng trên đầu đi một mạch vô rừng. Thoáng chốc, người và ghe mất hút trong rừng cây xanh âm u. Tôi cố nhìn theo... nhìn theo, những gốc cây xám đen lẫn với những khối đá sừng sững chặn bít tầm mắt. Chuyện xảy ra nhanh quá, bãi cát trở ra, sạch bong không để lại một dấu vết, biến hiện như một giấc chiêm bao. Tôi tưởng tượng ra nhiều điều. Hai anh bạn tỵ nạn kia khiêng cái ghe cháy đó đi tới tận nơi đâu? Họ sẽ tìm cây ván để vá vúi lại? Rồi sẽ tiếp tục chèo ra biển bất chấp sóng gió điên cuồng, bất chấp sự trừng phạt dã man của bọn cảnh sát Mã Lai để mua bán trao đổi hàng hóa với người dân Mã, biết bao nhiêu hiểm nguy chực chờ rình rập xung quanh. Động cơ nào đã khiến họ coi thường mạng sống? Ôi, những người bạn đáng thương. Cuộc sống kham khổ ở đảo đã đẩy họ vào những chuyến phiêu lưu vô định. Nhưng người tỵ nạn Bidong cũng nhờ đó mà cuộc sống tạm đầy đủ hơn. Thực phẩm do Liên Hiệp Quốc cung cấp chỉ đủ cầm hơi qua ngày, chợ trời khu D tiếp tay bổ xung những nhu cầu cần thiết, thực phẩm, quần áo, thuốc men và hàng trăm món linh tinh khác.

Son và Dân gì đó đua nhau lội ra xa leo lên ghềnh đá, mon men đến gần ông già câu cá. Tôi và Tư Trần Hưng Đạo cũng rần leo theo, Ghềnh đá cao lớn như cái nhà, đứng chắn một góc vịnh nhỏ tạo thành bãi tắm kín đáo. Toàn khu cây đá một màu xanh xanh, bãi tắm vàng tươi nắng cát. Ông già thỉnh thoảng móc lại mẻ mới. Ông lấy một miếng bánh mì khô móc dính vào lưỡi câu rồi thả xuống nước. Bánh mì đụng nước biển nở lớn ra, từ

từ tan trong sóng. Từng đàn cá thấy mồi ngon lượn quanh đây nghệt, giành nhau rửa rôi. Những con cá lớn bằng bàn tay trên mình vẫn vận những sọc đen tuyền bơi lội thong dong. Nước biển trong xanh ngấn ngát. Đàn cá nhiều hàng trăm, hàng ngàn con, bu nhau rĩa cục bánh mì... vậy mà không con nào mắc vào lưới câu.

Tư Trần Hưng Đạo vọt miệng làm quen:

*Ai về nhẩn với ông câu  
Cá ăn thì giựt để lâu hết mồi*

Ông già nghe xong, cười ngó anh Tư:

-Cá ở Bidong này khôn quá, nó chỉ rĩa mà không cắn câu... tôi cũng giựt lên hoài mà không dính.

Tư Trần Hưng Đạo cười hề hề:

-Cá ở Mã Lai bác phải câu bằng mồi cà ri kia, nó mới chịu ăn...

Ông già cười, xé một miếng bánh mì nhỏ móc vào lưới câu, tiếp tục chờ đợi một con cá dại khờ. Tôi đứng nhìn cái lưới câu rồi chợt hiểu mà không dám nói. Loại cá này nhỏ bằng bàn tay, miệng nhỏ xíu mà ông lại dùng thứ lưới câu dùng để câu cá lóc, cá bông lau làm sao mà cá ăn câu cho được. Có lẽ đi tắm kỳ sau, tôi sẽ đem đủ mồi, lưới, dây câu để thi đua với ông già. Tôi chắc cũng không giỏi gì hơn ông, khi mua lưới toàn là thứ lớn, có ai nghĩ là đi biển lại câu cá nhỏ bằng cá rô ở đồng, miệng nhỏ bằng trứng kiến. Chúng tôi kéo nhau đi lần trở xuống. Nắng đã dịu hẳn, trời sắp về chiều. Tôi đi cạnh Tư Trần Hưng Đạo nhớ tới ông già, buột miệng nói:

*Con cá không ăn câu thiệt là con cá dại  
Nghĩ đi nghĩ lại đúng là con cá khôn*

Dân gì đó vừa nhảy lồm bồm trong nước vừa nhận xét:

-Ông thầy giáo ơi, có chuyện con cá mà ông nói dại nói khôn gì đó, làm sao mà tui hiểu được. Thôi, ông thầy có giỏi nói chuyện tui mình đi. Minh vượt biên như vậy dại hay khôn gì đó?

Cái thằng nhỏ này bữa nay nổi hứng sao mà hỏi lắc léo, tôi đâm ú ớ, miệng muốn trả lời mà không biết nói ra sao cho trôi, may quá Sơn đã trả lời thay:

-Dại hay khôn thì chưa biết nhưng chắc một điều tui mình là những con cá lọt lưới.

Tư mày cày khoai chí:

-Đúng, đúng, dà Sơn hay à ghen, tui mình là bầy cá lọt lưới, không dại không khôn, nhờ cái lưới rách...

Trời đất, mấy bạn vàng hôm nay lý luận nghe được quá, có vậy mà tôi nghĩ không ra. Ai dại ai khôn? Ai khôn ai dại? Chuyện chánh trị rối rắm như mớ bòng bong, mỗi lần nghĩ tới là nhức cái đầu. Tôi che dấu cái dốt của mình nói theo:

-Ừ, ừ, mình là con cá lọt lưới... nhờ trời!

Dân gì đó hỏi tiếp:

-Anh nói nhờ trời là tui không chịu gì đó... Tui mình đi được là nhờ tui nó tham vàng. Cũng như mấy người buôn lậu ở Bidong này nè, nếu không có tiền hoặc vàng đút lót cho cảnh sát Mã Lai gì đó... thì làm sao nó để yên mà làm ăn gì đó...

Tôi thắc mắc:



-Đừng có đoán mò. Ở Việt Nam mình vì chiến tranh loạn lạc, tình trạng xã hội rối ren mới có nạn tham nhũng, hối lộ, chớ ở xứ Mã Lai này yên ổn, luật pháp đâu ra đó, làm gì có cảnh sát ăn tiền làm ngơ cho đám buôn lậu...

Tư Trần Hưng Đạo nhìn tôi:

-Đúng là lý luận của thầy giáo! Cảnh sát Mã Lai không tham nhũng, không ăn hối lộ tại sao có cái chợ trời chình ịch ở khu D? Tại sao nó đón bắt mấy ghe buôn lậu đem về đốt mà lại để hàng hóa bày bán đầy dẫy ở ngoài chợ? Hàng hóa đó chắc là ở trên trời rớt xuống hay là do ghe cảnh sát hay ghe buôn lậu chở vô?

Tôi lại ú ớ một lần nữa và chợt hiểu, thì ra dầu ở phương trời nào, con người cũng có những tánh tốt và những tánh xấu giống nhau. Hễ nơi nào có pháp luật thì nơi đó có người phạm luật, chỉ khác nhau là mức độ nhiều hay ít mà thôi..

Trời đã dứt nắng. Bên trong rừng cây đã nhá nhem. Tôi đã lên tới mí cát khô, nhờ gió nhiều nên không cần lau, cả người đã ráo hoảnh. Bây giờ trở về là vừa, đoạn đường khá xa, để tối hơn nữa, sẽ không thấy đường đi. Tư Trần Hưng Đạo lo đi kiếm mấy đứa nhỏ còn chạy lảng quăng đầu đó. Tôi đứng ngó băng quơ trở về ghềnh đá nơi ông già câu cá, bắt chợt thấy một ghe buôn lậu lướt theo sóng, đâm vút vào bãi cát. Giờ này trên bãi đã thưa người. Chiếc ghe còn nguyên vẹn. Phía trước, một người chèo mũi, phía sau một người chèo lái, ở giữa một đồng thùng cạc tông hàng hóa để ngổn ngang. Chiếc này cũng giống y chiếc hồi nãy, kiểu cái thùng cây nhỏ xíu được ghép sơ sài. Ở những mối ráp được trét dầu chai để khỏi rỉ nước, dầu trét lem nhem vắn vện, chỗ đây chỗ mỏng.

Tôi kéo Sơn và Dân gì đó lại gần hơn để coi cho rõ. Hai anh buôn lậu đã nhảy xuống nước kéo ghe vào sát bờ, một đầu để gác trên bờ cát. Tôi đếm được tất cả mười thùng cạc tông để giữa khoang. Không biết từ đâu, xuất hiện một đám bạn hàng vây quanh. Mỗi người trên tay cầm sẵn một cọc tiền dày cộm. Họ thì thăm trả giá. Cuộc thỏa thuận nhanh chóng. Hàng được giao cho những thanh niên đứng phía sau. Họ lập tức vác các thùng cạc tông lên vai, đi nhanh vào rừng, lẹ như những bóng ma. Theo sau là hai thanh niên khiêng ghe cao trên đầu, đi cũng nhanh không kém. Chỉ trong vòng năm, mười phút cuộc mua bán, chuyên vận hàng hóa đã xong xuôi, không còn một chứng tích nào nữa hết. Bãi cát vắng tanh, bóng chiều từ từ buông xuống, quạnh hiu. Tiếng sóng vỗ nghe chùng gập rút. Mấy đứa nhỏ con Tư Trần Hưng Đạo chạy phía trước, len lỏi trên đoạn đường mòn lẹ như những con sóc, chúng tôi lần lượt theo sau. Trong đầu tôi còn vảng vát hình ảnh cuộc chuyên hàng vừa rồi. Họ hoạt động phối hợp nhau khéo quá, chính xác nhịp nhàng. Những người ty nạn tháo vác, can đảm. Tôi nói với anh Tư:

-Tôi phục mấy anh chàng buôn lậu này quá, cái ghe đóng sơ sài ngó thấy ghê, vậy mà dám liều mạng chèo ra biển...

-Cũng chưa hay lắm đâu. Họ còn có ghe để chèo, không nguy hiểm lắm. Có bận tôi thấy một đám cũng buôn lậu nhưng liều mạng hơn nhiều. Họ đông gần mười người, ôm phao lội ra ghe Mã Lai đậu ở ngoài xa bờ cách cả trăm thước để mua hàng. Mua xong họ ôm thùng hàng được gói kín trong bao ny lông, lội trở vô. Cả đám lội y như đàn nhái bị sóng đánh dập vùi, vô được tới bờ người nào người nấy thở dốc, mặt mày xanh xám, thờ không ra hơi. Đồng tiền kiếm được phải đánh đổi bằng mồ hôi, nước mắt và đôi khi chính cả mạng sống... Ở Bidong này có tất cả năm bãi tắm được. Có hai bãi dùng để chuyên hàng hóa mua được của ngư phủ Mã Lai. Bãi này được đặt tên là Bãi Buôn Lậu. Còn một bãi nữa ở sau khu G, chỗ lều của bờ ở, băng qua một ngọn núi là tới, cũng là bãi buôn

lậu, ở đó nhờ có vách đá nhô ra che khuất tầm mắt của cảnh sát nên kín đáo và tiện lợi, giới anh chị thích vô đây hơn. Khi đã cho hàng lên bờ rồi, chỉ cần vác băng ngang qua núi là chui tọt vô chợ trời liền, kể như an toàn trên xa lộ. Chỗ đó họ thường gọi là Bãi Sang Đò. Nếu dùng chữ của nhà nước ta, thì đó là hai cửa khẩu xuất nhập hàng trốn thuế ..của đảo Bidong!

Tôi nghe anh Tư dùng chữ của Hà Nội mà tức cười:

-Theo anh thì chữ hải cảng của Sài Gòn và chữ cửa khẩu của Hà Nội, chữ nào hay hơn?

Tư Trần Hưng Đại trả lời:

-Chuyện đúng sai, hay dở thì không biết, nhưng cái gì không ưa thì nói là không ưa!

-Tôi cũng y như anh vậy. Mỗi lần nghe thấy tiếng Việt Nam 'là lạ' thì hơi khó chịu, không biết tại sao!

Đường trở về có vẻ gần hơn lúc đi. Chỉ trong chốc lát tôi đã bước ngang qua túp lều có đám rau xơ xác. Những cây rau con nhặt nhòa không còn thấy rõ màu xanh. Có vài lều vàng vọt ánh đèn. Những bước chun hời hả. Bidong sắp đắm mình trong bóng đêm quạnh hiu. Chung quanh người đi đã thưa thớt. Trong không gian tĩnh mịch, tiếng côn trùng rì rả khắp nơi nơi. Lẫn trong tiếng động của núi rừng, tiếng loa phóng thanh dưới bãi được gió đưa đi xa, nghe văng vẳng khi nhỏ khi to.

Son đi cạnh tôi nói:

-Bây giờ chắc mấy anh buôn lậu đã dẫu ghe xong xuôi rồi, hết lo tụi cảnh sát.

Tôi cũng thấy y như vậy:

-Ừ, ừ, cầu trời cho họ được bình yên...

Trong bóng đêm của Bidong có biết bao người sống âm thầm chịu đựng, cũng có biết bao người bằng cách này hay cách khác, hành động len lách để sống còn. Tất cả chỉ vì một ước muốn duy nhất là được hít thở không khí tự do. Từ Việt Nam đến Mã Lai, từ bãi Buôn Lậu đến nơi ẩn dấu hàng hóa trên hốc núi, dọc theo những nẻo đường âm u heo lánh bao nhiêu nguy hiểm chực chờ. Ôi! cái giá của tự do phải trả quá đắt, đôi khi chính cả mạng sống quý báu. Một ngày còn vương chun trên đảo là một ngày còn khó khăn. Trên bãi Buôn Lậu hay bãi Sang Đò của Pulau Bidong chấp chùng sóng nước, người tỵ nạn khốn khổ Việt Nam còn phải chèo ghe bao nhiêu bận, khiêng hàng bao nhiêu đêm? Họ còn phải chấp nhận đương đầu với bắt bớ, giam cầm, chét chóc bao nhiêu lần nữa mới tới được bến bờ Tự Do?

Ở dưới triền núi những nóc lều xanh đen nhàn nhạt, ánh trăng thượng tuần lạnh ngắt. Những bóng người di chuyển, thoát biến thoát hiện như cảnh tượng trong chuyện liêu trai hoang đường...

**chương 19:**

## ***CÔ GÁI ĐIÊN***

Từ phía đồi Tôn Giáo hướng ra trùng dương xa thẳm là một vách đá dài cả trăm thước, tạo thành một bức tường thành chón chỡ, giống như cánh tay trái của đảo thò ra biển cả. Những khối đá đen xì rong rêu to nhỏ chồng chắt ngổn ngang. Đất đai khô cằn. Tội

nghiệp mấy thứ cây dại khăng kheo mọc len trong kẽ đá, lựa chi nơi đây đâu có được bao nhiêu đất đai màu mỡ, lại còn phải đưa lưng hứng chịu những cơn gió bão điên cuồng từ ngoài khơi thổi vô. Cây nào cũng cong queo xác xơ còi cọc. Nhưng đâu phải nơi đây chỉ có đá và cây. Cả tháng nay ngày nào đảo cũng tiếp nhận thêm cả ngàn người tỵ nạn ở các hải đảo lân cận đổ về, ngày một nhiều. Chỗ nào cũng đen nghệt người ta. Những chiếc lều mới đưa nhau mọc lên vội vã như nấm gặp mưa lũ. Lều mọc cheo leo ở bãi cát, chen lấn nhau ở sườn đồi, treo trên hốc núi và bây giờ những căn lều con con ngập ngừng dọ dẫm từng bước lan dần ra tới ghềnh đá, ven biển xa xôi.

Nép mình bên một tảng đá lớn, có một cái lều vừa được dựng lên mới tinh. Ở chỗ cửa cất thịt cây còn ướt tươi xanh, đầu đỉnh dẫu mới, rỉ sét vàng ẻo. Mặt lều quay ra bờ nước, lưng dựa vào vách đá thiên nhiên, ở vị trí này, vừa tiện đường lấy nước vừa tha hồ ngắm gió mát trắng thanh trên biển. Chủ nó, anh Tư Trần Hưng Đạo vừa mới mua được với giá ba trăm. Cái biệt thự cũ ở khu A chật chội quá không đủ chỗ cho mấy đứa nhỏ nhúc nhích, nói chi đến chuyện dành riêng cho anh Tư, chị Tư cục cựa, nên hai ông bà quyết định xài sang, sắm thêm căn lều mới, di tản chiến thuật đám lỏi con lóc nhóc ra đây. Thiệt là tiện lợi đôi bề. Hôm ăn mừng tân gia, Sơn trực thấy lều ở vị trí sơn thủy hữu tình, buột miệng khen:

-Người có tiền bao giờ cũng sướng hơn người... không có tiền!

Cả đám nghe Sơn phán một câu... đúng quá sức, xúm nhau mà cười. Thăng Dân 'gì đó' suy nghĩ ra sao không biết, thủng thỉnh nói:

-Mà người không có tiền, chơi với người có tiền cũng sướng lây gì đó!

Chị Tư vừa háy Dân, vừa nói:

-Chú Dân gì đó bữa nay nói chuyện cũng khéo léo quá sức! Vậy anh chị rủ mấy chú khi nào trời nóng nực cứ tự nhiên ra đây mà ngủ cho mát...

Út Trung xen vô:

-Cứ tự nhiên coi như là lều của mình!

Anh Tư máy cày cười:

-Ừ, ừ, mấy bạn đừng ngại gì hết nghen. Mấy em còn nhỏ quá, có người lớn coi chừng dùm anh chị yên tâm. Lều rộng mênh mông, tha hồ mà lăn...

Do vậy mà những đêm trăng sáng trời trong, tôi ôm mùng mền chiếu gối thả lang thang ra nhà mát Vũng Tàu ngủ nhờ. Ở đó, tôi thường gặp Út Trung hay Dân gì đó để nói dóc cho vui, vừa tha hồ ngắm cảnh biển cả về đêm lộng lẫy ánh trăng cho đã thèm, biết đâu nhờ đó mà hồn thơ lai láng, tứ thơ dào dạt... Tôi thấy trăng thì cũng có đôi khi nhưng thấy mấy anh em của khối tiếp liệu làm việc nhiều hơn. Ở trước lều nhìn ra thì thấy cầu supply chạy dài ra biển. Các ghe tàu tiếp tế hoạt động không ngừng. Cạnh cầu, một dãy nhà kho chứa hàng hóa được cất dọc theo bờ biển. Nhân viên tình nguyện của khối đông gần cả ngàn người, mỗi ngày thay phiên nhau làm việc liên tục chuyên hàng từ tàu lớn xuống ghe, từ ghe nhỏ lên cầu tàu rồi dùng xe cút kít đẩy vào kho. Từ sớm mơi cho tới chiều tối, những đoàn người khuôn vác chuyên chở nối đuôi nhau đi về, như đàn kiến tha mồi vào tổ, đông nghệt chen chúc nhau. Khối tiếp liệu còn phải lo cung cấp thực phẩm, nước uống, vật dụng cho khoảng bốn chục ngàn người. Số lượng hàng hóa nhiều kinh khủng, chất cao như núi, nhưng nhu cầu cũng lại quá lớn. Hình như hàng cung cấp chưa đủ dùng... Không bao giờ đủ hết! Ở Bidong, có bao giờ đủ đâu!

Cứ mỗi vài tuần cả trại được tiếp tế cá, thịt bò (Mã Lai theo Hồi Giáo, cấm ăn thịt heo) hoặc rau cải tươi thì phải chuyển hàng từ ghe vô liền và phát ngay tại chỗ, nếu để lâu thịt cá sẽ ươn thối. Do đó các món này thường được phân phối về đêm. Ở trên nhà mát Vũng Tàu nhìn xuống kho hàng tiếp liệu, đèn đuốc sáng rực. Người chờ đợi đông nghẹt dưới bãi cát. Vì ở quá xa, cảnh vật dường như nhỏ lại, tôi tưởng chừng như đó là sân banh rộng, trẻ em đang chen chúc giành coi hát bóng ngoài trời. Buổi chiều khi đi ngang qua đám đông đang chờ đợi tới phiên để lãnh gà đông lạnh, tôi chợt nghe có tiếng người kêu:

-Thầy, thầy...

Hình như ai đó kêu tôi, tôi dừng bước ngó quanh. Một thiếu phụ còn trẻ từ xa rẽ đám đông đi tới. Tôi khựng lại, đúng là cô ta kêu tôi. Cô còn trẻ lắm, chừng độ hai bảy, hai tám là nhiều. Người cô nhỏ quá như bị chìm trong đám đông. Tôi rần lục lọi trong mó trí nhớ -người quen hay học trò cũ? Nét mặt tuy đẹp nhưng đầy vẻ phong trần.

-Chắc thầy không nhận ra em. Em là Nguyễn, ngày xưa học ở Hoàng Diệu lớp Đệ Nhị...

Nguyễn học Hoàng Diệu ở lớp Đệ Nhị? Tôi rời Sóc Trăng đã trên mười mấy năm rồi còn gì, thiết tình không nhớ ra. Cái trí nhớ lãng đãng. Ở Hoàng Diệu có mấy ngàn học sinh mỗi năm, làm sao nhớ cho hết...

Cô ta ngược nhìn tôi. Ánh mắt như cuốn hút, như van lơn -thầy hãy rần nhớ, rần nhớ...

Tôi không thể để lộ nét vô tình, bèn đáp ngập ngừng: -Ồ, ờ, tôi nhớ ra rồi, em học lớp Đệ Nhị A1. Quách Mỹ Lợi làm trưởng lớp phải không?

Người học trò cũ mừng rỡ kêu lên:

-Thầy nhớ hay quá, em cứ sợ thầy quên. Hồi đó thầy dạy Việt Văn, thầy Long cao dạy Lý Hóa, thầy Bình dạy Toán...

Tôi tiếp theo:

-Trong lớp có Trần Đông Triều hát hay, có ca sĩ Diệu Thanh, có thi sĩ Triều Uyên Phương của thi văn đoàn Sông Hậu...

Nguyễn hình như đoán được là tôi chỉ nhớ có chừng đó, nên nhắc thêm vài chi tiết:

-Em ngồi ở bàn thứ nhì, cạnh Túy Lan, thầy nhớ không, Túy Lan đó!

Tôi chợt nhớ ra:

-Đúng rồi, đúng rồi. Hồi đó, em nhỏ xíu. Phải nhà em ở đường giữa, đối diện tiệm mì Á Đông?

Nguyễn mừng rỡ nói tía lia:

-Vậy là thầy đã nhớ ra em. Hồi còn đi học vui quá, chỉ biếc chơi giỡn, làm biếng ghê bị các thầy cô la hoài. em sợ nhất là Toán với Lý Hóa...

Tôi nheo mắt:

-Còn môn Văn?

-Cũng sợ luôn. Có một lần làm Luận Văn em dở sách ra chép, bị thầy nói lạc đề...

Như một cái máy phát thanh tôi vắn đúng tần số, cô học trò cũ nhắc liên miên những ngày còn cấp sách đến trường. Có lẽ Nguyễn và tôi đều có chung một hoàn cảnh, một kỷ niệm. Tôi cũng vui lây niềm vui của Nguyễn, tai lắng nghe những mẩu chuyện không đầu không đuôi được kể vội vàng.

Bên tai tiếng Nguyễn vẫn đều đều:

... hồi đó thầy Long lùn cười chị Sơn Mai ở lớp Đệ Tam, cả trường xôn xao dễ sợ. Tụi em đoán sau thầy Long là...

Tôi chặn ngay: -Ai vậy?

Nguyễn cười lém lỉnh, nhìn tôi nói tình rui:

-Tới thầy chớ ai. Cả tỉnh ai cũng biết thầy với Túy Lan thương nhau mà!

Cái tên Túy Lan vừa được nhắc tới khiến tôi bàng hoàng. Tôi cười khòa lấp, láy sang câu chuyện khác:

-Em lập gia đình chưa? Sang đây một mình hay đi với gia đình?

-Dạ thưa, em đi qua đây có một mình. Nhà em bị đi học tập. Thầy nhớ Trương ở Đệ Nhất B1 không? Ảnh đậu xong Tú Tài rồi được vô Không Quân... rồi bị bắt cho tới giờ. Em chờ hoài không biết sống chết ra sao, không tin tức gì hết, nên đành phải ra đi...

Tôi nhớ Trương rất rõ, người ốm ốm dong dong cao, tánh khí cứng cỏi ngang tàng. Ông Tổng Giám Thị nhiều phen điên đầu với anh ta..

Tôi hỏi tiếp:

-Em qua được bao lâu rồi, được nước nào nhận chưa?

-Dạ đi hồi tháng tám năm ngoái, lúc trại Bidong này mới mở, tính đến nay cũng đã bảy tám tháng rồi, đã được phái đoàn Mỹ phỏng vấn, còn phải chờ người bên đó bảo lãnh mới được đi. Em chờ hoài, chờ hoài, nhiều khi tuyệt vọng muốn điên luôn. Thầy biết không, ở đảo một ngày là khổ một ngày, em một thân một mình, không chồng con anh em kể bên nương tựa. Bây giờ bất cứ nước nào nhận là em cũng đi liền. Nhiều khi em nghĩ ra đủ mọi cách để được đi cho lẹ. Cách nào cũng được...

Nghe Nguyễn nói, tôi ái ngại hết sức. Thiết tội cho Nguyễn, chồng đi học tập chết sống ra sao chưa biết, một thân một mình bơ vơ nơi đất lạ quê người. Làm sao mà xoay trở, tôi nghĩ không ra. Nhìn vào đôi mắt nai ngơ ngác của Nguyễn, tôi thấy cả bầu trời tối đen thăm thẳm. Cô học trò quá bé nhỏ ốm yếu của tôi ngày nào, làm sao chống đỡ những khó khăn tuyệt vọng vây quanh? Những ngọn đèn vàng vọt chấp chóa, gió thổi rào rào trên những đọt dừa. Tôi cố nén tiếng thở dài, nhìn ra tận đằng xa. Tất cả là màn đêm thăm thẳm, mịt mù. Ôi! Những người học trò cũ, đáng thương của tôi. Nguyễn ơi! Trương ơi! Tôi chia tay Nguyễn để về lều Tư Trần Hưng Đạo, chun bước mà không biết mình đang đi. Có cái gì chua xót, đắng dặc, mang mang vương vấn. Ở đảo Bidong này đâu phải chỉ có mình Nguyễn... đâu phải chỉ có mình Nguyễn! Hàng ngàn, hàng ngàn thiếu phụ xa chồng xa con, cam lòng chịu đựng biết bao oan nghiệt đổ ập xuống thân phận ốm yếu còm cõi. Nói sao cho xiết! Không lẽ con người được sanh ra chỉ để chịu đựng nỗi khổ đau?

Buổi tối nước thủy triều dâng cao, sóng đánh tạt lên tới chơn đồi., bãi cát còn hẹp tẻ Tôi phải bước trên những tảng đá cao khỏi mặt nước. Nước biển về đêm phản chiếu ánh đèn vàng như những đóm lửa nhỏ lao xao. Út Trung đang ngồi thơ thẩn một mình ở ngạch cửa. Mấy đứa nhỏ đã ngủ. Căn lều tối thui. Tôi lò dò leo lên thang ngồi cạnh Trung. Đầu óc còn mang mang hình dáng nhỏ nhắn của Nguyễn. Phía dưới kho tiếp liệu, đám đông còn bu quanh ánh đèn như con thiêu thân. Nguyễn đang đứng ở chỗ nào? và nàng còn phải chờ đợi bao lâu nữa?

Út Trung quay qua tôi, hỏi:

-Anh có chuyện gì mà hôm nay ra trễ quá vậy?

-Ờ, ờ, giữa đường gặp một cô học trò cũ, thầy trò vui miệng nhắc lại chuyện học hành ngày xưa...

Trung cười hà hà chọc tôi:

-Biết ngay mà, mấy ông thầy giáo hơn người khác là ở chỗ đó. Em mà có dịp về sống ở Việt Nam... cũng rán xin đi dạy học.

Tôi trả đũa liền:

-Chú Út tính vậy là trật rồi nghe hôn. Tôi mà được trở về thi học nghề kỹ sư canh nông chớ không thêm làm giáo sư dạy học nữa đâu, khổ lắm. Làm kỹ sư như chú Út, ít ra cũng dễ kiếm... ruộng mà cày, còn thầy giáo như tôi kiếm một miếng đất cắm dùi cũng thầy vi tróc vậy. Thiên hạ hễ thấy thầy giáo làm cái gì cũng bàn ra tán vô. Thầy giáo cũng y như thầy tu...

-Trời ơi, anh nói quá. Ai cấm anh, người đẹp cả trường, anh không chọn được cô nào sao? Hễ gặp ông nào dạy học, cũng rên là kiếm vợ không ra. Ai mà tin... Cuối cùng thì thầy nào thầy nấy cưới vợ đẹp thấy mò...

Nghe Trung nói tới đây tôi chột mím cười. Cũng như Nguyễn đã nói khi nãy -thầy với Túy Lan thương nhau ai cũng biết mà. Lời khẳng định như đinh đóng cột, vô phương cạy gỡ. Nhưng ở đời có nhiều chuyện tưởng vậy mà không phải vậy. Nhiều phen tôi tự đặt cho mình câu hỏi, tình yêu là gì? Cho tới bây giờ vẫn chưa có câu trả lời thỏa đáng.

Cái mừng lớn quá, bốn đứa nhỏ nằm chèo queo trong một góc. Tôi và Út Trung nằm chần bên ngoài. Lều không có cửa. Gió ngoài khơi thổi tạt vách mừng nghe man mát. Út Trung đã ngủ, tôi nghe tiếng thở phập phồng. Tôi cũng muốn đêm nay ngủ một giấc thiệt say nhưng không biết vì sao cặp mắt vẫn ráo hoảnh. Tai nghe tiếng sóng ì âm ngoài ghềnh đá mà đầu óc nhớ lan man -như một cuộn phim thời gian quay ngược. Hình ảnh còn rõ nét như mới hôm qua. Túy Lan dáng ốm cao cao ngồi cạnh Nguyễn, Nguyễn nhỏ con ốm yếu bệnh hoài. Thở đó tôi vừa mới ra trường, đổi về Sóc Trăng dạy học. Những ngày đầu tiên tôi dạy lớp Túy Lan. Sau một buổi học, khi ra về, nàng đến gặp tôi ở cửa lớp, ngập ngừng:

-Dạ thưa, má em xin gửi đến thầy và các thầy ở chung nhà mấy cái vé hát... Rạp này của nhà em!

Tôi cầm mấy cái vé nho nhỏ, cảm ơn:

-Nhờ em nói lại với má, thầy và các bạn cảm ơn má nhiều lắm. Mà tối nay rạp hát phim gì đó, chắc là hay lắm!

Túy Lan đáp lí nhí, nửa như muốn cười mà không dám, mặt đỏ ửng:

-Dạ, dạ, 'Hiệp Sĩ Mùa Nghe Gió Kiếm'.

Tôi bật cười. Hèn chi, mới tuần trước đây vừa coi Hiệp Sĩ Mùa Trừ Gian Diệt Bạo, phim Nhứt Bồn đánh kiếm hay dễ sợ, nửa đêm vẫn hát về ngang nhà nàng, cả đám vừa đi vừa bình luận um trời, chắc má nàng ngủ không được nên biết. Sóc Trăng xa cách Sài Gòn, đám giáo sư mới ra trường, còn quá trẻ, buồn tình không biết đi đâu, thôi đành chun vô rạp xi nê, cười một hồi cho qua ngày tháng.

Do sự tình cờ đó mà tôi quen biết với gia đình nàng, rồi từ đó tôi thường lui tới thăm viếng nhiều hơn. Ba Túy Lan mất sớm, mẹ nàng ở vậy nuôi con. Bốn cô con gái đều tới tuổi dậy thì. Túy Lan là con đầu lòng rồi tới Chi Lan, Quỳnh Lan, Diễm Lan. Cũng may gia đình khá giả, mẹ nàng lại quán xuyên đấm đàng. Bà lớn hơn tôi chừng hai mươi tuổi nhưng dáng còn trẻ lắm. Bốn cô Lan tuy trẻ nhưng không cô nào bì được mẹ. Túy Lan ốm nhách cao lêu khêu, Chi Lan mập phịch phịch. Quỳnh Lan đen thui và Diễm Lan mất một mí, nhỏ xíu. Phải chi mỗi cô được giống mẹ chừng phân nửa thì cũng ăn đứt thiên hạ rồi... Tình lý Khánh Hưng nhỏ quá, chuyện gì có chút xíu, người ta cũng bàn ra tán vô. Nhứt là chuyện của mấy ông thầy giáo làm quen với học trò! Hình như bắt đầu có tiếng xầm xì đâu đó. Có lần ông tùy phái già hóm hỉnh:

-Ông giáo sư biết không, đất này ngộ lắm. Sóc Trăng đi dễ khó về, trai đi có vợ, gái về có con.

Thoạt nghe qua là biết ông muốn gheo tôi có vé coi hát hoài, bèn cười mà đáp:

-Ồ, ờ, tôi cũng muốn làm rề đất này cho rồi, bác thấy được không?

Ông già nghe vậy chịu quá, độc vô liền:

-Được, được, chớ sao không, mình cưới hỏi đàng hoàng mà, ai nói gì thầy kệ họ. Tôi thấy có trở ngại gì đâu.

Quả tình tôi cũng thấy đâu có gì trở ngại. Nhưng hình như các nữ đồng nghiệp độc thân và các nam sinh ngày một xa cách, nói xa nói gần, tỏ vẻ khó chịu khi gặp tôi. Riêng Túy Lan thì thái độ nàng có vẻ ân cần săn sóc tôi hơn. Có cái gì khác thường trong ánh mắt, trong nụ cười. Trời, nàng tiến bộ môn Văn bất ngờ. Những bài luận mới làm khéo đến độ tôi đọc lên cả lớp ngẩn ngơ. Mà đâu chỉ có môn văn Túy Lan thay đổi. Nàng bắt đầu ăn mặc chải chuốt, trang điểm tỉ mỉ. Tôi thấy son môi nàng đỏ hồng, phấn má nàng trắng mịn. Tôi vẫn đến thăm gia đình nàng thường xuyên. Một hôm mẹ nàng trong câu chuyện hàn huyên, nói mở lời:

-Ông giáo sư bộ tính ở hoài như vậy sao nè... Có để ý tới cô nào chưa, tôi làm mai dùm cho. Tỉnh này tôi quen biết nhiều lắm. Đừng có lo, mình thương ai thì cứ nói... tôi tin thế nào cũng được mà...

Rồi tiếp theo, bà nói nghe dễ hết sức:

-Tôi có bốn con Lan, ai mà thương đưa nào là tôi gả liền...

Nghe bà nói tôi ngồi lặng thinh, thần thờ. Túy Lan, Chi Lan, Quỳnh Lan, Diễm Lan, tôi thương ai? Câu hỏi khó quá khiến tôi trăn trở nhiều đêm. Người mà tôi thương, bà không biết đâu. Mà bà không biết thì thiên hạ xung quanh làm sao biết được. Ngay cả chính lòng tôi, tôi cũng không biết mình đang yêu ai? Vậy thì làm sao để nói ra?

Tôi đổi thế nằm lăn qua một bên, gập tay làm gối kê đầu. Cứ tưởng sẽ ngủ như mọi bận, nào ngờ cứ thao thức hoài. Chiều nay vô tình Nguyễn nhắc thoáng qua một kỷ niệm xưa, tôi đâm nhớ lại loạt phim Hiệp Sĩ Mù, nhớ lại những buổi chiều nói chuyện nắng mưa, nhớ lại ánh mắt sáng long lanh, nhớ nụ cười duyên dáng, nhớ về một góc trời Sóc Trăng, ở đó có người khiến tôi một thời xao xuyến... Tất cả như cơn gió thoảng... rồi mất hút theo năm tháng vô tình.

Tiếng Trung bắt đầu ngái lớn, Chắc anh chàng đang ngủ say. Đêm chùng khuya lắm, vạn vật im lìm. Bidong chỉ còn duy nhứt tiếng sóng cô đơn, vỗ âm âm vào ghềnh đá. Nước thủy triều giờ này chắc dâng ngập tràn bãi cát. Tôi nằm im, lắng nghe tiếng đi đùng của sóng vỗ, vang dội trong đêm trường tịch mịch. Âm thanh của sóng đều đều mang theo một chút gì êm ái vỗ về, như tiếng võng đưa, khiến lòng tôi triền miên cảm xúc. Gió bắt đầu thổi mạnh hơn, một góc lều cột không kỹ bị gió thốc nên kêu phàn phật. Có tiếng chuột chạy rần rạt dưới sàn lẫn với tiếng ú ớ, chếp miệng của mấy đứa nhỏ. Tôi nghe mí mắt nặng nặng sắp thiếp vào giấc ngủ nồng, bỗng giật mình thảng thốt vì tiếng loa từ đình đòi Tôn Giáo vang lên sang sảng trong đêm khuya thanh vắng:

-Đồng bào trong trại chú ý, đồng bào trong trại chú ý...

Giọng nói có vẻ gấp rút kỳ lạ. Tôi đoán thấy có chuyện gì xảy ra ở Hội Trường. Giờ này ít ra cũng một hai giờ khuya, lẽ nào phòng thông tin lại báo một tin bình thường, bèn lay Út Trung dậy để nghe cho rõ. Út Trung đương ngủ ngon giấc, thức dậy ú ớ:

-Cái gì vậy? Cái gì vậy?

Tôi chưa kịp trả lời thì tiếng loa vang vang:

-Vừa rồi có một cô gái, thừa lúc nhân viên canh gác không để ý đã lén xông vào hội trường, đến nơi cư ngụ tạm của các nhân viên phái đoàn ngoại quốc...

Trung la lên:

-Chết cha rồi, sao kỳ cục vậy?

-...cô ta ôm chầm lấy một nhân viên của phái đoàn Hoa Kỳ và khóc nức nở trong tình trạng điên loạn. Cũng may vị này đã vùng dậy kịp và tri hô lên. Các nhân viên an ninh đã giữ cô lại được. Ai là thân nhân của cô, hãy mau đến hội trường để lãnh cô về...

Tôi nằm im, miệng nói:

-Chắc là cô ta bị khủng hoảng thần kinh, tội nghiệp. Cũng may, thằng Mỹ còn đủ bình tĩnh, nếu không tưởng Việt Cộng nhào vô tấn công, nó rút súng bắn chắc chết...

Trung đáp:

-Ừ, ừ, trên đảo này biết bao nhiêu thảm cảnh đau thương, chết chóc... nên dễ mắc bệnh tâm trí lắm. Thiệt tình, bệnh nặng quá rồi, nửa đêm đi đâu bắt nơn vậy nè...

Tôi nghĩ đến cái hội trường có cái hàng rào bằng cây thấp, có cái cổng vuông vuông, có một dãy nhà rộng mà dài được ngăn ra nhiều phòng. Chắc mấy nhân viên của phái đoàn phỏng vấn vì làm việc quá lâu không kịp về bên Kuala Trengganu ngủ qua đêm, nên tạm thời phải ở lại Bidong. Có thể họ kê vài cái bàn làm việc của trường trại để nghỉ tạm, giống như chúng tôi thời còn ở trung học Hoàng Diệu, đêm đêm phải gác trường. Tôi tưởng tượng ra ở đó bây giờ có một cô gái đầu bù tóc rối, nước mắt nước mũi nhòe nhoẹt, mắt trợn ngang trợn dọc, la hét om sòm, quần áo nhăn nhúm tả tơi, đang bị mấy anh an ninh trật tự giữ tay giữ chân chặt cứng. Anh Mỹ nào đó chắc phải một phen hú vía, mất ngủ luôn đêm nay.

Tiếng loa lại tiếp tục léo nhéo...‘vừa rồi có một cô gái... ôm chầm lấy một nhân viên...Ai là thân nhân, hãy mau đến hội trường để lãnh cô về’.

Trung nói:

-Chắc bây giờ ở hội trường người ta bu đông rần rần. Thế nào cũng có anh Tư cho mà coi, dễ gì anh bỏ qua chuyện hấp dẫn này... Mà cái điệu này, mai một phái đoàn phỏng vấn làm sao dám ở lại ban đêm...

Nói tới đó Trung lại bật cười:

-A, cái anh chàng Mỹ nào đó điên chó đâu phải cô gái điên!

-Nói cái gì vậy, tại sao anh Mỹ lại điên?

Trung phân tách:

-Nếu cô ta điên thì làm sao đi vô trại khơi khơi được, qua hàng rào an ninh đâu có dễ. Anh thử nghĩ coi, cô ta phải khôn ngoan lắm, tính toán kỹ lưỡng mới lọt vô tới đó...

Tôi bán tín bán nghi, chống chế:

-Mấy ông nội an ninh đó mà, nửa đêm ngủ mê như chết, có ai mà để ý canh gác chi cho mắt công. Ở đảo này có Việt Cộng đặc công gì đâu mà phải kỹ lưỡng...

-Anh nói vậy chứ, muốn vô tới chỗ ngủ của mấy anh Mỹ cũng đâu phải dễ... Cô ta có làm gì đâu, chỉ ôm anh Mỹ mà khóc. Sao gọi là điên được?

Nghe Trung nói tôi chợt lóe ra vài ý nghĩ lạ, có thể Trung có lý.

Rồi Trung cười ngất:



-Cả đảo bốn chục ngàn người nằm ngủ đầy trời, dễ quá mà, muốn ôm ai lại không được, tại sao phải chui vô hội trường, kiếm thằng Mỹ phỏng vấn mà ôm... Hà, hà... Rõ ràng thằng Mỹ điên! Nếu em là nó, em không la khi bị cô ta ôm!

Tôi ngạc nhiên:

-Thôi đi bạn, nửa đêm đương ngủ, tự nhiên có người lạ nhào vô ôm mình, không phát hoảng sao được.

-Anh la là dở, tại anh mất bình tĩnh. Em mà đương ngủ, cô nào nhào vô ôm em là em ôm lại liền... ôm cứng ngắt, khà khà...

Trung nói xong, tôi nghe cũng phì cười:

-Vậy là Trung ngon lành hơn anh xa quá!

Trung nói tiếp:

-Suy nghĩ cho cùng, anh nào viết bản tin vừa rồi là thêm mắm thêm muối kiểu mấy ông văn sĩ cho đậm đà, chớ sự thật không phải như vậy!

Tôi hỏi:

-Sai chỗ nào đâu, bản tin viết rõ ràng gãy gọn...

-Ở chỗ '...ôm lấy một nhân viên phái đoàn Hoa Kỳ và khóc nức nở...' Theo em thì có thể cô đó có ôm chầm lấy anh kia nhưng không có khóc. Tại sao khóc? Chuyện ôm và chuyện khóc khác nhau. Đến khi bị la hét xô ra và bị an ninh bắt, cô ta mới khóc nức nở vì xấu hổ. Anh thấy đúng không?

-Ồ, ờ cũng có lý à Trung. Bạn học Canh nông nghiên cứu về rau đậu, lúa má sao mà phân tích tâm lý người ta y như cảnh sát điều tra tội phạm vậy? Thí dụ như mấy lời bàn hời nãy giờ đúng hết đi, thì câu chuyện xảy ra vừa qua, đó là cái gì?

Trung gác tay lên trán hồi lâu chậm rãi nói:

-Em không dám chắc nhưng đại khái có thể hiểu, cô ta ở đảo đã quá lâu. Cuộc sống lúng túng khổ sở, chịu đựng hết nỗi rồi, cố tìm cách để được đi định cư cho lạ. Thôi đành nửa đêm chun vô chỗ ngủ của phái đoàn phỏng vấn, năn nỉ để được đi sớm ngày nào hay ngày nấy. Nếu cần phải hy sinh... cách gì cũng chịu! Xui xẻo là gặp thằng Mỹ ngu, cũng có thể là ngôn ngữ bất đồng...

Nghe Trung phân tích rành rọt, tôi kêu lên:

-Trời, nếu đúng vậy thì thật đáng thương. Hoàn cảnh đưa đẩy đến như vậy thì thiệt là tội nghiệp!

Trung im lặng không nói nữa...Tôi cũng nằm im.. Mỗi thằng một ý nghĩ. Có những người sanh ra chỉ để chịu khổ đau, có nỗi đau nào giống nỗi đau nào! Sóng càng lúc càng lớn, tiếng ầm ầm ở ghềnh đá vang ra thăm thẳm. Tiếng sóng ở bờ Việt Nam chắc cũng nghe đau thương như ở đây, tiếng sóng của cô gái 'điên' đêm nay! Tội nghiệp thân phận người ty nạn bọt bèo, đáng thương biết bao nhiêu, ở vào hoàn cảnh trái ngang, người ta phải tìm cách vượt thoát bằng mọi lối, kể cả phải chấp nhận phải hy sinh những gì quý báu nhất...

Bỗng nhiên Trung tiếp tục:

-Phải khen anh chàng thông tin này mới được. Nếu anh ta nói trên loa phóng thanh điều mà anh em mình bàn cãi hồi nãy giờ thì cô gái này còn mặt mũi ngó ai nữa.

Tôi đồng ý hoàn toàn:

-Ồ, ờ, hay quá, cứ cho là cô ta điên loạn rồi đưa về nhà... êm ru bà rù... Không ai đàm tiếu gì hết. Tuyệt diệu, thằng cha thông tin này đáng bậc sư tổ!

Hình như chưa có thân nhân nào đến nhận lãnh cô gái, tiếng loa lại tiếp tục vang vang bỏ tức thêm vài chi tiết mới:

-có cô gái điên ở hội trường... ồm ồm nhỏ người, trạc cỡ hai mươi lăm tuổi, mặc quần dài đen, áo tím ngắn tay... ai là thân nhân...

Nghe tới đó như có luồng điện mạnh từ đỉnh đầu chạy đúng vô tim, tôi la lên:

-Trời! Chết cha rồi...

Trung ngạc nhiên:

-Cái gì mà la lối vậy ông thầy, bộ có quen với cô gái điên đó hả?

Tôi im lặng không trả lời câu hỏi của Trung. Trả lời sao được nữa. Tôi muốn ngộp thở, hai quai hàm cứng ngắt mở không ra, tim đánh bình bịch trong lồng ngực, toàn thân cứng đờ. Cái lều vững chắc như vậy mà tôi cảm thấy nó lung lay run rẩy, rồi nước mắt ở đâu không biết trào ra, ban đầu còn ít, dần dần không kìm được nữa nó chảy ra như suối. Những giọt lệ nóng hổi chảy đầy trên má, trên môi. Nước mắt chảy tràn vô miệng mặn đắng... Thầy thương em quá Nguyễn ơi... Nguyễn ơi!

**VỖ KỶ ĐIỀN**

**Chương 20:**

## ***TÀU BÌNH VIỆN ĐẢO ÁNH SÁNG (1)***

Hình như ông trời cũng khá công bình, hễ cho ai một chút hạnh phúc thì ông đòi phải trả lại bằng khổ đau, như việc tôi ngủ nhờ nhà mát Vũng Tàu của Tư Máy Cày. Ngủ đêm ở đây thì sướng được nhiều chuyện. Trước hết là chuyện cái giường. Tuy mặt giường nào ở Bidong cũng làm bằng những khúc cây nhỏ, có u có nân ghép lại, nhưng anh Tư đào đâu ra không biết, được mấy cái thùng cạc tông của khối tiếp liệu vớt bỏ, mấy tấm cạc tông này quý như vàng, anh bèn xé trái thặng ra làm nệm để lót giường, mỗi lần ngã lưng nằm xuống, đã lấm, êm như nệm gòn. Giường rộng mênh mông, tha hồ duỗi tay duỗi chun, ngoài ra còn có bạn bè thân tình để hàn huyên tâm sự, rồi còn có gió mát trắng thanh trên biển thiếu gì... Tôi còn đòi hỏi gì hơn nữa!

Nhưng chuyện đòi đâu có đơn giản như mình muốn. Đêm ở đây thì ít khi nào đi ngủ sớm, khi không có chuyện gì để nói tới nói lui, tôi ngồi ngó trăng, ngó nước, ngó đọt dừa, ngó lửa lập lòe trên đỉnh núi...cũng kéo dài tới khuya, nói chi ở đảo ngày nào cũng có đề tài hấp dẫn để bàn cãi, thảo luận. Tối nào cũng thức cho tới một hai giờ sáng. Cái nỗi khổ là ở chỗ này. Thức khuya thì phải ngủ trưa một chút để bù lại... nhưng đâu có được. Thiệt tình không được!

Ở nơi khi ho cò gáy xa mút tí tè, cứ tưởng được yên thân, không ai quấy rầy, nào ngờ lại ồn ào, náo nhiệt hơn ở chợ trời nữa. Chợ trời họp sớm lắm cũng tám, chín giờ sáng. Còn ở đây người ta họp lúc trời còn khuya mịt mù, mới độ bốn năm giờ, đêm đen còn tối mù mù. Trăm lần như một, mắt nhắm chưa được bao lâu thì bỗng bị dựng đầu dậy, rải rác ở chỗ này chỗ kia, thiên hạ chửi nhau chí choé. Làm sao mà ngủ nghe cho được! Thiệt tình không được. Nghĩ mà giận... nhưng cũng không biết giận ai? Giận thằng cha hàng xóm vô duyên cứ lải nhải hoài, hay là giận mấy người ngồi chò hõ ở mấy cục đá

ngoài kia, hay là giận ông trưởng trại Bidong bất nhơn, không chịu cất nhà cầu để người ta gây lộn nhau hoài ?

Cả đảo chứa gần bốn chục ngàn người chen chúc đông nghẹt, vậy mà không có lấy một cái nhà cầu để giải quyết vấn đề vệ sinh cho toàn trại. Làm sao bây giờ, cái gì cũng có thể xếp hồ sơ, để dành thủng thỉnh giải quyết sau, chớ cái vụ đó ...đâu có để dành được. Thành ra cứ mỗi buổi sáng sớm trời còn tờ mờ, bất kể nam phụ lão ấu, ai nấy đều lang thang kiếm nơi churen trời góc biển thích hợp đâu đó, để giải quyết bầu tâm sự mang nặng trong đêm. Còn chỗ nào lý tưởng hơn chỗ này, vừa xa hàng xóm đông đúc, tránh được những cặp mắt tò mò, vừa có đủ mọi tiện nghi. Ở ngoài mé nước, những tảng đá bằng phẳng, nằm mấp mô trên mặt sóng như những lưng rùa, cục nhỏ cục to, như đang mời mọc khách hành quá bộ bước sang. Đâu còn chỗ nào tốt hơn nữa. Không lẽ mỗi sáng sớm, lại cong lưng chạy tuốt lên đỉnh núi,... sao kịp!

Cho nên tìm được chỗ gần mà tốt này, cả đảo ai cũng vui mừng nhưng cũng có một số không vui. Đó là mấy người chủ lều lân cận và mấy tay đi ngủ nhờ, như tôi. Vui làm sao nổi. Gió đâu có thổi từ đất liền ra biển mà lúc nào cũng nhè từ ngoài biển thổi ngược vô. Cái đó mới là vấn đề. Đồng ý là gió biển, tuy có mát mẻ nhưng không được thơm tho cho lắm. Đó là nói về sự chịu đựng của cái lỗ mũi, còn nói về khổ sở của cặp mắt, thì quả thật, cảnh tượng, nói chung không được thẩm mỹ chút nào... Nhưng tôi đâu có thèm ngó tới ngó lui, mấy cái cảnh xấu xí đó làm gì, tuy vậy hai lỗ tai cứ bắt buộc phải nghe cái giọng chói lói của anh bạn hàng xóm, mỗi sáng cất lên như một điệp khúc, nhắc đi nhắc lại hoài chỉ có bấy nhiêu... nghe mà bực mình:

-Ê, ê cha nội, đi tránh chỗ khác, bộ hết chỗ rồi hả, trước lều tôi như vậy mà anh ngồi tinh bơ, coi có được không ?

Cũng cái câu này, anh nói hàng trăm lần, hàng ngàn lần, tôi nghe hoài, thiếu điều muốn thuộc lòng. Lúc nào cũng bắt đầu như vậy - ê, ê cha nội, nếu là đàn ông, còn nếu là đàn bà thì có thay đổi chút ít - ê, ê, chị kia ! Nhưng đâu là đàn ông hay đàn bà hay con nít. câu kinh nhứt tụng đó đều chấm dứt bằng lời nhận xét, phê bình ... -coi có được không? Có lẽ câu này khá hiệu nghiệm nên anh ta lập đi lập lại hoài.

Nhưng sáng nay, anh hành xóm khó chịu gặp phải một thằng cha lý;

-Ê ép cái gì, anh nghĩ coi cả đảo không có một cái cầu, không đi đây thì đi đâu ?

Anh hàng xóm tức mình:

-Đi đâu thì kệ anh chớ, tôi đâu có hườn mà kiếm chỗ chỉ cho anh...Yêu cầu anh đi chỗ khác cho tôi nhờ !

Câu nói tuôn ra đầy bực tức gận dỗi nhưng hình như cục diện vẫn trở ra, không có gì thay đổi, nên anh chủ lều bực quá, buông thông một câu:

-Vậy mà cũng đòi làm... dân Mỹ !

Tôi nghe qua, kêu trời một tiếng, bật cười to, tỉnh ngủ hẳn, định lay Trung dậy. Nhè đâu Trung cũng đã thức tự nãy giờ, nằm cười hăng hắc.

Tôi chọc Trung:

-Hình như chú Út xin đi Mỹ phải không ? Cũng may tôi chọn Canada, khỏi bị thằng cha chủ nhà nói xỏ nói xiêng ! Ai xin đi Mỹ thì rần chịu...

Hai anh em nằm cười cho đã một hồi rồi lồm cồm ngồi dậy, kiểm tờ báo vụn ...rủ nhau làm cái việc mà thằng cha chủ lều vừa chửi. Nhưng tôi đâu có dại mà lựa chỗ gần nhà. Trời còn tối hù, tôi và Trung lò mò leo lên những bụi đá cao hơn, xuyên qua một đám cây thấp mọc cỡ ngang đầu, rồi tới một đám trúc nhỏ xíu, rồi leo ra tận mỏm đá cheo leo. Tới đây là...tận cùng trái đất! Biển ở tuốt xa dưới kia, ngó xuống chóng mặt. Tôi chợt thấy ở ngoài khơi, sáng nay có thêm một chiếc tàu lạ, to lớn sừng sững trắng toát, tới đây hồi nào, tôi không hay biết, đậu im lìm. Ngó kỹ hơn, tôi thấy trên ống khói cao chót vót, lá cờ Pháp ba màu xanh trắng đỏ được kéo cao, bay phàn phật trong gió sớm.

Tôi chỉ cho Trung:

-Tàu bệnh viện Ile de Lumière tới rồi nè Trung ơi ! Mấy ngày trước trên loa phóng thanh có nhắc tới, Bidong mình sẽ có một tàu bệnh viện của Pháp tới... chắc nó rồi.

Trung đứng ngó chiếc tàu, nói:

-Lớn quá sức, chắc là máy móc tối tân lắm. Từ bên Tây mà qua thẳng tới đây một mạch, ngon lành. Có nó tới, người tỵ nạn mình cũng đỡ khổ. Ở đảo, nhiều người bệnh nặng, phải mổ xẻ hay sanh nở khó khăn, phải chờ đưa qua Trengganu thiệt là vất vả. Chiếc tàu lớn quá, đã thiệt. Thấy nó, đám muôn bệnh để được xuống dưới coi chơi cho biết !

Tôi vừa tìm chỗ tốt, vừa lằm bằm:

-Thiệt tình hết chuyện muôn, lại muôn bệnh, tôi không ham rồi đa !

Trung ngồi cách tôi chừng năm thước xa, hai anh em đối đáp om sòm không sợ ai nghe thấy. Mỏm đá cheo leo, ngó xuống biển sâu hun hút. Nơi đây xa quá, lại khó leo trèo nên ít người lui tới, cách biệt hàng xóm dưới kia một góc trời. Tôi ngồi thoải mái, yên chí ngắm chiếc tàu lạ ...

\*

\* \*

Tiếng loa phóng thanh đưa xa vắng vắng... ‘Yêu cầu quý vị trưởng trại và trưởng các khối ra tiếp phái đoàn của tàu bệnh viện Pháp mới đến..’ Trung nghe xong, nói vọng qua tôi:

-Giờ này còn sớm quá, chắc quý vị trách nhiệm của trại còn đang ngồi thơ thẩn ở một tầng đá chênh vênh nào đó, cũng có thể đang chờ để xách nước giếng không chừng....

Tôi ngồi ở trên cao nhìn xuống, cảnh như trong tranh vẽ, những lớp sóng nhỏ đều đặn, lăn tăn như vẩy cá. Nước xanh thăm thẳm. Chiếc tàu sơn màu trắng tinh, lớn như toà lâu đài nên phải đậu xa bờ chừng ba trăm thước. Cây cày supply chỉ dành riêng cho các ghe nhỏ. Nhìn lá cờ lớn phất phới trên vùng trời Bidong, lòng tôi cảm động, sung sướng rạt rào. Người tỵ nạn Việt Nam không còn cô đơn. Trên thế giới đã có biết bao nhiêu cõi lòng nhơn ái mở rộng, đã có biết bao quốc gia đón chờ, đã có biết bao người hy sinh cả công lẫn của... như chiếc Ile de Lumière này !

Ở trên đảo, dưới những tàn dứa cao chót vót, người ta tụ tập ra bờ cát càng lúc càng đông. Tin chiếc tàu bệnh viện đến đảo là một niềm vui lớn. Cả đảo thức dậy trong nỗi hân hoan. Từ hội trường đến chum cày supply, chỗ nào cũng người là người. Tuy ở rất xa, nhưng hình như tôi nghe được trong đám đông xôn xao, chuyển động đó, tiếng rộn ràng của niềm tin yêu, hy vọng, chứa chan. Tiếng loa kêu gọi quý vị điều hành trại ra đón khách vẫn còn tiếp tục vang vang.

Đây rồi, trong trại đã dùng chiếc ca nô cảnh sát Mã Lai trắng, sơn chữ xanh quen thuộc, chở độ bốn người ăn mặc chỉnh tề, lướt sóng ào ào chạy thẳng ra tàu lớn. Lần đầu tiên ở đảo, tôi thấy có người mặc áo tay dài cài khuy, vạt bỏ trong quần, cổ thắt cà vạt trắng hoàng, thoạt trông thấy lạ hết sức nhưng có điều tôi không biết là quý vị đó mang giày hay mang dép? Nếu có chắc là dép cao su, vì nếu mang giày da cứng thì làm sao mà đi trên cát hoặc đứng trên ghe chông chênh ?

Khi gần đến nơi, chiếc ca nô chậm bớt tốc lực, chạy từ từ cập vào hông tàu. Tự nhiên bên hông tàu cao vút như bức tường trắng toát, mở ra một cánh cửa rộng hoác. Một chiếc ca nô khá lớn, sơn màu vàng tươi mát từ bên trong tàu lớn chạy ra. Ngộ quá, ngộ quá ! Lần đầu tiên tôi thấy cảnh này, kêu lên:

-Đã quá hả Trung, tàu lớn mà lại tối tân. Chiếc ca nô trong bụng nó chạy ra - y như tàu mẹ đẻ tàu con...

Trung cũng đang theo dõi mê mang. Trên ca nô khách, có tây đầm lố nhố cả chục người. Sao kỳ lạ vậy, mấy người Pháp ở trần trụi mặc quần cụt, mấy cô đầm tui có mặc áo nhưng ngắn lắm. Nhìn lướt qua hai ghe, thấy hai cảnh tương phản nhau. Một bên đầu có quần áo bao nhiêu, cũng rán kiểm mà bận vô, một bên có rất nhiều nhưng chừng như nóng quá, họ cởi ra gần hết. Cũng tại khí hậu xích đạo của đảo!

Cuộc gặp gỡ quá đơn giản, không có bắt tay, không có chào cờ, không có diễn văn khai mạc, không có cảnh ô hô thăm thiết...chỉ có khoác tay thay lời chào hỏi, rồi thôi. Ghe chủ dẫn đường đi trước, ghe khách theo sau về đảo. Trên ghe khách, ai cũng có máy quay phim, máy chụp hình, quay chụp liên hồi. Hai ghe đảo một vòng lớn để quanh về. Ghe trước lướt nhanh vun vút, có lẽ vì thói quen nghề nghiệp của cảnh sát Mã chuyên rượt bắt ghe buôn lậu nên lướt sóng rất khéo. Sau đuôi, bọt trắng xoá, vẽ một vòng tròn. Anh tài công nào đó chắc cố ý biểu diễn một màn lá lướt cho tài công Tây lé mắt chơi. Nào ngờ, ghe khách không theo ghe chủ, nó đi chậm chậm, cặp theo ghềnh đá... đúng y boong chỗ tôi và Trung đang ngồi thơ thẩn.

Trời đất qui thần ơi ! trên ghe có bao nhiêu máy quay phim, máy chụp hình, đều hướng về hai đũa chụp lia chụp liạ. Tụi nó chụp cái gì vậy ? Hồng lẽ chụp bụi tre hay cục đá kê bên! Chắc là lần đầu tiên tới Bidong gặp cảnh lạ, bên Tây làm gì có được cảnh ngộ như vậy. Tôi không biết xoay trở ra sao ngồi yên thì bị chụp nguyên con, mà đứng dậy thì cũng không được. Thiệt tình không được! Túng quá, tôi bèn hỏi Trung :

-Trung, Trung ! Tụi nó đang quay phim anh em mình kìa, phải làm sao ?

Trung phản ứng thiệt lẹ, nói to:

- Lấy giấy báo che mặt đi, đừng thềm che chỗ khác. Nó muốn chụp gì đó thì chụp, đem về bên, có ai biết anh đâu mà sợ!

Nghe lời Trung nói, tôi thấy cách giải quyết như vậy là ổn thoả, vội lấy tờ giấy đang cầm trên tay che lên mặt. Cảnh bên Trung vừa che vừa cười khúc khích. Tôi lẩm bẩm:

-Bị người ta chụp hình ... vậy mà còn cười được ! Thiệt tình, tôi muốn độn thổ...

Chiếc ca nô đã đi xa. Tôi và Trung đứng dậy đi về. Trung vừa đi vừa nói:

-Mấy anh công dân Mỹ ngồi bệch hôi sáng cũng chưa ngon lành bằng tụi mình. Họ bắt quá cũng chỉ có một hai chủ lều biết tới, còn anh với tôi thế nào cũng được cả thế giới chiêm ngưỡng...

- Trời, đừng nói giỡn chớ cha !

-Thì anh suy nghĩ đi, bộ mấy con đằm, mấy thằng tây đó quay phim rồi bỏ hả ? Thế nào nó cũng đem rửa ra, đem về bên Tây hợp báo khoe là ở Bidong... như vậy, như vậy nè... rồi biết đâu không chừng in hình anh trong sách.

Tôi dậm chun dậm cẳng, tức mình cần nhần:

-Sao mà xui xẻo, chắc tại ở gần thằng cha chủ lều vô duyên, tối ngày cứ trù ẻo hoài...làm sao mà khá được. ! Thôi, rán chạy lẹ về để coi cho rõ...

Chiếc ca nô đã cặp cầu supply, phái đoàn được hường dẫn vô đảo. Trên bãi cát trắng thường ngày bây giờ đã đen nghệt, người là người, chật cứng không còn nhúc nhích được nữa. Bao nhiêu người ở bờ biển Bidong sáng ngày mười chín, tháng tư, năm bảy mươi chín này ? Có thể hai chục ngàn, ba chục ngàn hay nhiều hơn nữa! Cả một biển người, tạo thành những cơn sóng chuyển động, vẫy tay đón chào, vui mừng, tin tưởng. Họ đang chào đón những vị ân nhân đến từ phương trời xa thẳm. Những tiếng hoan hô vang dội, vui mừng, tin yêu, trên những gương mặt hốc hác, đen đúa nhưng rạng rỡ. Đảo hôm nay bị chìm ngập trong những đôi mắt mở lớn, những cánh tay vẫy chào, những tiếng kêu hy vọng...

Còn gì nữa. Còn những dòng lệ ấm áp chảy tràn lan trên má của mấy cô đằm. Tôi thấy mấy cô lấy khăn tay ra lau nước mắt. Rồi tới mấy ông tây quay phim, họ đang để máy xuống, tay tìm khăn... Tôi đứng ngậy người ra cạnh góc dứa, lòng xúc động tràn ngập. Những người ngoại quốc này là những ai ? Họ ở tận góc biển chun trời nào? Có ai bắt buộc họ phải từ bỏ nếp sống đầy đủ, êm ái, từ bỏ gia đình cha mẹ, vợ con, công ăn việc làm... chấp nhận thiếu thốn, gian khổ, lặn lội qua vùng đất xa xôi, hẻo lánh này, để giúp đỡ chăm sóc cho những người không hề quen biết ? Yếu tố nào đã thúc đẩy cho họ hy sinh dần bước ? Phải chăng đó là tiếng gọi thôi thúc từ trái tim nhân ái bao la của con người, xúc động trước nỗi đau thương cùng cực của con người. Trong tình thương, đâu có sự phân biệt màu da, tiếng nói, cũng đâu có sự ngăn cách địa phương... hay bất cứ điều gì. Tấm lòng của họ lớn lao như biển cả, trái tim của họ ngời ngời như ánh sáng. Nhon loại sớ dĩ còn tồn tại đến ngày hôm nay là nhờ những con người vĩ đại như vậy đó! Nếu không thì, trái đất nặng nề đây tham dực này đã bẽ nát từ lâu rồi... từ lâu rồi !

\*

\* \*

Và cũng nhờ trái đất còn nguyên nên đảo Bidong cũng còn y nguyên. Mà tất cả không có gì thay đổi thì tôi phải cùng Trung chia tay nhau về nhà, để còn phụ khiêng nước với Tiên và Chiêu, công tác này không thể trốn lánh được! Tụi tôi là con trai đàn ông mà, không làm mấy việc nặng nhọc như khiêng nước, đôn củi, sửa nhà ...thì ai làm, không lẽ để đó cho đàn bà con gái, coi sao được! Các cô cũng đâu có ngồi không. Ngoài chuyện lo bếp núc, giặt giũ... còn phải lo chuyện nghe tin tức đầu làng cuối xóm, ai đi ai ở... Giò này chắc mấy em đang chờ.

Nắng đã lên cao. sáng rõ. chợ trời đã họp từ hồi nào. Hàng hoá được bày bán trên các sạp thừa mứa thấy mà mê. Tôi cầm cái thùng đựng nước bằng ny lông trắng cỡ hai mươi lít, trông không nên nhẹ hừng, vừa đi vừa ngó mấy gian hàng bán dép. Chút nữa, khi đem nước về xong xuôi, thế nào cũng chạy ra đây mua hai đôi dép mới được, loại dép Nhựt Bản màu xanh đỏ lốm đốm, đế cao chừng ba bốn phân tây, mỗi đôi giá hai đồng rưỡi tiền

Mã. Vợ chồng tôi giày dép đều đã rách nát. Đường đi trên đảo khi thì ẩm ướt bùn sinh, khi thì cát nóng như nung, khắp nơi phân người vương vãi, không có đôi dép thì không được ! Đôi dép luôn luôn mang dính ở chun, không lúc nào rời, trừ khi leo lên gác đi ngủ. Có nhiều buổi trời mưa lớn, nước ngập tràn lan, dép trôi lênh bênh dưới sàn, phải tìm lượm lại, máng cẩn thận lên góc cây. Mát dép là tiền... mà tiền ở đây, làm sao để kiếm cho ra ?

Từ sáng sớm tờ mờ, chiếc tàu tiếp tế kéo cả xà lan đầy nước ngọt từ bên Trengganu qua đậu lù lù ngoài cầu. Sau đó nước được bơm thẳng vô các bồn chứa, để lọc theo bờ cát. Bồn được làm bằng nhựa dẻo, hình tròn, cao cỡ ngang ngực, chứa chừng bốn thước khối nước. Có tất cả độ bốn mươi bồn. Mỗi đầu người được chia tám lít, cách mỗi ngày được phát một lần. Dân chúng sắp từng hàng dài để đợi, chen lấn giành giựt nhau để lãnh nước ngọt đem về dùng. Những dòng nước trong mát, ngọt ngào quý báu. Tới phiên, tôi đưa cái thùng không cho một thanh niên phụ trách, đứng bên cạnh bồn nước. Anh ta dùng một cái thùng sắt nhỏ múc đầy nước trong lành, rót vô miệng ‘can’ ny lông trắng. Dòng nước trong ngọt ngào long lanh nắng vàng chảy vô đều đặn, có vài tia nước nhỏ tạt ra ngoài, văng tung toá trên mặt cát trắng ẩm ướt. Rồi tới phiên Tiên, Chiêu... Có tới mấy chục thanh niên lo việc phân phối nước từ sớm tới chiều. Từng đoàn người lần lượt chờ đợi, xôn xao. Một hoạt cảnh rộn ràng.

Thùng nước trở nên nặng chình chịch. Tôi vừa xách, vừa thở, bước đi chập choạng, đôi dép lệt xệt kéo lê trên cát, thùng nước nặng trĩu một nên. Trong hàng rào kẽm gai của đồn cảnh sát Mã Lai, có cả chục chiếc ghe buôn lậu bị bắt quả tang, chất một đống ngổn ngang, đang chờ ngày đem đi đốt bỏ. Rải rác trên đường về, nhiều người khiêng những thùng nước lớn. Chợ trời có bày bán loại thùng chứa nước cỡ bốn mươi hoặc sáu mươi lít, màu đỏ. Mua loại thùng lớn này phải làm giống, hai người khiêng khá nặng nề dưới ánh nắng chang chang.

Ba anh em về tới nhà. Tiên lấy ra ba bao đựng đường bằng sợi ny lông dẹt thưa, xong rồi lót bên trong một bao ny lông láng kín mít, để mở miệng. Tôi đổ nước vô đầy bao. Nhìn ba bao nước đầy nhóc, căng tròn, tôi mừng lắm. Ở đây có được nước sạch để dành uống là điều sung sướng. Nước ngọt ở đảo hiếm hoi. Ngay cả nước dùng tắm rửa, giặt gya hằng ngày cũng khó kiếm lắm. Ở Bidong mà không có nước ngọt thì chết khát. Nước giếng không uống được vì chất vôi quá nhiều, vả lại giếng cũng đâu có nhiều. Giếng nào cũng cạn vì người đi lấy nước quá đông. Mỗi lần quăng thùng xuống nước, múc được một phần ba. Phải đợi thật khuya, người ta đi ngủ bớt thì mới mong có nước để dùng....

Tiên cột chặt mấy miệng bao xong xả, đứng dậy phui tay dánh hả hê:

-Khoẻ rồi, đầy nhóc hết, tha hồ mà đi chơi!

Chiêu cũng cười sung sướng, tôi đề nghị:

-Anh em mình trở lại hội trường, coi phái đoàn y tế Pháp

Câu nói chưa dứt thì tiếng loa phóng thanh kêu đúng số ghe tôi lãnh thực phẩm, lại léo nhéo vang lên. Chiêu buột miệng:

-Ừa, mới lãnh xong dầu ăn, rồi xà bông, kem đánh răng, bột giặt, nhang un muối rồi mà

Tiên lục lọi trong đống hành lý, lấy ra một cái bao lớn, nói:

-Thôi đi cho rồi, nó phát cái gì lấy cái đó... Lãnh được càng nhiều càng tốt !

Ba anh em lại kéo nhau ra bãi cát trước kho tiếp liệu. Cửa kho đã mở, các đại diện từng ghe lần lượt vô trong để nhận hàng. Tới nay, số ghe ở đảo đã được tất cả là ba trăm năm chục chiếc. Mỗi đợt phát hàng thường lệ, chỉ được năm mươi ghe mà thôi. Khi nào có hàng nhận vào thì phải lo phát ngay vì nếu để chậm sẽ không đủ chỗ chứa, để tràn ra ngoài, nắng mưa sẽ làm hư mục. Bãi cát hẹp, mấy ngàn người ở trên, đứng giữa nắng chang chang, chờ tới phiên để lãnh. Tôi len lỏi giữa đám đông, thấy Tô Tỷ đang cầm sổ ghi ghi chép chép. Mỗi lần đi lãnh thực phẩm, là một dịp để cho cả ghe gặp gỡ lại nhau, ít khi thiếu mặt nào, vì ai cũng lo theo dõi loa phóng thanh, bỏ qua không lãnh thì kể như mất. Mấy tuần trước cả trại được phát gạo, đường, muối, sữa, đậu xanh, tỏi, hành, đậu phộng, cá hộp, bột nước cam, nước tương, nước mắm, trứng gà, dầu ăn...

Kể từ tuần này, thực phẩm được phát theo khẩu phần. Mới thoáng thấy tôi, Tô Tỷ la lớn:

-Kỳ này mình được phát theo khẩu phần nghe, đỡ mất công chia chác lòi thoi.

Tôi đưa tay chào anh ta, nhớ lại mấy lần trước, mỗi khi phân phối gạo, đậu, đường...nói chung là những thứ khó chia cho đồng đều, thì trăm lần như một, cả bọn gây lộn nhau như đám mỡ bò. Ưa gây nhứt là thằng Cầu Chải, rồi tới A Tài, rồi tới mấy người đàn bà. Có lần, người nhiều người ít sao đó, gây nhau om sòm, thiếu điều muốn đánh lộn.

-Tô Tỷ nè, một khẩu phần gồm có món gì ?

Tô Tỷ giải thích cho tôi:

-Mỗi gói cho mỗi đầu người, ăn trong ba ngày, trong nhà có mấy người thì phát mấy gói. Kỳ này phát mỗi người hai gói...vậy là ăn được trong một tuần ! Tôi nói:

-Sao kỳ vậy, hai gói thì tính sáu ngày chớ, nếu tính là một tuần thì ngày thứ bảy lấy gì mà ăn.?

Tô Tỷ cười:

-Thì phỏng chừng vậy mà... Nhưng nếu hàng từ bên Trengganu chở qua không kịp hoặc không đủ thì ...mình cũng phải chịu vậy, chớ làm sao ! Dám lúc đó, một gói ăn... một tuần lắm à! Ăn đủ sống thoi chớ, bộ muốn ăn cho no sao ?

Chiêu cười ngất hỏi:

-Vậy cái gói được phát có thứ gì ở trong ?

Tô Tỷ cầm cuốn sổ lên, lật qua lật lại:

-Một gói có ba lon gạo, hai bao đường nhỏ, một bao muối, ba hộp cá, ba hộp đậu, ba hộp gà kho, ba gói trà hoặc cà phê, rồi hết !

Tôi tính một hơi rồi nói:

-Vậy bây giờ chỉ phát có mấy gói khẩu phần rồi đầu đầu mình chiền xào, không có đậu xanh làm giá, đậu phộng, kem đánh răng... rồi cũng không có trứng gà, cải bắp như mấy tuần trước?

Tô Tỷ trả lời:

-Cũng đâu có biết, cái này là tiêu chuẩn của Liên Hiệp Quốc cho mình... cho thêm cái gì thì có cái đó..mà không cho thì mình không có. Nhưng tôi nghĩ là phải có thêm....

Các bạn trong kho đã khiêng ra mấy thùng lớn chứa đầy những bao khẩu phần. Cả ghe ba trăm năm mươi hai người, được chia làm bảy tổ. Mỗi tổ có năm chục người. Anh tổ trưởng trách nhiệm việc phân phối cho đồng đều. Kỳ này thì yên chí. khỏi phải chia chác lòi thoi, gọn quá, cứ tính mỗi đầu người hai bao là được, các ghe ở gần cũng đã lãnh hàng



ra xong. Hàng ngàn người, nói chuyện, chen lấn, giành nhau, gây náo động cả một góc trời. Nắng đã nóng như đổ lửa. Những thân người trần trụi, râm đen. Những người vượt biên một mình thì gọn lăm, chỉ nhận hai gói là xong. Còn những người đi đông cả gia đình năm bảy người thì cũng phải khiêng vác nặng nề. Tiến đã chuẩn bị trước một cái bao lớn. Vì anh em tôi quá đông, nên đựng đầy cả bao. Chiêu và tôi phải cầm thêm những bao lẻ. Vừa định về thì nghe có tiếng cự nự:

-Sao lại phát kỳ vậy, trong bao của tôi chỉ có hai hộp cá ?

Tôi quay lại, thấy chị thằng Cầu Chải cầm cái bao đưa vô mặt Tô Tỷ. Tô Tỷ đứng đực mặt ra, không biết phải làm sao:

-Tôi đâu có biết...tôi đâu có biết. Coi lại cái bao có rách không ?

-Rách gì mà rách, còn nguyên nè ! Nị làm đại diện ghe đi lãnh hàng mà sao không ngó cho kỹ... Thiếu của tôi một hộp, nị làm sao đó thì làm, kiếm một hộp nữa đưa đây!

Trời nóng hừng hực, Tô Tỷ cực khổ cả buổi sáng, bây giờ còn bị cắn nhằn, anh ta đờ đẫn:

-Chị nói tôi ngó không kỹ... vậy là chị nói tôi đui hả ? Tôi đui mà tôi làm đại diện cho chị, chị cũng đui luôn !

Nghe tới đó, tôi phát cười, vỗ vai Tiến:

-Chết cha rồi, Tô Tỷ nói vậy thì tui mình đui hết, nó đại diện cả ghe BL1648 chớ đâu phải đại diện một mình chị thằng Cầu Chải....

Chị kia, phân bị mất hộp cá, phân bị chửi lại, xia xói:

-Ai đui không biết à, không đui mà sao trong gói ba hộp cá mà chỉ còn có hai, mà không thấy?

-Tôi lãnh trong kho cho cả ghe, đếm đủ bảy trăm lẻ bốn gói thôi chớ, bộ tôi rảnh lăm sao mà coi từng bao, mỗi bao mấy hộp cá, mấy hộp đậu, mấy gói đường!

Chị thằng Cầu Chải đuối lý nhưng vẫn còn tức mình, quăng cái bao xuống đất, trước mặt Tô Tỷ:

-Nị nói nị đếm đủ mấy trăm bao hả. Vậy nị lấy cái bao này đi, đưa cái bao của nị cho tôi...

Tô Tỷ cứng họng, nói ngang

-Phát rồi thì thôi, không đổi ! Chị muốn đổi với ai thì đổi. Tôi không đổi...

Vừa nói, anh ta vừa nhìn qua cái bao bị Tiến đang vác ỳ ạch trên vai, ý như muốn nói -chị muốn đổi thì đổi với thằng cha đang vác cái bao kia kìa. Tôi thấy tình trạng coi không mấy khả quan, kéo Tiến và Chiêu thoát lẹ ra khỏi vòng chiến. Ba anh em vừa đi vừa cười. Tôi đi cà nhắc vì chiếc dép đứt một bên quai. Bãi cát nóng như muốn phỏng chun. Buổi trưa nắng nhiều nhưng gió ít. Những tàu dứa rủ xuống, im lìm như sắp héo tới nơi. Đám người đi lãnh thực phẩm từ từ tan biến trong đám đông rộn rịp, ồn ào. Thấy Tiến có vẻ mệt đi chậm chạp, tôi giành lấy cái bao vác lên vai. Ở phía ngược chiều, từ xa đi lại, hai người Pháp ở trần, da đỏ như da gà tây, đang đi với một người Việt. Cả ba vừa đi vừa nói chuyện. Chắc là vài nhân viên của tàu bệnh viện đi thăm chợ trời. Hai người da trắng này thấp người, không cao lớn như người Mỹ, tay cầm máy ảnh, cổ choàng một cái khăn lông, mồ hôi rịn đầy mặt.... Nắng Bidong buổi trưa nung mọi vật tan thành nước, phải rồi, da họ đỏ ửng như da gà tây... Đã vậy còn đi chun trần.

-Tiến, Tiến, hai người này họ đi chun không, làm sao chịu nổi !

Tiến và Chiêu cũng đang lom lom nhìn mấy bàn chum để trần không giày không vớ, bụi đất Bidong đã vấy lấm lem. Không biết làm sao họ chịu đựng được những quãng đường đầy cát nóng như rang, ròi gai góc, đá sỏi, rác rến...

Chiêu nói: -Chắc da Tây dày hơn da Việt Nam mình. Anh coi kìa, nó đi bình thường, đâu có đau đớn gì !

Mấy người Pháp đã đi khuất. Tôi kể cho Chiêu và Tiến nghe câu chuyện buổi sáng bị chụp hình trên ghềnh đá, rồi kết luận:

-Biết đâu trong máy chụp hình của hai người đó có hình của anh với Út Trung !

Nghe xong, Chiêu và Tiến xúm nhau mà cười, bình luận vang rân trên con đường hẻm đầy bóng nắng lổ chỗ. Ở nhà chắc Duyên đang đợi buổi cơm trưa. Thức ăn sẽ có cá mòi hộp, hột gà ...như thường lệ. Cá mòi Mã Lai lũng bống những nước, thịt lại xác xơ. Nhưng đâu có gì quan trọng. Tô Tỷ đã nói rồi mà -ăn đủ sống thôi chớ, bộ muốn ăn cho ngon sao ! Phải rồi, ở đảo Bidong chỉ cần ăn cho đủ sống và một niềm tin tưởng ở ngày mai ! Tôi quay qua nói với Tiến:

-Tiến nè, em thấy không, anh tây nào mà nghĩ được ra cái tên Ile de Lumière để đặt cho con tàu bệnh viện, thật là tuyệt vời. Muốn sống trọn vẹn với đầy đủ ý nghĩa một con người, đâu phải chỉ cần có thực phẩm với thuốc men... mà còn có những thứ khác quan trọng hơn.

Tiến gật gù:

...như là ánh sáng, như là tình yêu, như là tự do... Đúng, anh nói đúng, cái tên con tàu hay quá sức!

**chương thứ 21:**

## ***TÀU BỆNH VIỆN ĐẢO ÁNH SÁNG (Phần 2)***

Ở một cái đảo hoang như đảo Bidong, nhắc đến việc đổ rác, nghe mà thấy cười. Ai nấy cũng tưởng chuyện này chỉ có ở những thành phố văn minh, chớ ở đây rừng núi, biển cả mênh mông đó tha hồ mà quăng, ai hơi đâu cấm cản. Chỗ nào lại quăng không được. Và lại phần đông người tỵ nạn khi đến đảo chỉ còn hai bàn tay trắng, quần áo chỉ một bộ, làm gì có rác để quăng tới quăng lui... cho vui! Nhưng chuyện đời, đâu là chuyện đơn giản như chuyện rác rến, cũng không đơn giản chút nào. Đảo Bidong thiệt tình quá nhỏ, đất đai gì tìm mồn con mắt để dựng một cái lều cũng không còn, phải leo tuốt lên sườn núi, nói chi đến khoảng đất trống dành riêng cho việc đổ rác...

Ban đầu các thanh niên tình nguyện của khối vệ sinh lần lượt đào mười mấy cái hố rác trên bãi cát, dọc theo bờ nước, mỗi hố lớn bằng cái nhà, vuông vức ngo mà phát mê. Bao nhiêu rác rến đều được gom lại tổng hết vô đó. Nào giấy vụn, bao ny lông, hộp lon cá mòi, xác chuột, phân người... tha hồ mà quăng. Mà ngộ lắm, chỗ nào có rác thì chỗ đó có ruồi. Hai vật này như hình với bóng chặt không đứt, bứt không rời. Những con ruồi to đen lớn, bằng con ong bầu đậu đầy trên mặt rác, lóm đóm như mâm xôi đậu. Ruồi ở đảo nhiều cho đến nỗi, mỗi lần rót nước để uống, cả chủ lẫn khách đều phải lấy tay che kín miệng ly, nếu không, sẽ có một con chun vô. Ly là hộp lon Coca được cắt rồi chà cho bằng mặt. Trại có phát cho nhang un muỗi nhưng thiệt ra dùng để un ruồi. Cũng như ở đảo, ngủ phải có mùng. Mùng dùng để ngăn ruồi bay đậu trên đầu trên mặt... Muỗi cũng

có nhưng chỉ ở những vùng khuất gió, những nơi sát bờ biển gió lộng tư bề thì rất ít không đáng kể.

Thiệt ra thì mỗi người tỵ nạn sản xuất đâu có được bao nhiêu rác nhưng có điều số lượng người chen chúc quá đông nên số rác trở nên khủng khiếp. Mấy hố rác vừa đào xong ngày hôm trước thì ngày sau đã thấy hơi đầy đầy... đến vài ngày sau nữa thì bắt đầu tràn ngập, vun cao và có mùi tràn ra ngoài. Ban vệ sinh phải ạch đào ngay một hố cạnh bên, lấp cát của hố mới, đắp lên hố cũ... và cứ như vậy mà tiếp tục. Nhưng điều đáng lo là diện tích của bãi cát còn lại cũng chỉ có bấy nhiêu, đâu có rộng ra thêm chút nào. Đào xới hoài cũng có ngày hết chỗ, mà đã hết chỗ rồi thì phải làm sao, không lẽ đào lại những hố cũ. Thiệt là nhưc cái đầu!

Ban quản trại bèn nghĩ ra cách ổn thỏa nhất là quăng hết rác xuống biển. Biển cả thì mệnh mông vô cùng tận, tha hồ mà quăng. Rác nhiều bao nhiêu cũng không sợ. Ruồi thì càng không lo. Người ta bèn làm ra những bè cây thiệt lớn, dùng vách bốn bên để chứa những núi rác không lồ, cho ghe kéo tận ra ngoài xa, rất xa, rồi đổ ụp hết xuống biển. Thiệt gọn hết sức! Nước biển mặn đắng sẽ giết hết trứng ruồi, tẩy rửa sạch những dơ bẩn... rồi tất cả mọi vật sẽ tan biến trong lòng đại dương. Chương trình thực hiện được đâu vào ngày hôm trước, cả trại yên tâm ngủ ngon được một đêm. Nào ngờ, sáng hôm sau, số rác rên vừa được tổng khứ ra khơi, tất cả đều lần lượt được sóng gió đưa trở về, nằm sấp lóp khoe mình trên bãi cát trắng, một số nhấp nhô trên mặt nước... ngó thấy mà ứa gan! Làm sao bây giờ! Thôi, đành kiếm chỗ... đào tiếp, nếu cần thì cũng phải đào trên đỉnh cao!

Nhưng dầu gì đi nữa thì vấn đề rác rên cũng còn có cách để trị, tuy chưa nghĩ ra. Ở Bidong này còn có một thứ khổ hơn rác vì khi nhắc tới nó, ai cũng lắc đầu chịu thua, vì hết phương cạy gỡ. Đó là khói nấu nướng của cả chục ngàn cái bếp trên đảo bốc lên, tỏa ra, lan trong gió mờ mịt, bay lên cao lung chùng trời, rồi không tan hết được, trở xuống bay là là trên những nóc lều, trộn lẫn trong không khí, tạo nên một đám mây màu xám tro đục ngầu.

Từ ngoài khơi nhìn vô đảo, nơi khu vực cư trú, dưới những thân dừa suông đuột, người ta thấy cả một vùng khói trắng xám, phủ khắp chun núi xanh, vương vít trên những nóc lều san sát, tạo nên một bầu trời mờ mịt như một đóng un lớn. Cứ tưởng chùng trong giây lát gió biển từ ngoài khơi thổi vô, khói sẽ tan biến trên đầu núi. Nhưng không, đám khói mù ấy bao trùm lấy Bidong, từ sớm mơi tới chiều tối, từ ngày này qua ngày kia, không bao giờ dứt. Cũng có thể đám khói mù ấy sẽ bay mất trong một khoảng thời gian ngắn vào lúc nửa đêm khi mọi người đều yên giấc, không còn ai nấu bếp nữa... rồi lại xuất hiện vào lúc tang tảng sáng hôm sau.

Không khí của đảo bị ô nhiễm nặng nề, đủ thứ mùi hôi nhưng khói bếp là nguy hại nhất. Trên núi có một loại cây gì không biết, sớ gỗ màu đỏ rất cứng. Mỗi lần đóng đinh để dựng cột hay làm mặt sàn rất khó khăn. Đinh bị cong vẹo không biết bao nhiêu lần mới đóng được một cây. Nếu lấy nó làm củi đốt thì lại nhiều khói. Ở lều tôi, bếp được đắp bằng đất sét trộn lẫn với các hộp lon cá mòi tròn, cạnh bên hông lều, hẹp tẹt. Củi mua lại của một anh bạn ở trước mặt, sắp được đi Úc nên bán lại, phần lớn phơi chưa khô, đốt rất

khó cháy, khói um cả lều. Cả ngày khói mù như vậy, ai nấy đều ho sặc sụa. Hai lá phổi chắc đóng đầy khói bếp. Khi nấu nướng phải đứng canh chừng, quạt lửa luôn tay, cho tới khi đồ ăn chín. Ngưng quạt là bếp tắt nửa chừng, khói bốc lên mù mịt, khổ sở trăm bề. Nhưng không lẽ không nấu... Đứng là cái vòng lẩn quẩn! Ai cũng sợ khói nhưng ai cũng phải bằng mọi cách... đi kiếm củi, để đốt cho có.. khói!

\*

\* \*

Thường thường cứ sáng Chủ nhật thì hẹn nhau đi đốn củi trên núi. Buổi đầu tiên tôi đi với Sơn, vì ở lều Sơn, anh Hiền và mấy đứa em có được hai cây cưa. Đi lên núi đốn củi chỉ cần cây cưa là đủ. Anh Hiền vì ở đây đã lâu nên đi trước dẫn đường. Cả đám đi hàng một len lỏi qua các con đường hẻm quanh co, bên những chiếc lều san sát như trong ổ chuột. Đường lên dốc từ từ. Càng lên dốc cao lều càng thưa dần, tầm mắt thấy rộng hơn. Khu định cư chỉ còn một lốm nhỏ ở dưới kia, tai tôi nghe văng vẳng tiếng loa phóng thanh khi mờ khi tỏ. Đường lên núi, càng lúc càng dốc. Mồ hôi đã tươm ra đầy mặt đầy lưng. Hơi thở bắt đầu gấp rút, phì phò. Nắng chói lọi tỏa hơi nóng gay gắt. Sơn đi cạnh bên, hỏi tôi:

-Mệt không?

-Ừ, coi bộ mệt dữ rồi, gần tới chưa?

Sơn cười:

-Đi núi là không được nói mệt nghen, phải nói là khỏe lắm... khỏe lắm....

Tôi vừa nói, vừa thở hổn hển:

-Leo dốc dựng đứng như vậy, khỏe gì nổi, thở không ra hơi nè!

Hai bên đường mòn có dấu vết rừng bị cháy rụi, còn trơ ra những thân cây trơ chìa, nám đen, dưới đất tro than đen xám vương vãi. Cạnh đó một vùng cây bị đốn, dấu cưa sát gốc. Đường đi trở nên ngoằn ngoèo, phải nhảy trên nhiều tảng đá cheo leo. Cây vụn bị chặt bỏ ngổn ngang, bừa bãi. Chợt nhìn thấy một cây vừa tầm nằm dọc theo đường đi, tôi nói với Sơn:

-A, có một cái cây tốt quá, mình cưa khúc đem về, khỏi phải tìm kiếm mất công.

Anh Hiền cản lại:

-Đừng thèm lấy, nó không dùng được việc gì nên người ta bỏ lại đó.

Tôi ngạc nhiên:

-Tại sao vậy?

-Muốn lấy cây làm củi chụm phải lựa cây nào suông thẳng, số cây thưa, mới dễ bừa nhỏ ra mà chụm được. Còn cây này cong vẹo mà lại có nhiều mắt to, làm sao anh lấy búa bừa ra cho nổi...

Ở đây chỉ có cây và đá. Những tảng đá thật lớn sừng sững bên vách núi. Cây mọc chen nhau chặt cứng, vươn tán lá lên cao để giành hứng ánh nắng mặt trời. Ở giữa các nhánh có những cây rắng mọc chen, lá xanh um, dáng như gạc nai. Đôi khi cũng có những cây phong lan đong đưa trong gió. Có lẽ rừng núi đầy người phá phách nên không thấy một bóng chim bay, cũng không thấy một con thú rừng như thỏ, như sóc... Cả bọn leo dốc từ từ lên cao nữa, quẹo trái rồi quẹo phải. Tôi thấy một đám cây mọc đều đặn, cây nào cây nấy nhỏ bằng cây cau suông đuột. Có lẽ nơi đây chẳng? Đứng rồi, anh Hiền dùng bước, miệng nói:

-Nghỉ mệt một chút cho khỏe... rồi mình lựa cây.

Đứng ở vị trí này khá cao, tôi đưa mắt nhìn quanh. Bên kia là một thung lũng thấp, cây cối thấp hơn nhưng cũng đang bị đốn phá nhiều hơn. Có những quảng trống thưa thớt. Xung quanh đây đó, đây những người di động ồn ào. Tiếng cây bị cưa, ngã đổ ầm ầm vang dội rền đi từ vách núi. Tiếng người nói chuyện líu lo, ồm ồm... Sơn nói:

-Hu Tiểu và đám bộ hạ đang đốn cây ở dưới kia kia...

Tôi rán mà nhìn, thấy Hu Tiểu đương đứng với một đám đông, chắc là mấy đứa con rể A Sơn, A Tài... Tiếng cưa, tiếng búa, tiếng nói chuyện cười giỡn vang dội cả khu rừng vắng. Có ai mà ngờ được, nơi đỉnh núi hoang, giữa biển vắng này lại có lúc ồn ào náo nhiệt như ở giữa chợ, thiên nhiên đắm mình trong giấc ngủ triền miên ngàn năm, cũng phải giật mình thảng thốt với sự tấn công xâm lấn của con người. Mới có một thời gian ngắn chừng bảy tám tháng, kể từ ngày trại tỵ nạn Bidong được thành lập, đỉnh núi đất đầy cây rậm rạp lần lần bị cưa, bị đốn, một ngày một nhiều... như một cái đầu bị rụng tóc, sỏi sỏi. Hiện tại thì bị một lỗm to ở giữa và một đường cong queo dài ngoằn từ dưới chân lên tới đỉnh với những vết loang rộng... nếu mà tình trạng này kéo dài thì rừng núi Bidong, sẽ không còn là chỗ trú ngụ của chim chóc, của thú rừng, cây cối sẽ bị đốn mất hết, chỉ còn những tảng đá trơ lỳ với tháng năm...

Anh Hiền đứng ngắm nghía chọn lựa rồi chỉ một cây, Sơn và thằng Tí bắt đầu cưa. Thịt cây còn tươi rói nên lưỡi cưa ăn vô ngọt xót, mặt cưa văng ra trắng gốc. Hiền nói:

-Phải cưa mở miệng nghiêng xéo một bên, để khi cây ngã theo ý mình muốn. Nếu không để ý thì nguy hiểm lắm, nó đè chạy không kịp...

Rồi Hiền giải thích thêm cho tôi nghe:

-Điều đáng sợ nhất là đa số không phải là thợ rừng nên không biết cách cưa cây cho ngã theo ý muốn. Có nhiều trường hợp cưa xong, bị cây ngã đè bị thương hay là chết. Cũng có khi cây mọc dày đặc, cưa xong một cây, xô hoài nó không ngã vì ở trên ngọn, cành lá chằng chịt vướng víu nhau. Không biết làm sao được, người ta đành bỏ đi cưa cây khác. Vài ngày sau cây khô trơ cành ra, gió thổi lắc lư. Vô phước cho anh nào đi lơ ngơ tới, cây ngã đè thì khó tránh khỏi nguy hiểm... Muốn biết cây nào đã bị cưa thì cứ ngó lên đọt, thấy lá héo vàng thì phải liệu mà tránh cho xa...

Tôi ngó một vòng, quên mất mình đang kiếm củi, nhìn xuống thung lũng tươi xanh rậm rì, cây đá chen nhau, máu sắc hình khối lẫn lộn như một bức tranh thiên nhiên kỳ thú. Nhìn quay ra biển, thấy biển ở tuốt dưới xa, phong cảnh mờ ảo. Cây cối ở phía dưới chum núi như nhỏ quá lại, sóng biển lăn tăn nhỏ xíu, vài chiếc thuyền con lênh đênh như trong mặt hồ, cảnh vật một màu xanh murót. Mây từng dải mờ nhạt như khói, như sương bay lững lờ dưới chum núi như tấm lụa mỏng nỡn nà... cảnh giống y như những bức tranh phong thủy của Tàu, đẹp tuyệt vời. Không khí trên cao im mát... Tôi rán tìm mặt trời để định hướng. Bây giờ nó đã lên cao ở gần đỉnh núi, chói lòa. Anh Hiền thấy tôi quay qua quay lại hỏi:

-Anh muốn kiếm cái gì vậy?

-Tôi muốn coi Việt Nam mình ở về hướng nào?

Anh Hiền chỉ ngược về hướng rừng sâu. Có thấy gì đâu, ở đó có chỉ có cây cối chằng chịt. Tôi ngược mắt nhìn lên phía trên xa thấy vài đám mây bay lững lờ... Cả bầu trời xanh trong, rải rác từng cụm mây di chuyển chậm chậm. Hướng nào cũng đầy bóng mây... *Bốn phương mây trắng một màu, trong vò cổ quận biết đâu là nhà...*

Ngó tới ngó lui, tôi trực thấy một thân cây dài ai đã cưa sẵn sát gốc, bỏ nằm cạnh một bụi rậm. Cây bị cháy xám đen ngoài vỏ nhưng bên trong ruột cây còn nguyên, sớ trắng và trắng. Đúng là một khúc cây lý tưởng. Tôi lấy cưa, cưa một đoạn dài cỡ chừng ba thước, không nặng quá để còn đủ sức mà vác trên đoạn đường xa. Cái cây tốt như vậy mà bị bỏ lại đây có lẽ vì người ta sợ bị dính than đen lem luốc, khi vác về ngang chợ. Khúc cây được cắt xong, tôi lấy tay khiêng lên coi thử nặng nhẹ. Thiệt là vừa hết sức, định vác luôn. Anh Hiền cản:

-Khoan đã, cả tuần mới đi núi một lần, ở chơi lâu lâu rồi hãy về!

Sơn đề nghị:

-Có ai muốn đi... vô bụi với tôi không?

Thấy mọi người còn đứng yên, Sơn nói tiếp:

-Đi đốn củi trên đỉnh núi, khoái nhưt là cái vụ này! Thứ nhưt quận công, thứ nhì... đồng! Chưa kịp rủ đến lần thứ hai, ai nấy nghe bùi tai đều lần lượt kiếm chỗ tốt. Trời đất mệnh mông, tha hồ mà thơ thẩn!

Cả bọn sắp xếp đi xuống núi. Cũng anh Hiền đi trước dẫn đường. Trên vai mỗi người bây giờ là khúc một cây dài đong đưa. Tí nhỏ nhưt trong đám mà lại vác một khúc cây lớn khá nặng, cái lưng nó oằn xuống. Trên đầu cây của Hiền và Sơn còn có treo lủng lẳng cây cưa. Tôi đi sau chót. Vừa ra khỏi một khúc quanh tôi nhìn thấy một dốc lồi thoải thoải, phía dưới là bãi cát trắng phau. Nhìn về phía trước, đoạn đường quá dài, lại loanh quanh trắc trở, phải vượt qua những bụi đá cheo leo, khúc cây đang vác mỗi lúc càng trở nên nặng hơn... Tôi bèn quyết định đổi hướng, quyết vạch một con đường mới đi thẳng xuống bãi, rồi sau đó, tìm cách trở về. đảo Bidong nhỏ xíu, làm sao mà lạc được...

Các bạn đi trước lo vác cây làm lủi đi, có biết đâu tôi tự ý sửa đổi lộ trình. Tôi ngắm hướng một hồi rồi đứng trên cao dùng hết sức quăng khúc gỗ xuống dưới thấp. Khúc cây theo đà quăng, tung ra xa rớt xuống phía dưới cỏ, rồi trốn lẩn còn mạnh nó tiếp tục rơi xuống, đập vào gốc cây này, bả vào bụi cây kia, vài ba bạn rồi mới chịu nằm yên. Tôi khoái chí lò dò leo xuống theo. Hướng này ít cây mọc, cỏ dày ngang ống chun nên xuống khá dễ dàng. Tôi lại tiếp tục quăng cây xuống thấp. Có nhiều bạn nó vướng vào bụi rậm, phải len lỏi vào, vác ra nơi quang đãng rồi quăng xuống tiếp. Trên đường dốc tôi gặp hai con suối cạn, dòng nước nhỏ xíu chảy lờ lờ lẫn trong đám cỏ xanh um tùm, có dấu vết người ta đến tắm rửa, giặt giũ, bọt xà bông trắng đầy, vương vãi hai bên bờ. Nhờ có con suối, cây cối chỗ này mọc chằng chịt. Cuối cùng rồi thì tôi cũng xuống tới chun núi. Khỏe quá, đoạn đường được rút ngắn mà lại khỏi phải khiêng vác lồi thồi. Tôi đứng vịn khúc cây cháy đen, nhớ tới anh Hiền mà thấy cười. Tại sao lại phải về theo lối cũ, tại sao cứ phải theo lối cũ, chi cho cực khổ vậy!

Bãi cát chỗ này trắng xóa, không một dấu chun người. Vạn vật còn y nguyên đầu vết hoang sơ. Năm ba thân cây mục rữa nằm trơ vơ giữa trời đất vô tình. Kế đó là những bụi dứa dại xen lẫn với những gốc dừa... Toàn cảnh hoang vắng đến ghê rợn, không một cánh bướm, không một bóng chim, không một dáng người, không còn tiếng loa phóng thanh, không một túp lều nhỏ. Chỉ có cây đá, mây nước... và tôi... với khúc cây cháy đen!

Tôi bèn ngắm hướng một hồi rồi vác khúc cây lên vai, đi dọc theo bãi cát. Như vậy thì thế nào cũng về tới trại. Cứ vòng theo bãi cát. Đi một đoạn ngắn, lối đi bị vách đá chón chờ chắn ngang, nhìn về hướng cũ, phía bên kia cũng vậy. Bãi cát chỉ có một lõm ở giữa mà thôi! Chết rồi, làm sao mà về, tôi đi lạc quá xa. Không ngờ Bidong cũng lớn quá. Vậy mà lúc đứng trên đỉnh núi nhìn xuống, nó có chút xíu!

Tôi vừa đứng, vừa thở vừa lo. Nắng cháy trên đầu, nắng nóng dưới chun. Tay chun trầy trụa xơ xác vì khúc cây nặng. Hướng nào để trở về? Bây giờ thì tôi không còn định hướng được nữa. Rõ ràng hồi sáng đi lên, đốn củi xong thì đi xuống, tại sao lại lạc kỳ cục vậy nè? Phải làm sao bây giờ, chỉ có cách là leo trở lên đỉnh núi, trở về chỗ cũ, rồi tìm đường về trại. Nhưng đâu phải là chuyện dễ. Leo dốc núi một mình giữa trưa đứng bóng là một chuyện rất vất vả, khó khăn. Bụng đói cồn cào, cổ lại khát khô. Và lại còn có khúc cây dài tới ba thước, nặng chình chịch, vác nó mà leo trở lại chỗ cũ thì chắc có nước chết. Hay là bỏ quách nó lại ở đây, ra về tay không? Tôi suy đi tính lại, nếu ra về tay không thì mấy đứa em ở nhà cười cho thúì đầu. Mang tiếng là đi kiếm củi mà không có một cây, thì coi sao được. Hơn nữa trước khi đi đã dặn Tiến ở nhà lo mượn búa để có sẵn mà bừa củi ngay chiều nay. Tôi tưởng tượng ra cảnh trở về tay không, mặt mày bơ ngơ báo ngáo, mấy đứa em xúm lại mà chọc, đâm phát rầu! Không được, không cách gì mà về tay không, thôi phải rán vác vậy. Tôi đau khổ mà vác khúc củi cháy trở lại lên vai, lần mò leo trở lại chỗ cũ. Khúc cây giờ này nặng hơn đá, vương vịu bực mình. Mỗi bước đi mồ hôi tuôn ra như tắm, tóc tai ướt mem... Đã thấy lại con suối cạn.. rồi tới con suối thứ hai. Không biết tôi phải ngừng lại để thở bao nhiêu lần, cuối cùng rồi cũng trở về được chỗ cũ. Mừng quá, đã về đúng được chỗ cũ. Tôi bỏ khúc cây nằm lẫn bên đường mòn, ngồi bệt xuống đất mà thở. Chờ cho hết mệt, tôi vác khúc cây đến một ngã ba. Có lẽ phải quẹo trái? Nhưng muốn cho chắc khỏi bị lạc nữa, tôi hỏi thăm một người đang cưa cây. Anh ta chỉ đường xong rồi hỏi:

-Anh ở đây lâu mà sao còn bị lạc?

Tôi ngạc nhiên:

-Tôi mới đến Bidong chưa đầy một tuần, tại sao anh lại nói tôi ở lâu?

Anh bạn đó cười ha hả trả lời liền:

-Tại anh đen thui giống Mã Lai!

Tôi cũng bật cười, cảm ơn rồi vác khúc củi đi. Nhớ lại là cả tháng trời ở đảo Pulau Kapas, tắm biển phơi nắng suốt ngày, qua Bidong râu tóc lại không cạo gọt, một phần nửa khúc cây quý dịch này cháy đen hòa với mồ hôi bết đầy người lem luốc, vậy mà phải ôm vác từ sớm mai tới giờ. Thân kệ nó ở nơi khí ho cò gáy này, xấu đẹp cũng đâu có ai để ý tới. Mới có một tháng trời mà thay đổi quá nhanh...

Tôi trở về đúng con đường cũ, đường xuống dốc dễ đi hơn. Khúc cây đẽ nặng theo nhịp đi, lâu lâu tôi phải ngừng lại để đổi vai. Cũng may khúc cây dài chỉ có ba thước, phải nó to hay lớn hơn chút nữa thì không biết phải làm sao. Dần dần trên con đường mòn tôi gặp lũ lượt từng toán năm ba người cũng vác cây trở về. Có người lực lưỡng vác cây lớn thân cỡ bằng cây chuối đi coi nhẹ nhàng như không. Có những thiếu nữ không đủ sức để khiêng vác nặng, họ lượm những cành khô nhỏ, bó gọn lại rồi ôm về... Thấp thoáng qua những cành lá, những nóc lều xanh xanh chợt ẩn chợt hiện ở phía dưới triền đồi. Tôi lắng nghe thấy tiếng loa phóng thanh văng vẳng từ xa. Rồi toàn khu chợ trời hiện ra dưới thấp. Xa hơn một chút, ở ngoài bãi cầu tàu supply nhỏ xíu với các ghe tàu đậu xung quanh. Tôi đi loanh quanh trong các ngõ hẻm, về tới lều gần hai giờ trưa. Tôi vội quăng khúc củi nọ đen thui đặng trước ngõ, đứng thở một hồi lâu mới lại sức. Minh mẫy lấm lem, phải dội hết mấy thùng nước mới sạch. Buổi trưa đó mặc kệ trời nóng như thiêu như đốt, tôi ngủ một giấc mê man không còn biết trời trăng mây nước...

Các lần sau đi lấy củi đã quen nên tôi không còn lạc đường nữa, củi lấy được cũng nhiều hơn. Có lần lên núi với Tiên và Chiêu, trở về lối cũ, chưa ra tay cưa cắt gì, chợt thấy một đồng cây đã vạt từng lát mỏng cỡ chừng ba bốn phân tây, bỏ đầy trắng cả đất. Thì ra đó là cây của dân buôn lậu. Họ chọn những cây to lớn, đốn ngã xong rồi dùng búa vạt thân cây ra thành từng tấm ván nhỏ dài cỡ hai ba thước để đóng ghe. Những chiếc ghe thật mỏng manh. Họ lấy dầu chai trét ghe bằng cách khoét bọng cây rồi đốt lấy dầu. Nhiều khi lửa cháy lan, gây thành đám cháy rừng, ban đêm đỉnh núi đỏ rực, dòng lửa ngoằn ngoèo như rắn bò. Mỗi lần rừng cháy, cả đảo kinh hoàng, nếu ngọn lửa cháy lan xuống trại thì cả ngàn người bị thiêu sống. Vật liệu xây cất ở trại toàn bằng chất dẫn lửa, cây ván, bao ny lông, dầu lửa đốt đèn, bếp núc nấu nướng sát vách... vậy mà trời thương, Bidong chưa bị cháy lần nào.

Tôi tìm thấy được đồng ván vụn này trong một góc rừng. Loại cây có được số to, thân thẳng bằng, thịt trắng rất dễ bửa nhỏ ra để làm củi chụm. Mà cần gì phải lo, người ta đã bửa vụn ra gần hết rồi, quăng vụn một đồng ngổn ngang, bừa bãi! Chiêu và Tiên chạy đi bứt dây rừng, bó làm ba bó. Mỗi bó lớn cỡ vòng ôm. Tôi thấy ham quá, cứ nhét vô thêm cho tới đầy cứng, đến lúc khiêng về, nặng muôn gây xương sống luôn! Hơn nữa khiêng một thân cây còn nguyên dễ hơn là vác một bó củi lớn. Khúc cây tuy nặng nhưng gọn gàng, còn củi vụn cũng nặng nhưng bẽ bộn, cứ mỗi bước đi có một hai thanh tuột ra, chỉ chực rớt xuống, lâu lâu phải ngừng để cột lại cho chắc. Kỳ gỗ đó dùng được thật lâu, mãi cho đến khi tôi rời đảo, cũng còn lại một mớ...

Có đi lấy củi mới biết cảm thông thân phận người tỵ nạn Bidong không một đồng xu dính túi. Ở đảo, người gan dạ có máu phiêu lưu mạo hiểm thì đóng ghe chèo ra biển buôn lậu, còn như chậm lụt hơn thì chỉ có nước lên núi đốn củi để bán. Ngoài việc bán củi để chụm, người ta còn bán cây lớn cỡ cườm tay để làm cột lều, bán cây nhỏ cỡ ngón tay để làm vạt giường... Muốn có một thước củi để bán, đâu phải dễ dàng gì, phải đốn cây từ núi cao, vác về cưa cắt rồi bửa nhỏ ra, một ngày lao động cật lực, chưa chắc kiếm được bẩy đồng Mã Lai! Thiệt là gian nan và nguy hiểm vô cùng.

Rắn cần cũng chết, cây ngã đẽ cũng chết, đường núi trơn trượt, té va đầu vào đá.. cũng chết! Cái gì cũng có thể làm cho người ta chết được hết, chỉ vì một ước muốn duy nhất,



họ muốn có tiền để... sống còn!

**Chương 22:**

## ***CHỖN TRẮNG SAO VỜI VỘI***

*Bi* càng ngày càng ưa đòi đi chơi. Thăng bé lớn lên thiếu thốn đủ mọi thứ tiện nghi vậy mà nhờ trời thương nên khỏe mạnh sồn sờ, không hề bệnh hoạn lồi thối, cũng có thể nhờ com gạo Bidong có pha trộn nắng gió trùng dương nên mau lớn. Sáng nào cũng vậy vừa ăn điểm tâm xong là nó đưa hai cánh tay tròn như củ khoai mì ôm cứng cổ tôi, bập bẹ:

-Ba, ba,... ẵm *Bi* đi chơi.

Duyên cho *Bi* mặc cái quần tây cụt, không cần mặc áo Trời nực lấm mà, Bidong đường xá dơ bẩn, bãi biển đầy rác rến, bùn sinh, *Bi* cũng đâu cần gì giày dép, hề muốn đi chơi thì có ba má hoặc các cô, các chú ẵm bồng. Một tháng trời ở đảo Dừa rồi qua tới đây, nắng nóng miền xích đạo đã làm da dẻ trắng nhỏ đen thui, cặp mắt cũng đen thui.

Tôi vòng tay ôm lấy *Bi* rồi hai cha con lò dò leo xuống cầu thang, phía trước cửa lều. Tôi xỏ chun vô chiếc dép mới. Sướng quá, đôi dép thật vừa vặn, cái đế cao su kiểu Mã Lai cao tới ba phân tây rất tiện đi trên cát sỏi. Đảo vừa mới ngủ dậy, con hẻm trước nhà còn im lìm, trời đã sáng nhưng người đi đường còn thưa thớt. Nhờ vậy tôi thấy được rõ hàng dừa mọc dài theo bãi cát, những gốc dừa xám nâu to lớn mập tròn. Chừng độ vài giờ nữa thôi, nơi chợ trời này người ta buôn bán đông đúc tràn ngập, những gốc dừa sẽ bị thân dừa che lấp, lúc đó chỉ còn thấy được những đọt dừa xanh mướt chói chang dưới nắng. Bỗng nhiên *Bi* đập chòi chòi hai chun vô hông đòi:

-Ba, ba, coi, coi!

Tôi đang nhìn dọc theo hướng trạm y tế khu D, nghe thằng nhỏ *bi* bô, bèn quay lại theo hướng tay chỉ, thấy trên bãi cát vắng lặng, từ phía vách đá bên mặt, hai người đàn ông lực lưỡng đang khiêng một con rùa biển thiệt lớn đi lên. Chắc là họ vừa bắt được ở đâu đó bên kia vách đá. Con rùa lớn như tảng đá nặng, được cột chằng chịt vô một cây đòn hai người khiêng oằn vai, sức nặng trĩu xuống khiến bước đi chậm chạp. Khi cả hai vừa lên khỏi bờ cát, đứng dưới gốc dừa để thở thì người hiếu kỳ đã bu lại khá đông. Tôi bồng *Bi* đi lần tới để coi cho rõ. Mấy đứa con nít xúm nhau vừa coi vừa la:

-Con rùa, con rùa!

Anh chủ rùa chừng như vừa lội ở dưới biển lạnh mới lên, mình mẩy đầu tóc còn đầm nước, da dẻ tím xanh, vừa bật quẹt đốt thuốc, vừa nói:

-Không phải con rùa... con vích, con vích...

*Bi* bập bẹ, bắt chước nói theo:

-Coi con vích, ba, ba, coi con vích...

Những người bu quanh góc dứa, đa số là dân thành phố, lần đầu tiên thấy con vích biển lớn quá nên trở mắt nhìn. Con vật được để nằm ngửa trên cát, bốn chun ló ra khỏi cái mai, chòi đập lung tung. Cái mai dày cứng màu xám đen lớn như chiếc chảo gang đường kính chừng cả thước. Ít ra con vích biển nặng cũng trên cả trăm kí lô. Con vật như biết số phận hẩm hiu của mình nên cố gắng vùng vẫy trong tuyệt vọng.

Có tiếng người hỏi:

-Bắt được hồi nào vậy anh?

-Hồi khuya, nó lên để ở bãi cát.

Người chủ vích vừa hút thuốc vừa hát hàm chỉ về phía vách đá, ý nói ở bờ cát phía bên kia... Như vậy thì hai người này cả đêm rồi không ngủ, rình vích cái lên cát đào hang để đẻ, chạy ra lật ngửa nó lên bắt dễ dàng. Duy có điều con vích này lớn quá muốn lật nó phải hai người dùng hết sức mới nổi. Một bà Tàu già chen vô đám đông, trả giá để mua. Bà mua để thả rùa về biển làm phước. Con rùa là con vật linh thiêng Cái mai vun tròn như bầu trời, cái bụng vuông vuông bằng phẳng như đất. Trời đất giao nhau, âm dương hòa hợp, nó hấp thụ khí thiêng của trời đất nên sống lâu ngàn năm. Tuy con vật quý như vậy nhưng bà trả giá thấp quá, anh chủ vích lại không hề biết tới giá trị quý báu của con vật, chỉ muốn để dành ăn thịt nên hai bên thảo luận khá lâu mà giá cả không xong. Hai anh nghỉ mệt hồi lâu, tiếp tục khiêng vích đi sâu vào trong hẻm, bước đi chập choạng. Một đám người tò mò đi theo phía sau...

Không còn gì để coi nữa tôi quay ra ngó mông ngó mệnh ngoài biển. Chiếc tàu bệnh viện của Pháp đậu im lìm ngoài khơi như một tòa lâu đài trắng toát. Trời trong xanh, nước cũng trong xanh. Sóng buổi sáng vỗ vào bờ đá êm ái, đều đều. Bi nghiêng mình tri xuống đòi theo hai anh chàng khiêng vích:

-Ba, ba, đi coi con vích, đi coi con vích.

Thằng nhỏ hề thấy cái gì lạ cũng đòi. Tôi định chiều nó, vừa dậm bước theo thì thấy ở phía vách đá xuất hiện một chiếc ghe lạ. Tôi rón nhìn kỹ. Trời ơi! Ngộ quá, một chiếc ghe vượt biên lớn đang tiến dần vô đảo, trên boong đầy người. Người ta đông cho đến nỗi thọt nhìn chỉ thấy họ đứng chen nhau đen nghệt từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới, không thấy chiếc ghe mà chỉ thấy một khối người lúc nhúc trôi lênh bênh trên biển. Bây giờ ở bãi cát người ta cũng túa đông ra từ các ngả. Ở đây thì giờ rảnh rỗi nhiều quá, không biết làm gì cho hết, cho nên chỉ cần một chiếc ghe lạ xuất hiện là một dịp may hiếm có để người ta bàn tán, hỏi thăm tin tức, tìm kiếm người quen... cho vui cuộc đời một chút! Những cánh tay vẫy gọi rối rít, những tiếng kêu đồng loạt:

-Ghe vượt biên, vô, vô....

Bi thấy lại cảnh ghe tấp vô đảo quen thuộc ở đảo Dừa nên khoái chí cũng kêu lên:

-Ba, ba, đi coi ghe vượt biên... coi ghe vượt biên

Thôi, trúng tử thằng nhỏ rồi, tôi bồng con đi lần ra bãi. Phải chen trong đám đông mà đi. Bi cứ đưa tay chòi ra phía trước.

Chiếc ghe này lớn cỡ chừng như chiếc BL1648 nhưng chở quá nhiều người. Thoạt nhìn thấy mà hết hồn. Tôi nhớ lại cảnh chen lấn nhau trên chiếc ghe cũ còn sợ, kiếm một chỗ ngồi cũng không có nói chi tới chỗ nằm. Vậy mà chiếc mới đến này chở quá nhiều. Người đứng liền nhau không một kẽ hở, làm thành mấy lớp cao thấp, bít kín hết cả phần trên của ghe, chỉ còn thấy được vách ghe mấp mé đè trên sóng nước. Đông quá là đông. Không biết tất cả được bao nhiêu người? Khó mà định được. Chiếc ghe dài chừng hai mươi hai thước, chứa kiểu sắp lớp cá mè như vậy, dám có trên năm trăm người lắm. Cũng may là vô đúng bến, chưa chìm. Nó đã tới gần, tôi nhìn thấy kỹ hơn. Khối người đông đảo trên ghe còn đầy vẻ tươi tỉnh, xôn xao, quần áo trắng lớp, sáng sủa, tất cả đều hướng vô đảo mừng rỡ như đang cơn khát bắt chợt bắt gặp dòng nước ngọt... Niềm vui sướng rạt rào. Quả thật chiếc ghe này đã đến đúng nơi. Đảo Bidong, hòn đảo của người tỵ nạn Đông Dương mơ ước, hòn đảo hy vọng. Nó còn có được cái may mắn nữa là đến đúng lúc. Buổi sáng tinh sương cảnh sát Mã chắc còn đang ngủ chưa kịp dậy để đuổi bắt và kéo trả ra khơi.

Mãi cho đến khi nó đến gần chiếc cầu supply thì chiếc ca nô cảnh sát mới bắt đầu nổ máy. Hàng rào người trên đảo như cảm thông nỗi đe dọa cho người sắp đến nên đồng loạt la ó vang rền. Tiếng la vừa có ý phản đối ngăn chặn việc làm của cảnh sát, vừa có ý thúc hối chiếc ghe cố chạy vô cho lẹ hơn... Tôi hồi hộp theo dõi vói trời cho nó cập cầu tàu êm xuôi. Quả nhiên chiếc ghe gặp nhiều may mắn. Vừa khi chiếc tàu tuần cảnh sát phóng ra chặn đầu thì vừa lúc đó chiếc ca nô của tàu Đảo Ánh Sáng cũng vừa đang trên đường vô đảo. Thấy ghe vượt biên kỳ lạ, chiếc ghe Pháp quay mũi lại để coi và chụp hình. Cái tình cờ may mắn đó đã can thiệp đúng lúc, khiến cảnh sát Mã đành làm ngơ, đầu thẻ dờ trò hành hung đe dọa như thường lệ trước sự chứng kiến của người Tây phương. Chiếc ghe chắc cũng không biết được nỗi hiểm nguy vừa thoát được trong gang tấc, vẫn thông thả lướt êm ái trên sóng, rồi từ từ cập sát cầu tàu... đáng vẻ tự nhiên coi như coi đảo này dành riêng cho người tỵ nạn. Ai đã tới được đây, thì cứ... cập cầu tàu mà vô!

Vì nó mới đến lần đầu, đâu biết rằng đã có biết bao nhiêu ghe vượt biên vừa tới đảo đã bị đuổi bắt, kéo ngược trả ra khơi, tình cảnh thật thảm thương. Bao nhiêu ghe đã chìm ở ngoài khơi của đảo? Bao nhiêu mạng người đã chết tức tưởi, oan uổng nơi đây? Sự hiện diện của chiếc tàu bệnh viện Ile de Lumière, của nhân viên Liên Hiệp Quốc, của các phái đoàn ngoại quốc... đã cứu thoát được biết bao nhiêu người tỵ nạn may mắn? Chắc là nhiều lắm!

Bi mê man theo dõi, đến giờ mới nói:

-Ba, ba, đi lên cầu tàu, đi lên cầu tàu...

Nghe thằng nhỏ nói, tôi nghĩ nó đòi đến cầu tàu để coi cho rõ. Tôi bồng con lên trong rừng người để đến gần. Những người dưới ghe đã bắt đầu bước lên cầu, đứng đầy trên đó. Tôi bèn nghĩ lại, có thể Bi muốn nói mấy người mới đến đã lên tới cầu tàu! Ở vị trí này tôi thấy từng đoàn người từ trong khoang ghe chui ra leo lên cầu, lũ lượt đứng sắp thành hàng dài, dòng người cứ tiếp nối lan dần mãi ra. Chiếc cầu cả trăm thước chiều dài, bây giờ từ đầu chí cuối đều có người đứng chật không còn một chỗ trống. Từ ngày lên đảo cho tới hôm nay, tôi cũng thấy có vài chiếc ghe tới Bidong nhưng chưa có chiếc nào chở nhiều như chiếc này, chở đông như vậy chắc là đạt kỷ lục theo kiểu vượt biên bán chánh thức... Quả là sinh mạng người bị trục xuất ra khỏi xứ rẻ quá, y như con ruồi con muỗi. Sống cũng được mà chết cũng được... miễn sao nhà nước thu được càng nhiều vàng càng tốt!

Những nhân viên trật tự phải dùng loa phóng thanh cầm tay điều động, chỉ dẫn cách thức làm thủ tục lên đảo. Họ phải đếm đi đếm lại số người. Trong khi đó bọn lính Mã Lai lố nhố trên ghe, moi tung các đồng hành lý để tìm vàng bạc và vũ khí. Thủ tục rền rang lâu lắc... Mặt trời đã lên cao, nắng bắt đầu đổ lửa. Bi chùng đã chán nên đòi đi chơi. Rừng người trên bờ đã tản mát, thưa bớt. Tôi bồng Bi đi lơn ton dọc theo bờ cát hướng về đồi Tôn Giáo. Phía sau lưng vẫn còn hàng người đứng nhẩn nại, chờ đợi trên cầu tàu. Tụi lính Mã đang làm tội làm tình chiếc ghe. Chuyến này thì không biết có được phát tài không, chớ mấy hôm trước tụi nó được một vố to. Buổi trưa hôm đó, chùng độ ba giờ có hơn, cũng một chiếc ghe vượt biên đến đảo. Chiếc này nhỏ chùng mười bốn, mười lăm thước, dáng cũ kỹ nghèo nàn. Nó lướt trên biển chậm rề như người bệnh nặng. Thông thường khi thấy đảo Bidong, ghe nào cũng mừng rỡ như gặp cái phao giữa biển, mở hết tốc lực đâm sầm vào, người trên ghe nhảy ùa hét xuống, lội bì bõm vào bờ cát. Điều lo sợ nhứt của người tỵ nạn là nếu Mã Lai bắt gặp sẽ cho ghe cảnh sát ra chặn bắt và kéo ngược ra biển khơi. Ở vào trường hợp này, cái chết nhẹ như lá rụng!

Chiếc ghe chiều đó, thay vì lướt mau hơn, nó đi chậm lại rền rang. Đám đông trên bờ nóng ruột thúc hối, la ó vang rền -Vô đi... lẹ lên, vô đi! Có người tìm ở đâu không biết một lá cờ vàng ba sọc đỏ, phát lia phát lịa. Chiếc ghe vẫn chậm rì. Người cầm cờ nghĩ là phát như vậy, trên ghe khó thấy nên nhờ một người nữa giăng ngang nó ra, cổ nhóng lên thật cao... Chiếc ghe vô gần tới cầu, ai nấy hồi hộp trông theo. Nào ngờ, thay vì cập bến, nó lại đổi hướng từ từ quay ra biển khơi. Vận tốc càng lúc càng tăng, cái ghe đã ra xa trông nhỏ xíu. Lúc đó, tôi đứng ngay ở đầu cầu, không hiểu tại sao, lòng đây thắc mắc. Mấy người đứng kế cũng bàn tán xôn xao. Ghe đã tới được Bidong rồi, sao không chịu vô? Chuyện khó tin mà có thật! Có lẽ trong đám người chứng kiến trưa đó, ngạc nhiên nhứt là đám lính Mã Lai trong đồn. Chiếc ghe tuần tiễu đi đâu mất nên trưa nay không thấy trên bến. Đúng là cảnh vắng chủ nhà gà mọc đuôi tôm... Chiếc ghe rời xa đảo, bây giờ chỉ còn là một chấm nhỏ ở chun trời. Tôi nghĩ, chắc nó điên rồi, đã tới được Bidong sao lại quay bỏ đi, định tìm bến nào nữa...

Tôi ngơ ngác, tức mình, không đủ kiên nhẫn để theo dõi lâu hơn định bỏ về nhưng còn nắm nuôi đứng ý đó. Chùng độ năm mười phút sau, nó lại lừng lững quay ngược trở lại, dáng ngập ngừng. Đám đông trên bờ, tụ tập lại, la ó vang rền. Lần này thì nó mới chịu vô thiệt. Nắng buổi trưa loang loáng trên mặt biển vàng chói. Sóng rập rình, mặt biển êm ả. Chiếc ghe đậu hờ bên cầu. Tôi len trong đám đông để đến gần. Trên ghe đông chùng ba

chục người, đứng lấp ló trong khoang, ngó đăm đăm lên đảo. Trên boong có năm bảy người đàn ông. Một người khá trọng tuổi, dáng chỉ huy, hỏi vọng lên bờ:

-Đây là đâu vậy?

-Đảo Bidong, đảo Bidong nè... ở Mã Lai. Sao ghe tới đây rồi mà không chịu vô?

Người đó hỏi tiếp:

-Đảo Bidong? Sao người vượt biên mình ở đây đông quá vậy? Bộ bị bắt nhốt hết vô đây hả?

Tôi chợt hiểu, ông ta sợ vô đây rồi bị bắt. Có lẽ ở bên nhà ông ta bị tuyên truyền sao đó!

-Đừng sợ, không sao đâu vô đi, đây là trại ty nạn lớn nhất ở Mã Lai... Ở đây có Cao Ủy Liên Hiệp Quốc bảo vệ...

Ông ta suy nghĩ hồi lâu, quay qua bàn bạc với mấy người kế bên, dáng ngập ngừng không quyết. Mọi người xáp đến gần ghe, càng lúc càng đông. Nắng nóng như đổ lửa, mồ hôi nhỏ giọt. Trong bụng tôi đâm sốt ruột bức mình. Ông già này lần thân quá, đã tới Bidong là phước đức ông bà ngó lại, còn muốn gì nữa mà chưa chịu lên cho rồi! Chắc là ông muốn đi tới bên Tây Ở đây lảng tránh tụi cảnh sát Mã nó ra tới là lòi thối, lúc đó muốn vô cũng không được!

Bất ngờ, sau một hồi bàn bạc, ông ta quay lên hỏi tiếp:

-Tôi không muốn vô đây... muốn đi Úc. Từ đây đi Úc có gần không?

Trời ơi! Ông muốn đi Úc, với chiếc ghe mục này? Tôi nhìn sững chiếc ghe. Nó nhỏ quá, nhỏ quá, thua chiếc BL 1648 của tôi xa. Cây ván lại cũ kỹ, mỏng manh, vậy mà đòi đi Úc. Làm sao được, mấy người này, một là điên, hai là điếc không sợ súng. Đi Úc với chiếc ghe xịch xạc gần rã này? Như vậy họ phải lênh đênh trên biển khơi một tuần, hai tuần hay một tháng nữa không chừng. Mà chắc gì họ không gặp hải tặc, bão tố, đá ngầm... và bao nhiêu nguy hiểm khác chờ chực, gan mật họ chắc bằng thép cứng, không biết sợ chết là gì!

Những người bu quanh, mỗi người một tiếng ai cũng khuyên là nên ở lại đừng đi:

-Bộ ông tưởng đi Úc gần lắm hả, từ đây qua tới đó phải một tháng. Mấy ông có hải bàn, hải đồ không? Một tháng là không bị lạc đó! Còn bị lạc là... một năm!

-Suy nghĩ cho kỹ đi ông ơi, ghe ông nhỏ quá, đi chừng vài ngày nữa là rả máy rồi, cây ván gì cũng mục hết, xăng dầu, nước uống làm sao đủ... Đi một tuần nữa cũng không nổi, nói chi tới một tháng!

-Ông muốn đi Úc thì bây giờ lên đây đi, làm thủ tục nhập trại rồi xin đi Úc, nghỉ ngơi cho khỏe, đi Mỹ thì khó chớ đi Úc dễ mà...

-Ở dọc đường đi Úc, có mấy hòn đảo có mọi ăn thịt người, bộ ông không sợ sao?

Tuy mọi người cố gắng đưa lý lẽ ra để khuyên nhưng người trên ghe dụ dục chưa quyết. Không biết bên Úc có gì hấp dẫn mà họ ham quá vậy? Câu chuyện loanh quanh cho tới khi lính Mã trong đồn vác súng sẵn chạy ủa ra. Lúc này thì chuyện đi hay ở là do chúng quyết định rồi. Chúng hùng hổ chun xuống ghe lục soát. Cũng cái trò cũ tìm vàng bạc và vũ khí. Lần này thì tôi mừng cho những người mới tới này. Chắc là khi lục soát xong chúng sẽ cho làm thủ tục nhập đảo, sau khi chiếm đoạt của cải vàng bạc quý giá. Dầu có mất mát chút đỉnh, năm ba lượng vàng, một hai cái máy thu thanh cùng những thứ họ chớ theo trên ghe nhưng có một thứ quý báu nhứt mà họ còn giữ được, đó là mạng sống. Hễ còn sống là còn tạo ra tiền của được, còn chết đi rồi thì dầu có cả kho vàng cũng thành không!

Trong khoang ghe tối om om. Tụi lính Mã đi tới đi lui chộn rộn. Cuộc lục soát dằng co lâu lắc. Mãi khá lâu mới xong. Người dưới ghe không được lên bờ. Ghe được lịnh neo ở bên. Tên xếp đảo cùng mấy người lính dẫn ông già chủ tàu cùng người vợ lên đồn. Mặt mày người nào người nấy cũng căng thẳng, im lặng. Người đàn bà cũng khá lớn tuổi xách một túi hành lý, trong khi ông già cùng một người lính Mã khiêng chung một bao bố nâu to nặng nề. Không biết chứa gì trong đó mà có vẻ nặng lắm. Mấy người lính Mã đi trước mở đường, về gấp rút hồi hả. Đám đông bu quanh càng lúc càng đông. Ai nấy đều ngó lom lom vào cái bao bố, thắc mắc không biết cái gì ở trong... Tôi đoán chừng cái bao bố này là nguyên nhân khiến ông già không muốn ghé vô đây mà đòi đi Úc, vậy thì trong bao chỉ có thể là vàng bạc hay vũ khí. Vậy thì là gì? Ông già này thuộc hạng người nào? Theo hình dạng và cách nói năng, ông không có vẻ gì là người học thức cao, cũng không phải là người sang trọng quý phái. Ông có thể là một người nhà giàu ở quê, cũng có thể là một quân nhân cương quyết... tôi đoán không ra.

Một lúc sau, thiên hạ cả đảo đồn rùm, không biết nguồn tin hấp dẫn do ai tiết lộ ra. Ông già chủ ghe là Phó Bí Thư Tỉnh Ủy Rạch Giá hay Long Xuyên gì đó, tổ chức đưa người vượt biên theo chính sách của nhà nước. Ông ta thi hành thiết chu đáo, số vàng thu được khá lớn lao. Thay vì nộp hết vô kho, ông ta lấy bớt một mớ... để tính công. Tuy là một mớ in ít nhưng cũng trên cả ba ngàn lượng. Số vàng này quá lớn hơn ai hết, ông là người biết rõ cộng sản, nếu với số vàng này ông đâu có thể ở yên với các đồng chí thân yêu. Thói đời trâu cật ghét trâu ăn. Ở lâu có ngày mang họa. Vàng đã không hưởng được mà chính sinh mạng chưa chắc đã còn! Hay nhứt là đi Úc. Úc là nước văn minh không ăn cướp bậy bạ, còn Mã Lai, Thái Lan, Nam Dương chắc cũng giống y như nước Việt Nam có bác Hồ vô vàn kính yêu của ông ta, chuyện luật lệ minh bạch làm gì có ở trên cõi đời này.

Ba ngàn lượng vàng đâu phải ít. Tính ra nặng trên cả trăm ký lô, rẻ nhứt cũng trên triệu rưỡi Mỹ Kim. Trời! Một triệu rưỡi Mỹ Kim nằm trong tay một người! Mà ở Việt Nam hiện nay có bao nhiêu Tỉnh Ủy, Phó Tỉnh Ủy, Trưởng Ty Công An, Trưởng Ty Hoa Văn... nghĩa là có mấy trăm, mấy ngàn ông già... giống như ông già mang vàng vượt

biên này! Họ còn ở lại trong nước quyền hành trong tay, ăn chơi phè phỡn trên mồ hôi nước mắt của người dân khốn khổ. Giữa mấy ngàn ông già đáng ghét đó, nếu suy nghĩ thêm một chút thì ông già có ba ngàn lượng vàng ở Bidong đã làm một việc ngoan mục... đáng được tha thứ! Ông ta đã dùng số tiền lớn lao đó để hưởng thụ cho cá nhân ông và gia đình... dầu sao cũng còn hơn là nộp hết vô kho nhà nước, với số tiền này người ta sẽ sắm thêm được bao nhiêu súng đạn, trả lương được cho bao nhiêu tên công an, kéo dài bao lâu thêm bộ máy đàn áp dân chúng? Phải chi tất cả mấy ngàn ông già đây quyền thế còn ở lại Việt Nam đều ôm vàng leo xuống ghe đi hết thì nhân dân Việt Nam đỡ khổ biết bao nhiêu. Điều đau khổ của dân tộc là những người lãnh đạo vừa tham lam, vừa tàn độc. Vì tham lam nên tàn độc. Mà càng tàn độc lại càng tham lam. Đúng là cái vòng lẩn quẩn. Họ cai trị đất nước mới có mấy năm mà toàn dân nghèo đói xơ xác, phải đành bỏ xứ mà đi, để lâu thêm một thời gian nữa thì đất nước sẽ tan hoang, điêu tàn...

Tôi bỗng Bi đi dọc theo bãi cát, hình ảnh chiếc ghe đầy người mang mang trong đầu, rồi đâm nhớ ông già đi Úc kia, tự hỏi, không biết ba ngàn lượng vàng đựng trong bao bố của ông ta có bao nhiêu lượng của người trên ghe hồi sáng đã đóng góp? Mà cũng không biết đâu chừng cũng có vài lượng của tôi nữa! Lương một giáo viên cấp Ba là sáu chục đồng, một lượng vàng là một ngàn bảy trăm. Vậy muốn mua một lượng vàng tôi phải còm lưng đi dạy một khoảng thời gian dài đằng dặc là hai mươi tám tháng, không ăn không uống, mới đủ. Còn ông già kia, có được số vàng lớn chỉ trong vòng mấy tháng. Sướng quá! Nghĩ cho cùng làm quan sướng hơn ăn cướp. Cả hai giống nhau ở chỗ, có tiền nhiều trong một thời gian ngắn nhưng khác nhau ở chỗ, một đảng phải dùng vũ khí, sức lực để cướp giựt, còn một đảng cứ nằm ngủ ở nhà, người ta phải đến lay lục, năn nỉ để đưa. Mà chuyện đòi ngô lăm, người đi đứt lốt đã mất vàng, mất bạc mà lại mừng rỡ, cảm ơn không dứt lời. Quan lớn mà không chịu nhận thì rầu rĩ, ừ ê. Thiệt tình, hết nước nói! Ở xứ nghèo có nhiều chuyện lạ...

Đường đi lên dốc thoải thoải. Đồi Tôn Giáo mấy tuần nay toàn cảnh thay đổi hẳn. Cây cối rậm rạp hoang vu bắt đầu nhường chỗ cho những căn lều thô sơ mọc lên vội vã, dưới nền đất còn đầy vết tích của cuộc lẩn tránh bừa bãi. Những gốc cây bị chặt không sát, tro gốc còi cọc, nhựa ứa vàng lem luốt. Rải rác đây đó còn còn năm mười cây lớn cỡ người ôm chưa ai đung tới, tàn lá như cây lọng tròn che mát cho ngôi chùa Phật được dựng nơi cao nhứt trên đỉnh đồi. Cạnh bên là nhà thờ Tin Lành thấp và nhỏ hơn y như một mái lều tranh nghèo xác xơ tơi tả. Phía sau là nhà thờ Công Giáo được tạo dựng bằng những vật liệu do các tín đồ đóng góp, tất cả cột kèo đều là cây gỗ đốn ở núi khiêng về. Vì không có ván, người ta phải ghép các cây tròn lại, đóng thành những ô vuông để dùng vách, cho nên từ ngoài nhìn vào thấy trống trơn. Tôi bỗng con đứng ngoài nhìn toàn cảnh, cây đá im lìm, khác hẳn cái sinh hoạt ồn ào, rộn rịp dưới kia. Người nào đã chọn nơi đây để xây dựng các cơ sở tôn giáo này cũng khéo chọn cuộc đất. Đứng ở đây thấy bao quát toàn cảnh của trại tỵ nạn. Hội Trường cùng khu chợ trời ở dưới ngay tầm mắt, khu A với cầu supply dài ngoằn. Phía sau lưng đồi dốc đá dựng đứng là bãi biển khu C với các quán nhạc. Nếu ở thành phố có những công viên dành cho khách nhàn du thì ở Bidong đồi tôn giáo là công viên của đảo. Dưới kia đâu còn một chỗ trống. Cứ vào mỗi buổi chiều, trời vừa sụp tối các thanh niên nam nữ rủ nhau ra đây hò hẹn, ít ra ở một góc chùa hay bên vách nhà thờ cũng còn vài khoảng trống cỏ mọc xanh um, cũng còn năm bảy gốc cây to cỡ vòng ôm che kín được sương gió, còn chỗ nào tốt hơn nữa...

Nhưng cuộc lán đất giành dân không diễn ra âm thầm. Mới có mấy ngày, tôi trở lại nơi đây, mọi sự khác lạ hết. Đất đai xung quanh chùa hay nhà thờ bị thu hẹp dần dần. Chỉ còn khu nghĩa địa là chưa bị đụng tới, có lẽ nhờ mấy chục mộ bia bằng cây còn mới tinh. Nhưng chưa, không có nghĩa là không. Người chết đâu có biết nói năng thì làm sao mà tranh chấp được với người sống. Và lại đâu gì đi nữa thì cũng đã chết rồi. Nếu phần mộ có bị xiêu lạc, san bằng thì cũng nên nhường một chút xíu đất đai cho một cái lều mới dựng, có lẽ như vậy tốt hơn. Những ngôi mộ thấp chũm, lè tè y như mô đất nhỏ. Có vài ngôi cỏ mọc xanh um, còn phần nhiều mới đắp tro đất sét vàng. Tận trong cùng sát vách đá, một lỗ huyết hình chữ nhật mới vừa được đào, đầy cạn sột... Một người tỵ nạn vừa chết! Tôi nhìn thấy, lòng tự hỏi không biết người chết trẻ hay già, chết vì bệnh hay vì tai nạn xảy ra? Ở đảo đâu có cái chết nào giống cái chết nào. Mà sao cái chết nào cũng nhiều đau xót!

Tôi đứng nép vô gốc cây lớn để tránh nắng. Đã gần trưa mặt trời lên cao, chói lọi khối lửa vàng hực chói lòa. Tuy đứng dưới bóng râm mát tôi vẫn thấy hơi nóng hầm hập. Đoàn người đứng dài trên cầu tàu đã bắt đầu di chuyển vô khu tạm trú. Họ lũ lượt nối tiếp nhau chậm chậm nhỏ xíu như đàn kiến đi vào tổ khổng lồ, lúc nhúc mấy chục ngàn con kiến nâu đen đã ở từ lâu. Ở dưới thấp cũng có một đoàn người thưa thớt đi lượn quanh theo vách đá, chậm chậm theo con đường mòn quanh co leo ngược lên đỉnh đồi. Năng từ đỉnh đầu chiếu xuống những bóng đen lem luốc bước đi chập choạng, lao xao...

Họ đông chừng độ mười người, dẫn đầu là bốn người đàn ông khiêng trên vai một cái hòm cây mỏng tanh, đóng sơ sài. Tất cả diễn ra trong im lìm, không một tiếng động ồn ào như những đám ma bình thường. Đúng rồi, lỗ huyết đã dọn sẵn ở đây dành cho người chết đó. Đám đông đã tới gần. Không một lu nhang, không một ngọn nến đỏ... Những người đi theo sau, không ai khóc. Có lẽ người chết chỉ một mình đến đảo, không có thân nhân. Nhưng trên những nét mặt u ám, tôi cảm thấy một nỗi buồn xa vắng lặng đọng. Người chết nghèo quá, không có gì hết, ngay cả khi tới huyết đạo, cũng không có một giọt lệ tiễn đưa... Những người đưa đám chắc là bạn cùng ghe hay là người lân cận? Họ cũng đâu còn nước mắt để khóc cho người bạc số... Những dòng lệ đã cạn khô từ khi bỏ nước mà đi!

Những nắm đất được quăng lộp độp xuống nắp hòm, những nhát cuốc đập nắm mộ vôi vãi. Tất cả mọi người có mặt không ai nói với ai một lời, chỉ có tiếng sóng rào rào phía bên ghềnh đá. Nắm mộ từ từ được đắp cao, lẹ quá nhờ đáy huyết đạo khá cạn. Trong phút chốc, công việc đã hoàn tất. Các người đắp mộ cầm cuốc đập đập lại lần cuối nắm đất sét vàng trộn đầy cát. Một anh đến dưới bóng cây mọc thuốc ra hút. Tôi đứng kế bên, chờ đợi để nghe họ nói chuyện với nhau. Ít ra trong câu chuyện, cũng biết được chút ít thân thế người vừa nằm xuống ở một góc đảo hoang này. Tôi rón chờ... Bì chừng đã chán nên đòi về. Mãi cho đến khi mọi việc đã xong, đám đông thu xếp cuộc xéng, sau khi một mộ bia bằng cây được dựng tạm trước mộ sơ sài, tôi chỉ nghe được người trẻ tuổi nhứt trong đám nói một câu - 'Ông hên đó, trên đồi Tôn Giáo chỉ còn có được chỗ này, mấy người chết sau phải đem chôn trên núi!' Tôi đưa mắt nhìn rào quanh một vòng. Nghĩa địa chật cứng. Xung quanh là những túp lều mới chen lấn nhau từng hốc đá, từng mô đất để mọc



lên vôi vữa. Hết rồi, không còn chỗ cho người chết nữa. Quả đúng không còn một tấc đất nhỏ để chôn chum, người chết trước quá may mắn. Anh bạn trẻ này có lý thiệt tình!

Tôi bỗng con trở xuống chum đôi, bước đi nặng chình chịch! Ở dưới kia, rùng người sống hồn độn, ồn ào. Các sinh hoạt hằng ngày vẫn tiếp diễn đều đặn. Trời nắng chang chang, cả hai cha con như muốn bốc thành khói, đầu tôi vầng vất, mang mang một nỗi ngậm ngùi. Người chết ở Bidong lạnh lẽo quá, không có được một tiếng khóc tan thương tiếc tiễn đưa Cái hòm bằng cây tạp đóng sơ sài, cái đáy huyết cạn sợt, tấm mộ bia lớn bằng bàn tay. Rồi hết...

Nếu một mai tôi chết trần truồng không com áo

Thì hồn tôi xin phảng phát chôn trắng sao

(Quách Thoại)

Đòi một người... ước nguyện đơn sơ đến như vậy sao? Thôi, cát bụi sẽ trở về với cát bụi, thân xác sẽ mục rữa theo tháng năm, linh hồn chắc sẽ lang thang vất vưởng nơi đâu ghềnh cuối bãi. Cầu trời cho ông biết hướng mà trở về quê hương đất nước chớ ở đảo vắng giữa trùng dương này làm gì có chỗ nương tựa, dầu đó là chùa hay nhà thờ ở đồi Tôn Giáo. Chùa cũng vá vúi mà nhà thờ cũng tạm bợ... Nhưng trong khi dò dẫm tìm phương hướng mà trở về quê cũ với thân bằng quyến thuộc thì đêm nay hồn ông tạm trú nơi đâu? Ở suối vàng làm gì có quán trọ... *Cửu tuyền vô khách điểm, kim tịch túc thù gia?*

Hỡi ơi! Đêm nay hồn ông có đến được chôn trắng sao vời vợi?

**Chương 23:**

## ***CƠN BÃO ĐẦU MÙA***

Cuộc tình cờ không hẹn mà gặp, tối nay ở nhà mát Vũng Tàu hầu như đủ mặt. Tôi vì đến sớm nên giành được chỗ tốt, ngồi gần cây cột phía vách sau, khi mỗi dựa lưng cũng đỡ khổ. Sơn và Út Trung xê qua sàng lại cũng chiếm được hai cây cột ở hai bên. Anh Tư mò ở đâu đó một cây đèn dầu lớn, đốt lên ngọn lửa sáng màu vàng đục, ống khói đen thùi. Cái lều được dựng cheo leo trên một đống đá ngổn ngang vậy mà cũng khá chắc nên khi Quách Linh Hoạt và Dân gì đó vừa tới, leo lên cầu thang rầm rầm mà cái lều không chút lung lay... Cũng lạ thiệt, thằng Dân gì đó biệt tăm biệt tích cả tuần nay, không biết nó chun trong cái hộc nào mất tiêu, bây giờ mới xuất hiện đi chơi, lại kéo thêm ông quan ba hải quân Quách Linh Hoạt, có vẻ ốm và đen hơn lúc ở đảo Dừa.

Anh Tư Trần Hưng Đạo nấu xong bình trà lớn để ở giữa phòng, giọng ồm ồm:

-Vậy là có đủ mặt anh em, tối nay tụi mình họp đại hội được rồi... Hai bạn bộ có hẹn đi chơi chung hay sao mà tới một lượt vậy?

Dân gì đó loay hoay một hồi rồi ngập ngừng trả lời:

-Ừa, ừa, tôi với anh Hoạt đi chung gì đó...

Nghe nó trả lời, tôi đăm ngạc nhiên. Cái thằng này lúc nào cũng láu táu khi khẹn, cười

nói không dứt, sao bữa nay lại êm ru bà rù. Nó mặc một cái áo lính ka ky cũ kỹ, cái quần cụt đen, trông rất bụi đời. Không thấy nụ cười với chiếc răng vàng le lói thường ngày.

Tôi đưa tay ngoắc, chỉ một chỗ trống bên cạnh:

-Dân ngồi kế bên anh đây nè...

Tuy lều cũng khá cao nhưng nó vẫn đi lom khom như sợ đầu đụng phải cái nóc bên trên, trong bóng đêm nhá nhem ánh đèn, tôi thấy nó hộc hác qua dáng điệu quờ quạng. Mùi mồ hôi hăng hắc bốc lên từ chiếc áo cũ lâu ngày không giặt. Tôi nghiệp một thân một mình không ai chăm sóc. Thằng Kiệt em nó, cũng tưởng được Hủ Tiểu hứa cho đi chung, nè đầu tới phút chót lại đổi ý, thành ra thằng nhỏ phải đội về Chợ Lớn. Con người có số mạng, y như có lần nó đã nói - 'Hể cái số đi được thì dầu nằm nhà cũng có người tới rù đi, còn không đi được thì có lên tới nóc ghe cũng bị đuổi xuống'. Quả đúng y chang trường hợp em nó. Dân gi đó ngồi bệt xuống sàn, hai tay để dài trên đầu gối, nhìn ra cửa lều. Trời đêm nay không trăng cũng không sao, đêm tối đen mịt mù. Phía dưới xa xa, ánh đèn của dãy nhà kho và cầu tàu chỉ soi sáng một vùng mờ mờ vàng vọt. Trên đỉnh núi có những đốm lửa nhỏ của đám cháy rừng. Tiếng sóng ngàn năm rì rầm xa vắng. Quách Linh Hoạt ngồi phía cạnh cửa lều, tiếp lời Dân:

-Ghé lại chơi với anh em một chút xíu thôi. Tôi với Dân gi đó tối nay có hẹn vượt đường mòn Hồ Chí Minh... Lúc này hai đứa kẹt quá nên rán bỏ!

À, thì ra hai anh bạn này gia nhập vô băng buôn bán làm ăn ở chợ trời. Vượt đường mòn Hồ Chí Minh ở Bidong có nghĩa là xuống bãi Buôn Lậu hay bãi Sang Đò mua hàng hóa của các ghe buôn lậu, rồi chuyển hàng đi xuyên qua núi theo đường mòn gai góc cheo leo trong đêm hôm khuya khoắc để vào ngã sau, chun vô khu chợ trời. Hàng vô được tới chợ là an toàn trên xa lộ. Nếu giữa đường gặp phải cảnh sát Mã hay các tay anh chị của các băng đảng đón đường cướp giựt thì kê như là cụt vốn. Dân đi buôn phải xuất vốn mua hàng hóa, thông thường các mặt hàng thông dụng như gạo, đường, cà phê, thuốc lá, bôm, nho, nước ngọt, dế, khăn... rồi mướn người khiêng vác về chợ, lờ hay lỗ là do giá thị trường lên xuống. Còn như không vốn chỉ ra công vác một thùng hàng về tới nơi thì lãnh được một đồng tiền Mã. Chỉ cần nghĩ tới đoạn đường mà hai bạn sẽ phải trải qua trong đêm hôm khuya khoắc, tôi cũng đủ ớn lạnh xương sống. Họ phải đi thâm trong bóng đêm mịt mù, không được dùng đèn bấm để soi sáng, hầu tránh cảnh sát và bọn cướp giựt, len lỏi trên các đường dốc dựng đứng, hiểm trở quanh co, đầy đá sỏi gay góc gian nan...

Tôi đã hiểu tại sao Dân trở nên ít nói và thay đổi. Tôi nắm lấy cánh tay khẳng kheo của nó:

-Em đi như vậy có cực khổ lắm không?

Nó trả lời xụi lơ:

-Vác cái thùng thì không nặng, chỉ có điều phải thức đêm, về tới chợ là gần sáng gì đó. Em ngủ ban ngày... mà nắng nóng quá ngủ không được gì đó!

Quách Linh Hoạt tiếp lời nó:

-Đi vài lần rồi quen, cũng còn chịu đựng được. Nhưng sợ nhứt là hai ba toán buôn lậu đụng chạm quyền lợi nhau, có thể vì tranh mua, phá giá hoặc cướp giựt, thường xảy ra các cuộc thanh toán, đâm chém dữ dội. Mình kẹt ở giữa là lãnh đủ. Cũng may tôi và Dân chưa bị lần nào. Tụi này mới đi thử có tuần nay...

Tôi nghe nói, ở đảo có nhiều băng đảng, họ chia ra nhiều phe nhóm làm ăn. Khu F là băng của dân Tàu nhà giàu, khu G là dân thủy thủ, khu D là dân chợ trời, ...rồi có đảng Satan, đảng Quỷ Kiến Sâu,... đảng nào cũng dữ dội. Ở trên đồi Tôn Giáo phía bãi sau khu C có một nhóm người Miên cũng là tay anh chị bự. Có lần một người trong nhóm bị băng của người Tàu đánh tới lòi mắt. Ngoài chuyện tranh giành quyền lợi, còn có chuyện tranh giành thế lực, hoặc tình yêu... Nhiều khi việc nhỏ xíu không có gì, cũng có thể chém giết nhau được. Người nào đến đảo cũng mang trong lòng biết bao khổ đau, uất ức, bực dọc, khủng hoảng... như một trái phá đã gắn ngòi. Chỉ cần một tia lửa nhỏ trái phá sẽ nổ tung! Như mấy hôm trước, tôi đang chìm trong giấc ngủ say nồng, chợt tỉnh giấc vì có tiếng la hét rợn trong đêm trường tịch mịch. Tôi rần lắng nghe. Lều thuộc khu G nằm trong khu vực giao thông của dân buôn lậu, từ bãi Sang Đò vượt núi để lòn ngả sau vô chợ trời. Tiếng gậy gộc đập nhau chan chát. Tiếng chum chạy rầm rập ngoài ngõ. Bỗng nhiên có tiếng la lớn thảm thiết - 'Chết tao rồi, trả thù cho tao!' Trời! chuyện gì vậy? Đêm khuya cả trại im lìm, tiếng kêu la lồng lộng nghe rùng rợn hãi hùng. Tôi lo trong bụng vì vách lều cột bằng bao ny lông đựng bột mì bở rẹt, nếu mấy tay cao thủ này đâm chém nhau, chạy càn đại vào lều để tránh đòn thì khá nguy hiểm...

Tôi hỏi Quách Linh Hoạt:

-Làm sao mình biết ai buôn bán làm ăn, ai cao bồi du đảng cướp giựt?

Quách Linh Hoạt cười:

-Bạn cứ nhìn Dân gì đó với tôi là biết ngay. Người buôn bán lương thiện là tại không có tiền nên phải kiếm cách bưng chái, mua đi bán lại để kiếm sống. Còn mấy đảng ăn cướp là thuộc thành phần du đảng, bắt hảo từ bên Việt Nam, qua đây tiếp tục theo đường cũ. Đâm chém, cướp giựt, giành gái, nhậu nhẹt, say sưa...

Sơn hỏi:

-Ở Mã Lai là xứ Hồi Giáo cấm tuyệt rượu, làm sao có được mà uống?

Dân gì đó giải thích:

-Mình thì không mua rượu được gì đó... Chớ mấy tay dao búa thiếu gì... Thịt heo, rượu nó mua của các ghe buôn lậu... có khi mua của mấy thủy thủ ghe tàu chở tiếp tế nước gì đó...

Tư Trần Hưng Đạo góp chuyện:

-Ở đâu cũng vậy, có tiền là có đủ thứ. Bạn thấy đó ở chợ trời Bidong đâu thiếu thứ nào. Cà phê, hủ tiếu, cháo gà, thợ uốn tóc, hớt tóc, thợ bạc, thợ sửa đồng hồ...

Tôi thắc mắc:

-Vậy chớ cảnh sát Mã và ban an ninh trại không kiểm soát được hết sau?

Quách Linh Hoạt cười:

-Cảnh sát Mã có chừng một tiểu đội vừa lo tuần phòng ghe tàu vượt biên tấp vô đảo, vừa lo rượt bắt ghe buôn lậu... để kiếm tiền, còn thì giờ đâu mà can thiệp chuyện cao bồi, chuyện du đảng đâm chém nhau... Mà đâu có chết năm ba người thì cũng đâu có sao. Hình phạt của Mã là nhốt dưới nhà sàn và cạo đầu trọc lóc những tội vi cảnh như đánh lộn, nhảy đầm... Còn giết người hoặc Cộng sản thì giải qua bên Kuala Trengganu để điều tra và xét xử...

Út Trung nói:

-Tôi nghe hôm trước, tụi Mã đi tuần trên chóp núi có bắt được trong một cái đồn bỏ hoang, bốn Việt Cộng đang dùng điện đài để liên lạc về Việt Nam. Ghê chưa, ở đảo bây

giờ số người đông gần bốn chục ngàn, không biết ai tỵ nạn thiệt, ai tỵ nạn giả...

Sơn mãi lúc đó mới nói :

-Các bạn có nhớ thằng cán bộ Hoa Vận của Bạc Liêu không?

Tôi nói:

-Nhớ chớ sao không, nó người Tiều lai, đen thui cao lớn, tóc quăn dợn sóng... chuyện gì vậy?

Sơn nói hạ giọng:

-Lúc nó kiểm soát tụi mình xuống ghe ở Cà Mau, rồi thừa lúc đêm tối trà trộn đi theo luôn, không ai để ý hết vì ghe đông quá. Trong chiếc BL 1648 có vợ con nó theo từ trước, qua tới đảo Dừa không bao giờ lộ mặt ra ngoài. Đám Hủ Tiều che chở đùm bọc. Nhưng khi tới Bidong thì ban an ninh trong trại biết được, kêu lên kêu xuống điều tra, tài công Hốt với tài công mặt rỗ cũng bị nữa...

-Rồi sao?

-Hốt với mặt rỗ thiệt tình tỵ nạn nên không bị rắc rối, còn tên cán bộ Hoa Vận bị đưa qua bên Trengganu để điều tra lại chưa thấy trở về, không biết là có bị chuyện gì không? Ban an ninh trại bắt lượm với các băng đảng vì họ sợ bị trả thù nên ít để ý tới bọn này. Họ chỉ theo dõi bọn cộng sản, ghe nào vô đảo cũng phải để ý sợ bọn nó trà trộn vô tập thể tỵ nạn... Cũng khó lắm vì có nhiều khi họ là Cộng sản thiệt, nhưng cũng tỵ nạn thiệt. Vấn đề là làm sao biết được họ có hoạt động cho Cộng sản hay không. Từ ngày đảo thành lập trại tỵ nạn tới nay có tất cả ba mươi sáu người mất tích một cách bí mật. Có tên trong danh sách nhập trại mà không có người, có thể họ chết mất xác ngoài biển hoặc trốn lánh trên núi hoặc ăn cắp ghe trở về Việt Nam...

Nghe các bạn trình bày vấn đề tôi cảm thấy được nỗi khó khăn của ban an ninh và việc phức tạp của tập thể. Cái biên giới của buôn lậu với du đảng, của Cộng sản tỵ nạn với Cộng sản gián điệp mong manh quá, làm sao và bằng cách nào để xác định được. Nếu không khéo người lương thiện bị lầm với người bất lương và ngược lại. Cuộc chiến tranh dai dẳng của đất nước đâu có chấm dứt, nó mãi kéo dài tới Bidong này và sẽ còn tới đâu nữa....

Tôi nay trời đứng gió. Tôi ngồi tận bên trong nên cảm thấy hơi nóng hầm hập. Cũng lạ, ở tại ghềnh đá này có lúc nào mà thiếu gió mát như bữa nay. Đám tối nay có cơn mưa đầu mùa, mây kéo đen kịt cả bầu trời nên không thấy cả một ngôi sao nhỏ. Đối diện tôi, ngồi bên cạnh cửa lều Quách Linh Hoạt tóc dài chấm vai, râu mọc tua tủa. Đèn soi sáng nét mặt xương xương trông anh già cõi. Hoàn toàn không còn một chút xíu nào hình ảnh đẹp trai oai hùng của một vị sĩ quan hải quân Việt Nam Cộng Hòa. Cận tôi, Dân gì đó cũng không khác. Cả hai từ ngày gia nhập vào giới buôn lậu quần áo rách rưới dơ bẩn, nhàu nhò, da dẻ, đen đúa, phong sương. Nhưng nhìn chung Sơn, Út Trung, tôi cũng y vậy. Ở nơi góc biển chơn trời này, mọi người giống hệt nhau, không biết ai là ai. Trong đám người lúc nhúc hỗn độn đó, ai là dân biểu, ai là bộ trưởng, ai là bác sĩ, kỹ sư? Ai là thợ thuyền, nông dân hay đánh cá? Tới đây mọi người giống nhau hết. Giống từ hình dáng bên ngoài đến tâm tư tình cảm bên trong. Giống nhau từ hoàn cảnh, số phận, giống nhau từ nỗi long đong. Đảo Bidong như con tàu nhỏ lênh đênh trong biển trời hy vọng, nhưng vùng đất hứa chừng như còn lấp ló chun mây. Nhưng chừng nào mới tới được cái chun mây xa lắc xa lơ đó?

Út Trung hỏi Quách Linh Hoạt:

-Hai ông bà định xin đi Mỹ hay Canada? Nếu đi Mỹ là lâu lắm đó..

-Tôi định đi Canada mà bà xã không chịu vì sợ lạnh, bả ốm quá... Tôi xin đi Mỹ theo ưu tiên ba, thành phần công chức quân nhân chế độ Việt Nam Cộng Hòa cũ. Đơn đã được cứu xét, tội tôi dễ lắm, hồ sơ, quân số còn y nguyên, chỉ cần dò lại cho đúng rồi chờ tới lúc có người bảo lãnh là được... nhưng chắc phải hơi lâu. Có người đã chờ đợi bảy tám tháng nay mà chưa nhúc nhích...

Tư Trần Hưng Đạo xen vô:

-Vậy thì cũng đỡ lo. Lâu bao nhiêu cũng ráng. Sợ nhứt là những người không thuộc thành phần được ưu tiên thì mệt. Đợi cho nó hốt rác thì biết đến chừng nào!

Nghe anh Tư nói tới đó, tôi vội nghĩ ngay trong đầu cái danh từ hốt rác thông dụng ở đảo. Chử dùng nghe tượng hình hết sức. Người ty nạn là rác? Ở Bidong này còn bao nhiêu rác phải hốt nữa? Ai là người đầu tiên đã có sáng kiến dùng chử rác rến để so sánh với thân phận ty nạn bợt bèo, rong rêu. Thực tế quả là chua xót!

Quách Linh Hoạt phân tách tí mỉ:

-Muốn đi Mỹ thì phải có các điều kiện ưu tiên như được thân nhân ruột thịt bảo lãnh: ông bà, cha mẹ, anh em, vợ chồng... Nhưng người được bảo lãnh phải độc thân mới được, còn như có gia đình là không được. Tuy nhiên, nếu người đàn bà đi vượt biên có đất theo con cái mà chồng còn ở lại Việt Nam thì được kể ưu tiên một, họ được coi như độc thân...

Út Trung cười:

-Thì đúng rồi, không có chồng thì phải kể là độc thân chớ!

Quách Linh Hoạt tiếp:

-Còn như không có thân nhân thì phải là những người đã có làm việc trong các cơ quan của Mỹ trên sáu tháng, trực thuộc quân đội hay dân sự của nhà nước Mỹ. Các cơ quan tư nhân không kể. Máy người có bằng cấp tốt nghiệp các Đại học Mỹ cũng thuộc ưu tiên thứ hai này. Còn ưu tiên ba thì dành cho công chức, quân nhân Việt Nam. Nhưng không phải ai cũng được. Phải có làm việc chánh thức cho công quyền thời hạn tối thiểu là năm năm...

Tư Trần Hưng Đạo cười:

-Ai biểu mình khai thiếu làm chi, cứ khai sáu bảy năm gì đó...

Quách Linh Hoạt nói:

-Các cơ quan tư thì muốn khai thế nào cũng được. Còn công chức quân nhân, hồ sơ lưu trữ đầy đủ, làm sao mà khai gian. Như tội tôi có số quân, đơn vị phục vụ, tên tuổi vị chỉ huy trưởng...

Dân gì đó bỗng nói:

-Nghe nói có người khai ăn gian gì đó bị Mỹ xù.

Thêm một danh từ lạ của Bidong nữa. Xù có nghĩa là bác đơn, hồ sơ nhập cảnh không được chấp nhận. Trong những ngày mới đến đảo, tôi nghe danh từ này phổ biến khắp mọi nơi. Người này bị Mỹ xù, người kia bị Úc xù. Lần đầu mới nghe qua, tôi lấy làm lạ, suy nghĩ hoài, không biết chử xù này là do chử Tây hay chử Tàu biến âm? Nhiều câu chuyện được truyền tai nhau. Một bà mẹ bỗng con nhỏ vào phái đoàn Mỹ phỏng vấn. Ông đại diện hỏi bà bằng tiếng Mỹ có thông dịch viên Việt. Lúc đó đứa nhỏ phát khóc. Bà quỳnh quần dỗ con -'Nín đi, con khóc ông Mỹ ăn thịt bây giờ'. Người đại diện phái đoàn bắt

ngờ bật qua nói tiếng Việt rành rọt - ‘Người Mỹ văn minh không bao giờ ăn thịt con nít’ Kết cuộc là mẹ con bà Việt Nam ầu tả đó bị xù! Chuyện chắc là do một người nào đó có óc khôi hài đặt ra để kể cho vui, không lẽ người đại diện Mỹ lại ngây thơ, khờ khạo đến vậy! Nhưng các nhân viên Mỹ biết tiếng Việt rành rọt thì rất thông thường vì đa số đều có một thời gian làm việc tại Việt Nam.

Cạnh lều tôi, có em một ông Tàu già bán cháo gà, tuổi chừng độ hai mươi, hai mươi mốt. Vì muốn được đi Mỹ theo điều kiện độc thân nên anh ta đã khai gian dưới mười tám tuổi, tính kỹ ra năm sanh là 1962. Anh học thuộc lòng và trước sau vẫn xác định là sanh vào ngày tháng đó. Bất ngờ anh được hỏi - ‘Sanh năm 1962 vậy tuổi con gì?’ Anh bạn tá hỏa tam tinh, miệng ập a ập úng, tính hoài không ra, không biết mình tuổi con trâu hay con dê? Những chuyện đầu đầu lòi đuôi như vậy nhiều lắm, đương nhiên người khai gian dối như vậy sẽ bị xù, phải xin đi nước khác.

Tôi hỏi Dân gì đó:

-Theo em thì tại sao bị bác đơn lại kêu là xù?

Dân trả lời:

-Khi mình đi đánh bài mà không muốn chơi nữa hay chia lộn bài gì đó, xóa bài để bỏ thì kêu là xù bài. Máy người chơi cờ bạc ưa nói gì đó...

-Hèn chi ở đây người ta hay dùng chữ này, đúng quá. Mình vô phái đoàn phỏng vấn để đi định cư y như chơi đánh bài, cũng có chuyện hên xui, gặp lúc tay cái không vui, xù bài thì tay con hết đường cạy gỡ....

Tư Trần Hưng Đạo nhìn tôi rồi nhìn Quách Linh Hoạt:

-Một bạn làm thầy giáo, một bạn làm sĩ quan, cũng có điều kiện để đi... còn tụi tôi tính đi tính lại không có được chút xíu nào hết, nước nào cũng xù thì kẹt dữ...

Sơn nói giỡn chơi:

-Thì lúc đó mình lên núi kiếm cây, đóng ghe trở về Việt Nam... làm một chuyến vượt biên ngược lại...

Tư Trần Hưng Đạo la lên:

-Thôi, đừng giỡn chớ bạn, tôi vượt biên một lần là tổn tới già, bây giờ mỗi lần thấy các ghe biển là sợ. Nói chi vừa tới bờ Việt Nam lại thấy một anh công an áo vàng nón cối đứng chờ...

Quách Linh Hoạt phân tách:

-Nếu bị Mỹ xù cũng còn có Canada và Úc. Hai nước này cũng không đòi hỏi điều kiện gì nhiều. Đời sống cũng dễ thở, chắc cũng có chỗ cho anh em mình. Canada mỗi tháng thu nhận năm trăm người, còn Úc thì tám trăm. Đặc biệt các cô độc thân và đi một mình thì dễ được cứu xét. Nói chung nước nào cũng ưa chọn thanh niên trai trẻ, những người còn đầy đủ năng lực làm việc. Những người già cả, bệnh họn thì khó khăn hơn. Nhưng vì nhân đạo nên cũng có nhiều nước nhận. Tôi thấy nhiều cụ già và người tàn tật được đi Pháp... Máy người này không còn lao động được mà chánh phủ phải nuôi dưỡng... cũng là một gánh nặng cho họ.

Anh nói tới đó, cả bọn ngồi im. Lòng nhân đạo nào cũng có giới hạn, tới mức nào đó thì tình thương sẽ không còn, chừng đó người tỵ nạn Việt Nam sẽ ra sao? Câu trả lời thiệt khó. Đêm chừng đã khuya, Quách Linh Hoạt và Dân gì đó phải đi đến điểm hẹn để nhận hàng, nên cả hai đứng dậy từ giã. Bóng tối nhạt nhòa. Tôi theo ra đứng ở cửa lều, từ trên

cao nhìn xuống thấy những lùm cây đen đũi. Hai người len lỏi đi dọc theo mé nước, trông nhỏ xíu cô đơn, chỉ phút chốc mất biệt trong bóng đen hun hút. Bất ngờ, tôi nghe tiếng còi tàu bệnh viện Ile de Lumière hụ lên từng hồi dài. Tiếng còi vang lên lạnh lẽo giữa biển trời đêm nghe có gì hồi hải, gấp rút. Các bạn trong lều cũng túa ra để nhìn. Út Trung mắt sáng nên thấy trước

-Ừa, ủa, chiếc tàu Pháp giờ này hụ còi tính đi đâu. Nó đang di chuyển từ từ...

Quả nhiên tôi thấy những ngọn đèn tàu di động. Đúng rồi, tàu đang đi. Mà tại sao lại đi ban đêm như tối nay? Tôi quay qua hỏi anh Tư.

Tư Trần Hưng Đạo đoán:

-Có lẽ nó thiếu nước uống hay thực phẩm, đi qua Trengganu để được tiếp tế, sáng mai trở về... Không phải về Pháp đâu, nếu không ở Bidong này nữa thì cũng phải thông báo từ giã chớ. Mới đến có vài tuần mà....

Tôi cũng nghĩ y như vậy nhưng không biết vì lẽ gì nó lại nhỏ neo đi. Chỉ trong phút chốc nó đã khuất sau ghềnh đá. Trên mặt biển đen ngòm, bây giờ không còn một bóng đèn nào. Xung quanh cầu tiếp liệu và dây nhà kho những tia đèn vàng vọt leo lét không đủ sức xuyên thủng màn đêm. Bidong ban ngày ồn ào nhưng ban đêm lạnh tanh. Đúng là trái ngược. Sơn cũng đã về. Tôi ở lại lều để ngủ. Tối nay có anh Tư và Út Trung...

Đến giữa khuya, trời bắt đầu nổi cơn giông. Rồi những giọt mưa nặng hạt rào rào trên nóc lều. Rồi gió lốc từng cơn. Lều vẫy mình kêu rảng rặc. Tôi nằm trên mặt sàn cây, lắng nghe tiếng gió ù ù tưởng như có đoàn xe bọc sắt hàng ngàn chiếc rầm rộ chạy bên vách. Biển bắt đầu nổi sóng gầm thét dữ dội như con cạp bị thương vùng vẫy lờng lộn. Gió điên cuồng thổi muốn vỡ tung nóc lều. Anh Tư nằm sát vách bị ướt, lăn lộn xích vô giữa để tránh những giọt nước bắn xuyên qua vách mùng. Gió dữ quá nếu cứ kéo dài thêm chút nữa, lều dám sập lăm. Bên trên những túi nước lớn đọng vũng trên nóc ny lông, chảy dội xuống ào ào, khiến ba đứa tôi phải cuộn vội mùng mền tránh dột. Một góc lều đã bị thổi tung. Tôi chạy lại đứng ôm gốc cột, tay nắm chặt mí bao ny lông dưng vách, miệng la oai oái:

-Coi chừng nóc lều bay mất...

Một phần nóc đã bị phá, gió thổi bay phần phật. Út Trung leo lên nắm được mí vải tri xuống. Anh Tư kiếm được một cây đòn dài, đứng phía dưới chống lên các túi nước đọng. Khối nước được đẩy lên cao chảy ra tràn hai bên, khiến các túi nước kế phòng to ra trũng xuống. Anh phải đẩy các túi nước kế tiếp tục.... Bidong bị cơn bão lớn đầu mùa mưa. Sóng dữ dội, đập muốn vỡ tung ghềnh đá. Các ghe Mã Lai nhỏ chở thực phẩm của Liên Hiệp Quốc bị dập dùi, tung vô cầu supply ầm ầm. Tiếng la hét của các thủy thủ vang lộng lộng trong gió. Các lều kế cận có chiếc đã bay mất nóc, có chiếc xiêu vẹo. Ào, một cơn lốc mạnh, nóc lều bị đứt dây bung ra bay dạt đâu mất. Ba anh em bị nước mưa chảy trên đầu trên cổ, ướt mem, lạnh ngắt, bèn chạy núp mưa ở lều phía sau. Chiếc này may mắn còn nguyên nhờ nép mình dưới một khối đá đồ sộ, hai bên có các lều vây quanh che kín. Cả một bầu trời ướt sũng nước, mưa to gió lớn như cơn hồng thủy. Bidong tưởng chừng như sắp bị mưa to gió lớn cuốn trôi. Mưa như trút nước giăng kín cửa lều, phía trước nước chảy thành dòng, cuộn cuộn như thác lũ.

Chiếc lều của anh Tư bây giờ chỉ còn cái sườn cây, kèo cột trơ vơ. Tôi bỗng chợt nhớ Dân gì đó với Quách Linh Hoạt, bèn kêu lên:

-Chết cha rồi, xui quá!

Tư Trần Hưng Đạo đứng nhìn mưa kể bên, tưởng tôi sợ cái lều bị hư nên nói:

-Cũng may nó bị thổi tróc nóc mà không sập. Để mai mua nóc, mua vách mình lợp lại...

Út Trung cũng nói:

-Để lằm, chỉ cần cột dây kềm thêm cho kỹ. Kỳ này mình cột thiệt chắc, để tôi làm cho... nếu có bão nữa thì yên chí, không thể nào đứt được.

Rồi Trung nói tiếp:

-Bão ở Bidong lớn quá, điệu này mấy ngàn cái lều đều bị bay nóc, cây cối gãy đổ, tàu bè hư hao. Hèn chi chiếc Ile de Lumière biết trước, nó dời qua núp bên kia đảo để tránh gió...

Biết hai bạn đã quên mất việc quan trọng hơn, tôi vội nói:

-Mưa gió, bão bùng như vậy. Dân gi đó với Quách Linh Hoạt kẹt giữa rừng núi làm sao xoay trở? Phải chi biết trước đừng đi...

Bên ngoài sấm sét chớp sáng lòe, nổ rách tung màn đêm thăm thẳm. Qua lằn chớp tôi thấy những sợi mưa bay ngang bay dọc và tưởng tượng ra ở dưới bãi Sang Đò lúc này, trong bóng đêm dày đặc như bung lầy mắt, một nhóm người lấm lũi khiêng vác những kiện hàng, âm thầm như những bóng ma len theo đường mòn, xuyên qua vách núi đá trơn trượt... Rồi gió, rồi mưa. Những dòng nước chảy xiết như thác, những cành cây gãy gục, những tảng đá nứt lăn xuống triền dốc... nước lạnh ướt đầm, gió buốt thấu xương...

Tôi lằm bằm:

-Thế nào thằng Dân gi đó cũng bịnh. Hồi chiều thấy nó ồm xác xơ, làm sao chịu đựng nổi cơn bão đầu mùa này!

Út Trung im lặng nhìn mưa ào ạt này giờ, cũng góp ý:

-Hy vọng là biển nổi sóng từ đầu hôm, mấy ghe buôn không chèo ra khơi được. Biết đâu Quách Linh Hoạt với Dân gi đó cũng đã trở về rồi... Hai người đi cũng khoảng chín mươi giờ, còn bão bắt đầu từ nửa đêm...

Nghe Trung nói tới đó, tôi bỗng giật mình. Dân gi đó với Quách Linh Hoạt đầu gi thì cũng ở trên bờ, vất vả cực khổ cách mấy cũng còn chịu được. Trong khi đó, các tay buôn lậu đang chèo ghe trên biển mà gặp sóng dữ thì nguy. Chiếc ghe nhỏ xíu như cái hòm cây sẽ bễ tung ra từng mảng... Đêm nay trong cơn bão bùng, bao nhiêu chiếc ghe buôn lậu Bidong gặp cơn nguy khốn cùng cực trên biển cả? Mười chiếc, hai mươi chiếc hay nhiều hơn nữa? Rồi số phận của những con người khốn khổ đó ra sao?

Gió vẫn còn thổi ào ào từng cơn nhưng đã dịu hơn lúc nãy. Mưa cũng đã dứt hột. Trời đêm lạnh teo ruột. Cũng may tôi mặc một cái áo vải dày. Chị chủ nhà lấy cho Út Trung mượn một cái áo khoác ka ki bận thêm cho ấm. Cây đèn cây nhỏ bằng ngón tay cái bị gió tạt, ngọn lửa cháy le lói chỉ chực tắt, một dòng sáp đỏ chảy tuôn thành đồng một bên, chừng một thời gian ngắn nữa nó sẽ tàn lụi... Người đàn bà ốm yếu quay trở về ngồi bên ánh đèn chập chờn tay chống bên mặt, hai đứa con nhỏ vẫn ngủ mê man. Đã năm sáu tháng nay chị trông đứng trông ngồi người người bà con bên Pháp gửi cho giấy bảo lãnh. Thơ đi thì có mà thơ về thì chưa. Một ngày chờ đợi ở Bidong là một ngày mòn mỏi. Chị sẽ còn phải chịu đựng bao lâu nữa... Niềm hy vọng mong manh như ngọn nến!

Đã ba giờ sáng, cơn bão đã qua, mưa gió bớt dần. Những sợi mưa bay li ti như bụi. Liệu không còn tiếp tục sửa chữa gì được căn lều tróc nóc, chúng tôi chia tay nhau kéo về



lều nhà. Trong ánh sáng lờ mờ, cả một bãi biển tan hoang xơ xác. Lều nào cũng bay mất nóc, cột kèo xiêu vẹo, đồ đạc vật dụng bay tứ tung vương vãi. Những thân dừa gãy đổ, nằm chắn ngang lối đi, tàu lá rụng nằm đầy trên cát. Tôi co ro đi len theo mé biển, toàn cảnh hoang vắng rợn người. Bidong báo hiệu mùa mưa bắt đầu bằng cơn bão lớn. Tôi về tới lều, may quá nhờ nằm ở vị trí khuất gió nên lều còn nguyên. Chỉ vài tiếng nữa là trời sắp sáng. Không biết giờ này Dân gì đó với Quách Linh Hoạt đã về tới nhà chưa? Sáng mai sớm phải ghé thăm hai bạn đó mới yên bụng. Vì đã quá giấc, tôi không ngủ được nữa, nằm trên mặt sàn cây lồi lõm, nghĩ ngợi miên man...

Xung quanh toàn là những chiếc lều mong manh, những con người khôn khổ nương tựa nhau mà sống. Bidong nắng lửa, mưa dầm. Bidong mưa gió âm âm như cơn hồng thủy. Nhưng gió bão của Bidong là do thời tiết đất trời, còn gió bão ở Việt Nam là bão của lòng người. Lòng người nham hiểm, tàn độc, tham lam như cơn bão dữ, tàn phá quê hương không một xót thương. Sau cơn hồng thủy ở quê hương tù ngục, người người vượt qua biển lớn bám vô đảo Bidong, như chum lều Tư Trần Hưng Đạo bám vô ghềnh đá cheo leo, để trông chờ vùng đất hứa. Nhưng niềm hy vọng vẫn còn xa biển biệt...

Người ty nạn Việt Nam phải còn chịu đựng bao nhiêu cơn bão thử thách nữa mới thấy được những tia sáng hy vọng le lói ở cuối chum mây?

#### **Chương 24:**

## ***TIẾNG SỐNG REO VUI***

Mới chừng bảy giờ sáng là tôi đã ba chum bốn căng vọt ra cầu tàu, đứng lóng nhóng ở dưới gốc dừa, mắt nhìn tuốt biển khơi để tìm coi có chiếc ghe nào đang trên đường ra đảo. Tôi cũng đâu biết hình dáng, màu sắc nó ra sao nhưng cứ chờ vì cái tin hấp dẫn được loan ra trên loa phóng thanh tối hôm qua. Sáng nay có phái đoàn Canada đến. Ở cầu tàu người đợi cũng đông nghẹt, đầu phải chỉ mình tôi. Mỗi lần hề có tin phái đoàn phỏng vấn đến thì toàn đảo như lên cơn sốt. Người ta xúm nhau bàn tán, theo dõi lo lắng, chuẩn bị và hồi hộp chờ đợi. Tin tức được loan báo qua hệ thống loa phóng thanh treo dọc theo các gốc dừa rải rác quanh khu vực định cư. Hôm đảo bị cơn bão đầu mùa, nhiều thân dừa gãy đổ khiến dây điện đứt tứ tung, toàn thể hệ thống phát thanh bị tê liệt. Không còn loa nào nói được nữa thì lấy gì để nghe, ai nấy có tai mà như điếc. Cả trại im lìm. Không nghe giọng oanh vàng của cô nhân viên léo néo hằng ngày, dân ty nạn buồn bã ra mặt. Làm sao để tìm kiếm thân nhân thất lạc, làm sao biết ngày giờ lãnh nước uống, lãnh thực phẩm, làm sao biết có thư từ phương xa và quan trọng nhất là làm sao biết tin tức của các phái đoàn phỏng vấn. Bỏ trễ một kỳ là phải chờ đợi thêm một khoảng thời gian chừng một hai tháng nữa. Có một anh vì không nghe loan báo giờ giấc đi phỏng vấn, đứng vào cái ngày quyết định số phận của thuyền nhân, anh ta vác chày, vác búa lang thang leo núi đốn củi. Đến chiều về, hay ra mọi sự lỡ làng hết, chỉ còn biết đấm ngực kêu trời!

Buổi sáng trời còn mát nước biển trong xanh. Trên bãi cát vàng còn dấu nước ướt ban đêm, dâng cao lên tận gốc dừa. Tôi ngó qua bên đất liền, thấy trời đất xa mù mù. Từ bên đó muốn qua tới đảo, phải mất hai ba tiếng đồng hồ trên biển. Không lẽ phái đoàn thức dậy lúc bốn năm giờ sáng, rồi còn điếm tâm cà phê cà pháo rền ràng. Tôi lằm nhằm tính,

họ đến đảo sớm nhất chắc cũng phải cỡ mười giờ, không thể sớm hơn. Nào ngờ mọi suy tính đều trật lất hết trơn. Chung quanh có tiếng xôn xao, rồi mọi người chỉ chỗ. Tôi rón rén, thấy tận đằng xa một chiếc ghe Mã sơn xanh đang phăng phăng tiến vô đảo. Thiết tình tôi chưa phân biệt được ghe chở tiếp liệu hay ghe phái đoàn. Có tiếng nói lớn của người bên cạnh:

-Ghe phái đoàn Canada bà con ơi, lá cờ trên cột buồm...

Vậy là đúng rồi, không cần phải nói thêm nữa tôi vội vã quay lưng đi về để báo tin cho ở nhà chuẩn bị. Phái đoàn tới đảo sớm quá, chưa tới tám giờ. Sao bữa nay ở khu chợ trời, người ta lại quá đông, đen nghệt cả đường xá. Tôi phải chen lấn mà đi, trong bụng hồi hộp hết sức, những chữ Canada, Canada, Canada vang vang trong đầu. Tự nhiên trong những ngày tháng ở đảo Pulau Bidong này, cái tên gọi Canada hình như có một sức thu hút mầu nhiệm, hề có ai nói đến nó, đầu đang làm gì tôi cũng rón rón chú ý lắng nghe. Có lần chợt thấy một thùng sữa bột mang nhãn hiệu của xứ này, tôi đứng ngậy người nhìn mê mẩn rồi tưởng tượng ra những cánh đồng cỏ phì nhiêu, từng đàn bò hàng ngàn con đang thong dong nhai cỏ... Đồi tôi và Canada từ hôm mở hồ sơ Cao Ủy bắt đầu gắn bó từ từ như có duyên nợ từ đâu kiếp trước. Hình như Đức Phật có lần đã nói: -tương lai mỗi người là do ý niệm tác thành. Không có ông trời nào rảnh rỗi mà sắp xếp vẽ vời định mạng cho từng cá nhân. Tương lai của mình là do chính mình định lấy. Mỗi người có một ý niệm về cuộc sống và cái ý niệm đó hướng dẫn tất cả mọi hành động. Do ý niệm mà chọn lựa, do chọn lựa mà hành động, rồi do hành động mà kết quả sẽ thành. Trông dưa thì được dưa, chớ hồng lẽ được đậu xanh hay đậu đỏ!

Mà tại sao tôi lại quyết định chọn Canada để định cư? Thiếu gì những nước khác giàu sang trù phú hơn, như Huê Kỳ chẳng hạn? Có rất nhiều lý do để giải thích nhưng lý do chánh đáng nhất là Canada thân nhận người tỵ nạn dễ dàng không đòi hỏi những điều kiện khó khăn như Mỹ hoặc Úc. Khi được nhận rồi thì đi rất lẹ không phải chờ đợi lâu lắc. Ở lại Bidong một ngày thì khổ thêm một ngày. Bởi vậy thiên hạ mới phải kêu trời mà đặt cho nó cái tên Buồn Lâu Bi Đất. Cũng có thể do một nguyên nhân xa lơ xa lắc nào đó khá mơ hồ. Như lời bàn cụ Diên, như lá xâm chùa Ông Bồn ở Bạc Liêu trước khi vượt biên mãi ám ảnh trong đầu, -‘Ông sẽ đi về phương Bắc sinh sống vất vả, ở đó khí hậu khắc nghiệt, tuyết đóng quanh năm, cỏ mọc vàng khè, tất cả đều đổi thay....’

Đi về một xứ phương Bắc để sinh sống thì là Canada chớ gì, đâu thể là Hoa Kỳ hay Úc Đại Lợi. Mấy nước Bắc Âu như Na Uy, Phần Lan, Đan Mạch phải chờ năm ba tháng mới có phái đoàn tới, mà người tỵ nạn được thân nhận cũng rất ít ỏi.

Tôi về tới lều hỏi mấy em ăn sáng cho xong, sửa soạn mặc quần áo vừa bước ra ngõ là tiếng loa phóng thanh đã kêu tên đi phỏng vấn. Lẹ thiệt! Bộ mấy nhân viên của phái đoàn Canada này không cần nghĩ ngợi gì hết, mới vừa tới đảo đã bắt tay vào làm việc ngay sao! Cả đám anh em tôi vừa được nghe kêu tới tên, mừng rỡ hồi hả đi ra hội trường. Tôi bất chợt tự nhiên có cảm giác như được Canada thân nhận, sung sướng nôn nao, trong bụng hồi hộp hết sức, hai chun bước đi thoăn thoắt, Duyên bông Bi đi theo muốn hực hơi. Trước cửa hội trường bây giờ là một rừng người xao động, di chuyển bao quanh lấy văn phòng hành chánh. Đông quá là đông. Ai cũng cố ngóng cổ nhìn tuốt vô bên trong, để tìm coi mấy nhân viên phái đoàn Canada mới tới, họ làm việc ở chỗ nào, mặt mũi hình dáng ra sao? Nào có thấy gì đâu, ở ngoài hành lang chỉ có mấy anh trật tự đứng canh chừng

ngó trước ngó sau. Nơi đây người ta cũng đang chen lấn, giành giật nhau để được vô trước. Tôi nắm lấy tay Duyên định tìm một chỗ trống để chen chun. Chợt một bàn tay lạ nắm tôi kéo lại, ngó xéo qua thì là Tư Trần Hưng Đạo. Chưa kịp chào hỏi, thì anh Tư đã nói:

-Chen lấn chi cho mất công, ghe mình chưa tới phiên, phải đợi lúc một giờ buổi chiều.

Tôi ngạc nhiên nói:

-Sao kỳ vậy, vừa mới đây loa phóng thanh kêu một danh sách lên phòng vẫn sáng nay có tên anh em tụi tôi rõ ràng mà.

Tư Trần Hưng Đạo cười hà hà:

-Thì cũng mới vừa đây nó đình chánh lại. Buổi sáng nay phái đoàn chỉ cứu xét những trường hợp khiếu nại kỳ trước, buổi chiều mới phỏng vấn những ghe mới tới như tụi mình.

Tôi hỏi lại:

-Vậy mà cứ lo chen lấn, tôi có nghe thấy gì đâu. Mà anh có nghe kỹ không?

Tư máy cày chưa kịp trả lời thì anh trưởng ban trật tự từ bên trong đi ra, tay cầm loa phóng thanh tự động loại nhỏ, loan báo chính thức tin tức phỏng vấn những người mới tới sẽ vào buổi chiều. Tôi thất vọng tiu nghỉu đi ra, đứng ngó quanh ngó quất đám đông lao xao một hồi, rồi cùng vợ con dắt díu, lủi thủi ra về. Cái xứ mơ ước Canada đây tuyết băng, giá lạnh đâu chưa thấy, chứ bây giờ Bidong nắng hoa vàng trước mắt, nắng nóng như muốn chui qua dép nướng phỏng da chun...

Trở về ăn cơm xong, tôi lại chuẩn bị để đi trở ra. Trời vào ban trưa nóng dữ dội. Tôi cầm cái quần dài đen giũ ra cho thoáng thơm, trong bụng ngao ngán hết sức. Hơi nóng hầm hập từ trên cao đổ xuống chưa gì mà mồ hôi đã chảy ướt lưng. Thôi bận cái quần được rồi, còn áo thì cầm tay khi nào tới nơi, bận vô cũng vừa. Duyên lựa cho Bi cái quần tây ngắn có dây treo trên vai, để thàng nhỏ ở trần cho mát. Đoạn đường trở ra hội trường giờ đây thưa thớt nên dễ đi, giữa trưa mọi người đều rút vô lều để trốn nóng, đâu có ai đủ can đảm đứng phơi đầu dưới ánh nắng chói chang miền nhiệt đới...

Tuy vậy nơi hội trường cũng đã chật ních người ta. Đám đông còn nhiều hơn buổi sáng. Tôi cứ tưởng tới giờ này là quá sớm nào ngờ lại khá trễ. Những người tới trước lũ lượt giành chỗ đứng sắp thành hàng dài. Hình như phái đoàn không nghỉ trưa và làm việc liên tục từ sáng cho tới giờ. Tôi, Duyên và mấy em bước vào hàng, làm cho cái đuôi chờ đợi dài thêm chút nữa. Bên ngoài hàng rào cây, đứng lố nhố những người ngoại cuộc, có thể họ chưa được phỏng vấn đợt này, có thể họ không chọn Canada mà là những xứ khác. Họ đến đây để coi chơi cho biết một cuộc phỏng vấn để đi đệ tam quốc gia là như thế nào. Vì trước sau gì cũng một ngày tới phiên mình. Tôi đưa mắt nhìn quanh thấy tụ tập ở góc sân là các bạn đi cùng ghe. Dân thủy thủ phục phịch trong chiếc áo sơ mi trắng cụt tay, bên cạnh là tài công Hốt đang nói chuyện cùng với Hủ Tiểu, tài công mặt rỗ. Quách Linh Hoạt đứng với Nhựt Bồn cùng A Sơn, A Tài, Tô Tỷ. Còn Út Trung và Sơn quơ tay với tôi cười cười, ý như muốn chúc may mắn. Tôi mong cho mau tới phiên, trong lòng cứ tin tưởng là mình sẽ được nhận. Không biết tại sao tôi lại lạc quan như vậy?

Rốt cuộc rồi cũng tới. Tôi và Duyên bồng Bi bước vô. Đứng ngoài nắng khá lâu ánh nắng chói chang lóa mắt nên khi bước vô trong mát, tôi thấy bốn bên tối sầm. Phải mất một lúc sau mới thấy rõ lại. Trong phòng có hai nhân viên người Canada phụ trách việc

phòng vấn, ngồi ở hai bàn giấy cách xa nhau chừng ba thước. Một ông mập mập tuổi chác đã già và một ông ốm cao còn trẻ. Tôi được hướng dẫn đến bàn ông già. Thôi vậy là số phận mình do ông già mập này định đoạt. Người ông to lớn, đồ sộ, cái ghé hình như quá nhỏ, dáng ngồi coi không thoải mái. Không biết nhờ đâu ông có được cây quạt bằng lá cọ, tay cầm quạt liên hồi. Chiếc áo sơ mi trắng được mở phanh ngực, mồ hôi nhỏ giọt, cả người ông từ mặt mày tới ngực, tới tay, ướt đẫm như vừa từ trong hồ nước bước ra. Ông vừa quạt vừa thở, làn da đỏ ửng sần sùi như da gà tây, hơi thở phì phò. Dãy nhà hội trường này lại được lợp bằng tôn dợn sóng nên hơi nóng từ trên mái thập hắt xuống như trong cái lò nung. Trong phái đoàn phỏng vấn gồm có nhân viên an ninh, thợ kỹ hành chánh, người thông dịch, còn có ban quản trị trại và một số đồng nhân viên Việt Nam... Nội bao nhiêu đó người cũng đã ngộp thở, nói chi thêm số người vào ra phỏng vấn, mỗi lần vô là nguyên cả gia đình. Mà gia đình của Việt Nam mình thì phải biết là nhiều lắm. Con nít sao đông quá là đông. Những anh trật tự an ninh lo chạy tới chạy lui, không kịp thở. Cô thông dịch viên người Việt lai Tàu hỏi tôi:

-Anh chị có cần thông dịch không?

Cô nói tiếng Việt rất rõ và rành rọt nhưng nét mặt này phải là Tàu nhiều hơn. Đôi mắt nhỏ, dài và xếch, tóc đen nhánh và còn rất trẻ. Chắc cô gốc học sinh trường Pháp hay Anh gì đó.

Tôi trả lời:

-Dạ, tôi nói được chút ít nếu có gì không hiểu thì nhờ cô giúp dùm!

Cô nói líu lo một tràng với ông già mập. Ông nghe với đôi tai lơ đãng, mắt chăm chú đọc hồ sơ của vợ chồng tôi. Trời! Sao ông già này ít nói quá vậy, tôi đâm lo, người nào ít nói thì khó tánh, mà nếu khó tánh thì mình có thể bị ổng xù. Mà hề bị xù thì phải chờ đợi lâu lắm để được đi xứ khác. Tôi không biết khi đọc qua cái lý lịch sơ sài của tôi, ông nghĩ gì trong đầu, chấp nhận hay không? Đâu có gì rắc rối, tôi chỉ xin qua Canada làm một người thợ, trong mẫu đơn xin, điều ước vọng tôi ghi rõ ràng 'new worker' thợ thủ công mới tuyển.

Một hồi ông ngược mặt lên nhìn tôi, dáng hiền lành, hỏi bằng tiếng Pháp giọng lơ lớ khó nghe:

-Ông nói tiếng Pháp hay tiếng Anh?

Tôi mừng quá, trả lời:

-Thưa ông, tôi nói tiếng Pháp, không biết tiếng Anh.

Tới đây tôi không biết nói gì nữa, nên im.

Ông ta nhìn tôi cười:

-Tôi thì chỉ biết tiếng Anh không biết tiếng Pháp. Chắc ông cũng biết chút đỉnh tiếng Anh?

Tôi rần biểu diễn vài câu còn nhớ lỏm bỏm hồi còn học trong cuốn *Anglais vivant* mấy chục năm về trước, hầu như đã rơi rụng đâu mất hết:

-Dạ, tôi có thể bập bẹ nói vài câu thông thường trong cuộc sống hằng ngày... Nếu được đi học lại, tôi có thể nói khá hơn...

Thấy ông già ngồi im, quạt phành phạch tôi lo quá, nói tiếp một câu lảng xẹt:

-Trường hợp đi lạc, tôi có thể hỏi đường để trở về nhà được...

Ông ta ngừng quạt, mặt đỏ như lò lửa hơi thở như muốn hụt, rần nói chậm chậm giọng nhỏ lại:

-Ông nói tiếng Anh như tôi nói tiếng Pháp...

Rồi không nói gì thêm, ông ta cầm nguyên xấp hồ sơ dở dang trên bàn đưa cho tôi, tay chỉ ra ngoài cửa. Tôi không biết gì hết, tại sao ông ta lại đưa mấy cái tờ giấy này rồi lại kêu đi ra ngoài. Cho hay không cho? Sao kỳ cục vậy? Mấy người vô trước khi bước ra khỏi cửa thì biết liền kết quả được hay không được. Còn tình trạng của tôi bây giờ thì không biết ra sao nữa? Tấm thẻ xanh Cao Ủy Liên Hiệp Quốc cầm trên tay mờ nhạt, mắt tôi hoa lên không còn thấy được chữ nào trong đó hết. Cô thông dịch cầm đưa cho ông ta một cái khăn nhỏ nhúng nước, ông đón lấy, xấp đôi lại rồi đắp lên trán. Cô ta quay qua nói nhỏ bằng tiếng Việt:

-Ông nhận anh chị rồi đó, anh chị ra ngoài một chút xíu rồi vô trở lại.

Tôi đứng dậy cùng vợ con đi ra, đứng ngoài ngạch cửa, trong bụng phân vân. Ông già mập này kỳ cục thiệt. Nhận thì nhận, không nhận thì xù, sao lại nữa chừng kêu ra ngoài này làm gì? Rồi mình phải đứng đây bao lâu nữa?

Bên ngoài vòng rào Tư Trần Hưng Đạo, Út Trung làm dấu quơ tay để hỏi. Ai cũng thắc mắc trường hợp của tôi. Tôi đưa hai tay lên cao nữa chừng rồi lắc đầu. Buổi trưa đông người chen lấn, ngoài sân cát bụi mịt mù. Tôi đứng sững bên gốc cột, không còn biết nóng lạnh gì nữa hết. Bên bàn ông ồm, hai cô em gái đã được nhận, mặt mày hí hửng, nắm tay nhau cười nói ríu rít đi ra, gặp tôi ở ngạch cửa:

-Tụi em đã được nhận rồi, còn anh chị thì sao?

-Anh không biết, ông không nói gì hết đưa cho xấp giấy này rồi kêu đứng đây chờ...

Cô em út chỉ vô trong, cũng bàn ông ồm:

-Anh Tiến với chị Tuyết đang được phỏng vấn kia, chắc cũng được chấp nhận vì cô thông dịch viên là bạn học ở Y khoa.

Tôi ngó vô thấy hai em đang nói chuyện với ông ồm, dáng điệu thoải mái, cười nói vui vẻ. Tụi nhỏ này lạnh lẽo thiệt, còn mình chậm lụt quá, chuyện gì cũng rắc rối khó khăn. Rồi một hồi sau, ông ồm vừa nói chuyện vừa cầm xấp giấy ký lia lịa. Tôi quay qua Duyên:

-Hai đứa nó cũng được nhận rồi kia kìa, tụi em cũng được đi Canada hết, còn vợ chồng mình xui xẻo, gặp ông già kỳ cục, không biết ra sao nữa đây?

Bên trong ông mập đã làm việc trở lại, tôi chuẩn bị để vô. Nhưng một người đã vô trước. Cuộc phỏng vấn ngắn ngủi, ông ta ký tên chấp nhận, người được nhận vừa đứng lên, tôi chưa kịp bước vào trong thì đã có một người khác từ đâu không biết, len giành ngò vào ghế. Thôi đành chờ! Một người xong rồi tới người khác.. Rồi người khác xong, lại tới người khác nữa. Tôi lo lắng hết sức, cứ điệu này làm sao tới phiên? Người ta đã tràn ngập, mạnh ai nấy chen lấn. Tôi để ý theo dõi, hình như những người được vô đều do các anh em trật tự sắp xếp, chắc những người đó là bà con thân nhân của họ, nên được vô một cách dễ dàng. Tôi chen không lại nữa. Mỗi lần thấy một người được chấp nhận đi ra, mặt mày hí hửng, lòng tôi nóng như lửa đốt, trong bụng tự hỏi chừng nào mới tới phiên mình? Mặt trời đã nghiêng xuống từ từ, trời sắp về chiều, chỉ còn một tiếng đồng hồ nữa là phái đoàn ra về. Họ chỉ làm việc ngày hôm nay rồi phải chờ đúng một tháng sau mới đến nữa. Làm sao bây giờ? Chỉ còn một tiếng đồng hồ ngắn ngủi, nếu hỏi lẽ lắm chỉ được chừng bốn, năm người nữa thôi. Tôi nhìn lại số người vây quanh, họ đông cả hai ba chục gia đình... Tôi quính quáng. Phải tìm cách chun vô trở lại, trước giờ về của phái đoàn, nếu không thì kẹt lắm. Rồi Bidong trễ một ngày là khổ cực thêm một ngày.

Bồng Duyên nắm lấy tay tôi nói:

-Thằng Dân gì đó cũng được nhận rồi kìa.

Tôi chợt nhìn theo tay chỉ, Dân gì đó nhăn răng vàng cười khi khi, từ trong phòng lều khều đi ra. Cái thằng coi vậy mà số đỏ. Bữa nay ngày trọng đại, nó không còn bận cái áo kaki cũ xì nữa mà khoác một cái áo sơ mi xanh lơ, cái quần màu vàng coi cũng khá đẹp trai. Tôi nắm lấy tay nó:

-Dân được nhận rồi hả?

Nó trả lời mặt tươi rói:

-Ừa, ừa, ông ký tên cho đi gì đó rồi. Em run quá, tiếng Việt mà em cũng nói không được gì đó....

Tôi tức mình, thằng Dân gì đó tiếng Tây không biết, tiếng Anh không biết, luôn cả tiếng Việt cũng... dám không biết. Vậy mà ông già mập lại ký tên cho đi liền, còn mình... đầu sao cũng khá hơn nó một chút, mà phải đứng đây chờ trên cả giờ rồi, cũng chưa biết là được hay không?

Tôi nhìn nổi sung sướng hiện lên trên mặt nó mà đâm phát khùng. Lại thêm một người nữa được nhận, chạy tuôn ào ra mừng rỡ la hét vang rân. Tôi chết điếng. Bóng nắng đã chiếu xiêng khiến bóng đợt dừa ngã xấp xuống vách lều bên hông trại. Đúng sáu giờ, phái đoàn sẽ lên ghe để về bên Trengganu... một tháng sau mới trở qua. Phải chỉ một hai tuần cũng rán đợi được, một tháng là ba mươi ngày, lâu quá!

Dân nó cười hi hi một hồi rồi mới hỏi vợ chồng tôi:

-Chắc anh chị cũng được Canada nhận gì đó?

Tôi phát đỏ cộc ngang xương:

-Nhận cái khi khô, khi không đưa cho mấy tờ giấy nầy rồi biểu ra đứng ngoài nầy chờ, chờ hoài, bây giờ muốn trở vô lại không được. Còn một tiếng đồng hồ, ai cũng sợ trễ nên chen lấn dữ quá, anh chị có cháu nên giành không lại.

Dân gì đó không cười nữa, nhìn tôi:

-Vậy mà hồi nầy tới giờ anh không nói gì hết, em đâu có biết. Để em nói cho anh vô gì đó.

Nghe Dân gì đó vừa nói xong, tôi vừa mừng vừa ngạc nhiên:

-Làm sao mà vô được, em biết cách gì giúp anh chị với, em quen với ai vậy?

Dân gì đó trấn an tôi:

-Để ợt, tưởng chuyện gì khó em làm không được, chớ chuyện vô phái đoàn gì đó em làm cho anh coi.

Trời, thằng này ngon lành thiệt. Đã mấy tiếng đồng hồ rồi, tôi muốn điên lên vì chờ đợi, nghĩ hoài không ra cách nào để giải quyết. Nó mới vừa nghe xong, nói dễ như chuyện giỡn chơi. Nhưng Dân gì đó đâu có giỡn chơi. Nó vừa nói vừa đi trở vô trong, không đầy năm phút sau nó cùng anh trưởng ban trật tự bước ra kiếm tôi. Anh chào tôi và nói:

-Mình chờ cho người nầy vừa được phỏng vấn xong là tôi đưa anh chị vô.

Tôi cảm ơn anh ta và hỏi:

-Anh trưởng ban và Dân có quen nhau?

Anh nói:

-Tôi và Dân có lần đi buôn chung nhau nên quen biết. Hồi nầy tôi dắt nó vô đó, tiếc quá, vì tôi không biết nên để anh chị phải chờ.. Đợt rồi, không ai chịu đi Canada hết, đợt

này lại ghi tên quá đông nên phải chen lấn...

Tôi mừng hết sức và chột cảm thấy mình... dờ ẹt. Chuyện dễ như trở bàn tay. Dân gì đó làm cái một, trong khi tôi loay hoay hoài mà không biết phải giải quyết phải ra sao. Tôi tin sau khi định cư, lăn lộn vào cuộc sống Dân gì đó sẽ thành công hơn tôi xa lắm. Những đứa trẻ nhà nghèo, từ nhỏ phải đối phó với muôn vàn khó khăn trong cuộc mưu sinh, trở nên tháo vác, khôn ngoan hơn những đứa sống trong vòng tay thương yêu đùm bọc của mẹ cha cùng với tất cả những tiện nghi đầy đủ. Nói như vậy để tự biện hộ cho những cái dờ của tôi, chứ thiệt ra cũng có những người xuất thân từ những gia đình giàu có, sang trọng mà cũng khôn ngoan, lanh lợi dằng trời!

Cuối cùng rồi tôi cũng gặp lại ông mập. Trời đã về chiều, khi hậu trở nên dễ chịu hơn, mặt ông ta bớt đỏ. Mồ hôi cũng không còn tươm ra như lúc ban trưa. Khi tôi đưa xấp giấy trở lại ông cầm lấy, không nói thêm tiếng nào, cầm đầu ký tên hết tờ này đến tờ khác. Ông cầm viết tay trái, bàn tay to như nải chuối sứt, cầm cây viết quay ngược hý hoáy một hồi lâu. Tôi vốn là thầy giáo, thấy cách cầm viết của ông thiệt là ngược ngạo, trong bụng nghĩ thầm làm sao mà ông ta viết được, cũng may là ông ta không đi học ở Việt Nam, nếu có thì thế nào cũng... bị đòn! Tôi lén nhìn qua Duyên thấy mắt nàng sáng lên. Nàng ngó tôi cười. Tôi rất mừng Như vậy là ông ta đã nhận tôi và vợ con vào Canada. Trong thoáng chốc tất cả lo âu từ trước tới giờ tiêu tan hết. Trong tôi chỉ còn một nỗi vui sướng chất ngất. Vậy là tôi được Canada nhận rồi. Mọi khó khăn đã chấm dứt. Bây giờ chỉ còn chờ ngày rời đảo nữa thôi.

Xấp giấy đã được ký xong, ông mới ngẩng đầu lên nhìn tôi nói:

-Ông bà và cháu bé đã được thu nhận định cư ở Canada. Ông ký tên vào các tờ giấy này.

Ông đẩy xấp giấy qua cho tôi. Tôi ký một hơi bốn, năm tờ gì đó, không kịp đọc qua coi mình đã ký những gì. Khi mọi thủ tục xong xuôi, ông ta nhìn Bi ngơ ngác đôi mắt thỏ, buột miệng khen cậu bé to con và đẹp trai. Tôi cảm ơn ông đã giúp đỡ cho vợ chồng tôi và ngõ ý sung sướng được định cư ở đất nước của ông. Tự nhiên tôi cảm thấy ông già mập này dễ thương hết sức! Trước khi bước qua bàn kê bên để điều tra chánh trị, ông ta hỏi tôi ở Việt Nam làm nghề gì. Nghe tôi trả lời, ông lắc đầu an ủi - 'Vậy là phải đổi nghề khác rồi'. Ông đưa tay từ giã và chúc may mắn. Lòng tôi vui như mở hội. Tôi đứng dậy cùng Duyên bước qua bàn kê. Người hỏi mới còn trẻ, dáng nghiêm nghị, nói tiếng Pháp, chỉ hỏi có một câu:

-Trong thời gian làm giáo sư, ông có dạy học cho Cộng sản không?

Tôi trả lời liền - 'Không có'. Ông ta đưa tôi ký thêm vài tờ nữa trong đó có giấy khám sức khỏe. Mọi việc xong xuôi, tôi bước ra ngoài, bước đi nhẹ như bông gòn. Ôi! nắng chiều Bidong sao mà đẹp quá vậy! Một nỗi sung sướng tràn ngập đầy ứ trong tim, trong phổi. Tôi vừa đi vừa tưởng tượng vùng đất Canada lạ lùng mà tôi sắp được đến. Một tương lai mới tinh mở ra trước mắt và mọi sự phải bắt đầu trở lại từ con số không.

Tôi bước ra cửa đưa mắt nhìn ra ngoài. Ở nhà chờ đợi dựa vòng rào, các bạn bè nhón nháo dòm vào để nghiên cứu tình hình, bàn tán xôn xao. Tôi thấy anh chị Tư Trần Hưng Đạo, Sơn, Út Trung, Chị Điệp, chị Kiều, Tô Tỷ và các anh em đang trông ngóng đợi tôi ra. Dân gì đó đi cạnh tôi, nói cười luôn miệng. Sơn chạy tới hỏi:

-Ông thầy được nhận chưa, bị cái gì rắc rối mà lâu quá vậy?  
Tôi đưa tay chào Sơn chưa kịp trả lời thì Dân gì đó đã vọt miệng:  
-Tôi được nhận gì đó, còn ông thầy giáo bị xù rồi.  
Tur Trần Hưng Đạo nói:  
-Mày xù ổng chó phải đoàn Canada đâu có xù....  
Dân gì đó ngênh mặt lên hỏi:  
-Ừ, ừ, tại sao anh biết ổng được Canada nhận gì đó?  
-Ông thầy bị xù tại sao trong tay bà thầy lại cầm hai tấm giấy khám sức khỏe nè!  
Dân gì đó bị lật tẩy cười hi hi... Cả đám bạn bè bu quanh tôi mừng rỡ hỏi thăm lảng xãng. Các em Mai, Lan hỏi:  
-Anh được nhận đi tỉnh nào?  
Nghe hỏi tôi chột chùng hừng:  
-Anh biết nó nhận, mừng quá quên hỏi coi đi đâu... mà thầy kệ chỗ nào cũng được.  
Lan nói:  
-Em với chị Mai, chị Tuyết, anh Tiến được đi Ottawa.  
-Hình như Ottawa là thủ đô của Canada phải không, vùng đó nói tiếng Anh mà.  
-Ừ, khi vô phỏng vấn tụi em trả lời bằng tiếng Anh.  
Tôi chột nghĩ ra:  
-Thôi rồi, chắc là anh không được đi Ottawa với tụi em rồi, hồi nãy anh trả lời bằng tiếng Pháp. Làm sao bây giờ, ở Canada chỉ có tỉnh Québec nói tiếng Pháp thôi. Mà Québec xa Ottawa mấy trăm cây số... làm sao mà gặp nhau được?

Tur Trần Hưng Đạo nghe anh em tôi đối đáp, xen vô:  
-Hơi đâu mà lo, miễn là đi được. Còn việc thăm viếng nhau thì lâu lâu để dành tiền mua vé xe đò, gặp nhau mấy hồi. Ở xứ tự do mà, đâu cần phải xin giấy phép công an khu vực, với phường khóm, xã, huyện, gì...  
Tôi đứng xuội lơ cứ tưởng hễ được đi Canada thì anh em sẽ được ở chung nhau nè đâu lại có chuyện đưa ở tỉnh này, đưa ở tỉnh kia. Phải chi biết như vậy, khi mở hồ sơ Cao Ủy đừng khai riêng rẽ ra làm chi.  
Đề chọc tôi, Tur Trần Hưng Đạo nói tiếp:  
-... có điều các cô được ở thủ đô lớn sang trọng, còn bồ thì ở tỉnh lỵ xa xôi, cũng như người ở Sài Gòn, người ở Bạc Liêu, Cà Mau vậy.  
Tôi cười trả lời anh:  
-Tôi lo là anh em xa nhau, chó chuyện ở thành phố lớn với thành phố nhỏ, quê mùa, đâu có gì quan trọng. Cái quan trọng là tổ chức cuộc sống mới sao cho thích hợp... sao cho có ý nghĩa... Chuyện giàu nghèo sang hèn tôi không để ý tới, mình đi tỵ nạn mà!

Tur Trần Hưng Đạo cười ha hả, ôm lấy vai tôi. Cả đám kéo nhau ra về. Con đường dọc theo mé biển, cát trắng nước xanh. Buổi chiều êm ả, lòng tôi lâng lâng theo từng đợt sóng rạt rào. Những sáng vất vả gian nan, những chiều đợi chờ mòn mỏi... chỉ trong một cuộc phỏng vấn ngắn ngủi, tất cả tan biến như bọt sóng. Đại dương nào chứa hết niềm vui...

## **Chương 25:**



## ***MỘT BÀI THƠ CHO BIDONG***

Bidong sáng nay thức giấc thật sớm. Nắng chưa lên đảo đã rộn ràng. Trời mới vừa tờ mờ sáng là anh em chúng tôi đã sắp xếp thu gọn đầu vào đó, xong xuôi lục tục tay xách tay mang, ríu rít kéo nhau về phía cầu tàu. Hôm nay là ngày tôi rời đảo, cái ngày trọng đại mà người ty nạn Việt Nam nào cũng ước ao mong đợi. Như con chim bị nhốt chặt trong lồng sắp được đem đi thả, tôi nhìn khoảng trời cao biển rộng, cảm thấy như hai chun sắp mọc cánh. Những vật dụng không cần thiết được bỏ lại bót, tôi cầm cái xách tay nhỏ nhẹ thênh thênh, lòng đầy tràn niềm vui háo hức. Mùi muối biển mặn nồng lẫn trong không khí trong lành khiến tôi sáng khoái. Con đường cát trắng ven theo mé biển để ra cầu tàu, đẹp đẽ dễ thương hết sức. Mà đâu phải Bidong sáng nay, chỉ có con đường này dễ thương. Bidong còn có những núi đá chênh vênh hùng vĩ, những rừng cây cao san sát, những tàn dừa xanh mát, những nhánh bàng gie như chiếc dù, những dãy lều chen chúc, những đợt sóng nhấp nhô, những đám mây trôi xô dạt.... Bidong trong tôi còn có anh chị Tư Trần Hưng Đạo, Dân, Cương thủy thủ, Dân gì đó, Út Trung, Sơn, Quách Linh Hoạt, anh chị Thuần, chị Kiều, chị Huệ, Tô Tỳ, Hủ Tiểu, Xám Mã Chải, ... tất cả đều rất dễ thương.

Tôi ngoái mắt nhìn lại lần cuối cái lều cheo leo tôi đã nương tựa trong những ngày qua. Lều nằm khuất trong con hẻm hẹp tẻ. Một dải nước dơ xanh mốc rong rêu chảy len dưới cầu thang. Đống củi vụn lượm trên núi mấy tuần trước xài còn phân nửa, bấy nhiêu đó chắc cũng đủ cho Chiêu dùng để chờ cho tới ngày được đi Mỹ. Một chiều nào tôi đến, rồi để sáng này tôi đi! Trong niềm vui sướng, bất chợt tôi bịn rịn ngậm ngùi. Chiêu đi sát bên tôi, tay ôm dùm một gói nhỏ, nói:

-Em ở lại có một mình, điều này phải năn nỉ Sơn hay Út Trung đến ở chung cho vui.

Tôi nghe nói cảm động:

-Nhưng Sơn có bồ rồi, không dễ gì rủ hấn, Út Trung thì chắc được... Ở đây có một mình buồn lắm!

Chiêu vốn ít nói nếu không có bạn bè đông vui thì cái lều này chắc trở thành cái chùa! Nó thiệt xui, hôm phái đoàn Canada phỏng vấn, trả lời trật vuột sao đó nên bị xù, đành phải chờ để đợi phái đoàn Mỹ, nếu may mắn được nhận thì sớm lắm cũng phải năm, bảy tháng nữa mới rời đảo được. Tôi đề nghị:

-Hay là em kiếm người, bán cái lều kiếm chút đỉnh tiền xài đỡ qua ngày... rồi dọn hết qua bên Út Trung, ở chung cho có bạn?

Chiêu trầm ngâm một hồi, rồi nói:

-Anh tính vậy cũng được, để thủng thỉnh em lo...

Nó trả lời, giọng buồn buồn. Tôi nhìn thấy cặp mắt háp háy sau mặt kiếng dày cộm. Đầu cúi xuống, nó lảng lảng đi không nói tiếng nào. Buổi sáng nước thủy triều dâng cao, những lượn sóng lớn đánh tràn lên gần sát bờ đất, làm ướt đầm làn cát trắng phẳng lì, xóa hết những dấu vết rác rưởi của ngày qua. Giờ này khu chợ trời còn vắng tanh, không khí im mát nhờ chút hơi lạnh ban đêm còn sót lại. Mấy đứa em vui mừng trò chuyện líu lo như chim, tiếng bước chun hối hả nghe rào rào trên mặt đường. Tụi nhỏ đi lẹ quá, tôi và Chiêu bị lọt tuất ra đằng sau.

Nơi làm thủ tục rời đảo ở bên hông trạm cảnh sát Mã Lai, cạnh cầu tàu. Có vài cái bàn được kê dưới tàn dứa, dùng để dò danh sách và kiểm soát giấy tờ người đi. Mới giờ này mà người ta đông nghẹt. Mọi người đứng bên nhau trò chuyện nhẩn nhai, dạn dỏ, tạo thành một hoạt cảnh rộn ràng. Tôi gặp lại hầu hết những bộ mặt thân yêu cùng đi chung chiếc BL 1648, họ vây quanh từ già. Trong niềm vui của một hy vọng mới tinh khôi có xen lẫn nỗi sầu ly biệt. Cho nên trên những khuôn mặt quen thuộc, tôi thoáng thấy nét u ám ngậm ngùi. Chị Kiều bỗng bé Xuân Lan từ xa, tất tả chạy lại đưa tặng Duyên mấy gói mì Cary Koka để dành ăn đi đường. Chị Tư Trần Hưng Đạo cho Bi hai trái bôm. Út Trung đưa hai mươi đồng nhờ đánh điện tín cho một người bà con ở Longueuil Québec. Trong túi áo, túi quần tôi đầy nhóc thư từ của bạn bè nhờ gửi dùm cho thân nhân.

Chị Diệp dẫn Trung, Dung cũng vừa tới. Bữa nay Trung bận áo đảng hoàng, cũng đã hết sún răng. Lúc anh tôi bị bắt, tụi nó còn nhỏ xíu làm sao nhớ được, biết bao giờ cha con mới gặp lại nhau. Nhớ ngày nào mới đây, cha mẹ, anh em, vợ con, quây quần xum họp đông vui, chỉ một phút đất nước đổi thay, tất cả đều tan biến hết, kẻ góc biển người chum mây, không ai biết được tương lai như thế nào!

Tôi cúi xuống ôm lấy hai đứa nhỏ dạn dỏ:

-Chú Tư với Bi đi Canada, hai con với mẹ ở lại, mai một qua Mỹ với dì Tư.. Ở đảo con phải cẩn thận nghe hôn, không được đi chơi xa, leo trèo trên rừng trên núi, khi nào đi tắm ngoài biển thì phải đi chung với mẹ hoặc cậu Bích...

Thằng nhỏ đã hiểu được cuộc chia tay sắp xảy ra ngoan ngoãn gật đầu, đứng im mặt buồn hiu, khác hẳn thường lệ. Đến giây phút này tôi đâm hồi hạn, tại sao lại xin đi Canada để phải xa cách hết thân nhân bạn bè như vậy. Chị Diệp, vợ chồng Bích, anh chị Tư Trần Hưng Đạo, anh chị Thuần, vợ chồng Quách Linh Hoạt, Sơn, Út Trung, Tô Ty, Xám Mã Chải, vợ chồng Liêu Thạnh... tất cả đều kiên nhẫn chờ đợi để được đi Mỹ. Phải chi tôi cũng xin đi Mỹ! Nếu được nhận thì một ngày nào đó rời đảo cả đám, vui biết bao nhiêu! Cảnh kẻ ở người đi, lúc nào cũng buồn! Ở đời có nhiều việc xảy ra bất ngờ, mình không thể thấy trước. Hơn nữa nhiều khi, cách tôi giải quyết vấn đề cũng thường... không giống ai! Vì vậy mà cứ hết hồi tiếc này đến hồi tiếc khác, hèn chi cả một đời lận đận!

Cuộc điếm danh đã hoàn tất. Dòng người lũ lượt di chuyển dọc theo bờ cát đầy rác rến để ra cầu tàu. Thân nhân cùng bạn bè cố chen lấn đi theo một đoạn đường dài để nắm nuối tiễn đưa. Có xa cách mới biết quý những lúc gần nhau. Hàng dứa đứng lặng lẽ, những tàu lá xanh mướt lao xao trong gió như muốn từ biệt lần chót những thuyền nhân may mắn. Cảnh Bidong sáng nay khác hẳn bên Tầm Dương hiu hắt hơi thu ngàn năm trước. Ở đây chỉ có nắng và gió, không dễ gì kiếm cho ra được *-phong diệp dịch hoa, thu sắt sắt\**, vậy mà tôi cứ nghe tê tái bồi hồi trong từng bước đi!

Bây giờ, vây quanh tôi là những người bạn một thời gắn bó, gặp nhau trong cảnh lận đận quay cuồng, rồi tất cả sẽ phân tán ra bốn hướng như những cánh chim bay. Cảnh biệt ly thì dầu hoàn cảnh nào cũng đều đứt ruột! Biết rằng giây

phút thật sự xa nhau sắp bắt đầu, tôi cố ngoái lại nhìn thật kỹ lần chót những khuôn mặt bạn bè thân thương, những người bạn đã một thời sát cánh cùng nhau chia xẻ những gian lao lẫn ngọt bùi ở miền đất lạ. Tuy biết trước sau gì cũng mỗi người mỗi ngã, nào ngờ phút giây chia tay lại đến quá sớm. Tôi nắm chặt lấy tay anh Tư Trần Hưng Đạo định nói câu từ già, nào ngờ cái cảm xúc dâng lên như một luồng điện mạnh chạy khắp châu thân, tự dưng tôi run rẩy nghẹn ngào:

-Anh Tư... tội mình đành phải xa nhau rồi!

Tôi ngược nhìn mặt Tư Máy cày, thấy mờ mờ, không rõ hình thù gì cả. Nước mắt đã ứa, chực trào ra khóe. Tôi cố gắng nín thở để dẫn cơn xúc động. Không, tôi không khóc, không thể khóc giữa đám đông như đứa con nít. Tôi là người lớn mà. Tôi làm bộ ngược nhìn đọt dừa, cố nuốt dòng lệ nghẹn ở cổ cho chạy ngược vô trong. Xung quanh đã có tiếng đàn bà khóc. Những câu mếu máo già từ, những lời tiễn đưa nhau nhiều nước mắt. Tư Trần Hưng Đạo cũng cảm động nói:

-Chú thím qua bên... mạnh giỏi!

Út Trung cùng Sơn bước theo dặn dò:

-Ông thầy nhớ gởi thơ về cho tụi này...

Tôi không thể nói thêm được tiếng nào nữa hết, đành nhìn hai bạn mà gật đầu. Hình ảnh những đoạn đường đã trải qua chợt biến chợt hiện, những ngày chờ đợi ở Bạc Liêu, đêm già từ Cà Mau, cảnh đói khát ở Kapas. cuộc sống gian khổ ở Bidong... tất cả cùng chung kỷ niệm, cùng chung sống chết. Vậy mà giờ đây tôi được sung sướng, còn các bạn ở lại, tiếp tục kéo lê chuỗi ngày gian khổ. Tôi còn lòng dạ nào nghĩ tới niềm vui sẽ tới. Rồi đây các bạn ở lại Bidong sẽ như thế nào? Quách Linh Hoạt còn còng lưng vác những thùng hàng nặng nề vượt qua những vách đá cheo leo trong đêm hôm khuya khoác bao lâu nữa? Út Trung, Sơn, Tô Tỳ, Xám Mã Chải... phải lặn lội leo núi đôn củi, chen lẩn xách nước, sắp hàng trên cát nóng như thiêu như đốt để lãnh thực phẩm bao nhiêu phen! Bidong vui ít, buồn nhiều. Da người ty nạn sẽ mốc đen vì nắng cháy mưa dầm, tay chum trầy xước vì gai góc đá sỏi, tim phổi đóng đầy bụi khói Bidong. Ôi! những người ty nạn đáng thương!

Bên cạnh, Duyên tay bông Bi đôi mắt cũng đỏ hoe vì chị Tư, chị Kiều bịn rịn. Tôi và nàng cùng đi mà không biết chum mình đang bước, tâm trạng bông bênh. Chiêu cầm dùm cái xách tay, đang lầm lũi đi phía trước. Chắc nó cũng xúc động dữ lắm, đầu cúi gằm. Nó đưa anh em tôi xuống tận ghe, sắp xếp hành lý đầu đó xong xuôi, rồi mới từ già trở về.

Ghe còn phải đợi làm thủ tục lâu lắc nên chưa mở đò. Tôi ngồi bên be thuyền nhìn thẳng xuống bên dưới. Nước biển buổi sáng trong veo, những tia nắng vàng nhạt long lanh chiếu sâu thăm thẳm. Tôi nhìn thấy hàng triệu triệu con cá lớn bằng bàn tay bơi lội nhón nhợ, chúng lượn qua lượn lại đều đặn nhịp nhàng như có một động lực vô hình nào điều khiển. Trên kia dáng núi Bidong to sầm, khu định cư nhỏ xíu. Một đám khói xám bao phủ mịt mù dưới chum núi trông như một đám mây mù chiều mưa. Cuộc sinh hoạt của những bạn bè thân yêu của tôi diễn ra âm thầm trong đó. Tôi chợt cảm thấy khối núi đá to sầm sập kia như đè hết sức nặng ngàn cân lên trên đám người ty nạn khốn khổ lúc nhúc bên dưới. Bidong thiệt gian khổ mà cũng thiệt thân thương gần gũi. Biết bao giờ tôi mới có

dịp trở lại chôn này?

Ghe đã nổ máy sắp khởi hành. Tôi cố nhìn cho thật rõ Bidong một lần nữa.

Trời ơi! Dưới góc dờ ở đầu cầu tàu, Chiêu vẫn còn khoanh tay đứng trông trời..., một mình!

*\*Trích trong Tỳ Bà Hành, Đường Thi Tam Bách Thủ, thất ngôn cổ thi của Bạch Cư Dị. Phan Huy Vịnh dịch: Quạnh hơi thu, lau lách đìu hiu.*

*-Đường Thi của Trần Trọng Kim ghi là :Phong diệp lô hoa thu sắt sắt.*

\*\*\*

Marang, ngày... tháng...

Anh chị Tư, Út Trung, Sơn và các bạn thân mến,

Vợ chồng tôi đã tới Marang này vào lúc bốn giờ chiều, được ở tạm đây nghỉ ngơi hai ngày, rồi đi tiếp tới trại chuyển tiếp Convent ở thủ đô Kuala Lumpur (Convent Transit Camp) nên rần tìm cách gửi bức thư này về Bidong, để anh chị và các bạn, đọc cho biết đoạn đường sẽ qua của mọi người trong thời gian sắp tới. Tôi nhớ Bidong, nhớ anh chị và các bạn nhiều lắm...

Đây là cuộc di chuyển lần thứ ba trên biển. Từ Việt Nam đến đảo Kapas, từ Kapas đến Bidong. Bây giờ là từ Bidong qua Kuala Trengganu, toàn đi bằng ghe. Hai đoạn đường trên đây nguy hiểm bất trắc mà sao tôi không cảm thấy sợ hãi. Duy có đoạn đường này đi vào buổi sáng, chừng ba tiếng đồng hồ là tới, biển lại êm trời đẹp ghe tốt, vậy mà tôi lại cảm thấy sờ sợ. Có lẽ gần tới nơi an toàn rồi, rủi ro có bề gì thì uống công toi. Cái mạng mình lúc trước là đồ bỏ, bây giờ lại thấy quý. Mà càng quý trọng lại càng sợ chết!

Cũng may sáng đó trời đẹp. Biển lấp lánh sóng bạc, chiếc ghe lướt êm xuôi. Vì ít người nên ngồi đứng thoải mái hơn trên chiếc BL1648 của anh em mình. Ghe đi dọc theo bờ biển Mã Lai. Tôi thấy từng rặng núi lướt qua, nối tiếp không dứt. Xứ Mã Lai này có lẽ chỉ toàn là núi rừng, ít đồng bằng. Độ giữa trưa thì tới Kuala Trengganu. Đó là một thị trấn cực bắc của Mã Lai, nằm ngay trên cửa sông, nhỏ nhưng xinh xắn. Nhà cửa Mã Lai màu sắc sặc sỡ, xe cộ mới tinh. Gần ba tháng nay sống xa khuất ánh sáng văn minh, bây giờ được nhìn thấy lại nhà cửa, xe cộ, điện nước, mừng quá. Ai nấy như mán rừng về thành phố nô náo, sung sướng, cứ luôn miệng hít hà, nhà cao quá, xe đẹp quá, cái gì cũng mê quá trời. Còn thằng Dân gì đó, thì thôi, khỏi nói. Cái miệng nó cứ tía lia 'gì đó', 'gì đó' liên tu bất tận. Từ ngoài biển khơi ghe đâm thẳng vô cửa sông. Nơi đây có bãi cát lòi ra tận ngoài xa. Cửa sông rất rộng, bề ngang chừng hai tới ba cây số. Có nhiều xác ghe tàu mục nát của Việt Nam mình nằm chơ vơ. Nhiều người đã ở đây nói rằng, có nhiều ghe vượt biên bị chìm vì không biết bãi cạn, vướng vào cồn cát. Một số bị đuối xô ra, lật chết nhiều lắm!

Ghe cặp vào cầu tàu bằng xi măng rất lớn. Bến cảng hoạt động rộn rịp. Trời nắng chói chang, kiếm một bóng mát không có, tất cả đứng lóng nhóng trên cầu chờ xe buýt đến đón để đi tiếp lộ trình. Chờ mãi không thấy xe đâu, tôi đành kiếm

chỗ tránh nắng, ngồi núp dưới một đống ván. Cạnh bên có một cặp vợ chồng với bảy đứa con nhỏ lồi thối, léch thếch. Người chồng đen đúa, ăn mặc đơn sơ, người vợ đáng lam lũ vạch vú cho con bú, tay cầm nón lá quạt phành phạch. Thoáng nhìn thì có vẻ nông dân hay ngư phủ. Tôi lân la chào hỏi làm quen, biết được họ cùng đi Canada. Đợt này đi đông lắm vì ngoài người đi Canada, còn có nhóm đi Mỹ và Úc nữa. Lúc nhơn viên Liên Hiệp Quốc tới đón, các đại diện Việt Nam mình ra nói chuyện, nhiều người nói rất giỏi và lưu loát. Tôi rần rắng nghe mà chỉ hiểu được vài tiếng, tức mình vì quá dốt, đành quay trở về ngồi núp nắng với cặp vợ chồng nông dân kia cho đỡ quê!

Xe buýt đến. Trước khi đi, mỗi người được phát cho hai gói cơm còn nóng, đựng trong bao ny lông, có một trứng gà và một miếng gan bò luộc. Mấy hộp trà hoa cúc. Tôi đi đường còn mệt, trời lại quá nóng nên ăn không vô. Thành phố Trengganu đẹp quá, nó được cất trên một ngọn đồi. Các công viên trông bông rất đẹp, đường xá sạch bóng, xe chạy bên trái như bên Anh. Ra khỏi thành phố, xe chạy dọc theo bờ biển. Đường ven theo chum núi, quanh co, nhà cửa sơn màu sắc sỡ cát rải rác dọc theo hai bên đường. Ít thấy đồng bằng và ruộng lúa. Người dân quê Mã cũng ăn mặc đẹp đẽ. Xe chạy độ hai tiếng là tới Marang, ghé vào một villa rất lớn, trơ trọi giữa đồng. Đây là nơi nghỉ tạm vài ngày để đi Kuala Lumpur. Tôi kiếm một phòng trống trên lầu rồi sắp xếp hành lý nghỉ ngơi. Nhà cất bằng cây rộng lớn nguy nga, chia làm mấy chục phòng. Tầng trệt có nhiều giường đôi, sắp thành hàng dài. Thấy người ta ùa qua bên kia đường ăn hàng, mấy đứa em và Duyên cũng bắt chước nhau đi mua. Bên quán có bán chocolat sữa lạnh, cà rem, nước đá. Giá cả rất rẻ so với Bidong của mình. Đã quá, anh Tư ơi! tôi mê thiệt tình. Anh tưởng tượng đi, mấy tháng trời cả đám chết khô, bây giờ lại có nước đá lạnh. Tôi cầm chai Coca, chưa uống mà đã thấy sảng, mát lạnh cả hai tay. Thiên hạ kéo nhau đi mua rần rần. Được cái con nhỏ bán quán coi cũng ngộ hết sức. Mai mốt anh có ghé qua đây nhớ mua cà rem, nước đá, rồi thử nhìn coi lời quảng cáo của tôi có đúng không. Phải rần học chút đỉnh tiếng Anh nghe, tôi ham nói chuyện nên môi tay quá!

Ở dưới sân rộng, có cất nhiều trại nhỏ cho người ta nghỉ mát, có mắc võng ở các gốc cây, có giếng nước để uống và tắm rửa, có củi cả đống để nấu nướng, nghĩa là có đủ mọi tiện nghi cho người tỵ nạn sử dụng. Tôi đi lang thang dọc theo bờ biển nhìn tuốt ra khơi xa tí mù, thấy có một hòn đảo xanh xanh ở chum trời. Rán nhìn cho kỹ, thấy cái cầu tàu bằng sắt sừng sững. Cái cầu tàu này sao quen thuộc quá. Trời ơi! anh Tư ơi, đó là cầu tàu của đảo Pulau Kapas, cái đảo Dừa anh em mình trôi dạt đến hôm nào. Kỷ niệm đậm dạt dào. Khúc phim ngày đầu tiên đến đất Mã hiện trở lại trong óc tôi. Chỗ tôi hiện đứng đây là Marang, là nơi buổi sáng ghe mình tấp vào, Chiêu và Hiếu vì lo lắng an nguy của cả ghe, lội vào bờ bị đánh đập và bị bỏ rơi. Chiếc BL 1648 trôi dạt dờ mãi đến chiều tối mới tấp được vô Kapas đậu cặp cầu tàu này. Một tháng trời anh em mình làm Lỗ Bình Sơn nơi hoang đảo với tâm trạng hoang mang chờ đợi... Bây giờ tôi đã được trở lại đây, nhìn Kapas một lần nữa, đậm nhớ và như thấy anh chị, anh chị Thuần, vợ chồng Quách Linh Hoạt, Út Trung, Sơn, Chị Diệp, chị Kiều, chị Huệ, Hủ Tiểu, Nhựt Bồn,... nói chung tất cả những người đã cùng nhau chia xẻ nỗi gian lao của chiếc

BL 1648... Phải chi cả đám được đi một lượt đến đây thì vui biết bao nhiêu. Trọn cả buổi chiều còn lại, tôi nằm trên võng đong đưa dưới tàn cây râm mát, nhìn qua đảo Dừa mà ngủ ngùi...

Bãi biển chỗ này mọc nhiều cây phi lao và dừa. Sân cỏ đầy chim sáo mỏ vàng và mèo. Có vài xác ghe vượt biên rải rác nằm đây đó. Có lẽ cũng tại nơi này, Chiêu đã xúc con ruốc để phơi khô trong những ngày nó lạc loài với Hiếu ở đây. Chiều nay ăn phần cơm phát buổi trưa, có thêm canh cải bẹ xanh nấu với dầu dừa, hôi hôi mà đói quá cũng rán nuốt...

Lúc đó tụi em đi chơi vẫn vợ có dịp nói chuyện với cặp vợ chồng lam lũ bầy con kia. Lúc đó tụi nó mới té ngựa, người chồng là giám đốc một công ty ngoại quốc nổi tiếng ở Sài Gòn, vợ là chuyên viên bộ Kinh Tế. Hai vợ chồng từng du học ở Toronto Canada trên tám năm. Vậy mà từ đầu đến cuối không hề nghe hai người nói một câu tiếng Tây hay tiếng Anh nào. Ai nghe qua cũng ngẩn ngơ kính phục. Công phu hàm dưỡng của hai người thiệt cao cường. Rồi tôi ngấm nghĩ tự xấu hổ. Bản thân mình dốt rồi cứ tưởng ai cũng dốt như mình! Tôi lại được dịp làm quen với cặp vợ chồng này, biết được nhiều chuyện thú vị của xứ Canada. Các câu chuyện trong trại tỵ nạn thì không bao giờ dứt được.

Ngày hôm sau tôi qua phòng chung của trại, thấy trên bàn có cuốn báo Văn Nghệ Tiền Phong, số Tân Niên 1979. Buồn ngủ gập chiếu manh, tôi cầm tờ báo đọc ngấu nghiến. Lật tới lật lui gặp được bài thơ hay, tựa là Ta Đã Tới của tác giả Đăng Trình. Tôi đọc cho cả đám nghe, ai nấy đều xúc động ngậm ngùi. Chuyện người tỵ nạn ở Bidong chỉ biết *'thương một đời hai chữ Việt Nam thôi'* Tâm sự của tác giả mà cũng là tâm sự của anh em mình... Tiện đây tôi chép lại để anh chị và các bạn đọc cho qua những ngày dài chờ đợi.

### TA ĐÃ TỚI

*Ta đã tới dung thân miền đất lạ  
Chiều Pulau lồng lộng gió bi thương  
Lòng gập lòng sao nhớ quá quê hương  
Lỡ đánh mất sau lưng đời phiêu bạt  
Ôi! Mẹ già chiều Trường Sơn lây lất  
Ôi! Đất cha khoai sắn độn từng ngày  
Ôi! Đường xưa máu nhuộm tóc thơ ngây  
Giặc đã đến dựng công trường tập thể  
Tuổi trẻ không trường, nhà buôn thiếu chợ  
Quê hương mình xa xót lắm người ơi!  
Nghĩa sống gì đâu khi mất cuộc đời  
Giặc cướp trọn trong vòng tay sắt máu  
Lớn bé trẻ già bỏ nơi nương náu  
Ngày thâu đêm quân quật đói từng cơn  
Thân làm bia đỡ đạn đạn tử hờn  
Thương quá thôi -bạn bè ơi biệt*

*Giặc trả thù có mấy ai được biết  
Lần ra đi là trăm vạn ngày thương  
Buồn nào hơn người vợ trẻ khóc chồng  
Tim thắt héo chạy theo nguồn dư lệ  
Khổ nào hơn mẹ già nua kể lễ  
'Suốt cả đời mới gặp cảnh tang thương  
Sống quê hương chịu chết một quê hương'*

\*

*Ta đã tới dung thân miền đất lạ  
Nghe ngậm ngùi thương tiếc một tình quê  
Nghe hồn đau chia cắt mấy dặm về  
Mà rung rức lệ hờn căm tê tái  
Ai ra đi không thương người ở lại  
Nơi quê nghèo rách áo cả đôi com  
Đất của ta sống tử nhục gông cùm  
Nước của ta mà ba miền ruột cắt  
Kể tới người đi pha mùi nước mắt  
Chuyện ba năm áp ủ mấy đau buồn  
Những đầu xanh héo úa tự buổi non  
Và tuổi bạc chìm sâu vào sức sống  
Ta đã tới miền hồi sinh sống động  
Đi trên hoa nghe lá gọi Sài Gòn  
Nghe trong hôn rạo rức chút héo hon  
Như vỡ lẽ cả muôn trùng sóng dậy  
Huế -Sài Gòn -Hà Nội xa lạ mấy  
Đến bao giờ nói lại một câu thương?*

\*

*Ta đã tới dung thân miền đất lạ  
Tình bao la trang trải mấy cho vira  
Như dòng sông nhớ nhớ mãi nguồn xưa  
Như mây biếc ôm khung trời tưởng vọng  
Dù vai đời mang hai dòng ý sống  
Ta vẫn hoài đan dệt mộng quê hương  
Vẫn thương em cách biệt lắm dặm trường  
Ghi dấu mãi ngày đầu tiên xa xứ  
Ta nằm lại bên bờ thương bến lạ  
Giương ngọn cờ bắt khuất mãi trong tay  
Lửa sục sôi tim mắt sáng từng ngày  
Lòng hướng tới chan đầy bầu nhiệt huyết  
Thương một đời hai chữ Việt Nam thôi.*

Malaysia 11, 1978

Đăng Trình

(trong Văn Nghệ Tiền Phong, Số Tân Niên 1979)

Cái điệu này chắc cả đời, dầu trôi giạt đến tận đâu di nữa, tôi cũng không quên được những ngày tháng ở Bidong của anh em tụi mình, anh Tư ơi!

Thương mến,

**Võ Kỳ Điền**

**(Trích Pulau Bidong Miền Đất Lạ)**